



**DANH SÁCH SINH VIÊN (DỰ KIẾN) ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT
HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HK1 (2023 - 2024)**

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1	202520221	HỒ TRUNG	HIẾU	07/06/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	7,32	80	Khá	40%	10.350.000	4.140.000	
2	202520222	TRẦN MẠNH	HOÀNG	04/07/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,59	70	Khá	40%	11.610.000	4.644.000	
3	2025200037	TRẦN QUỐC	KHANG	02/05/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,51	70	Khá	40%	11.314.000	4.525.600	
4	2025200085	QUAN NGỌC	LÂM	27/10/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	7,73	80	Khá	40%	10.350.000	4.140.000	
5	2025200202	PHÙNG QUANG	MINH	21/12/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	8,49	74	Khá	40%	11.970.000	4.788.000	
6	2025200093	ĐẶNG THANH	PHÚ	05/08/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,75	70	Khá	40%	12.934.000	5.173.600	
7	2025200044	NGUYỄN PHƯỚC ĐÌNH	PHÚC	31/07/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	8,54	78	Khá	40%	11.970.000	4.788.000	
8	2025200108	NGUYỄN TĂNG	TRỌNG	28/10/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,34	85	Khá	40%	12.934.000	5.173.600	
9	2025200107	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	21/04/2000	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	22	8,05	90	Giỏi	60%	15.184.000	9.110.400	
10	2025200088	PHAN VĂN	VIỄN	14/07/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,56	91	Khá	40%	11.610.000	4.644.000	
11	2025200016	PHAN QUỐC	VIỆT	26/04/2002	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,42	70	Khá	40%	11.610.000	4.644.000	
12	2025200026	TRẦN VĂN	VIỆT	28/03/2001	Lớp 11DHCDT1	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,66	80	Khá	40%	11.610.000	4.644.000	
13	2025203007	PHÙNG CHẤN	HÀO	17/08/2002	Lớp 11DHCDT2	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,08	70	Khá	40%	11.810.000	4.724.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
14	2025207683	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	09/10/2002	Lớp 11DHCDT2	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	8,18	88	Giỏi	60%	11.610.000	6.966.000	
15	2025202048	TRẦN HỮU	QUAN	03/09/2002	Lớp 11DHCDT2	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,48	80	Khá	40%	11.610.000	4.644.000	
16	2025207682	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	04/09/2002	Lớp 11DHCDT2	Khoa Công nghệ Cơ khí	20	7,29	80	Khá	40%	13.564.000	5.425.600	
17	2025202050	PHAN HOÀNG	SA	21/01/2002	Lớp 11DHCDT2	Khoa Công nghệ Cơ khí	21	7,56	74	Khá	40%	14.258.000	5.703.200	
18	2025207660	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	24/01/2002	Lớp 11DHCDT3	Khoa Công nghệ Cơ khí	20	7,45	74	Khá	40%	13.840.000	5.536.000	
19	2025207749	NGUYỄN QUANG	MINH	06/09/2002	Lớp 11DHCDT3	Khoa Công nghệ Cơ khí	22	7,89	80	Khá	40%	14.824.000	5.929.600	
20	2025202042	NGUYỄN HỮU THANH	NHÀN	18/10/2002	Lớp 11DHCDT3	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,57	70	Khá	40%	11.610.000	4.644.000	
21	2025207681	PHẠM TRUNG	TÍN	12/11/2002	Lớp 11DHCDT3	Khoa Công nghệ Cơ khí	20	7,86	117	Khá	40%	13.744.000	5.497.600	
22	2003202034	TRẦN	TRUNG	23/12/2002	Lớp 11DHCK1	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	8,49	70	Khá	40%	10.730.000	4.292.000	
23	2003204509	ĐỖ QUANG	TRƯỜNG	27/11/2002	Lớp 11DHCK1	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,04	70	Khá	40%	13.582.000	5.432.800	
24	2003209800	PHAN THANH	HUY	15/07/2002	Lớp 11DHCK2	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	7,91	74	Khá	40%	10.840.000	4.336.000	
25	2025210127	Hồ Ngọc	Thạch	11/06/2003	Lớp 12DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	8,32	117	Giỏi	60%	11.876.000	7.125.600	
26	2025216909	Nguyễn Thành	Luân	07/02/2003	Lớp 12DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	8,36	95	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
27	2025216821	Phạm Đại	Cương	22/09/2003	Lớp 12DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,26	74	Khá	40%	12.946.000	5.178.400	
28	2025210446	Trần Đình Gia	Huy	06/05/2003	Lớp 12DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	7,13	105	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
29	2025216917	Lê Văn	Minh	25/04/2003	Lớp 12DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,71	164	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
30	2025210420	Nguyễn Hữu Duy	Phong	08/01/2003	Lớp 12DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	20	8,74	133	Giỏi	60%	14.556.000	8.733.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
31	2025216949	Võ Đoàn Thanh	Phú	02/11/2003	Lớp 12DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	22	7	74	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
32	2025211080	Trần Quốc	An	31/10/2003	Lớp 12DHCDT04	Khoa Công nghệ Cơ khí	23	8,13	102	Giỏi	60%	16.438.000	9.862.800	
33	2025211068	Nguyễn Viết	Duy	28/04/2003	Lớp 12DHCDT04	Khoa Công nghệ Cơ khí	21	7,44	88	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
34	2025210358	Trần Quốc	Khôi	11/02/2003	Lớp 12DHCDT04	Khoa Công nghệ Cơ khí	21	8,55	84	Giỏi	60%	14.842.000	8.905.200	
35	2025210343	Tôn Trần Tuấn	Kiệt	09/01/2003	Lớp 12DHCDT04	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	7,82	74	Khá	40%	10.870.000	4.348.000	
36	2025211072	Đỗ Đức	Tín	28/05/2003	Lớp 12DHCDT04	Khoa Công nghệ Cơ khí	21	8,67	88	Giỏi	60%	14.842.000	8.905.200	
37	2003216664	Huỳnh Huy	Hòa	16/11/2003	Lớp 12DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,88	70	Khá	40%	14.270.000	5.708.000	
38	2003216652	Huỳnh Minh	Hải	01/06/2003	Lớp 12DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	20	7,15	117	Khá	40%	14.504.000	5.801.600	
39	2003216654	Nguyễn Văn	Hải	22/03/2003	Lớp 12DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,7	74	Khá	40%	12.570.000	5.028.000	
40	2003216646	Hà Huỳnh	Đức	10/04/2003	Lớp 12DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	7,7	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
41	2003210409	Trịnh Thanh	Phong	22/10/2003	Lớp 12DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	8,35	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
42	2003216756	Biện Quang	Tây	22/11/2003	Lớp 12DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	23	8,08	84	Giỏi	60%	17.054.000	10.232.400	
43	2003216768	Huỳnh Hữu	Tiến	28/11/2002	Lớp 12DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	7,53	70	Khá	40%	11.246.000	4.498.400	
44	2003210408	Vũ Quang	Trung	01/09/2003	Lớp 12DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	22	7,57	80	Khá	40%	16.460.000	6.584.000	
45	2003216786	Hoàng Đức	Tuấn	25/09/2003	Lớp 12DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	7,61	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
46	2003210405	Huỳnh Trúc	Uyên	07/06/2003	Lớp 12DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	8,32	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
47	2042211281	Nguyễn Vũ	Duy	20/07/2003	Lớp 12DHKTN	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	8,53	86	Giỏi	60%	13.104.000	7.862.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
48	2042210701	Nguyễn Vũ	Hòa	08/12/2003	Lớp 12DHKTN	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	8,2	82	Giỏi	60%	12.292.000	7.375.200	
49	2042210693	Nguyễn Tuấn	Kiệt	06/12/2003	Lớp 12DHKTN	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	8,29	74	Khá	40%	12.292.000	4.916.800	
50	2042210054	Nguyễn Hữu	Phước	10/07/2003	Lớp 12DHKTN	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	8,42	87	Giỏi	60%	12.292.000	7.375.200	
51	2042210043	Vô Văn Hoài	Yên	04/03/2003	Lớp 12DHKTN	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	8,54	85	Giỏi	60%	10.968.000	6.580.800	
52	2025221324	Nguyễn Văn	Hậu	07/03/2004	Lớp 13DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,81	78	Khá	40%	12.410.000	4.964.000	
53	2025221986	Bàng Kiến	Khang	23/01/2004	Lớp 13DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,02	74	Khá	40%	12.410.000	4.964.000	
54	2025222469	Nguyễn Hữu	Lộc	20/09/2004	Lớp 13DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,05	91	Khá	40%	13.870.000	5.548.000	
55	2025224050	Nguyễn Phạm Hữu	Quyền	27/08/2004	Lớp 13DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,24	84	Khá	40%	13.870.000	5.548.000	
56	2025224652	Nguyễn Vũ Duy	Thái	28/05/2004	Lớp 13DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,99	84	Khá	40%	13.870.000	5.548.000	
57	2025224920	Nguyễn Hoàng	Thiết	22/02/2004	Lớp 13DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	8,4	101	Giỏi	60%	13.870.000	8.322.000	
58	2025224410	Phạm Gia	Tiến	01/12/2004	Lớp 13DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,12	74	Khá	40%	13.870.000	5.548.000	
59	2025221186	Lê Nhật	Hào	14/05/2004	Lớp 13DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,52	80	Khá	40%	12.410.000	4.964.000	
60	2025221369	Phan Bá	Hiền	17/07/2004	Lớp 13DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,35	80	Khá	40%	13.870.000	5.548.000	
61	2003221577	Lê Phi	Hùng	10/12/2004	Lớp 13DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,67	74	Khá	40%	12.410.000	4.964.000	
62	2003220922	Lai Mạnh	Đạt	01/06/2004	Lớp 13DHCK03	Khoa Công nghệ Cơ khí	17	7,95	74	Khá	40%	12.410.000	4.964.000	
63	2042221497	Đình Văn	Hoàng	02/07/2004	Lớp 13DHKTN01	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	7,07	74	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
64	2042221688	Nguyễn Hoàng	Huy	22/10/2004	Lớp 13DHKTN01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,16	82	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
65	2042223703	Trần Quang	Phú	22/12/2004	Lớp 13DHKTN01	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	7,94	82	Khá	40%	13.483.000	5.393.200	
66	2042226255	Lí Văn	Phát	14/02/2004	Lớp 13DHKTN02	Khoa Công nghệ Cơ khí	15	7,69	76	Khá	40%	11.565.000	4.626.000	
67	2042223616	Trần Hoài	Phát	18/06/2004	Lớp 13DHKTN02	Khoa Công nghệ Cơ khí	18	7,51	80	Khá	40%	13.755.000	5.502.000	
68	2025230031	Lê Phạm Trung	Dương	19/05/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,24	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
69	2025230029	Huỳnh Thanh Khánh	Duy	01/04/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	8,13	89	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
70	2025230055	Vũ Hoàng	Hiệp	26/12/2004	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,22	99	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
71	2025230068	Nguyễn Hoàn	Huân	19/08/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,29	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
72	2025230077	Kim Minh	Huy	07/03/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,72	87	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
73	2025230078	Nguyễn Minh	Huy	02/02/2004	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,05	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
74	2025230097	Phạm Duy	Khang	23/11/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,07	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
75	2025230092	Lý Thanh	Kiệt	05/08/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,12	88	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
76	2025230093	Phạm Anh	Kiệt	08/06/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,89	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
77	2025230116	Lê Nguyễn Quang	Lộc	24/12/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,89	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
78	2025230126	Nguyễn Anh	Minh	21/07/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	19	7,41	88	Khá	40%	16.205.000	6.482.000	
79	2025230136	Nguyễn Hoài	Nam	01/11/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7	102	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
80	2025230144	Phạm Thành	Nguyên	01/07/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,48	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
81	2025230186	Võ Minh	Tại	26/09/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,68	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
82	2025230219	Nguyễn Đức	Thắng	31/12/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,76	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
83	2025230215	Châu Tiến	Thành	14/03/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,65	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
84	2025230214	Dương Văn	Thành	03/01/2005	Lớp 14DHCDT01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,43	96	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
85	2025230012	Phạm Tuấn	Anh	10/01/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,35	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
86	2025230054	Vũ Xuân	Hiệp	09/07/2004	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,88	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
87	2025230134	Ngô Giang	Nam	15/09/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,74	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
88	2025230131	Nguyễn Nhựt	Nam	22/09/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,1	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
89	2025230140	Dương Văn Đình	Nghĩa	14/10/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,48	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
90	2025230157	Trương Minh	Phi	13/04/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,27	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
91	2025230188	Lê Minh	Tân	06/11/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,35	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
92	2025230210	Phạm Quốc	Thái	05/04/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,61	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
93	2025230193	Nguyễn Văn	Tín	05/07/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	8,15	88	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
94	2025230194	Phan Trung	Tín	11/01/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,14	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
95	2025230206	Đỗ Văn	Tường	08/04/2005	Lớp 14DHCDT02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,16	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
96	2025230035	Lê Mẫn	Đạt	13/12/2005	Lớp 14DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,87	92	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
97	2025230027	Lư Nhựt	Duy	17/06/2005	Lớp 14DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	8,13	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
98	2025230209	Nguyễn Hồng	Thái	18/08/2005	Lớp 14DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,84	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
99	2025230229	Đặng Quốc	Thương	24/10/2005	Lớp 14DHCDT03	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,13	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
100	2003230003	Nguyễn Hoàng	An	25/05/2005	Lớp 14DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	8,11	125	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
101	2003230004	Vô Tấn	An	18/06/2005	Lớp 14DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,03	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
102	2003230014	Vô Trung	Bảo	13/12/2005	Lớp 14DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,51	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
103	2003230026	Hồ Công	Danh	02/05/2005	Lớp 14DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,06	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
104	2003230115	Lý Phạm Anh	Phúc	26/09/2005	Lớp 14DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,24	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
105	2003230123	Thạch Lý Minh	Sang	27/05/2005	Lớp 14DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,29	92	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
106	2003230128	Vô Văn Hoàng	Sơn	31/05/2004	Lớp 14DHCK01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	8,33	92	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
107	2003230035	Quách Trọng	Đạo	17/01/2005	Lớp 14DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,56	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
108	2003230051	Bùi Trung	Hiếu	20/06/2005	Lớp 14DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,74	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
109	2003230107	Trần Hào	Phát	16/01/2005	Lớp 14DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,48	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
110	2003230111	Nguyễn Thanh	Phong	01/08/2005	Lớp 14DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,89	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
111	2003230146	Vô Tấn	Tứ	17/02/2005	Lớp 14DHCK02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,43	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
112	2042231485	Hoàng Đình	Lập	31/08/2005	Lớp 14DHKTN01	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	8,12	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
113	2042230021	Đỗ Viết	Hùng	12/11/2005	Lớp 14DHKTN02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,46	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
114	2042231423	Lê Thanh	Nam	14/03/2005	Lớp 14DHKTN02	Khoa Công nghệ Cơ khí	16	7,03	88	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
115	2002200042	TRẦN VĂN	ĐÔNG	20/07/2001	Lớp 11DHDT1	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	25	8	74	Khá	40%	17.210.000	6.884.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
116	2002200222	NGUYỄN VĂN	HUY	08/08/2002	Lớp 11DHDT1	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	27	7,79	70	Khá	40%	18.534.000	7.413.600	
117	2002207774	TRẦN VĂN	KHÁNH	16/10/2002	Lớp 11DHDT2	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	21	8,65	107	Giỏi	60%	14.490.000	8.694.000	
118	2002209001	Lê Quốc	Thiện	06/03/2002	Lớp 11DHDT3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	25	8,9	70	Khá	40%	17.150.000	6.860.000	
119	2032200105	LẠI TIẾN	ANH	29/05/2002	Lớp 11DHTDH1	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	23	8,57	70	Khá	40%	15.210.000	6.084.000	
120	2032202004	NGUYỄN TUẤN	ANH	02/02/2002	Lớp 11DHTDH2	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,48	77	Khá	40%	12.690.000	5.076.000	
121	2032200136	TRẦN ANH	KIỆT	29/08/2002	Lớp 11DHTDH2	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	21	8,59	81	Giỏi	60%	13.950.000	8.370.000	
122	2032202046	LÊ LÂM	THẮNG	16/02/2002	Lớp 11DHTDH2	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	8,69	77	Khá	40%	11.430.000	4.572.000	
123	2032202055	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRÚC	17/10/2002	Lớp 11DHTDH2	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	21	8,81	77	Khá	40%	13.950.000	5.580.000	
124	2032207958	NGUYỄN MINH	CUÔNG	08/01/2002	Lớp 11DHTDH3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	23	8,38	70	Khá	40%	15.210.000	6.084.000	
125	2032207942	NGUYỄN ANH	ĐỨC	18/03/2002	Lớp 11DHTDH3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	23	8,29	94	Giỏi	60%	15.210.000	9.126.000	
126	2032207966	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	30/05/2001	Lớp 11DHTDH3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,17	70	Khá	40%	12.690.000	5.076.000	
127	2032207928	HOÀNG VĂN NGỌC	HOÀNG	03/08/2002	Lớp 11DHTDH3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,06	70	Khá	40%	12.690.000	5.076.000	
128	2032204651	NGUYỄN MINH	HOÀNG	22/07/2002	Lớp 11DHTDH3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,13	97	Giỏi	60%	12.690.000	7.614.000	
129	2032207954	ĐẠI NHẬT	QUANG	15/11/2002	Lớp 11DHTDH3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	23	8,39	94	Giỏi	60%	15.210.000	9.126.000	
130	2032207941	TRẦN TUẤN	TÀI	22/11/2002	Lớp 11DHTDH3	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	23	7,49	94	Khá	40%	15.210.000	6.084.000	
131	2002211109	Hồ Quang	Minh	06/06/2003	Lớp 12DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	8,14	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
132	2002217226	Phạm Nguyễn Thanh	Sơn	07/09/2003	Lớp 12DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	15	7,96	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
133	2002210206	Lê Thạch Anh	Tài	25/06/2002	Lớp 12DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,84	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
134	2002210419	Vũ Đức	Nhật	07/09/2003	Lớp 12DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,27	70	Khá	40%	12.096.000	4.838.400	
135	2002211128	Nguyễn Doãn	Hiệp	04/02/2002	Lớp 12DHDT03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	7,8	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
136	2002210238	Nguyễn Hữu	Thọ	27/03/2003	Lớp 12DHDT04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,52	80	Giỏi	60%	14.232.000	8.539.200	
137	2002210173	Hồ Đình	Nhật	17/11/2003	Lớp 12DHDT05	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	22	8,08	98	Giỏi	60%	16.016.000	9.609.600	
138	2002210031	Trần Thanh	Trọng	01/11/2003	Lớp 12DHDT05	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	7,98	151	Khá	40%	13.180.000	5.272.000	
139	2002217218	Trần Quang	Quy	19/09/2003	Lớp 12DHDT06	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	20	7,4	70	Khá	40%	14.556.000	5.822.400	
140	2002217246	Lê Quốc	Thái	18/01/2003	Lớp 12DHDT06	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	7,78	72	Khá	40%	13.822.000	5.528.800	
141	2032210005	Bùi Quan	Huy	20/08/2003	Lớp 12DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,03	100	Khá	40%	11.104.000	4.441.600	
142	2032217349	Hà Quốc	Cường	12/04/2003	Lớp 12DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,61	78	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
143	2032217332	Nguyễn Tuấn	Anh	21/10/2003	Lớp 12DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	8,4	77	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
144	2032217344	Mai Xuân	Chiến	25/09/2003	Lớp 12DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,22	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
145	2032217454	Nguyễn Trung	Kiên	10/11/2003	Lớp 12DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,76	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
146	2032217534	Phạm Nguyễn Hoàng	Quân	08/11/2003	Lớp 12DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,63	80	Khá	40%	12.130.000	4.852.000	
147	2032217473	Nguyễn Hữu	Lộc	06/03/2003	Lớp 12DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,82	92	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
148	2032217492	Chau Vanh	Nách	01/04/2003	Lớp 12DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,76	76	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
149	2032217588	Vô Nguyễn	Trí	13/04/2003	Lớp 12DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	8,25	74	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
150	2032210417	Trần	Hoàn	17/07/2003	Lớp 12DHTDH05	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	15	8,16	70	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
151	2032212282	Nguyễn Minh	Hoàng	13/04/2003	Lớp 12DHTDH05	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	8,4	97	Giỏi	60%	12.843.000	7.705.800	
152	2032217437	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/2003	Lớp 12DHTDH05	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,26	112	Giỏi	60%	13.695.000	8.217.000	
153	2032210409	Đào Đặng Anh	Tuấn	15/11/2003	Lớp 12DHTDH05	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,49	70	Khá	40%	10.968.000	4.387.200	
154	2032210408	Nguyễn Huy	Cường	17/08/2003	Lớp 12DHTDH06	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	8,59	108	Giỏi	60%	13.253.000	7.951.800	
155	2032211135	Phạm Nhật	Hào	27/09/2003	Lớp 12DHTDH06	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,12	103	Giỏi	60%	11.993.000	7.195.800	
156	2032211143	Huỳnh Thiện	Khánh	23/08/2003	Lớp 12DHTDH06	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	20	7,94	70	Khá	40%	14.384.000	5.753.600	
157	2032211153	Lê Hữu	Nam	30/11/2003	Lớp 12DHTDH06	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,85	92	Giỏi	60%	13.518.000	8.110.800	
158	2032211188	Đoàn Hữu	Luân	12/03/2003	Lớp 12DHTDH07	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	8,34	86	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
159	2032217508	Phan Minh	Nhật	12/06/2003	Lớp 12DHTDH07	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,44	76	Khá	40%	11.104.000	4.441.600	
160	2032217518	Bùi Bảo	Phi	13/11/2003	Lớp 12DHTDH07	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,86	70	Khá	40%	11.754.000	4.701.600	
161	2032217565	Nguyễn Trần Hoài	Thi	29/05/2002	Lớp 12DHTDH07	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	8,35	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
162	2002220179	Lê Trọng Quốc	Anh	12/10/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,45	70	Khá	40%	13.435.000	5.374.000	
163	2002223591	Nguyễn Văn	Phát	05/02/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	23	8,48	104	Giỏi	60%	17.889.000	10.733.400	
164	2002223673	Nguyễn Trần Thanh	Phong	03/08/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	7,93	74	Khá	40%	13.435.000	5.374.000	
165	2002223921	Lương Minh	Quang	13/04/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	15	7,21	70	Khá	40%	11.157.000	4.462.800	
166	2002224176	Phan Chí	Sơn	19/08/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	8,35	109	Giỏi	60%	13.435.000	8.061.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
167	2002224657	Nguyễn Hoàng Thông	Thái	06/09/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	15	8,57	102	Giỏi	60%	11.565.000	6.939.000	
168	2002224676	Phạm Phong	Thanh	03/02/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	15	7,67	70	Khá	40%	11.565.000	4.626.000	
169	2002225865	Bùi Quang	Vinh	20/05/2004	Lớp 13DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	7,52	70	Khá	40%	14.559.000	5.823.600	
170	2002222657	Nguyễn Tấn	Minh	17/10/2004	Lớp 13DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	17	8,04	74	Khá	40%	13.435.000	5.374.000	
171	2032222341	Huỳnh Tấn	Linh	16/04/2004	Lớp 13DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,21	70	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
172	2032223758	Lâm Văn Trọng	Phúc	20/08/2004	Lớp 13DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	8,06	94	Giỏi	60%	13.414.000	8.048.400	
173	2032224399	Trần Thanh	Tiến	16/11/2004	Lớp 13DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	19	9,13	107	Xuất sắc	100%	14.076.000	14.076.000	
174	2032225853	Ngô Quốc	Việt	10/03/2004	Lớp 13DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,28	106	Giỏi	60%	12.090.000	7.254.000	
175	2032224280	Nguyễn Minh	Tâm	10/02/2004	Lớp 13DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,29	76	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
176	2032220285	Vũ Tăng	Ba	02/08/2004	Lớp 13DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	7,67	94	Khá	40%	12.868.000	5.147.200	
177	2032221861	Phạm Đức	Hường	30/12/2004	Lớp 13DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,29	67	Khá	40%	11.480.000	4.592.000	
178	2032221906	Trương Tuấn	Kiệt	21/11/2004	Lớp 13DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	8,16	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
179	2032224946	Võ Đức	Thịnh	31/05/2004	Lớp 13DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	8,02	90	Giỏi	60%	13.585.000	8.151.000	
180	2002230004	Hồ Đức Bình	An	01/12/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,21	98	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
181	2002230017	Nguyễn Đăng Thiện	Chí	09/09/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,68	79	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
182	2002230031	Triệu Minh	Đức	14/05/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,61	159	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
183	2002230037	Nguyễn Hữu	Hân	25/05/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,71	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
184	2002230043	Nguyễn Minh	Hòa	12/08/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,22	89	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
185	2002230071	Nguyễn Hữu	Khoa	31/03/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,17	76	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
186	2002230076	Tiêu Anh	Khôi	10/08/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,73	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
187	2002230098	Nguyễn Minh	Nhật	26/08/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,07	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
188	2002230105	Nguyễn Thanh	Phong	12/05/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,18	125	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
189	2002230141	Nguyễn Quốc	Thái	07/04/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,18	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
190	2002230151	Bùi Đức	Thịnh	23/12/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,44	72	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
191	2002230129	Ngô Hữu	Tiến	07/11/2005	Lớp 14DHDT01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,18	86	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
192	2002230075	Nguyễn Đăng	Khoa	05/01/2005	Lớp 14DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,69	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
193	2002230057	Hà Tuấn	Kiệt	06/08/2005	Lớp 14DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,03	76	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
194	2002230059	Nguyễn Trương Anh	Kiệt	16/10/2005	Lớp 14DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,68	80	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
195	2002230104	Hoàng Thanh	Phong	05/02/2005	Lớp 14DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,51	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
196	2002230166	Nguyễn Văn	Vũ	08/11/2005	Lớp 14DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,06	90	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
197	2002230167	Nguyễn Ngọc	Vương	30/06/2005	Lớp 14DHDT02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,18	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
198	2032230225	Huỳnh Hải	Đăng	12/11/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,53	84	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
199	2032230207	Phạm Quốc	Dũng	28/11/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,09	80	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
200	2032230239	Ngô Ngọc	Hân	07/08/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,41	94	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
201	2032230266	Trần Gia	Hung	24/11/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,41	80	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
202	2032230273	Nguyễn Minh	Kha	08/10/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,44	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
203	2032230345	Huỳnh Vũ	Phương	22/06/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,9	80	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
204	2032230350	Trần Thái	Quân	19/11/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,23	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
205	2032230361	Nguyễn Trung	Tài	27/04/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,7	76	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
206	2032230410	Trịnh Minh	Thuận	25/12/2005	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,19	73	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
207	2032230440	Nguyễn Hùng	Vỹ	22/05/2002	Lớp 14DHTDH01	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	18	7,64	111	Khá	40%	14.990.000	5.996.000	
208	2032230198	Nguyễn Đức	Cường	10/01/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,18	72	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
209	2032230224	Nguyễn Hải	Đăng	10/12/2004	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,66	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
210	2032230217	Lê Kim Tấn	Đạt	16/12/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,75	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
211	2032230215	Lê Văn	Đạt	28/09/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,2	95	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
212	2032230235	Nguyễn Thanh	Hào	11/04/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,48	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
213	2032230240	Hồ Văn	Hậu	26/10/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,51	100	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
214	2032230278	Nguyễn Quốc	Khánh	31/07/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,48	80	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
215	2032230312	Phạm Thành	Nam	10/10/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,48	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
216	2032230326	Phạm Văn	Nhất	23/03/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,81	80	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
217	2032230330	Võ Minh	Nhật	15/08/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,96	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
218	2032230363	Trần Thanh	Tâm	16/10/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,86	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
219	2032230396	Trần Đình	Thắng	30/11/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,35	76	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
220	2032230434	Nguyễn Văn Quốc	Việt	16/02/2005	Lớp 14DHTDH02	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,29	76	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
221	2032230251	Nguyễn Huy	Hoàng	22/03/2005	Lớp 14DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,26	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
222	2032230250	Nguyễn Văn	Hoàng	26/04/2000	Lớp 14DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,65	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
223	2032230280	Nguyễn Thế	Khánh	28/07/2005	Lớp 14DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,68	76	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
224	2032230324	Nguyễn Đức	Nhân	16/11/2005	Lớp 14DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,79	84	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
225	2032230395	Nguyễn Hữu	Thắng	18/09/2005	Lớp 14DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,01	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
226	2032230414	Vũ Thị Đoan	Trang	07/12/2004	Lớp 14DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,14	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
227	2032230442	Lê Tuấn	Vỹ	10/09/2005	Lớp 14DHTDH03	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,57	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
228	2032230186	Trần Nhật Thiên	Bảo	06/01/2005	Lớp 14DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,81	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
229	2032230222	Nguyễn Hải	Đăng	17/02/2005	Lớp 14DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,04	90	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
230	2032230254	Nguyễn Đức	Hùng	06/11/2005	Lớp 14DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,5	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
231	2032230279	Trần Gia	Khánh	03/12/2005	Lớp 14DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	22	8,3	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
232	2032230329	Bùi Yến	Nhi	05/07/2005	Lớp 14DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,19	121	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
233	2032230342	Nguyễn Thanh	Phúc	02/02/2005	Lớp 14DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	7,44	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
234	2032230356	Nguyễn Minh	Quyền	08/02/2005	Lớp 14DHTDH04	Khoa Công nghệ Điện - Điện tử	16	8,96	80	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
235	2004200206	ĐẶNG CHƯƠng	ĐÀI	25/11/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	19	8,33	96	Giỏi	60%	13.114.000	7.868.400	
236	2004203002	HUỖNH THỊ NGỌC	HIỀN	08/10/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	17	8,59	89	Giỏi	60%	11.790.000	7.074.000	
237	2004200018	VỖ PHAN GIA	HÙNG	11/03/1999	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	21	8,3	93	Giỏi	60%	14.835.000	8.901.000	
238	2004204643	HUỖNH QUỐC	KHANH	13/12/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,53	79	Khá	40%	11.790.000	4.716.000	
239	2004208058	PHẠM THỊ	LINH	22/08/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	17	8,28	83	Giỏi	60%	11.790.000	7.074.000	
240	2004208060	HUỖNH THỊ NGỌC	NGÂN	30/10/2001	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,64	83	Khá	40%	11.790.000	4.716.000	
241	2004200053	PHẠM THANH	NHÃ	26/03/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	21	8,06	90	Giỏi	60%	14.835.000	8.901.000	
242	2004208105	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	13/11/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	21	7,67	87	Khá	40%	14.374.000	5.749.600	
243	2004200033	BÙI THỊ THANH	THANH	20/03/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,65	80	Khá	40%	11.790.000	4.716.000	
244	2004200036	NÔNG HÀ	THANH	14/05/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,53	79	Khá	40%	12.790.000	5.116.000	
245	2004208104	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	08/09/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,85	79	Khá	40%	11.790.000	4.716.000	
246	2004200096	TRẦN CẨM	TOÀN	04/04/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,24	76	Khá	40%	12.790.000	5.116.000	
247	2004208064	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	27/06/2002	Lớp 11DHHH1	Khoa Công nghệ Hoá học	21	7,55	79	Khá	40%	14.995.000	5.998.000	
248	2004204722	NGUYỄN MÃN	ĐẠT	05/12/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	19	7,71	70	Khá	40%	12.510.000	5.004.000	
249	2004204581	NGUYỄN VĂN	ĐỂ	10/11/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,89	93	Giỏi	60%	10.620.000	6.372.000	
250	2004200062	HUỖNH THỊ KHÁNH	DƯ	10/04/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,6	73	Khá	40%	10.620.000	4.248.000	
251	2004200306	LÊ THỊ NGỌC	HÀ	25/02/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,33	73	Khá	40%	13.825.000	5.530.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
252	2004200073	VÕ GIA	HUY	10/11/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,48	70	Khá	40%	11.880.000	4.752.000	
253	2004200042	TRẦN LƯƠNG PHÚC	KHANG	20/12/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,87	70	Khá	40%	13.780.000	5.512.000	
254	2004200054	ĐOÀN THÀNH	LỘC	24/08/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,09	77	Khá	40%	10.620.000	4.248.000	
255	2004208041	ĐÌNH PHAN TÀI	LỢI	06/03/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,71	94	Giỏi	60%	10.620.000	6.372.000	
256	2004202013	PHAN NGUYỄN THÀNH	LUÂN	28/07/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,93	133	Giỏi	60%	10.620.000	6.372.000	
257	2004208061	PHẠM HUỠNH MINH	MẮN	25/09/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,15	83	Giỏi	60%	10.620.000	6.372.000	
258	2004203011	LÊ THỊ THANH	NGÂN	20/10/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,94	90	Khá	40%	10.620.000	4.248.000	
259	2004200218	VÕ THỊ HỒNG	NHUNG	30/11/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,47	73	Khá	40%	13.825.000	5.530.000	
260	2004208073	DƯƠNG TẤN	TÀI	20/11/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,88	83	Khá	40%	11.944.000	4.777.600	
261	2004200046	VÕ MINH	TÂM	18/02/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,16	83	Giỏi	60%	11.880.000	7.128.000	
262	2004208081	ĐỖ NGUYỄN THÙY	TRANG	10/11/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,26	73	Khá	40%	11.880.000	4.752.000	
263	2004208053	TRẦN THANH	TUYỀN	16/10/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,96	94	Giỏi	60%	10.620.000	6.372.000	
264	2004208067	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	24/06/2002	Lớp 11DHHH2	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,26	73	Khá	40%	10.620.000	4.248.000	
265	2004204642	HUỠNH NHẬT	ÁNH	02/12/2002	Lớp 11DHHH3	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,88	76	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
266	2004200003	VÕ THỊ MỸ	HẠNH	07/04/2002	Lớp 11DHHH3	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,53	91	Giỏi	60%	10.980.000	6.588.000	
267	2004208091	NGUYỄN MINH	MẮN	23/07/2002	Lớp 11DHHH3	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,16	90	Giỏi	60%	12.240.000	7.344.000	
268	2004202015	PHẠM THỊ MINH	NGỌC	11/10/2002	Lớp 11DHHH3	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,14	107	Giỏi	60%	10.980.000	6.588.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
269	2004208044	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	06/03/2002	Lớp 11DHHH3	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,75	70	Khá	40%	12.744.000	5.097.600	
270	2004208057	NGUYỄN THỊ THẢO	VÂN	14/03/2002	Lớp 11DHHH3	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,68	76	Khá	40%	11.420.000	4.568.000	
271	2004208038	HỒ THỊ KIM	XUÂN	05/02/2002	Lớp 11DHHH3	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,41	101	Giỏi	60%	10.980.000	6.588.000	
272	2004217629	Đặng Hồng Kiều	Anh	17/03/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	15	7,48	77	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
273	2004210283	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	15/02/2000	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,16	73	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
274	2004217671	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	14/03/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	15	7,79	77	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
275	2004217678	Nguyễn Tuấn	Kiệt	06/02/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	19	8,36	73	Khá	40%	13.422.000	5.368.800	
276	2004210630	Phan Trần Hoàng	Lan	25/09/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,13	81	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
277	2045210001	Nguyễn Thị Yên	Linh	02/05/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,18	81	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
278	2004217691	Nguyễn Thị Kim	Mai	19/12/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,86	73	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
279	2004211203	Võ Ngọc	Mẫn	13/01/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,06	75	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
280	2004210356	Trịnh Thị Thảo	Nguyên	26/03/2002	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,2	73	Khá	40%	12.398.000	4.959.200	
281	2004217722	Phạm Thị Hồng	Nhung	13/02/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,61	73	Khá	40%	12.398.000	4.959.200	
282	2004210418	Tạ Thị Hồng	Nhung	01/04/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,58	83	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
283	2004217746	Trần Thanh	Sơn	24/12/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,25	77	Khá	40%	14.316.000	5.726.400	
284	2004217749	Đào Thị Thu	Thảo	27/12/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,94	91	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
285	2004210295	Nguyễn Thị Thúy	Tiên	02/01/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,48	92	Giỏi	60%	11.532.000	6.919.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
286	2004212166	Trần Huyền	Trần	18/03/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,75	75	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
287	2004210257	Phan Thị Phương	Tường	01/12/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,9	73	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
288	2004211617	Trần Thị Minh	Tuyền	26/03/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,24	73	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
289	2004217789	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	03/07/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,04	77	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
290	2004217795	Nguyễn Thanh	Vân	08/05/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,44	79	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
291	2004217799	Phạm Huy	Vũ	11/12/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,37	73	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
292	2004210419	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	10/10/2003	Lớp 12DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,7	83	Giỏi	60%	11.156.000	6.693.600	
293	2004210141	Trần Nhật	Huy	25/08/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,83	83	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
294	2004210627	Trịnh Nguyễn Quang	Huy	02/01/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,24	98	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
295	2004210047	Trần Minh	Khang	24/08/2002	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,73	78	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
296	2004210284	Trần Minh	Mẫn	28/03/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,62	83	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
297	2004217727	Lê Thành	Phát	19/11/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	15	7,26	70	Khá	40%	10.818.000	4.327.200	
298	2004217736	Trần	Quy	29/01/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,22	80	Giỏi	60%	11.532.000	6.919.200	
299	2004217741	Đinh Thị Diễm	Quỳnh	13/01/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7	73	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
300	2004210406	Lê Nguyễn Anh	Thư	09/05/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,71	75	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
301	2004210046	Đinh Công	Thức	15/12/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,31	70	Khá	40%	11.468.000	4.587.200	
302	2004217760	Nguyễn Lê Kiều Mai	Thuy	18/05/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	9,04	101	Xuất sắc	100%	11.532.000	11.532.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
303	2004217773	Trương Thị Thùy	Trang	22/12/2003	Lớp 12DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,56	73	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
304	2004217646	Phạm Ngọc	Duyên	21/04/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,96	83	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
305	2004210453	Lê Ngọc	Na	20/11/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,63	83	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
306	2004210075	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	11/07/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	15	7,68	74	Khá	40%	10.870.000	4.348.000	
307	2004217742	Lê Thu	Quỳnh	27/10/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,19	77	Khá	40%	14.401.000	5.760.400	
308	2004217744	Huỳnh San	San	14/06/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,51	93	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
309	2004210060	Lê Minh	Thư	09/10/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,28	79	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
310	2004210412	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	12/09/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,05	79	Khá	40%	12.398.000	4.959.200	
311	2004217804	Phạm Hồng	Vy	02/08/2003	Lớp 12DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,41	86	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
312	2004217699	Phạm Ngọc Cung	My	12/10/2003	Lớp 12DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,09	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
313	2004217710	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/03/2003	Lớp 12DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,72	70	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
314	2004210139	Trương Thanh	Phúc	09/06/2003	Lớp 12DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,76	76	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
315	2004210423	Hoàng Ái	Trâm	05/07/2003	Lớp 12DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,63	75	Khá	40%	14.180.000	5.672.000	
316	2004210003	Lê Minh	An	22/02/2000	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	15	7,39	107	Khá	40%	10.870.000	4.348.000	
317	2004217628	Cam Phương	Anh	22/01/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,43	70	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
318	2004217638	Phan Thị Như	Bình	24/06/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,26	73	Khá	40%	12.992.000	5.196.800	
319	2004210014	Nguyễn Lê Duy	Khanh	24/10/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,13	83	Giỏi	60%	11.532.000	6.919.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
320	2004210617	Lữ Phương	Nghi	25/08/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,39	102	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
321	2004210009	Đặng Kim	Nguyên	09/06/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8	75	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
322	2004217714	Lê Nguyễn Tuyết	Nhi	21/12/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	15	7,04	73	Khá	40%	10.870.000	4.348.000	
323	2004210042	Lê Nhã	Quyên	26/02/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,62	77	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
324	2004210639	Hoàng Như	Quỳnh	28/06/2003	Lớp 12DHHH05	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,63	79	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
325	2026217809	Trần Lê Quốc	Huy	18/04/2003	Lớp 12DHVL	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,5	74	Khá	40%	12.428.000	4.971.200	
326	2026210406	Nguyễn Quốc Đình	Khôi	17/10/2003	Lớp 12DHVL	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,79	74	Khá	40%	12.428.000	4.971.200	
327	2026210660	Huỳnh Thái Kim	Nguyên	22/09/2003	Lớp 12DHVL	Khoa Công nghệ Hoá học	18	8,28	86	Giỏi	60%	12.428.000	7.456.800	
328	2004220123	Huỳnh Ngọc Trâm	Anh	06/11/2003	Lớp 13DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,91	82	Khá	40%	13.345.000	5.338.000	
329	2004220654	Phạm Thị Mỹ	Dung	04/01/2004	Lớp 13DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	22	7,78	90	Khá	40%	16.065.000	6.426.000	
330	2004222004	Trương Đạt	Khang	01/12/2004	Lớp 13DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	20	9,23	102	Xuất sắc	100%	14.805.000	14.805.000	
331	2004223233	Nguyễn Thành	Nhân	11/01/2004	Lớp 13DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,82	73	Khá	40%	13.145.000	5.258.000	
332	2004224681	Trần Thị Thanh	Thanh	19/12/2004	Lớp 13DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	18	7,42	75	Khá	40%	13.009.000	5.203.600	
333	2004220970	Trần Bùi Ngọc	Điểm	04/05/2003	Lớp 13DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	20	8,12	95	Giỏi	60%	14.669.000	8.801.400	
334	2004221969	Nguyễn Việt	Khải	06/04/2004	Lớp 13DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	23	8,22	78	Khá	40%	16.865.000	6.746.000	
335	2004222768	Tăng Hòa	Nam	29/01/2004	Lớp 13DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	20	9,1	88	Giỏi	60%	14.669.000	8.801.400	
336	2004223078	Đỗ Ái Phương	Ngọc	27/10/2004	Lớp 13DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,93	88	Khá	40%	12.343.000	4.937.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
337	2004223090	Lê Tú	Ngọc	05/07/2004	Lớp 13DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,96	103	Khá	40%	14.605.000	5.842.000	
338	2004224089	Nguyễn Như	Quỳnh	13/09/2004	Lớp 13DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	15	7,65	96	Khá	40%	11.155.000	4.462.000	
339	2004220621	La Khả	Dinh	13/11/2004	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	22	7,92	80	Khá	40%	15.993.000	6.397.200	
340	2004221288	Trương Thị Ngọc	Hân	23/01/2003	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	17	7,95	90	Khá	40%	12.615.000	5.046.000	
341	2004221561	Lương Ngọc	Hùng	22/04/2004	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	24	8,14	78	Khá	40%	17.525.000	7.010.000	
342	2004221664	Hồ Đắc	Huy	19/03/2004	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,82	88	Khá	40%	14.605.000	5.842.000	
343	2004221893	Nguyễn Anh	Kiệt	01/11/2004	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	22	8,71	82	Giỏi	60%	16.065.000	9.639.000	
344	2004222708	Hoàng Thái Diễm	My	16/10/2004	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	22	7,91	88	Khá	40%	16.129.000	6.451.600	
345	2004223071	Lâm Ái	Ngọc	24/08/2004	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	20	8,21	70	Khá	40%	14.805.000	5.922.000	
346	2004223971	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	02/01/2004	Lớp 13DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	24	9,51	100	Xuất sắc	100%	17.453.000	17.453.000	
347	2004225750	Lê Trần Thảo	Uyên	05/10/2004	Lớp 13DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	20	8,23	70	Khá	40%	14.605.000	5.842.000	
348	2004230030	Võ Hoàng	Duy	04/09/2004	Lớp 14DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	20	7,14	85	Khá	40%	11.280.000	4.512.000	
349	2004230068	Thạch Nguyễn Phúc	Khương	07/12/2005	Lớp 14DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,61	95	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
350	2004230084	Trần Thị Phương	Nghi	20/10/2005	Lớp 14DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,84	95	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
351	2004230150	Nguyễn Ngọc	Thiện	07/02/2005	Lớp 14DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,45	110	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
352	2004230136	Nguyễn Quốc	Tuấn	18/09/2005	Lớp 14DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,66	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
353	2004230199	Nguyễn Hoàng	Yến	14/02/2005	Lớp 14DHHH01	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,26	101	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
354	2004230009	Phan Ngọc Kiều	Anh	18/06/2005	Lớp 14DHHH02	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,56	168	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
355	2004230040	Lê Thị Ngọc	Giàu	15/02/2005	Lớp 14DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,85	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
356	2004230046	Lê Thanh	Hiếu	21/04/1997	Lớp 14DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	25	8,22	95	Giỏi	60%	11.280.000	6.768.000	
357	2004230067	Ngô Đăng	Khoa	25/01/2005	Lớp 14DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,41	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
358	2004231144	Hồ Tuấn	Kiệt	02/02/2005	Lớp 14DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	9,16	97	Xuất sắc	100%	13.635.000	13.635.000	
359	2004230111	Đinh Thị Tâm	Như	02/10/2001	Lớp 14DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	24	8,28	82	Giỏi	60%	11.280.000	6.768.000	
360	2004230152	Phạm Hồng Minh	Thu	01/11/2005	Lớp 14DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,69	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
361	2004230177	Lương Thị Hoàng	Trần	06/12/2005	Lớp 14DHHH03	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,91	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
362	2004230005	Nguyễn Hoàng	An	27/11/2005	Lớp 14DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,26	86	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
363	2004230023	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	31/08/2005	Lớp 14DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,09	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
364	2004230045	Nguyễn	Hiếu	06/01/2005	Lớp 14DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,6	92	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
365	2004230072	Nguyễn Nhã	Linh	31/05/2005	Lớp 14DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,6	93	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
366	2004230122	Nguyễn Ngọc	Quý	30/07/2005	Lớp 14DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,86	86	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
367	2004231440	Đào Thị Phương	Trà	26/03/2005	Lớp 14DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	8,04	107	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
368	2004230173	Trần Dương Thùy	Trang	29/07/2005	Lớp 14DHHH04	Khoa Công nghệ Hoá học	16	7,92	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
369	2027200040	LÊ THỊ TRÂM	ANH	15/08/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,53	70	Khá	40%	11.584.000	4.633.600	
370	2027202006	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	10/11/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,77	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
371	2027208777	MAI THỊ HỒNG	LIN	26/03/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,74	70	Khá	40%	13.284.000	5.313.600	
372	2027200053	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	16/05/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,73	70	Khá	40%	11.584.000	4.633.600	
373	2027202020	VÕ HUỲNH	MINH	24/09/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,43	70	Khá	40%	13.390.000	5.356.000	
374	2027200013	ĐỖ THỊ DIỄM	MY	09/02/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,83	74	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
375	2027200016	CAO THANH	NGÂN	16/11/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	8,08	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
376	2027208807	NGUYỄN THỊ BẢO	NGÂN	24/09/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	22	8,19	70	Khá	40%	14.480.000	5.792.000	
377	2027202030	TẮT HỒNG	NGỌC	05/11/2002	Lớp 11DHCM1	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,42	74	Khá	40%	11.584.000	4.633.600	
378	2027208773	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	08/02/2002	Lớp 11DHCM2	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,83	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
379	2027202008	PHAN THỊ QUỲNH	GIANG	04/09/2002	Lớp 11DHCM2	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,8	70	Khá	40%	10.260.000	4.104.000	
380	2027208787	THÁI LÝ	HẢI	17/02/2002	Lớp 11DHCM2	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,49	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
381	2027202012	PHẠM KIM	KHÁNH	11/12/2002	Lớp 11DHCM2	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	8,18	78	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
382	2027202021	ĐẶNG NGUYỄN NHẬT	MINH	16/10/2002	Lớp 11DHCM2	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,64	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
383	2027208805	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	26/10/2002	Lớp 11DHCM2	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,51	70	Khá	40%	10.260.000	4.104.000	
384	2027210123	Trần Thị Thu	CẨM	03/02/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	8,05	83	Giỏi	60%	11.058.000	6.634.800	
385	2027210124	Nguyễn Thị Ngọc	HÂN	16/07/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	8,43	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
386	2027210144	Nguyễn Đặng Mỹ	LỆ	19/01/2002	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	8,37	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
387	2027218451	Bùi Khánh	LINH	16/12/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,68	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
388	2027210103	Phan Thị Thùy	Linh	04/03/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,97	79	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
389	2027210153	Nguyễn Thị Kim	Ngà	26/03/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,5	75	Khá	40%	15.167.000	6.066.800	
390	2027210078	Trương Thị Kim	Ngân	26/12/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,25	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
391	2027210162	Nguyễn Huỳnh	Như	13/02/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,31	70	Khá	40%	13.658.000	5.463.200	
392	2027211561	Phạm Thị Thùy	Trang	24/11/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,15	70	Khá	40%	13.712.000	5.484.800	
393	2027210116	Huỳnh Thị Ngọc	Trúc	22/08/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
394	2027210150	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/06/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,51	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
395	2027210325	Nguyễn Thị Ngọc Như	Ý	28/01/2003	Lớp 12DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,96	74	Khá	40%	10.994.000	4.397.600	
396	2027218442	Thái Thị Thu	Huệ	25/07/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,57	70	Khá	40%	13.547.000	5.418.800	
397	2027218445	Lê Thị Diễm	Hương	26/03/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,93	74	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
398	2027218463	Nguyễn Thị Bích	Mai	06/02/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,45	74	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
399	2027218466	Trần Đỗ My	My	20/10/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,45	70	Khá	40%	12.318.000	4.927.200	
400	2027218491	Huỳnh Ái	Như	20/12/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,8	74	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
401	2027218494	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	18/11/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,05	74	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
402	2027218500	Trương Vũ Thiên	Phúc	10/09/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	25	8,28	101	Giỏi	60%	18.317.000	10.990.200	
403	2027218510	Lê Như	Quỳnh	31/05/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,69	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
404	2027210327	Đinh Thị Hồng	Thảo	21/06/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	8,21	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
405	2027218531	Phuong Thị	Thu	28/06/2003	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	8,83	101	Giỏi	60%	10.870.000	6.522.000	
406	2027218533	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	15/10/1999	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	8,61	83	Giỏi	60%	11.194.000	6.716.400	
407	2027218554	Phù Thị Bích	Trâm	05/01/2002	Lớp 12DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,74	70	Khá	40%	12.318.000	4.927.200	
408	2027211033	Nguyễn Trâm	Anh	20/09/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,2	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
409	2027218411	Nguyễn Thị Kim	Chi	02/02/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,64	79	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
410	2027210053	Nguyễn Nhật	Duyên	07/08/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	8,42	70	Khá	40%	13.658.000	5.463.200	
411	2027218434	Phan Thị Thúy	Hằng	06/11/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,22	70	Khá	40%	13.413.000	5.365.200	
412	2027210402	Nguyễn Thị	Hồng	07/08/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	8,86	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
413	2027210033	Nguyễn Thị Mai	Hương	18/05/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,4	76	Khá	40%	14.918.000	5.967.200	
414	2027210322	Nguyễn Chí	Lương	17/02/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	8,29	84	Giỏi	60%	10.670.000	6.402.000	
415	2027210064	Lê Thị Kim	Ngân	01/05/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,29	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
416	2027211042	Hoàng Thị Hồng	Nhung	11/01/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,39	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
417	2027210330	Nguyễn Hồng	Thắm	25/05/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,84	75	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
418	2027210039	Trần Thanh	Thảo	11/08/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,36	70	Khá	40%	12.130.000	4.852.000	
419	2027211035	Bùi Anh	Thơ	01/10/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,55	70	Khá	40%	13.658.000	5.463.200	
420	2027210007	Võ Nguyễn Anh	Thư	12/08/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	8,07	70	Khá	40%	11.958.000	4.783.200	
421	2027210412	Huỳnh Thị Thanh	Trâm	01/06/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,14	74	Khá	40%	12.628.000	5.051.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
422	2027210043	Trần Lê Tường	Vy	01/10/2003	Lớp 12DHCM03	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	8,02	74	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
423	2043211621	Bùi Nhật	Hoàng	16/05/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,03	70	Khá	40%	10.430.000	4.172.000	
424	2043210009	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	29/08/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,56	70	Khá	40%	13.516.000	5.406.400	
425	2043210001	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	19/01/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,37	70	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
426	2043213963	Trần Hoài	Phúc	02/11/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,77	75	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
427	2043210061	Lương Thị	Phượng	30/03/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,29	74	Khá	40%	12.552.000	5.020.800	
428	2043213967	Nguyễn Ngọc Hồng	Quế	26/10/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,33	70	Khá	40%	12.416.000	4.966.400	
429	2043210675	Lý Ngọc Hà	Tiên	04/06/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	8,53	104	Giỏi	60%	11.092.000	6.655.200	
430	2043210085	Cao Thị Kim	Tiền	11/08/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	8,03	70	Khá	40%	11.280.000	4.512.000	
431	2043213981	Trần Thị Bích	Trâm	03/12/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,05	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
432	2043210904	Nguyễn Hữu	Trí	30/07/2003	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,33	74	Khá	40%	12.416.000	4.966.400	
433	2043210445	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	22/05/2002	Lớp 12DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,48	74	Khá	40%	13.644.000	5.457.600	
434	2043213938	Tô Thị Kim	Anh	06/09/2003	Lớp 12DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,63	70	Khá	40%	11.092.000	4.436.800	
435	2043210676	Phạm Thị Hòa	Bình	27/09/2003	Lớp 12DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	8,24	80	Giỏi	60%	11.292.000	6.775.200	
436	2043211253	Trần Ngọc Anh	Thư	29/03/2003	Lớp 12DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,71	80	Khá	40%	11.858.000	4.743.200	
437	2043211260	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	28/10/2003	Lớp 12DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	21	7,91	82	Khá	40%	14.402.000	5.760.800	
438	2043210426	Phan Thị Như	Ý	13/11/2003	Lớp 12DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,77	80	Khá	40%	11.092.000	4.436.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
439	2043211268	Nguyễn Hải	Yến	11/03/2003	Lớp 12DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,53	74	Khá	40%	11.092.000	4.436.800	
440	2043211245	Võ Lê Hoàng	Yến	07/12/2003	Lớp 12DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	8,34	74	Khá	40%	11.092.000	4.436.800	
441	2027220039	Triệu Khánh	An	22/01/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,76	87	Khá	40%	14.895.000	5.958.000	
442	2027220421	Cao Nhã	Cầm	31/01/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,49	78	Khá	40%	14.895.000	5.958.000	
443	2027222304	Lê Ngọc Thùy	Linh	17/12/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	21	7,76	74	Khá	40%	16.151.000	6.460.400	
444	2027222874	Nguyễn Bảo	Ngân	12/11/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	8,2	93	Giỏi	60%	14.691.000	8.814.600	
445	2027224873	Bùi Thị Huyền	Thân	16/04/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,3	65	Khá	40%	12.501.000	5.000.400	
446	2027224900	Thái Thị Bích	Thiên	16/05/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	8,51	88	Giỏi	60%	13.919.500	8.351.700	
447	2027225197	Huỳnh Thị Minh	Thư	28/09/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	21	8,08	90	Giỏi	60%	16.155.000	9.693.000	
448	2027224615	Hồ Ngọc Ánh	Tuyết	11/09/2003	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	8,55	117	Giỏi	60%	14.029.000	8.417.400	
449	2027225737	Lê Thị Mỹ	Uyên	17/01/2004	Lớp 13DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,69	80	Khá	40%	14.895.000	5.958.000	
450	2027221856	Hoàng Thị Thúy	Hường	20/09/2003	Lớp 13DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	25	7,89	114	Khá	40%	18.979.000	7.591.600	
451	2027223723	Hồ Hoàng	Phúc	03/06/2004	Lớp 13DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,95	74	Khá	40%	14.691.000	5.876.400	
452	2027225440	Cao Phương	Trâm	02/04/2004	Lớp 13DHCM02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,82	70	Khá	40%	14.895.000	5.958.000	
453	2043220225	Đặng Ngọc Quỳnh	Anh	29/11/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7	65	Khá	40%	15.830.000	6.332.000	
454	2043220482	Huỳnh Hoàn	Châu	07/09/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,22	73	Khá	40%	14.985.000	5.994.000	
455	2043220887	Võ Minh	Đạt	17/07/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	22	8,09	71	Khá	40%	17.018.000	6.807.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
456	2043220585	Huỳnh Thị Kiều	Diễm	13/03/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	8,55	75	Khá	40%	14.828.000	5.931.200	
457	2043220764	Lê Thị Mỹ	Duyên	26/01/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,11	74	Khá	40%	16.105.000	6.442.000	
458	2043220770	Vô Thị Mỹ	Duyên	03/03/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,96	79	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
459	2043221217	Đào Thị	Hằng	26/10/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	24	7,4	65	Khá	40%	18.478.000	7.391.200	
460	2043221313	Nguyễn Trung	Hậu	05/09/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	24	8,08	65	Khá	40%	18.478.000	7.391.200	
461	2043221380	Trần Thị Phương	Hiền	07/05/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,14	80	Khá	40%	12.180.000	4.872.000	
462	2043221819	Nguyễn Thu	Hương	23/02/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	8,07	83	Giỏi	60%	14.985.000	8.991.000	
463	2043222298	Đinh Thị Thùy	Linh	14/02/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,41	79	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
464	2043222294	Hoàng Lê Khánh	Linh	02/01/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	22	7,39	79	Khá	40%	17.905.000	7.162.000	
465	2043222875	Hoàng Dương Thanh	Ngân	25/11/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,62	74	Khá	40%	12.180.000	4.872.000	
466	2043222890	Ngô Thị Thu	Ngân	09/05/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,92	70	Khá	40%	12.795.000	5.118.000	
467	2043222891	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/02/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,15	74	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
468	2043224069	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	22/01/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,57	82	Khá	40%	14.985.000	5.994.000	
469	2043224133	Trần Bội	San	20/10/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,48	73	Khá	40%	12.180.000	4.872.000	
470	2043224749	Nguyễn Thanh	Thảo	15/02/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,88	85	Khá	40%	14.985.000	5.994.000	
471	2043224478	Vũ Trần Cẩm	Tú	15/10/2004	Lớp 13DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,52	85	Khá	40%	15.443.000	6.177.200	
472	2043220672	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	12/01/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,75	73	Khá	40%	14.166.000	5.666.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
473	2043226231	Nguyễn Thị	Hường	11/08/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,48	80	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
474	2043226225	Lâm Tố	Ngân	29/09/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,75	74	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
475	2043223191	Lê Ngô Minh	Nguyệt	14/04/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	21	7,47	74	Khá	40%	16.356.000	6.542.400	
476	2043226336	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	13/10/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,61	70	Khá	40%	13.025.000	5.210.000	
477	2043226284	Nguyễn Ngọc Tuệ	Nhi	13/12/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,74	74	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
478	2043226217	Huỳnh Thị Ngọc	Như	09/07/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	8,07	84	Giỏi	60%	14.985.000	8.991.000	
479	2043226287	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	27/08/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,84	85	Khá	40%	12.574.000	5.029.600	
480	2043226200	Lê Thị Mộng	Thu	13/09/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	8,94	95	Giỏi	60%	12.574.000	7.544.400	
481	2043225069	Trần Thị Lệ	Thủy	29/08/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,43	101	Khá	40%	12.574.000	5.029.600	
482	2043225141	Phạm Thị Hải	Thuyền	26/10/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,57	89	Khá	40%	14.166.000	5.666.400	
483	2043226277	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	05/05/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,28	84	Khá	40%	14.985.000	5.994.000	
484	2043225347	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/01/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,13	65	Khá	40%	14.166.000	5.666.400	
485	2043225816	Đồng Thị Yến	Vi	29/01/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	15	7,78	65	Khá	40%	12.795.000	5.118.000	
486	2043226034	Đào Trần Yến	Vy	04/07/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	20	7,37	92	Khá	40%	16.445.000	6.578.000	
487	2043225948	Lê Thái Khánh	Vy	23/06/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	17	7,95	74	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
488	2043226335	Nguyễn Khánh	Vy	30/09/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	18	7,4	74	Khá	40%	14.370.000	5.748.000	
489	2043225941	Trần Xuân	Vy	26/05/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	19	7,87	74	Khá	40%	14.964.000	5.985.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
490	2043226262	Võ Phi	Yến	01/01/2004	Lớp 13DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,66	79	Khá	40%	12.910.000	5.164.000	
491	2027230009	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/09/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,79	88	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
492	2027230012	Phạm Thị Cẩm	Hà	21/07/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,66	70	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
493	2027230014	Trần Thúy	Hằng	08/05/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,48	80	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
494	2027230018	Liên Đệ	Huy	07/07/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,41	70	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
495	2027230024	Trần Thị Hà	Lan	13/11/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,41	76	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
496	2027230027	Võ Thị Mê	Ly	02/06/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,31	70	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
497	2027230032	Lâm Ngọc Kim	Ngân	02/05/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	8,18	82	Giỏi	60%	14.065.000	8.439.000	
498	2027230036	Đỗ Duy	Ngọc	21/02/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,62	79	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
499	2027230047	Bùi Nguyễn Như	Quỳnh	22/03/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,76	76	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
500	2027230058	Liêu Thị Ngọc	Thân	10/06/1987	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,9	70	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
501	2027230056	Đỗ Thị	Thảo	12/01/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,88	70	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
502	2027230054	Phan Nguyễn Phương	Thảo	24/09/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,52	100	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
503	2027230060	Nguyễn Phạm Hữu	Thiên	30/05/2004	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,11	70	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
504	2027230072	Phan Ngọc Thu	Trân	16/08/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,56	80	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
505	2027230049	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	25/10/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,55	79	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	
506	2027230050	Phan Thị Ánh	Tuyết	20/10/2005	Lớp 14DHCM01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,76	70	Khá	40%	14.065.000	5.626.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
507	2043231197	Đỗ Thị Phương	Anh	13/01/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,19	92	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
508	2043230024	Bùi Thị Thanh	Huệ	03/02/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,56	117	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
509	2043230044	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12/06/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,34	101	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
510	2043231165	Lê Thị Huỳnh	Như	02/05/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,16	101	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
511	2043231160	Trần Vĩnh	Phú	06/11/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,14	105	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
512	2043231126	Phạm Minh	Phương	06/04/2004	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	21	7,86	109	Khá	40%	17.130.000	6.852.000	
513	2043231421	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	15/03/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,43	80	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
514	2043231460	Phan Thùy	Trang	11/08/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,44	130	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
515	2043230079	Trần Thị Nhà	Uyên	14/10/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,82	106	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
516	2043230081	Nguyễn Thị Hồng	Vân	14/05/2005	Lớp 14DHKDTT01	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,47	85	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
517	2043230057	Nguyễn Ngọc	Thanh	21/06/2005	Lớp 14DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,69	126	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
518	2043231161	Nguyễn Thị Ái	Thi	27/10/2005	Lớp 14DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,08	76	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
519	2043231693	Bùi Thị Kiều	Trinh	19/11/2005	Lớp 14DHKDTT02	Khoa Công nghệ May và Thời trang	16	7,14	76	Khá	40%	12.560.000	5.024.000	
520	2033207466	HUỲNH TRẦN ĐỨC	THẮNG	28/12/2002	Lớp 11DHBM2	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,72	70	Khá	40%	11.314.000	4.525.600	
521	2001207263	LÊ TUẤN	ANH	26/12/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,96	70	Khá	40%	11.430.000	4.572.000	
522	2001207105	PHẠM LÊ TUẤN	ANH	05/12/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,01	70	Khá	40%	11.955.000	4.782.000	
523	2001200025	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	17/11/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,6	89	Giỏi	60%	11.430.000	6.858.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
524	2001206947	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	19/02/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	18	8,16	74	Khá	40%	12.249.000	4.899.600	
525	2001202016	NGUYỄN NGUYỄN	BẢO	04/08/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,59	70	Khá	40%	10.925.000	4.370.000	
526	2001206918	NGUYỄN THÁI	BẢO	15/05/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,36	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
527	2001200376	TRẦN MINH	BẢO	12/01/2001	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,37	92	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
528	2001200802	PHẠM MINH	CHÂU	12/11/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,04	101	Xuất sắc	100%	11.020.000	11.020.000	
529	2001207148	LÊ HOÀNG	CÔNG	23/02/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,3	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
530	2001200624	LÊ PHƯỚC	CUỒNG	14/02/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,7	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
531	2001203033	PHẠM HẢI	ĐĂNG	09/07/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,38	70	Khá	40%	14.894.000	5.957.600	
532	2001200295	DƯƠNG THÀNH	ĐẠT	16/07/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,67	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
533	2001200227	LÂM THÀNH	ĐẠT	28/12/2001	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,56	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
534	2001203049	LÊ PHÁT	ĐẠT	24/04/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,72	89	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
535	2001207011	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	29/01/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,91	70	Khá	40%	10.925.000	4.370.000	
536	2001200771	PHẠM TRẦN TẤN	ĐẠT	22/09/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,17	74	Khá	40%	11.430.000	4.572.000	
537	2001207129	TỔNG DUY TRƯỜNG	ĐẠT	20/01/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,19	78	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
538	2001202045	VŨ NGÔ	ĐẠT	19/07/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,59	70	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
539	2001206928	LÊ HOÀI	DINH	09/08/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,21	70	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
540	2001207184	NGUYỄN THẾ	DŨNG	23/08/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,41	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
541	2001200242	PHAN TẤN	DŨNG	12/02/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,72	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
542	2001206945	VĂN HỮU	DŨNG	09/11/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,47	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
543	2001200690	LÊ THÀNH THÁI	DUƠNG	12/08/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,7	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
544	2001200177	VÔ HOÀNG	DUƠNG	20/11/1995	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,17	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
545	2001207060	CHÂU HOÀNG	DUY	25/12/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,82	70	Khá	40%	11.430.000	4.572.000	
546	2001200050	ĐẶNG KHÁNH	DUY	17/03/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,32	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
547	2001200750	ĐẶNG NHẬT	DUY	07/05/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,4	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
548	2001207138	HUỖNH KHÁNH	DUY	30/09/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,16	70	Khá	40%	11.630.000	4.652.000	
549	2001200655	NGUYỄN VƯƠNG GIÁNG	HẠ	25/04/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,97	77	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
550	2001206901	HỒ MINH	HẢI	03/12/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,59	70	Khá	40%	13.760.000	5.504.000	
551	2001200016	VƯƠNG CHÍ	HẢI	07/11/2002	Lớp 11DHTH1	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,79	85	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
552	2001207048	ĐỖ CHÍ	HÙNG	05/05/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,65	86	Khá	40%	10.800.000	4.320.000	
553	2001202091	TÀI ĐẠI DUY	HÙNG	02/07/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	24	7,18	70	Khá	40%	16.581.501	6.632.600	
554	2001204736	TRẦN BẢO	HUY	28/10/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,63	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
555	2001207027	NGUYỄN BÁ	NGỌC	24/08/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,56	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
556	2001202171	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	17/01/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,98	70	Khá	40%	13.342.000	5.336.800	
557	2001207090	NGUYỄN TRƯỜNG	PHÁT	12/10/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	18	8,79	70	Khá	40%	12.680.000	5.072.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
558	2001207043	PHẠM TIẾN	PHÚC	26/11/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,5	90	Khá	40%	13.162.000	5.264.800	
559	2001203004	ĐỖ THẾ	SANG	20/09/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	18	8,78	70	Khá	40%	12.240.000	4.896.000	
560	2001202219	LÊ	SIN	03/07/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,83	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
561	2001202237	ĐOÀN NGỌC	THẠCH	09/11/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,34	70	Khá	40%	12.304.000	4.921.600	
562	2001202266	NGUYỄN ĐÌNH	TIẾN	12/06/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,09	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
563	2001206979	HUỖNH ANH	TUẤN	30/04/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,11	70	Khá	40%	13.342.000	5.336.800	
564	2001202301	NGUYỄN KHẮC	VŨ	04/08/2002	Lớp 11DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,42	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
565	2001207187	ĐẶNG NGUYỄN CÔNG	HẬU	17/12/2002	Lớp 11DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,19	70	Khá	40%	10.800.000	4.320.000	
566	2001207170	LÝ VĂN	NHÂN	06/09/2002	Lớp 11DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,54	70	Khá	40%	11.614.000	4.645.600	
567	2001207236	NGUYỄN NHỰT	TÂN	12/05/2002	Lớp 11DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,39	74	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
568	2001207169	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	20/06/2002	Lớp 11DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,96	70	Khá	40%	12.304.000	4.921.600	
569	2001207124	NGUYỄN THỊ	THUỖN G	16/08/2002	Lớp 11DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,88	118	Giỏi	60%	10.980.000	6.588.000	
570	2001207360	NGUYỄN NGỌC TRÍ	VĨ	21/09/2001	Lớp 11DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,26	97	Xuất sắc	100%	10.980.000	10.980.000	
571	2001200752	ĐẶNG HƯNG NHƯ	Ý	19/12/2002	Lớp 11DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,79	70	Khá	40%	12.124.000	4.849.600	
572	2001207055	VÕ ANH	HÀO	28/04/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,76	70	Khá	40%	11.430.000	4.572.000	
573	2001207127	NGUYỄN VĂN	HẬU	25/07/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,8	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
574	2001200512	TRẦN VĂN	HIỀN	19/09/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,79	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
575	2001200606	KHUU VĂN	HÒA	08/12/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,51	70	Khá	40%	11.630.000	4.652.000	
576	2001206938	VŨ TRẦN MINH	HOÀNG	28/07/1997	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,57	70	Khá	40%	11.430.000	4.572.000	
577	2001202092	PHAN NGUYỄN DUY	HUỠNG	26/04/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,59	70	Khá	40%	13.684.000	5.473.600	
578	2001207179	ĐẶNG VŨ GIA	HUY	20/01/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	20	8,19	70	Khá	40%	13.620.000	5.448.000	
579	2001207142	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	11/12/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,08	70	Khá	40%	14.894.000	5.957.600	
580	2001200186	NGUYỄN ĐỨC	HUY	20/02/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,98	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
581	2001202107	ĐỖ TUẤN	KHA	21/09/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,11	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
582	2001203036	HỒ VĂN HOÀNG	KHANG	30/10/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,93	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
583	2001207411	PHAN QUỐC	KHÁNH	05/11/2001	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,47	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
584	2001207096	VƯƠNG ĐỨC	KHÁNH	06/03/2001	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,69	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
585	2001207059	NGUYỄN VĂN	KỶ	04/03/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,25	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
586	2001207338	PHAN TRỌNG	KỶ	27/02/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,56	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
587	2001206940	PHAN THỊ ÁNH	LINH	07/09/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,44	78	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
588	2001200504	NGUYỄN BẠCH	LONG	10/09/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,46	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
589	2001202143	NGUYỄN PHƯỚC	LONG	24/09/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,26	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
590	2001206902	NGUYỄN THANH	LONG	19/09/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,31	74	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
591	2001207356	NGUYỄN MINH	LUÂN	02/02/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,45	70	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
592	2001206995	HUỖNH THỊ KIỀU	MAI	15/08/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,69	86	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
593	2001202148	ĐỖ HUỆ	MÃN	20/05/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,6	84	Giỏi	60%	11.430.000	6.858.000	
594	2001202150	MAI TUẤN	MẠNH	31/08/2002	Lớp 11DHTH2	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,62	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
595	2001206925	TRẦN ĐỨC NHẬT	NAM	27/07/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,22	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
596	2001200110	NGÔ THỊ KIM	NGÂN	05/09/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,04	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
597	2001200626	LÊ VĂN NGỌC	NGHĨA	18/06/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,93	70	Khá	40%	11.020.000	4.408.000	
598	2001206981	VŨ MINH	NGHĨA	24/07/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,12	70	Khá	40%	13.091.000	5.236.400	
599	2001207130	NGUYỄN NHÂM	NGỌ	02/09/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,23	90	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
600	2001200036	CAO TRẦN THANH	NGỌC	09/08/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,03	70	Khá	40%	12.060.000	4.824.000	
601	2001206934	LÊ HỒNG	NGỌC	08/02/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,02	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
602	2001200214	LÝ THÁI	NGUYỄN	26/01/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,78	70	Khá	40%	11.630.000	4.652.000	
603	2001202174	PHAN	NGUYỄN	10/04/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,83	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
604	2001203010	NGUYỄN CHÍ	NGUYỄN	21/12/2001	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,32	70	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
605	2001207012	TRẦN QUANG	NHẬT	29/05/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,98	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
606	2001207431	HỒ YẾN	NHI	24/11/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,5	70	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
607	2001200582	LÊ TÂM	NHƯ	06/06/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,24	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
608	2001207176	BIỆN THANH	NHỰT	17/07/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,89	82	Khá	40%	12.360.000	4.944.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
609	2001200130	LÊ MINH	PHÁT	15/10/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,19	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
610	2001207025	NGUYỄN ĐỨC	PHÁT	30/11/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,34	74	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
611	2001200584	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	PHÁT	06/03/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,7	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
612	2001200218	PHẠM LÊ XUÂN	PHONG	25/11/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,06	74	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
613	2001204728	NGUYỄN THANH	PHƯỚC	01/05/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,63	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
614	2001207110	ĐỒNG MINH	PHUỖN G	14/02/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,81	92	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
615	2001207202	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHUỖN G	11/09/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,13	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
616	2001206948	CHÂU MINH	QUÂN	27/12/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,83	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
617	2001206978	TRẦN MINH	QUANG	28/03/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,9	70	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
618	2001207102	PHAN THỊ MỸ	QUYÊN	10/04/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,93	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
619	2001207300	ĐOÀN VĂN	SANG	16/05/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,57	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
620	2001200612	NGÔ NGỌC MINH	SANG	21/06/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,72	70	Khá	40%	12.060.000	4.824.000	
621	2001202222	NGÔ VĂN	SƠN	19/12/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,02	70	Khá	40%	11.430.000	4.572.000	
622	2001206999	NGUYỄN TẤN	TÀI	04/10/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,4	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
623	2001200548	NGUYỄN THÀNH	TÂN	30/04/2001	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,61	76	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
624	2001200082	VÔ NGUYỄN DUY	TÂN	08/02/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,95	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
625	2001206941	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	28/08/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,4	74	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
626	2001200045	ĐÀO QUỐC	THÁI	09/10/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,75	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
627	2001200237	NGUYỄN NUỜNG HỒNG	THẨM	27/01/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,28	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
628	2001200674	TRẦN VĂN	THẮNG	05/01/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,16	78	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
629	2001200665	LÊ TRẦN HOÀNG	THANH	27/11/2002	Lớp 11DHTH3	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,74	78	Khá	40%	11.839.500	4.735.800	
630	2001200147	NGUYỄN ĐỨC	AN	22/10/2000	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,66	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
631	2001206904	ĐẶNG NGỌC	THẢO	03/05/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,23	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
632	2001206988	HỒ PHƯƠNG	THẢO	17/05/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,87	91	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
633	2001207001	TRẦN NGỌC HIẾU	THẢO	28/06/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,49	89	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
634	2001200514	NGUYỄN TẤN	THẠO	17/09/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,78	75	Khá	40%	13.684.000	5.473.600	
635	2001207248	ĐỖ HUỲNH HUY	THIỆN	21/09/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,71	70	Khá	40%	11.494.000	4.597.600	
636	2001206972	NGUYỄN THÀNH	THIỆN	13/07/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,13	70	Khá	40%	13.090.000	5.236.000	
637	2001202259	CHÂU VĂN	THỊNH	24/05/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,83	79	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
638	2001206912	ĐẶNG NGỌC	THỊNH	25/05/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,54	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
639	2001202257	NGUYỄN TRUNG	THỊNH	22/11/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,12	70	Khá	40%	14.550.000	5.820.000	
640	2001200553	PHẠM TẤN	THUẬN	18/02/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,29	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
641	2001203060	MAI TRUNG	TIỀN	19/07/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,52	97	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
642	2001200653	TRẦN ĐÌNH TRUNG	TÍN	02/01/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,52	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
643	2001207081	LÊ BẢO THIÊN	TRÂN	09/09/2001	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7	70	Khá	40%	13.110.000	5.244.000	
644	2001200004	PHẠM NGUYỄN HUYỀN	TRÂN	17/12/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,1	80	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
645	2001200610	NGUYỄN HỮU	TRÍ	23/12/2001	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,01	74	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
646	2001207268	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	08/04/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,71	76	Khá	40%	13.467.000	5.386.800	
647	2001206944	NGUYỄN HỮU	TRUNG	09/08/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,39	86	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
648	2001206954	NGUYỄN QUANG	TRUNG	17/02/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,47	79	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
649	2001200029	PHẠM THÀNH	TRUNG	23/08/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,81	89	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
650	2001203007	TRƯƠNG THÀNH	TRUNG	31/08/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,83	76	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
651	2001202290	LÊ BÙI TẤN	TRƯỜNG	28/01/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,92	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
652	2001206967	ĐÌNH ANH	TUẤN	27/09/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,07	74	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
653	2001203053	ĐOÀN XUÂN	TUẤN	12/01/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,89	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
654	2001204113	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	14/10/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,28	78	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
655	2001200196	NGUYỄN MINH	TUẤN	20/03/2001	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,23	70	Khá	40%	10.925.000	4.370.000	
656	2001207257	TRẦN LÊ ANH	TUẤN	24/07/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,43	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
657	2001207452	HỒ THANH	TÙNG	06/11/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,41	74	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
658	2001207256	ĐỖ THỊ NGỌC	TUYỀN	18/02/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,49	82	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
659	2001200178	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	29/06/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,55	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
660	2001207016	NGUYỄN PHƯƠNG	VIỆT	06/12/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,7	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
661	2001200636	NGUYỄN PHÚC	VINH	11/11/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,34	74	Khá	40%	12.008.000	4.803.200	
662	2001206914	NGUYỄN QUAN	VINH	29/06/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,29	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
663	2001206911	NGUYỄN QUANG	VINH	15/12/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,25	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
664	2001200509	PHẠM QUANG	VŨ	17/08/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,2	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
665	2001200357	HUỖNH GIANG KHÁNH	VY	12/05/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,71	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
666	2001200561	MAI NGUYỄN PHƯỚC	YẾN	22/10/2002	Lớp 11DHTH4	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,66	85	Giỏi	60%	10.170.000	6.102.000	
667	2001200144	LÊ THÀNH	LONG	03/11/2002	Lớp 11DHTH5	Khoa Công nghệ Thông tin	15	8,18	70	Khá	40%	9.990.000	3.996.000	
668	2001202172	NGÔ THỊ MỘNG	NGỌC	28/08/2002	Lớp 11DHTH6	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,9	74	Khá	40%	9.990.000	3.996.000	
669	2001200647	PHAN THỊ NGỌC	TUYỀN	30/08/2002	Lớp 11DHTH6	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,46	78	Khá	40%	11.450.000	4.580.000	
670	2001203063	DƯƠNG MINH	ĐỨC	14/05/2002	Lớp 11DHTH7	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,69	70	Khá	40%	11.314.000	4.525.600	
671	2001207389	LẠI TRẦN NGỌC	KHÁNH	05/04/2002	Lớp 11DHTH8	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,19	70	Khá	40%	14.084.000	5.633.600	
672	2001200657	DƯƠNG TRỌNG	BÌNH	20/01/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	18	8,02	70	Khá	40%	12.304.000	4.921.600	
673	2001202037	HOÀNG LÊ QUỐC	ĐẠT	01/03/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	27	7,88	70	Khá	40%	18.590.000	7.436.000	
674	2001200123	NGUYỄN MINH	HÒA	17/10/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	18	8,48	80	Giỏi	60%	12.304.000	7.382.400	
675	2001207045	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	03/06/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,46	70	Khá	40%	12.304.000	4.921.600	
676	2001202134	LÊ TẤN	LỘC	12/03/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,07	70	Khá	40%	13.342.000	5.336.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
677	2001200661	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	NY	04/03/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,8	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
678	2001200680	TRẦN XUÂN QUỲNH	PHUON G	15/11/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,63	78	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
679	2001200541	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUYÊN	22/10/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,15	83	Giỏi	60%	13.170.000	7.902.000	
680	2001200307	NGUYỄN THÔNG	THÁI	22/11/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,16	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
681	2001200549	PHẠM NHỰT	THẮNG	28/10/2002	Lớp 11DHTH9	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,38	70	Khá	40%	10.980.000	4.392.000	
682	2033211536	Trần Phan Vinh	Sang	09/02/2003	Lớp 12DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,31	79	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
683	2033210516	Trần Quốc	Son	24/03/2003	Lớp 12DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	24	8,04	74	Khá	40%	17.528.000	7.011.200	
684	2033210586	Võ Duy Quốc	Nhân	17/04/2003	Lớp 12DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,55	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
685	2033216373	Nguyễn Tiến	Dũng	01/02/2003	Lớp 12DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,16	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
686	2033216440	Ung Phú	Hung	18/05/2003	Lớp 12DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,44	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
687	2033210461	Nguyễn Ngọc	Hiếu	02/10/2003	Lớp 12DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,76	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
688	2033210508	Trần Hà Thanh	Phong	18/10/2003	Lớp 12DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,3	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
689	2033210464	Nguyễn Trần Như	Thịnh	16/04/2003	Lớp 12DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,63	82	Giỏi	60%	13.842.000	8.305.200	
690	2033210525	Trần Tuấn	Kiệt	03/03/2003	Lớp 12DHBM06	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,99	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
691	2033210444	Phạm Đăng Nhật	Minh	22/12/2003	Lớp 12DHBM06	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,32	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
692	2033210033	Viên Mỹ	Nga	17/09/2003	Lớp 12DHBM06	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,23	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
693	2033216613	Phan Thị Xuân	Yên	29/01/2003	Lớp 12DHBM09	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,08	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
694	2033210183	Lê Trí	Cường	08/12/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,84	94	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
695	2001215653	Nguyễn Tấn Hữu	Danh	02/11/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,49	94	Giỏi	60%	15.166.000	9.099.600	
696	2001215738	Nguyễn Mai Quỳnh	Giao	01/02/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,92	101	Khá	40%	14.641.000	5.856.400	
697	2001215781	Phan Công	Hiệu	29/03/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,71	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
698	2001215784	Trần Minh	Hòa	09/06/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,61	81	Giỏi	60%	13.842.000	8.305.200	
699	2001215792	Nguyễn Minh	Hoàng	07/05/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,62	83	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
700	2001215879	Nguyễn Trọng Đăng	Khoa	15/05/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,48	85	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
701	2001215899	Hồ Mỹ	Kim	03/11/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,15	93	Giỏi	60%	13.842.000	8.305.200	
702	2001215937	Nguyễn Duy	Luân	13/07/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,66	85	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
703	2001210773	Đặng Thị Kim	Ngân	13/04/1998	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,65	82	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
704	2033210475	Bùi Minh Thanh	Ngọc	14/10/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,5	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
705	2001215992	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	17/10/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,88	83	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
706	2001215998	Nguyễn Phúc Bảo	Nhân	18/08/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,66	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
707	2033210453	Hoàng Quốc	Phong	20/10/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,55	80	Khá	40%	16.101.000	6.440.400	
708	2001216044	A Nguyễn Hoàng	Phúc	16/12/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,02	80	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
709	2001216056	Trần Việt	Phúc	27/02/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	24	7,65	74	Khá	40%	17.220.000	6.888.000	
710	2001216069	Phạm Thị Kim	Phượng	05/06/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	20	8,52	116	Giỏi	60%	14.572.000	8.743.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
711	2001216118	Nguyễn Duy	Tài	29/04/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,1	95	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
712	2001210185	Trương Đăng Minh	Tân	03/03/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,32	96	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
713	2001216147	Nguyễn Lê Kim	Thành	21/10/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	18	8,06	70	Khá	40%	13.317.000	5.326.800	
714	2033216553	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	28/06/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,85	100	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
715	2001216228	Dương Ngọc Hương	Trà	14/09/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,01	74	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
716	2001216243	Nguyễn Đăng	Triều	11/08/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,88	79	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
717	2001216287	Nguyễn Thanh	Tùng	30/10/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,2	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
718	2001216293	Nguyễn Thanh	Tuyền	03/09/2003	Lớp 12DHTH_TD	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,63	79	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
719	2001215585	Nguyễn Quốc	An	27/04/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,02	80	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
720	2001215603	Vũ Văn	Anh	13/02/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,32	82	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
721	2001215617	Nguyễn Ngọc	Bảo	05/01/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,2	88	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
722	2001210548	Nguyễn Xuân	Bính	17/06/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,26	82	Giỏi	60%	15.166.000	9.099.600	
723	2001215646	Đình Quang	CườNg	11/07/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,31	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
724	2001215709	Nguyễn Tiến	Đạt	08/11/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,53	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
725	2001215717	Trương Quốc	Đạt	19/12/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,62	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
726	2001215731	Lê Bùi Thiên	Đức	18/01/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,51	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
727	2001215661	Hồ Hoàng Khắc	Dũng	23/07/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	23	7,35	70	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
728	2001215669	Bùi Khánh	Duy	13/08/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,18	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
729	2001210714	Võ Thị Kim	Giàu	16/12/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,35	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
730	2001215785	Lê Nguyễn Công	Hoan	21/08/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,18	91	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
731	2001215811	Hồ Hoàng	Huy	26/03/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,91	76	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
732	2001215828	Phạm Hồ Đăng	Huy	14/10/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,55	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
733	2001210682	Phan Minh	Khải	11/09/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,65	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
734	2001215852	Nguyễn Trí	Khang	11/07/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,63	102	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
735	2001215876	Lê Minh	Khoa	11/09/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,66	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
736	2001215897	Nguyễn Anh	Kiệt	17/08/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,74	78	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
737	2001215934	Nguyễn Văn	Lợi	21/02/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,42	87	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
738	2001215974	Trần Phương	Nên	18/05/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,33	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
739	2001215978	Nguyễn Thị Huỳnh	Nghi	24/04/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,09	79	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
740	2001215984	Trịnh Hữu	Nghĩa	27/09/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,9	90	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
741	2001216001	Lê Minh	Nhật	20/02/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,11	90	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
742	2001216031	Đỗ Hoàng	Phi	02/03/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,63	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
743	2001216041	Nguyễn Văn	Phú	28/05/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,49	81	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
744	2001216081	Nguyễn Nhật	Quân	04/05/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,36	70	Khá	40%	11.344.000	4.537.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
745	2001216085	Trương Thị	Quý	19/01/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,28	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
746	2001216095	Đặng Thị Diễm	Quỳnh	15/01/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,52	89	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
747	2001216123	Trần Quyết	Tài	27/10/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,61	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
748	2001216126	Phan Trần Minh	Tâm	18/02/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,09	86	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
749	2001216166	Nguyễn Xuân	Thắng	23/08/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,06	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
750	2001216155	Lương Mai Thanh	Thảo	24/12/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,38	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
751	2001216198	Nguyễn Đoàn Anh	Thư	21/03/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,61	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
752	2001216215	Nguyễn Quốc	Tiến	17/01/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,3	86	Giỏi	60%	15.166.000	9.099.600	
753	2001216223	Phan Hữu	Toàn	15/12/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,63	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
754	2001216230	Nguyễn Mai Ngọc	Trân	17/12/2000	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,38	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
755	2001216245	Huỳnh Thanh	Triệu	08/04/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,85	76	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
756	2001216263	Nguyễn Xuân	Trường	19/12/2003	Lớp 12DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,63	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
757	2001210071	Trương Văn	Bình	25/07/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,65	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
758	2001210455	Bùi Quốc	Công	21/09/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,71	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
759	2001215691	Nguyễn Y Thiên	Đạo	08/08/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,95	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
760	2001215713	Trần Lê Tuấn	Đạt	14/11/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,13	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
761	2001210231	Ngô Hoàng	Duy	01/03/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,3	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
762	2001210746	Hoàng Trường	Giang	09/04/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,16	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
763	2001215755	Nguyễn Thị	Hằng	08/02/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,69	74	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
764	2001215777	Nguyễn Minh	Hiếu	18/11/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,44	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
765	2001215790	Nguyễn Huy	Hoàng	16/10/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,53	80	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
766	2001215849	Huỳnh Tuấn	Khang	07/04/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,29	89	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
767	2001210512	Nguyễn Văn	Khánh	13/08/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,08	74	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
768	2001215884	Trần Hoàng Anh	Khôi	02/08/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,91	107	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
769	2033210532	Lê Gia	Long	19/12/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	23	8	98	Giỏi	60%	16.354.000	9.812.400	
770	2001215965	Hoàng Trần Lê	Na	27/07/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,71	84	Khá	40%	15.302.000	6.120.800	
771	2001215986	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	18/03/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	23	8,03	87	Giỏi	60%	16.426.000	9.855.600	
772	2001215991	Lê Diệp Xuân	Nguyên	13/08/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,46	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
773	2001210823	Hồ Thị Kiều	Oanh	28/05/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,11	90	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
774	2001216023	Nguyễn Mạnh	Phát	20/11/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	23	7,58	70	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	
775	2001216047	Đặng Hữu	Phúc	01/05/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,32	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
776	2001216091	Lê Nhật	Quyên	08/11/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,34	94	Giỏi	60%	13.842.000	8.305.200	
777	2001216100	Trần Gia	Quỳnh	20/05/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,67	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
778	2001216112	Trương Ngọc	Sơn	26/11/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,84	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
779	2001216122	Phan Chí	Tài	27/10/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,84	81	Khá	40%	14.572.000	5.828.800	
780	2001210172	Bùi Huy	Thắng	13/06/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,14	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
781	2001216167	Phạm Trần Quang	Thắng	27/10/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,48	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
782	2001216141	Phan Thế	Thanh	02/09/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,67	86	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
783	2001216197	Hà Thị Minh	Thư	09/12/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,08	82	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
784	2001216199	Nguyễn Minh	Thư	24/05/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,93	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
785	2001216195	Phạm Thị Thanh	Thủy	06/10/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,75	98	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
786	2001216206	Huỳnh Văn	Tiên	03/09/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,87	82	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
787	2001216251	Trà Thị Thanh	Trúc	11/09/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,39	74	Khá	40%	13.892.000	5.556.800	
788	2001210742	Nguyễn Thành	Trung	06/05/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,26	90	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
789	2001216303	La Khả	Văn	12/12/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,71	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
790	2001216324	Phạm Nguyên	Vũ	28/07/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,74	74	Khá	40%	14.572.000	5.828.800	
791	2001216336	Võ Thị Thanh	Yến	28/06/2003	Lớp 12DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	23	7,65	74	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	
792	2001215623	Trần Gia	Bảo	07/10/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,7	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
793	2001215635	Hoàng Văn	Chiến	15/12/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,03	83	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
794	2001215644	Trần Chí	Công	30/03/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,01	85	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
795	2001215707	Nguyễn Từ Thành	Đạt	08/01/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,58	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
796	2001215720	Nguyễn Phương	Diễn	19/10/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,36	89	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
797	2001215657	Bồ Quang	Diệu	22/12/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,61	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
798	2001210920	Võ Danh	Dự	25/02/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,68	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
799	2001210622	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20/10/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,26	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
800	2001215672	Nguyễn Khánh	Duy	27/01/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,52	94	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
801	2001215740	Nguyễn Thị Thu	Hà	16/12/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,45	112	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
802	2001215742	Hồ Thanh	Hải	27/08/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,29	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
803	2001215763	Nguyễn Đức	Hiền	23/02/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,36	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
804	2001215770	Cao Hoàng Minh	Hiếu	02/07/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,49	83	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
805	2001215834	Chiêm Hồng	Hưng	06/02/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,79	74	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
806	2001215813	Lâm Quốc	Huy	21/04/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,28	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
807	2001210747	Lê Viết Tuấn	Khải	07/10/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,65	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
808	2001215845	Vương Hoàng	Khải	12/06/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,56	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
809	2001215862	Hồ Quốc	Khánh	09/09/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,95	78	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
810	2001210783	Huỳnh Quang	Khiêm	09/02/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,66	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
811	2001215891	Võ Hoàn	Kiên	14/07/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,56	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
812	2001215896	Lê Gia	Kiệt	27/11/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,82	80	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
813	2001215969	Lê Hoài	Nam	12/09/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,97	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
814	2001215977	Nguyễn Phương Bảo	Ngân	04/02/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,19	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
815	2001216020	Nguyễn Đức	Phát	19/09/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,45	87	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
816	2001216025	Nguyễn Thanh	Phát	02/03/2002	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,62	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
817	2001216046	Đặng Hoàng	Phúc	06/12/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,99	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
818	2001216066	Phạm Thị Thu	Phương	09/02/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,57	75	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
819	2001216076	Lê Hoàng	Quân	12/09/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,38	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
820	2001216086	Đinh Viết	Quốc	20/01/2002	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,5	88	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
821	2001216111	Trần Ngọc Thanh	Sơn	13/09/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,89	83	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
822	2001216124	Trịnh Chí	Tài	26/06/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,44	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
823	2001216158	Hà Trọng	Thắng	04/01/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,01	84	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
824	2001216142	Trần Ngọc	Thanh	07/01/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,18	97	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
825	2001216188	Ngô Hoàng	Thông	14/04/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,73	70	Khá	40%	13.642.000	5.456.800	
826	2001216310	Nguyễn Thanh	Vi	27/04/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,93	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
827	2001210660	Huỳnh Thế	Vinh	16/08/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,65	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
828	2001216321	Nguyễn Tấn Trường	Vũ	04/09/2003	Lớp 12DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,24	88	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
829	2001215787	Trần Quốc	Hoàn	30/08/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,87	92	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
830	2001215808	Đỗ Thành	Huy	23/01/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,98	85	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
831	2001215888	Hoàng Trung	Kiên	18/06/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	23	7,82	70	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	
832	2001210745	Nguyễn Bảo	Long	17/11/2000	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,23	74	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
833	2001215955	Lê Nguyễn Quang	Minh	30/11/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,41	82	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
834	2001215958	Nguyễn Hữu Quang	Minh	03/06/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,58	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
835	2001215971	Nguyễn Hoài	Nam	31/05/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,85	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
836	2001215976	Phan Thị Thanh	Nga	13/03/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,49	85	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
837	2001215985	Bùi Phan Bảo	Ngọc	11/02/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,12	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
838	2001216014	Lê Thị Tường	Oanh	02/06/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,02	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
839	2001216028	Nguyễn Tấn	Phát	30/10/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,52	74	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
840	2001216042	Trần Vĩnh	Phú	20/04/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,22	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
841	2001210239	Nguyễn Trọng Hoàng	Phúc	17/05/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,25	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
842	2001216067	Nguyễn Thị Kim	Phượng	14/08/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,92	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
843	2001216077	Lương Công Nhã	Quân	04/05/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,88	80	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
844	2001216073	Ngô Thành	Quang	20/08/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,61	85	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
845	2001216098	Nguyễn Phan Như	Quỳnh	21/12/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,45	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
846	2001216115	Lê Hữu	Tài	09/04/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	9,07	106	Xuất sắc	100%	13.706.000	13.706.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
847	2001216137	Nguyễn Ngọc	Thái	31/08/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,52	80	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
848	2001210340	Nguyễn Đình	Thắng	03/07/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,16	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
849	2001210055	Nguyễn Văn Chí	Thanh	18/04/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	20	8,01	90	Giỏi	60%	14.572.000	8.743.200	
850	2001216171	Lê Bảo	Thiên	02/07/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,84	76	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
851	2001216177	Trần Đức	Thiện	09/12/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,1	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
852	2001216196	Phạm Thị Thanh	Thúy	06/10/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,93	103	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
853	2001216194	Hà Tri	Thủy	17/01/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,85	107	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
854	2001216213	Nguyễn Đình	Tiến	08/05/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,3	87	Giỏi	60%	13.842.000	8.305.200	
855	2001216221	Đỗ Bảo	Toàn	19/12/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,41	94	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
856	2001216249	Hoàng Bảo	Trúc	19/03/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,77	70	Khá	40%	15.046.000	6.018.400	
857	2001216261	Cù Đức	Trường	08/07/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,46	81	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
858	2001216264	Nguyễn Xuân	Trường	18/10/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,85	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
859	2001216289	Bạch Minh	Tuyên	20/02/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,27	74	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
860	2001216305	Nguyễn Phạm Ngọc	Văn	12/12/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	28	8,05	81	Giỏi	60%	19.620.000	11.772.000	
861	2001210196	Trần	Vạn	18/07/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,04	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
862	2001216312	Trần Hoàng	Vĩ	21/07/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,63	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
863	2001210004	Lưu Đức	Vinh	13/09/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,68	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
864	2001216327	Trần Trọng	Vương	17/01/2003	Lớp 12DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,02	74	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
865	2001215625	Cao Hoàng Khánh	Băng	01/06/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,15	91	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
866	2001215608	Bùi Quốc	Bảo	31/01/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,78	89	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
867	2001215631	Nguyễn Linh	Chi	24/09/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,22	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
868	2001210240	Cao Tấn	Công	26/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,68	106	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
869	2001210166	Nguyễn Tấn	Đạt	24/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,87	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
870	2001215715	Trần Tiến	Đạt	25/08/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,61	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
871	2001215721	Nguyễn Trương	Điền	12/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,43	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
872	2001210147	Nguyễn Khánh	Dư	01/02/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,2	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
873	2001215732	Lê Minh	Đức	14/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,89	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
874	2001210459	Nguyễn Minh	Đức	15/08/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,77	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
875	2001212245	Dương Bá	Duy	30/11/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,94	85	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
876	2001215676	Nguyễn Văn	Duy	20/07/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,06	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
877	2001215679	Phạm Nguyễn Thanh	Duy	31/01/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,81	70	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
878	2001215750	Lê Tấn Anh	Hào	17/07/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,8	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
879	2001215754	Vô Nhựt	Hào	18/09/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,17	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
880	2001215761	Hồ Thị Thu	Hiền	10/11/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,03	88	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
881	2001210163	Nguyễn Vũ	Hiệp	14/01/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,17	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
882	2001215789	Lưu Văn	Hoàng	13/05/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,65	76	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
883	2001210289	Huỳnh Công	Huy	16/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,55	90	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
884	2001215824	Nguyễn Văn	Huy	16/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,23	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
885	2001215833	Đặng Như	Huỳnh	19/12/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,44	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
886	2001215848	Huỳnh Minh	Khang	08/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,86	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
887	2001215885	Trần Hoàng	Khôi	10/05/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,58	78	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
888	2001215931	Trần Văn	Lộc	23/01/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,69	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
889	2033210955	Nguyễn Huỳnh	Long	14/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,44	82	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
890	2001215939	Nguyễn Thành	Luân	23/05/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,85	84	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
891	2001215946	Cao Văn	Lượng	07/09/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,83	88	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
892	2001210156	Đặng Hoàng	Minh	09/07/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,05	76	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
893	2001215966	Bùi Phương	Nam	07/05/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,98	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
894	2001210125	Huỳnh Thanh	Nhã	14/04/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,14	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
895	2001210412	Trần Thị Ngọc	Nhi	18/08/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	20	8	76	Khá	40%	14.572.000	5.828.800	
896	2001216075	Lê Anh	Quân	10/01/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,09	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
897	2001216070	Dương Thuận	Quang	18/08/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,56	86	Giỏi	60%	13.842.000	8.305.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
898	2001210542	Huỳnh Phước	Sang	12/04/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,36	97	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
899	2001216125	Nguyễn Văn Hoàng	Tâm	11/11/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,14	80	Giỏi	60%	14.966.000	8.979.600	
900	2001210048	Phạm Huỳnh Hữu	Thành	10/12/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,5	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
901	2001216203	Hà Văn	Thy	22/01/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,16	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
902	2001216232	Trương Lê Bảo	Trân	22/01/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,83	86	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
903	2001216253	Võ Thị Thanh	Trúc	03/07/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,78	74	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
904	2001216272	Lê Đức	Tú	27/03/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,07	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
905	2001216306	Lê Thị Khánh	Vân	11/08/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,41	70	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
906	2001216311	Vũ Thị Huyền	Vi	10/12/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,54	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
907	2001216316	Phan Ngọc Bảo	Vinh	18/10/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,51	83	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
908	2001216330	Trần Nhật	Vy	28/12/2003	Lớp 12DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,42	87	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
909	2001215735	Nguyễn Hoàng	Gia	01/12/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,39	74	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
910	2001215858	Nguyễn Duy	Khanh	27/07/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,39	70	Khá	40%	15.596.000	6.238.400	
911	2001215864	Huỳnh Vương Hữu	Khánh	31/07/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,19	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
912	2001215868	Ngô Văn	Khánh	28/03/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,13	87	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
913	2001215903	Ka	Lan	17/08/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,29	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
914	2001210927	Ngô Thị Thùy	Linh	27/08/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	15	7,78	77	Khá	40%	10.870.000	4.348.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
915	2001215920	Hoàng Huy	Long	29/03/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,6	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
916	2001215961	Trịnh Anh	Minh	22/03/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,08	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
917	2001210019	Lê Minh	Triều	19/09/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,06	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
918	2001210039	Hồ Trọng	Văn	03/10/2003	Lớp 12DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,34	90	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
919	2001215906	Nguyễn Ngọc	Lâm	28/10/2003	Lớp 12DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,73	97	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
920	2001215944	Trần Thành	Luân	02/04/2003	Lớp 12DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,75	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
921	2001216187	Nghiêm Trần Kiến	Thông	19/01/2003	Lớp 12DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,64	75	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
922	2001216222	Nguyễn Huy	Toàn	14/03/2003	Lớp 12DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,07	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
923	2001216288	Phạm Nguyễn Thanh	Tùng	02/08/2003	Lớp 12DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,56	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
924	2001210133	Lê Nguyễn Hùng	Anh	10/10/2003	Lớp 12DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,74	76	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
925	2001215714	Trần Quang	Đạt	22/05/2003	Lớp 12DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,39	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
926	2001215968	Huỳnh Khánh	Nam	19/10/2003	Lớp 12DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,12	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
927	2001216003	Nguyễn Trịnh Hoàng	Nhật	28/10/2003	Lớp 12DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,2	76	Khá	40%	13.317.000	5.326.800	
928	2001216018	Lương Thuận	Phát	02/01/2003	Lớp 12DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,68	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
929	2001210861	Trương	Phước	23/10/2003	Lớp 12DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,48	76	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
930	2001216241	Lê Hải	Triều	05/11/2003	Lớp 12DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,02	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
931	2001215594	Lê Phương	Anh	22/07/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	23	7,25	70	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
932	2001215614	Nguyễn Đình	Bảo	30/07/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,56	70	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
933	2001210698	Trần Trọng	Khang	20/07/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7	76	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
934	2001210191	Nguyễn Nhật	Linh	06/11/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,72	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
935	2001215988	Trần Giản Mỹ	Ngọc	27/06/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,52	78	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
936	2001216060	Bùi Hùng	Phương	24/04/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,98	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
937	2001216071	Hồ Minh	Quang	31/08/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,49	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
938	2001216103	Nguyễn Hữu	Sang	09/12/2002	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,03	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
939	2001210939	Nguyễn Văn	Tài	15/02/2003	Lớp 12DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,05	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
940	2001210976	Hoàng Thị Minh	Anh	10/05/2003	Lớp 12DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,02	94	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
941	2001215749	Lê Nhật	Hào	26/09/2003	Lớp 12DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,03	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
942	2001215963	Vũ Văn	Minh	26/01/2003	Lớp 12DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,37	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
943	2001210921	Nguyễn Thanh	Sang	24/11/2003	Lớp 12DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,02	70	Khá	40%	14.572.000	5.828.800	
944	2001216173	Huỳnh Vũ Chí	Thiện	02/06/2003	Lớp 12DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,11	74	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
945	2001210805	Vô Khiết	Tường	17/02/2003	Lớp 12DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,42	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
946	2001210924	Mai Thế	Vinh	26/12/2003	Lớp 12DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,88	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
947	2001215616	Nguyễn Kế	Bảo	30/11/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,42	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
948	2001215757	Nguyễn Lê Gia	Hân	31/10/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,15	70	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
949	2001211917	Trần Thanh	Hậu	26/07/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,95	76	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
950	2001210944	Lư Trần Đăng	Khoa	23/09/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,03	70	Khá	40%	12.992.000	5.196.800	
951	2001210922	Nguyễn Nhật	Minh	19/11/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,5	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
952	2001216000	Vô Huỳnh Hiếu	Nhân	03/11/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,13	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
953	2001216139	Nguyễn Quốc	Thái	26/12/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	20	8,55	70	Khá	40%	14.452.000	5.780.800	
954	2001216280	Lê Minh	Tuấn	21/08/2003	Lớp 12DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,35	89	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
955	2001215618	Nguyễn Quốc	Bảo	22/02/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,55	86	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
956	2001215628	Lê Thanh	Bình	15/11/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,25	86	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
957	2001215634	Đặng Hữu	Chiến	25/07/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,97	84	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
958	2001215706	Nguyễn Quốc	Đạt	07/11/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,31	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
959	2001210571	Nguyễn Ngọc	Hải	27/01/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,48	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
960	2001215764	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/08/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	20	7,78	82	Khá	40%	14.572.000	5.828.800	
961	2001216101	Trần Nhật	Quỳnh	21/05/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,4	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
962	2001216159	Huỳnh Minh	Thắng	30/10/2003	Lớp 12DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	22	7,51	70	Khá	40%	15.857.000	6.342.800	
963	2001215627	Trần Đình	Biển	05/02/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	21	8,21	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
964	2001215699	Lâm Tấn	Đạt	28/04/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,67	83	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
965	2001215800	Hoàng Phi	Hùng	04/04/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,5	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
966	2001210280	Lê Quang	Long	03/12/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,3	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
967	2033210989	Lê Hoài	Nam	11/11/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	27	8,41	112	Giỏi	60%	19.751.000	11.850.600	
968	2001210292	La Hoàng	Phúc	13/12/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,44	101	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
969	2001216157	Cao Hoàng Nhật	Thắng	28/12/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,2	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
970	2001210087	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/07/2002	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	18	7,85	90	Khá	40%	12.804.000	5.121.600	
971	2001210124	Lê Văn	Tú	26/03/2003	Lớp 12DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,11	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
972	2001210765	Lê Huỳnh	Đức	03/07/2001	Lớp 12DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,3	82	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
973	2001215949	Nguyễn Hữu	Lý	01/09/2003	Lớp 12DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,63	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
974	2001216011	Phạm Minh	Nhật	26/01/2003	Lớp 12DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,88	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
975	2001216015	Phan Văn Từ	Pháp	11/07/2003	Lớp 12DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,06	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
976	2001210787	Huỳnh Thị Kim	Quý	30/08/2003	Lớp 12DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,21	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
977	2001216168	Tạ Toàn	Thắng	11/10/2003	Lớp 12DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,92	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
978	2001215823	Nguyễn Quốc Gia	Huy	12/02/2003	Lớp 12DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	19	8,37	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
979	2001215830	Trương Quốc	Huy	30/10/2003	Lớp 12DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	23	7,5	74	Khá	40%	16.490.000	6.596.000	
980	2001210862	Trần Chí	Khanh	14/07/2003	Lớp 12DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	21	7,49	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
981	2001216012	Phạm Minh	Nhật	12/05/2003	Lớp 12DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,76	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
982	2001216109	Nguyễn Lê Hoàng	Sơn	21/06/2003	Lớp 12DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,27	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
983	2001216262	Nguyễn Cao Nhựt	Trường	09/03/2003	Lớp 12DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,51	70	Khá	40%	12.142.000	4.856.800	
984	2001210676	Huỳnh Trần Gia	Bảo	06/08/2003	Lớp 12DHTH17	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,33	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
985	2001210642	Nguyễn Trần Tuấn	Huy	11/04/2003	Lớp 12DHTH17	Khoa Công nghệ Thông tin	17	7,88	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
986	2001216110	Nguyễn Trường	Son	30/10/2003	Lớp 12DHTH18	Khoa Công nghệ Thông tin	19	7,53	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
987	2033222044	Nguyễn Lương	Khanh	01/11/2004	Lớp 13DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,22	93	Giỏi	60%	12.615.000	7.569.000	
988	2001223657	Nguyễn Lê Thanh	Phong	09/08/2004	Lớp 13DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,75	104	Giỏi	60%	12.615.000	7.569.000	
989	2001220027	Lê Nguyễn Hoài	An	16/09/2004	Lớp 13DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,72	83	Giỏi	60%	11.954.000	7.172.400	
990	2001221189	Trần Tuấn	Hào	30/08/2004	Lớp 13DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	17	8,35	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
991	2033230061	Trần Quốc	Đạt	13/05/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,11	95	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
992	2033230063	Võ Phát	Đạt	15/03/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,13	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
993	2033230066	Nguyễn Hoàng	Đôn	24/03/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,72	91	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
994	2033230138	Trần Nguyễn Bảo	Khang	24/03/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,79	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
995	2033230146	Nguyễn Đăng	Khoa	26/08/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,99	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
996	2033230148	Nguyễn Giáp Anh	Khoa	02/08/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,2	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
997	2033230126	Đình Tuấn	Kiệt	12/12/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,62	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
998	2033230211	Lê Nguyễn Uyên	Nhi	17/03/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,91	83	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
999	2033230242	Phạm Văn	Quý	06/12/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,79	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1000	2033230250	Nguyễn Hoàng	Sang	05/05/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,26	84	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1001	2033230259	Nguyễn Minh	Tiến	13/04/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,08	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1002	2033230314	Nguyễn Tiến	Trung	06/06/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,94	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1003	2033230334	Trần Thị Thảo	Vy	27/10/2005	Lớp 14DHBM01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,93	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1004	2033230005	Cao Duy	An	28/10/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,89	77	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1005	2033230027	Hồ Gia	Bảo	11/03/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,59	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1006	2033230029	Nguyễn Gia	Bảo	19/05/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,61	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1007	2033230043	Trần Phạm Khánh	Duy	04/06/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,14	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1008	2033230086	Phạm Trung	Hiếu	05/03/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,48	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1009	2033230103	Phạm Văn	Hùng	09/03/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,92	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1010	2033230108	Đặng Lê Hoàng	Huy	05/05/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,44	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1011	2033230114	Lê Ngọc	Huyền	15/06/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,31	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1012	2033230122	Lê Tuấn	Kiệt	18/05/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,42	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1013	2033230206	Lê Hoàng	Nguyên	19/07/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,46	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1014	2033230227	Hồ Việt	Phú	12/04/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,1	84	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1015	2033230236	Trần Hoàng	Phương	16/06/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,08	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1016	2033230246	Trương Lê Trúc	Quỳnh	21/09/2005	Lớp 14DHBM02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,74	85	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1017	2033230026	Dương Huỳnh Gia	Bảo	08/12/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	87	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1018	2033230060	Trần Hữu	Đạt	08/11/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,16	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1019	2033230037	Phạm Thị Kiều	Diễm	12/01/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,71	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1020	2033230074	Trần Hoàng	Hải	04/06/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,26	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1021	2033230076	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	08/03/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,81	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1022	2033230096	Trần Huy	Hoàng	21/12/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,12	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1023	2033230102	Hoàng Hào	Hùng	28/03/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,94	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1024	2033230149	Trần Đăng	Khoa	19/07/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,67	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1025	2033230276	Phạm Thị Phương	Thanh	27/11/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,01	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1026	2033230278	Phạm Hoàng	Thành	15/03/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,09	123	Xuất sắc	100%	13.635.000	13.635.000	
1027	2033230279	Trịnh Nhất Tâm	Thành	14/06/2005	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,67	86	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1028	2033230317	Phạm Trung	Trúc	18/01/2003	Lớp 14DHBM03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,51	80	Khá	40%	6.925.000	2.770.000	
1029	2033230018	Chu Đức	Anh	19/05/2005	Lớp 14DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,49	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1030	2033230017	Nguyễn Viết Hoàng	Anh	25/09/2005	Lớp 14DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,76	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1031	2033230051	Nguyễn Đức	Đại	11/01/2005	Lớp 14DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,19	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1032	2033230166	Bùi Mỹ	Linh	21/03/2005	Lớp 14DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,18	84	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1033	2033230174	Nguyễn Đình	Lộc	20/04/2005	Lớp 14DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,78	81	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1034	2033230295	Hoàng Văn	Thuận	16/03/2005	Lớp 14DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,96	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1035	2033230272	Trần Thành	Tuyên	12/08/2005	Lớp 14DHBM04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,48	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1036	2033230087	Đoàn Minh	Hiếu	11/01/2004	Lớp 14DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,58	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1037	2033230092	Nguyễn Thanh	Hoài	17/12/2003	Lớp 14DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,69	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1038	2033230154	Hoàng Ngọc	Lâm	07/08/2005	Lớp 14DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,96	85	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1039	2033230193	Nguyễn Thị Huyền	My	02/01/2003	Lớp 14DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	22	8,94	81	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1040	2033230196	Thiều Quốc	Nam	06/01/2005	Lớp 14DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,11	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1041	2033230205	Trần Phước	Nguyên	18/12/2005	Lớp 14DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,71	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1042	2033230281	Nguyễn Hữu	Thắng	03/08/2005	Lớp 14DHBM05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,81	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1043	2045230006	Lê Nguyễn Tuấn	Anh	25/12/2005	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,44	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1044	2045230007	Phan	Anh	10/07/2005	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,88	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1045	2045230013	Nguyễn Thành	Công	15/10/2005	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,49	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1046	2045230014	Phan Tiến	Dũng	18/07/2004	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,11	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1047	2045230021	Võ Ngọc Kim	Duyên	02/07/2005	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,91	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1048	2045230041	Nguyễn Quốc	Huy	02/07/2005	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,18	103	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1049	2045230054	Nguyễn Thị Như	Lan	02/08/2005	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,79	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1050	2045230058	Nguyễn Tấn	Lộc	16/02/2005	Lớp 14DHKHDL01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,93	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1051	2045230074	Tô Anh	Pháp	26/01/2005	Lớp 14DHKHD01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,83	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1052	2045230081	Nguyễn Tấn	Tài	13/01/2005	Lớp 14DHKHD01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,69	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1053	2045230110	Phan Minh	Trí	16/10/2005	Lớp 14DHKHD01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,21	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1054	2045230005	Đoàn Trần Cao	Anh	13/06/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	84	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1055	2045230002	Hoàng Minh	Anh	27/03/2004	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,58	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1056	2045230004	Võ Lê Huỳnh	Anh	28/08/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	18	8,23	70	Khá	40%	15.205.000	6.082.000	
1057	2045230028	Phạm Nguyễn Minh	Hậu	07/11/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,56	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1058	2045230068	Phan Trọng	Nguyên	18/06/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,41	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1059	2045230080	Đinh Thị	Quỳnh	09/03/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,31	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1060	2045230082	Phan Thanh	Tâm	25/07/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,94	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1061	2045230105	Lê Ngọc Minh	Thy	01/12/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,7	81	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1062	2045230086	Nguyễn Viết Trường	Toàn	12/09/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,79	87	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1063	2045230111	Nguyễn Hữu	Trí	24/05/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,5	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1064	2045230087	Trần Cẩm	Tú	26/09/2005	Lớp 14DHKHD02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,44	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1065	2001230168	Nguyễn Thành	Đạt	12/03/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,32	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1066	2001230128	Phan Trần Hữu	Duy	08/10/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,89	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1067	2001230129	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/03/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,63	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1068	2001230284	Nguyễn Cao Mạnh	Hùng	31/08/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,79	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1069	2001230349	Lưu Trí	Kiệt	28/06/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,06	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1070	2001230468	Nguyễn Hữu	Lộc	08/05/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,74	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1071	2001230486	Phạm Nguyễn Minh	Luân	23/11/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,18	102	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1072	2001230505	Hoàng Xuân	Mạnh	18/09/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,44	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1073	2001230524	Lê Văn	Minh	22/02/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,66	92	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1074	2001230550	Nguyễn	Ngà	30/03/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,3	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1075	2001230558	Phan Nguyễn Hữu	Nghĩa	12/10/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,61	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1076	2001230611	Lê Hoàng Minh	Nhật	15/04/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,99	111	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1077	2001230618	Nguyễn Thị Ý	Nhi	08/12/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,93	84	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1078	2001230612	Nguyễn Thị Yến	Nhi	09/06/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,05	100	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1079	2001230619	Võ Thị Yến	Nhi	21/09/2003	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,38	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1080	2001230751	Lê Thị Như	Quỳnh	08/01/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,84	87	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1081	2001230764	Nguyễn Xuân	Son	22/07/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,05	97	Xuất sắc	100%	13.635.000	13.635.000	
1082	2001230873	Trịnh Hoàng	Thái	28/01/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,51	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1083	2001230885	Nguyễn Huy	Thanh	27/02/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,1	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1084	2001230898	Nguyễn Chí	Thành	14/11/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,04	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1085	2001230899	Nguyễn Hoàng	Thành	22/05/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,56	93	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1086	2001230931	Lục Xuân	Thịnh	25/03/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	22	8,62	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1087	2001230835	Phạm Văn	Tú	07/11/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,58	108	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1088	2001230861	Nguyễn Hoàng	Tuấn	16/02/2003	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,28	93	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1089	2001230863	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	10/07/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,98	88	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1090	2001231056	Vương Anh	Vũ	19/12/2005	Lớp 14DHTH01	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,37	94	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1091	2001230042	Đặng Phương	Bảo	24/12/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,53	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1092	2001230200	Nguyễn Trọng	Giáp	27/01/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,52	83	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1093	2001230266	Nguyễn Huy	Hoàng	18/03/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,83	89	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1094	2001230341	Tô Vương Gia	Hữu	16/11/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,12	113	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1095	2001230307	Phạm Nguyễn Thanh	Huy	11/04/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,03	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1096	2001230359	Nguyễn Châu	Kha	09/11/2002	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,04	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1097	2001230601	Nguyễn Văn	Nhân	25/09/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,26	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1098	2001230630	Nguyễn Quỳnh	Như	03/03/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,55	81	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1099	2001230737	Thái Anh	Quốc	25/09/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,37	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1100	2001230746	Bùi Gia	Quyền	10/11/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,16	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1101	2001231020	Trần Nhật	Trường	23/06/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,68	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1102	2001231062	Nguyễn Việt	Vương	16/03/2005	Lớp 14DHTH02	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,22	83	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1103	2001230009	Nguyễn Quốc	An	08/12/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,59	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1104	2001230051	Nguyễn Hoài	Bảo	09/06/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,34	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1105	2001230054	Trần Ngọc	Bích	28/09/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,29	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1106	2001230118	Nguyễn Tấn	Duy	30/12/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,37	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1107	2001230198	Phan Tuấn	Giang	12/02/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,14	91	Xuất sắc	100%	13.635.000	13.635.000	
1108	2001230247	Trần Quốc	Hiệu	08/10/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,9	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1109	2001230286	Lương Tấn	Hùng	27/06/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,9	104	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1110	2001230298	Nguyễn Thành	Huy	23/10/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,85	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1111	2001230370	Lê Hoàng	Khang	10/02/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,61	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1112	2001230426	Trương Minh	Lạc	31/07/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,99	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1113	2001230451	Nguyễn Kim	Long	26/11/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,23	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1114	2001230785	Phan Minh	Tâm	22/04/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,38	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1115	2001230918	Đặng Thành	Thi	22/07/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,71	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1116	2001230930	Đặng Anh	Thịnh	28/07/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,63	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1117	2001230959	Nguyễn Thị Minh	Thư	26/10/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,89	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1118	2001230868	Nguyễn Thanh	Tùng	25/04/2005	Lớp 14DHTH03	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,23	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1119	2001230152	Nguyễn Cao Duy	Đạt	22/10/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,26	84	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1120	2001230125	Trương Ích Thái	Duy	04/04/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,13	83	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1121	2001230219	Nguyễn Bảo	Hân	24/10/2004	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,38	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1122	2001230283	Bùi Quốc	Hùng	04/03/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,3	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1123	2001230374	Nguyễn Đặng Vinh	Khang	26/03/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,65	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1124	2001230443	Nguyễn Duy	Linh	02/12/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,55	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1125	2001230494	Nguyễn Ngân	Lượng	13/08/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,43	87	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1126	2001230629	Hồ Ngọc Phương	Như	25/07/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,43	117	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1127	2001230707	Trần Nhã	Phương	18/12/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,94	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1128	2001230758	Cao	Sáng	01/05/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,37	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1129	2001230964	Lê Minh	Thức	18/08/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,86	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1130	2001231009	Lê Quốc	Trung	31/12/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,01	86	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1131	2001231002	Mai Đức	Trung	20/03/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,66	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1132	2001230834	Nguyễn Thái	Tú	25/10/2005	Lớp 14DHTH04	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,93	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1133	2001230019	Nguyễn Đức	Anh	05/12/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,83	83	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1134	2001230039	Nguyễn Ngọc	Bảo	23/02/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,49	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1135	2001230150	Đinh Thành	Đạt	11/06/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,56	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1136	2001230106	Hồ Chí	Dũng	15/06/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,56	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1137	2001230122	Võ Huỳnh	Duy	08/06/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,07	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1138	2001230197	Vũ Trường	Giang	24/12/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,85	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1139	2001230299	Lê Quốc	Huy	28/11/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,73	91	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1140	2001230385	Hứa Vĩnh	Khang	04/05/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,25	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1141	2001230553	Nguyễn Đan Thiên	Ngân	17/03/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,26	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1142	2001230559	Dương Minh	Nghĩa	23/03/2004	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,55	83	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1143	2001230565	Huỳnh Tuấn	Ngọc	11/08/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,96	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1144	2001230589	Nguyễn Trọng	Nguyên	30/04/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,08	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1145	2001230623	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	02/03/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,11	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1146	2001230695	Phùng Tấn	Phúc	21/04/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,87	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1147	2001230771	Long Huỳnh Quốc	Tài	26/09/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	22	8,3	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1148	2001230773	Nguyễn Thành	Tài	14/10/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,34	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1149	2001230906	Nguyễn Thanh	Thảo	14/05/2004	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,24	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1150	2001230924	Phạm Minh	Thiện	05/03/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,8	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1151	2001231010	Chu Văn Quốc	Trung	06/07/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,29	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1152	2001230858	Trần Lê Anh	Tuấn	07/11/2005	Lớp 14DHTH05	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,99	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1153	2001230174	Cao Hải	Đăng	15/07/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,41	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1154	2001230185	Bùi Trung	Đức	06/10/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,56	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1155	2001230114	Phạm Phương Thế	Duy	26/04/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,98	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1156	2001230278	Lê Tuấn	Hội	17/09/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,44	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1157	2001230325	Vũ Duy	Hưng	11/04/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,16	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1158	2001230372	Lê Lưu Gia	Khang	27/02/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,96	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1159	2001230398	Võ Đăng	Khoa	18/09/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,26	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1160	2001230435	Nguyễn Khánh	Lâm	08/03/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,23	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1161	2001230442	Nguyễn Ngọc Yến	Linh	30/10/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,03	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1162	2001230472	Nguyễn Hoàng	Lộc	31/12/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,88	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1163	2001230527	Phạm Anh Nhật	Minh	18/09/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,75	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1164	2001230554	Trần Thị Kim	Ngân	07/08/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,81	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1165	2001230588	Nguyễn Kiều Hạnh	Nguyên	20/10/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1166	2001230640	Nguyễn Đức Thành	Phát	31/05/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,41	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1167	2001230644	Nguyễn Duy	Phát	06/11/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,72	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1168	2001230633	Trần Văn	Phát	09/10/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,06	92	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1169	2001230684	Dương Hoàng	Phúc	09/02/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,94	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1170	2001230699	Lê Đông	Phước	20/10/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,39	93	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1171	2001230732	Trần Minh	Quân	13/10/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,34	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1172	2001230728	Vũ Minh	Quân	21/03/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1173	2001230742	Nguyễn Ngọc	Quý	02/07/2004	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,27	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1174	2001230890	Phạm Duy	Thành	31/05/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,19	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1175	2001230939	Phạm Trương	Thông	05/11/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,26	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1176	2001230963	Phan Khắc Duy	Thức	07/02/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,14	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1177	2001230948	Lê Thị Bích	Thùy	11/07/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,48	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1178	2001230968	Nguyễn Thanh	Trà	07/11/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,24	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1179	2001230976	Lê Minh Hữu	Trí	20/12/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,22	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1180	2001230990	Tổng Văn	Trọng	23/10/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,25	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1181	2001230872	Nguyễn Hoàng Thành	Tỷ	25/03/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,72	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1182	2001231027	Từ Hào	Văn	14/01/2005	Lớp 14DHTH06	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,04	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1183	2001230056	Ngô Quốc	Bình	12/02/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,73	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1184	2001230063	Lê Duy	Cả	12/09/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,17	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1185	2001230162	Hoàng Phúc Vinh	Đạt	29/06/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,53	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1186	2001230189	Nguyễn Văn	Đức	30/03/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,64	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1187	2001230279	Bạch Ngọc	Hợp	20/06/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,86	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1188	2001230328	Quang Nhật	Hung	05/11/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,78	90	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1189	2001230367	Nguyễn Phúc	Khang	04/04/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,74	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1190	2001230444	Lưu Đức	Linh	07/06/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,83	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1191	2001230479	Đặng Duy	Lợi	01/01/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,62	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1192	2001230525	Vô Văn	Minh	03/03/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,07	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1193	2001230568	Phạm Nguyễn Hồng	Ngọc	03/07/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,63	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1194	2001230582	Huỳnh Đỗ Hoàng	Nguyên	12/03/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,33	98	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1195	2001230615	Lê Thị Tuyết	Nhi	23/07/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,33	77	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1196	2001230548	Đặng Bảo	Ninh	25/06/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,7	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1197	2001230646	Nguyễn Tấn	Phát	08/02/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,5	90	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1198	2001230664	Nguyễn Hoài	Phong	14/10/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,51	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1199	2001230683	Lê Trần Hoàng	Phúc	05/04/2004	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,72	114	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1200	2001230874	Trần Ngọc	Thái	06/08/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,89	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1201	2001230880	Nguyễn Chí	Thanh	13/10/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,2	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1202	2001230883	Phạm Thị Lan	Thanh	24/10/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,44	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1203	2001230893	Tô Trương Trường	Thành	26/07/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,33	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1204	2001230811	Phạm Trí	Tín	03/10/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,44	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1205	2001230980	Bùi Quốc	Trí	09/04/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,66	96	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1206	2001230986	Trịnh Trinh	Trinh	14/11/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,06	99	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1207	2001230989	Bùi Quốc	Trọng	21/03/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,94	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1208	2001230993	Nguyễn Phú	Trọng	19/03/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,6	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1209	2001231006	Trần Diệp Minh	Trung	12/06/2004	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,56	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1210	2001230853	Hồ Sĩ	Tuấn	23/09/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,24	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1211	2001230860	Phan Thái	Tuấn	29/11/2005	Lớp 14DHTH07	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,36	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1212	2001230068	Nguyễn Xuân	Cương	26/03/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,13	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1213	2001230073	Mai Nhật	Cường	17/10/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,75	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1214	2001230167	Nguyễn Phạm Huỳnh	Đạt	08/08/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,07	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1215	2001230109	Lê Hữu	Duy	14/06/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,84	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1216	2001230276	Nguyễn Phi	Hồ	26/11/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,24	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1217	2001230260	Huỳnh Trần Kim	Hoàn	05/12/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,31	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1218	2001230274	Nguyễn Ngọc	Hoàng	07/04/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,5	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1219	2001230331	Trần Bảo	Hung	21/02/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,15	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1220	2001230310	Mai Nhật	Huy	13/01/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,65	86	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1221	2001230365	Hồ Sĩ	Khải	15/04/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,11	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1222	2001230474	Nguyễn Hoàng	Lộc	19/03/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,5	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1223	2001230625	Bùi Phụ	Nhiên	14/09/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,04	85	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1224	2001230739	Lê Cường	Quốc	14/01/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,07	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1225	2001230750	Võ Nguyễn Khánh	Quỳnh	10/04/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,26	89	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1226	2001230752	Lê Văn	Sang	19/04/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,5	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1227	2001230754	Nguyễn Hoàng	Sang	08/05/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,78	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1228	2001230897	Trương Nghiệp	Thành	27/09/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,75	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1229	2001230944	Phạm Đăng Gia	Thuận	13/05/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,69	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1230	2001230988	Nguyễn Quốc	Trọng	18/09/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,52	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1231	2001231019	Nguyễn Nhật	Trường	10/11/2005	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,13	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1232	2001231043	Trương Hoàng Phước	Vinh	01/01/2000	Lớp 14DHTH08	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,46	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1233	2001230004	Trần Nguyễn Bảo	An	24/10/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,76	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1234	2001230080	Tạ Thị Minh	Châu	21/05/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,01	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1235	2001230082	Hồ Nguyễn Linh	Chi	15/03/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,66	103	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1236	2001230102	Đông Việt	Dũng	28/07/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,93	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1237	2001230213	Trần Nhật	Hào	17/06/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,17	108	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1238	2001230246	Lê Trọng	Hiệu	28/03/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,51	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1239	2001230265	Phạm Việt	Hoàng	22/04/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,48	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1240	2001230311	Nguyễn Gia	Huy	28/07/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,74	81	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1241	2001230358	Ngô Hoàng	Kha	27/09/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,51	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1242	2001230395	Đỗ Hoàng Anh	Khoa	17/06/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,01	69	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1243	2001230407	Tạ Minh	Khoa	04/04/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,33	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1244	2001230344	Trương Tấn	Kiên	06/09/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,27	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1245	2001230470	Vô Thiện	Lộc	22/10/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,25	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1246	2001230556	Huỳnh Thái Tấn	Nghĩa	08/03/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,31	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1247	2001230726	Phan Minh	Quân	08/07/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,75	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1248	2001230716	Nguyễn Văn	Quang	18/11/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,7	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1249	2001230907	Lê Thị	Thắm	19/08/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,49	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1250	2001230913	Dương Đức	Thắng	01/03/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,57	88	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1251	2001230894	Đinh Tấn	Thành	26/09/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,96	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1252	2001230938	Bùi Tấn	Thông	01/07/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,14	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1253	2001230826	Lâm	Toàn	29/05/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,7	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1254	2001231065	Lê Hữu Thanh	Vy	02/05/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,65	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1255	2001231074	Lê Ân Hoàng	Ý	10/10/2005	Lớp 14DHTH09	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,31	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1256	2001230158	Ngô Thành	Đạt	12/03/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,11	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1257	2001230199	Đặng Quốc	Giáp	27/01/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,87	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1258	2001230209	Trần Đức	Hạnh	24/05/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,42	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1259	2001230233	Nguyễn Bá	Hiệp	16/10/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,91	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1260	2001230273	Mai Ngọc Xuân	Hoàng	25/10/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,91	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1261	2001230327	Nguyễn Duy	Hưng	22/10/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,48	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1262	2001230290	Nguyễn Quang	Huy	27/02/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,43	92	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1263	2001230386	Nguyễn Trường	Khang	07/11/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,47	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1264	2001230345	Trần Nguyễn Trung	Kiên	15/09/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1265	2001230538	Nguyễn Hoài	Nam	15/12/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,89	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1266	2001230544	Nguyễn Hoàng	Nam	27/09/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,12	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1267	2001230653	Lê Huy	Phát	29/07/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,98	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1268	2001230659	Nguyễn Ngọc	Phi	14/11/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,75	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1269	2001230672	Trần Gia	Phú	07/12/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,48	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1270	2001230778	Hứa Quang	Tâm	20/08/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,3	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1271	2001230794	Võ Thành	Tân	16/07/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,76	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1272	2001230875	Nguyễn Văn	Thái	24/06/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,04	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1273	2001230891	Trần Quang	Thành	02/03/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,56	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1274	2001230928	Nguyễn Hữu	Thiện	01/11/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,87	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1275	2001230957	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	11/07/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,86	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1276	2001230985	Cao Ngọc Khắc	Triệu	22/03/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,33	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1277	2001231004	Nguyễn Quốc	Trung	12/10/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,31	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1278	2001230842	Hoàng Đức	Tú	02/09/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,58	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1279	2001231025	Trần Khánh	Uyên	17/09/2005	Lớp 14DHTH10	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,86	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1280	2001230153	Nguyễn Cao Dũng	Đạt	26/07/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,08	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1281	2001230218	Lê Thị	Hằng	01/01/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,58	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1282	2001230268	Võ Minh	Hoàng	12/04/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,53	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1283	2001230326	Thái Phúc	Hung	23/12/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8	111	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1284	2001230602	Nguyễn Xuân	Nhân	20/05/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,33	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1285	2001230674	Cao Quốc	Phú	02/03/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,12	87	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1286	2001230692	Võ Đức	Phúc	10/02/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,82	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1287	2001230753	Nguyễn Tấn	Sang	15/04/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,64	90	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1288	2001230881	Nguyễn Trần Đình	Thanh	20/11/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,36	81	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1289	2001230987	Nguyễn Bảo	Trọng	18/07/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,56	76	Khá	40%	13.636.500	5.454.600	
1290	2001231012	Trần Võ Đình	Trung	01/01/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,86	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1291	2001230843	Nguyễn Hưng Khánh	Tú	26/11/2004	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,24	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1292	2001230855	Phạm Anh	Tuấn	01/01/2005	Lớp 14DHTH11	Khoa Công nghệ Thông tin	22	8,81	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1293	2001230161	Nguyễn Tiến	Đạt	27/06/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,98	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1294	2001230210	Nguyễn Văn	Hào	10/08/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,03	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1295	2001230250	Phan Thị Hồng	Hòa	10/12/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	87	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1296	2001230271	Ngô Minh	Hoàng	01/12/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,23	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1297	2001230289	Huỳnh Hữu	Huy	06/10/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,7	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1298	2001230394	Nguyễn Hữu	Khánh	10/01/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,01	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1299	2001230428	Nguyễn Thị Thúy	Lành	06/09/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	94	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1300	2001230562	Lê Thanh	Nghĩa	02/02/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,67	102	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1301	2001230636	Mai Hưng	Phát	17/07/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,11	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1302	2001230652	Nguyễn Nhật	Phát	27/02/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,91	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1303	2001230828	Thi Lý Hữu	Toàn	06/12/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,2	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1304	2001230856	Bùi Đức	Tuấn	21/08/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,12	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1305	2001231073	Nguyễn Long	Vỹ	04/02/2005	Lớp 14DHTH12	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,87	87	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1306	2001230043	Hồ Tiêu Nguyên	Bảo	02/04/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,46	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1307	2001230151	Nguyễn Tấn	Đạt	24/03/2004	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,23	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1308	2001230195	Nguyễn Quang	Đức	04/07/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,43	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1309	2001230131	Hồ Thị Mỹ	Duyên	19/01/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,83	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1310	2001230221	Lê Gia	Hân	09/06/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,29	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1311	2001230216	Lê Chí	Hào	11/03/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,15	93	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1312	2001230230	Nguyễn Minh	Hiền	08/01/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,08	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1313	2001230257	Đặng Nguyên	Hoài	14/10/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,34	113	Xuất sắc	100%	13.635.000	13.635.000	
1314	2001230320	Lương Xuân	Hưng	22/12/2004	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,41	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1315	2001230322	Nguyễn Minh	Hưng	12/04/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,88	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1316	2001230392	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,36	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1317	2001230425	Biện Thanh	Lạc	24/04/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,09	94	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1318	2001230649	Kiều Tấn	Phát	10/09/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,83	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1319	2001230706	Đinh Tấn	Phương	29/11/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,25	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1320	2001230757	Huỳnh Quang	Sang	14/11/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,43	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1321	2001230770	Nguyễn Đức	Tài	16/05/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,11	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1322	2001230781	Nguyễn Chí	Tâm	31/05/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,15	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1323	2001230793	Nguyễn Thành	Tân	30/07/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,86	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1324	2001230915	Phan Đức	Thê	18/06/2004	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,04	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1325	2001230920	Ngô Long	Thiên	16/08/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,07	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1326	2001230934	Nguyễn Ngọc	Thịnh	07/02/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,69	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1327	2001230805	Nguyễn Văn	Tiến	01/12/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,36	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1328	2001230832	Nguyễn Nhật	Toàn	02/03/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,25	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1329	2001231016	Trần Ngô Trọng	Trường	20/08/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,86	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1330	2001231015	Vũ Thiên	Trường	13/10/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,64	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1331	2001231041	Lê Ngọc	Vinh	27/05/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,6	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1332	2001231068	Nguyễn Thị Yến	Vy	08/07/2005	Lớp 14DHTH13	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,18	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1333	2001230017	Lê Ngọc	Anh	03/02/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,02	85	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1334	2001230083	Nguyễn Thị Kim	Chi	17/09/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,76	86	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1335	2001230130	Lê Thị Mỹ	Duyên	13/07/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,39	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1336	2001230280	Phan Đoàn Bách	Hợp	20/12/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,96	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1337	2001230282	Phạm Đăng	Huân	22/03/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,26	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1338	2001230304	Phạm Thanh	Huy	02/05/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,59	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1339	2001230361	Nguyễn Trọng	Khải	02/07/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,75	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1340	2001230461	Bùi Quang	Long	16/11/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,96	88	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1341	2001230506	Chu Đức	Mạnh	03/01/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,19	83	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1342	2001230551	Trần Thị Huyền	Ngân	16/05/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,78	104	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1343	2001230555	Đình Hiếu	Nghĩa	11/06/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,59	83	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1344	2001230593	Đặng Duy	Nhàn	22/03/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,17	101	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1345	2001230709	Trần Duy	Quang	25/02/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,11	102	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1346	2001230735	Nguyễn Minh	Quý	01/07/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,28	77	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1347	2001230782	Phạm Xuân	Tâm	09/07/2004	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,59	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1348	2001230895	Nguyễn Văn	Thành	26/09/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,97	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1349	2001230926	Nguyễn Minh	Thiện	07/10/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,36	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1350	2001230967	Đặng Ngọc	Thường	06/10/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,58	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1351	2001230950	Lê Ngọc Phương	Thùy	11/02/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,65	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1352	2001230821	Phạm Văn	Tịnh	25/11/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,27	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1353	2001231060	Thái Duy	Vũ	01/05/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,23	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1354	2001231058	Trương Như	Vũ	02/04/2005	Lớp 14DHTH14	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,69	99	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1355	2001230084	Nguyễn Ngọc Lan	Chi	23/09/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,84	81	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1356	2001230301	Nguyễn Quốc	Huy	01/06/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,73	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1357	2001230308	Phạm Trần Văn Quốc	Huy	23/06/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,32	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1358	2001230411	Lê Đình Anh	Khoa	11/01/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,88	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1359	2001230399	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	14/06/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,85	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1360	2001230396	Võ Anh	Khoa	06/06/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,45	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1361	2001230518	Đặng Duy	Minh	20/03/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,44	83	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1362	2001230540	Nguyễn Thanh	Nam	05/09/2004	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,79	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1363	2001230694	Nguyễn Tâm	Phúc	19/09/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,86	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1364	2001230689	Trần Lư Minh	Phúc	02/04/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,43	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1365	2001230690	Trần Minh	Phúc	27/12/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,59	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1366	2001230818	Vạn Trung	Tính	02/01/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,68	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1367	2001230981	Nguyễn Minh	Trí	06/05/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,21	89	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1368	2001230850	Đặng Anh	Tuấn	01/06/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,53	81	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1369	2001230859	Hoàng Anh	Tuấn	30/07/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,91	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1370	2001230846	Lê Huy	Tuấn	08/05/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,41	100	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1371	2001231067	Bạch Ngọc	Vy	25/11/2005	Lớp 14DHTH15	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,71	88	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1372	2001230022	Phan Tấn	Anh	06/02/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,64	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1373	2001230079	Nguyễn Thị Bảo	Châu	04/12/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,75	104	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1374	2001230166	Ngô Tấn	Đạt	06/01/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,69	91	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1375	2001230240	Lều Công Trung	Hiếu	27/11/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,32	98	Xuất sắc	100%	13.635.000	13.635.000	
1376	2001230281	Võ Đức Thế	Huân	30/10/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,81	95	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1377	2001230334	Lê Nguyễn Việt	Hung	04/01/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,33	89	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1378	2001230296	Huỳnh Gia	Huy	02/12/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,89	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1379	2001230309	Lê Quốc	Huy	01/10/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,43	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1380	2001230421	Huỳnh Ngọc	Khôi	07/06/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,15	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1381	2001230348	Võ Anh	Kiệt	03/12/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,36	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1382	2001230447	Nguyễn Mai Hồng	Loan	01/09/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,99	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1383	2001230501	Nguyễn Phi Huỳnh	Mai	25/04/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	9,08	75	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1384	2001230509	Nguyễn Trọng	Mạnh	27/06/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,58	95	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1385	2001230616	Đỗ Yến	Nhi	18/09/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,49	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1386	2001230622	Dương Thị Tuyết	Nhi	01/09/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,34	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1387	2001230631	Đặng Anh	Nhật	21/09/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,68	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1388	2001230632	Diêm Thị Kiều	Oanh	01/10/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,04	87	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1389	2001230704	Trần Thị Minh	Phương	24/06/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,08	98	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1390	2001230729	Lê Nguyễn Gia	Quân	30/06/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,3	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1391	2001230733	Nguyễn Kim	Quân	11/02/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	7,11	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1392	2001230953	Phạm Kim Diễm	Thúy	04/10/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,34	81	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1393	2001230806	Phan Minh	Tiến	01/08/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,01	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1394	2001230831	Lương Kiến	Toàn	05/12/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,18	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1395	2001230992	Nguyễn Hồ Minh	Trọng	04/06/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,56	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
1396	2001231023	Ngô Thị Thu	Uyên	30/01/2005	Lớp 14DHTH16	Khoa Công nghệ Thông tin	16	8,31	98	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
1397	2006208648	PHẠM THỊ NGỌC	DUNG	14/07/2002	Lớp 11DHCBS	Khoa Công nghệ Thực phẩm	15	7,39	68	Khá	40%	9.630.000	3.852.000	
1398	2022200167	HUỲNH THỊ LAN	ANH	29/06/2002	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,16	75	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1399	2022200132	NGUYỄN NGỌC	ANH	05/02/2002	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,53	72	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1400	2022200330	PHẠM NGUYỄN NGỌC	DUNG	27/01/2002	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	7,52	72	Khá	40%	7.444.000	2.977.600	
1401	2005200141	VÕ THU	HÂN	08/11/2001	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,61	68	Khá	40%	6.160.000	2.464.000	
1402	2022200048	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	13/07/2001	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	68	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1403	2022200015	LÊ THỊ THANH	NHÂN	26/05/2002	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,24	68	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1404	2022200303	LÊ THỊ HỒNG	NHIÊN	29/08/2002	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	12	7,45	68	Khá	40%	9.014.000	3.605.600	
1405	2022200025	LÊ NGỌC MINH	THÚ	28/09/2002	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,09	81	Giỏi	60%	7.580.000	4.548.000	
1406	2022200068	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	19/11/2001	Lớp 11DHDB1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,96	68	Khá	40%	5.824.000	2.329.600	
1407	2022202022	NGUYỄN TRẦN MINH	NGỌC	12/07/2002	Lớp 11DHDB2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,01	79	Khá	40%	7.444.000	2.977.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1408	2022202034	NGUYỄN THỊ MINH	THU'	25/01/2002	Lớp 11DHDB2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,19	72	Khá	40%	7.444.000	2.977.600	
1409	2022200316	NGUYỄN HOÀI	THUỖN G	20/02/2002	Lớp 11DHDB2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,03	79	Khá	40%	6.634.000	2.653.600	
1410	2022200018	PHÍ NGỌC THẢO	TRÂM	29/05/2002	Lớp 11DHDB2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,64	65	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1411	2022208666	TRẦN LÊ THÚY	AN	02/03/2002	Lớp 11DHDB3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,6	79	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1412	2022208659	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	01/03/2002	Lớp 11DHDB3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,58	92	Giỏi	60%	6.634.000	3.980.400	
1413	2022208691	LÊ NGỌC HUỲNH	HƯỚNG	13/11/2002	Lớp 11DHDB3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,45	71	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1414	2022208713	PHẠM VŨ MINH	NHẬT	09/03/2002	Lớp 11DHDB3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,58	71	Khá	40%	6.120.000	2.448.000	
1415	2022208733	ĐỖ NHẬT	TRƯỜNG	10/06/2002	Lớp 11DHDB3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	7,88	79	Khá	40%	7.958.000	3.183.200	
1416	2022208683	TRẦN ĐỖ PHƯƠNG	VY	05/03/2002	Lớp 11DHDB3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,27	68	Khá	40%	8.294.000	3.317.600	
1417	2005200708	ĐẶNG THỊ MINH	CHÂU	01/03/2001	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,6	73	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1418	2005200549	NGUYỄN PHAN THÙY	ĐAN	08/03/2000	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,38	68	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1419	2005201225	HUỲNH LÊ THÚY	DIỄM	21/03/2002	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,5	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1420	2005200330	LÊ THỊ THU	HÀ	10/09/2002	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,78	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1421	2005200735	HUỲNH THỤY HOÀNG	LAM	23/09/2002	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,85	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1422	2005200844	NGUYỄN THANH	LÂM	26/01/2002	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	12	8,33	75	Khá	40%	8.840.000	3.536.000	
1423	2005200571	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	07/01/2002	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,88	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1424	2005200382	NGUYỄN LÊ KIỀU	MỊ	24/05/2002	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,48	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1425	2005200480	NGUYỄN HOÀNG	NAM	22/12/2001	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	14	9,08	110	Xuất sắc	100%	9.868.000	9.868.000	
1426	2005200552	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	04/09/2001	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	12	8,27	80	Giỏi	60%	8.640.000	5.184.000	
1427	2005200551	HUỖNH YẾN	PHỤNG	25/07/2000	Lớp 11DHTP1	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,35	67	Khá	40%	7.272.000	2.908.800	
1428	2005201354	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	18/12/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	7,82	68	Khá	40%	7.934.000	3.173.600	
1429	2005203029	TRẦN THÚY	HUỖNH	30/08/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,38	96	Giỏi	60%	7.460.000	4.476.000	
1430	2005202069	ĐINH THỊ NGỌC	MAI	17/03/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,86	89	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1431	2005202085	LÝ THANH	NGÂN	15/01/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	7,66	68	Khá	40%	6.410.000	2.564.000	
1432	2005203038	LÊ THỊ KIM	NGUYỄN	23/11/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,22	80	Giỏi	60%	7.460.000	4.476.000	
1433	2005202103	NGU NGUYỄN THIÊN	NHI	18/08/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,85	92	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1434	2005202109	CHÂU THỊ HUỖNH	NHƯ	21/05/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,21	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1435	2005202122	TRƯỜNG ĐỨC	QUY	28/09/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,49	71	Khá	40%	6.200.000	2.480.000	
1436	2005202151	NGUYỄN HOÀNG THANH	THƯ	18/11/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,91	72	Khá	40%	5.652.000	2.260.800	
1437	2005202156	NGUYỄN PHƯƠNG	THY	30/06/2002	Lớp 11DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,61	68	Khá	40%	6.314.000	2.525.600	
1438	2005203018	ĐẶNG THỊ LAN	ANH	21/06/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,46	86	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1439	2005202009	NGUYỄN THỊ MỸ	CHI	07/12/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,51	71	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1440	2005200279	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	20/02/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,11	78	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1441	2005200286	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG	14/02/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,1	81	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1442	2005200902	NGUYỄN NHẬT	HUỖNH	20/05/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,43	72	Khá	40%	6.650.000	2.660.000	
1443	2005204105	PHAN THỊ	LOAN	02/09/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,43	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1444	2005200709	THÔNG HƯNG	LONG	26/10/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,33	81	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1445	2005202077	ĐẶNG NGỌC TRÀ	MY	28/05/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,45	67	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1446	2005202084	TRẦN KIM	NGÂN	16/11/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	13	8,17	72	Khá	40%	9.070.000	3.628.000	
1447	2005201240	NGUYỄN THỰC	NGHI	19/04/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	14	7,54	72	Khá	40%	9.604.000	3.841.600	
1448	2005200757	TRƯỜNG THỊ QUỲNH	NHƯ	09/07/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,23	72	Khá	40%	8.270.000	3.308.000	
1449	2005200249	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	07/05/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,38	72	Khá	40%	6.570.000	2.628.000	
1450	2005203016	KIẾN NHẬT	QUỲNH	03/10/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,76	77	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1451	2005200771	HUỖNH NGỌC LONG	SON	03/10/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,02	72	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1452	2005202158	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	14/06/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,39	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1453	2005200547	PHẠM THỊ MINH	TRANG	22/12/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,4	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1454	2005202175	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	13/01/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,49	71	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1455	2005204163	ĐỖ THỊ THẢO	VI	01/06/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	79	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1456	2005201146	HOÀNG THỊ HÀ	VY	02/02/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,56	66	Khá	40%	6.570.000	2.628.000	
1457	2005200917	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	26/11/2002	Lớp 11DHTP11	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,51	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1458	2005203037	TRẦN THỊ HOÀNG	AN	17/05/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,2	91	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1459	2005203007	VÕ MINH	ANH	18/03/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,34	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1460	2005208465	NGUYỄN PHẠM GIA	BẢO	27/03/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,83	71	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1461	2005208464	ĐOÀN NGỌC TRẦN	CHÂU	26/03/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	7,95	97	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1462	2005208569	PHẠM HOÀNG LINH	ĐAN	09/09/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,57	68	Khá	40%	8.310.000	3.324.000	
1463	2005200234	NGUYỄN HOÀNG	HUY	23/05/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,49	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1464	2005208572	NGUYỄN THẾ	HUY	10/09/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,34	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1465	2005208556	NGUYỄN BẢO	LONG	03/04/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,89	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1466	2005208612	LÊ NAM	SƠN	26/06/1999	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	7,77	68	Khá	40%	6.650.000	2.660.000	
1467	2005208390	HÀ TRẦN VĂN	TÂY	07/09/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,15	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1468	2005202160	TRƯƠNG ĐÌNH	TIẾN	12/11/2002	Lớp 11DHTP12	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,26	103	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1469	2005208349	NGUYỄN NGỌC KIỀU	ANH	22/09/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,75	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1470	2005208190	ĐOÀN MAI PHÁT	ĐẠT	06/04/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,29	68	Khá	40%	7.272.000	2.908.800	
1471	2005208231	MAI THÀNH	ĐẠT	24/10/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,29	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1472	2005208153	LÊ CÔNG	ĐỨC	25/11/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,33	71	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1473	2005208380	LÊ VIỆT	HÀO	23/11/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,41	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1474	2005208324	VÕ THỊ NHƯ	HUỖNH	25/12/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,79	71	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1475	2005208331	VŨ HUỖNH	KHÁNH	30/10/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,39	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1476	2005208376	LÊ TRUNG	KIÊN	03/05/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,66	71	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1477	2005208379	NGUYỄN NGỌC QUẾ	MINH	17/04/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,39	68	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1478	2005208323	LÊ THỊ DIỆU	NGÂN	29/03/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,63	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1479	2005208235	LÊ THỊ THANH	NGÂN	27/04/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,63	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1480	2005208485	NGUYỄN PHƯƠNG	NHÃ	17/04/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,13	68	Khá	40%	7.484.000	2.993.600	
1481	2005208278	ĐẶNG THỊ MỸ	PHUỖN G	19/09/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,51	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1482	2005208334	PHAN MINH	QUÂN	02/06/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,88	75	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1483	2005208242	ĐÀO QUANG	THÀNH	26/09/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	7,46	92	Khá	40%	7.460.000	2.984.000	
1484	2005208402	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	29/08/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,58	83	Giỏi	60%	7.020.000	4.212.000	
1485	2005208472	MẠC NGỌC	TRÂM	06/01/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,45	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1486	2005208230	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	24/09/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,14	68	Khá	40%	6.210.000	2.484.000	
1487	2005208149	PHẠM TRẦN KHÁNH	VY	25/02/2002	Lớp 11DHTP13	Khoa Công nghệ Thực phẩm	26	8,38	80	Giỏi	60%	18.512.000	11.107.200	
1488	2005208276	ĐỖ NGUYỄN QUỲNH	ANH	06/11/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,48	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1489	2005208328	ĐỖ NGỌC	BÍCH	07/07/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,74	68	Khá	40%	7.460.000	2.984.000	
1490	2005208191	HỨA CHÍ	CUÔNG	03/07/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,55	92	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1491	2005208150	TRẦN VĨ	ĐAN	17/06/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,4	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1492	2005208355	NHAN NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	05/11/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,44	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1493	2005208424	TRẦN THỊ KIỀU	LY	27/05/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,3	68	Khá	40%	5.800.000	2.320.000	
1494	2005208220	LÊ THY THÙY	NGÂN	01/03/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,24	72	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1495	2005208343	ĐÀO TRỌNG	NGUYỄN	27/09/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,62	68	Khá	40%	7.640.000	3.056.000	
1496	2005208174	PHÙNG TRỌNG	NHÂN	26/11/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,66	75	Khá	40%	5.824.000	2.329.600	
1497	2005208295	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	03/02/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1498	2005208383	TRIỆU THỊ	NHUNG	02/10/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,8	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1499	2005208558	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	06/08/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	79	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1500	2005208239	NGÔ MINH	TRỰC	14/09/2002	Lớp 11DHTP14	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,59	92	Giỏi	60%	6.422.000	3.853.200	
1501	2005208307	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	13/03/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,11	68	Khá	40%	7.950.000	3.180.000	
1502	2005208545	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	03/02/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,3	65	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1503	2005208475	BÙI CÔNG	DANH	12/10/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,68	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1504	2005208234	ĐẶNG THÁI	DUƠNG	06/05/2000	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,8	75	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1505	2005208561	CAO THỊ MỸ	HẠNH	29/07/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,73	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1506	2005208549	LÊ NGỌC QUỲNH	HOA	16/07/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,2	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1507	2005208192	PHẠM THỊ BÍCH	HUỖNG	02/11/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	9,2	95	Xuất sắc	100%	5.760.000	5.760.000	
1508	2005208350	HUỲNH THỊ TUYẾT	NHI	06/02/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,25	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1509	2005208218	ĐỖ THỊ KIM	OANH	21/09/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,64	79	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1510	2005208557	TRƯƠNG THUY KIỀU	OANH	05/11/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,44	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1511	2005208550	TRẦN ĐỖ MAI	PHUÔNG	03/10/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,34	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1512	2005208506	BÙI PHƯƠNG	THẢO	07/06/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,55	79	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1513	2005208501	NGUYỄN ANH	THU	23/11/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,58	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1514	2005208273	NGUYỄN THỊ MINH	THU	16/07/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	79	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1515	2005208444	LƯƠNG THỊ MỸ	TIỀN	24/07/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,23	79	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1516	2005208180	HÀ THANH	TUỔI	23/03/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	75	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1517	2005208447	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	02/10/2002	Lớp 11DHTP15	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,16	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1518	2005208437	CAO HUỲNH TƯỜNG	AN	15/10/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,9	65	Khá	40%	11.796.000	4.718.400	
1519	2005208505	LƯU THỊ MỸ	DẮNG	05/01/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,84	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1520	2005208617	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	15/10/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,6	71	Khá	40%	7.084.000	2.833.600	
1521	2005208559	VĂN THÚY	HÀNG	02/08/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,66	75	Khá	40%	7.084.000	2.833.600	
1522	2005208258	TRẦN THỊ KHÁNH	LY	31/10/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,85	70	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1523	2005208570	LÊ VÕ NHẬT	MINH	10/10/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,19	72	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1524	2005208228	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	22/09/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,73	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1525	2005208508	LÂM NHƯ	QUỲNH	26/12/2001	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	7,96	74	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1526	2005208170	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUỲNH	09/05/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,25	68	Khá	40%	7.084.000	2.833.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1527	2005208427	BÙI TẠ MINH	THU	17/06/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,61	86	Giỏi	60%	7.084.000	4.250.400	
1528	2005208412	PHAN THỊ ANH	THU	31/08/2002	Lớp 11DHTP16	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,54	67	Khá	40%	6.274.000	2.509.600	
1529	2005200828	NGUYỄN HUỠNH TRÂM	ANH	08/09/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	13	8,08	76	Khá	40%	9.070.000	3.628.000	
1530	2005201025	LÊ THỊ NGỌC	DIỄM	24/10/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,61	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1531	2005201061	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	04/09/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,39	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1532	2005200245	LÊ THỊ NHƯ	HẢO	28/05/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,54	73	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1533	2005200277	DƯƠNG THỊ THU	HƯỚNG	23/06/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,78	88	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1534	2005200835	LÊ QUỐC	HUY	22/11/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,54	88	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1535	2005200241	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	08/10/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	72	Khá	40%	5.892.000	2.356.800	
1536	2005200301	NGUYỄN THỊ THU	MỘNG	24/12/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,39	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1537	2005200305	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	22/09/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,56	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1538	2005201012	NGUYỄN THỊ TỐ	QUYÊN	17/08/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,43	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1539	2005201008	ĐỖ THỊ THU	THẢO	15/04/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,63	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1540	2005200193	LÊ THỊ	THO	04/06/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,58	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1541	2005200226	ĐÀO THỊ THỦY	TIỀN	21/03/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,74	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1542	2005201019	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	06/08/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,74	81	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1543	2005200242	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRINH	08/10/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,89	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1544	2005200282	LÂM BỘI	TUYỀN	11/11/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,53	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1545	2005200441	TRẦN THỊ THÚY	VY	31/01/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,6	75	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1546	2005200250	CAO THỊ TRÚC	XINH	04/11/2002	Lớp 11DHTP2	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,53	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1547	2005200651	VÔ THỊ PHƯỢNG	HÀNG	25/06/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,17	72	Khá	40%	6.570.000	2.628.000	
1548	2005200623	NGUYỄN THỊ ÁI	HẬU	10/02/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,61	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1549	2005200172	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	19/09/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,41	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1550	2005201320	NGUYỄN THỊ LAN	HUY	04/12/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,16	72	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1551	2005200170	NGUYỄN	KHÁNH	20/02/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,84	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1552	2005201108	MAI THỊ	KIỀU	08/07/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,71	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1553	2005200324	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC	16/12/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,06	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1554	2005201185	TRẦN HOÀNG	PHONG	08/10/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,53	75	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1555	2005200464	LÊ	QUỲNH	19/01/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,18	72	Khá	40%	6.410.000	2.564.000	
1556	2005201011	NGUYỄN THỊ THU	SANG	26/12/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,63	86	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1557	2005200276	HUỲNH TẤN	TÀI	27/06/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	7,92	76	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1558	2005200306	LÊ ANH	TAM	16/03/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,29	135	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1559	2005200584	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	15/05/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,35	75	Khá	40%	5.800.000	2.320.000	
1560	2005201110	ĐẶNG THỊ	TRÂM	20/09/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,49	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1561	2005200399	TÔ THỊ CẨM	TRANG	26/03/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,76	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1562	2005200601	LÊ NGUYỄN TUỜNG	VY	22/12/2002	Lớp 11DHTP3	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,81	92	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1563	2005200638	NGUYỄN TRẦN MINH	ANH	09/09/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,75	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1564	2005200756	NGÔ TẤN	BÌNH	29/04/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,99	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1565	2005201183	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	04/01/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,76	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1566	2005201176	NGÔ THỊ KIM	HUYỀN	24/12/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,4	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1567	2005200592	HỒ ĐẶNG PHƯƠNG	LINH	23/07/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,06	72	Khá	40%	6.570.000	2.628.000	
1568	2005200419	NGUYỄN CHÂU	LINH	08/07/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,73	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1569	2005200221	LÊ THỊ THANH	LÝ	27/07/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	7,69	72	Khá	40%	6.274.000	2.509.600	
1570	2005200326	NGUYỄN HOÀNG	NAM	24/01/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,25	72	Khá	40%	7.934.000	3.173.600	
1571	2005200219	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	08/02/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	7,98	72	Khá	40%	6.210.000	2.484.000	
1572	2005200632	LÊ TRẦN YẾN	NHI	19/10/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,36	76	Khá	40%	7.420.000	2.968.000	
1573	2005201325	HUỖNH THỊ QUỲNH	NHƯ	16/07/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	9,05	76	Khá	40%	5.760.750	2.304.300	
1574	2005200769	TRẦN NHẬT	PHI	19/11/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	7,8	76	Khá	40%	7.272.000	2.908.800	
1575	2005201047	NGUYỄN THỊ THU	TÂM	16/08/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	7,75	92	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1576	2005200597	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	23/11/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,73	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1577	2005200473	TRƯƠNG THỊ HUỖNH	TƯ	16/11/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,68	70	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1578	2005200466	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	VY	24/04/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,78	92	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1579	2005200200	CAO THỊ NHƯ	Ý	09/11/2002	Lớp 11DHTP4	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,93	92	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1580	2005201314	ĐÌNH QUỲNH	ANH	27/09/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	14	7,66	68	Khá	40%	10.124.000	4.049.600	
1581	2005200513	TRẦN THỊ VÂN	ANH	15/04/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,48	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1582	2005201060	LÊ MINH	CHÁNH	28/05/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,31	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1583	2005200379	HUỲNH THỊ MỸ	DUNG	01/06/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,38	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1584	2005200520	NGÔ NHẬT	DUYÊN	31/01/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,59	67	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1585	2005200816	HUỲNH THỊ HỒNG	HOA	21/04/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,29	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1586	2005201055	TRẦN LÊ NHƯ	HUỲNH	26/09/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,73	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1587	2005200559	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	02/12/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,45	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1588	2005200260	NGUYỄN NGỌC	LƯỢN	27/08/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,3	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1589	2005200602	VĂN HOÀI	NA	25/09/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,5	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1590	2005201140	NGUYỄN THÚY HỒNG	NHƯ	13/11/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	7,85	68	Khá	40%	8.082.000	3.232.800	
1591	2005200686	LÊ THỊ NGỌC	THÚY	20/04/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,41	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1592	2005201088	THÁI THỊ THANH	TRÚC	10/04/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,6	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1593	2005201239	LÊ THỊ MỸ	TUYỀN	25/09/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,79	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1594	2005200346	NGUYỄN LÊ THANH	TUYỀN	14/12/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,28	68	Khá	40%	8.310.000	3.324.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1595	2005200293	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	29/01/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,18	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1596	2005200533	SƠN NGỌC ÁI	VY	02/06/2002	Lớp 11DHTP5	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,68	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1597	2005201317	LÊ CẨM QUỲNH	ANH	02/04/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,5	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1598	2005200753	NGUYỄN HOÀNG TRÂM	ANH	25/08/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,01	68	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1599	2005200407	VÕ THỊ NGỌC	ANH	10/06/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,48	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1600	2005200737	HỒ QUÊ	CHI	10/04/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,7	88	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1601	2005200033	TRẦN THỊ QUỲNH	GIANG	04/12/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,48	88	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1602	2005200108	ĐÌNH GIA	HÂN	30/01/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,93	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1603	2005201132	LƯƠNG NGỌC	HÂN	23/11/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,44	109	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1604	2005200934	BÙI NGỌC THÙY	LINH	20/07/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,18	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1605	2005200561	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	22/11/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,13	68	Khá	40%	6.274.000	2.509.600	
1606	2005200174	TIÊU TIÊU	MY	14/07/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,64	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1607	2005200635	LÊ THỊ TUYẾT	NGÂN	27/10/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,58	86	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1608	2005200309	CHÂU THỊ CẨM	NGUYỄN	12/09/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,73	74	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1609	2005200568	LÊ YẾN	NHI	26/12/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,54	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1610	2005200710	HUỲNH HOÀI	PHONG	11/02/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,64	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1611	2005201318	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚ	14/07/2001	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,81	80	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1612	2005201194	PHAN THỊ HỒNG	QUYÊN	08/08/2000	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,57	89	Giỏi	60%	6.422.000	3.853.200	
1613	2005200935	TRẦN THỊ MỘNG	QUYÊN	16/12/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,44	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1614	2005201234	BÙI QUÂN	TÚ	22/04/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	7,96	68	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1615	2005200562	TRẦN THỊ HỒNG	YẾN	30/07/2002	Lớp 11DHTP6	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,96	84	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1616	2005200594	LÊ NGUYỄN TRÂM	ANH	24/07/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,43	92	Giỏi	60%	7.020.000	4.212.000	
1617	2005200705	TRẦN QUAN THỰC	ANH	16/01/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,18	86	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1618	2005201157	VƯƠNG THỊ	LỆ	10/04/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8	71	Khá	40%	6.610.000	2.644.000	
1619	2005200199	NGUYỄN NGỌC YẾN	NGÂN	10/11/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,53	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1620	2005201059	NGUYỄN TUẤN	PHÁT	15/04/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,29	83	Giỏi	60%	7.460.000	4.476.000	
1621	2005200377	ĐÌNH NGỌC	QUỐC	16/10/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,4	106	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1622	2005200640	HUỖNH TUẤN	TÀI	16/05/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,55	102	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1623	2005201313	NGUYỄN DUY	TÂN	12/10/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,35	91	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1624	2005200770	NGUYỄN BÁ	THIỆN	25/11/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,51	82	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1625	2005200617	TRỊNH THỊ THANH	THU	28/06/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,65	87	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1626	2005200353	VÕ THỊ HƯƠNG	TRÂM	18/12/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,11	103	Giỏi	60%	5.400.000	3.240.000	
1627	2005200259	DƯƠNG THỊ ÁNH	TRÂM	16/05/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,39	68	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1628	2005201186	LÊ QUỐC	TRUNG	10/10/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,49	82	Giỏi	60%	6.610.000	3.966.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1629	2005200669	NGÔ NGUYỄN MAI	VIÊN	05/06/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,41	66	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1630	2005201178	NGUYỄN NHẬT	VY	09/11/2002	Lớp 11DHTP7	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,05	72	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1631	2005201062	ĐÌNH THỊ	GÁM	01/01/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	13	8,19	72	Khá	40%	9.218.000	3.687.200	
1632	2005200644	ĐẶNG THỊ TRƯỜNG	GIANG	30/03/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,31	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1633	2005200349	NGUYỄN NGỌC DIỄM	HÀNG	12/08/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,63	88	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1634	2005200695	NGUYỄN THỊ THU	HÀNG	20/03/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,99	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1635	2005200662	Trần Thị Mỹ	Hoàng	27/07/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,54	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1636	2005202043	TỪ PHƯƠNG	HỒNG	12/07/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,56	70	Khá	40%	5.464.000	2.185.600	
1637	2005201148	NGUYỄN THỂ NHÃ	KHA	16/09/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,4	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1638	2005200137	NGUYỄN NHƯ	MAI	24/11/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	70	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1639	2005201109	NGÔ NGỌC	MY	19/06/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,61	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1640	2005200925	NGUYỄN THỊ TUYẾT	PHỤNG	10/10/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,59	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1641	2005200198	LÊ HÀ	PHUỖN G	12/12/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,76	128	Giỏi	60%	5.464.000	3.278.400	
1642	2005201133	TRẦN THỊ HỒNG	PHUỖN G	28/02/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,44	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1643	2005202126	NGUYỄN PHƯƠNG	QUYÊN	11/05/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,61	70	Khá	40%	5.464.000	2.185.600	
1644	2005200167	VÔ THỊ	QUYÊN	28/02/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,47	82	Giỏi	60%	6.610.000	3.966.000	
1645	2005201224	NGUYỄN NGỌC	SANG	21/11/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,11	96	Giỏi	60%	5.800.000	3.480.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1646	2005201036	VÔ PHƯỚC	THANH	22/03/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	14	7,64	72	Khá	40%	9.792.000	3.916.800	
1647	2005201121	TRƯƠNG THỊ KIM	THẢO	15/05/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,76	65	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1648	2005202145	PHẠM THỊ LINH	THI	11/09/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,25	79	Khá	40%	7.272.000	2.908.800	
1649	2005200795	PHẠM XUÂN	THỨC	26/09/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,29	70	Khá	40%	5.612.000	2.244.800	
1650	2005200335	NGUYỄN VÕ MINH	THÚY	01/01/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,39	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1651	2005200702	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	11/12/2001	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,27	82	Giỏi	60%	7.934.000	4.760.400	
1652	2005200661	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	17/07/2002	Lớp 11DHTP8	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,58	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1653	2005202001	PHẠM THỊ BÌNH	AN	13/06/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,46	72	Khá	40%	7.084.000	2.833.600	
1654	2005202011	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHINH	21/02/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,91	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1655	2005202025	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	24/01/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	9	8,73	76	Khá	40%	6.570.000	2.628.000	
1656	2005200622	LƯƠNG THỊ ĐỨC	HẠNH	21/05/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,48	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1657	2005202078	NGUYỄN LÊ HÀ	MY	29/06/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	7,99	67	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1658	2005202074	VÔ NGỌC	MY	11/04/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	13	8,02	72	Khá	40%	9.274.000	3.709.600	
1659	2005202086	TRƯƠNG MẠN	NGỌC	16/02/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,25	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1660	2005203035	LÊ NGỌC MINH	NGUYỆT	27/07/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,7	76	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1661	2005202093	NGUYỄN HỮU	NHÂN	21/11/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	11	8,56	93	Giỏi	60%	7.934.000	4.760.400	
1662	2005202095	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG	NHẬT	12/09/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	12	7,61	72	Khá	40%	8.612.000	3.444.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1663	2005202115	HOÀNG THANH	PHONG	15/07/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,45	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1664	2005203026	NGUYỄN HOÀNG KIM	TRINH	27/03/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,41	79	Khá	40%	7.020.000	2.808.000	
1665	2005202181	NGUYỄN HUỠNH THANH	TRÚC	25/07/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,65	72	Khá	40%	5.760.000	2.304.000	
1666	2005202196	NGUYỄN THỊ KIỀU	VI	07/05/2002	Lớp 11DHTP9	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,17	68	Khá	40%	7.084.000	2.833.600	
1667	2005200913	TRẦN HỒNG	ANH	14/10/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	12	8,04	184	Giỏi	60%	8.544.000	5.126.400	
1668	2005208173	THẠCH KIÊN THỊ LINH	ĐA	06/01/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,98	124	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1669	2005208148	LƯU HOÀNG	DIỆU	17/07/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,66	125	Giỏi	60%	7.084.000	4.250.400	
1670	2005208216	LÊ NHÂN	ĐỊNH	19/12/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,21	99	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1671	2005201304	PHAN QUỲNH	ĐOAN	29/07/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,7	99	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1672	2005200483	PHẠM TRÚC	HÂN	09/03/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,93	104	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1673	2005200627	VŨ THỊ THU	HIỀN	20/08/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,94	119	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1674	2005200267	LÊ NGỌC	HIỀN	17/10/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,9	105	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1675	2005200664	NGUYỄN DUY	HÙNG	06/02/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,9	112	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1676	2005208345	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	04/10/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,41	99	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1677	2005200625	NGUYỄN VŨ NGỌC	LAN	15/10/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,79	103	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1678	2005208309	TRẦN THỊ HUYỀN	LINH	12/11/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,8	119	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1679	2005208245	TỔNG QUANG	LỘC	20/02/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,89	99	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1680	2005200713	HUỖNH LÊ THANH	NGÂN	18/05/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,29	140	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1681	2022200080	NGUYỄN GIA HIẾU	NHÂN	27/01/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,78	120	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1682	2005202098	TRẦN THỊ THÚY	NHI	21/06/2001	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,11	116	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1683	2005208547	NGUYỄN KIM	PHUỖN G	12/01/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	107	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1684	2005208179	BÙI LÊ BÍCH	PHUỖN G	24/11/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,36	112	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1685	2005200190	NGUYỄN NGỌC MINH	THI	13/10/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,81	104	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1686	2005202147	DƯƠNG THỊ CẨM	THOA	25/04/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,6	142	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1687	2005208321	HÀ THỊ MINH	THU	13/03/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,31	119	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1688	2005200157	HỒ THANH	THUỖN G	14/08/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,94	120	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1689	2005201118	TIÊU TRỌNG	TÍN	03/02/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,86	158	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1690	2022208664	TRẦN THỊ BÍCH	TRÂM	28/08/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,71	123	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1691	2005200150	HUỖNH NGỌC	TRÂN	01/12/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,79	104	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1692	2005200762	NGUYỄN DƯƠNG THIÊN	TÚ	11/09/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,9	135	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1693	2005208369	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	08/04/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,66	120	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1694	2005208213	HUỖNH THẢO	VY	21/10/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,81	102	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	
1695	2005208210	PHƯƠNG THẢO	VY	26/04/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	10	8,55	117	Giỏi	60%	7.084.000	4.250.400	
1696	2005200096	NGUYỄN THỊ MỸ	XUYỀN	01/01/2002	Lớp 11DHTPTD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	8	8,79	125	Giỏi	60%	5.760.000	3.456.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1697	2006218147	Nguyễn Hùng Minh	Ân	20/03/2003	Lớp 12DHCBS01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,15	101	Giỏi	60%	15.076.000	9.045.600	
1698	2035210408	Nguyễn Tiểu	Băng	26/07/2002	Lớp 12DHCBS01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,35	87	Giỏi	60%	14.940.000	8.964.000	
1699	2006218150	Lê Tiểu	Cần	10/03/2003	Lớp 12DHCBS01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,84	82	Khá	40%	15.076.000	6.030.400	
1700	2035210667	Phan Kim	Ngân	12/12/2003	Lớp 12DHCBS01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,35	79	Khá	40%	14.940.000	5.976.000	
1701	2006218169	Nguyễn Ái	Quốc	18/11/2003	Lớp 12DHCBS01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,52	85	Khá	40%	13.752.000	5.500.800	
1702	2006218173	Nguyễn Hoàng	Thiện	05/11/2003	Lớp 12DHCBS01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,65	72	Khá	40%	16.830.000	6.732.000	
1703	2035218588	Lê Minh	Thư	24/06/2003	Lớp 12DHCBS01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,58	104	Khá	40%	12.292.000	4.916.800	
1704	2006210087	Nguyễn Kỳ	Duyên	03/11/2003	Lớp 12DHCBS02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,47	72	Khá	40%	15.591.000	6.236.400	
1705	2006210308	Phan Thị Ngọc	Huyền	07/06/2003	Lớp 12DHCBS02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,44	76	Khá	40%	14.940.000	5.976.000	
1706	2006210466	Nguyễn Quốc	Khanh	11/12/2003	Lớp 12DHCBS02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,69	76	Khá	40%	15.506.000	6.202.400	
1707	2006210475	Thạch Tấn	Lộc	15/08/2002	Lớp 12DHCBS02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	8,26	90	Giỏi	60%	16.830.000	10.098.000	
1708	2006210462	Lê Thị Quế	Trần	16/02/2003	Lớp 12DHCBS02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,96	106	Khá	40%	15.506.000	6.202.400	
1709	2006210072	Nguyễn Anh	Tú	12/04/2003	Lớp 12DHCBS02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,15	83	Giỏi	60%	14.940.000	8.964.000	
1710	2035211236	Lê Thị Vi	Yến	08/06/2003	Lớp 12DHCBS02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	27	8,26	94	Giỏi	60%	18.700.000	11.220.000	
1711	2022210118	Mai Lan	Chi	12/12/2003	Lớp 12DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,31	92	Khá	40%	16.926.000	6.770.400	
1712	2022210112	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/09/2003	Lớp 12DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	8,15	116	Giỏi	60%	17.598.000	10.558.800	
1713	2022210212	Lê Thị Kim	Nhung	09/12/2003	Lớp 12DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,85	92	Khá	40%	17.302.000	6.920.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1714	2022210007	Trần Thị Mỹ	Quyên	01/03/2003	Lớp 12DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,41	92	Khá	40%	17.302.000	6.920.800	
1715	2022210117	Phạm Thị Anh	Thư	11/07/2003	Lớp 12DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,62	80	Khá	40%	15.128.000	6.051.200	
1716	2022210304	Nguyễn Thị Hồng	Đào	04/10/2002	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,9	87	Khá	40%	16.388.000	6.555.200	
1717	2022210238	Huỳnh Thị Thanh	Duyên	01/04/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,56	85	Khá	40%	12.104.000	4.841.600	
1718	2022210004	Lê Huỳnh Thu	Huyền	30/09/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,41	72	Khá	40%	15.738.000	6.295.200	
1719	2022218254	Bùi Minh	Luân	21/08/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,14	72	Khá	40%	15.128.000	6.051.200	
1720	2022218302	Lê Thị Kim	Oanh	18/01/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,72	78	Khá	40%	16.388.000	6.555.200	
1721	2022210037	Võ Thị Cẩm	Quyên	18/06/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	27	7,69	84	Khá	40%	19.058.000	7.623.200	
1722	2022210074	Đào Thu	Sương	15/11/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,9	92	Khá	40%	17.598.000	7.039.200	
1723	2022210262	Phạm Hàn	Thuyền	28/02/2002	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,81	99	Khá	40%	11.630.000	4.652.000	
1724	2022210240	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	04/09/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,85	85	Khá	40%	17.598.000	7.039.200	
1725	2022210024	Thái Văn	Tú	17/11/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,76	68	Khá	40%	14.278.000	5.711.200	
1726	2022210104	Phan Thị Nhã	Vân	01/02/2003	Lớp 12DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,5	76	Khá	40%	16.452.000	6.580.800	
1727	2022218210	Phạm Minh	Đức	20/03/2003	Lớp 12DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,58	95	Khá	40%	15.128.000	6.051.200	
1728	2022218236	Lê Vỹ	Khang	21/12/2003	Lớp 12DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,08	80	Khá	40%	13.428.000	5.371.200	
1729	2022218268	Cao Thị Thảo	Ngân	22/03/2003	Lớp 12DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,15	88	Khá	40%	16.452.000	6.580.800	
1730	2022218357	Phạm Mai	Thy	16/08/2003	Lớp 12DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,47	80	Khá	40%	14.278.000	5.711.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1731	2022218360	Trần Mỹ	Tiên	12/12/2003	Lớp 12DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,47	80	Khá	40%	14.278.000	5.711.200	
1732	2022218362	Dương Văn	Tiến	21/02/2003	Lớp 12DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	8,29	82	Giỏi	60%	16.452.000	9.871.200	
1733	2022218186	Nguyễn Thị Mai	Anh	24/11/2003	Lớp 12DHDB04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,77	76	Khá	40%	15.602.000	6.240.800	
1734	2022218206	Phạm Ngọc Hải	Dương	15/09/2003	Lớp 12DHDB04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,53	76	Khá	40%	16.452.000	6.580.800	
1735	2022218266	Âu Thị Tuyết	Nga	02/03/2003	Lớp 12DHDB04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,06	90	Giỏi	60%	10.780.000	6.468.000	
1736	2022218293	Phạm Thị Tuyết	Nhi	22/09/2003	Lớp 12DHDB04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,8	76	Khá	40%	15.602.000	6.240.800	
1737	2022218385	Đặng Thị Kim	Uyên	11/10/2003	Lớp 12DHDB04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	8,07	84	Giỏi	60%	17.302.000	10.381.200	
1738	2022218399	Hà Thị	Yên	06/09/2003	Lớp 12DHDB04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,71	79	Khá	40%	14.278.000	5.711.200	
1739	2041210120	Nguyễn Thị Mỹ	Ân	24/02/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,57	74	Khá	40%	15.264.000	6.105.600	
1740	2041210030	Hà Ngọc Bảo	Châu	17/10/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,44	72	Khá	40%	17.302.000	6.920.800	
1741	2041210128	Ngô Mạnh	Duy	11/06/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,59	78	Khá	40%	16.410.000	6.564.000	
1742	2041210146	Trần Gia	Khánh	19/09/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,06	68	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
1743	2041210119	Võ Hồng	Minh	27/07/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,88	94	Khá	40%	16.226.000	6.490.400	
1744	2041210151	Phạm Thị Yên	Ngân	22/02/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,75	68	Khá	40%	14.614.000	5.845.600	
1745	2041210211	Võ Nguyễn Mai	Thy	03/09/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,45	68	Khá	40%	11.736.000	4.694.400	
1746	2041210101	Nguyễn Thanh	Trúc	18/07/2003	Lớp 12DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,09	107	Giỏi	60%	12.776.000	7.665.600	
1747	2041214003	Trần Thị Thái	Diễm	01/01/2003	Lớp 12DHQTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,28	72	Khá	40%	12.443.000	4.977.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1748	2041210013	Nguyễn Cao Hiền	Diệu	07/04/2003	Lớp 12DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,51	76	Khá	40%	13.764.000	5.505.600	
1749	2041214025	Nguyễn Quỳnh	Hương	22/08/2003	Lớp 12DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,3	86	Giỏi	60%	13.278.000	7.966.800	
1750	2041210182	Trần Quốc	Khánh	03/03/1999	Lớp 12DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,18	93	Giỏi	60%	11.874.000	7.124.400	
1751	2041214042	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	04/10/2003	Lớp 12DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,01	72	Khá	40%	12.443.000	4.977.200	
1752	2041210059	Dương Ngọc	Mẫn	16/07/2003	Lớp 12DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,42	78	Khá	40%	12.941.000	5.176.400	
1753	2041214047	Huỳnh Huyền	My	29/06/2003	Lớp 12DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	15	8,07	93	Giỏi	60%	11.508.000	6.904.800	
1754	2041210274	Lê Thảo	Nguyên	22/04/2003	Lớp 12DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,94	72	Khá	40%	16.439.000	6.575.600	
1755	2041213996	Huỳnh Phạm Kim	Ân	25/10/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	26	7,48	91	Khá	40%	18.265.000	7.306.000	
1756	2041214008	Lê Văn Minh	Đức	28/12/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,28	78	Khá	40%	12.107.000	4.842.800	
1757	2041214004	Trương Thị Thùy	Dung	09/01/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,54	72	Khá	40%	14.265.000	5.706.000	
1758	2041214005	Đỗ Khánh	Duy	01/04/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,14	84	Khá	40%	17.262.000	6.904.800	
1759	2041214017	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	16/05/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,27	75	Khá	40%	14.265.000	5.706.000	
1760	2041214020	Lê Thị Mỹ	Hoa	02/04/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	8,5	85	Giỏi	60%	17.049.000	10.229.400	
1761	2041214035	Hoàng Thị Mỹ	Linh	20/08/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,25	81	Khá	40%	14.265.000	5.706.000	
1762	2041214053	Trần Kim	Ngân	28/01/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,75	79	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
1763	2041214055	Đặng Gia	Nghi	21/11/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,17	76	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
1764	2041214061	Vô Thị Thu	Nguyệt	23/07/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,02	68	Khá	40%	12.440.000	4.976.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1765	2041214062	Trần Thị Thanh	Nhàn	10/03/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,21	78	Khá	40%	12.901.000	5.160.400	
1766	2041214064	Vũ Thúy	Nhi	07/04/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,78	80	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
1767	2041214065	Đặng Tâm	Như	13/05/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,43	68	Khá	40%	14.225.000	5.690.000	
1768	2041214069	Bùi Thị Thúy	Phương	16/12/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	15	8,09	79	Khá	40%	10.642.000	4.256.800	
1769	2041214083	Nguyễn Ngọc	Thiện	19/07/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,28	88	Giỏi	60%	13.922.000	8.353.200	
1770	2041214090	Nguyễn Trí	Thức	15/09/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,6	82	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
1771	2041214096	Hồ Nguyễn Mỹ	Trâm	08/10/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,38	65	Khá	40%	11.966.000	4.786.400	
1772	2041214104	Võ Thị Hồng	Trình	08/07/2003	Lớp 12DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,32	84	Khá	40%	16.535.000	6.614.000	
1773	2041210272	Nguyễn Kim Quỳnh	Như	09/10/2003	Lớp 12DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,77	106	Giỏi	60%	13.952.000	8.371.200	
1774	2041214074	Nguyễn Thanh	Quy	08/02/2003	Lớp 12DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,76	84	Khá	40%	13.912.000	5.564.800	
1775	2041214075	Lê Kim	Quỳnh	17/12/2003	Lớp 12DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,65	91	Khá	40%	11.926.000	4.770.400	
1776	2041214109	Phạm Ngọc Thảo	Vi	15/11/2003	Lớp 12DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	15	7,19	68	Khá	40%	10.442.000	4.176.800	
1777	2041214113	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	25/09/2003	Lớp 12DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	15	7,57	71	Khá	40%	10.454.000	4.181.600	
1778	2022210047	Trần Thị Thúy	An	16/09/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,87	86	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1779	2005217856	Đặng Huỳnh	Anh	18/05/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,32	144	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1780	2005217880	Phạm Đình	Chương	18/02/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,92	111	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1781	2005217881	Cao Minh	Danh	28/12/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,86	105	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1782	2005217899	Nguyễn Tấn	Đạt	01/02/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,15	125	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1783	2005210380	Phùng Gia	Mẫn	22/02/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,19	110	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1784	2005211263	Võ Thị Diễm	Quyên	07/02/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,88	104	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1785	2005210234	Ngô Thị Cẩm	Thương	08/11/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,88	78	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1786	2005218084	Nguyễn Thị Hoài	Thương	07/05/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,89	84	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1787	2022210223	Đinh Nguyễn Bảo	Trân	07/11/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,35	203	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1788	2005218109	Lê Khánh	Trân	04/05/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,82	88	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1789	2005218104	Trần Thị Thùy	Trang	07/06/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,65	111	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1790	2005211247	Phan Phương	Trúc	02/05/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,71	88	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1791	2005218126	Nguyễn Văn	Tùng	02/01/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,5	92	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1792	2005210362	Võ Tường	Vy	03/05/2003	Lớp 12DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,08	87	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1793	2005210936	Đoàn Nguyễn Hồng	Anh	11/01/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,89	84	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1794	2005210178	Nguyễn Thị Minh	Anh	08/12/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,65	72	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1795	2005217866	Phan Thị Minh	Anh	26/03/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,07	94	Giỏi	60%	13.266.000	7.959.600	
1796	2005210792	Nguyễn Sa	Đil	13/04/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,59	71	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1797	2005210735	Lê Trung	Hải	02/02/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,03	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1798	2005210115	Nguyễn Nhật Lâm	Hào	31/05/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,35	91	Khá	40%	12.752.000	5.100.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1799	2005210784	Trần Phạm Kim	Ngân	02/08/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,74	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1800	2005210207	Nguyễn Hồng	Ngọc	28/06/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,18	80	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1801	2005210789	Lâm Gia	Nguyên	24/09/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,83	68	Khá	40%	12.816.000	5.126.400	
1802	2005210932	Nguyễn Yên	Nhi	05/09/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,86	76	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1803	2005210472	Nguyễn Lê Minh	Như	16/11/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,78	78	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1804	2005210535	Nguyễn Tắt	Phú	20/06/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,11	75	Khá	40%	13.466.000	5.386.400	
1805	2005210215	Bùi Khánh	Quốc	16/12/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,07	118	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1806	2005210003	Nguyễn Nhã	Thy	15/08/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,19	83	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1807	2005210107	Lê Thị Kiều	Tiên	02/05/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,77	75	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1808	2005210988	Nguyễn Võ Ngọc	Trâm	10/01/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,63	76	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1809	2005210547	Đoàn Thị Thu	Trình	13/04/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,05	75	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1810	2005210046	Trần Minh	Tú	11/08/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,06	113	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1811	2005210625	Vương Gia	Tuệ	30/09/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,37	88	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1812	2005210615	Trịnh Thị Phương	Uyên	21/12/2003	Lớp 12DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,86	83	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1813	2005210075	Đinh Thị Ngọc	Ánh	08/01/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,82	76	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1814	2005211186	Trần Gia	Bảo	10/12/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,16	83	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1815	2005210041	Ngô Hải	Đăng	18/04/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,1	132	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1816	2005210109	Lê Ngọc	Dung	24/10/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,09	85	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1817	2005210436	Trần Châu Kiều	Duyên	20/08/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,68	80	Khá	40%	15.464.000	6.185.600	
1818	2005211638	Lê Hương	Giang	08/12/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,17	88	Giỏi	60%	14.180.000	8.508.000	
1819	2005217909	Trần Huỳnh Bảo	Giang	22/03/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,83	103	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1820	2005210342	Phan Thị Hương	Ly	18/12/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,41	96	Giỏi	60%	14.100.000	8.460.000	
1821	2005210928	Nguyễn Thảo	Ngân	25/10/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,33	134	Giỏi	60%	12.638.000	7.582.800	
1822	2005210240	Nguyễn Thị Kim	Ngân	08/05/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,49	80	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1823	2005210088	Huỳnh Thị Yến	Nhi	05/02/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,43	96	Giỏi	60%	15.006.000	9.003.600	
1824	2005210409	Võ Thị Yến	Như	31/03/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,9	80	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1825	2005210188	Trần Phú	Quý	09/09/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,79	72	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1826	2005211113	Hồ Thanh	Thảo	04/03/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,58	112	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1827	2005211120	Trần Thị Xuân	Thu	09/11/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,37	76	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1828	2005211122	Âu Ngọc Anh	Thư	27/09/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,78	80	Khá	40%	12.752.000	5.100.800	
1829	2005211032	Lê Thị Anh	Thư	11/08/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,6	91	Khá	40%	12.752.000	5.100.800	
1830	2005211202	Lý Ngọc Đoan	Trang	10/08/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,1	100	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1831	2005211081	Nguyễn Mỹ	Tuệ	09/02/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,58	72	Khá	40%	13.290.000	5.316.000	
1832	2005211221	Nguyễn Tường	Vy	27/10/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,09	84	Giỏi	60%	14.180.000	8.508.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1833	2005211084	Phạm Ngọc Thúy	Vy	30/08/2003	Lớp 12DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,22	87	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1834	2005210028	Tạ Ngọc Bích	Du	30/08/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,08	123	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1835	2005210622	Nguyễn Thị Tuyết	Hồng	22/01/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,34	74	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1836	2005210151	Lê Thị Thu	Huệ	20/10/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,85	77	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1837	2005210468	Trương Cao Bảo	Khuyên	17/04/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,65	110	Khá	40%	12.816.000	5.126.400	
1838	2005210015	Đào Văn Thái	Kiệt	08/12/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,12	115	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1839	2005217992	Phan Thị Hồng	Ngọc	24/10/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,55	76	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1840	2005219001	Nguyễn Ngọc Thanh	Như	06/03/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	29	7,3	92	Khá	40%	21.345.000	8.538.000	
1841	2005211265	Phan Quỳnh	Như	03/11/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,75	112	Khá	40%	12.954.000	5.181.600	
1842	2005210113	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/02/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,02	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1843	2005211046	Hoàng Cao Hữu	Phước	03/11/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,43	81	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1844	2005210420	Nguyễn Trúc	Quỳnh	13/12/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,88	72	Khá	40%	15.520.000	6.208.000	
1845	2005210614	Hồ Thị Mỹ	Thanh	01/09/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,16	76	Khá	40%	11.617.000	4.646.800	
1846	2005210306	Phạm Hoàng Phương	Thảo	30/08/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8	98	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1847	2005211148	Phùng Thị Tường	Vi	20/09/2001	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,48	76	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1848	2005210081	Bùi Thị Ngọc	Xuyến	21/10/2003	Lớp 12DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,7	77	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
1849	2005211261	Nguyễn Thị Minh	Anh	21/08/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,56	75	Khá	40%	14.140.000	5.656.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1850	2005211258	Phạm Thị	Hậu	06/11/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,27	105	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1851	2005211328	Võ Trịnh Hoàng	Long	09/10/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,68	73	Khá	40%	13.478.000	5.391.200	
1852	2005217973	Trần Thị Diễm	My	19/05/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,6	82	Khá	40%	14.950.000	5.980.000	
1853	2005210261	Đỗ Hào	Nam	12/09/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,24	84	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1854	2005210515	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngọc	06/09/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,89	68	Khá	40%	14.012.000	5.604.800	
1855	2005210742	Phan Huỳnh	Như	19/04/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,49	97	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1856	2005210814	Phan Quỳnh Ngọc	Như	11/06/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,14	68	Khá	40%	15.978.000	6.391.200	
1857	2005210247	Lê Viết Bảo	Phú	29/07/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,03	68	Khá	40%	15.978.000	6.391.200	
1858	2005210835	Châu Trọng	Phúc	09/12/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,78	120	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1859	2005210223	Đoàn Quang	Thắng	16/03/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,16	79	Khá	40%	16.844.000	6.737.600	
1860	2005210373	Trần Quốc	Thắng	06/05/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,08	68	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1861	2005210856	Nguyễn Minh	Thư	10/11/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,37	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1862	2005210562	Hoàng Thị Minh	Thúy	15/06/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,13	85	Giỏi	60%	14.116.000	8.469.600	
1863	2005211251	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	05/11/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,11	103	Giỏi	60%	12.816.000	7.689.600	
1864	2005210227	Hoàng Thị Thùy	Trang	11/09/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,22	76	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1865	2005211260	Trần Thùy	Trang	01/07/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,61	68	Khá	40%	12.890.000	5.156.000	
1866	2005211041	Bùi Thục	Trinh	13/11/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,31	84	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1867	2005210807	Nguyễn Ngọc Đoan	Trinh	20/03/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,85	71	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1868	2005210794	Đình Quốc	Tuấn	30/07/2003	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,42	101	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1869	2005210548	Phạm Tường	Vy	24/03/2002	Lớp 12DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,68	68	Khá	40%	14.722.000	5.888.800	
1870	2005210325	Phạm Phương	Anh	05/09/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,12	72	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1871	2005210489	Nguyễn Phi Kỳ	Duyên	12/03/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,17	86	Giỏi	60%	16.314.000	9.788.400	
1872	2005210894	Đào Ngọc Quỳnh	Giang	06/05/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,25	102	Giỏi	60%	16.314.000	9.788.400	
1873	2005211230	Lê Thị Hồng	Hạnh	02/01/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,17	105	Giỏi	60%	14.990.000	8.994.000	
1874	2005210219	Lê Thị Ngọc	Huệ	20/06/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,34	87	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1875	2005211048	Trần Thị Trúc	Linh	11/07/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,68	72	Khá	40%	12.342.000	4.936.800	
1876	2005210710	Nguyễn Thị Ái	Mi	17/03/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,7	80	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1877	2005210194	Nguyễn Thị Diễm	My	11/11/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,93	80	Khá	40%	15.978.000	6.391.200	
1878	2005211102	Lê Thị Tuyết	Nhi	03/08/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,05	100	Giỏi	60%	15.978.000	9.586.800	
1879	2005210337	Mai Nguyên	Nhi	04/06/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	8,11	66	Khá	40%	17.289.000	6.915.600	
1880	2005210388	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	07/03/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	8,33	92	Giỏi	60%	16.844.000	10.106.400	
1881	2005210989	Nguyễn Anh	Thy	29/12/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,33	83	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1882	2005210008	Huỳnh Ngọc Như	Ý	25/07/2003	Lớp 12DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,92	76	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1883	2005210336	Đoái Khả	Ái	27/10/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,86	78	Khá	40%	16.440.000	6.576.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1884	2005210268	Nguyễn Thị Nhật	Ánh	11/10/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,68	127	Khá	40%	15.504.000	6.201.600	
1885	2005210550	Phạm Nguyễn Thanh	Duyên	08/06/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,05	107	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1886	2005210964	Nguyễn Thị Phương	Hà	30/12/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,14	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1887	2005210127	Đinh Thị Ánh	Hồng	14/12/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,81	72	Khá	40%	14.764.000	5.905.600	
1888	2005210749	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/11/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,8	87	Khá	40%	18.070.000	7.228.000	
1889	2005217983	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	23/03/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	7,91	99	Khá	40%	17.110.000	6.844.000	
1890	2005211254	Nguyễn Hữu	Nguyên	29/01/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,07	82	Giỏi	60%	15.978.000	9.586.800	
1891	2005210920	Nguyễn Huỳnh Ý	Nhi	03/05/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,24	92	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1892	2005210759	Nguyễn Thị Thu	Phương	22/09/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,04	75	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1893	2005211321	Mạc Lê Thảo	Quyên	19/12/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,02	93	Giỏi	60%	14.940.000	8.964.000	
1894	2005218057	Nguyễn Quỳnh Như	Thảo	28/11/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,91	68	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1895	2005210937	Phan Thị Anh	Thi	25/01/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,95	83	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1896	2005210533	Trang Trần Thanh	Toàn	17/10/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,04	91	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1897	2005210307	Lê Hà Bảo	Trâm	25/05/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,48	72	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
1898	2005210566	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	07/08/2002	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,35	88	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1899	2005212131	Nguyễn Lương Quang	Trường	16/01/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,25	98	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1900	2005210455	Đặng Hoàng Tường	Vy	02/06/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,61	103	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1901	2005210846	Đoàn Thảo Triệu	Vy	25/12/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,44	96	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1902	2005210448	Huỳnh Nguyễn Như	Ý	07/05/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,95	80	Khá	40%	15.654.000	6.261.600	
1903	2005210998	Huỳnh Thị Như	Ý	01/02/2003	Lớp 12DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,75	72	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
1904	2005217875	Lê Thị Vĩnh	Bình	07/12/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,94	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1905	2005217921	Lê Đỗ Kim	Hiếu	30/11/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,93	77	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1906	2005211250	Nguyễn Thị Bích	Hợp	11/01/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,8	66	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1907	2005210922	Trần Việt	Hung	15/11/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,42	72	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1908	2005210414	Võ Thị Hồng	Ngọc	30/05/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,05	73	Khá	40%	16.314.000	6.525.600	
1909	2005217998	Lưu Tuyết	Nhi	06/07/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,69	72	Khá	40%	16.114.000	6.445.600	
1910	2006218166	Trương Thị Yến	Nhi	25/06/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	26	8,33	83	Giỏi	60%	18.104.000	10.862.400	
1911	2005218030	Chu Xuân	Quý	13/02/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,89	91	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
1912	2005218049	Trần Đạt	Thành	09/09/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,67	68	Khá	40%	16.114.000	6.445.600	
1913	2005218056	Ngô Lâm Phương	Thảo	14/09/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,07	68	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1914	2005218063	Trần Lê Thị Thanh	Thảo	13/01/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,69	68	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1915	2005218105	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	24/05/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,19	71	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1916	2005218107	Nguyễn Lê	Trâm	23/09/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,09	79	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1917	2005211645	Ngô Thị Huyền	Trang	28/02/2002	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,78	79	Khá	40%	11.588.000	4.635.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1918	2005218113	Hồ Thị Mỹ	Trinh	19/07/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,27	94	Giỏi	60%	12.954.000	7.772.400	
1919	2005218117	Tạ Thị Thanh	Trúc	18/11/2003	Lớp 12DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,38	72	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1920	2005217864	Nguyễn Tuấn	Anh	05/02/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,72	92	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1921	2005217882	Nguyễn	Danh	17/06/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,73	79	Khá	40%	15.504.000	6.201.600	
1922	2005217885	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	15/09/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,55	65	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
1923	2005217912	Quách Lý Phúc	Hải	05/06/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,81	68	Khá	40%	12.728.000	5.091.200	
1924	2005210900	Ngô Thanh	Hiền	13/12/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,95	79	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1925	2005217923	Nguyễn Đức Thúy	Hoa	16/12/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,99	84	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
1926	2005211145	Phạm Thị Huỳnh	Hương	20/06/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,64	79	Khá	40%	15.520.000	6.208.000	
1927	2005217978	Lê Vũ	Nam	16/01/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,82	72	Khá	40%	14.140.000	5.656.000	
1928	2005218014	Đỗ Thị Ngọc	Ni	05/12/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,49	84	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
1929	2005218042	Lê Hồ Thanh	Tâm	14/01/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,7	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1930	2005218065	Nguyễn Hoàng	Thắng	21/09/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,38	91	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
1931	2005218046	Nguyễn Duy	Thanh	12/12/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,46	96	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1932	2005218061	Phạm Hà Phương	Thảo	13/05/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,02	96	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1933	2005210585	Bùi Trần Anh	Thy	27/05/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,16	94	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1934	2005218106	Lương Ngọc Bích	Trâm	30/12/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,15	66	Khá	40%	15.978.000	6.391.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1935	2005218110	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	02/06/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,8	71	Khá	40%	11.942.000	4.776.800	
1936	2005211320	Lê Thị Thuý	Trang	23/01/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,02	80	Giỏi	60%	14.180.000	8.508.000	
1937	2005218103	Phan Ngọc Phương	Trang	17/01/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,35	88	Giỏi	60%	16.250.000	9.750.000	
1938	2005210285	Nguyễn Thị Tường	Trinh	09/06/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,7	90	Khá	40%	17.210.000	6.884.000	
1939	2005218140	Nguyễn Phương	Vy	21/03/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,63	83	Khá	40%	17.210.000	6.884.000	
1940	2005218142	Cao Thị Hồng	Yến	25/10/2003	Lớp 12DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,29	88	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1941	2022218180	Lê Thái	An	05/12/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,46	80	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1942	2005217858	Giang Nhật	Anh	03/10/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,75	99	Khá	40%	15.640.000	6.256.000	
1943	2005217895	Vũ Phương	Duy	18/12/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,73	81	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1944	2005217906	Hồ Thị	Giang	27/12/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,59	86	Khá	40%	14.590.000	5.836.000	
1945	2005217908	Nguyễn Thị Ngọc	Giang	31/08/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,13	90	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
1946	2005210213	Lê Hoài	Hào	08/01/2002	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,68	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1947	2005217919	Hồ Thị Thu	Hiền	02/08/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,47	87	Giỏi	60%	14.116.000	8.469.600	
1948	2005217939	Đỗ Xuân	Hương	26/08/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,1	76	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1949	2005217934	Huỳnh Đăng	Huy	30/08/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,04	125	Giỏi	60%	14.180.000	8.508.000	
1950	2005217952	Nguyễn Thị	Lê	18/07/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,38	96	Giỏi	60%	13.518.000	8.110.800	
1951	2005217963	Đỗ Ngọc Xuân	Mai	23/12/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,85	80	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1952	2005217969	Võ Thị Thúy	Muội	12/12/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,15	96	Giỏi	60%	14.842.000	8.905.200	
1953	2005210744	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	08/06/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,82	88	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
1954	2005217999	Nguyễn Huỳnh Linh	Nhi	15/02/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,05	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
1955	2005218004	Võ Hoàng Châu	Nhi	08/09/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,83	70	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1956	2005218020	Nguyễn Thị Yên	Phước	10/06/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,52	83	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1957	2005218023	Đoàn Xuân Nam	Phương	16/03/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,89	79	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1958	2005218028	Bùi Minh	Quân	02/07/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,22	75	Khá	40%	14.180.000	5.672.000	
1959	2005218027	Tạ Chấn	Quang	08/09/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,38	72	Khá	40%	14.704.000	5.881.600	
1960	2005218034	Mai Thị Mỹ	Quỳnh	25/06/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,42	82	Giỏi	60%	12.776.000	7.665.600	
1961	2005218036	Nguyễn Thị Diệu	Quỳnh	17/09/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,08	98	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1962	2005218037	Trần Phương	Quỳnh	25/08/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,88	76	Khá	40%	11.966.000	4.786.400	
1963	2005218038	Võ Thị Nhân	Sâm	28/01/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,1	72	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
1964	2005218040	Nguyễn Thị Thu	Sương	09/09/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,48	140	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
1965	2005218059	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/01/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,79	95	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
1966	2005218099	Nguyễn Ngọc Điền	Trang	29/11/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	15	7,96	76	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
1967	2005218114	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	20/10/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,9	82	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
1968	2005218133	Lê Thị Kiều	Uyên	05/10/2003	Lớp 12DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,04	72	Khá	40%	12.142.000	4.856.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1969	2006226261	Võ Thị Thúy	Duy	16/11/2004	Lớp 13DHCBTS	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,93	107	Khá	40%	15.215.000	6.086.000	
1970	2006221942	Trần Thị Mỹ	Kim	05/10/2004	Lớp 13DHCBTS	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,9	94	Khá	40%	15.215.000	6.086.000	
1971	2022222151	Nguyễn Trần Minh	Khôi	08/11/2004	Lớp 13DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,43	72	Khá	40%	14.805.000	5.922.000	
1972	2022223013	Nguyễn Ngọc Xuân	Nghi	23/07/2004	Lớp 13DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,85	93	Khá	40%	14.805.000	5.922.000	
1973	2022225090	Nguyễn Thị	Thùy	02/01/2004	Lớp 13DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,07	76	Khá	40%	14.805.000	5.922.000	
1974	2041221162	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	30/07/2004	Lớp 13DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,59	93	Khá	40%	12.410.000	4.964.000	
1975	2041222935	Hồ Thị Thanh	Ngân	07/05/2004	Lớp 13DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,16	84	Giỏi	60%	14.600.000	8.760.000	
1976	2041224285	Phạm Thị Mỹ	Tâm	13/10/2004	Lớp 13DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,92	84	Khá	40%	14.600.000	5.840.000	
1977	2041224288	Trần Thanh	Tâm	27/03/2004	Lớp 13DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,64	72	Khá	40%	14.805.000	5.922.000	
1978	2041224915	Nguyễn Văn Hoàn	Thiện	18/11/2004	Lớp 13DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,3	111	Giỏi	60%	13.345.000	8.007.000	
1979	2041224976	Nguyễn Thị Kim	Thoa	14/10/2004	Lớp 13DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,41	103	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
1980	2041221251	Trần Thị Ngọc	Hân	15/05/2004	Lớp 13DHQTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,41	76	Khá	40%	12.804.000	5.121.600	
1981	2041224117	Đỗ Như	Quỳnh	18/03/2004	Lớp 13DHQTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,04	133	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
1982	2041225260	Vũ Anh	Thư	18/01/2004	Lớp 13DHQTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,19	68	Khá	40%	12.210.000	4.884.000	
1983	2041225846	Lại Thị Ý	Viên	31/03/2004	Lớp 13DHQTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,53	87	Khá	40%	14.600.000	5.840.000	
1984	2041220248	Nguyễn Thị Kim	Ánh	06/12/2004	Lớp 13DHQTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,65	87	Khá	40%	15.924.000	6.369.600	
1985	2041220829	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	24/07/2004	Lớp 13DHQTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,62	78	Khá	40%	15.655.000	6.262.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
1986	2041221401	Quách Nguyễn Trung	Hiếu	25/06/2004	Lớp 13DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,54	72	Khá	40%	11.885.000	4.754.000	
1987	2041221845	Trần Thanh	Hương	21/04/2004	Lớp 13DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,77	72	Khá	40%	14.805.000	5.922.000	
1988	2041223428	Trương An	Nhiên	09/09/2004	Lớp 13DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,38	86	Khá	40%	14.464.000	5.785.600	
1989	2041222814	Nguyễn Trịnh Hồng	Ny	25/05/2004	Lớp 13DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,42	92	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
1990	2041225301	Trần Lê Hoài	Thương	03/12/2004	Lớp 13DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8	89	Giỏi	60%	14.600.000	8.760.000	
1991	2041225523	Quách Ngọc Huyền	Trân	12/07/2004	Lớp 13DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,88	104	Khá	40%	14.396.000	5.758.400	
1992	2041225668	Phạm Thanh	Trúc	11/09/2004	Lớp 13DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,62	112	Giỏi	60%	14.805.000	8.883.000	
1993	2041220739	Trần Thùy	Duy	19/05/2004	Lớp 13DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,7	101	Khá	40%	17.325.000	6.930.000	
1994	2041222950	Nguyễn Trần Mỹ	Ngân	19/10/2004	Lớp 13DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	15	7,01	66	Khá	40%	10.814.000	4.325.600	
1995	2041223306	Trần Yến	Nhi	20/07/2004	Lớp 13DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,27	102	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
1996	2041225084	Nguyễn Ánh	Thùy	03/02/2004	Lớp 13DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,71	80	Khá	40%	14.464.000	5.785.600	
1997	2041225487	Trần Ngọc Bảo	Trân	27/10/2004	Lớp 13DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,59	66	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
1998	2041225663	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/08/2004	Lớp 13DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,76	88	Khá	40%	14.600.000	5.840.000	
1999	2041226012	Trần Hoàng Tường	Vy	17/01/2004	Lớp 13DHQTTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,08	85	Giỏi	60%	11.680.000	7.008.000	
2000	2005220726	Nguyễn Tuấn	Duy	26/06/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,69	128	Giỏi	60%	13.755.000	8.253.000	
2001	2005221169	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	24/09/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,82	95	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2002	2005221458	Nguyễn Hữu	Hòa	21/11/2003	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	9,13	147	Xuất sắc	100%	17.269.000	17.269.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2003	2005221641	Hoàng Gia	Huy	27/03/2003	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,91	130	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2004	2005222214	Nguyễn Tử	Lâm	24/03/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,95	93	Khá	40%	17.269.000	6.907.600	
2005	2005222572	Võ Thị Trúc	Mai	23/01/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,64	140	Khá	40%	18.340.000	7.336.000	
2006	2005223102	Chương Thị Bảo	Ngọc	04/07/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,19	96	Giỏi	60%	17.405.000	10.443.000	
2007	2005223140	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	28/10/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,2	133	Giỏi	60%	17.269.000	10.361.400	
2008	2005223384	Hồ Ngọc Yến	Nhi	03/04/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,25	72	Khá	40%	14.915.000	5.966.000	
2009	2005223612	Nguyễn Tấn	Phát	04/07/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,54	137	Giỏi	60%	17.405.000	10.443.000	
2010	2005224328	Vũ Minh	Tấn	13/02/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,41	80	Giỏi	60%	14.485.000	8.691.000	
2011	2005224769	Ngô Phương	Thảo	28/09/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,87	106	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2012	2005224768	Phạm Thị Thanh	Thảo	09/02/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,1	108	Giỏi	60%	17.269.000	10.361.400	
2013	2005225243	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	27/09/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,74	139	Giỏi	60%	16.539.000	9.923.400	
2014	2005224590	Hà Phạm Kim	Tuyền	26/02/2004	Lớp 13DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,61	106	Giỏi	60%	13.755.000	8.253.000	
2015	2044220311	Châu Nguyên	Bảo	10/09/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,52	139	Giỏi	60%	17.205.000	10.323.000	
2016	2005220882	Nguyễn Tiến	Đạt	05/11/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	9,17	100	Xuất sắc	100%	16.675.000	16.675.000	
2017	2005221094	Lê Thị	Hà	01/01/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,23	78	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2018	2005221656	Nguyễn Gia	Huy	05/03/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	9,23	86	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2019	2005222109	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	11/07/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	8,5	91	Giỏi	60%	18.661.000	11.196.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2020	2005222324	Mai Lâm Thuý	Linh	16/03/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,62	74	Khá	40%	15.215.000	6.086.000	
2021	2005222295	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/10/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,2	78	Khá	40%	13.755.000	5.502.000	
2022	2005222330	Phạm Thị Phương	Linh	15/03/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,19	114	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2023	2005222337	Trần Thị Thùy	Linh	20/09/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,29	80	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2024	2005222686	Đặng Thảo	My	20/12/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	8,31	76	Khá	40%	18.665.000	7.466.000	
2025	2005223197	Trần Đình Minh	Nguyệt	14/09/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	8,37	86	Giỏi	60%	17.931.000	10.758.600	
2026	2005223433	Trần Thị Kim	Nhung	11/02/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,45	121	Giỏi	60%	16.675.000	10.005.000	
2027	2005224854	Hồ Hoàng	Thắng	23/12/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,94	96	Khá	40%	16.539.000	6.615.600	
2028	2005224795	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/06/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,79	76	Khá	40%	16.254.000	6.501.600	
2029	2005225564	Lê Văn	Triển	22/10/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,63	100	Giỏi	60%	17.405.000	10.443.000	
2030	2005226060	Cao Thị Yến	Xuân	14/11/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,16	86	Giỏi	60%	15.950.000	9.570.000	
2031	2005226098	Lê Mỹ	Yên	04/05/2004	Lớp 13DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,48	80	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2032	2005220493	Trần Ngọc Bảo	Châu	11/10/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,5	102	Giỏi	60%	17.515.000	10.509.000	
2033	2005220488	Trần Ngọc Trân	Châu	11/10/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,93	102	Khá	40%	17.515.000	7.006.000	
2034	2005221124	Huỳnh Nhật	Hạ	24/03/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,89	107	Khá	40%	17.201.000	6.880.400	
2035	2005221179	Hoàng Gia	Hào	09/10/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,13	68	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2036	2005221328	Nguyễn Phúc	Hậu	28/01/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,53	86	Giỏi	60%	17.405.000	10.443.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2037	2005221865	Lê Văn	Hữu	24/08/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,29	84	Giỏi	60%	17.405.000	10.443.000	
2038	2005222346	Trần Nhựt	Linh	23/03/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,3	86	Giỏi	60%	17.405.000	10.443.000	
2039	2005222306	Trần Thùy	Linh	26/10/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	9,02	121	Xuất sắc	100%	18.593.000	18.593.000	
2040	2005222908	Lại Thị Kim	Ngân	14/04/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	8,48	129	Giỏi	60%	17.931.000	10.758.600	
2041	2005223147	Trần Ngọc Minh	Nguyên	21/08/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,99	82	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2042	2005223329	Lê Quỳnh	Nhi	20/07/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,2	107	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2043	2005224996	Phan Thị Ngọc	Thơ	20/04/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,12	99	Giỏi	60%	17.515.000	10.509.000	
2044	2005225385	Võ Ngọc Thùy	Trang	19/04/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,68	74	Khá	40%	15.215.000	6.086.000	
2045	2005225601	Nguyễn Thị Diễm	Trình	13/05/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,08	82	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2046	2005225700	Trương Quang	Trường	10/03/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,67	82	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2047	2005224531	Nguyễn Thành	Tuấn	10/06/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,54	85	Khá	40%	17.405.000	6.962.000	
2048	2005225733	Tô Thị Kim	Uyên	26/05/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,01	80	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2049	2005225739	Trần Thị Nhật	Uyên	02/04/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,57	147	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2050	2005225854	Ngô Văn Quốc	Việt	11/05/2004	Lớp 13DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,81	72	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2051	2005221176	Nguyễn Thị Hồng	Hào	24/03/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,84	95	Giỏi	60%	17.410.000	10.446.000	
2052	2005221487	Nguyễn Ngọc Kim	Hoàng	14/05/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	26	8,2	78	Khá	40%	19.784.000	7.913.600	
2053	2005222065	Lê Ngọc Như	Khánh	03/09/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,56	101	Giỏi	60%	13.619.000	8.171.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2054	2005222253	Võ Thị Cẩm	Liên	19/05/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,11	88	Giỏi	60%	13.619.000	8.171.400	
2055	2005222347	Bùi Thị Trúc	Linh	22/07/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,97	90	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2056	2005222582	Trần Thị Xuân	Mai	06/01/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	8,26	100	Giỏi	60%	18.041.000	10.824.600	
2057	2005223092	Phạm Huỳnh Như	Ngọc	11/12/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	7,76	78	Khá	40%	15.015.000	6.006.000	
2058	2005223327	Trần Thị Xuân	Nhi	28/05/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,49	96	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	
2059	2005223551	Lê Thiên	Nhy	06/03/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,59	78	Khá	40%	15.746.000	6.298.400	
2060	2005223997	Trà Gia	Quý	29/12/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,2	74	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2061	2005225743	Huỳnh Thảo	Uyên	27/04/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,16	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
2062	2005225793	Trần Lê Thanh	Vân	31/12/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,79	82	Khá	40%	12.415.000	4.966.000	
2063	2005225998	Lê Đồng Nguyệt	Vy	10/12/2004	Lớp 13DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,82	92	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
2064	2005220251	Nguyễn Thị Kim	Ánh	31/05/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,67	80	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2065	2005220875	Cao Trung	Đạt	09/11/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,96	105	Giỏi	60%	14.874.000	8.924.400	
2066	2005222876	Lý Thanh	Ngân	25/06/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,65	81	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2067	2005222870	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/11/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,24	97	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2068	2005223352	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	24/06/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,59	87	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2069	2005224747	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/07/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,74	115	Khá	40%	17.515.000	7.006.000	
2070	2005225186	Đỗ Nguyễn Anh	Thư	24/12/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,02	79	Khá	40%	17.069.000	6.827.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2071	2005225107	Nguyễn Thị Thu	Thùy	13/11/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,12	83	Giỏi	60%	15.079.000	9.047.400	
2072	2005225431	Lê Hoàng Bảo	Trâm	27/10/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,94	84	Khá	40%	13.755.000	5.502.000	
2073	2005225346	Vương Quỳnh	Trang	25/08/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,45	84	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	
2074	2005226116	Huỳnh Thị Liễu	Yến	13/06/2004	Lớp 13DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	8,45	79	Khá	40%	13.025.000	5.210.000	
2075	2005220333	Nguyễn Gia	Bảo	25/06/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	25	8,63	74	Khá	40%	18.160.000	7.264.000	
2076	2005220415	Trần Văn	Cao	02/07/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	27	8,24	146	Giỏi	60%	20.053.000	12.031.800	
2077	2005221495	Đỗ Văn	Hoàng	21/07/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,22	90	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2078	2005221830	Nguyễn Kiều Yến	Hương	27/11/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,46	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
2079	2005222173	Vô Hiểu	Lam	07/04/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,73	72	Khá	40%	16.334.000	6.533.600	
2080	2005222534	Võ Thị Phương	Ly	29/05/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,82	85	Khá	40%	17.205.000	6.882.000	
2081	2005222914	Nguyễn Ngọc Minh	Ngân	24/09/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,45	131	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	
2082	2005223497	Lê Ngọc	Như	12/04/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,61	99	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2083	2005224754	Lê Thanh	Thảo	23/04/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,32	74	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2084	2005225490	Trần Tuyết Thanh	Trân	08/12/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,46	106	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	
2085	2005225622	Trần Thảo Vân	Trọng	01/03/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	9,07	110	Xuất sắc	100%	17.405.000	17.405.000	
2086	2005224616	Nguyễn Hồng	Tuyết	03/02/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,23	94	Giỏi	60%	13.755.000	8.253.000	
2087	2005225987	Trần Phương	Vy	07/05/2004	Lớp 13DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,39	102	Giỏi	60%	15.745.000	9.447.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2088	2005220247	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/08/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,43	74	Khá	40%	14.485.000	5.794.000	
2089	2005220892	Nguyễn Thành	Đạt	02/05/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,31	105	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	
2090	2005220581	Mai Thị Kim	Diễm	22/10/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,44	87	Giỏi	60%	17.610.000	10.566.000	
2091	2005221213	Bùi Thị Thu	Hằng	10/08/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,25	76	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2092	2005221225	Trần Thị Thu	Hằng	06/04/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,04	74	Khá	40%	14.485.000	5.794.000	
2093	2005221212	Trần Thị Thúy	Hằng	12/11/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,77	72	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2094	2005221768	Ông Anh Uyên	Huỳnh	11/05/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,04	76	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
2095	2005222188	Võ Thị Tuyết	Lan	07/01/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,83	84	Khá	40%	17.205.000	6.882.000	
2096	2005222243	Dương Thị Thanh	Liêm	12/04/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	7,33	106	Khá	40%	17.405.000	6.962.000	
2097	2005222411	Nguyễn Trần Hồng	Lĩnh	24/02/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	7,93	78	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
2098	2005222706	Phạm Võ Hoài	My	14/10/2003	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,43	98	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2099	2005222726	Lê Hoàng Như	Mỹ	12/07/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,83	71	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2100	2005222831	Võ Huỳnh Thúy	Nga	31/07/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	23	8,21	101	Giỏi	60%	17.405.000	10.443.000	
2101	2005222907	Lê Thị Hồng	Ngân	02/03/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,22	74	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
2102	2005222885	Nguyễn Thị Thu	Ngân	13/10/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,24	95	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2103	2005223276	Lê Hoàng Minh	Nhật	21/10/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,12	84	Khá	40%	14.485.000	5.794.000	
2104	2005223323	Huỳnh Yến	Nhi	22/12/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,24	91	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2105	2005223596	Huỳnh Tấn	Phát	09/01/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	17	7,76	74	Khá	40%	13.230.000	5.292.000	
2106	2005224152	Nguyễn Ngọc Kim	Sang	26/10/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	20	8,27	82	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	
2107	2005224830	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/09/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	26	7,79	118	Khá	40%	19.254.000	7.701.600	
2108	2005225101	Nguyễn Thị Thu	Thùy	25/05/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	21	8,07	82	Giỏi	60%	15.945.000	9.567.000	
2109	2005225901	Nguyễn Tiến	Vũ	13/02/2004	Lớp 13DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	24	7,95	72	Khá	40%	18.135.000	7.254.000	
2110	2006230007	Nguyễn Trúc	Hạ	13/05/2005	Lớp 14DHCBS	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,81	124	Khá	40%	13.850.000	5.540.000	
2111	2006231468	Trần Hoàng Thống	Nhất	30/04/2005	Lớp 14DHCBS	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,11	74	Khá	40%	13.850.000	5.540.000	
2112	2022231682	Lưu Gia	Hân	10/07/2005	Lớp 14DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,33	89	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2113	2022230056	Lê Hoàng Khánh	Ngọc	13/08/2005	Lớp 14DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,21	86	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2114	2022231292	Nguyễn Bích	Ngọc	19/05/2005	Lớp 14DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,02	77	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2115	2022230077	Nguyễn Nhật	Tân	04/12/2005	Lớp 14DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,43	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2116	2022230084	Lưu Ngọc	Thảo	13/08/2005	Lớp 14DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,47	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2117	2022230089	Bùi Phi Thanh	Thúy	18/06/2005	Lớp 14DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,59	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2118	2022230112	Nguyễn Bảo	Xuyến	19/07/2005	Lớp 14DHDB01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,01	96	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2119	2022230047	Đình Thành	Nam	27/06/2005	Lớp 14DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,09	86	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2120	2022230062	Nguyễn Đình Quỳnh	Nhi	26/07/2005	Lớp 14DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,02	81	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2121	2022230068	Phan Bùi Mai	Oanh	22/10/2005	Lớp 14DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,14	89	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2122	2022230094	Đặng Võ Duy	Thức	19/08/2005	Lớp 14DHDB02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,83	98	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2123	2022230010	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	21/01/2005	Lớp 14DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,11	84	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2124	2022231467	Phạm Văn	Tài	08/12/2005	Lớp 14DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,74	90	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2125	2022230076	Vô Thị Mỹ	Tâm	25/08/2005	Lớp 14DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,79	86	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2126	2022230082	Lương Thiên	Thanh	05/12/2005	Lớp 14DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,69	86	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2127	2022230115	Trần Huỳnh Hải	Yến	01/03/2005	Lớp 14DHDB03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,63	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2128	2041230149	Lê Thái	Khang	15/12/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	7,77	86	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2129	2041230159	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/11/2001	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,19	94	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2130	2041230172	Nguyễn Thị Trúc	Mai	27/06/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,46	79	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2131	2041230219	Nguyễn Hoàng	Quang	27/09/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,75	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2132	2041230241	Thái Hà	Thanh	08/12/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,81	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2133	2041230266	Nguyễn Đại Bích	Trâm	24/07/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,45	103	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2134	2041230270	Nguyễn Ngọc	Trâm	13/11/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,05	69	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2135	2041230264	Vô Thị Thùy	Trang	12/03/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,08	85	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2136	2041230274	Huỳnh Thanh	Uyên	04/11/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,2	115	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2137	2041230282	Nguyễn Hoàng	Vũ	04/07/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,17	85	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2138	2041230298	Nguyễn Trương Hải	Yến	15/11/2005	Lớp 14DHQTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,68	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2139	2041230117	Phạm Huỳnh Anh	Đào	07/02/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,38	69	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2140	2041230119	Hoàng Anh	Đức	05/08/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,41	89	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2141	2041230161	Vũ Ngọc Khánh	Linh	28/06/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,81	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2142	2041230181	Đặng Nguyễn Thu	Ngân	13/08/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,63	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2143	2041230196	Bùi Ngọc Phương	Nhi	19/05/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,87	73	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2144	2041230204	Nguyễn Yến	Như	03/02/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,4	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2145	2041230209	Thái Nguyễn Hồng	Phụng	24/10/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,18	88	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2146	2041230261	Trần Minh	Thư	10/04/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,67	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2147	2041230228	Nguyễn Lê Thùy	Tiên	01/11/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,02	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2148	2041230269	Mai Thảo	Trâm	25/08/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,35	96	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
2149	2041230262	Đinh Thùy Đoan	Trang	22/12/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,59	69	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2150	2041230279	Võ Quốc	Việt	15/02/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,39	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2151	2041230286	Lê Nguyễn Thảo	Vy	10/06/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,25	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2152	2041230284	Nguyễn Thủy	Vy	23/01/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,41	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2153	2041230283	Phạm Thị Tường	Vy	29/03/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2154	2041230297	Nguyễn Tiểu	Yến	08/08/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,56	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2155	2041230296	Trần Phương Hoàng	Yến	21/08/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,37	73	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2156	2041230294	Trần Thị Ngọc	Yến	01/09/2005	Lớp 14DHQTTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,84	71	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2157	2041230115	Phạm Thị Thùy	Dương	27/07/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,85	107	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2158	2041230146	Nguyễn Thị Diễm	Hương	16/06/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,73	86	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2159	2041230169	Phạm Thành	Luân	27/09/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,07	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2160	2041230179	Nguyễn Phương	Nam	10/07/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,74	84	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2161	2041230199	Võ Thị Yến	Nhi	23/09/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,88	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2162	2041230214	Phạm Bích	Phương	22/01/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,95	65	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2163	2041230271	Bùi Đặng Bảo	Trâm	01/02/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,81	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2164	2041230234	Nguyễn Trần Thị Bích	Tuyền	25/04/2005	Lớp 14DHQTTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,44	83	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
2165	2005230004	Nguyễn Quốc	An	11/08/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,82	95	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2166	2005230111	Lê Tuấn	Đạt	05/05/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,39	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2167	2005230204	Vũ Ngọc Quỳnh	Hương	11/06/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,41	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2168	2005230296	Trần Thị Tuyết	Minh	26/11/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	7,96	86	Khá	40%	15.205.000	6.082.000	
2169	2005230303	Đỗ Ái Như	My	01/11/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	18	8,27	101	Giỏi	60%	15.205.000	9.123.000	
2170	2005230367	Phạm Thảo	Nguyên	17/12/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,73	103	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2171	2005230369	Nguyễn Minh	Nguyệt	15/07/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,97	85	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2172	2005230400	Triệu Ý	Nhi	19/11/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,31	89	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kí	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2173	2005230442	Lâm Thanh Phi	Phụng	06/11/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,07	96	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2174	2005230443	Vũ Văn	Phước	24/08/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,43	85	Khá	40%	13.815.500	5.526.200	
2175	2005230445	Nguyễn Phúc Nam	Phương	02/12/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,26	90	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2176	2005230464	Thái Chí	Quyền	07/03/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,96	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2177	2005230472	Nguyễn Trần Minh	Sang	04/03/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,07	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2178	2005230525	Huỳnh Gia	Thành	01/10/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,78	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2179	2005230602	Phạm Ngọc Thu	Trang	28/06/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,81	85	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2180	2005230680	Ngô Huỳnh Bảo	Vy	02/03/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,25	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2181	2005230695	Phan Huỳnh Kim	Xuyến	24/12/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,68	83	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2182	2005230705	Trần Thị	Yến	09/01/2005	Lớp 14DHTP_TD	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,66	95	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2183	2005230018	Trần Đình Toàn	Anh	12/03/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,61	118	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2184	2005230107	Nguyễn Anh	Đào	23/08/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,91	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2185	2005230098	Trương Ái	Duyên	31/10/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,41	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2186	2005230227	Võ Phúc	Khang	22/08/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,58	92	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2187	2005230217	Huỳnh Thị Phụng	Kiều	24/09/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,18	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2188	2005230245	Trần Ngọc Trúc	Lam	01/12/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,3	102	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2189	2005230388	Lê Thị Yến	Nhi	11/10/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,13	95	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2190	2005230430	Đặng Đoàn Thanh	Phong	03/07/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,02	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2191	2005230450	Nguyễn Hồ Thy	Phương	24/09/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,21	122	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2192	2005230579	Phạm Thị Anh	Thư	29/04/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,87	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2193	2005230581	Trần Ngọc Anh	Thư	17/12/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8	80	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2194	2005230624	Nguyễn Hồ Minh	Trí	28/11/2005	Lớp 14DHTP01	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,79	94	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2195	2005230102	Huỳnh Thái	Dương	26/01/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,41	114	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2196	2005230095	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	25/12/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,76	129	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2197	2005230163	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	27/03/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,43	128	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2198	2005230205	Trương Lê Quỳnh	Hương	02/02/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,09	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2199	2005230239	Biện Lê Yến	Khoa	10/04/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,18	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2200	2005230337	Hồ Thị	Nghĩa	30/07/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,04	98	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2201	2005230352	Phạm Thị Bích	Ngọc	11/04/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,41	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2202	2005230351	Phan Thị Hồng	Ngọc	17/02/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,34	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2203	2005230403	Huỳnh Uyên	Nhi	21/11/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,2	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2204	2005230397	Lê Thị Quỳnh	Nhi	29/10/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,74	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2205	2005230391	Lê Thị Tuyết	Nhi	04/05/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,78	85	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2206	2005230469	Đào Thị Trúc	Quỳnh	08/07/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,34	85	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2207	2005230480	Nguyễn Chí	Tài	13/02/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,46	76	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2208	2005230568	Nguyễn Trương Phạm Anh	Thư	07/12/2005	Lớp 14DHTP02	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,68	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2209	2005230113	Lê Hải	Đăng	13/04/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,13	123	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2210	2005230078	Nguyễn Thị Thùy	Dung	30/06/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,98	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2211	2005230101	Đào Phong	Dương	23/01/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,84	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2212	2005230129	Phạm Thị Thu	Hà	07/11/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,5	106	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2213	2005230171	Nguyễn Văn	Hiếu	13/02/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,98	107	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2214	2005230222	Nguyễn Trọng	Khang	03/10/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,24	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2215	2005230293	Nguyễn Thu	Minh	11/08/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,06	129	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2216	2005230329	Tô Thị Bích	Ngân	31/10/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,81	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2217	2005230332	Văn Thị Song	Ngân	18/07/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,97	90	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2218	2005230473	Nguyễn Thị Tuyết	Sen	09/03/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,25	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2219	2005230659	Hồ Thị Thúy	Vi	23/08/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,93	86	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2220	2005230685	Nguyễn Yên	Vy	04/07/2005	Lớp 14DHTP03	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,53	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2221	2005230153	Phùng Ngọc	Hân	20/11/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,44	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2222	2005230349	Trần Thị Bảo	Ngọc	20/01/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,95	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2223	2005230421	Hoàng Thị Kim	Oanh	11/07/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,91	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2224	2005230462	Lê Đỗ	Quyên	28/09/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,27	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2225	2005230490	Đặng Thị Mỹ	Tâm	10/11/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,06	94	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2226	2005230533	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	06/02/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,28	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2227	2005230616	Lê Bảo	Trần	18/12/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,73	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2228	2005230693	Đặng Ngọc	Xuân	16/05/2005	Lớp 14DHTP04	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,95	81	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2229	2005230052	Lê Thị Diệu	Bình	06/10/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,64	92	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2230	2005230077	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	07/01/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,73	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2231	2005230082	Trương Mỹ	Dung	09/08/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,74	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2232	2005230209	Lê Hữu	Hường	02/12/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,82	102	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2233	2005230237	Nguyễn Phúc Đăng	Khoa	21/02/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,93	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2234	2005230263	Nguyễn Thạch	Linh	25/08/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,02	82	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2235	2005230273	Dương Phước	Lộc	04/06/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,63	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2236	2005230281	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	11/09/2004	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,32	77	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2237	2005230328	Phan Thị Kim	Ngân	16/06/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,64	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2238	2005230358	Nguyễn Tấn	Nguyên	07/02/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,67	65	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2239	2005230408	Đinh Thị Tuyết	Nhung	08/11/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,64	107	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2240	2005230426	Nguyễn Tiến	Phát	09/09/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,55	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2241	2005230482	Nguyễn Tấn	Tài	08/10/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,81	65	Khá	40%	16.205.000	6.482.000	
2242	2005230494	Nguyễn Ngọc	Tấn	17/08/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,73	112	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2243	2005230582	Lê Chí	Thức	26/01/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,55	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2244	2005230639	Nguyễn Hoàng Thiên	Trúc	17/03/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,43	84	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2245	2005230689	Nguyễn Chí	Vỹ	05/04/2005	Lớp 14DHTP05	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,78	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2246	2005230044	Nguyễn Duy	Ân	26/06/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,55	89	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2247	2005230035	Đặng Thị Thùy	Anh	06/11/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,38	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2248	2005230118	Bùi Minh	Đức	05/04/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,76	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2249	2005230079	Nguyễn Ngọc	Dung	26/02/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,05	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2250	2005230096	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	22/05/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,11	77	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2251	2005230097	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	23/12/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,51	77	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2252	2005230092	Trà Nguyễn Phương	Duyên	29/12/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,09	88	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2253	2005230127	Đặng Ngọc Hồng	Giang	21/12/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,2	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2254	2005230167	Nguyễn Trí	Hiền	27/10/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,61	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2255	2005230220	Nguyễn Vũ An	Khang	20/05/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,61	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2256	2005230338	Lê Ngọc	Nghĩa	17/05/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,69	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2257	2005230364	Lê Thị Cẩm	Nguyên	19/09/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,04	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2258	2005230368	Đinh Ngô	Nguyệt	10/02/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,94	101	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2259	2005230372	Lê Thị Thanh	Nhàn	18/01/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,56	96	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2260	2005230393	Lê Ngô Thị Kim	Nhi	06/09/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,63	102	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2261	2005230433	Trần Vĩnh	Phú	03/05/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,93	84	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2262	2005230470	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	19/03/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,93	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2263	2005230538	Thế Thị Hồng	Thi	05/08/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,26	118	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2264	2005230657	Lê Nguyễn Lan	Vi	18/06/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,09	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2265	2005230687	Nguyễn Thị Kiều	Vy	25/06/2005	Lớp 14DHTP06	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,81	84	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2266	2005230014	Diệp Ngọc Lan	Anh	17/12/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,17	70	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2267	2005230011	Nguyễn Hoàng	Anh	25/11/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,88	90	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2268	2005230089	Nguyễn Tuấn	Duy	01/12/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,76	95	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2269	2005230128	Phan Nguyễn Trà	Giang	15/07/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,92	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2270	2005230130	Đặng Thị Ngọc	Hà	16/11/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,11	92	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2271	2005230154	Nguyễn Ngọc	Hân	06/09/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,05	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2272	2005230386	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	07/06/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,56	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2273	2005230390	Vô Thị Yến	Nhi	26/11/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,67	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2274	2005230578	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	08/10/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,13	98	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2275	2005230565	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,66	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2276	2005230643	Tiêu Lam	Trường	27/09/2005	Lớp 14DHTP07	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,12	79	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2277	2005230025	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	18/12/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,58	119	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2278	2005230029	Trần Thị Vân	Anh	03/05/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,48	80	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2279	2005230056	Nguyễn Văn	Bừu	09/01/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,13	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2280	2005230268	Thái Thị Kiều	Loan	08/02/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,78	115	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2281	2005230291	Phạm Lê Bình	Minh	01/06/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,56	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2282	2005230333	Trương Nguyễn Gia	Nghi	22/04/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	8,07	103	Giỏi	60%	15.990.000	9.594.000	
2283	2005230447	Lê Thị	Phương	01/10/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	19	7,77	84	Khá	40%	15.990.000	6.396.000	
2284	2005230444	Trần Ngọc Bích	Phương	06/04/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,51	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2285	2005230458	Nguyễn Nhật	Quân	01/01/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,99	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2286	2005230488	Bùi Thị	Tâm	01/11/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,17	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2287	2005230540	Võ Khoa	Thi	15/01/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,5	78	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2288	2005230597	Nguyễn Thị Thùy	Trang	10/07/2005	Lớp 14DHTP08	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,66	82	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2289	2005230070	Nghiêm Huỳnh	Diệp	02/08/2005	Lớp 14DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,23	96	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2290	2005230081	Trần Thị Ngọc	Dung	02/08/2005	Lớp 14DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,63	90	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2291	2005230181	Trần Đào Phương	Hồng	13/11/2005	Lớp 14DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,72	102	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2292	2005230203	Đỗ Thị Thanh	Hương	03/01/2005	Lớp 14DHTP09	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,81	96	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2293	2005230065	Đặng Công	Danh	19/11/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,78	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2294	2005230267	Trần Thị Bảo	Linh	14/07/2004	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,38	107	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2295	2005230277	Vô Đại	Lợi	19/05/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,53	97	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2296	2005230286	Phạm Nguyễn Chi	Mai	25/08/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	22	8,35	120	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2297	2005230401	Vy Thị Yến	Nhi	01/09/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,39	87	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2298	2005230409	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	21/08/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,65	86	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2299	2005230542	Bùi Minh	Thiên	05/10/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,54	74	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2300	2005230584	Nguyễn Thị Hoài	Thương	22/03/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	7,38	123	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2301	2005230506	Đào Thị Cẩm	Tú	21/02/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,06	86	Giỏi	60%	13.635.000	8.181.000	
2302	2005230655	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	27/09/2005	Lớp 14DHTP10	Khoa Công nghệ Thực phẩm	16	8,42	68	Khá	40%	13.635.000	5.454.000	
2303	2037200052	GIANG NGÔ PHÚC	AN	04/07/2001	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	22	8,09	78	Khá	40%	15.040.000	6.016.000	
2304	2037200038	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH	07/08/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,55	68	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2305	2037200114	THÁI THỊ KIM	ÁNH	22/10/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,21	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2306	2037200063	LƯƠNG CHỈ	BẢO	03/12/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,36	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2307	2037206637	TRẦN THỊ	DIỄM	15/12/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,11	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2308	2037200055	HUỲNH ĐẶNG NGỌC	GIANG	22/11/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	9,07	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2309	2037200073	NGUYỄN NGỌC	HẢO	29/04/2001	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	17	8,71	78	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2310	2037200030	PHẠM LÊ CÔNG	HẬU	20/12/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,97	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2311	2037200041	NGUYỄN THỊ XUÂN	HIỀN	05/09/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	9,23	105	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
2312	2037206704	TRỊNH THỊ MINH	HIỆP	12/09/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	9	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2313	2037206699	NGUYỄN THỊ THÚY	HÒA	23/04/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,47	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2314	2037200068	PHẠM MINH	HOÀNG	30/04/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,52	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2315	2037200165	NGUYỄN THANH	HUỆ	14/08/2001	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,21	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2316	2037200084	TẠ THỊ MAI	HƯƠNG	06/10/2001	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2317	2037200111	LÊ THỊ	HƯỜNG	09/05/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,39	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2318	2037200051	LÊ MINH	HUY	19/03/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,23	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2319	2037200107	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	09/05/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,73	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2320	2037200085	LÊ THỊ KIM	KHÁNH	01/09/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,48	74	Khá	40%	9.450.250	3.780.100	
2321	2037200131	NGUYỄN PHƯỚC QUÝ	KHIÊM	26/01/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,45	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2322	2037200032	HỒ YẾN	KHOA	02/10/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2323	2037200108	ĐÌNH THỊ DIỄM	KIỀU	06/11/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,95	97	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2324	2037200062	NGUYỄN THỊ BÍCH	LAN	18/04/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,47	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2325	2037200250	CAO TRƯỞNG THUỶ	LINH	25/07/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,87	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2326	2037200145	MAI LÊ ÁI	LINH	08/12/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,84	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2327	2037200042	TỔNG THÀNH	LỘC	05/06/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,05	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2328	2037200158	LÊ HOÀI	MINH	02/07/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	27	8,17	82	Giỏi	60%	18.354.000	11.012.400	
2329	2037200112	NGUYỄN THỊ LỆ	MY	26/07/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,73	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2330	2037200015	TRẦN THỊ THẢO	MY	26/09/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,59	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2331	2037200152	HUỖNH THANH	NGÂN	26/02/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,07	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2332	2037200101	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	01/02/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	16	8,26	78	Khá	40%	10.112.000	4.044.800	
2333	2037200129	NGUYỄN TRẦN BỘI	NGỌC	27/11/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,27	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2334	2037200058	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	03/05/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	18	8,12	90	Giỏi	60%	11.340.000	6.804.000	
2335	2037200105	LÊ THỊ YẾN	NHI	13/09/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,45	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2336	2037200040	NGÔ NGỌC YẾN	NHI	15/01/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	17	7,58	78	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2337	2037200169	TRƯƠNG ĐỖ KIỀU	NHUNG	09/01/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,02	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2338	2037206749	LÂM THANH	PHONG	13/10/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,63	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2339	2037200255	NGUYỄN XUÂN	PHUỘ NG	16/01/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,23	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2340	2037200076	NGUYỄN THỊ TỔ	QUYÊN	12/07/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,41	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2341	2037200017	BÙI THỤY PHƯỢNG	QUỖNH	24/09/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,37	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2342	2037200140	VÕ THỊ NGỌC	SANG	31/10/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	7,79	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2343	2037200202	PHAN MINH	TÂN	19/10/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	7,97	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2344	2037200123	HỒ HIẾU	THẢO	02/11/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	7,31	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2345	2037200153	DƯƠNG NHẬT	THIÊN	13/11/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	9,18	196	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
2346	2037200139	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	08/10/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,73	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2347	2037200119	ĐẠO THANH	THÚY	02/12/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,45	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2348	2037200098	ĐẶNG THỊ	TRANG	12/09/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,97	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2349	2037200159	LÊ THỊ THÙY	TRINH	11/10/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,34	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2350	2037200065	NGUYỄN ANH	TRÚC	27/03/2001	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,55	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2351	2037200094	HÀ VĂN	TÚ	18/01/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	9,07	83	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2352	2037200137	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	05/11/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,27	109	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2353	2037200048	PHAN THIÊN	VÂN	06/05/1999	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,45	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2354	2037206714	TRẦN THỊ HOÀNG	Ý	22/11/2002	Lớp 11DHKTL1	Khoa Chính trị - Luật	15	8,11	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2355	2037202001	PHAN ĐẶNG NHƯ	AN	01/10/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,43	74	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2356	2037203013	LÊ NGUYỄN HOÀNG	ANH	22/12/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	19	8,16	74	Khá	40%	11.970.000	4.788.000	
2357	2037200124	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	14/04/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	19	7,69	104	Khá	40%	11.970.000	4.788.000	
2358	2037200018	NGUYỄN ANH NGỌC	CHÂU	09/02/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,29	87	Giỏi	60%	11.115.000	6.669.000	
2359	2037202018	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	22/06/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	16	7,99	74	Khá	40%	10.816.025	4.326.410	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2360	2037203009	ĐÀO KHƯƠNG	DUY	25/10/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	21	8,35	74	Khá	40%	13.699.000	5.479.600	
2361	2037202027	TÔ THANH	HẬU	20/01/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,01	109	Giỏi	60%	11.115.000	6.669.000	
2362	2037202038	LÊ SĨ ĐẠT	KHOA	18/10/2001	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,79	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2363	2037202039	HUỖNH TUẤN	KIỆT	27/03/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,23	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2364	2037202040	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	28/05/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,75	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2365	2037202041	NGUYỄN THỊ THU	KỶ	10/06/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,77	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2366	2037200162	ĐỖ THỊ KHÁNH	LINH	05/09/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	7,22	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2367	2037202044	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	10/10/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,11	74	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
2368	2037202047	VÕ THỊ QUỐC	LỰC	02/10/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,39	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2369	2037200128	HUỖNH THỊ	NGÀ	08/03/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,48	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2370	2037202051	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	24/01/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,61	74	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
2371	2037203015	DƯƠNG THẢO	NGUYỄN	25/08/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	20	7,69	74	Khá	40%	13.510.000	5.404.000	
2372	2037202057	NGUYỄN THỊ Ý	NHI	17/10/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,47	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2373	2037203008	TRẦN VŨ THANH	PHONG	01/11/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	19	8,05	74	Khá	40%	12.375.000	4.950.000	
2374	2037203004	ĐÌNH LÊ HOÀNG	PHÚC	05/09/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	19	7,64	78	Khá	40%	12.375.000	4.950.000	
2375	2037200049	CAO THỂ	QUYỀN	19/04/1999	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	8,86	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2376	2037200029	VŨ NGỌC NHƯ	QUỖNH	11/06/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,65	80	Giỏi	60%	10.710.000	6.426.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2377	2037204021	LÊ QUYẾT	THẮNG	23/04/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	7,97	74	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2378	2037202073	NGUYỄN THỊ ANH	THY	09/10/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	15	7,27	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2379	2037202075	LÂM NGUYỄN GIA	TRÂN	08/08/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,16	74	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2380	2037202076	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	08/01/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,12	74	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
2381	2037202079	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	23/12/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,34	74	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2382	2037202084	HUỖNH NGUYỄN PHƯƠNG	VY	28/09/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	18	7,05	74	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
2383	2037202083	NGUYỄN LÊ TƯỜNG	VY	17/10/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	19	8,08	74	Khá	40%	12.375.000	4.950.000	
2384	2037202088	NGUYỄN THỊ PHI	YẾN	16/12/2002	Lớp 11DHKTL2	Khoa Chính trị - Luật	17	8,33	76	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
2385	2037206662	NGUYỄN PHẠM TRÂM	ÁI	08/09/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,57	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2386	2037206820	LÝ QUỲNH	ANH	04/06/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,47	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2387	2037206665	PHAN MINH	BẰNG	06/07/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,64	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2388	2037206782	LÝ PHẠM BẢO	CHÂU	22/11/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	18	8,16	80	Giỏi	60%	11.340.000	6.804.000	
2389	2037206812	NGUYỄN HOÀNG KIM	CÚC	12/08/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,45	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2390	2037206678	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	26/10/2001	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2391	2037206688	BAO MỸ	HẰNG	21/05/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,29	79	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2392	2037206656	LÊ THỊ THU	HIẾU	20/03/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,63	79	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2393	2037206680	VŨ TRÍ MINH	HIẾU	24/09/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	18	8,6	74	Khá	40%	11.805.000	4.722.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2394	2037206638	TRẦN NGỌC	HOÀNG	07/05/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	20	7,28	70	Khá	40%	12.884.000	5.153.600	
2395	2037206745	TRƯƠNG LÊ	HOÀNG	09/06/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	17	8	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2396	2037206702	NGUYỄN THỊ	HUỆ	03/09/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,95	99	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2397	2037206653	NGUYỄN TRẦN HUẾ	HƯƠNG	09/09/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,5	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2398	2037206777	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	KHÁNH	10/10/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	18	8,47	74	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
2399	2037206683	TRẦN KHÁNH	LINH	02/02/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	9,07	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2400	2037206804	VŨ NGỌC BẢO	LONG	30/08/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	18	8,1	68	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
2401	2037202049	TRẦN THỊ	MÂN	04/05/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,57	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2402	2037206717	PHẠM THỊ THANH	NGÂN	26/10/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	9	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2403	2037206657	NGUYỄN THANH	NHÃ	06/11/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	17	8,41	74	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
2404	2037206689	NGUYỄN HOÀI	NHI	31/10/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	18	8,34	74	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
2405	2037206698	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	10/05/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,73	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2406	2037206695	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	18/07/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,39	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2407	2037204020	HỒ THỊ MAI	PHUON G	06/11/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,73	98	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2408	2037200020	NGUYỄN QUỲNH NGUYỆT	QUẾ	30/03/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2409	2037202065	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	12/08/2000	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,23	112	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2410	2037206667	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	30/06/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,39	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2411	2037204401	NGUYỄN VÕ ANH	THƯ	13/08/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	7,93	88	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2412	2037206635	VÕ THỊ MINH	THƯ	28/09/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,84	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2413	2037206732	TRẦN NGỌC	THUẬN	11/01/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,55	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2414	2037206697	CAO DANH	TÍN	08/11/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,14	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2415	2037204145	PHAN THỊ ÁI	TÌNH	24/06/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,95	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2416	2037206641	TRẦN THỊ THANH	TRÀ	03/01/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2417	2037206730	KHUẤT KIỀU	TRANG	04/07/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2418	2037206764	LÊ THUY ĐOAN	TRANG	04/02/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,57	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2419	2037206660	DƯƠNG MỸ	TRINH	24/03/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,89	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2420	2037206706	UNG KIM	TRINH	05/01/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,77	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2421	2037206783	NGUYỄN NGỌC	TUÂN	24/03/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,57	105	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2422	2037206712	PHẠM THỊ CẨM	TUYÊN	27/12/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,85	114	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2423	2037206652	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	VIỆT	24/05/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,84	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2424	2037206769	PHẠM TRẦN MINH	VY	11/09/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	18	8,26	74	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
2425	2037203019	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	08/03/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	8,79	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2426	2037206807	NGUYỄN THỊ KIM	YÊN	28/03/2002	Lớp 11DHKTL3	Khoa Chính trị - Luật	15	9	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2427	2037206741	TRẦN THỊ VÂN	ANH	27/05/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,55	74	Khá	40%	10.755.000	4.302.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2428	2037206636	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	CHI	25/06/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	9,02	103	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
2429	2037206810	NGUYỄN THANH	DŨNG	17/02/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	21	7,4	74	Khá	40%	14.194.000	5.677.600	
2430	2037206775	ĐỖ THỊ THU	HÀ	18/09/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	7,97	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2431	2037206640	ĐỖ DIỆP GIA	HÂN	06/03/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,75	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2432	2037206700	NGUYỄN NGỌC MỸ	HÂN	03/10/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,73	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2433	2037206806	VI THỊ HỒNG	HẠNH	08/01/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,7	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2434	2037206792	PHẠM NGUYỄN ANH	HÀO	08/03/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,52	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2435	2037206761	HUỲNH TRẦN	HẬU	06/01/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,57	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2436	2037206765	LƯU THỊ ĐOAN	HIỀN	27/06/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	7,7	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2437	2037206772	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	28/07/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2438	2037206817	LŨ PHÚC	HUY	08/08/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	9,07	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2439	2037206743	PHẠM QUANG	HUY	04/01/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	17	8,55	78	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
2440	2037206681	HUỲNH NAM	KHÁNH	26/01/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	7,63	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2441	2037206668	TÀO QUANG	KHÔI	19/11/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,63	88	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2442	2037206696	LÊ THỊ THU	NGÂN	31/12/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,64	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2443	2037206805	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGỌC	01/12/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2444	2037206785	MAI THỊ TUYẾT	NHI	07/01/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	7,35	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2445	2037206767	TRẦN THỊ YẾN	NHI	08/11/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,39	107	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2446	2037206650	NGUYỄN THỊ MỸ	NHUNG	24/04/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2447	2037206793	NGUYỄN HOÀNG	OANH	28/06/1996	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,23	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2448	2037206774	TRỊNH THỊ KIM	PHUỖN G	14/11/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,79	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2449	2037206738	ĐẶNG XUÂN	QUANG	10/11/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2450	2037206811	HUỖNH PHONG	QUÝ	09/08/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	17	8,22	74	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
2451	2037206768	NGÔ BÙI KIM	QUYÊN	11/06/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,45	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2452	2037206794	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỖNH	08/11/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,61	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2453	2037206731	LÊ CHÍ	TÂM	11/06/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	9,07	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2454	2037206677	DƯƠNG GIA	THI	15/04/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2455	2037206659	NGUYỄN HUỖNH ANH	THI	28/12/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,34	79	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2456	2037206669	NGUYỄN BÌNH	TIỀN	13/05/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	18	7,76	74	Khá	40%	11.845.000	4.738.000	
2457	2037206672	TRẦN THỊ MỸ	TIỀN	17/07/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	9	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2458	2037206676	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	TIỀN	07/02/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,68	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2459	2037206671	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	27/05/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,84	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2460	2037206648	HUỖNH THỊ THÙY	TRANG	10/12/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,09	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2461	2037206724	NGÔ VŨ MINH	TRÍ	24/04/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	9,07	245	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2462	2037206709	NGUYỄN PHẠM TÍN	TRỌNG	07/04/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,07	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2463	2037206687	ĐỖ THỊ THANH	TRÚC	29/07/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,73	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2464	2037206729	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	04/11/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,63	92	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2465	2037206815	VÔ THỊ THANH	TUYỀN	28/09/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,53	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2466	2037206756	THÁI THỊ ÁNH	TUYẾT	02/12/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,04	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2467	2037206651	TRẦN MINH HẠ	VŨ	05/07/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	20	7,77	74	Khá	40%	13.136.000	5.254.400	
2468	2037204726	HUỖNH HỒ THẢO	VY	22/03/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,97	100	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
2469	2037206752	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	VY	05/04/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8,23	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2470	2037206787	VŨ NGỌC NHƯ	Ý	31/08/2002	Lớp 11DHKTL4	Khoa Chính trị - Luật	15	8	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
2471	2037210232	Huỳnh Khánh	An	02/03/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	15	7,57	84	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
2472	2037210254	Trần Thị Thúy	An	04/09/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,11	73	Khá	40%	11.092.000	4.436.800	
2473	2037210327	Nguyễn Thị Kim	Anh	18/08/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	15	7,66	86	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
2474	2037210240	Phan Tú	Anh	31/08/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	7,52	80	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2475	2037210310	Trần Nhật	Bun	21/02/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	8,53	102	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2476	2037210010	Phạm Hồng	Duy	05/12/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	8,04	88	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2477	2037210371	Mo Ham Mach Ha Ra	Fin	01/02/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	8,35	157	Giỏi	60%	12.227.000	7.336.200	
2478	2037210081	Lữ Hân	Hân	01/07/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	8,25	82	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2479	2037210419	Phan Trần Diệu	Hiền	16/01/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	8,52	155	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2480	2037210333	Đoàn Phạm	Hùng	03/04/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	8,86	98	Giỏi	60%	13.551.000	8.130.600	
2481	2037210423	Nguyễn Hoài Vinh	Hung	28/10/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,46	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2482	2037210398	Nguyễn Hồ Xuân	Hương	02/09/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	7,65	82	Khá	40%	12.227.000	4.890.800	
2483	2037210032	Nguyễn Nam	Khôi	08/08/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	7,58	158	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2484	2037210079	Châu Tuyết	Nhi	01/05/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,42	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2485	2037210083	Lê Ngọc Thanh	Nhi	13/01/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	15	8,05	82	Giỏi	60%	10.903.000	6.541.800	
2486	2037210273	Lê Yến	Nhi	18/04/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	15	8,55	86	Giỏi	60%	10.903.000	6.541.800	
2487	2037210228	Nguyễn Thị Hồng	Nhu	02/11/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	7,98	122	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2488	2037210230	Võ Thị Hồng	Phượng	24/01/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	7,28	83	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2489	2037210018	Nguyễn Thúy	Quân	16/10/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	15	7,52	92	Khá	40%	10.903.000	4.361.200	
2490	2037210425	Lê Xuân	Quỳnh	12/11/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,64	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2491	2037210372	Phạm Thị Như	Quỳnh	01/10/2002	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	8,83	122	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2492	2037210262	Phạm Thị	Thiếp	24/09/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	8,05	78	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2493	2037210100	Đỗ Ngọc Minh	Thư	25/06/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	7,78	88	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2494	2037210241	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	18/06/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,64	78	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2495	2037210266	Nguyễn Nhật Minh	Thư	16/01/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,52	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2496	2037210378	Phạm Thị	Thủy	17/03/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,13	78	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	
2497	2037210051	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	12/01/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	15	8,14	108	Giỏi	60%	10.903.000	6.541.800	
2498	2037210362	Lê Thị Tường	Vy	10/10/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,93	74	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2499	2037210343	Nguyễn Tường	Vy	02/03/2003	Lớp 12DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,24	74	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2500	2037210300	Phan Thị Kim	Bằng	06/10/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	7,47	87	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2501	2037210354	Nguyễn Ngọc	Bích	06/02/2002	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	8,67	90	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2502	2037210399	Lê Thị Hồng	Cầm	10/03/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	7,58	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2503	2037210220	Nguyễn Thành	Đạt	27/02/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	15	7,19	82	Khá	40%	10.242.000	4.096.800	
2504	2037210315	Ngô Quốc	Duy	22/09/2002	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	7,35	170	Khá	40%	6.106.000	2.442.400	
2505	2037210278	Nguyễn Ngọc Mộng	Giao	06/07/2002	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	8,53	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2506	2037210255	Hồ Thị Thu	Hiền	01/11/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	7,52	86	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2507	2037210325	Trần Thị Thu	Hiền	22/05/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	8,21	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2508	2037210045	Cáp Trọng	Hiếu	01/08/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	8,68	92	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2509	2037210526	Phan Văn	Huy	01/05/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	8,63	128	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2510	2037210387	Trần Huỳnh Tuấn	Khôi	22/12/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	7,45	107	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2511	2037210044	Đỗ Nguyễn Thiên	Kim	12/11/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	7,86	82	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2512	2037210421	Trần Thị Thanh	Ngân	12/02/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	7,76	88	Khá	40%	12.227.000	4.890.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2513	2037210357	Phạm Trần Minh	Nguyệt	14/01/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	7,41	103	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2514	2037210422	Trần Thị Yến	Nhi	09/10/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	8,15	84	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2515	2037210053	Ngô Mộng Kiều	Oanh	26/08/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	8,45	84	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2516	2037210089	Nguyễn Thị Kim	Phụng	03/10/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	22	7,09	78	Khá	40%	15.220.000	6.088.000	
2517	2037211636	Nguyễn Đức Thành	Phương	24/01/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	20	7,46	78	Khá	40%	14.401.000	5.760.400	
2518	2037210432	Nguyễn Thị Thu	Phương	24/07/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,63	78	Khá	40%	14.875.000	5.950.000	
2519	2037210038	Trương Nhật	Tân	11/02/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,1	145	Khá	40%	11.497.000	4.598.800	
2520	2037210035	Hoàng Hữu	Thắng	07/05/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,23	113	Giỏi	60%	14.590.000	8.754.000	
2521	2037210525	Phạm Nguyên	Thảo	09/05/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	7,68	90	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2522	2037210424	Hồ Thị Ánh	Thoa	27/12/2002	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	20	7,8	82	Khá	40%	14.401.000	5.760.400	
2523	2037210056	Lê Lâm Ngọc	Trình	29/11/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	7,68	82	Khá	40%	13.266.000	5.306.400	
2524	2037210403	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/10/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	17	8,66	95	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2525	2037210212	Nguyễn Thị Tường	Vy	08/01/2003	Lớp 12DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	8,47	182	Giỏi	60%	13.487.000	8.092.200	
2526	2037215005	Nguyễn Thị Loan	Anh	20/11/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	22	7,76	86	Khá	40%	15.725.000	6.290.000	
2527	2037210132	Lê Thị Ngọc	Chi	10/01/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	20	7,99	88	Khá	40%	14.401.000	5.760.400	
2528	2037215058	Lê Minh	Đề	06/04/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,68	160	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2529	2037215061	Nguyễn Hoàng Khánh	Đoan	26/08/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	7,39	82	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2530	2037215050	Đỗ Thị Thùy	Dương	26/01/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,28	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2531	2037215083	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	07/05/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,89	100	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2532	2037215088	Trịnh Huy	Hoàng	08/07/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	7,29	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2533	2037215094	Lê Thị Thuý	Huyền	12/02/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	8,19	80	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2534	2037215113	Trần Thị Thanh	Kiều	23/12/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,5	104	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2535	2037215117	Bùi Phương	Linh	04/06/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	7,89	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2536	2037215139	Đỗ Song	Mai	15/06/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	7,99	82	Khá	40%	12.227.000	4.890.800	
2537	2037210027	Phạm Ngọc Kim	Ngân	26/03/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,18	123	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2538	2037215155	Đỗ Xuân	Nghi	13/08/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	7,64	99	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2539	2037215156	Lê Hữu	Nghĩa	18/06/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	8,29	92	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2540	2037215158	Đoàn Hồng	Ngọc	03/08/2002	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	7,65	114	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2541	2037215161	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	28/09/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	7,81	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2542	2037215169	Trần Khánh	Nguyên	06/09/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	15	8,05	142	Giỏi	60%	10.903.000	6.541.800	
2543	2037210307	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	01/07/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	8,29	92	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2544	2037210112	Nguyễn Tấn	Phúc	25/04/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	7,52	90	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2545	2037215232	Lương Vũ Hoàng	Phượng	23/05/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	20	8,74	102	Giỏi	60%	13.896.000	8.337.600	
2546	2037215251	Đỗ Ái Phương	Tâm	22/05/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,15	98	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2547	2037215258	Nguyễn Quốc	Thái	09/02/2002	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	30	7,91	106	Khá	40%	21.691.000	8.676.400	
2548	2037215260	Nguyễn Nhật	Thanh	09/09/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,6	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2549	2037215300	Võ Ngọc Minh	Thư	28/04/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	7,99	93	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2550	2037215301	Võ Thị Anh	Thư	08/10/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	8,18	97	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2551	2037215310	Phạm Nguyễn Lam	Tiên	11/05/2003	Lớp 12DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	17	7,9	86	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2552	2037214993	Cao Lâm Mai	Anh	12/05/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	21	7,33	82	Khá	40%	14.590.000	5.836.000	
2553	2037215000	Lê Thúy	Anh	27/04/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,48	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2554	2037215012	Trần Thị Hằng	Anh	22/09/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,48	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2555	2037215013	Trần Thị Lan	Anh	02/07/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,86	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2556	2037215030	Nguyễn Thị Cẩm	Chi	22/05/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	17	8,78	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2557	2037215035	Bùi Thị	Chúc	26/07/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,72	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2558	2037215041	Đào Kim	Dung	11/02/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,29	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2559	2037215075	Bùi Nguyễn Ngọc	Hân	20/12/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	8,18	88	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2560	2037215079	Tạ Gia	Hân	29/07/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,66	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2561	2037215074	Võ Thị Ngọc	Hằng	23/07/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	8,43	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2562	2037215087	Trần Thị Thanh	Hòa	14/09/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	17	8,24	94	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2563	2037215106	Phạm Tuyết	Khanh	11/01/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	17	8,48	90	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2564	2037215109	Huỳnh Bùi Minh	Khuê	14/08/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	21	8,05	125	Giỏi	60%	14.995.000	8.997.000	
2565	2037211798	Lưu Trần Diệu	Linh	24/01/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	21	8,4	82	Giỏi	60%	14.811.000	8.886.600	
2566	2037215122	Nguyễn Ngô Phương	Linh	12/02/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,28	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2567	2037215137	Nguyễn Thị Diễm	Ly	01/01/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,53	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2568	2037215146	Đoàn Thanh	Ngân	02/04/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	20	8,35	82	Giỏi	60%	13.896.000	8.337.600	
2569	2037215147	Lê Thanh	Ngân	10/02/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	17	9,04	106	Xuất sắc	100%	12.006.000	12.006.000	
2570	2037210528	Đặng Nguyễn Yến	Nhi	24/09/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,62	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2571	2037215178	Hồ Yến	Nhi	07/05/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	9,17	100	Xuất sắc	100%	13.330.000	13.330.000	
2572	2037210509	Lê Thị Mai	Phương	19/12/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	8,73	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2573	2037215253	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	12/03/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	17	7,87	90	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2574	2037215272	Nguyễn Huỳnh Anh	Thi	27/08/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,97	101	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2575	2037215290	Kha Thị Anh	Thư	09/04/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	8,12	103	Giỏi	60%	13.551.000	8.130.600	
2576	2037215296	Phan Lê Minh	Thư	29/01/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,74	90	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2577	2037215278	Nguyễn Hiếu	Thuận	29/12/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	7,91	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2578	2037215284	Trần Tâm Thanh	Thúy	12/11/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	19	8	101	Giỏi	60%	13.551.000	8.130.600	
2579	2037215279	Hồ Lê Minh	Thùy	20/07/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	17	7,97	94	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2580	2037215304	Nguyễn An	Thy	29/10/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	20	8,14	86	Giỏi	60%	13.896.000	8.337.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2581	2037215311	Trần Thị Cẩm	Tiên	23/09/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	22	7,83	90	Khá	40%	15.220.000	6.088.000	
2582	2037215379	Trần Nguyễn Khả	Vy	25/05/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	22	7,66	90	Khá	40%	15.725.000	6.290.000	
2583	2037215380	Trần Nguyễn Thúy	Vy	17/11/2003	Lớp 12DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	17	7,87	86	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2584	2037214996	Hoàng Lan Tuyết	Anh	05/01/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	15	8,11	157	Giỏi	60%	10.903.000	6.541.800	
2585	2037215003	Nguyễn Lê Trang	Anh	31/08/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	22	7,95	98	Khá	40%	15.441.000	6.176.400	
2586	2037215006	Nguyễn Vân	Anh	06/07/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	17	8,02	68	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2587	2037215023	Trương Ngọc Phương	Bình	06/10/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	9,18	104	Xuất sắc	100%	13.330.000	13.330.000	
2588	2037215026	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	10/07/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	17	7,56	88	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2589	2037215053	Huỳnh Tấn	Đạt	25/12/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	8,19	86	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2590	2037215045	Nguyễn Đức	Duy	14/03/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	7,91	121	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2591	2037215073	Nguyễn Thúy	Hằng	11/07/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	17	7,64	82	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2592	2037215081	Nguyễn Thị	Hiền	10/05/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	25	8,6	94	Giỏi	60%	17.615.000	10.569.000	
2593	2037215102	Phạm Quỳnh	Hương	04/03/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	7,29	90	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2594	2037215104	Nguyễn Lý Gia	Khang	15/01/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	7,51	68	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2595	2037215118	Dương Ngọc	Linh	04/12/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	20	7,77	82	Khá	40%	14.401.000	5.760.400	
2596	2037215129	Hồ Ái	Loan	09/05/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,65	92	Giỏi	60%	11.156.000	6.693.600	
2597	2037215130	Vũ Thị Kiều	Loan	07/05/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	23	8,36	109	Giỏi	60%	16.756.000	10.053.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2598	2037215141	Hồ Kha	My	08/01/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	8,27	86	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2599	2037215148	Ngô Kim	Ngân	24/12/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	17	7,36	92	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2600	2037215151	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	12/04/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,45	82	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	
2601	2037215153	Phạm Thanh	Ngân	11/02/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	22	8,44	86	Giỏi	60%	15.725.000	9.435.000	
2602	2037212234	Đình Hồng	Ngọc	03/03/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	8,89	185	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2603	2037215173	Nguyễn Trương	Nhã	17/10/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	8,05	92	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2604	2037215180	Lương Lê Hà	Nhi	12/11/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	17	8,45	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2605	2037215189	Nguyễn Yến	Nhi	30/11/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,44	80	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	
2606	2037215207	Lưu Quỳnh	Như	22/04/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	8,22	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2607	2037215198	Hoàng Thị	Nhung	24/12/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	82	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	
2608	2037215249	Nguyễn Trọng Đức	Tài	11/11/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	18	7,9	128	Khá	40%	13.473.000	5.389.200	
2609	2037215252	Huỳnh Ngọc	Tâm	20/07/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	17	8,37	82	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2610	2037215275	Đỗ Quang Minh	Thịnh	02/10/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	8,24	157	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2611	2037215276	Nguyễn Quốc	Thịnh	22/02/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	19	8,37	92	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2612	2037215303	Lường Song	Thương	23/02/2003	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	15	7,81	78	Khá	40%	10.903.000	4.361.200	
2613	2037215364	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	11/04/2002	Lớp 12DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	17	7,55	96	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2614	2037214987	Biện Lê Phú	An	15/10/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	15	7,39	110	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2615	2037215007	Nhâm Nguyễn Ngọc	Anh	01/08/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	15	8,38	106	Giỏi	60%	10.903.000	6.541.800	
2616	2037215011	Trần Thị Diệu	Anh	05/12/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	15	8,28	100	Giỏi	60%	10.903.000	6.541.800	
2617	2037215018	Hồ Quốc	Bảo	18/02/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	7,31	92	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2618	2037215110	Trần Trung	Kiên	11/10/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	8,13	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2619	2037215127	Trần Thị Ngọc	Linh	07/07/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	8,62	102	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2620	2037215132	Phạm Thị Kim	Luân	01/05/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	22	8,61	102	Giỏi	60%	15.725.000	9.435.000	
2621	2037215138	Nguyễn Thị Trúc	Ly	22/10/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	8,48	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2622	2037215149	Nguyễn Phúc Hải	Ngân	24/09/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	8,23	113	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2623	2037215154	Quách Hồng	Ngân	13/12/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	8,08	100	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2624	2037215157	Bùi Thị Như	Ngọc	21/08/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	7,57	101	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2625	2037215166	Nguyễn Lê Mỹ	Nguyên	28/04/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	8,33	88	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2626	2037215191	Phùng Thị Tú	Nhi	03/05/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	8,88	102	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2627	2037215192	Trần Ngọc	Nhi	21/08/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	8,07	86	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2628	2037215228	Phan Kim	Phụng	23/02/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	7,75	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2629	2037215236	Cao Như	Quỳnh	04/09/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,34	130	Giỏi	60%	11.156.000	6.693.600	
2630	2037215244	Phạm Ngọc Diễm	Quỳnh	16/01/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	8,02	82	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2631	2037215270	Mai Thị Hồng	Thắm	25/07/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	104	Khá	40%	11.292.000	4.516.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2632	2037215266	Ngô Thị Thanh	Thảo	06/12/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	8,37	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2633	2037215277	Phạm Hồng	Thoa	17/02/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	7,83	90	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2634	2037215298	Trương Anh	Thư	29/09/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	7,79	78	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2635	2037215302	Huỳnh Thị Hà	Thương	11/12/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	17	7,99	82	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2636	2037215305	Đỗ Cẩm	Tiên	19/06/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	21	8,31	86	Giỏi	60%	15.216.000	9.129.600	
2637	2037215312	Trương Ngọc	Tòa	29/12/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	7,82	84	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2638	2037215324	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	12/08/2003	Lớp 12DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	19	8,04	96	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2639	2037215024	Thái Cát	Cát	30/09/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	22	8,18	90	Giỏi	60%	15.520.000	9.312.000	
2640	2037215051	Lê Thảo	Đan	09/01/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	7,92	96	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2641	2037215056	Nguyễn Lê Minh	Đăng	14/08/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	7,01	82	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2642	2037215038	Đặng Thị Ngọc	Diễm	10/04/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	15	8,16	98	Giỏi	60%	10.682.000	6.409.200	
2643	2037215042	Ngô Thùy	Dung	16/11/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	8,35	118	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2644	2037215044	Chu Hoàng	Duy	17/11/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	7,33	80	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2645	2037215047	Đinh Nguyễn Phương	Duyên	30/05/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	8,14	92	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2646	2037215089	Đào Thị Mỹ	Hồng	10/08/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	7,9	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2647	2037215090	Huỳnh Thị Gia	Huệ	06/12/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	23	7,93	86	Khá	40%	16.255.000	6.502.000	
2648	2037215099	Nguyễn Việt	Hưng	05/09/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	7,48	84	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2649	2037215105	Lê Hồng	Khanh	25/12/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	8,1	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2650	2037215135	Nguyễn Lê Thảo	Ly	21/10/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	7,88	86	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2651	2037215177	Dương Thị Yến	Nhi	21/01/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	20	7,85	82	Khá	40%	14.401.000	5.760.400	
2652	2037215195	Trương Thị Yến	Nhi	07/07/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	21	7,82	74	Khá	40%	14.590.000	5.836.000	
2653	2037215206	Hoàng Thị	Như	01/09/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	7,61	82	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2654	2037215227	Võ Thị Hồng	Phúc	03/10/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	7,51	90	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2655	2037215248	Trần Thái Thảo	Sương	13/03/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	15	8,43	104	Giỏi	60%	10.682.000	6.409.200	
2656	2037215250	Phan Cao Trí	Tài	26/12/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	8,17	82	Giỏi	60%	13.551.000	8.130.600	
2657	2037215263	Bùi Lê Thanh	Thảo	24/04/2002	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	8,29	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2658	2037215267	Ngô Vương	Thảo	14/10/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	20	7,95	78	Khá	40%	14.196.000	5.678.400	
2659	2037215294	Nguyễn Thị Minh	Thư	30/06/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	20	7,48	86	Khá	40%	14.196.000	5.678.400	
2660	2037215285	Trần Thị Phương	Thúy	21/04/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	8,16	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2661	2037215321	Đỗ Dương Bảo	Trâm	02/04/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	8,23	82	Giỏi	60%	13.671.000	8.202.600	
2662	2037215326	Trần Thị Ngọc	Trâm	08/11/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	7,96	86	Khá	40%	12.227.000	4.890.800	
2663	2037215332	Nguyễn Hoàng Kim	Trinh	06/10/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	19	8,19	86	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2664	2037215343	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	05/11/2003	Lớp 12DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	17	7,66	78	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
2665	2037214991	Trịnh Phúc	An	19/11/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	7,96	78	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2666	2037214999	Lê Thùy	Anh	16/04/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	7,55	91	Khá	40%	13.551.000	5.420.400	
2667	2037211722	Võ Thị Hồng	Diễm	30/08/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	21	7,19	78	Khá	40%	14.811.000	5.924.400	
2668	2037210506	Trần Văn	Hên	13/10/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	7,38	114	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2669	2037215172	Nguyễn Thụy Thu	Nguyệt	09/01/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	23	7,86	88	Khá	40%	16.086.000	6.434.400	
2670	2037215184	Ngô Thị Yến	Nhi	08/12/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	18	8,17	90	Giỏi	60%	12.793.000	7.675.800	
2671	2037215269	Thuận Thị	Thảo	04/10/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	8,15	92	Giỏi	60%	13.266.000	7.959.600	
2672	2037215322	Lê Thị Ái	Trâm	01/01/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	7,58	78	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
2673	2037215327	Trương Quế	Trâm	04/07/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,58	82	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2674	2037215330	Phạm Ngọc Ái	Trân	21/12/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	8,38	86	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2675	2037215318	Tạ Thị Huyền	Trang	14/03/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,57	104	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2676	2037215334	Phùng Thị	Trình	07/05/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,13	82	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2677	2037215339	Phạm Ngô Thanh	Trúc	18/11/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,55	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2678	2037215340	Trần Thanh	Trúc	04/10/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,16	88	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2679	2037210512	Nguyễn Quang	Tuấn	12/04/2000	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,73	92	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2680	2037215347	Phạm Đức Minh	Tuấn	21/09/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	21	7,64	86	Khá	40%	14.811.000	5.924.400	
2681	2037215349	Lữ Mỹ	Tuyền	13/10/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	20	8,22	82	Giỏi	60%	14.401.000	8.640.600	
2682	2037215350	Võ Thị Thanh	Tuyền	27/04/2003	Lớp 12DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	20	8,23	82	Giỏi	60%	13.896.000	8.337.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2683	2037215355	Hoàng Phương	Uyên	29/10/2003	Lớp 12DHCTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	7,52	110	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2684	2037215358	Nguyễn Thị Thúy	Uyên	21/07/2003	Lớp 12DHCTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	7,34	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2685	2037215361	Sú Mỹ	Vân	06/04/2003	Lớp 12DHCTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	8	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
2686	2037215370	Lâm Thái	Vy	22/10/2003	Lớp 12DHCTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	7,68	90	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2687	2037215381	Trần Nguyễn Tường	Vy	02/12/2003	Lớp 12DHCTL08	Khoa Chính trị - Luật	19	7,92	82	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
2688	2037215383	Vương Trần Khánh	Vy	28/03/2003	Lớp 12DHCTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,35	96	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2689	2037215387	Lê Thị Thuý	Yến	23/11/2003	Lớp 12DHCTL08	Khoa Chính trị - Luật	17	8,11	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
2690	2037220104	Lê Quỳnh	Anh	18/12/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,97	98	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2691	2037220103	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/06/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,19	102	Giỏi	60%	16.155.000	9.693.000	
2692	2037220222	Phạm Trần Văn	Anh	08/01/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,83	82	Khá	40%	16.150.000	6.460.000	
2693	2037220156	Trần Thị Vân	Anh	04/07/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	23	8,12	84	Giỏi	60%	17.679.000	10.607.400	
2694	2037220528	Phạm Linh	Chi	12/02/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,13	74	Khá	40%	16.219.000	6.487.600	
2695	2037220558	Nguyễn Viết	Chuẩn	28/01/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	8,68	86	Giỏi	60%	14.895.000	8.937.000	
2696	2037220866	Hồ Hoàng Anh	Đào	10/10/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,94	92	Khá	40%	15.781.000	6.312.400	
2697	2037220937	Nguyễn Thành	Đạt	29/10/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,49	80	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2698	2037220972	Nguyễn Thị Ngân	Điền	07/03/2004	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,37	108	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2699	2037220641	Phạm Quý	Duẩn	11/11/2003	Lớp 13DHCTL01	Khoa Chính trị - Luật	24	7,75	78	Khá	40%	18.245.000	7.298.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2700	2037220786	Huỳnh Lê Phương	Duyên	14/01/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,27	117	Khá	40%	16.002.000	6.400.800	
2701	2037221075	Nguyễn Văn	Giàu	13/01/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,1	108	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2702	2037221085	Trần Thị Dung	Hà	09/08/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	17	7,22	78	Khá	40%	13.230.000	5.292.000	
2703	2037221277	Đoàn Ngọc	Hân	03/05/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	23	7,71	86	Khá	40%	17.815.000	7.126.000	
2704	2037221542	Đặng Thị Bích	Hợp	28/04/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,82	86	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2705	2037221831	Lê Ngọc Quốc	Hương	25/06/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	23	8,14	86	Giỏi	60%	17.815.000	10.689.000	
2706	2037222290	Phạm Nguyễn Thùy	Linh	29/08/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	24	7,75	80	Khá	40%	16.150.000	6.460.000	
2707	2037222451	Nguyễn Ánh	Long	06/12/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,37	74	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2708	2037222512	Phan Thị Hiền	Lương	16/12/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	24	8,21	106	Giỏi	60%	18.136.000	10.881.600	
2709	2037222610	Nguyễn Thị	Mận	27/08/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,76	90	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2710	2037222972	Phạm Hoàng Trúc	Ngân	31/07/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,73	114	Giỏi	60%	16.150.000	9.690.000	
2711	2037223116	Phạm Vũ Bảo	Ngọc	12/10/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,31	100	Giỏi	60%	12.500.000	7.500.000	
2712	2037223070	Thái Kim	Ngọc	28/07/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,95	88	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2713	2037223402	Đỗ Hà Phương	Nhi	16/06/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	25	8,26	78	Khá	40%	18.703.000	7.481.200	
2714	2037223347	Đồng Phương	Nhi	01/11/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	18	8,16	88	Giỏi	60%	13.739.000	8.243.400	
2715	2037223361	Phạm Thị Xuân	Nhi	02/05/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,78	100	Khá	40%	15.781.000	6.312.400	
2716	2037223475	Lương Uyển	Như	24/10/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	23	7,94	90	Khá	40%	17.815.000	7.126.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2717	2037223519	Phan Thị Quỳnh	Như	27/02/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,9	116	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2718	2037223593	Võ Thành	Phát	20/03/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,05	74	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2719	2037223738	Mai Thiên	Phúc	09/07/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,8	72	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2720	2037224701	Nguyễn Công	Thành	12/05/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	7,91	100	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2721	2037225238	Nguyễn Thị Minh	Thư	07/05/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,18	88	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2722	2037224369	Nguyễn Vũ Thủy	Tiên	03/10/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,94	92	Khá	40%	16.219.000	6.487.600	
2723	2037224341	Thiều Ngọc Thủy	Tiên	10/05/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,08	90	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2724	2037225455	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	03/01/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,08	86	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2725	2037225519	Lê Mỹ	Trân	09/11/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,67	98	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2726	2037225515	Trương Cao Bảo	Trân	04/08/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	19	8,26	78	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2727	2037225355	Lê Thị Thủy	Trang	21/06/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,63	84	Khá	40%	15.929.000	6.371.600	
2728	2037225683	Dương Văn	Trung	22/09/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,11	78	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2729	2037225776	Huỳnh Thị Nhã	Văn	11/05/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	7,97	98	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2730	2037225818	Phạm Ngọc Khánh	Vi	29/01/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,44	94	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2731	2037225991	Lê Khánh	Vy	14/07/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	21	8,07	80	Giỏi	60%	15.781.000	9.468.600	
2732	2037226014	Nguyễn Ngọc Kiều	Vy	20/08/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	18	8,15	96	Giỏi	60%	14.165.000	8.499.000	
2733	2037226006	Trần Nguyễn Khánh	Vy	07/05/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	18	7,48	96	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2734	2037226140	Nguyễn Kim Hoàng	Yến	20/10/2004	Lớp 13DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	20	7,87	87	Khá	40%	15.489.000	6.195.600	
2735	2037220394	Trương Thái Thanh	Bình	05/05/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	23	7,87	74	Khá	40%	17.679.000	7.071.600	
2736	2037220841	Nguyễn Ngọc Quốc	Đại	11/02/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,07	100	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2737	2037220711	Lê Thị Thúy	Duy	03/03/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	8,76	90	Giỏi	60%	14.490.000	8.694.000	
2738	2037220705	Nguyễn Bảo Huyền	Duy	02/04/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	20	8,1	88	Giỏi	60%	15.284.000	9.170.400	
2739	2037221086	Trần Thị Thu	Hà	30/06/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	25	7,75	96	Khá	40%	19.003.000	7.601.200	
2740	2037221292	Nguyễn Gia	Hân	04/12/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,48	90	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2741	2037221223	Võ Thị Bích	Hằng	29/10/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,77	92	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2742	2037221378	Dương Ngọc Phương	Hiền	10/12/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,57	80	Khá	40%	15.793.000	6.317.200	
2743	2037221367	Nguyễn Ngọc Minh	Hiền	28/10/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,75	84	Khá	40%	16.134.000	6.453.600	
2744	2037221370	Nguyễn Thị Minh	Hiền	08/10/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	23	8,1	100	Giỏi	60%	17.415.000	10.449.000	
2745	2037221862	Huỳnh Thị Thu	Hường	09/01/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	23	7,96	82	Khá	40%	17.475.000	6.990.000	
2746	2037222190	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/02/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,78	88	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2747	2037222238	Đoàn Thị Mỹ	Lệ	16/10/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	27	7,96	82	Khá	40%	20.315.000	8.126.000	
2748	2037222254	Ngô Vũ Diệu	Liên	01/05/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,27	90	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2749	2037222310	Bùi Thị Mai	Linh	27/05/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	22	8,57	96	Giỏi	60%	16.744.000	10.046.400	
2750	2037222292	Cam Thị Phương	Linh	10/03/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	20	7,5	86	Khá	40%	14.723.000	5.889.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2751	2037222360	Hồ Thị Phương	Linh	24/03/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,85	92	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2752	2037222416	Nguyễn Thê	Loan	05/01/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,52	108	Giỏi	60%	15.950.000	9.570.000	
2753	2037222866	Trần Thị Kim	Ngân	01/05/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	7,57	88	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2754	2037223055	Trần Thị Bé	Ngọc	22/07/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,4	74	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2755	2037223141	Đỗ Hoàng Thảo	Nguyên	27/05/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,76	88	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2756	2037223378	Lê Thị Ngọc	Nhi	20/12/2003	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	23	7,73	104	Khá	40%	17.615.000	7.046.000	
2757	2037223770	Dương Hồng	Phúc	14/12/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	23	8,19	116	Giỏi	60%	17.815.000	10.689.000	
2758	2037224012	Trần Thanh Thảo	Quyên	25/07/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	18	8,09	88	Giỏi	60%	13.960.000	8.376.000	
2759	2037224289	Trương Nguyên Thảo	Tâm	31/01/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	20	8,49	104	Giỏi	60%	15.284.000	9.170.400	
2760	2037224984	Võ Kim	Thông	07/10/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,02	86	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2761	2037225016	Phạm Thị Kiều	Thu	09/07/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,79	132	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2762	2037225286	Nguyễn Thị Hoài	Thương	24/05/2000	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	25	8,85	112	Giỏi	60%	19.139.000	11.483.400	
2763	2037225328	Huỳnh Phương	Thy	14/05/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	20	8,13	88	Giỏi	60%	15.284.000	9.170.400	
2764	2037224365	Phạm Hồ Thủy	Tiên	02/11/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,34	76	Khá	40%	16.219.000	6.487.600	
2765	2037225755	Lê Nguyễn Phương	Uyên	01/01/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	19	7,74	96	Khá	40%	14.895.000	5.958.000	
2766	2037225759	Trần Tô Ngọc	Uyên	20/01/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	84	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
2767	2037225819	Đoàn Nguyễn Thúy	Vi	05/11/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	7,78	90	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2768	2037225956	Trần Ngọc Khánh	Vy	07/06/2004	Lớp 13DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	21	8,26	92	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2769	2037220014	Lương Thị Thúy	An	14/08/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	7,97	90	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2770	2037220267	Vũ Ngọc	Ân	30/07/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,95	82	Khá	40%	16.134.000	6.453.600	
2771	2037220190	Đặng Thị Vân	Anh	27/06/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,34	92	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2772	2037220569	Nguyễn Công	Danh	20/09/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	23	7,36	99	Khá	40%	17.610.000	7.044.000	
2773	2037220824	Nguyễn Thị Hải	Dương	31/07/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,87	84	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2774	2037221116	Đỗ Nguyễn Bích	Hà	07/06/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,48	80	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2775	2037221298	Hồ Gia	Hân	11/04/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,8	80	Khá	40%	16.219.000	6.487.600	
2776	2037221246	Ngô Triệu	Hân	28/05/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	23	7,83	86	Khá	40%	17.815.000	7.126.000	
2777	2037221202	Đào Thị	Hảo	28/03/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,9	108	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2778	2037221465	Đào Thị Thu	Hoài	18/02/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,07	78	Khá	40%	16.134.000	6.453.600	
2779	2037221849	Lê Thi Thu	Hương	20/12/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	24	7,93	80	Khá	40%	17.968.000	7.187.200	
2780	2037221747	Nguyễn Ngọc Thanh	Huyền	24/05/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	22	7,83	82	Khá	40%	16.880.000	6.752.000	
2781	2037221875	Phan Thê	Kiên	10/07/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	24	8,58	102	Giỏi	60%	18.324.000	10.994.400	
2782	2037222297	Bùi Công	Linh	09/09/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,1	88	Giỏi	60%	16.134.000	9.680.400	
2783	2037222291	Lại Kim	Linh	01/05/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	19	7,9	94	Khá	40%	14.690.000	5.876.000	
2784	2037222420	Nguyễn Liên Ngọc	Loan	26/05/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8	78	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2785	2037222450	Nguyễn Thành	Long	19/02/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	23	7,96	78	Khá	40%	17.679.000	7.071.600	
2786	2037222518	Đỗ Thị Ngọc	Lựu	10/07/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,5	102	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2787	2037222680	Nguyễn Kiều	My	05/10/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,64	102	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2788	2037222789	Nguyễn Trung	Nam	22/06/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,91	88	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2789	2037223117	Trần Thị Kim	Ngọc	24/08/2003	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,61	96	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2790	2037223214	Nguyễn Thanh	Nhàn	09/11/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,45	92	Giỏi	60%	16.134.000	9.680.400	
2791	2037223843	Nguyễn Văn Minh	Phương	22/11/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	24	7,58	80	Khá	40%	18.545.000	7.418.000	
2792	2037223906	Lê Minh	Quang	26/09/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,49	88	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2793	2037223922	Lê Nữ Long	Quang	05/09/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,54	92	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2794	2037223904	Lê Nữ Vân	Quang	05/09/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,5	92	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2795	2037224108	Đặng Thị Như	Quỳnh	31/08/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	23	7,17	80	Khá	40%	17.679.000	7.071.600	
2796	2037224068	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	26/04/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,8	88	Khá	40%	16.134.000	6.453.600	
2797	2037224753	Từ Kim	Thảo	13/08/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,67	92	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2798	2044226327	Nguyễn Phương	Thi	01/02/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,95	94	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2799	2037224978	Võ Thị Xuân	Thoa	27/10/2003	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,78	94	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2800	2037225237	Trịnh Minh	Thư	08/10/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,82	84	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2801	2037225032	Đỗ Lại Trung	Thuận	13/10/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,42	90	Giỏi	60%	16.134.000	9.680.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2802	2037225062	Đào Huyền	Thục	12/05/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,35	94	Giỏi	60%	16.134.000	9.680.400	
2803	2037225080	Nguyễn Thanh	Thùy	15/10/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,12	80	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2804	2037225100	Nguyễn Thị Thu	Thùy	26/09/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	22	7,86	86	Khá	40%	16.608.000	6.643.200	
2805	2037225429	Nguyễn Bảo	Trâm	27/03/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	18	7,8	78	Khá	40%	13.555.000	5.422.000	
2806	2037225366	Lê Thị Huyền	Trang	01/10/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,79	195	Giỏi	60%	16.355.000	9.813.000	
2807	2037225800	Ngô Thị Hồng	Vân	04/04/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,35	98	Giỏi	60%	16.413.625	9.848.175	
2808	2037225786	Phạm Thị Trúc	Vân	06/05/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	7,91	116	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
2809	2037226033	Trương Yến	Vy	06/01/2004	Lớp 13DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	21	8,96	94	Giỏi	60%	16.134.000	9.680.400	
2810	2037230029	Đào Khánh	Băng	26/05/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2811	2037230031	Lê Thị Như	Bình	25/07/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,28	102	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2812	2037230034	Lê Trung	Chánh	10/07/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,46	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2813	2037230045	Nguyễn Huỳnh Thu	Diễm	09/05/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,94	110	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2814	2037230081	Trần Xuân	Định	29/04/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,13	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2815	2037230052	Nguyễn Huỳnh Phương	Dung	22/11/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2816	2037230068	Phạm Nguyễn Thùy	Dương	08/06/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,34	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2817	2037230057	Nguyễn Lê Quốc	Duy	12/05/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,1	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2818	2037230103	Lương Nguyễn Gia	Hân	24/05/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,39	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2819	2037230102	Trần Thị Nguyệt	Hằng	07/01/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,81	108	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2820	2037230117	Nguyễn Thu	Hậu	13/02/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,58	98	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2821	2037230137	Lê Phạm Minh	Hoàng	07/06/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,01	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2822	2037230139	Nguyễn Phi	Hùng	20/04/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,93	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2823	2037230172	Nguyễn Hữu Minh	Khoa	28/07/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,44	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2824	2037230159	Nguyễn Đức	Kiên	14/03/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,92	128	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2825	2037230163	Trần Thúy	Kiều	20/10/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,96	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2826	2037230178	Phạm Trần Hiểu	Lam	15/04/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,5	100	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2827	2037230189	Bùi Thị Nhật	Linh	14/05/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,64	146	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2828	2037230188	Nguyễn Trần Khánh	Linh	11/01/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,56	94	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2829	2037230205	Nguyễn Thị Thanh	Mai	01/10/2004	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,63	100	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2830	2037230230	Phạm Thị Kim	Ngân	17/07/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,99	108	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2831	2037230249	Võ Ánh	Ngọc	26/01/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,61	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2832	2037230265	Mai Thị Hoàng	Nguyên	17/07/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,39	96	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2833	2037230286	Cao Hạnh	Nhi	22/08/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,1	98	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2834	2037230283	Nguyễn Mai Ái	Nhi	30/06/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	104	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2835	2037230274	Phạm Yến	Nhi	04/03/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,03	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2836	2037230287	Trương Ngọc	Nhi	05/09/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,94	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2837	2037230291	Mai Thị Hồng	Nhung	25/11/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,42	100	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2838	2037230328	Phạm Thị Mai	Phương	12/08/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,39	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2839	2037230329	Vô Trần Duy	Phương	07/01/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,4	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2840	2037230352	Lê Như	Quỳnh	19/05/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,66	108	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2841	2037230401	Trần Thị Hồng	Thắm	08/05/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,68	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2842	2037230384	Vô Mai	Thanh	30/01/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,11	92	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2843	2037230395	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/02/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,26	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2844	2037230455	Đặng Ngọc	Trâm	09/03/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,09	112	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2845	2037230452	Tô Bảo	Trâm	07/11/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,19	108	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2846	2037230459	Trần Nhật	Trâm	15/10/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,59	88	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2847	2037230471	Dương Thị Huyền	Trân	25/09/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,08	98	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2848	2037230468	Nguyễn Thân Ngọc	Trân	17/03/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,79	102	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2849	2037230469	Nguyễn Thị Huyền	Trân	19/08/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,64	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2850	2037230436	Nguyễn Hoàng Đoàn	Trang	25/02/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,13	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2851	2037230524	Dương Thanh	Vy	25/03/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	7,82	100	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2852	2037230530	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	06/12/2005	Lớp 14DHKTL01	Khoa Chính trị - Luật	16	8,46	98	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2853	2037230015	Huỳnh Lý	Anh	07/08/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,86	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2854	2037230017	Phạm Thị Lan	Anh	25/09/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,45	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2855	2037230037	Lê Kim	Chi	14/05/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,8	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2856	2037230041	Vũ Thị Kim	Chi	03/04/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	8,29	92	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2857	2037230071	Nguyễn Thạch Linh	Đan	12/04/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,74	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2858	2037230043	Lê Ngọc Huy	Danh	09/05/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,2	114	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2859	2037230046	Phan Thị Ngọc	Diễm	20/10/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,64	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2860	2037230083	Phạm Đình Anh	Đức	19/04/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,48	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2861	2037230054	Lê Hoàng	Dũng	09/01/2004	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	18	7,93	74	Khá	40%	14.345.000	5.738.000	
2862	2037230065	Võ Thị Thùy	Dương	13/08/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2863	2037230087	Ngô Hương	Giang	25/11/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,58	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2864	2037230111	Đình Ngọc Bảo	Hân	24/03/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	8,03	107	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2865	2037230109	Nguyễn Thị Hồng	Hân	09/10/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,78	95	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2866	2037230126	Lê Trung	Hiếu	29/07/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,43	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2867	2037230152	Trần Thị Ngọc	Huyền	06/09/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,69	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2868	2037230174	Trương Minh	Khôi	30/05/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,48	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2869	2037230162	Lê Hồ Thúy	Kiều	29/10/2004	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	8,44	90	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2870	2037230213	Nguyễn Ngọc	My	18/03/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,33	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2871	2037230217	Trần Thiện	Mỹ	30/03/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,69	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2872	2037230257	Trần Thanh Thảo	Nguyên	13/11/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,09	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2873	2037230280	Đinh Thụy Yến	Nhi	21/05/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,33	113	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2874	2037230271	Phan Ngọc Thảo	Nhi	23/06/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,96	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2875	2037230319	Đặng Hoàng	Phúc	28/06/2004	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,81	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2876	2037230316	Nguyễn Thanh	Phúc	15/01/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	25	8,01	88	Giỏi	60%	13.720.000	8.232.000	
2877	2037230317	Phùng Hoàng	Phúc	05/12/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,5	100	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2878	2037230321	Trịnh Thị Linh	Phương	08/03/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,09	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2879	2037230349	Lê Như	Quỳnh	08/12/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,78	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2880	2037230350	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	30/07/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	8,03	92	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2881	2037230382	Bùi Anh	Thái	06/01/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,86	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2882	2037230407	Phùng Quỳnh	Thi	08/09/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,58	128	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2883	2037230423	Trần Mai Anh	Thư	30/09/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	137	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2884	2037230449	Lê Thị Hiền	Trâm	16/09/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,68	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2885	2037230451	Nguyễn Hiền Bảo	Trâm	23/09/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2886	2037230445	Tạ Lê Thu	Trang	07/10/2005	Lớp 14DHCTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,81	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2887	2037230444	Trần Lê Huyền	Trang	19/02/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,57	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2888	2037230475	Đới Nguyễn Tổ	Trinh	27/11/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	8,21	88	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2889	2037230373	Trần Hoàng	Tuấn	30/09/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	23	7,5	90	Khá	40%	18.915.000	7.566.000	
2890	2037230378	Đàm Thanh	Tùng	19/10/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,52	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2891	2037230494	Trần Ngọc Thanh	Vân	27/01/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,34	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2892	2037230517	Lê Hồng	Vy	07/11/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,97	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2893	2037230525	Lê Nguyễn Tường	Vy	20/07/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,68	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2894	2037230527	Nguyễn Ngọc Xuân	Vy	07/02/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,8	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2895	2037230529	Nguyễn Tường	Vy	25/01/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	8,15	90	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2896	2037230515	Phan Thiệu	Vy	29/08/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,53	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2897	2037230541	Giang Xuân	Yến	30/01/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,28	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2898	2037230540	Vũ Triệu	Yến	27/08/2005	Lớp 14DHKTL02	Khoa Chính trị - Luật	16	7,87	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2899	2037230002	Lê Thị Thu	An	19/05/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,7	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2900	2037230003	Nguyễn Kỳ	An	26/11/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,66	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2901	2037230010	Đặng Ngọc Minh	Anh	06/09/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,81	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2902	2037230006	Dương Nguyệt	Anh	19/10/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,64	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2903	2037230007	Phạm Ngọc Lan	Anh	10/03/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,55	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2904	2037230039	Dương Cẩm	Chi	14/11/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,02	88	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2905	2037230076	Đào Quang	Đạt	02/08/2004	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,12	89	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2906	2037230070	Ngô Ánh	Dương	07/12/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,08	90	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2907	2037230056	Hồ Tấn	Duy	14/04/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,1	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2908	2037230061	Hồ Hạnh	Duyên	05/06/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,55	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2909	2037230150	Lê Thị Thanh	Huyền	06/02/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,29	102	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2910	2037230153	Lê Thúy	Huỳnh	30/01/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,29	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2911	2037230176	Nguyễn Quỳnh	Lam	09/07/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,72	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2912	2037230199	Bùi Thảo	Ly	27/03/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,86	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2913	2037230241	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	20/02/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8	87	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2914	2037230245	Đỗ Như	Ngọc	20/09/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2915	2037230281	Lê Yến	Nhi	01/11/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,25	99	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2916	2037230277	Phạm Lê Yến	Nhi	03/05/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,05	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2917	2037230278	Trần Thị Thảo	Nhi	06/04/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,79	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2918	2037230219	Phan Huỳnh Thu	Nương	25/10/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,53	113	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2919	2037230307	Nguyễn Thanh	Phong	15/10/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,26	106	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2920	2037230318	Bùi Tiến	Phúc	03/11/2005	Lớp 14DHKTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,24	68	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2921	2037230315	Nguyễn Đức	Phúc	17/10/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,21	92	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2922	2037230362	Huỳnh Ngọc Bảo	Tâm	19/04/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,41	100	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2923	2037230391	Võ Lê Hiếu	Thảo	12/07/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,91	106	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2924	2037230413	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thuận	18/12/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,19	106	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2925	2037230415	Lê Thị Thu	Thùy	04/01/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,91	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2926	2037230434	Nguyễn Kiều	Trang	08/04/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,67	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2927	2037230474	Võ Thị Kiều	Trình	23/05/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,77	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2928	2037230492	Hồ Cẩm	Vân	29/12/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,91	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2929	2037230493	Uông Thị Thảo	Vân	18/11/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2930	2037230501	Lâm Tuấn	Vũ	21/10/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	8,37	131	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2931	2037230522	Lê Ngọc Thảo	Vy	19/05/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,86	83	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2932	2037230509	Nguyễn Lê Yến	Vy	22/10/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,96	95	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2933	2037230534	Thạch Bảo	Xuyên	22/09/2005	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2934	2037230535	Phạm Nữ Như	Ý	02/11/2004	Lớp 14DHCTL03	Khoa Chính trị - Luật	16	7,64	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2935	2037230042	Nguyễn Thị Kim	Chi	19/04/2005	Lớp 14DHCTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	8,52	94	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2936	2037230077	Hoàng Phạm Thành	Đạt	17/09/2005	Lớp 14DHCTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,65	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2937	2037230088	Nguyễn Thị Thùy	Giang	01/07/2005	Lớp 14DHCTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	104	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2938	2037230089	Trần Ngọc Quỳnh	Giao	27/06/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,14	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2939	2037230105	Đoàn Vũ Gia	Hân	03/03/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,26	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2940	2037230101	Cao Lê Thái	Hằng	13/08/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,09	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2941	2037230128	Huỳnh Thị Thu	Hoa	13/05/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,42	100	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2942	2037230130	Mang Thị Lệ	Hoa	14/11/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,33	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2943	2037230134	Nhữ Thị Thu	Hòa	10/10/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2944	2037230167	Nguyễn Duy	Khang	28/01/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,88	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2945	2037230166	Nguyễn Quốc Thiên	Khang	20/01/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,3	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2946	2037230169	Trương Ngọc Gia	Khanh	21/08/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,36	96	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2947	2037230160	Nguyễn Tuấn	Kiệt	25/04/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	8,19	88	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2948	2037230191	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	07/05/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,4	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2949	2037230198	Lê Tín	Lực	05/08/2004	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,14	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2950	2037230203	Võ Ngọc	Mai	02/04/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,43	102	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2951	2037230225	Nguyễn Hồng Kim	Ngân	26/03/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,18	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2952	2037230250	Trần Lê Hồng	Ngọc	02/11/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,68	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2953	2037230276	Trần Hoàng Yến	Nhi	13/12/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	8,04	84	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2954	2037230279	Trần Huỳnh Song	Nhi	13/10/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,63	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2955	2037230289	Phạm Hoài	Nhớ	01/11/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,39	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2956	2037230295	Trần Thị Ngọc	Như	09/08/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,18	80	Khá	40%	12.775.500	5.110.200	
2957	2037230310	Phạm Nguyễn Triệu	Phú	19/03/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	8,16	88	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2958	2037230320	Mai Văn	Phước	16/09/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,37	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2959	2037230358	Ngô Đỗ Thành	Tài	24/10/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2960	2037230404	Ngô Hữu	Thắng	17/09/2004	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	8,58	124	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2961	2037230430	Nguyễn Anh	Thư	17/07/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	8,18	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2962	2037230367	Lê Huỳnh Cảnh	Tiên	25/03/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,58	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2963	2037230460	Bùi Thị Hồng	Trâm	10/02/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,57	96	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2964	2037230456	Đồng Thị Ngọc	Trâm	05/09/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2965	2037230461	Huỳnh Thị Hoài	Trâm	17/08/2004	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2966	2037230453	Lưu Xuân Bích	Trâm	13/11/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,2	100	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2967	2037230458	Nguyễn Trần Thùy	Trâm	17/12/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,72	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2968	2037230442	Đoàn Hoàng Diễm	Trang	16/06/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,48	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2969	2037230476	Dương Thị Ngọc	Trinh	10/11/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,94	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2970	2037230478	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	28/09/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,74	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2971	2037230376	Nguyễn Minh	Tuấn	31/05/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,36	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2972	2037230485	Nguyễn Thanh	Uyên	28/12/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,74	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2973	2037230488	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	05/08/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,36	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2974	2037230533	Nguyễn Ánh	Xuân	06/10/2003	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2975	2037230536	Huỳnh Kim	Yến	02/10/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,68	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2976	2037230538	Nguyễn Dương Bảo	Yến	15/03/2005	Lớp 14DHKTL04	Khoa Chính trị - Luật	16	7,71	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2977	2037230022	Phan Lê Ngọc	Ánh	22/08/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,31	102	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2978	2037230078	La Vĩnh	Đạt	19/12/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,11	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2979	2037230115	Lê Trương Bảo	Hân	22/01/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,44	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2980	2037230120	Vương Thị Thu	Hiền	11/08/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,41	106	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2981	2037230131	Lê Thị Kim	Hoa	04/07/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2982	2037230132	Hoàng Thái	Hoà	25/02/2003	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,31	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2983	2037230138	Lê Vũ Xuân	Hồng	09/02/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,01	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2984	2037230148	Phạm Mỹ	Huyền	12/06/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,69	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2985	2037230173	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	17/06/2003	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,06	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2986	2037230175	Nguyễn Trần Đăng	Khôi	22/03/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,61	96	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2987	2037230185	Lê Hồng Như	Linh	26/03/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,58	98	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2988	2037230210	Nguyễn Duy	Minh	24/06/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,81	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
2989	2037230221	Ngô Thị Kiều	Nga	28/06/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,69	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2990	2037230242	Trần Gia	Nghi	30/07/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,81	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2991	2037230239	Võ Thị Gia	Nghi	07/05/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,86	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2992	2037230253	Nguyễn Thảo	Ngọc	09/07/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,65	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2993	2037230262	Trần Thị Thanh	Nguyên	02/04/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,16	113	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2994	2037230272	Trang Yến	Nhi	16/10/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,23	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2995	2037230292	Phạm Thị Bích	Nhung	17/02/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,23	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2996	2037230290	Trịnh Thị Phương	Nhung	17/01/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,39	104	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2997	2037230360	Đỗ Thị Mỹ	Tâm	06/03/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,51	133	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
2998	2037230364	Nguyễn Tự Minh	Tân	26/12/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,19	98	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
2999	2037230396	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	21/10/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,15	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3000	2037230385	Lê Thị	Thành	05/04/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,01	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3001	2037230417	Bùi Thị Anh	Thư	23/10/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	123	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3002	2037230425	Đoàn Ngọc Thiên	Thư	16/06/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,77	129	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3003	2037230422	Mai Lê Anh	Thư	24/09/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,47	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3004	2037230462	Nguyễn Trần Quỳnh	Trâm	01/11/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,11	84	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3005	2037230470	Thái Thị Bích	Trân	27/01/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,38	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3006	2037230473	Võ Hữu Minh	Trí	11/08/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3007	2037230372	Nguyễn Diệp Minh	Tú	29/01/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,84	108	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3008	2037230379	Ninh Hoàng	Tùng	24/10/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,51	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3009	2037230499	Lâm Hoàng Hữu	Vinh	11/11/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,33	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3010	2037230531	Đỗ Khánh	Vy	24/06/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	8,04	100	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3011	2037230528	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	20/06/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,35	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3012	2037230516	Trần Phương	Vy	08/09/2005	Lớp 14DHKTL05	Khoa Chính trị - Luật	16	7,61	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3013	2037230035	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	22/08/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,11	84	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3014	2037230040	Nguyễn Thị Lệ	Chi	30/03/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,11	94	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3015	2037230069	Lê Thị Thùy	Dương	28/12/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,26	68	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3016	2037230063	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	17/12/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,57	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3017	2037230059	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/04/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,16	87	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3018	2037230112	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	17/10/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,01	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3019	2037230114	Phạm Thị Ngọc	Hân	24/05/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,92	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3020	2037230192	Mai Ngọc	Linh	05/10/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,61	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3021	2037230184	Võ Thùy	Linh	05/10/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,34	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3022	2037230201	Nguyễn Trần Cẩm	Ly	20/10/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3023	2037230202	Phạm Thị Tuyết	Mai	07/05/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,02	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3024	2037230260	Nguyễn	Nguyễn	20/11/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,01	72	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3025	2037230263	Nguyễn Trần Linh	Nguyễn	15/12/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,05	79	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3026	2037230268	Thái Nguyễn Hoàng	Nhật	12/06/2003	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,59	74	Khá	40%	12.775.500	5.110.200	
3027	2037230284	Lê Hoàng Thảo	Nhi	08/06/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	93	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3028	2037230285	Võ Trúc	Nhi	05/03/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,71	85	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3029	2037230282	Vũ Yến	Nhi	29/12/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,44	98	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3030	2037230288	Võ Tạ Hồng	Nhiên	11/10/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,95	87	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3031	2037230294	Trần Thị Lê	Như	08/10/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,98	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3032	2037230331	Đào Ngọc	Phượng	16/02/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,33	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3033	2037230330	Vũ Bích	Phượng	19/11/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,46	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3034	2037230353	Phan Ngọc Như	Quỳnh	11/09/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,34	97	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3035	2037230342	Trịnh Như	Quỳnh	01/11/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,49	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3036	2037230354	Nguyễn Thị	Sâm	30/12/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,37	96	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3037	2037230355	Nguyễn Hữu Dương	Sinh	17/09/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	22	8,04	87	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3038	2037230365	Đình Nhật	Tân	28/04/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,99	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3039	2037230394	Phạm Minh	Thảo	25/03/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,12	88	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3040	2037230406	Bùi Nguyễn Lê	Thi	26/01/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,28	102	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3041	2037230421	Lâm Xuân	Thư	07/07/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,65	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3042	2037230420	Trần Thái Minh	Thư	31/07/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8	90	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3043	2037230450	Nguyễn Thị Xuyên	Trâm	29/09/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,41	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3044	2037231550	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/07/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,33	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3045	2037230437	Nguyễn Thùy	Trang	23/01/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,52	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3046	2037230435	Phan Thị Thùy	Trang	22/11/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,09	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3047	2037230443	Võ Bạch Thu	Trang	01/03/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	7,96	69	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3048	2037230490	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	15/01/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,4	95	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3049	2037230526	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	15/08/2002	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,84	83	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3050	2037230532	Trương Nguyễn Tường	Vy	07/02/2005	Lớp 14DHKTL06	Khoa Chính trị - Luật	16	8,12	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3051	2037230016	Nguyễn Huỳnh Vân	Anh	15/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,22	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3052	2037230011	Nguyễn Thế	Anh	21/10/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,38	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3053	2037230036	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	14/09/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,69	97	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3054	2037230032	Nguyễn Thị	Công	12/01/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,09	120	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3055	2037230033	Lê Minh	Cường	30/11/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,75	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3056	2037230079	Phan Minh	Đăng	23/07/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,46	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3057	2037230067	Phạm Thùy	Dương	02/07/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,62	118	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3058	2037230055	Cao Phạm Hoàng	Duy	26/09/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,73	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3059	2037230118	Lâm Quốc	Hiền	06/08/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,87	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3060	2037230119	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/01/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,63	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3061	2037230122	Trần Thị Ngọc	Hiệp	06/03/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,21	94	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3062	2037230125	Phan Thanh	Hiếu	12/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,17	94	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3063	2037230123	Trần Trọng	Hiếu	04/05/2004	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,59	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3064	2037230151	Lê Thị Diệu	Huyền	27/08/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,63	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3065	2037230164	Mạc Tiểu	Khải	19/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,46	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3066	2037230170	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/2002	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,64	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3067	2037230179	Trương Tuệ	Lâm	14/03/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,67	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3068	2037230204	Đàm Thị	Mai	24/12/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,89	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3069	2037230216	Trần Thị Trà	My	08/07/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,43	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3070	2037230228	Nguyễn Phan Kim	Ngân	25/06/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,88	88	Khá	40%	12.775.500	5.110.200	
3071	2037230227	Trương Thị Hồng	Ngân	23/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,46	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3072	2037230238	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	15/09/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,78	104	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3073	2037230264	Nguyễn Thị Lan	Nguyên	02/02/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,13	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3074	2037230269	Nguyễn Thị Yến	Nhật	21/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3075	2037230296	Lâm Bảo	Như	18/02/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,27	88	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3076	2037230299	Võ Ngọc Tâm	Như	27/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,89	108	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3077	2037230305	Nguyễn Lư Minh	Phát	26/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,03	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3078	2037230333	Tôn Thất	Quốc	11/11/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,78	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3079	2037230339	Trần Phương	Quyên	02/12/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,27	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3080	2037230338	Trần Thị Tú	Quyên	11/05/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,79	102	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3081	2037230348	Đàm Thị Thảo	Quỳnh	31/05/2003	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,67	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3082	2037230363	Lê Nguyễn Duy	Tân	12/12/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,71	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3083	2037230400	Hà Thu	Thắm	24/09/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,19	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3084	2037230431	Lê Thị Mai	Thương	16/05/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,11	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3085	2037230368	Lê Ngọc	Tiên	03/04/2004	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,88	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3086	2037230441	Đinh Ngọc Thảo	Trang	10/02/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,81	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3087	2037230484	Bùi Phương	Uyên	29/07/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,21	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3088	2037230496	Lê Thị Thúy	Vi	07/04/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,23	84	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3089	2037230503	Phan Ngọc Hoàng	Vương	03/05/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8,08	114	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3090	2037230506	Đinh Thị Trúc	Vy	08/10/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,46	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3091	2037230511	Nguyễn Đoàn Ánh	Vy	15/10/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,43	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3092	2037230518	Nguyễn Thị Thảo	Vy	13/03/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	7,59	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3093	2037230523	Nguyễn Thị Yền	Vy	11/11/2005	Lớp 14DHKTL07	Khoa Chính trị - Luật	16	8	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3094	2037230004	Lê Bùi Hữu	An	04/08/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,39	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3095	2037230012	Hồ Việt	Anh	03/10/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,91	104	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3096	2037230013	Lê Thị Kim	Anh	04/11/2004	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,41	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3097	2037230028	Doãn Gia	Bảo	28/11/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,4	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3098	2037230044	Nguyễn Quốc	Dân	04/02/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,46	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3099	2037230094	Phạm Thị Thanh	Hà	02/09/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,79	98	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3100	2037230096	Vũ Quốc	Hải	03/11/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	22	8,64	92	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3101	2037230108	Mai Nguyễn Kiều	Hân	26/04/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,99	102	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3102	2037230107	Triệu Gia	Hân	15/04/2004	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,71	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3103	2037230100	Lê Thị Mỹ	Hào	01/12/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,38	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3104	2037230129	Nguyễn Việt	Hoa	01/11/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,98	113	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3105	2037230158	Nguyễn Thị Minh	Hương	01/01/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,54	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3106	2037230145	Dương Đức	Huy	01/12/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8	98	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3107	2037230143	Nguyễn Bá	Huy	04/03/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,64	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3108	2037230146	Nguyễn Hoàng	Huy	01/04/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,28	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3109	2037230144	Trần Hoàng Gia	Huy	13/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,39	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3110	2037230141	Võ Hoàng Gia	Huy	02/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,21	102	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3111	2037230147	Lê Thị Mỹ	Huyền	18/06/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,37	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3112	2037230182	Đình Trần Diệu	Linh	06/09/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,01	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3113	2037230187	Huỳnh Thị Ngọc	Linh	27/10/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,49	72	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3114	2037230194	Nguyễn Thị Yến	Linh	02/07/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,21	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3115	2037230206	Huỳnh Lương Gia	Mẫn	12/11/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,87	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3116	2037230222	Phạm Tuyết	Nga	09/04/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,36	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3117	2037230223	Đỗ Phạm Thu	Ngà	27/09/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,38	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3118	2037230234	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	06/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,7	92	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3119	2037230235	Nhan Mỹ	Ngân	05/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,08	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3120	2037230247	Nguyễn Như	Ngọc	02/08/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,23	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3121	2037230300	Nguyễn Trần Minh	Như	16/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,12	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3122	2037230327	Lê Uyên	Phương	24/09/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,37	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3123	2037230332	Ngô Thị Kim	Phượng	17/04/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,4	90	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3124	2037230346	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	21/08/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,93	108	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3125	2037230351	Phạm Như	Quỳnh	18/03/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,84	98	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3126	2037230347	Phạm Thị Như	Quỳnh	24/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,77	124	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3127	2037230361	Nguyễn Thị Minh	Tâm	24/01/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,75	100	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3128	2037230399	Lý Thị Ngọc	Thắm	14/12/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8	92	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3129	2037230402	Võ Hữu	Thắng	10/11/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,57	102	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3130	2037230392	Lê Thị Phương	Thảo	01/12/2004	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,27	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3131	2037230393	Phạm Kim	Thảo	01/04/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,32	82	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3132	2037230429	Đặng Minh	Thư	27/04/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,09	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3133	2037230369	Trần Huỳnh Cẩm	Tiên	06/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,67	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3134	2037230477	Võ Phương	Trình	04/07/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,64	115	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3135	2037230497	Trương Khả	Vi	02/09/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,96	108	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3136	2037230502	Trần Văn Anh	Vũ	06/07/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	8,43	113	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
3137	2037230513	Lý Thảo	Vy	10/05/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,38	92	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3138	2037230521	Nguyễn Lê Yên	Vy	04/10/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,8	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3139	2037230539	Lê Thị Ngọc	Yến	01/09/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,38	111	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3140	2037230537	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/01/2005	Lớp 14DHKTL08	Khoa Chính trị - Luật	16	7,58	104	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
3141	2028202009	NGUYỄN TRIỆU MINH	KHOA	14/02/2002	Lớp 11DHDD1	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,09	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3142	2028200013	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	08/05/2002	Lớp 11DHDD1	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,97	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
3143	2028202023	TRƯƠNG HOÀNG	PHÚC	26/11/2002	Lớp 11DHDD1	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,73	70	Khá	40%	12.596.000	5.038.400	
3144	2028202026	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THẢO	07/07/2002	Lớp 11DHDD1	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,21	70	Khá	40%	11.020.000	4.408.000	
3145	2028200064	TRẦN NGUYỄN THANH	THUỖN G	04/01/2002	Lớp 11DHDD1	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,86	76	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
3146	2028209091	NGUYỄN QUỲNH	ANH	01/01/2002	Lớp 11DHDD2	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,93	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
3147	2028209054	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	26/01/2002	Lớp 11DHDD2	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,95	70	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
3148	2028204623	NGUYỄN NGUYỄN	DƯƠNG	26/07/2002	Lớp 11DHDD2	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,02	74	Khá	40%	10.054.000	4.021.600	
3149	2028209012	ĐỖ THỊ TUYẾT	NGÂN	16/01/2002	Lớp 11DHDD2	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,98	74	Khá	40%	10.170.000	4.068.000	
3150	2028209042	LÊ TUYẾT	PHUỖN G	14/07/2002	Lớp 11DHDD2	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,79	86	Khá	40%	11.682.000	4.672.800	
3151	2034200032	HUỲNH TRUNG	TÍNH	02/05/2001	Lớp 11DHNA1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,53	70	Khá	40%	8.100.000	3.240.000	
3152	2034208906	NGUYỄN DUY	BẢO	25/06/2002	Lớp 11DHNA3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,83	70	Khá	40%	8.294.000	3.317.600	
3153	2034200175	NGUYỄN HỒNG	HIẾU	01/09/2001	Lớp 11DHNA3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,99	70	Khá	40%	8.100.000	3.240.000	
3154	2034208880	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	20/01/2002	Lớp 11DHNA3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,53	70	Khá	40%	8.100.000	3.240.000	
3155	2034208962	NGUYỄN VĂN	TIỀN	10/07/2002	Lớp 11DHNA3	Khoa Du lịch và Âm thực	13	8,01	70	Khá	40%	8.950.000	3.580.000	
3156	2034208895	LÂM THU'	TRÚC	05/01/2002	Lớp 11DHNA3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,24	70	Khá	40%	9.800.000	3.920.000	
3157	2034208888	TRANG THỊ THẢO	VI	07/05/2002	Lớp 11DHNA3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,35	70	Khá	40%	8.100.000	3.240.000	
3158	2024209332	ĐỖ THỊ QUỲNH	ANH	15/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,72	75	Khá	40%	8.000.000	3.200.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3159	2024200127	TRỊNH THỦY VÂN	ANH	31/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3160	2024200286	CHÂU THỊ NGỌC	ÁNH	07/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,98	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3161	2024200207	ĐOÀN THỊ QUỲNH	CHI	23/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,62	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3162	2024200285	NGUYỄN MINH	CHIẾN	17/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,32	109	Khá	40%	9.784.000	3.913.600	
3163	2024200404	PHÙNG THỊ HỒNG	ĐÀO	12/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	9,6	88	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3164	2024200027	TRƯƠNG THỊ HỒNG	ĐIỆP	20/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3165	2024200031	HUỖNH THỊ THÚY	HẰNG	15/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	100	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3166	2024200145	TRẦN PHẠM BÍCH	HẰNG	11/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,17	74	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3167	2024200044	TRỊNH THIÊN	HÙNG	02/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,32	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3168	2024200414	NGUYỄN HỒNG	KHOA	30/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,18	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3169	2024200101	VÕ THỊ THÚY	KIỀU	25/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3170	2024200115	BÙI QUẾ	LIÊN	30/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,02	80	Giỏi	60%	7.760.000	4.656.000	
3171	2024200042	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,18	76	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3172	2024209392	HÀ	MIÊN	20/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,23	70	Khá	40%	11.010.000	4.404.000	
3173	2024200210	NGÔ THỊ	MINH	15/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3174	2024200238	LÊ THỊ HÀ	MY	07/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,45	70	Khá	40%	8.000.000	3.200.000	
3175	2024200009	PHẠM THỊ KIM	MY	30/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3176	2024200041	LÊ THỊ	NGÀ	07/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3177	2024200259	NGUYỄN HOÀNG KIM	NGÂN	16/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3178	2024200024	DUỠNG NGUYỄN HỒNG	NGỌC	01/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	9,56	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3179	2024200060	PHẠM YẾN	NHI	17/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3180	2024200147	TRẦN THỊ TUYẾT	NHI	20/10/2001	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,98	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3181	2024200104	HUỲNH THỊ QUỲNH	NHU	03/12/2001	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3182	2024200018	ĐẶNG NGỌC HOÀNG	OANH	17/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3183	2024200082	LÊ THANH	PHONG	30/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3184	2024200418	LÊ NGỌC NHƯ	QUỲNH	19/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,28	76	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3185	2024200216	VÕ THỊ MINH	TÂM	03/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	9,52	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3186	2024200239	LÊ THỊ HẠNH	THẢO	22/03/2001	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,22	95	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3187	2024200072	NGUYỄN TRẦN MINH	THU	01/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,73	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3188	2024200038	LÊ THỊ HỒNG	THUỠN G	25/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,48	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3189	2024200053	NGUYỄN THANH	THÙY	16/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	80	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3190	2024200113	TRẦN BÍCH	TRÀ	03/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3191	2024200247	VÕ THỊ KIỀU	TRANG	08/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,79	86	Khá	40%	9.477.000	3.790.800	
3192	2024200254	LƯU THỊ KIM	TUỆ	08/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,82	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3193	2024200161	NGUYỄN THỊ THUÝ	VI	20/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	152	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3194	2024202001	TRỊNH THỊ THIÊN	ÂN	09/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3195	2024200205	LÊ PHAN LAN	ANH	13/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3196	2024200299	NGUYỄN NGỌC HÀ	ANH	21/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3197	2024200174	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	24/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,88	82	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3198	2024200049	TRẦN TẮT	BẢO	01/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,07	76	Khá	40%	9.020.000	3.608.000	
3199	2024200229	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	22/07/2001	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,76	70	Khá	40%	9.084.000	3.633.600	
3200	2024200138	NGUYỄN THỊ TRÚC	ĐÀO	31/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,32	70	Khá	40%	7.560.000	3.024.000	
3201	2024200212	NGUYỄN THỊ ĐÌNH	ĐÌNH	23/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3202	2024202024	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	GIANG	01/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,02	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3203	2024200170	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HẠNH	26/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,23	70	Khá	40%	7.560.000	3.024.000	
3204	2024200273	TRẦN MINH	HIẾU	24/08/2001	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	82	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3205	2024200226	BÙI QUANG	HÒA	25/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,95	76	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3206	2024200263	LÊ THANH	HỒNG	16/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,82	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3207	2024200036	PHAN THỊ HỒNG	HUỆ	26/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3208	2024200085	PHẠM BÍCH	HƯỜNG	02/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	77	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3209	2024200277	BÙI NGUYỄN GIA	LẠC	26/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	9,58	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3210	2024202046	CHU PHẠM HƯƠNG	LAN	06/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3211	2024200218	HUỶNH THỊ MỸ	LINH	18/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3212	2024200257	LÊ KHÁNH	LINH	21/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,72	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3213	2024200133	MAI VŨ THÙY	LINH	19/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,08	70	Khá	40%	7.560.000	3.024.000	
3214	2024200111	CAO THỊ	LÝ	05/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,57	70	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3215	2024200211	BÙI NGỌC	MINH	27/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,47	75	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3216	2024200094	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	17/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3217	2024200204	PHẠM THỊ THÚY	NGÂN	13/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,28	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3218	2024200141	PHẠM THỊ ANH	NGHĨA	23/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3219	2024200421	HỒ THỊ MINH	NGỌC	09/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,63	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3220	2024200123	TRẦN THỊ ÁNH	NGỌC	22/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3221	2024200108	DƯƠNG QUỲNH	NHU	15/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,27	70	Khá	40%	7.560.000	3.024.000	
3222	2024202072	NGUYỄN QUỲNH	NHU	15/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3223	2024202071	VÔ NGUYỄN QUỲNH	NHU	02/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,58	65	Khá	40%	8.490.000	3.396.000	
3224	2024200223	VÔ THỊ HOÀI	NHU	13/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,6	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3225	2024209289	VÔ THỊ MI	NI	10/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3226	2024202079	LÊ ĐỖ	PHI	05/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3227	2024209242	LÊ TRỊNH HOÀNG	PHONG	28/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,89	70	Khá	40%	9.460.000	3.784.000	
3228	2024202088	NGUYỄN PHẠM NHƯ	QUỲNH	08/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3229	2024200237	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	13/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3230	2024200281	LÊ VŨ MINH	THƯ	13/12/2000	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3231	2024200278	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TIÊN	06/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,45	65	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3232	2024200426	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	23/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,52	70	Khá	40%	10.570.000	4.228.000	
3233	2024202112	THÁI THỊ THÙY	TRANG	08/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,88	70	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3234	2024200408	NGUYỄN QUANG	TRÍ	15/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,6	70	Khá	40%	10.584.000	4.233.600	
3235	2024200020	TRẦN QUANG	TÚ	27/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,54	90	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3236	2024200267	TRÀ THANH	TÙNG	24/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,58	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3237	2024200231	BÙI MỸ	XUYÊN	15/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3238	2024209188	VÕ PHƯƠNG HOÀNG	ÁI	06/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,16	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3239	2024200221	LÊ THỊ VÂN	ANH	19/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3240	2024202002	TRẦN XUÂN	ANH	21/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3241	2024202012	NGUYỄN TRUNG	DÂN	05/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,2	104	Giỏi	60%	9.460.000	5.676.000	
3242	2024202018	ĐỒNG NGUYỄN	DU	29/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,8	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3243	2024202019	VÕ VĂN	DƯƠNG	11/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	9,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3244	2024202026	DOÃN THỊ MỸ	HẠNH	20/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	9,52	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3245	2024202031	ĐỖ THỊ THANH	HOAN	08/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	12	7,92	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3246	2024200246	VÕ THỊ KIM	HOÀNG	14/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	7,96	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3247	2024200264	LÊ PHI	HÙNG	13/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	12	7,83	70	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3248	2024202038	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	15/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3249	2024202039	BÙI VĨ	KHANG	27/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	9,54	80	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3250	2024200075	TRẦN MINH	LẬP	06/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	7,88	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3251	2024203006	PHẠM THỊ YA	LINH	23/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	14	7,89	70	Khá	40%	9.272.000	3.708.800	
3252	2024203003	TRẦN MINH	LỘC	28/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	13	8,05	70	Khá	40%	8.490.000	3.396.000	
3253	2024202056	NGUYỄN TRẦN KIM	NGÂN	09/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	7,96	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3254	2024202064	LÊ THỊ YẾN	NHI	07/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3255	2024204106	NGUYỄN THÁI THÙY	NHI	09/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	8,04	81	Giỏi	60%	9.950.000	5.970.000	
3256	2024202067	PHẠM THỊ TUYẾT	NHI	17/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	14	7,93	70	Khá	40%	9.136.000	3.654.400	
3257	2024202070	ĐỒNG ĐẶNG QUỲNH	NHU	21/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3258	2024202073	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHU	16/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3259	2024202083	NGUYỄN PHẠM UYÊN	PHUỖN G	02/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,6	80	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3260	2024202084	TRƯƠNG THỊ YẾN	PHUỖN G	14/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Ẩm thực	14	7,94	76	Khá	40%	9.273.000	3.709.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3261	2024209195	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	19/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,05	70	Khá	40%	10.190.000	4.076.000	
3262	2024202089	NGUYỄN THỊ NÀ	RIÊM	17/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,5	70	Khá	40%	9.136.000	3.654.400	
3263	2024202093	NGUYỄN MINH	TÀI	29/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3264	2024202094	TRỊNH KHÁNH	TÂM	11/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3265	2024200271	ĐẶNG QUỐC	THẮNG	21/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,01	70	Khá	40%	11.615.000	4.646.000	
3266	2024202095	LÊ CHÍ	THANH	29/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	13	8,51	70	Khá	40%	8.490.000	3.396.000	
3267	2024202098	NGUYỄN THANH	THẢO	28/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,23	78	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3268	2024202100	LÊ NGUYỄN THI	THƠ	02/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,77	70	Khá	40%	9.272.000	3.708.800	
3269	2024200224	PHẠM THỊ KIM	THOA	22/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3270	2024202101	TRẦN MINH	THƯ	29/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,98	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3271	2024209237	ĐỖ TRẦN ÁI	THUỖN G	01/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,88	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3272	2024202107	PHAN MINH	THÙY	22/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3273	2024203016	NGUYỄN THANH	TRÚC	03/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3274	2024202116	VÔ THỊ THANH	TRÚC	05/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,91	70	Khá	40%	9.220.000	3.688.000	
3275	2024202126	NGUYỄN TƯỜNG	VY	01/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,92	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3276	2024202130	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	30/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3277	2024202132	NGUYỄN KIM	YẾN	08/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3278	2024209408	NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU	ÂN	17/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3279	2024203018	HUỲNH THỊ KIM	ANH	20/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,94	70	Khá	40%	9.220.000	3.688.000	
3280	2024209157	LẠI THỊ	ĐIỆP	23/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3281	2024209203	TRẦN THỊ BÍCH	DU	08/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3282	2024209312	TRẦN THỊ MỸ	DUNG	31/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3283	2024202021	VŨ THỊ MỸ	DUYÊN	12/04/2001	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,52	65	Khá	40%	1.260.000	504.000	
3284	2024209322	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	04/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,8	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3285	2024209144	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	08/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,6	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3286	2024209213	NGUYỄN THỊ	HÒA	01/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3287	2024209140	LỢI TRÁC	HƯƠNG	16/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,9	75	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3288	2024202045	NGUYỄN THỊ ÁNH	KIỀU	24/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,66	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3289	2024209131	VÕ THỊ THÚY	KIỀU	10/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3290	2024203015	VÕ NỮ PHƯƠNG	LAN	18/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,35	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3291	2024209210	HUỲNH NHƯ	LINH	01/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,9	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3292	2024209313	THÁI PHẠM QUỲNH	LY	04/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3293	2024209259	NGUYỄN VÕ HOÀNG	MY	27/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3294	2024202062	TRẦN NGUYỄN THANH	NHÃ	07/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3295	2024203017	PHAN NGỌC	NHAN	23/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	9,23	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3296	2024209350	ĐINH NỮ THẢO	NHI	20/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,58	113	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3297	2024209141	ĐẶNG HOÀNG	OANH	06/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,47	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
3298	2024200274	ĐẶNG HUỠNH THANH	PHONG	12/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,29	70	Khá	40%	10.476.000	4.190.400	
3299	2024209173	LÊ NGUYỄN MINH	QUANG	20/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,85	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3300	2024209134	LAI MỸ	QUYÊN	11/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,43	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3301	2024209223	THIỆU THỊ	QUỲNH	24/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3302	2024202087	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	27/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3303	2024203013	NGUYỄN THỊ MINH	THU	20/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3304	2024203005	PHẠM THỊ THU	TRANG	17/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,98	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3305	2024209124	HUỠNH NGỌC	TUẤN	30/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	9,66	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3306	2024202120	CHÂU THỊ THANH	TUYỀN	15/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3307	2024209241	PHẠM THỊ PHƯƠNG	UYÊN	02/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	65	Khá	40%	200	80	
3308	2024200296	LÊ NGỌC TƯỜNG	VY	03/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH4	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,52	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
3309	2024209386	BÙI NGỌC	ÂN	10/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,34	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3310	2024209176	HOÀNG THỊ MAI	ANH	03/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,5	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3311	2024209122	THIỆU THỊ KIM	CHI	22/12/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,47	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3312	2024209191	TRẦN THỊ KIỀU	DIỄM	27/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3313	2024209135	PHẠM THỊ	ĐIỄM	10/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3314	2024209326	TRẦN MỸ	DUYÊN	27/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3315	2024209274	VÔ VIỆT	GIANG	04/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,12	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3316	2024209256	ĐƯƠNG LÂM NGUYỄN	HÀ	17/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,33	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3317	2024209249	THÁI THỊ PHƯƠNG	HIỀN	21/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,37	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3318	2024209300	BÙI THỊ THANH	HIẾU	02/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3319	2024209253	TRẦN LÊ NGỌC	HIẾU	25/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,83	70	Khá	40%	9.084.000	3.633.600	
3320	2024209143	LÊ THỊ XUM	HỌP	24/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3321	2024209246	HỒ LÊ NGỌC	KHOA	18/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3322	2024209248	ĐẶNG THỊ MỸ	LINH	17/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,69	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3323	2024209264	HUỖNH TIẾN	LUÂN	13/05/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3324	2024209357	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	LUÂN	05/01/2001	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,62	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3325	2024209323	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	MY	07/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3326	2024209367	NGUYỄN QUẢNG HOÀNG	MỸ	05/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3327	2024209327	VÔ THỊ CHÂU	MỸ	13/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,84	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3328	2024209268	ĐỖ THỊ THOẠI	MỸ	12/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,76	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3329	2024209129	NGUYỄN THỊ THU	NGA	09/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3330	2024209146	TRẦN BẢO	NGỌC	15/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,21	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3331	2024209123	PHAN THỊ MINH	NGUYỆT	12/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3332	2024209293	ĐOÀN PHAN THANH	NHÂN	10/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3333	2024209198	SƠN YẾN	NHI	05/02/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,83	70	Khá	40%	9.425.000	3.770.000	
3334	2024209309	VÕ THỊ	NHI	17/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,46	70	Khá	40%	9.950.000	3.980.000	
3335	2024209224	HỒ LÊ TÂM	NHU	07/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,2	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3336	2024209208	NGUYỄN NGỌC	PHÚC	03/01/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3337	2024209172	BÙI THỊ HỒNG	THẨM	03/10/2001	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,55	76	Khá	40%	13.894.000	5.557.600	
3338	2024209336	HỒ NGUYỄN THANH	THẢO	23/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3339	2024209161	TRỊNH THỊ KIM	THOA	16/06/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,07	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3340	2024209138	TRƯƠNG THỊ LINH	THUY	22/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3341	2024209192	LÊ THỊ LAN	TIỀN	10/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,92	70	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3342	2024209139	NGUYỄN VĂN	TIỀN	29/11/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,04	70	Khá	40%	11.210.000	4.484.000	
3343	2024209236	PHAN VĨNH	TIỀN	26/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,76	70	Khá	40%	10.790.000	4.316.000	
3344	2024209171	TRẦN KHÁNH	TRÂM	23/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,72	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3345	2024209119	HỒ LÊ BẢO	TRÂN	24/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,2	70	Khá	40%	8.000.000	3.200.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3346	2024209233	HOÀNG THỊ THANH	TRÚC	19/09/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3347	2024209317	PHẠM HUỠNH THANH	TRÚC	19/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3348	2024209121	NGUYỄN THỊ NGỌC	UYÊN	26/03/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3349	2024209156	NÔNG THỊ TÚ	UYÊN	14/08/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3350	2024209234	NGUYỄN CHÍ	VŨ	18/10/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,25	76	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3351	2024209132	PHAN LIỄU	Y	17/07/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,98	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3352	2024209160	LÊ THỊ HẢI	YẾN	28/04/2002	Lớp 11DHQTDVLH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3353	2030200114	NGUYỄN THÁI	BẢO	12/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	77	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3354	2030200063	HUỠNH THỊ DIỄM	CHI	10/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,16	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3355	2030200529	CHU MẠNH	CHIẾN	04/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3356	2030200412	HUỠNH THỊ THU	DÂNG	08/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3357	2030200077	NGUYỄN	DU	18/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3358	2030200583	DIỆP TRƯỜNG	GIANG	10/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3359	2030209671	NGUYỄN THỊ	GIANG	15/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3360	2030200076	LƯU THỊ	HÀNG	15/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,1	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3361	2030200070	PHẠM THỊ THÚY	HÀNG	08/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3362	2030200066	LÊ THỊ HOÀNG	HIỆP	15/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,05	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3363	2030200100	HỒ THỊ NGỌC	HIẾU	29/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,88	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3364	2030200638	TRỊNH DUY	HIẾU	03/12/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3365	2030200025	LÊ ĐƯỜNG KIM	HOÀN	02/10/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,56	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3366	2030200179	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	28/06/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,02	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3367	2030200229	TRẦN ANH	KHOA	09/05/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,78	70	Khá	40%	8.170.000	3.268.000	
3368	2030200228	HUỖNH	KỶ	25/10/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,84	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3369	2030200562	BÙI THỊ HỒNG	LINH	19/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,82	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3370	2030200142	NGUYỄN THỊ	LINH	16/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3371	2030200062	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	15/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3372	2030200576	HỒ TRẦN NHƯ	MƠ	06/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,33	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3373	2030209691	HUỖNH THỊ THU	NGA	16/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,57	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3374	2030200092	TRẦN THÚY	NGÂN	12/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,7	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3375	2030200141	TẠ HOÀNG NHƯ	NGỌC	28/04/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3376	2030200615	TRẦN QUÁCH HỒNG	NGỌC	01/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,7	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3377	2030200068	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	09/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3378	2030209692	LƯU TUYẾT	NHI	23/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3379	2030200234	HUỖNH MỸ	NHƯ	20/06/2000	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,97	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3380	2030200293	NGUYỄN THỊ YẾN	NHU'	10/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3381	2030200232	NGUYỄN SỸ	PHÚ	01/08/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3382	2030200237	VÕ LÊ	PHƯỚC	02/08/1999	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3383	2030200327	PHAN THỊ NGUYỆT	QUẾ	26/03/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3384	2030200161	HUỖNH THỊ NGỌC	QUY	26/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,14	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3385	2030200101	NGUYỄN THU	TÂM	26/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3386	2030200262	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	19/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,02	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3387	2030200133	TRỊNH THỊ THU	THẢO	17/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,05	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3388	2030200721	LƯƠNG THỊ MAI	THI	09/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,07	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3389	2030200058	CAO THỊ THIÊN	THƠ	09/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3390	2030209704	BÙI MINH	THU	23/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,12	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3391	2030200246	HUỖNH THỊ THANH	THÚY	01/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,5	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3392	2030200067	TÔ THỊ LỆ	THÚY	19/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,58	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3393	2030200524	CAO THỊ KIỀU	TIỀN	15/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	9,3	111	Xuất sắc	100%	6.300.000	6.300.000	
3394	2030200242	TRẦN THỊ NGỌC	TIỀN	20/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3395	2030200506	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	02/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3396	2030200224	LÊ TUYẾT	TRINH	25/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3397	2030200530	NGUYỄN THỊ BẢO	TRINH	10/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3398	2030200252	NGUYỄN THANH	TRÚC	20/09/2001	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,5	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3399	2030209538	ÂU THỊ TƯỜNG	VY	17/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,67	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3400	2038203038	ĐỖ TRƯỞNG THÚY	VY	09/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH1	Khoa Du lịch và Âm thực	13	8,49	70	Khá	40%	9.085.000	3.634.000	
3401	2030200093	CHÂU HẢI	BẰNG	22/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3402	2030200284	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	16/11/2001	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,5	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3403	2030200245	PHẠM MINH	ĐỨC	09/10/2001	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,12	78	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3404	2030200083	TRẦN PHƯỚC	DUY	05/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,3	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3405	2030200222	NGUYỄN THỊ THANH	GIÀU	26/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,03	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3406	2030200502	NGUYỄN THU	HÀNG	22/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,18	74	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3407	2030200519	NGUYỄN THỊ THÚY	HIỀN	18/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,38	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3408	2030200111	NGUYỄN HUỲNH GIA	HỘ	05/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,43	82	Giỏi	60%	7.625.000	4.575.000	
3409	2030200057	ĐỖ THỊ YẾN	HÒA	18/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,35	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3410	2030200401	CAO MINH	HÙNG	25/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,9	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3411	2030200170	NGUYỄN KHẮC	HUY	24/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,8	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3412	2030200177	VÔ THỊ NHƯ	HUYỀN	28/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3413	2030200719	NGUYỄN HUỲNH TUẤN	KHA	27/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,83	77	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3414	2030200286	VÔ THỊ HOÀNG	LAN	20/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,82	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3415	2030200164	TRẦN ĐẶNG YẾN	LINH	03/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3416	2030200051	PHẠM TUYẾT	MINH	14/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,79	76	Khá	40%	9.494.000	3.797.600	
3417	2030200296	HỒ TIỂU	MY	15/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,88	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3418	2030200108	LÊ THỊ KIM	NGÂN	03/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3419	2030200255	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	10/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,02	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3420	2030200264	VÔ HUỲNH KIM	NGÂN	09/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,98	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3421	2030200646	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	01/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,96	70	Khá	40%	9.330.000	3.732.000	
3422	2030200323	BÙI THỊ HUỲNH	NHU'	19/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3423	2030200106	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHU'	01/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,88	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3424	2030200311	THÁI TRƯƠNG QUỲNH	NHU'	05/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3425	2030200045	TRẦN TÂM	NHU'	15/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,12	70	Khá	40%	11.684.000	4.673.600	
3426	2030200148	VÔ THU	PHUỒN G	09/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,02	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3427	2030200701	NGUYỄN THỊ TUYẾT	QUANH	20/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,07	75	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3428	2030200556	LƯƠNG TỔ	QUYÊN	23/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,08	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3429	2030200139	VŨ THỊ ÁI	QUYÊN	01/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,85	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3430	2030200593	DUỠNG THỊ	SUỠNG	03/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3431	2030200033	NGUYỄN THỊ KIÊM	THOA	19/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,05	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3432	2030209669	LÝ THỊ HỒNG	THUỖN G	27/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,52	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3433	2030200209	ĐỖ NGUYỄN	TRANG	17/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3434	2030200591	BÙI THỊ NGỌC	TRINH	11/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3435	2030200211	HỒ THỊ MỸ	UYÊN	09/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,16	70	Khá	40%	9.494.000	3.797.600	
3436	2030200589	NGUYỄN HÀ	VY	25/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3437	2030200290	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	10/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,07	70	Khá	40%	9.194.000	3.677.600	
3438	2030200253	NGUYỄN NGỌC THÙY	DUNG	07/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3439	2030200118	ĐÀO THỊ MỸ	DUYÊN	26/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,18	70	Khá	40%	8.170.000	3.268.000	
3440	2030200559	LÊ NHỰT	HÀO	26/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3441	2030200538	NGUYỄN PHÚ	HIỆP	11/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3442	2030200367	TRẦN THỊ	HOÀI	07/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,22	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3443	2030200756	HOÀNG THỊ DIỆU	LINH	12/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3444	2030200125	TRẦN THỊ TUYẾT	LINH	24/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3445	2030200621	VƯƠNG TẤN	LỘC	07/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,88	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3446	2030200581	BÙI NGUYỄN CẨM	LY	30/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3447	2030200405	TRẦN THỊ THANH	MAI	24/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,38	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3448	2030200517	PHẠM THỊ ÚT	MƯỜI	24/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3449	2030200594	TRẦN NGUYỄN TRÀ	MY	19/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,09	70	Khá	40%	12.535.000	5.014.000	
3450	2030200054	PHAN THỊ THẢO	NGÂN	29/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,16	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3451	2030200086	NGÔ THỊ	NGỌC	02/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3452	2030200185	TRẦN THỊ CẨM	NGUYỄN	31/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,28	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3453	2030200507	PHAN THỊ YẾN	NHI	15/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,1	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3454	2030200084	TRẦN THỊ MỸ	NHƯ	05/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3455	2030200006	TRẦN KIM	OANH	10/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3456	2030200088	TRẦN ĐẠI	PHÚ	18/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,54	80	Giỏi	60%	9.835.000	5.901.000	
3457	2030200272	ĐÀO VŨ MAI	PHUON G	23/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3458	2030200505	ĐẶNG THỊ MAI	QUỲNH	23/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,44	70	Khá	40%	9.136.000	3.654.400	
3459	2030200610	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	09/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,72	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3460	2030200036	NGUYỄN THỊ DIỆU	THANH	07/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3461	2030200340	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	17/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3462	2030200564	HUỲNH ĐOAN NHẢ	THI	11/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,1	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3463	2030200080	VÕ MINH	THÙY	01/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3464	2030200518	BÙI THỊ KIM	TIỀN	16/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,22	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3465	2030200169	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	24/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	88	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3466	2030200520	LÊ TRẦN THẢO	TRANG	24/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3467	2030200598	NGUYỄN TẤN	TRUNG	26/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,14	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3468	2030200413	HỒ THANH HOÀN	VŨ	05/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3469	2030200590	HUỖNH THỊ THẢO	VY	09/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3470	2030200039	LÊ NGUYỄN HUYỀN	VY	12/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3471	2030200282	NGUYỄN THÀNH	AN	23/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3472	2030200257	ĐẶNG TRẦN LAN	ANH	10/01/2001	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,78	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3473	2030200322	TRẦN TRƯỞNG HOÀNG	DŨNG	16/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,82	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3474	2030200535	PHẠM THỊ THÙY	DUYÊN	25/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,97	78	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3475	2030200515	TRẦN MINH	HẢI	01/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,5	70	Khá	40%	8.170.000	3.268.000	
3476	2030200207	NGUYỄN THỊ THÚY	HÀNG	27/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3477	2030200267	TRẦN NGUYỄN THU	HIỀN	03/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3478	2030200640	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	11/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3479	2030200509	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	11/01/2001	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,92	80	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3480	2030200306	TRƯƠNG DIỆU	HUY	28/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,72	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3481	2030209664	TRẦN TUYẾT	MY	20/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,26	70	Khá	40%	9.289.000	3.715.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3482	2030200625	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGA	12/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,83	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3483	2030200153	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	23/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,1	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3484	2030200215	NGUYỄN NHƯ	NGUYỆT	07/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,53	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3485	2030200160	VI KIỀU	OANH	25/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,89	70	Khá	40%	9.194.000	3.677.600	
3486	2030200577	PHẠM TỎ	QUYÊN	10/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3487	2030209658	NGUYỄN LÂM HẢI	SẢN	01/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,25	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3488	2030200312	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	16/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,92	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3489	2030200302	NGUYỄN THỊ THU	THAO	25/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,22	81	Giỏi	60%	7.624.000	4.574.400	
3490	2030200585	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	24/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3491	2030200176	PHẠM MINH	THƯ	05/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,95	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3492	2030200501	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	05/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,52	70	Khá	40%	8.000.000	3.200.000	
3493	2030200091	LÊ NGUYỄN PHỤNG	THUYỀN	23/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3494	2030200143	CHÂU THỊ HOÀI	TÍCH	19/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,47	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3495	2030200265	PHAN THỊ CẨM	TIỀN	11/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3496	2030200140	TRƯƠNG ANH	TÍN	07/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3497	2030200145	BÙI PHÚC	TOÀN	25/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,08	70	Khá	40%	8.000.000	3.200.000	
3498	2030200651	TRƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	20/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,01	65	Khá	40%	9.750.000	3.900.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3499	2030200165	LÊ THỊ CẨM	VÂN	23/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3500	2030200121	ĐẶNG TRIỆU	VI	23/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3501	2030200136	NGUYỄN NGỌC	VŨ	01/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,42	70	Khá	40%	8.170.000	3.268.000	
3502	2030200607	ĐỖ LÊ BẢO	VY	14/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3503	2030200065	NGUYỄN THỊ NGỌC	VY	19/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,25	78	Khá	40%	8.170.000	3.268.000	
3504	2030200531	LÊ THỊ TÚ	ĐẠT	27/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,24	78	Khá	40%	9.289.000	3.715.600	
3505	2030200403	NGUYỄN QUỐC	DƯƠNG	17/11/2001	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,05	70	Khá	40%	10.654.000	4.261.600	
3506	2030200196	NGUYỄN NỮ MỸ	DUYÊN	26/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3507	2030200360	TRẦN KHÁNH	DUYÊN	31/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,2	70	Khá	40%	8.000.000	3.200.000	
3508	2030200249	VÕ THỊ THÚY	HÀNG	08/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,63	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3509	2030200362	LÊ NHẬT	HOÀNG	25/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,14	70	Khá	40%	9.324.000	3.729.600	
3510	2030202044	LÊ VĂN	HỌC	01/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3511	2030200335	NGUYỄN TRẦN PHỤC	HÙNG	24/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3512	2030200298	BÙI LÂM HUỖNH	HƯƠNG	28/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,08	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3513	2030200292	NGÔ THANH	LAN	19/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3514	2030200271	LÊ DƯƠNG THỊ HỒNG	LINH	29/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,67	70	Khá	40%	9.084.000	3.633.600	
3515	2030200035	LÊ THÙY	LINH	10/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3516	2030200079	NGÔ THỊ HỒNG	NGÂN	19/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,43	90	Giỏi	60%	7.624.000	4.574.400	
3517	2030200059	PHƯƠNG MỸ	NGỌC	27/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3518	2030200620	NGUYỄN HÀ	NGUYỄN	02/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,6	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3519	2030200544	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	18/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,83	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3520	2030200218	CAO THỊ QUỲNH	NHU	04/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	65	Khá	40%		0	
3521	2030200047	ĐINH THỊ TUYẾT	NHUNG	18/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3522	2030200407	LÊ THỊ PHI	NHUNG	22/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3523	2030200553	NGHIÊM THANH THANH	TÂM	09/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,92	80	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3524	2030200304	NGUYỄN THỊ NHƯ	THẨM	18/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,25	87	Giỏi	60%	7.624.000	4.574.400	
3525	2030200353	TẶNG VĨ	THẮNG	23/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,94	70	Khá	40%	9.440.000	3.776.000	
3526	2030200511	HOÀNG THỊ ANH	THU	07/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3527	2030202108	TRẦN THỊ ANH	THU	23/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,77	70	Khá	40%	10.190.000	4.076.000	
3528	2030200319	NGUYỄN KIM	THÙY	23/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,47	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3529	2030200631	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	24/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3530	2030200336	LƯU VÕ KHÁNH	THY	30/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3531	2030202114	KIỀU TRẦN TRUNG	TÍN	24/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3532	2030200717	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	09/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,57	74	Khá	40%	8.170.000	3.268.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3533	2030200052	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	18/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,14	70	Khá	40%	9.289.000	3.715.600	
3534	2030200061	ĐÀO NGỌC	TRÂN	14/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3535	2030200718	PHAN HOÀNG ÁI	TRÂN	09/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,37	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3536	2030200580	NGÔ THÙY	TRANG	05/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,99	70	Khá	40%	9.330.000	3.732.000	
3537	2030200626	TRẦN HUỖNH THANH	TRÚC	29/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,7	70	Khá	40%	9.324.000	3.729.600	
3538	2030202125	LƯƠNG THANH	TRUNG	18/06/2001	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,68	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3539	2030200316	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	28/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,37	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3540	2030200639	PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	08/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,29	70	Khá	40%	9.220.000	3.688.000	
3541	2030202135	PHAN THỊ THẢO	VÂN	27/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,66	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3542	2030202141	HUỖNH THIÊN	VŨ	06/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH5	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,2	70	Khá	40%	12.501.000	5.000.400	
3543	2030202003	DANH THỊ PHƯƠNG	ANH	27/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,7	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3544	2030202012	HÙNG TUẤN	ĐẠT	18/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,12	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3545	2030202013	TRỊNH CÔNG	ĐẠT	10/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,47	70	Khá	40%	9.194.000	3.677.600	
3546	2030202019	ĐỖ THỊ HOÀN	DIỆU	20/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,48	70	Khá	40%	7.560.000	3.024.000	
3547	2030202022	NGUYỄN THỊ MINH	ĐỨC	28/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,47	78	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3548	2030202036	LÊ THỊ MỸ	HẢO	22/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,07	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3549	2030202048	PHAN NHẬT	HUY	15/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3550	2030202051	TRẦN VĂN	KHAN	04/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,53	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3551	2030200135	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	21/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,23	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3552	2030202057	NGUYỄN TÚ	LINH	19/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,95	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3553	2030202061	TRƯƠNG KHÁNH	LOAN	17/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,25	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3554	2030202065	NGUYỄN GIA	MINH	06/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,38	77	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3555	2030202070	NGUYỄN THỊ THOẠI	MỸ	27/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,2	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3556	2030202076	PHAN TRẦN KIM	NGÂN	23/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,33	70	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3557	2030202078	MÃ NGUYỄN QUỲNH	NGỌC	03/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,32	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3558	2030200575	NGUYỄN THÁI	NGUYỄN	26/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,22	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3559	2030202081	PHAN HOÀNG PHÚC	NGUYỄN	30/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,08	76	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3560	2030202084	LÊ THỊ THANH	NHI	10/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,55	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3561	2030202083	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	08/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,68	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3562	2030202091	LÊ THỊ PHƯƠNG	NHUNG	29/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,77	74	Khá	40%	7.560.000	3.024.000	
3563	2030202100	NGUYỄN BÌNH	QUẾ	28/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,92	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3564	2030203002	ĐỖ NGỌC MINH	THƯ	04/11/2001	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,38	76	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3565	2030202106	LÊ THỊ MINH	THƯ	15/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,33	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3566	2030202110	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	06/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,12	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3567	2030202117	PHẠM THỊ THU	TRANG	31/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,53	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3568	2030202122	LÊ NGỌC THỦY	TRINH	29/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,83	70	Khá	40%	8.964.000	3.585.600	
3569	2030202132	LƯU NGUYỄN HOÀNG	UYÊN	15/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,81	70	Khá	40%	8.948.000	3.579.200	
3570	2030202133	TRẦN THỊ THẢO	UYÊN	02/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,25	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3571	2030202138	NGUYỄN PHƯƠNG	VĨ	03/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3572	2030202139	NGUYỄN THÀNH	VIÊN	10/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3573	2030202142	DƯƠNG THỊ NHẬT	VY	13/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,63	89	Giỏi	60%	7.624.000	4.574.400	
3574	2030209647	NGUYỄN LÊ THÚY	VY	26/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3575	2030202146	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	11/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3576	2030200614	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	ANH	23/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3577	2030202001	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	15/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,85	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3578	2030202005	LƯU QUÍ	BẢO	23/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3579	2030202006	NGUYỄN THỊ HUYỀN	CHÂU	29/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,48	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3580	2030202015	HUỲNH THỊ THU	DIỄM	10/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,14	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3581	2030202025	LÝ KHẢI	DUY	29/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,47	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
3582	2030202032	HUỲNH NGỌC	HÂN	24/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3583	2030202033	TRƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	13/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,87	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3584	2030202041	HỒ THỊ MỸ	HOA	15/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,68	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3585	2030202043	NGUYỄN THU	HOÀI	11/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,74	70	Khá	40%	9.084.000	3.633.600	
3586	2030203022	ĐÀO LÊ THÚY	HỒNG	07/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3587	2030202047	NGÔ ĐÌNH ANH	HUY	11/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,13	65	Khá	40%	9.460.000	3.784.000	
3588	2030202059	NGUYỄN DIỆP ÁNH	LINH	20/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,2	70	Khá	40%	9.084.000	3.633.600	
3589	2030202058	NGUYỄN TRẦN MỸ	LINH	25/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3590	2030202067	ĐÌNH THỊ	MY	17/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,67	70	Khá	40%	9.289.000	3.715.600	
3591	2030202069	HUỲNH THỊ TRÀ	MY	05/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3592	2030202073	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	16/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,33	85	Giỏi	60%	7.624.000	4.574.400	
3593	2030203021	TRẦN THỊ YẾN	NHI	06/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3594	2030200030	TRƯƠNG TRẦN YẾN	NHI	05/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,53	70	Khá	40%	8.948.000	3.579.200	
3595	2030202090	CAO THỊ HỒNG	NHUNG	02/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,16	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3596	2030202092	NGUYỄN THỊ NGÔ KIM	PHẬN	02/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,3	76	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3597	2030200279	NGUYỄN THANH	THẢO	20/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,76	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3598	2030203013	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3599	2030204331	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	25/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,03	70	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3600	2030202109	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	23/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3601	2030203020	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	28/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8	78	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3602	2030202115	LÊ PHI	TOÀN	11/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,77	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3603	2030202119	NGUYỄN THỊ THI	TRANG	18/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,22	80	Giỏi	60%	7.624.000	4.574.400	
3604	2030203001	VŨ ĐỨC ANH	TRÍ	13/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,66	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3605	2030200533	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	30/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,08	77	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3606	2030202145	LÊ THỊ NGỌC	YẾN	01/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,15	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3607	2030209591	LƯƠNG VĂN	CÀN	30/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,76	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3608	2030209584	PHAN THỊ KIM	CHI	27/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,13	70	Khá	40%	9.130.000	3.652.000	
3609	2030209533	PHAN HỒ NHỰT	ĐÔNG	16/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,86	70	Khá	40%	11.194.000	4.477.600	
3610	2030204763	NGÔ MINH	DŨNG	02/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3611	2030209624	VŨ HOÀNG	DŨNG	25/05/2001	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,82	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3612	2030209592	TRẦN NGUYỄN THU	HÀ	14/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3613	2030209567	MAI THỊ THANH	HẰNG	22/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3614	2030209580	PHẠM THỊ THU	HIỀN	25/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,03	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3615	2030209646	LÊ THANH	HỒ	23/04/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,76	70	Khá	40%	9.494.000	3.797.600	
3616	2030209663	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	LAN	09/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,84	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3617	2030209535	TRẦN THỊ ÁI	LINH	30/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,3	75	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3618	2030209564	PHAN HỮU	LỢI	29/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,03	70	Khá	40%	9.194.000	3.677.600	
3619	2030209541	BÙI LÊ MINH	LUẬN	08/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,62	78	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3620	2030209636	TRẦN THỂ	LỤC	12/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,37	70	Khá	40%	9.570.000	3.828.000	
3621	2030209690	NGUYỄN PHAN THỊ THU	MAI	13/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,8	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3622	2030209701	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	29/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,13	65	Khá	40%	9.194.000	3.677.600	
3623	2030209667	TRẦN THANH	NAM	01/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,94	70	Khá	40%	9.425.000	3.770.000	
3624	2030209607	HỒ GIA	NGHI	23/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3625	2030209547	HUỲNH THỊ THẢO	NGHI	11/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,68	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3626	2030209588	TÔ THÀNH	NHÂN	12/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,94	75	Khá	40%	9.440.000	3.776.000	
3627	2030209623	LÝ BÍCH	NHI	09/06/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,09	70	Khá	40%	10.654.000	4.261.600	
3628	2030209543	NGÔ TÂM	NHU	08/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3629	2030209586	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	01/01/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,75	70	Khá	40%	7.965.000	3.186.000	
3630	2030204725	NGUYỄN TRẦN	PHI	12/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,29	76	Khá	40%	9.194.000	3.677.600	
3631	2030209606	HỒ NHẬT	PHÚ	03/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3632	2030209659	TRẦN THANH	PHUON G	15/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,64	70	Khá	40%	9.194.000	3.677.600	
3633	2030209562	TRẦN PHẠM MỸ	QUỲNH	24/10/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,45	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3634	2030209612	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG	THẢO	12/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,72	76	Khá	40%	12.771.000	5.108.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3635	2030209641	NGUYỄN THỊ NHƯ	THẢO	14/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,98	70	Khá	40%	10.654.000	4.261.600	
3636	2030209531	LÊ THỊ ANH	THƯ	15/09/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	12	8,45	77	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3637	2030209610	TRẦN TẠ NGỌC	TIÊN	06/02/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	14	7,89	80	Khá	40%	9.225.000	3.690.000	
3638	2030209532	LÊ THỊ BÍCH	TRÂM	17/11/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,12	80	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3639	2030209546	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	29/05/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3640	2030209545	TRẦN VĂN	TRỌNG	27/07/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	7,8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3641	2030209574	VÕ THANH	TUYỀN	30/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3642	2030209536	LÊ TUẤN	VIỆT	27/12/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,66	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3643	2030209553	TRƯƠNG HOÀNG	VŨ	26/08/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	7,98	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3644	2030209626	LÝ THÚY	VY	26/03/2002	Lớp 11DHQTDVNH8	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3645	2038200372	HUỲNH THỊ HỒNG	CẨM	29/09/2002	Lớp 11DHQTKS1	Khoa Du lịch và Ẩm thực	13	7,45	70	Khá	40%	9.080.000	3.632.000	
3646	2038200092	TRẦN HỮU	ĐẠT	12/08/2002	Lớp 11DHQTKS1	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	7,72	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3647	2038200060	KHUU THỊ THANH	HẰNG	15/10/2001	Lớp 11DHQTKS1	Khoa Du lịch và Ẩm thực	11	8,38	72	Khá	40%		0	
3648	2038200052	CHÂU GIA	HUY	08/03/2002	Lớp 11DHQTKS1	Khoa Du lịch và Ẩm thực	11	7,65	70	Khá	40%	7.230.000	2.892.000	
3649	2038200190	NGUYỄN NHẬT	TẠO	12/04/2000	Lớp 11DHQTKS1	Khoa Du lịch và Ẩm thực	12	7,88	75	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3650	2038200362	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	16/04/2002	Lớp 11DHQTKS1	Khoa Du lịch và Ẩm thực	13	7,95	70	Khá	40%	9.910.000	3.964.000	
3651	2038200523	PHAN HOÀI	THUỖN G	04/04/2002	Lớp 11DHQTKS1	Khoa Du lịch và Ẩm thực	10	8,02	70	Khá	40%	6.500.000	2.600.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3652	2038200007	TRƯƠNG KHẢ	ÁI	30/01/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	28	7,85	70	Khá	40%	19.961.000	7.984.400	
3653	2038200106	LÂM ĐIỀU	ANH	08/01/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,21	70	Khá	40%	10.412.000	4.164.800	
3654	2038200302	NGÔ TRƯỞNG HOÀNG	ANH	20/10/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,25	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3655	2038200141	NGUYỄN THỊ TUYẾT	BĂNG	19/05/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,86	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3656	2038200376	NGUYỄN TRỌNG	CÀN	27/07/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,48	70	Khá	40%	10.834.000	4.333.600	
3657	2038200118	NGUYỄN THỊ LINH	CHÂU	15/09/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,66	70	Khá	40%	13.189.000	5.275.600	
3658	2038200227	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	27/12/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3659	2038200030	LƯƠNG MINH	DIỆU	21/05/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,23	70	Khá	40%	12.005.000	4.802.000	
3660	2038200217	VÔ THỊ TRÚC	HÀ	14/04/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3661	2038200261	LÊ THÚY	HÀNG	23/08/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,96	70	Khá	40%	6.552.000	2.620.800	
3662	2038200359	PHAN ĐỨC HUY	HOÀNG	16/08/2001	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	77	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3663	2038200022	NGUYỄN BẢO	KHANH	08/12/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,32	94	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3664	2038200081	NGUYỄN NGỌC VÂN	KHÁNH	01/01/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3665	2038200107	PHẠM KIM	KHÁNH	17/01/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3666	2038200353	TRẦN NGỌC	LY	16/01/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	11	7,7	70	Khá	40%	7.026.000	2.810.400	
3667	2038200502	ĐỖ CÔNG	MINH	18/08/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,34	70	Khá	40%	6.552.000	2.620.800	
3668	2038200138	TRẦN THỊ THẢO	MY	03/05/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	11	7,61	70	Khá	40%	7.026.000	2.810.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3669	2038200383	TRẦN HOÀNG TRUNG	NAM	13/06/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3670	2038200002	NGUYỄN CAO THẢO	NGUYỄN	25/02/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3671	2038200392	TRƯƠNG LÝ MINH	NGUYỆT	26/11/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,63	70	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
3672	2038200157	NGUYỄN THỊ CẨM	NHI	22/05/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3673	2038200307	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYÊN	25/03/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,07	70	Khá	40%	7.812.000	3.124.800	
3674	2038200277	NGUYỄN NHẬT	THI	01/01/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,42	70	Khá	40%	10.524.000	4.209.600	
3675	2038200284	ĐỖ LÊ THÙY	TRÂM	19/11/2001	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	21	8,15	70	Khá	40%	15.286.000	6.114.400	
3676	2038200054	ĐOÀN NGUYỄN GIA	TƯỜNG	12/04/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3677	2038200050	NGUYỄN HỒ NHƯ	Ý	24/10/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3678	2038200028	ĐẶNG HỒNG	YẾN	02/12/2002	Lớp 11DHQTKS2	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,98	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3679	2038200182	TRẦN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	16/01/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3680	2038200559	DƯƠNG NGUYỄN GIA	HUY	12/11/2000	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,74	70	Khá	40%	12.297.000	4.918.800	
3681	2038200323	PHẠM BẢO	KHANG	28/09/2001	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,96	70	Khá	40%	13.370.000	5.348.000	
3682	2038200048	HỒ AN	KHƯƠNG	04/11/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3683	2038200270	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	02/04/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3684	2038200354	HUỲNH LÊ KIM	NGÂN	23/12/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,27	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3685	2038200116	PHAN THỊ MỸ	NGÂN	03/08/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3686	2038200282	CAO TRẦN MỸ	NGỌC	09/08/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	11	7,83	70	Khá	40%	7.640.000	3.056.000	
3687	2038200271	LÊ THÀNH	TÀI	30/11/2001	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,92	87	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3688	2038200040	TRẦN THỊ THANH	THẢO	26/12/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3689	2038200109	HỒ THỊ HUYỀN	TRÂM	02/06/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3690	2038200173	TRƯƠNG CÔNG	VINH	14/12/2002	Lớp 11DHQTKS3	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3691	2038202007	TRƯƠNG HOÀI	BẢO	15/03/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3692	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	03/08/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,89	70	Khá	40%	12.534.000	5.013.600	
3693	2038202041	BÙI THỊ THU	HÀ	18/02/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,92	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3694	2038202054	VÕ THỊ HỒNG	HẠNH	19/07/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,04	70	Khá	40%	9.630.000	3.852.000	
3695	2038202088	BÙI THÀNH	LỢI	06/11/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3696	2038200067	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	04/06/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,22	70	Khá	40%	6.500.000	2.600.000	
3697	2038202117	PHẠM MINH	NHỤT	21/03/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	11	8,04	70	Khá	40%	7.026.000	2.810.400	
3698	2038200293	DƯƠNG YẾN	PHI	20/07/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,76	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3699	2038202161	VÕ TUẤN	TÀI	05/06/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,6	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3700	2038200551	TRẦN NHẬT	TÂN	20/12/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,84	70	Khá	40%	11.800.000	4.720.000	
3701	2038202166	NGUYỄN LÊ THANH	THẢO	05/11/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,07	70	Khá	40%	8.000.000	3.200.000	
3702	2038202190	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	16/11/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3703	2038202197	MỸ THỊ	TRANG	10/10/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3704	2038202210	TẠ ĐÌNH	TRƯỜNG	10/11/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3705	2038202227	NGUYỄN THỊ	XUYẾN	12/03/2002	Lớp 11DHQTKS4	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3706	2038200289	ĐOÀN NGUYỄN MINH	CHÍNH	04/06/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,78	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3707	2038203019	CHÂU HỮU	DUYÊN	15/05/2001	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,2	123	Giỏi	60%	7.740.000	4.644.000	
3708	2038202061	ĐỖ NGỌC	HIẾU	13/11/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3709	2038203008	PHAN QUANG	HOAN	11/12/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,22	70	Khá	40%	8.900.000	3.560.000	
3710	2038202074	LÊ VŨ	KHA	31/05/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,77	70	Khá	40%	8.900.000	3.560.000	
3711	2038202077	NGUYỄN THỊ THANH	LANG	16/03/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,58	77	Khá	40%	8.900.000	3.560.000	
3712	2038202089	VÕ GIA	LONG	18/07/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,22	65	Khá	40%		0	
3713	2038202148	NGUYỄN THANH	PHUỘN G	05/12/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3714	2038202160	ĐOÀN THỊ TỐ	SƯƠNG	01/01/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,44	70	Khá	40%	6.500.000	2.600.000	
3715	2038202167	TRƯƠNG NGUYỄN THANH	THẢO	03/12/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,77	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3716	2038202187	NGUYỄN MINH	TÓI	13/10/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3717	2038202188	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	07/09/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,24	80	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
3718	2038202196	QUANG CÔNG BẢO	TRÂN	14/05/2002	Lớp 11DHQTKS5	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,68	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
3719	2038200340	NGUYỄN THỊ NHẬT	ÁNH	28/09/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,56	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3720	2038200097	NGUYỄN THÁI	BẢO	24/07/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8	70	Khá	40%	10.865.000	4.346.000	
3721	2038202013	LÊ THỊ MỸ	CHI	02/04/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,04	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3722	2038202019	TRẦN NGUYỄN	DANH	20/06/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,17	70	Khá	40%	9.405.000	3.762.000	
3723	2038202034	PHAN THỊ THÙY	DƯƠNG	24/05/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,7	70	Khá	40%	11.066.000	4.426.400	
3724	2038202035	NGUYỄN HOÀNG	DUY	23/12/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,01	70	Khá	40%	9.405.000	3.762.000	
3725	2038202059	CAO CÔNG	HIỆP	04/06/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	8,09	74	Khá	40%	9.064.000	3.625.600	
3726	2038209528	NGUYỄN NGỌC	MAI	17/12/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,88	76	Khá	40%	10.725.000	4.290.000	
3727	2038202098	TỪ VÕ TRÀ	MY	26/05/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,59	74	Khá	40%	9.726.000	3.890.400	
3728	2038200212	NGUYỄN THỊ TỔ	NỮ	20/04/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,43	70	Khá	40%	7.870.000	3.148.000	
3729	2038203023	PHAN TẤN	PHÚC	07/05/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,83	70	Khá	40%	7.740.000	3.096.000	
3730	2038202156	VÕ THỊ PHƯƠNG	QUỲNH	25/09/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3731	2038202173	NGUYỄN THỊ	THỎA	13/10/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,24	69	Khá	40%	9.252.000	3.700.800	
3732	2038200034	HÀ TRẦN MINH	THƯ	28/09/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	14	7,79	70	Khá	40%	9.310.000	3.724.000	
3733	2038202193	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	12/01/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3734	2038203030	NGUYỄN NGỌC	TRANG	25/06/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,46	76	Khá	40%	6.552.000	2.620.800	
3735	2038202212	TRẦN HUỲNH DIỆP	TUYỀN	15/10/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,85	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3736	2038200150	TRẦN THẾ	VĨNH	03/01/2002	Lớp 11DHQTKS6	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,92	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3737	2038203043	PHẠM THỊ THU	AN	18/11/2001	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3738	2038209499	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	02/06/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3739	2038202038	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	26/11/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3740	2038202044	PHAN NGỌC BẢO	HÂN	19/08/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,6	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3741	2038209457	HOÀNG MAI MỸ	HẠNH	06/01/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3742	2038203020	NGUYỄN VĂN	HÀO	07/11/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,98	70	Khá	40%	7.934.000	3.173.600	
3743	2038203033	NGUYỄN KHẮC	HUỖNG	26/04/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,09	70	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
3744	2038209430	HUỶNH GIA	HUY	08/03/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,03	70	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
3745	2038209503	TRẦN QUANG	HUY	12/12/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,68	65	Khá	40%	5.670.000	2.268.000	
3746	2038209486	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	01/07/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,97	70	Khá	40%	7.740.000	3.096.000	
3747	2038209441	NGUYỄN THỊ KIM	LUẬN	01/09/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3748	2038209419	HỒNG LÊ BẢO	NGỌC	10/10/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3749	2038202110	TRẦN KIM	NGỌC	28/11/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3750	2038209518	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	19/11/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,39	70	Khá	40%	11.186.000	4.474.400	
3751	2038209438	LÊ HOÀNG	PHÚC	20/01/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	13	8,12	70	Khá	40%	9.100.000	3.640.000	
3752	2038202152	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	QUYÊN	07/11/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,84	70	Khá	40%	12.154.000	4.861.600	
3753	2038209467	ĐÀO THANH	TÀI	04/04/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,22	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3754	2038209450	ĐÌNH PHƯƠNG	THẢO	20/02/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,02	70	Khá	40%	6.480.000	2.592.000	
3755	2038209427	TRẦN ĐÌNH ANH	THI	11/06/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,85	70	Khá	40%	7.740.000	3.096.000	
3756	2038209493	NGUYỄN ANH	THU	27/10/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3757	2038202179	HUỖNH	THỨC	29/01/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,2	70	Khá	40%	7.740.000	3.096.000	
3758	2038202186	HUỖNH LÊ ANH	TIẾN	29/05/2002	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3759	2038202220	NGUYỄN VÕ NHẬT	UYÊN	04/07/2001	Lớp 11DHQTKS7	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3760	2038209460	ĐÌNH NGUYỄN HOÀNG	ANH	13/08/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,6	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3761	2038209488	NGUYỄN THỤY LAN	ANH	10/06/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,06	70	Khá	40%	6.364.000	2.545.600	
3762	2038209446	NGUYỄN THỊ KIM	ÁNH	04/12/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,56	70	Khá	40%	6.364.000	2.545.600	
3763	2038209522	TRẦN NGUYỄN	DANH	01/02/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3764	2038204109	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	07/01/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	7,8	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
3765	2038209525	HUỖNH ĐĂNG	KHOA	06/07/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3766	2038209516	PHẠM THỊ MỸ	LỆ	15/07/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,14	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3767	2038209476	ĐÀO NGUYỄN KIỀU	MY	12/10/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3768	2038209443	ĐOÀN THỊ THẢO	NGHI	20/01/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	13	7,92	74	Khá	40%	9.149.000	3.659.600	
3769	2038209478	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	07/08/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,3	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3770	2038209521	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHUON G	27/11/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	8,08	80	Giỏi	60%	6.364.000	3.818.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3771	2038209507	PHẠM THỊ KIM	THOA	07/05/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3772	2038209433	NGÔ THỊ THANH	THÙY	22/06/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	11	8,25	70	Khá	40%	7.640.000	3.056.000	
3773	2038209444	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	10/01/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	12	8,62	76	Khá	40%	8.145.000	3.258.000	
3774	2038209454	LÊ THÙY ĐÔNG	TRINH	09/11/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,94	70	Khá	40%	6.364.000	2.545.600	
3775	2038209475	MAI TÚ	TRINH	10/05/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
3776	2038209440	TRỊNH THỊ TƯỜNG	VY	02/03/2002	Lớp 11DHQTKS8	Khoa Du lịch và Âm thực	10	7,6	76	Khá	40%	6.364.000	2.545.600	
3777	2028210053	Huỳnh Nguyễn Bảo	Ngân	24/05/2003	Lớp 12DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,74	70	Khá	40%	12.270.000	4.908.000	
3778	2028210109	Phạm Thiên	Tài	19/03/2003	Lớp 12DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,11	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
3779	2028218928	Phạm Thị Mỹ	Tin	02/03/2003	Lớp 12DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,15	70	Khá	40%	12.175.000	4.870.000	
3780	2028218875	Nguyễn Lưu Bảo	Ngọc	21/09/2003	Lớp 12DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,7	119	Khá	40%	13.570.000	5.428.000	
3781	2028218884	Hồ Thị Yến	Nhi	26/04/2003	Lớp 12DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,86	82	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
3782	2028218898	Trần Thị Hồng	Phúc	21/12/2003	Lớp 12DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,61	70	Khá	40%	12.154.000	4.861.600	
3783	2028218919	Nguyễn Ngọc Diễm	Thùy	23/08/2003	Lớp 12DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,67	78	Khá	40%	10.630.000	4.252.000	
3784	2028218940	Bùi Trung	Trúc	04/05/2003	Lớp 12DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,48	74	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
3785	2028210023	Nguyễn Đặng Thảo	Vy	23/08/2003	Lớp 12DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,94	84	Khá	40%	12.154.000	4.861.600	
3786	2034210107	Nguyễn Huỳnh Huy	Hoàng	12/08/2003	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,54	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
3787	2034210037	Nguyễn Đức	Hùng	28/04/2003	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,46	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3788	2034210259	Nguyễn Hồng	Khánh	13/07/2000	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,71	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
3789	2034210016	Trần Thị Huỳnh	Như	04/12/2003	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,07	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
3790	2034210062	Lê Kim	Quới	15/08/2003	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,88	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3791	2034210236	Nguyễn Anh	Thư	16/04/2003	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,53	76	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
3792	2034210212	Lê Nguyễn Nhật	Trân	26/10/2003	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,56	89	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3793	2034210084	Ngô Thị Thùy	Trang	28/02/2003	Lớp 12DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,81	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3794	2034218623	Lý Uyển	Dao	04/09/2003	Lớp 12DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,93	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3795	2034210025	Lê Quang	Dũng	12/06/2003	Lớp 12DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,28	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3796	2034210267	Nguyễn Thái	Dương	16/11/2003	Lớp 12DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,21	98	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
3797	2034218691	Đào Huỳnh Tuấn	Lợi	04/08/2003	Lớp 12DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,26	121	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
3798	2034218760	Trần Huỳnh Thiện	Thảo	20/05/2003	Lớp 12DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,93	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
3799	2034218770	Lê Phước	Thuận	03/05/2003	Lớp 12DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,44	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
3800	2034210286	Trịnh Trần Thu	Hiền	17/07/2003	Lớp 12DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,85	84	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3801	2034218663	Phạm Văn	Huy	04/07/2003	Lớp 12DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,78	76	Khá	40%	15.112.000	6.044.800	
3802	2034218778	Thân Phan Anh	Thư	08/09/2003	Lớp 12DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,6	70	Khá	40%	11.058.000	4.423.200	
3803	2034218789	Dương Thị Hồng	Trúc	14/10/2003	Lớp 12DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,86	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3804	2034218797	Hồ Nguyễn Dương	Tuyên	17/12/2003	Lớp 12DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,48	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3805	2034218814	Phạm Khánh	Vy	20/12/2003	Lớp 12DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,91	83	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
3806	2024210211	Lương Kim	Đoan	07/03/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	24	7,48	70	Khá	40%	17.204.000	6.881.600	
3807	2024210221	Nguyễn Thị Thảo	Hằng	08/06/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,81	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
3808	2024210355	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương	29/11/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,42	80	Khá	40%	16.678.000	6.671.200	
3809	2024210086	Đặng Trần Nhật	Minh	27/06/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	24	7,93	80	Khá	40%	17.204.000	6.881.600	
3810	2024210071	Huỳnh Thị Bảo	Ngọc	17/09/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,29	70	Khá	40%	16.678.000	6.671.200	
3811	2024210056	Lại Phước	Nguyên	19/06/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,33	70	Khá	40%	13.894.000	5.557.600	
3812	2024210058	Tô Cao	Nguyên	13/06/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	28	8,06	87	Giỏi	60%	19.988.000	11.992.800	
3813	2024210057	Mã Tuyết	Nhi	28/03/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	25	7,94	80	Khá	40%	18.002.000	7.200.800	
3814	2024210363	Lâm Võ Yến	Như	17/10/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,58	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
3815	2024210151	Nguyễn Thị Hồng	Thi	29/10/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,33	70	Khá	40%	16.678.000	6.671.200	
3816	2024210033	Huỳnh Ngọc	Thúy	20/07/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,86	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
3817	2024210029	Nguyễn Thị Lan	Vy	24/08/2003	Lớp 12DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	26	7,85	90	Khá	40%	18.664.000	7.465.600	
3818	2024218980	Hoàng Thị Hoài	Giang	22/12/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	24	8,01	94	Giỏi	60%	17.204.000	10.322.400	
3819	2024218986	Nguyễn Thúy	Hiền	16/02/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,98	78	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
3820	2024218993	Nguyễn Thị	Hồng	17/07/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	24	7,65	70	Khá	40%	17.204.000	6.881.600	
3821	2024218996	Thiều Cao Diệu	Huyền	11/09/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	31	7,84	80	Khá	40%	22.343.000	8.937.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3822	2024219006	Hồ Thị Kim	Liên	04/10/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	25	8,05	70	Khá	40%	18.002.000	7.200.800	
3823	2024219013	Nguyễn Đăng Xuân	Mai	17/05/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	26	7,65	70	Khá	40%	18.528.000	7.411.200	
3824	2024219056	Nguyễn Thuý	Tâm	01/10/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	25	7,28	70	Khá	40%	18.002.000	7.200.800	
3825	2024210180	Huỳnh Duy	Thái	08/02/2001	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,53	96	Giỏi	60%	12.980.000	7.788.000	
3826	2024219067	Lê Hoàng Minh	Thư	26/11/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	8,31	96	Giỏi	60%	14.492.000	8.695.200	
3827	2024219072	Trần Lê Thủy	Tiên	01/06/2003	Lớp 12DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	27	7,79	74	Khá	40%	19.190.000	7.676.000	
3828	2024218966	Đặng Chí	Bảo	23/04/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	24	7,67	70	Khá	40%	17.204.000	6.881.600	
3829	2024218967	Vũ Thị Ngọc	Bích	27/11/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	26	7,82	76	Khá	40%	18.664.000	7.465.600	
3830	2024218992	Ngô Thị Ánh	Hồng	24/01/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,85	74	Khá	40%	16.678.000	6.671.200	
3831	2024219016	Trần Tiểu	Mẫn	09/11/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,69	70	Khá	40%	15.504.000	6.201.600	
3832	2024219040	Huỳnh Thanh	Phong	21/09/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,74	70	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
3833	2024219041	Phan Thị	Phúc	20/03/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	27	8,35	94	Giỏi	60%	19.190.000	11.514.000	
3834	2024219071	Phạm Thị	Tiên	21/08/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	24	7,25	70	Khá	40%	17.204.000	6.881.600	
3835	2024219085	Hồ Nguyễn Phương	Uyên	05/09/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,05	73	Khá	40%	15.504.000	6.201.600	
3836	2024219090	Diệp Thị Tường	Vi	12/02/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	24	7,53	88	Khá	40%	17.204.000	6.881.600	
3837	2024219093	Lê Tường	Vy	12/04/2003	Lớp 12DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,27	70	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
3838	2030210204	Hồ Mai Xuân	Hoài	14/12/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,2	82	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3839	2030210317	Trương Đình	Khang	24/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,44	70	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
3840	2030210305	Lê Thị Thuý	Kiều	25/06/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,97	74	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3841	2030210269	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	24/08/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,04	77	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3842	2030210076	Huỳnh Thị	Quỳnh	02/04/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,73	94	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3843	2030210323	Ngô Ngọc Mỹ	Tâm	09/10/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,57	70	Khá	40%	13.637.000	5.454.800	
3844	2030210040	Nguyễn Ngọc	Thảo	16/11/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,48	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3845	2030210016	Võ Bùi Ánh	Thi	23/08/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,59	70	Khá	40%	15.466.000	6.186.400	
3846	2030210070	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	08/12/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,73	76	Khá	40%	12.592.000	5.036.800	
3847	2030210272	Trần Thị Thủy	Tiên	28/11/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,19	82	Giỏi	60%	10.682.000	6.409.200	
3848	2030210325	Phạm Thị Hồng	Trang	27/09/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,73	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3849	2030210225	Dương Nguyễn Cẩm	Tuyền	15/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,78	70	Khá	40%	13.841.000	5.536.400	
3850	2030219331	Phạm Trần Hoàng	Châu	30/01/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,4	70	Khá	40%	10.818.000	4.327.200	
3851	2030219359	Ngô Phạm Thúy	Hà	19/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,16	70	Khá	40%	11.344.000	4.537.600	
3852	2030210407	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	05/09/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,27	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3853	2030210231	Hoàng Gia	Huy	01/06/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,11	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
3854	2030210316	Lê Trịnh Gia	Huy	15/03/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,99	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3855	2030210259	Cao Thị Phương	Minh	28/02/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,33	84	Khá	40%	12.142.000	4.856.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3856	2030210013	Ngô Đăng Thanh	Ngân	16/01/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,69	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3857	2030210143	Nguyễn Ngọc Minh	Thơ	26/09/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,66	70	Khá	40%	11.344.000	4.537.600	
3858	2030210359	Hoàng Ngọc Bảo	Trâm	19/09/2002	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,04	70	Khá	40%	11.480.000	4.592.000	
3859	2030210094	Biện Thị Vân	Trang	11/11/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,04	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3860	2030210183	Nguyễn Ngọc Mai	Trang	11/09/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	7,55	70	Khá	40%	13.466.000	5.386.400	
3861	2030212098	Vô Minh Mỹ	Ý	13/01/2003	Lớp 12DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,19	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3862	2030219326	Hà Gia	Bảo	18/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,44	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3863	2030219332	Nguyễn Thị Kim	Chi	18/06/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	7,69	81	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
3864	2030219337	Lê Thị Mỹ	Diệu	08/12/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	8,31	88	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3865	2030219339	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	25/03/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,49	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3866	2030219343	Nguyễn Kiều Mỹ	Duyên	15/05/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,99	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3867	2030219355	La Hà	Giang	30/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,55	70	Khá	40%	12.572.000	5.028.800	
3868	2030219400	Tăng Quốc	Khá	22/06/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,32	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3869	2030219405	Nguyễn Song Thiên	Kim	11/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	8,08	70	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
3870	2030219407	Trần Thị Ngọc	Lan	06/12/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,88	70	Khá	40%	12.252.000	4.900.800	
3871	2030219412	Nguyễn Phan Thùy	Linh	05/04/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,65	78	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3872	2030219413	Phan Gia	Linh	08/06/2002	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	22	7,83	70	Khá	40%	15.520.000	6.208.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3873	2030219423	Nguyễn Thị Kim	Lý	22/12/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,28	106	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3874	2030219430	Chung Huệ	My	20/05/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,97	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3875	2030210353	Bùi Thị Nam	Nghi	14/04/2001	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,27	70	Khá	40%	12.142.000	4.856.800	
3876	2030219474	Nguyễn Hoàng	Phúc	21/05/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,21	70	Khá	40%	11.684.000	4.673.600	
3877	2030219498	Phạm Thị Hồng	Thắm	09/11/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,19	90	Giỏi	60%	10.682.000	6.409.200	
3878	2030219512	Lê Huỳnh Minh	Thư	05/08/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,49	70	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
3879	2030219511	Nguyễn Phạm Thanh	Thúy	21/10/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,78	70	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
3880	2030219533	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trang	05/05/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,65	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3881	2030219545	Phạm Minh	Trí	19/10/2003	Lớp 12DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,23	70	Khá	40%	12.872.000	5.148.800	
3882	2030219321	Nguyễn Phương	Anh	12/05/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,15	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3883	2030219360	Trần Thái	Hà	08/10/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,46	70	Khá	40%	11.228.000	4.491.200	
3884	2030219371	Bùi Trịnh Ngọc	Hân	26/03/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,2	76	Khá	40%	12.872.000	5.148.800	
3885	2030219373	Ngô Gia	Hân	11/05/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,28	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3886	2030219375	Trương Gia	Hân	08/01/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,32	80	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3887	2030219364	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/08/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,42	86	Giỏi	60%	13.876.000	8.325.600	
3888	2030219403	Trần Thị Huỳnh	Kiều	30/08/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,01	90	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3889	2030211756	Mai Nguyễn Trúc	Linh	07/01/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,22	82	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3890	2030219411	Nguyễn Kiều Mỹ	Linh	09/10/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	7,86	88	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
3891	2030219426	Lê Thị Nguyệt	Minh	24/08/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,85	80	Khá	40%	12.872.000	5.148.800	
3892	2030219434	Huỳnh Ngọc	Mỹ	23/11/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,24	76	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3893	2030219479	Đặng Thị Thúy	Quyên	23/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8	70	Khá	40%	11.890.000	4.756.000	
3894	2030219561	Nguyễn Phạm Phương	Uyên	07/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	8,07	76	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3895	2030219562	Trịnh Thị	Uyên	13/12/2003	Lớp 12DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	21	8,1	108	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
3896	2030219336	Phạm Thị Bích	Diễm	13/04/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,28	70	Khá	40%	11.548.000	4.619.200	
3897	2030219374	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	28/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	8,29	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3898	2030210410	Nguyễn Hoàng Minh	Hằng	16/11/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	8,52	82	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	
3899	2030212295	Hồ Thị Tuyết	Kha	17/06/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,08	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3900	2030219435	Nguyễn Huỳnh	Nam	11/01/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,93	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3901	2030219461	Nguyễn Lê Yên	Nhi	25/06/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,55	70	Khá	40%	11.548.000	4.619.200	
3902	2030210402	Nguyễn Thị Hoàng	Như	21/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,21	70	Khá	40%	12.252.000	4.900.800	
3903	2030210403	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	21/07/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,21	70	Khá	40%	12.252.000	4.900.800	
3904	2030210451	Đồng Công Chí	Tâm	10/10/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	8,38	70	Khá	40%	13.534.000	5.413.600	
3905	2030219536	Huỳnh Hồng Ngọc	Trâm	24/09/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8	74	Khá	40%	11.344.000	4.537.600	
3906	2030219557	Tô Diệp Phú	Tỷ	24/04/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,66	82	Khá	40%	12.872.000	5.148.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3907	2030219563	Nguyễn Khánh	Vân	16/08/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	20	7,41	70	Khá	40%	14.196.000	5.678.400	
3908	2030219564	Nguyễn Thị Hồng	Vân	08/06/2003	Lớp 12DHQTDVNH05	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	8,06	81	Giỏi	60%	10.682.000	6.409.200	
3909	2038210237	Nguyễn Thị Hồng	Ân	09/01/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,04	78	Khá	40%	11.548.000	4.619.200	
3910	2038210059	Lê Thị Thùy	Dương	05/07/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,49	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3911	2038210307	Phạm Võ Anh	Hòa	24/02/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	20	7,64	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
3912	2038210025	Hồ Thị	Huyền	18/06/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,34	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3913	2038210204	Hoàng Mỹ	Phương	03/05/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,58	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3914	2038210284	Trần Diễm	Quỳnh	04/12/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,81	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3915	2029210116	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	14/02/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	7,37	70	Khá	40%	15.143.000	6.057.200	
3916	2038210352	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	22/03/2003	Lớp 12DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,64	70	Khá	40%	11.548.000	4.619.200	
3917	2038210482	Lư Thị Bích	Chi	02/09/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,52	74	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3918	2038210436	Nguyễn Phương	Hạ	02/09/2002	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,98	90	Khá	40%	11.344.000	4.537.600	
3919	2038210124	Võ Thị Diễm	Lệ	08/09/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,74	76	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3920	2038210550	Lê Thị Thùy	Linh	24/01/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,65	76	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3921	2038210442	Nguyễn Quỳnh	Mai	15/03/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,18	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3922	2038210451	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	07/02/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,47	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3923	2038210185	Võ Hồng Kim	Ngân	06/02/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,53	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3924	2038210574	Võ Thị	Nhật	10/10/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,77	70	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
3925	2038210572	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	30/04/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,27	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3926	2038210452	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/06/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,27	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3927	2038210066	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	27/05/2003	Lớp 12DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,71	96	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3928	2038219172	Trương Ngọc	Linh	01/11/2003	Lớp 12DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,59	80	Giỏi	60%	11.938.000	7.162.800	
3929	2038219190	Tô Thị Tuyết	Ngân	12/03/2003	Lớp 12DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,58	70	Khá	40%	12.347.000	4.938.800	
3930	2038210512	Nguyễn Tiến	Nhật	01/04/2003	Lớp 12DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,21	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3931	2038219202	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	01/03/2003	Lớp 12DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,43	70	Khá	40%	11.548.000	4.619.200	
3932	2038219217	Nguyễn Thị Ánh	Phi	24/01/2003	Lớp 12DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,58	70	Khá	40%	13.602.000	5.440.800	
3933	2038210226	Tạ Thị Như	Ý	14/10/2003	Lớp 12DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,13	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3934	2038219122	Nguyễn Hồng	Đào	23/12/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	24	8,5	82	Giỏi	60%	17.184.000	10.310.400	
3935	2038219123	Phạm Ngọc	Điệp	27/08/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,67	74	Khá	40%	13.266.000	5.306.400	
3936	2038219152	Võ Quang	Hung	26/07/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,76	74	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3937	2038219153	Lê Thị Thu	Hương	11/10/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,49	92	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
3938	2038219162	Hồ Đông Trúc	Lam	08/05/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,26	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3939	2038219167	Lâm Thị Ngọc	Linh	06/10/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,78	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3940	2038219174	Huỳnh Thị Thu	Lợi	20/12/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,36	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3941	2038219184	Nguyễn Thị Quỳnh	My	20/10/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,59	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3942	2038219188	Bùi Thị Thanh	Ngân	19/08/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,61	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3943	2038219210	Hà Huỳnh	Như	15/09/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,96	80	Khá	40%	13.125.000	5.250.000	
3944	2038219214	Nguyễn Thị Kim	Oanh	05/11/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,32	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3945	2038219222	Cái Thị Mỹ	Quý	26/06/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,94	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3946	2038219225	Nguyễn Kim Hoàng	Quyên	07/06/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,42	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3947	2038219226	Lê Thị Mộng	Quỳnh	26/04/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,36	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3948	2038219231	Võ Mai Như	Quỳnh	29/11/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,57	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3949	2038219250	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	27/07/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,38	86	Giỏi	60%	12.006.000	7.203.600	
3950	2038219269	Huỳnh Thị Bích	Trâm	08/12/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,98	90	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3951	2038219295	Nguyễn Thị Tường	Vi	28/05/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,05	82	Giỏi	60%	15.672.000	9.403.200	
3952	2038219298	Hoàng Quốc	Việt	09/03/2003	Lớp 12DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,24	74	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3953	2038219170	Nguyễn Thị Trúc	Linh	02/12/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,19	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3954	2038219193	Lâm Trần Thu	Ngọc	10/09/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,75	74	Khá	40%	11.548.000	4.619.200	
3955	2038219234	Huỳnh Như	Tâm	19/03/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	17	8,02	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3956	2038219281	Phạm Thị Ngọc	Trinh	22/01/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,57	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
3957	2038219287	Dương Hoàng	Tuấn	13/09/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,79	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3958	2038219294	Nguyễn Thị Bích	Vi	18/08/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	82	Khá	40%	11.548.000	4.619.200	
3959	2038219306	Tạ Tường	Vy	18/08/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,43	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
3960	2038219310	Bùi Thị Hải	Yến	12/11/2003	Lớp 12DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	15	8,47	90	Giỏi	60%	10.682.000	6.409.200	
3961	2028220071	Lục Ngọc	An	07/04/2004	Lớp 13DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,43	76	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
3962	2028221123	Lê Thị	Hà	15/02/2004	Lớp 13DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,79	75	Khá	40%	15.404.000	6.161.600	
3963	2028222514	Đặng Lê Gia	Lương	20/12/2004	Lớp 13DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,18	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
3964	2028223895	Trần Võ Hoàng	Phương	01/05/2004	Lớp 13DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,34	65	Khá	40%	14.805.000	5.922.000	
3965	2028224827	Hà Thanh	Thảo	29/10/2004	Lớp 13DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,23	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
3966	2028224469	Trần Trọng	Toàn	02/08/2004	Lớp 13DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,66	98	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
3967	2028226144	Hoàng Thị Kim	Yến	06/10/2003	Lớp 13DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	21	8,08	78	Khá	40%	15.540.000	6.216.000	
3968	2034220837	Phạm Lê Thùy	Dương	08/07/2003	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,58	96	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3969	2034221513	Nguyễn Huỳnh	Hoàng	09/10/2002	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,61	78	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3970	2034221705	Nguyễn Đức	Huy	24/12/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,23	86	Giỏi	60%	12.705.000	7.623.000	
3971	2034222405	Lý Phương	Linh	23/11/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,81	72	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
3972	2034222482	Nguyễn Phước	Lộc	09/09/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,27	72	Khá	40%	12.569.000	5.027.600	
3973	2034223792	Lê Hồng	Phúc	20/10/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,55	72	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3974	2034223808	Huỳnh Kim	Phụng	28/10/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,35	90	Giỏi	60%	13.945.000	8.367.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3975	2034224042	Bùi Ngọc Thảo	Quyên	06/09/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,75	82	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3976	2034224043	Trần Thị Bảo	Quyên	12/06/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,27	72	Khá	40%	13.829.000	5.531.600	
3977	2034224660	Hoàng Văn	Thái	14/05/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,01	88	Giỏi	60%	14.165.000	8.499.000	
3978	2034225271	Huỳnh Thị Anh	Thư	09/03/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,75	72	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
3979	2034225471	Huỳnh Diễm Minh	Trâm	12/07/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,58	72	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
3980	2034225562	Nguyễn Minh	Trí	27/12/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,99	78	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
3981	2034225614	Lý Kim	Trình	10/03/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,62	139	Giỏi	60%	14.165.000	8.499.000	
3982	2034225766	Nguyễn Mai Phương	Uyên	18/11/2004	Lớp 13DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,78	82	Khá	40%	16.613.000	6.645.200	
3983	2034220069	Nguyễn Nhã	An	09/04/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,79	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3984	2034221023	Đỗ Trần Trí	Đức	20/03/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,31	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3985	2034221065	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	11/08/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,08	70	Khá	40%	13.505.000	5.402.000	
3986	2034221307	Trương Trần Bảo	Hân	27/07/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,07	70	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
3987	2034223414	Trần Đỗ Thị Yến	Nhi	05/03/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,88	76	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3988	2034223986	Lê Văn	Quốc	20/07/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,34	74	Khá	40%	14.895.000	5.958.000	
3989	2034224137	Mai Hoàng Khả	San	15/12/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,4	70	Khá	40%	16.355.000	6.542.000	
3990	2034224694	Hồ Tuấn	Thanh	15/09/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,51	76	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3991	2034225270	Huỳnh Hoàng	Thư	26/09/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,79	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
3992	2034224468	Nguyễn Vĩ	Toàn	08/10/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,51	76	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3993	2034225765	Hồ Ngọc Thanh	Uyên	28/04/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,88	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3994	2034225888	Thái Thế	Vinh	03/12/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,59	70	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
3995	2034226040	Trần Thị Khánh	Vy	12/10/2004	Lớp 13DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,9	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3996	2034220946	Võ Tiến	Đạt	06/01/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,33	74	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3997	2034221309	Nguyễn Hà Gia	Hân	15/11/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,33	70	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
3998	2034222666	Lê Tổng Ngọc	Minh	01/09/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,43	74	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
3999	2034226269	Lý Ngô Bảo	Ngọc	04/10/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,54	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
4000	2034223281	Nghiêm Huy	Nhật	11/08/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,82	70	Khá	40%	13.829.000	5.531.600	
4001	2034223411	Nguyễn Yến	Nhi	07/12/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,69	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
4002	2034223820	Trần Thành	Phước	31/05/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,62	80	Khá	40%	14.895.000	5.958.000	
4003	2034224128	Hà Thị Như	Quỳnh	03/04/2002	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,62	70	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
4004	2034224309	Đỗ Nhật Minh	Tâm	19/10/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	23	7,23	70	Khá	40%	17.548.000	7.019.200	
4005	2034225409	Hoàng Thị Thu	Trang	05/01/2003	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,82	70	Khá	40%	14.165.000	5.666.000	
4006	2034226063	Nguyễn Thanh	Xuân	20/04/2004	Lớp 13DHNA03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,54	70	Khá	40%	12.705.000	5.082.000	
4007	2024220833	Võ Thị Thùy	Dương	13/04/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,04	82	Giỏi	60%	16.470.000	9.882.000	
4008	2024221851	Trần Thị Quỳnh	Hương	25/04/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,14	92	Giỏi	60%	16.470.000	9.882.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4009	2024222163	Thái Hoàng	Khương	24/01/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	27	7,71	109	Khá	40%	20.331.000	8.132.400	
4010	2024222223	Đỗ Hoàng Minh	Lân	26/08/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,4	87	Giỏi	60%	16.470.000	9.882.000	
4011	2024222244	Trần Công	Liêm	20/11/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,63	82	Giỏi	60%	16.470.000	9.882.000	
4012	2024222966	Bạch Kim Thu	Ngân	24/01/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,21	78	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4013	2024223354	Lại Yến	Nhi	25/04/2003	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,64	82	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4014	2024223455	Bùi Thị Yến	Nhung	19/12/2003	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,45	70	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4015	2024223638	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	05/06/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,96	86	Khá	40%	14.874.000	5.949.600	
4016	2024223886	Phạm Thị Thu	Phương	10/05/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,91	70	Khá	40%	14.806.000	5.922.400	
4017	2024224030	Huỳnh Kim	Quyên	27/11/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,32	88	Giỏi	60%	16.470.000	9.882.000	
4018	2024225113	Trần Thị Thanh	Thủy	09/06/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,65	96	Khá	40%	12.620.000	5.048.000	
4019	2024224335	Nguyễn Hồ Ti	Ti	12/07/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,01	76	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4020	2024224494	Trần Tú	Tú	01/03/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,32	82	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
4021	2024224624	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	06/06/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,49	119	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4022	2024226021	Lê Huỳnh Tường	Vy	25/08/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,84	74	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4023	2024226126	Võ Ngọc	Yến	17/06/2004	Lớp 13DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,77	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4024	2024221764	Nguyễn Như	Huỳnh	26/01/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,99	82	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4025	2024222579	Nguyễn Thị Xuân	Mai	10/05/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,46	76	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4026	2024222833	Trần Thị Phương	Nga	20/05/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8	70	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4027	2024223073	Nguyễn Thị	Ngọc	08/04/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,06	80	Giỏi	60%	16.470.000	9.882.000	
4028	2024224023	Trần Thúy	Quyên	07/03/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,13	70	Khá	40%	16.334.000	6.533.600	
4029	2024225002	Phạm Thị Minh	Thơ	23/06/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	8,05	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4030	2024225254	Nguyễn Huỳnh Kim	Thư	10/10/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,82	109	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4031	2024225131	Lê Trọng Cẩm	Thúy	23/08/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,48	82	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4032	2024225124	Trương Thị Diệu	Thúy	27/03/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	25	7,55	109	Khá	40%	18.660.000	7.464.000	
4033	2024225329	Nguyễn Ngọc Yến	Thy	06/03/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,75	123	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4034	2024225828	Trương Thị Mỹ	Vi	09/09/2004	Lớp 13DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,42	109	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4035	2030220218	Nguyễn Phương	Anh	14/02/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,88	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4036	2030220442	Nguyễn Thị Mỹ	Cương	29/10/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,63	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
4037	2030220844	Nguyễn Quang	Đại	09/09/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,82	70	Khá	40%	15.604.000	6.241.600	
4038	2030220861	Trần Thị Hồng	Đào	22/04/2003	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,61	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4039	2030220590	Phan Lê Ngọc	Diễm	07/02/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,87	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4040	2030220684	Nguyễn An	Dũng	02/01/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
4041	2030221261	Hồ Phúc	Hân	19/01/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,96	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4042	2030221792	Đinh Tiến	Hưng	16/08/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,53	72	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4043	2030221733	Nguyễn Thị Như	Huyền	19/02/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	22	7,82	70	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
4044	2030221941	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	29/10/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,65	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
4045	2030222321	Trần Thị Thùy	Linh	02/06/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,08	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
4046	2030222977	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	10/02/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,07	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4047	2030222944	Trần Thị Kim	Ngân	25/05/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,99	72	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
4048	2030223105	Lâm Huỳnh Tuyết	Ngọc	06/08/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,26	72	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4049	2030223195	Lê Thị	Nguyệt	11/07/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,14	78	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4050	2030223536	Trần Thị Quỳnh	Như	23/10/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,22	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4051	2030223436	Lê Thị Phương	Nhung	02/04/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,14	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4052	2030223448	Nguyễn Thùy	Nhung	06/04/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	21	8,15	72	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
4053	2030223899	Nguyễn Ngọc	Phượng	08/01/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,14	72	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4054	2030224463	Nguyễn Minh	Toàn	28/11/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,84	76	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
4055	2030225653	Nguyễn Quỳnh Thanh	Trúc	28/12/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,55	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
4056	2030224497	Lê Thị Cẩm	Tú	25/09/2004	Lớp 13DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,68	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4057	2030220045	Trương Kim Ngọc	An	21/07/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,51	114	Giỏi	60%	12.090.000	7.254.000	
4058	2030220209	Nguyễn Thị Hoài	Anh	23/10/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,36	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
4059	2030220210	Phạm Bích	Anh	21/11/2002	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,26	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4060	2030220139	Trần Hoàng	Anh	25/01/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,13	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
4061	2030220261	Lê Thị Hồng	Ánh	16/02/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,8	91	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4062	2030220477	Phan Bảo	Chân	06/02/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,88	92	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4063	2030221639	Nguyễn Hoàng Quốc	Huy	05/08/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,66	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4064	2030222007	Nguyễn Trí	Khang	19/03/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,8	76	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
4065	2030222343	Bạch Khánh	Linh	11/09/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,38	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4066	2030223074	Phạm Bảo	Ngọc	14/07/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,03	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4067	2030223173	Phan Nguyễn Thảo	Nguyên	15/03/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,72	80	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4068	2030223326	Nguyễn Đỗ Tuyết	Nhi	25/08/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,84	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4069	2030223761	Nguyễn Trọng	Phúc	09/01/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,78	90	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4070	2030223806	TãNg Mỹ	Phụng	10/10/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	21	7,92	70	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
4071	2030224294	Hoàng Thị Minh	Tâm	17/12/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,24	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4072	2030224911	Nguyễn Văn	Thiện	07/04/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,79	90	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4073	2030225269	Lê Thị Anh	Thư	12/05/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,9	78	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
4074	2030225211	Nghiêm Thị Thanh	Thư	03/11/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	22	8,03	82	Giỏi	60%	16.470.000	9.882.000	
4075	2030225377	Lê Thị Thu	Trang	05/10/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,96	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
4076	2030225373	Nguyễn Vũ Minh	Trang	07/08/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	7,93	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4077	2030225686	Võ Minh	Trung	25/02/2004	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,91	70	Khá	40%	13.142.000	5.256.800	
4078	2030225971	Quách Gia	Vy	21/08/2003	Lớp 13DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	19	8,29	84	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
4079	2038220030	Hoàng Bảo	An	23/11/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,92	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4080	2038220140	Nguyễn Thụy Trâm	Anh	31/10/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	8,02	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4081	2038220510	Nguyễn Linh Ngọc	Châu	05/01/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	22	8,18	74	Khá	40%	15.994.000	6.397.600	
4082	2038221008	Huỳnh Trọng	Đức	24/06/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	20	8,31	167	Giỏi	60%	15.120.000	9.072.000	
4083	2038221108	Đặng Thị Ngọc	Hà	26/10/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	17	7,38	70	Khá	40%	12.794.000	5.117.600	
4084	2038221191	Lý Nhật	Hào	04/01/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	8,13	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4085	2038222157	Dương Bình	Khuê	11/02/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	15	7,81	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4086	2038222389	Nguyễn Hoàng Ái	Linh	29/09/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,17	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
4087	2038222370	Nguyễn Thị Nguyệt	Linh	15/06/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,88	78	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4088	2038222378	Nguyễn Thị Thùy	Linh	11/08/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,98	153	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4089	2038222693	Trần Cẩm	My	25/06/2003	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	23	7,86	70	Khá	40%	17.174.000	6.869.600	
4090	2038222969	Lữ Ngọc Thanh	Ngân	22/05/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,93	78	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4091	2038223106	Kim Thủy	Ngọc	11/03/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,77	77	Khá	40%	13.660.000	5.464.000	
4092	2038223087	Ngô Thị Bích	Ngọc	09/08/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,37	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
4093	2038223271	Lê Hoàng	Nhật	14/03/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,28	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4094	2038223397	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	28/11/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	24	8,4	78	Khá	40%	18.068.000	7.227.200	
4095	2038223341	Trần Thị	Nhi	16/05/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,96	90	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4096	2038223429	Nguyễn Trương Thiên	Nhon	28/12/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,52	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4097	2038223775	Đoàn Ngọc Thanh	Phúc	04/06/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	20	8,02	90	Giỏi	60%	15.010.000	9.006.000	
4098	2038223902	Nguyễn Thị Bích	Phượng	09/12/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,31	74	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4099	2038224014	Vòng Kỳ Mỹ	Quyên	10/08/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	20	8,19	82	Giỏi	60%	15.120.000	9.072.000	
4100	2038224321	Nguyễn Thanh	Tân	10/12/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,09	78	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4101	2038224678	Trần Ngọc	Thanh	18/05/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,16	92	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
4102	2038225905	Đặng Quang	Vũ	11/07/2004	Lớp 13DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,2	70	Khá	40%	13.660.000	5.464.000	
4103	2038220186	Trần Lê Đức	Anh	16/03/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,04	78	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4104	2038220541	Nguyễn Thị Hà	Chi	28/02/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,41	72	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4105	2038220822	Nguyễn Thị Thùy	Dương	31/07/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	9,14	116	Xuất sắc	100%	12.548.000	12.548.000	
4106	2038221263	Nguyễn Ngọc	Hân	31/10/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	21	8,39	104	Giỏi	60%	16.150.000	9.690.000	
4107	2038221961	Nguyễn Hữu	Kha	28/01/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,01	76	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4108	2038221913	Lê Tuấn	Kiệt	04/04/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,32	76	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4109	2038221908	Trần Anh	Kiệt	01/01/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,99	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4110	2038222371	Huỳnh Thị Cẩm	Linh	04/10/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	21	8,28	86	Giỏi	60%	16.150.000	9.690.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4111	2038222313	Trần Gia	Linh	02/11/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,84	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4112	2038222517	Nguyễn Thị Hồng	Lưu	20/05/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,44	86	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
4113	2038222571	Huỳnh Thị Thanh	Mai	09/11/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,66	72	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4114	2038222612	Nguyễn Thị	Mến	10/08/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,78	76	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
4115	2038222617	Nguyễn Lương Trà	Mi	19/01/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,35	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4116	2038223099	Võ Bảo	Ngọc	01/02/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,12	82	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
4117	2038223257	Ngô Thành	Nhân	01/11/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	8,36	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4118	2038223380	Nguyễn Huỳnh Phương	Nhi	15/04/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,46	76	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4119	2038223531	Đỗ Phan Tường	Như	06/12/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	19	8,36	84	Giỏi	60%	14.690.000	8.814.000	
4120	2038223435	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18/08/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	7,44	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4121	2038223873	Lê Trần Thanh	Phương	28/02/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,81	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4122	2038224287	Phạm Thị	Tâm	10/08/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,37	72	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4123	2038224801	Phạm Thanh	Thảo	03/06/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,06	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
4124	2038224823	Tạ Thị Thanh	Thảo	21/10/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,91	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
4125	2038224885	Đỗ Thị Kim	Thi	28/04/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	17	7,49	72	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
4126	2038225194	Huỳnh Thị Anh	Thư	14/04/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	20	8,03	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
4127	2038225441	Trần Thị Ngọc	Trâm	12/06/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,36	72	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4128	2038225367	Ngô Sơn	Trang	11/10/2003	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,94	72	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
4129	2038225605	Đoàn Thị Diệu	Trinh	25/11/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	18	8,57	88	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
4130	2038224594	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	15/02/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,38	76	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
4131	2038226057	Lương Thị Diễm	Xuân	26/08/2004	Lớp 13DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	15	7,91	76	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4132	2028230006	Trương Quang	Anh	06/01/2005	Lớp 14DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,6	80	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
4133	2028231491	Nguyễn Phan Kim	Ngọc	11/10/2005	Lớp 14DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,28	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4134	2028231605	Nguyễn Hữu	Phước	10/04/2005	Lớp 14DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,81	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4135	2028231239	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	05/02/2005	Lớp 14DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,42	82	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
4136	2028230070	Hồ Thị Thanh	Thúy	07/06/2005	Lớp 14DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,28	82	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4137	2028230069	Phạm Thị Thanh	Thủy	02/01/2005	Lớp 14DHDD01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4138	2028230009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/03/2005	Lớp 14DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,96	85	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4139	2028231443	Phạm Thị Tuyết	Lan	17/11/2005	Lớp 14DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,2	86	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4140	2028231290	Nguyễn Thạch Tâm	Nhi	16/12/2005	Lớp 14DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,11	92	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
4141	2028231639	Nguyễn Trúc	Phương	30/09/2005	Lớp 14DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,25	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4142	2028231214	Phù Gia	Vinh	24/11/2005	Lớp 14DHDD02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,27	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4143	2034230016	Nguyễn Ngọc Minh	Chi	23/07/2005	Lớp 14DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,77	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4144	2034230017	Đào Thị Thanh	Chúc	10/01/2005	Lớp 14DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,66	88	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4145	2034230045	Phan Nhựt	Huy	20/11/2005	Lớp 14DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,34	96	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
4146	2034230116	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/07/2005	Lớp 14DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,08	98	Giỏi	60%	13.420.000	8.052.000	
4147	2034230097	Lê Anh	Tuấn	03/03/2005	Lớp 14DHNA01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,17	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4148	2034230023	Ngô Thị Thùy	Dương	20/02/2003	Lớp 14DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,79	76	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4149	2034230020	Phạm Thị Như	Duyên	20/06/2005	Lớp 14DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,41	82	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4150	2034231513	Nguyễn Đức	Nguyên	03/10/2003	Lớp 14DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,46	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4151	2034230094	Trần Minh	Toàn	18/03/2005	Lớp 14DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,64	81	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4152	2034231114	Nguyễn Mai	Trâm	18/02/2005	Lớp 14DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,14	70	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4153	2034230131	Cao Thị Trà	Uyên	24/11/2005	Lớp 14DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,84	89	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4154	2034230140	Võ Thị Kim	Yến	08/10/2005	Lớp 14DHNA02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,73	74	Khá	40%	13.420.000	5.368.000	
4155	2024230009	Cáp Thiên	Ân	22/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,16	105	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4156	2024230002	Vũ Đỗ Lan	Anh	13/02/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,49	110	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4157	2024230015	Trần Ngọc Bảo	Châu	22/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4158	2024230017	Nguyễn Huy	Chương	21/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,47	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4159	2024230035	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	12/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,7	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4160	2024230038	Nguyễn Đoàn Chí	Hải	05/04/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,56	129	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4161	2024230060	Võ Thị Thanh	Huyền	24/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,47	144	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4162	2024230072	Ngô Huỳnh Kim	Khánh	08/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,68	83	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4163	2024230075	Trần Thanh Diệu	Khoa	16/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,76	141	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4164	2024230088	Nguyễn Thủy	Lụa	17/02/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,57	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4165	2024230089	Đậu Thị Thảo	Ly	10/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,54	141	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4166	2024230091	Nguyễn Hiền	Mai	08/04/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,41	84	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4167	2024230097	Trần Trà	My	07/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,48	78	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4168	2024230108	Nguyễn Trần Bảo	Ngân	22/02/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,01	96	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4169	2024230130	Huỳnh Thanh	Nhi	12/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,2	86	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4170	2024230144	Đào Minh	Phúc	10/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,23	105	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4171	2024230157	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	21/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,59	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4172	2024230158	Thái Kim	Quyên	31/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,89	147	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4173	2024230164	Phạm Thành	Tài	22/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,26	135	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4174	2024230168	Trần Thị Mỹ	Tâm	14/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,05	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4175	2024230184	Tô Hồng	Thái	25/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,56	99	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4176	2024230186	Huỳnh Trang	Thanh	27/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,43	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4177	2024230191	Nguyễn Vũ Phương	Thảo	26/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,53	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4178	2024230211	Trương Thị Hoài	Thương	31/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,19	141	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4179	2024230172	Hồ Nguyễn Cẩm	Tiên	30/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,41	90	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4180	2024230173	Lê Thị Cẩm	Tiên	19/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	22	8,61	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4181	2024230170	Trương Ngọc Cẩm	Tiên	15/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,19	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4182	2024230224	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	24/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,14	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4183	2024230180	Trần Quốc	Tuấn	09/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,51	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4184	2024230233	Bùi Thị Tường	Vi	16/02/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,48	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4185	2024230236	Lê Công	Vinh	11/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,19	96	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4186	2024230242	Trần Mai Phương	Vy	18/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,75	116	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4187	2024230245	Trần Phạm Nhật	Vy	11/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,83	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4188	2024230252	Nguyễn Ngọc Thanh	Xuân	31/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH01	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,35	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4189	2024230005	Nguyễn Phương	Anh	26/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,18	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4190	2024230016	Phạm Thị Mỹ	Chi	13/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,08	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4191	2024230028	Ngô Thùy	Dương	07/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,74	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4192	2024230056	Huỳnh Lê Khánh	Huy	23/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,58	96	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4193	2024230057	Lê Võ Nhật	Huy	20/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,59	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4194	2024230058	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	10/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,24	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4195	2024230076	Nguyễn Anh	Khoa	12/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,52	90	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4196	2024230079	Nguyễn Thị Yến	Linh	28/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4197	2024230082	Trần Thị Thảo	Linh	17/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,58	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4198	2024230083	Tạ Thị Kim	Loan	10/04/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,58	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4199	2024230093	Nguyễn Thành	Minh	09/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,76	97	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4200	2024230094	Võ Nguyễn Ngọc	Minh	28/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,03	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4201	2024230105	Vũ Ngọc Kim	Ngân	24/04/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,82	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4202	2024230114	Trần Thị Mỹ	Ngọc	16/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,53	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4203	2024230133	Đặng Nguyễn Yến	Nhi	22/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,04	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4204	2024230142	Nguyễn Hoàng	Phi	12/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,54	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4205	2024230147	La Thiên	Phúc	24/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,4	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4206	2024230146	Phạm Trần Kim	Phúc	09/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,61	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4207	2024230156	Nguyễn Đức	Quý	10/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,51	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4208	2024230155	Nguyễn Duy	Quý	14/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,06	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4209	2024230162	Nguyễn Thái	Sang	23/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,01	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4210	2024230190	Huỳnh Đức	Thảo	23/04/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,81	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4211	2024230206	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	27/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,74	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4212	2024230200	Võ Trần Thanh	Thuận	27/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,93	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4213	2024230210	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	25/02/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,55	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4214	2024230207	Trương Thị Mai	Thương	27/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,21	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4215	2024230214	Võ Hoàng Khánh	Thy	25/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,57	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4216	2024230235	Ngô Hoàng	Việt	07/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,01	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4217	2024230243	Phan Thị Thảo	Vy	17/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,55	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4218	2024230011	Trần Gia	Bảo	05/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,64	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4219	2024230014	Nguyễn Huỳnh Thiên	Cư	09/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,05	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4220	2024230024	Lương Tiến	Dũng	24/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,43	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4221	2024230065	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	08/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,98	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4222	2024230069	Nguyễn Duy	Kha	20/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,93	103	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4223	2024230098	Châu Hải	My	18/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,86	94	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4224	2024230099	Nguyễn Trà	My	04/05/2004	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,37	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4225	2024230115	Phan Nguyễn Mỹ	Ngọc	27/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,76	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4226	2024230122	Thạch Thị Cánh	Nha	01/01/2004	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,61	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4227	2024230124	Trần Thiên	Nhạc	03/06/2003	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,22	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4228	2024230127	Thái Hồng	Nhật	29/07/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,27	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4229	2024230128	Danh Thị Yến	Nhi	25/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,2	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4230	2024230132	Đinh Nguyễn Yến	Nhi	12/07/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4231	2024230185	Hồ Thị Thanh	Thanh	16/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,81	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4232	2024230174	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	25/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,03	125	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4233	2024230218	Châu Ngọc Bảo	Trâm	06/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,59	113	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4234	2024230223	Đào Thị Mỹ	Trình	27/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,47	127	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4235	2024230244	Đinh Ngọc Tường	Vy	02/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,74	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4236	2024230248	Đỗ Huỳnh Ái	Vy	22/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,36	125	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4237	2024230025	Nguyễn Ngọc	Duyên	15/09/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,14	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4238	2024230046	Châu Ngọc	Hân	13/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,8	97	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4239	2024230045	Võ Ngọc	Hân	23/04/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,45	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4240	2024230041	Nguyễn Minh	Hào	03/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	18	7,99	92	Khá	40%	14.345.000	5.738.000	
4241	2024230047	Phạm Thị Ngọc	Hiền	03/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,85	141	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4242	2024230050	Lê Ngọc	Hiếu	26/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,48	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4243	2024230049	Nguyễn Ngọc	Hiếu	05/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,25	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4244	2024230052	Từ Thị Tuyết	Hoa	01/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,28	103	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4245	2024230059	Nguyễn Vũ Thanh	Huyền	01/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,38	111	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4246	2024230071	Bùi Việt	Khánh	05/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	141	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4247	2024230073	Phạm Gia	Khiêm	04/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,26	132	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4248	2024230067	Trần Mỹ Hoàng	Kim	16/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,74	86	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4249	2024230081	Phạm Ngọc	Linh	17/11/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,66	85	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4250	2024230085	Nguyễn Hoàng	Long	21/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	18	7,67	135	Khá	40%	14.345.000	5.738.000	
4251	2024230090	Bùi Thị Xuân	Mai	02/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,68	113	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4252	2024230092	Hồ Gia	Mân	06/07/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,26	156	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4253	2024230095	Nguyễn Hồng	My	01/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,63	85	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4254	2024230100	Trần Hưng	Nam	12/07/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	22	7,49	70	Khá	40%	17.485.000	6.994.000	
4255	2024230117	Nguyễn Ánh	Ngọc	08/04/2004	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,43	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4256	2024230141	Trần Tiến	Phát	11/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,79	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4257	2024230151	Mai Thị Thanh	Phượng	08/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,53	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4258	2024230192	Nguyễn Ngọc	Thắm	05/08/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,29	74	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4259	2024230189	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,11	80	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4260	2024230196	Khuru Trương Gia	Thoại	03/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,36	85	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4261	2024230199	Phan Thị Mộng	Thu	05/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,97	80	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4262	2024230203	Phạm Nguyễn Anh	Thư	02/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,14	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4263	2024230169	Lê Võ Quỳnh	Tiên	03/03/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,83	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4264	2024230171	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	01/04/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,85	98	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4265	2024230225	Võ Đoan	Trinh	03/06/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,39	91	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4266	2024230228	Phạm Văn	Trường	14/05/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	70	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4267	2024230230	Trần Lê	Uyên	04/02/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,18	108	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4268	2024230249	Đặng Nguyễn Thảo	Vy	06/10/2004	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	25	8,04	76	Khá	40%	10.420.000	4.168.000	
4269	2024230250	Nguyễn Ái	Vy	02/10/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,74	82	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4270	2024230255	Trần Như	Ý	01/01/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,27	76	Khá	40%	12.775.000	5.110.000	
4271	2024230256	Lê Hoàng Phương	Yên	03/12/2005	Lớp 14DHQTDVLH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,28	84	Giỏi	60%	12.775.000	7.665.000	
4272	2030230002	Hàn Viết	An	19/03/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,96	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4273	2030230012	Trương Thị Kiều	Ân	22/12/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4274	2030230016	Phạm Trọng	Bình	09/09/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,43	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4275	2030230019	Diệp Thị Hồng	Chinh	18/12/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,66	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4276	2030230046	Nguyễn Ngọc	Hân	17/11/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,79	107	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4277	2030230071	Bùi Đỗ Huỳnh	Hương	31/05/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4278	2030230075	Nguyễn Thị Kim	Hường	27/04/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,21	102	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4279	2030230069	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	16/09/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,19	93	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
4280	2030230087	Nguyễn Minh Anh	Khoa	24/02/2005	Lớp 14DHQTDVNH01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4281	2030230119	Nguyễn Lê Thảo	My	17/05/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4282	2030230121	Nguyễn Thị Thảo	My	28/01/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,31	71	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4283	2030230125	Trần Hoàng	Nam	11/03/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,35	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4284	2030230156	Trương Lâm Tuyết	Nhi	20/04/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,19	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4285	2030230184	Phạm Nguyễn Hà	Phương	30/07/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,3	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4286	2030230217	Trần Kiều	Thi	07/01/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,78	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4287	2030230220	Phạm Bá	Thịnh	15/10/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,54	123	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4288	2030230248	Nguyễn Nhật Bình	Trung	08/04/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,22	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4289	2030230206	Lê Quang	Tùng	30/04/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,36	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4290	2030230253	Trần Ngọc Thảo	Uyên	15/11/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4291	2030230263	Trịnh Tường	Vy	09/01/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,69	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4292	2030230266	Trương Nguyễn Khánh	Vy	07/03/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,91	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4293	2030230274	Huỳnh Thị Ngọc	Yến	09/01/2005	Lớp 14DHQTDVN01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,22	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4294	2030230022	Phạm Thị Thúy	Duy	29/10/2005	Lớp 14DHQTDVN02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,76	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4295	2030230038	Phạm Ngọc	Hà	13/07/2005	Lớp 14DHQTDVN02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	119	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4296	2030230049	Nguyễn Ngọc	Hân	08/08/2005	Lớp 14DHQTDVN02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,39	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4297	2030230097	Phan Thị Kim	Liên	07/04/2005	Lớp 14DHQTDVN02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,54	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4298	2030230114	Trương Đăng Huỳnh	Mai	18/12/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4299	2030230135	Nguyễn Thanh	Ngân	14/03/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,25	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4300	2030230149	Trần Thị Như	Ngọc	16/01/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,87	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4301	2030230160	Trần Ngọc	Nhi	10/09/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,54	131	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4302	2030230166	Nguyễn Thị Ngọc	Như	17/02/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,58	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4303	2030230185	Hoàng Thị Thanh	Phương	23/06/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,99	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4304	2030230186	Trần Thị Hồng	Phượng	25/04/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4305	2030230232	Phạm Ngọc Hoài	Thương	25/06/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,52	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4306	2030230223	Thái Ngọc	Thùy	10/11/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,14	101	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4307	2030230241	Nguyễn Ngọc Loan	Trình	17/08/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,29	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4308	2030230244	Nguyễn Thanh	Trúc	24/02/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,41	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4309	2030230249	Đỗ Quang	Trường	20/10/2005	Lớp 14DHQTDVNH02	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,28	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4310	2030230005	Phạm Thị Kim	Anh	09/07/2004	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,34	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4311	2030230027	Trần Bá Hà	Duyên	24/01/2003	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	22	8,15	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4312	2030230041	Bùi Thị Kim	Hà	16/07/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,03	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4313	2030230052	Bùi Thị Bích	Hậu	07/11/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,36	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4314	2030230099	Bùi Thảo	Linh	24/05/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,15	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4315	2030230120	Nguyễn Thủy Trà	My	28/12/2004	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,42	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4316	2030230141	Lê Minh	Nghĩa	24/02/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	8,15	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
4317	2030230158	Nguyễn Yến	Nhi	06/03/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,47	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4318	2030230169	Lâm Tâm	Như	18/10/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,74	107	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4319	2030230127	Lê Thị Hoài	Nương	20/04/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,68	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4320	2030230177	Nguyễn Hồng	Phúc	20/07/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,57	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4321	2030230181	Vũ Hoàng	Phúc	10/08/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,76	106	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4322	2030230191	Võ Như	Quỳnh	23/01/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,38	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4323	2030230231	Lê Thị Minh	Thư	17/07/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,81	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4324	2030230230	Trần Đình Anh	Thư	12/07/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,52	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4325	2030230233	Nguyễn Bảo Hoài	Thương	16/11/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,69	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4326	2030230225	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	25/03/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4327	2030230242	Nguyễn Thị Hồng	Trình	14/01/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,38	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4328	2030230245	Phạm Thanh	Trúc	26/05/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,4	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4329	2030230269	Lê Ngọc Như	Ý	05/10/2005	Lớp 14DHQTDVNH03	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,8	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4330	2030230033	Trịnh Ngọc	Đạt	28/01/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4331	2030230037	Nguyễn Lộc	Đức	31/03/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Ẩm thực	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4332	2030230023	Bùi Ngọc	Duy	03/02/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,36	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4333	2030230048	Ngô Hồng	Hân	31/07/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,7	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4334	2030230051	Đinh Thị Minh	Hậu	03/12/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4335	2030230079	Liu Chí	Kiệt	26/07/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,37	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4336	2030230101	Nguyễn Thảo	Linh	19/07/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,19	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4337	2030230113	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	03/03/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,21	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4338	2030230137	Nguyễn Kim	Ngân	28/03/2004	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4339	2030230154	Nguyễn Minh	Nhật	05/06/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,22	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4340	2030230165	Văn Lệ	Nhiên	20/09/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,27	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4341	2030230173	Nguyễn Minh	Pháp	08/05/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4342	2030230215	Khẩu Thị Hồng	Thắm	29/06/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,87	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4343	2030230247	Nguyễn Thành	Trung	03/09/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4344	2030230268	Nguyễn Thị Như	Ý	16/01/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,19	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4345	2030230271	Vô Thị Như	Ý	15/05/2005	Lớp 14DHQTDVNH04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,62	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
4346	2038230002	Bùi Nguyễn Thúy	An	01/01/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,29	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4347	2038230012	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/01/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,05	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4348	2038230018	Trần Mai	Anh	03/06/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,2	65	Khá	40%	11.850.000	4.740.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4349	2038230023	Nguyễn Ngọc Hải	Bân	23/11/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,94	100	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4350	2038230022	Lý Băng	Băng	08/03/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,68	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4351	2038230048	Nguyễn Duy	Đàm	22/02/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,46	80	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4352	2038230047	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/11/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,57	100	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4353	2038230045	Phạm Lam Hoài	Duyên	16/09/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,36	106	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4354	2038230071	Nguyễn Ngọc	Hảo	31/10/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,14	106	Giỏi	60%	12.990.000	7.794.000	
4355	2038230081	Võ Minh	Hiếu	11/05/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,29	86	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4356	2038230095	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/04/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,5	105	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4357	2038230094	Trần Thị Như	Huyền	15/01/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,17	116	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4358	2038230107	Phạm Phú	Khải	15/09/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	80	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4359	2038230117	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	22/07/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,64	80	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4360	2038230116	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/04/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,02	80	Giỏi	60%	12.990.000	7.794.000	
4361	2038230135	Đào Nguyễn Khánh	Mai	05/11/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4362	2038230142	Phùng Trà	My	06/03/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,13	76	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4363	2038230161	Trần Ất	Nghi	17/02/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,81	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4364	2038230167	Giáp Trung	Ngọc	10/11/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,08	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4365	2038230175	Mai Phúc	Nguyên	22/02/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,76	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4366	2038230177	Nguyễn Thanh	Nhã	07/08/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,7	96	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4367	2038230179	Lê Thành	Nhân	30/09/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,45	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4368	2038230200	Đình Lương Quỳnh	Như	16/11/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,96	86	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4369	2038230209	Phạm Hạnh	Phúc	10/01/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,21	126	Giỏi	60%	12.990.000	7.794.000	
4370	2038230210	Trần Trọng	Phúc	20/06/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,33	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4371	2038230211	Nguyễn Trần Mai	Phương	25/10/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,39	96	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4372	2038230225	Lê Thị	Quỳnh	21/10/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,78	105	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4373	2038230264	Nguyễn Phương	Thảo	26/08/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,95	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4374	2038230267	Phạm Thị Thanh	Thảo	08/03/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,16	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4375	2038230237	Lê Thị Mỹ	Tiên	15/05/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,65	80	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4376	2038230309	Phạm Thùy	Trang	31/05/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,12	92	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4377	2038230251	Trần Thị Mộng	Tuyền	15/01/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,67	86	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4378	2038230354	Nguyễn Nguyên Bảo	Xuyên	21/05/2005	Lớp 14DHQTKS01	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,95	141	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4379	2038230005	Phạm Lê Quốc	An	17/10/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,13	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4380	2038230016	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	10/12/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,84	150	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4381	2038230024	Huỳnh Thị Như	Bình	15/10/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,38	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4382	2038230075	Đoàn Gia	Hân	28/03/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,03	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4383	2038230076	Phương Ái	Hân	31/10/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,28	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4384	2038230079	Quách Ngọc Bảo	Hân	25/06/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,1	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4385	2038230083	Trần Ngọc	Hoàng	28/03/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,23	80	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4386	2038230091	Lâm Gia	Huy	26/07/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4387	2038230122	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	24/06/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,74	87	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4388	2038230156	Hoàng Thị Thu	Ngân	21/03/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,61	85	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4389	2038230153	Nguyễn Thị Thu	Ngân	24/04/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,58	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4390	2038230157	Võ Thị Thanh	Ngân	16/04/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,07	129	Giỏi	60%	12.990.000	7.794.000	
4391	2038230171	Mai Trần Như	Ngọc	24/04/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,41	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4392	2038230188	Lê Thảo Yến	Nhi	29/01/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,64	129	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4393	2038230184	Nguyễn Thị Yến	Nhi	15/02/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,07	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4394	2038230212	Nguyễn Yến	Phương	16/07/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,56	135	Khá	40%	12.990.500	5.196.200	
4395	2038230256	Đàm Thị	Thanh	09/12/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,15	88	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4396	2038230297	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	14/08/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,27	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4397	2038230303	Nguyễn Nữ Anh	Thư	26/07/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,48	83	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4398	2038230283	Nguyễn Minh	Thuận	21/02/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,47	80	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4399	2038230326	Đỗ Phương	Trúc	27/05/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4400	2038230244	Nguyễn Đoàn Cẩm	Tú	21/04/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,52	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4401	2038230331	Trương Tú	Vân	24/12/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4402	2038230333	Huỳnh Thị Tường	Vi	22/09/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,73	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4403	2038230351	Phan Hoàng Phương	Vy	05/12/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,67	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4404	2038230362	Lê Hoàng	Yến	02/11/2005	Lớp 14DHQTKS02	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,94	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4405	2038230007	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	29/09/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,61	76	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4406	2038230032	Vưu Nhã	Diệu	30/08/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,44	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4407	2038230077	Nguyễn Hoàng Mỹ	Hân	15/06/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,55	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4408	2038230086	Nguyễn Huy	Hoàng	02/01/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,29	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4409	2038230085	Phan	Hoàng	26/04/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,51	96	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4410	2038230099	Trần Quốc	Hưng	01/07/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,46	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4411	2038230105	Lương Gia	Kiến	02/08/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,98	86	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4412	2038230115	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	29/08/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,16	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4413	2038230119	Phạm Thị Kim	Linh	12/03/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,98	94	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4414	2038230121	Trần Quang Nhật	Linh	07/02/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,18	88	Giỏi	60%	12.990.000	7.794.000	
4415	2038230123	Lý Thị Kiều	Loan	06/03/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,61	82	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4416	2038230128	Võ Trần Thanh	Lợi	27/06/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,46	76	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4417	2038230139	Trần Thị Hồng	Minh	15/04/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,08	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4418	2038230169	Nguyễn Bảo	Ngọc	27/09/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,9	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4419	2038230203	Ma Thế	Phát	14/08/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,07	87	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4420	2038230280	Đặng Hoàng Thiên	Thơ	21/03/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,79	76	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4421	2038230301	Phan Thị Ngọc	Thư	25/06/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,21	76	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4422	2038230286	Phạm Ngọc Bích	Thùy	23/12/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,52	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4423	2038230348	Nguyễn Phạm Thanh	Vy	29/10/2005	Lớp 14DHQTKS03	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,24	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4424	2038230031	Phạm Thị Tổng	Diễm	26/09/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,74	110	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4425	2038230057	Nguyễn Minh	Đức	08/12/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,11	83	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4426	2038230074	Lê Thị Ngọc	Hân	02/10/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	8,03	90	Giỏi	60%	12.990.000	7.794.000	
4427	2038230072	Trần Thị Thúy	Hằng	01/11/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,48	86	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4428	2038230088	Đỗ Minh	Huân	30/08/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,32	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4429	2038230097	Nguyễn Thị	Huyền	01/09/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,72	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4430	2038230108	Lê Thái	Khang	24/03/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,38	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4431	2038230118	Hoàng Nguyễn Diệu	Linh	16/02/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,81	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4432	2038230126	Trần Thị Mỹ	Lộc	19/08/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,11	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4433	2038230124	Nguyễn Văn	Long	25/02/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,63	135	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4434	2038230158	Lâm Thị Diễm	Ngân	19/01/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,54	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4435	2038230151	Lý Thị Thanh	Ngân	14/05/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,6	82	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4436	2038230198	Đoàn Thị	Như	22/05/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,66	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4437	2038230193	Lê Hải	Như	08/11/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4438	2038230201	Trương Thị Hoàng	Oanh	04/02/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,48	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4439	2038230206	Dương Gia	Phú	19/06/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,21	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4440	2038230278	Hồ Thị Kim	Thoa	09/01/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,34	76	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4441	2038230307	Bùi Ngọc Bảo	Thy	27/07/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,18	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4442	2038230316	Phạm Hoàng Quế	Trần	25/10/2005	Lớp 14DHQTKS04	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,34	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4443	2038230004	Đào Thị	An	30/10/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,2	76	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4444	2038230030	Nguyễn Kim	Chi	26/02/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,41	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4445	2038230058	Phạm Văn	Đức	20/11/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,07	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4446	2038230061	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	27/08/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,21	84	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4447	2038230087	Văn Thị Ánh	Hồng	06/09/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,39	96	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4448	2038230100	Lâm Quỳnh	Hương	17/08/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,68	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4449	2038230127	Trần Hồng	Lộc	08/04/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,73	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4450	2038230224	Đào Thanh	Quỳnh	01/03/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,49	94	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4451	2038230228	Đỗ Như	Quỳnh	19/04/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,87	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4452	2038230258	Giang Khánh	Thành	05/04/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,64	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4453	2038230277	Hà Gia	Thịnh	04/10/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,7	96	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4454	2038230279	Phan Huy	Thống	06/10/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,42	134	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4455	2038230305	Ngô Nguyễn Anh	Thư	06/08/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,39	74	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4456	2038230285	Nguyễn Hiền	Thục	08/11/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,89	94	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4457	2038230313	Đặng Thị Bích	Trâm	02/02/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,38	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4458	2038230315	Nguyễn Thanh	Trâm	04/12/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,64	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4459	2038230319	Huỳnh Bảo	Trân	06/05/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,17	70	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4460	2038230324	Cao Thị Quế	Trình	08/03/2005	Lớp 14DHQTKS05	Khoa Du lịch và Âm thực	16	7,99	90	Khá	40%	12.990.000	5.196.000	
4461	2029200041	NGUYỄN GIA	HÂN	17/05/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,72	86	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4462	2029200114	DƯƠNG THANH	HÀNG	28/10/2000	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,98	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4463	2029200200	NGUYỄN GIA	KHANH	30/07/1999	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	13	7,01	70	Khá	40%	8.655.000	3.462.000	
4464	2029200248	HUỲNH TRÚC	LINH	15/07/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4465	2029200090	TRỊNH THỊ NGỌC	LINH	06/08/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,78	80	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4466	2029200245	LÊ HOÀNG	LONG	16/09/2000	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	13	7,29	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4467	2029200126	HUỲNH THỊ NGỌC	MY	28/05/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,68	70	Khá	40%	6.305.000	2.522.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4468	2029200198	HUỖNH YẾN	MY	21/07/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4469	2029200023	NGUYỄN TRẦN THẢO	NGÂN	22/02/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	8,5	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4470	2029200104	PHAN THỊ PHƯƠNG	NGÂN	29/09/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	8,58	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4471	2029200116	TRẦN MINH	NGHĨA	30/07/1994	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,94	86	Khá	40%	4.095.000	1.638.000	
4472	2029200054	TRƯỜNG LÊ Ý	NHI	27/02/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4473	2029200121	HUỖNH THIÊN	PHÚC	02/02/2001	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4474	2029200146	DƯƠNG THỊ ANH	THU	10/01/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4475	2029200122	NGÔ HOÀI	THU	09/04/2001	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,8	82	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4476	2029200022	PHẠM THỊ CẨM	TIÊN	20/09/2000	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,24	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4477	2029205104	NGUYỄN HUỖNH MỸ	TRANG	20/12/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	65	Khá	40%		0	
4478	2029205070	PHẠM THỊ THU	TRINH	26/03/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4479	2029200246	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	20/09/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,7	90	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4480	2029200051	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	13/12/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	15	7,21	70	Khá	40%	9.814.000	3.925.600	
4481	2029205128	ĐỖ THỊ THANH	VÂN	19/03/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	13	7,9	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4482	2029205101	NGUYỄN HOÀNG TUÔNG	VY	22/08/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	13	7,41	65	Khá	40%	4.506.000	1.802.400	
4483	2029200156	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	21/06/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	8,26	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4484	2029200210	NGUYỄN THUÝ	VY	19/08/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,56	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4485	2029205113	ĐỖ ÁNH THANH	XUÂN	04/02/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,04	65	Khá	40%		0	
4486	2029200125	NGUYỄN THỊ ÁI	XUÂN	26/02/2002	Lớp 11DHAV1	Khoa Ngoại ngữ	10	7,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4487	2029200386	TRƯƠNG ĐÌNH	ÂN	20/12/2001	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4488	2029200323	VŨ THỊ MAI	CHI	16/01/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4489	2029200077	PHAN HỒ HUY	ĐẠT	19/06/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4490	2029200169	TSẦN SÙNG	DẬU	22/10/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4491	2029200134	NGUYỄN MỸ	DUYÊN	14/09/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	13	8,08	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4492	2029200309	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	23/10/2001	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4493	2029200397	VÕ THỊ THU	HẠ	16/05/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4494	2029200170	LÊ THÁI NGỌC	HIỀN	26/12/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4495	2029200157	TRẦN NHỰT	HUY	25/05/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4496	2029200176	VÕ PHI TẤN	KHANG	07/04/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4497	2029200307	UNG THỊ THÚY	KIỀU	01/03/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4498	2029200097	NGUYỄN THỊ	LỆ	24/11/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	13	7,15	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4499	2029200106	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	10/06/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,94	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4500	2029200118	NGUYỄN THÙY	NGÂN	01/07/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,92	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4501	2029200052	ĐỖ TRUNG	PHONG	05/03/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,3	103	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4502	2029200350	ĐOÀN QUANG	THANH	19/01/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4503	2029205002	TRỊNH MINH	THIỆN	10/11/1999	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	13	7,51	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4504	2029200105	TRẦN THỊ NGỌC	THUẬN	22/06/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,56	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4505	2029200400	TRẦN THỊ THU	THUỖN G	17/01/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4506	2029205038	LÊ THỊ CẨM	TIỀN	12/08/2000	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	12	7,05	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
4507	2029200403	NGUYỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	07/08/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	12	7,25	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
4508	2029200137	CAO NGỌC PHƯƠNG	TRANG	09/04/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,12	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4509	2029200321	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	21/09/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4510	2029200365	CHÂU THỊ THANH	TRÚC	06/11/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4511	2029200387	PHAN TRÍ	TÙNG	28/10/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,92	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4512	2029200069	TRƯƠNG PHẠM HOÀNG KHÁNH	VI	25/11/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	17	7,35	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4513	2029200151	ĐỖ PHAN TƯỜNG	VY	26/03/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.090	2.520.036	
4514	2029200066	VÕ THỊ	YẾN	31/01/2002	Lớp 11DHAV2	Khoa Ngoại ngữ	10	8,02	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4515	2029202003	NGUYỄN THI	ÂN	28/09/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4516	2029200388	LÊ TRẦN KIM	ANH	01/10/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	13	7,62	70	Khá	40%	8.490.000	3.396.000	
4517	2029200425	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	02/07/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,62	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4518	2029200398	TRẦN NGUYỄN THIÊN	DUYÊN	28/08/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,48	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4519	2029200342	ĐẶNG LÝ NGỌC	HÂN	22/04/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	8,48	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4520	2029200243	NGẠC THỊ MỸ	HẠNH	16/11/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	13	7,2	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4521	2029202058	ĐỖ THỊ THU	HIỀN	26/06/1999	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	12	7,82	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
4522	2029200075	LƯƠNG LONG	HỒ	08/05/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,6	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4523	2029200362	MAI THỊ HỒNG	HOA	28/10/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,22	65	Khá	40%	210.000	84.000	
4524	2029200231	TRẦN DOÃN MINH	KHANG	29/11/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4525	2029200236	TRẦN THỊ TÂN	KHOA	13/02/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,68	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4526	2029200434	NGUYỄN VĂN QUANG	LINH	10/10/1998	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,14	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4527	2029200354	NGUYỄN DIỄM	MY	24/06/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4528	2029200065	TRẦN THỊ DIỄM	MY	29/03/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4529	2029200164	NGUYỄN HOÀNG	NHÂN	23/10/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4530	2029200172	HUỲNH BỬU	NHI	29/11/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7	82	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4531	2029200385	LÊ UYÊN	PHUỒN G	26/12/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	15	7,77	70	Khá	40%	10.360.000	4.144.000	
4532	2029205044	NGUYỄN THỊ THANH	PHUỒN G	08/10/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,56	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4533	2029203024	TRẦN MINH	QUÂN	20/11/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4534	2029200207	ĐỖ THỊ NGỌC	QUYÊN	26/01/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4535	2029200192	HUỲNH THỊ THÚY	QUỲNH	28/06/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,82	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4536	2029205039	NGUYỄN THỊ ÁI	SÂM	18/03/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,48	65	Khá	40%		0	
4537	2029200392	NGUYỄN NGỌC CÔNG	THÀNH	21/04/2001	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4538	2029205065	PHẠM VĂN	THÀNH	24/08/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	13	7,32	73	Khá	40%	4.506.000	1.802.400	
4539	2029200080	NGUYỄN PHƯỚC ANH	THUẬT	24/04/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	8,88	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4540	2029200426	NGUYỄN THỊ THÚY	TIỀN	02/07/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,74	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4541	2029200230	CHÂU NGỌC TUYẾT	TRÂM	24/04/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,82	70	Khá	40%	6.310.000	2.524.000	
4542	2029200417	TRƯƠNG HUỖNH	TRÂM	23/03/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,68	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4543	2029200436	VŨ ĐỨC	TUẤN	10/07/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	7,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4544	2029200421	LÊ THỊ TRƯỜNG	VI	19/08/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	13	7,38	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4545	2029200378	TRẦN QUỐC	VIỆT	17/03/2002	Lớp 11DHAV3	Khoa Ngoại ngữ	10	8,54	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4546	2029202007	ĐỖ LAN	ANH	05/11/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	8,16	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4547	2029203012	MAI BẢO	CHI	20/06/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4548	2029202044	LÊ THU	HÀ	04/07/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4549	2029202070	TRẦN LÊ THANH	HUYỀN	14/06/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4550	2029202078	NGUYỄN SƠN BẢO	KHOA	13/11/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4551	2029202079	VƯƠNG QUỐC	LẬP	03/07/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4552	2029200514	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/11/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4553	2029200510	LƯƠNG ANH	MINH	14/10/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	8,66	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4554	2029202094	PHAN LÊ NHẬT	MY	12/04/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4555	2029202109	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	19/11/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4556	2029205067	HỒ THỊ YẾN	NHI	19/06/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4557	2029202130	LÊ THẢO	NHI	18/01/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,6	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4558	2029205021	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	30/10/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	13	8,75	90	Giỏi	60%	8.286.000	4.971.600	
4559	2029205031	LÊ TÂM	NHU	24/01/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	13	7,08	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4560	2029202150	PHẠM THIÊN	PHÚ	22/01/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	13	7,79	70	Khá	40%	8.490.000	3.396.000	
4561	2029200332	NGUYỄN THỊ	THẢO	15/07/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,72	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4562	2029203028	CAO THỊ NGỌC	TRÂM	09/11/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	15	7,48	70	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
4563	2029203058	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	11/04/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	22	7,38	70	Khá	40%	14.380.000	5.752.000	
4564	2029200334	ĐỖ THỊ BẢO	TRANG	15/10/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4565	2029200358	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRINH	09/11/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,24	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4566	2029202218	NGUYỄN THANH	TRÚC	24/12/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,5	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4567	2029202227	TRẦN THỊ THANH	TUYẾT	11/02/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,08	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4568	2029200315	LÊ TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	04/10/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	7,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4569	2029202233	VÕ THỊ TƯỜNG	VY	22/11/2002	Lớp 11DHAV4	Khoa Ngoại ngữ	10	8,12	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4570	2029202018	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	04/10/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	8,32	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4571	2029202017	VŨ NGỌC	ÁNH	17/04/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4572	2029202042	HUỶNH NGỌC CẨM	GIANG	19/07/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	12	7,03	70	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
4573	2029202054	VÔ THỊ MỸ	HẢO	09/05/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,04	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4574	2029200063	PHẠM NGUYỄN QUANG	HÓA	10/06/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4575	2029202111	VÔ MẠNH LAN	NGHI	10/09/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4576	2029204747	HUỶNH LÊ TRUNG	NHÂN	06/03/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,58	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4577	2029202131	TRÁC TIÊU	NHI	14/02/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,96	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4578	2029204111	TRẦN THỊ TUYẾT	NHI	15/10/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	12	7,48	76	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
4579	2029202132	TRẦN HÀ QUỲNH	NHƯ	01/06/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4580	2029202175	NGUYỄN THÁI	THÀNH	12/11/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	13	7,95	77	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4581	2029202180	TRẦN NGUYỄN THANH	THẢO	30/06/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4582	2029200561	NGÔ THỊ YẾN	TRÂM	24/08/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,48	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4583	2029202212	TRẦN HOÀNG MINH	TRÍ	13/07/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	13	7,68	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4584	2029204108	LÊ ĐỖ PHƯƠNG	TRINH	06/02/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	8,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4585	2029202234	NGUYỄN THANH	VY	05/06/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4586	2029202240	HUỶNH NHƯ	Ý	03/03/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	15	7,79	76	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4587	2029202243	VÔ THỊ NGỌC	YẾN	07/06/2002	Lớp 11DHAV5	Khoa Ngoại ngữ	10	7,08	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4588	2029202002	TRẦN ĐỨC	AN	03/11/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4589	2029202023	HUỲNH THỊ NGỌC	BÍCH	14/10/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,66	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4590	2029202038	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG	03/06/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4591	2029202041	NGUYỄN THỊ	ÉN	25/12/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,88	77	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4592	2029202048	TRẦN KIỀU	HÂN	09/11/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4593	2029203009	NGUYỄN TRẦN ĐỨC	HUY	03/04/2000	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4594	2029205061	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	16/02/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	13	7,88	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4595	2029205106	DƯƠNG THIÊN	LẠC	08/05/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	13	7,91	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4596	2029200197	KIM NGỌC PHƯƠNG	LINH	13/11/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,22	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4597	2029205105	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	10/09/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	13	7,15	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4598	2029202084	TRẦN THỊ NHÃ	LINH	04/12/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	15	7,43	70	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
4599	2029205040	NGUYỄN QUỐC	LUÂN	17/10/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	8,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4600	2029202098	TRỊNH TY	NA	04/12/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	15	7,41	70	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
4601	2029202114	VƯƠNG ĐẠI	NGHĨA	05/09/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,36	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4602	2029203034	ĐẶNG THỊ ÁNH	NGỌC	18/06/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,48	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4603	2029202119	TRẦN VÔ MỸ	NGỌC	24/01/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4604	2029205009	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	05/03/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,42	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4605	2029202129	NGUYỄN YẾN	NHI	29/08/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,94	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4606	2029202143	NGUYỄN HOÀI	NHỤT	14/09/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	8,38	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4607	2029202166	NGUYỄN ĐÌNH	SANG	16/06/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	14	7,17	70	Khá	40%	9.870.000	3.948.000	
4608	2029203004	LÊ THỊ YẾN	THI	03/06/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,9	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4609	2029200381	NGUYỄN THỊ MINH	THUẬN	23/02/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,62	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4610	2029202193	LÊ HOÀI	THUỖN G	23/08/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,88	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4611	2029202207	HUỖNH LÊ BẢO	TRÂM	12/08/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,68	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4612	2029202228	DIỆP HẠ THU	UYÊN	27/08/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4613	2029202237	LƯU THÁI KIM	VY	18/01/2002	Lớp 11DHAV6	Khoa Ngoại ngữ	10	7,64	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4614	2029203001	VŨ NGỌC	ANH	16/11/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4615	2029202021	CHÂU VŨ	BẢO	10/04/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,14	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4616	2029202026	LƯƠNG THỊ NGỌC	CHÂU	09/09/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,28	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4617	2029205111	NGUYỄN BẠCH THUỶ	DƯƠNG	25/05/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	13	7,55	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4618	2029205088	NGUYỄN LÂM MAI	DUY	28/11/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,2	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4619	2029204733	PHẠM THỊ THU	HÀ	13/01/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,44	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4620	2029202050	NGUYỄN THỊ	HÀNG	10/08/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	8,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4621	2029200336	VÔ THỊ THÚY	HUYỀN	31/08/2001	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,92	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4622	2029204309	NGUYỄN PHƯƠNG	LAM	20/11/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	8,4	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4623	2029204005	NGUYỄN THỊ	LY	01/03/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,76	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4624	2029203054	HOÀNG CHÂU	NHẬT	26/04/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	8,64	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4625	2029200382	ĐUỠNG TÂM	NHU	30/04/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,86	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4626	2029202145	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	20/11/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,92	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4627	2029202149	TRƯƠNG MINH	PHÚ	09/03/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4628	2029202151	NGUYỄN TRẦN NGỌC	PHỤNG	01/07/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	8,48	82	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
4629	2029200405	HOÀNG NGUYỄN DIỄM	QUỲNH	01/11/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4630	2029203048	TRẦN THỊ THANH	THẢO	16/07/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,28	70	Khá	40%	6.301.780	2.520.712	
4631	2029203010	NGUYỄN TRẦN ANH	THU	27/09/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,16	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4632	2029202192	TRẦN THỊ	THUẬN	09/12/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4633	2029202201	NGUYỄN THỊ DIỄM	TIỀN	03/10/2002	Lớp 11DHAV7	Khoa Ngoại ngữ	10	7,34	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4634	2029205047	LÂM HOÀNG KỶ	ANH	07/10/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4635	2029202005	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	25/04/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4636	2029205099	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	07/12/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	8,02	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4637	2029205107	ĐÀO THỊ KIM	CƯỜNG	24/07/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	8,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4638	2029205048	TRẦN HUỖNH KIM	CUÔNG	15/05/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,94	75	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4639	2029205098	NGUYỄN THỊ	DIỄM	14/08/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	12	7,58	74	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
4640	2029205046	VÕ THÚY	DIỄM	21/05/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	16	7,69	70	Khá	40%	10.272.000	4.108.800	
4641	2029205024	NGÔ KIM	DIỆU	07/12/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,84	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4642	2029205076	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	09/05/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	17	7,08	70	Khá	40%	11.480.000	4.592.000	
4643	2029203036	NGUYỄN ANH	KHOA	13/11/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	13	7,91	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4644	2029205100	VŨ MINH	KIỆT	25/05/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	13	7,59	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4645	2029205001	NGUYỄN LÊ	MINH	27/03/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	12	7,95	70	Khá	40%	7.760.000	3.104.000	
4646	2029202103	TRẦN THỊ	NGA	01/08/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	19	7,07	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4647	2029205029	NGUYỄN KHÁNH BỘI	NGỌC	05/12/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4648	2029202118	NGUYỄN THỊ THANH	NGỌC	23/05/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4649	2029205025	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	29/08/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4650	2029203005	DƯƠNG THẢO	NGUYỄN	20/12/2001	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	17	8,01	70	Khá	40%	11.480.000	4.592.000	
4651	2029200088	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	29/08/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	17	7,16	70	Khá	40%	10.934.000	4.373.600	
4652	2029202153	NGUYỄN THỊ THANH	PHUÔNG	14/09/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	86	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4653	2029205082	CHÂU THỊ LAN	QUYÊN	16/10/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	12	7,77	74	Khá	40%	7.624.000	3.049.600	
4654	2029205095	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	25/01/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,18	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4655	2029205140	NGUYỄN THỊ	SEN	11/09/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,48	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4656	2029205004	NGÔ MINH	TÂM	29/11/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	9,06	153	Xuất sắc	100%	6.300.000	6.300.000	
4657	2029202171	NGUYỄN MINH	TẤN	10/11/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	8,8	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4658	2029205015	LÊ MỘNG	THƠ	10/11/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,9	82	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4659	2029205126	ĐẶNG THỊ QUANG	TIẾN	30/11/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	8,06	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4660	2029205093	NGUYỄN HOÀNG MAI	UYÊN	21/10/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,46	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4661	2029203052	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	16/10/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,82	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4662	2029205027	NGUYỄN PHI	VŨ	26/09/2002	Lớp 11DHAV8	Khoa Ngoại ngữ	10	7,54	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4663	2029205035	TRẦN NGỌC KIM	CHI	01/03/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	16	8,36	70	Khá	40%	10.272.000	4.108.800	
4664	2029205006	HUỖNH PHAN THÙY	DƯƠNG	05/12/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,52	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4665	2029205103	HUỖNH THỊ CẨM	GIANG	06/01/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,6	76	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4666	2029205121	VÕ THỊ XUÂN	HOÀNG	20/01/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	15	8,36	76	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
4667	2029205003	ĐẶNG THỊ VÂN	KHÁNH	11/05/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,7	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4668	2029205087	NGUYỄN KIM	KHOA	21/10/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,62	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4669	2029204707	DƯƠNG TUẤN	KIỆT	24/09/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,62	90	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
4670	2029205054	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	30/07/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,78	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4671	2029205051	PHAN THỊ THANH	NGÂN	14/10/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	9,16	90	Xuất sắc	100%	6.300.000	6.300.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4672	2029205079	NGUYỄN DUY TÚ	NGHI	07/12/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	13	7,3	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4673	2029205036	HỒ HOÀNG ĐOAN	NGUYỄN	03/12/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	19	7,65	70	Khá	40%	12.258.000	4.903.200	
4674	2029205132	NGUYỄN ĐỒNG	NHI	29/03/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	15	7,85	76	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
4675	2029205077	TRẦN THỊ HUỲNH	NHI	18/03/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	13	7,15	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4676	2029205030	LÂM THỊ MỸ	NHUNG	30/01/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	13	7,79	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4677	2029205136	TÔNG MINH	QUÂN	17/11/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	17	7,7	70	Khá	40%	13.361.000	5.344.400	
4678	2029205058	TẠ HỒ	QUYỀN	10/09/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	13	8,42	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4679	2029205032	LÊ THANH	SƠN	11/05/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,9	90	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
4680	2029205086	PHẠM LÊ PHƯƠNG	THẢO	05/04/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	16	7,96	70	Khá	40%	10.272.000	4.108.800	
4681	2029205033	NGUYỄN QUỐC	THIỆN	22/11/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,48	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4682	2029205020	LƯƠNG THỊ ANH	THƯ	25/09/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,12	90	Giỏi	60%	6.300.000	3.780.000	
4683	2029205062	NGUYỄN HỒNG	THƯ	27/09/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	16	7,15	70	Khá	40%	10.272.000	4.108.800	
4684	2029205026	CAO NGỌC BẢO	TRẦN	16/12/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,3	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4685	2029205018	NGUYỄN BẢO	TRẦN	03/09/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,58	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4686	2029205049	VÕ THỊ HUYỀN	TRẦN	11/12/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,64	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4687	2029205073	NGÔ THỊ THU	TRANG	15/11/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,8	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4688	2029205064	TRÌNH THỊ THU	TRANG	14/07/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,1	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4689	2029205063	LÊ THỊ THANH	TRÚC	19/03/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	13	7,36	70	Khá	40%	8.286.000	3.314.400	
4690	2029205060	PHẠM TẤN	TRUNG	16/11/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,14	74	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4691	2029205084	NGUYỄN NGỌC CẨM	TÚ	08/12/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	15	7,87	70	Khá	40%	9.610.000	3.844.000	
4692	2029205053	HỒ NGUYỄN TUỜNG	VI	10/04/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,08	70	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4693	2029205129	TRƯƠNG THẢO	VI	08/05/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,52	90	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4694	2029205112	HOÀNG VÕ NHÃ	VY	21/08/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	7,96	78	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
4695	2029205005	TRẦN NHẬT	VY	08/08/2002	Lớp 11DHAV9	Khoa Ngoại ngữ	10	8,04	70	Khá	40%	6.300.200	2.520.080	
4696	2039205212	HUỲNH THỊ	NHUNG	29/09/2002	Lớp 11DHTQ1	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	76	Khá	40%	11.474.000	4.589.600	
4697	2039200231	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	12/07/2002	Lớp 11DHTQ1	Khoa Ngoại ngữ	13	7,59	70	Khá	40%	9.105.000	3.642.000	
4698	2039202057	HUỲNH THỊ BÍCH	NGỌC	14/08/2001	Lớp 11DHTQ3	Khoa Ngoại ngữ	14	7,21	70	Khá	40%	8.948.000	3.579.200	
4699	2039200074	TIÊU ÁI	THANH	20/07/2002	Lớp 11DHTQ3	Khoa Ngoại ngữ	13	7,75	89	Khá	40%	8.474.000	3.389.600	
4700	2039202113	NGUYỄN THỊ	THÚY	04/01/2002	Lớp 11DHTQ3	Khoa Ngoại ngữ	15	7,87	92	Khá	40%	10.630.000	4.252.000	
4701	2039202027	NGUYỄN TẤN	HÙNG	09/10/1999	Lớp 11DHTQ4	Khoa Ngoại ngữ	13	7,69	70	Khá	40%	8.474.000	3.389.600	
4702	2039202039	VÕ THỊ YẾN	LINH	31/01/2002	Lớp 11DHTQ4	Khoa Ngoại ngữ	13	7,14	70	Khá	40%	8.190.000	3.276.000	
4703	2039200079	CHU THU	PHUỒN G	01/07/2002	Lớp 11DHTQ4	Khoa Ngoại ngữ	13	9,08	70	Khá	40%	8.474.000	3.389.600	
4704	2039202076	DƯƠNG HUỲNH	PHUỒN G	14/07/2002	Lớp 11DHTQ4	Khoa Ngoại ngữ	13	7	70	Khá	40%	8.474.000	3.389.600	
4705	2039202096	HUỲNH VÕ PHƯƠNG	THẢO	22/10/2002	Lớp 11DHTQ5	Khoa Ngoại ngữ	13	9,24	83	Giỏi	60%	8.474.000	5.084.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4706	2039205146	LẠI NGỌC HUYỀN	TRÂM	02/09/2002	Lớp 11DHTQ6	Khoa Ngoại ngữ	16	8,29	70	Khá	40%	10.272.000	4.108.800	
4707	2029210220	Châu Kiên	An	30/06/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,88	70	Khá	40%	12.580.000	5.032.000	
4708	2029210194	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	13/07/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,63	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4709	2029210310	Đoàn Thị Gia	Hân	16/08/2002	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	8,6	86	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4710	2029210464	Lý Bảo	Long	08/08/2002	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	8,06	78	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4711	2029210569	Nguyễn Võ Ngọc	Mai	11/07/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	21	7,49	104	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4712	2029210082	Võ Hồng	Ngọc	25/08/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,14	70	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4713	2029210139	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Nhi	11/10/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,04	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4714	2029210514	Lê Thái	Thái	01/12/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	18	7,54	70	Khá	40%	11.916.000	4.766.400	
4715	2029210475	Trương Thanh	Thảo	08/05/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,56	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4716	2029210190	Dương Lý	Toàn	12/11/2002	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,69	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4717	2029210405	Võ Minh	Trường	12/04/2003	Lớp 12DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	21	7,24	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4718	2029210530	Vũ Nguyễn Mạnh	Cường	23/04/2002	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,3	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4719	2029210713	Lê Võ Kim	Hằng	26/09/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	21	7,1	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4720	2029210143	Lương Tấn	Hào	17/06/2000	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,29	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4721	2029210219	Võ Thị Thu	Hiền	18/06/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	7,32	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4722	2029210023	Võ Quang	Huy	02/04/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	7,23	74	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4723	2029210320	Nguyễn Thị Lưu	Huyền	12/03/2001	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,85	126	Giỏi	60%	11.254.000	6.752.400	
4724	2029210443	Hồ Nguyễn Mạnh	Kiên	26/03/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	7,65	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4725	2029210465	Trần Tuấn	Kiệt	16/12/2002	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	7,31	76	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4726	2029210090	Nguyễn Khắc Minh	Nhân	24/05/2000	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	7,09	70	Khá	40%	12.986.000	5.194.400	
4727	2029210457	Trương Ngọc	Nhi	31/08/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	8,07	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4728	2029212910	Mai Lê Hồng	Nhung	29/10/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	38	8,02	118	Giỏi	60%	14.394.000	8.636.400	
4729	2029210437	Đặng Minh	Quân	26/04/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	8,08	76	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4730	2029210329	Võ Huỳnh Phương	Thảo	18/04/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	7,79	76	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4731	2029210517	Nguyễn Minh	Thư	19/06/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	8,06	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4732	2029210048	Phạm Thị Diễm	Thúy	26/12/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,06	76	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4733	2029210433	Võ Minh	Triết	01/08/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	7,96	76	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4734	2029210723	Trương Hải	Yến	30/08/2003	Lớp 12DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	19	7,45	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4735	2029210388	Lê Huỳnh Thúy	An	29/09/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,33	102	Giỏi	60%	13.902.000	8.341.200	
4736	2029212524	Lương Tổ	Châu	27/10/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,69	91	Giỏi	60%	13.902.000	8.341.200	
4737	2029210716	Nguyễn Phạm Hoàng	Dung	18/08/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,15	122	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4738	2029211804	Lê Phương	Duy	20/09/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,38	90	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4739	2029210228	Lương Ngọc	Hoa	24/05/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	17	7,21	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4740	2029210247	Huỳnh	Mai	25/05/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,1	88	Giỏi	60%	13.902.000	8.341.200	
4741	2029210164	Vũ Thị	My	16/09/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	19	7,72	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4742	2029210016	Nguyễn Hoài	Nam	23/08/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,08	76	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4743	2029210171	Lê Huỳnh Bảo	Ngọc	30/09/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	19	7,23	70	Khá	40%	13.124.000	5.249.600	
4744	2029210319	Lê Hồng	Phúc	30/12/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	18	7,84	74	Khá	40%	11.916.000	4.766.400	
4745	2029212749	Lê Cao	Sang	20/07/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	21	8	74	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4746	2029210026	Lý Anh	Thư	20/09/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,29	75	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4747	2029210158	Lê Ngọc Lam	Tuyền	24/11/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	21	7,68	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4748	2029210707	Trương Thị Minh	Yến	11/08/2003	Lớp 12DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	19	7,49	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4749	2029210395	Đặng Duy	Anh	26/11/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	7,66	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4750	2029212507	Dương Quốc	Anh	30/05/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	7,76	84	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4751	2029211816	Hoàng Nguyễn Trâm	Anh	27/10/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	7,21	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4752	2029212525	Phan Gia Minh	Châu	07/08/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	8,38	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4753	2029212094	Huỳnh Thụy Kim	Chúc	26/04/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	7,8	74	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4754	2029212555	Nhan Hoàng	Đức	16/06/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	7,86	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4755	2029212543	Bàng Kiều Mỹ	Duyên	18/02/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	8,01	74	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4756	2029212592	Trần Minh	Hoàng	14/09/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	18	7,1	84	Khá	40%	11.916.000	4.766.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4757	2029212594	Nguyễn Thị Kim	Hồng	15/03/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,52	84	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4758	2029212606	Nguyễn Đình Quốc	Hung	04/11/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	8,19	108	Giỏi	60%	13.902.000	8.341.200	
4759	2029212605	Vũ Thị Thu	Huyền	12/07/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	8,98	90	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4760	2029212621	Nguyễn Tuấn	Kiệt	11/01/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	8,27	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4761	2029212634	Lê Ngọc Khánh	Linh	12/05/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	7,77	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4762	2029212678	Lê Thị Ngọc	Nguyên	03/06/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	8,07	90	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4763	2029212691	Phan Yến	Nhi	03/02/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	7,33	80	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4764	2029212719	Từ Vĩnh	Phong	26/10/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	18	8,46	70	Khá	40%	11.916.000	4.766.400	
4765	2029212750	Lê Thị Mỹ	Tâm	27/09/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,79	90	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4766	2029212751	Nguyễn Ngọc	Tâm	18/10/2000	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	7,48	74	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4767	2029212753	Nguyễn Thành	Tâm	31/08/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	7,51	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4768	2029212782	Hoàng Minh	Thư	17/10/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	7,71	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4769	2029212795	Mai Trọng	Tiến	25/09/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	19	7,43	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4770	2029212808	Huỳnh Thị Bảo	Trâm	01/03/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,76	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4771	2029212822	Trần Thị Tuyết	Trinh	02/11/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,94	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4772	2029212831	Nguyễn Đình Trọng	Tuân	13/05/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	21	7,77	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4773	2029212838	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	24/06/2003	Lớp 12DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,9	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4774	2029210421	Từ Nghĩa	Chung	12/03/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	21	7,99	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4775	2029212552	Nguyễn Quỳnh	Đoan	07/08/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	19	7,11	84	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4776	2029212547	Phạm Ngọc	Duyên	10/09/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,3	70	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4777	2029212571	Nguyễn Mỹ	Hằng	24/07/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	17	7,94	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4778	2029212600	Đinh Thị Ngọc	Huyền	31/10/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	19	7,74	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4779	2029212657	Võ Trà	My	01/04/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	21	7,9	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4780	2029212658	Trần Hoàng	Nam	21/05/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	21	8,17	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4781	2029212676	Huỳnh Thanh Thảo	Nguyên	06/07/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	21	7,84	92	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4782	2029212708	Nguyễn Ngọc	Như	21/11/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	21	8,34	74	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4783	2029212736	Nguyễn Đoàn Thanh	Quyên	09/05/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	18	7,4	70	Khá	40%	12.052.000	4.820.800	
4784	2029212770	Lê Ngọc	Thống	10/02/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	19	8,42	100	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4785	2029212787	Trần Ngọc Minh	Thư	24/11/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,57	74	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4786	2029212774	Nguyễn Minh	Thuận	05/10/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,34	74	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4787	2029212839	Phan Tú	Uyên	19/11/2003	Lớp 12DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	19	8,35	150	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4788	2029212508	Lê Đức	Anh	17/12/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	21	8,41	112	Giỏi	60%	13.902.000	8.341.200	
4789	2029212532	Nguyễn Hồng	Diễm	04/08/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	21	8,03	106	Giỏi	60%	13.902.000	8.341.200	
4790	2029212562	Đoàn Văn	Hà	28/06/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	21	7,29	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4791	2029212564	Nguyễn Thảo	Hà	12/12/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	21	8,06	70	Khá	40%	14.038.000	5.615.200	
4792	2029212566	Trần Thị Thanh	Hà	08/11/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	17	8,55	93	Giỏi	60%	11.254.000	6.752.400	
4793	2029212588	Võ Nhất Tường	Hoa	02/03/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	19	7,96	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4794	2029212596	Hồ Minh	Huy	18/07/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	20	7,69	70	Khá	40%	13.444.000	5.377.600	
4795	2029212620	Lê Tuấn	Kiệt	23/06/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	19	7,09	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4796	2029212660	Nguyễn Hồ Phương	Nga	27/10/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	19	7,18	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4797	2029212671	Nguyễn Thị	Ngọc	14/04/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	21	7,16	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4798	2029212673	Phạm Thị Tuyết	Ngọc	30/08/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	22	7,35	70	Khá	40%	14.768.000	5.907.200	
4799	2029212706	Đặng Tâm	Như	19/11/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	7,26	70	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4800	2029212727	Nguyễn Cao Uyên	Phương	30/10/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	17	8,32	80	Giỏi	60%	11.254.000	6.752.400	
4801	2029212741	Nguyễn Trần Diễm	Quỳnh	21/03/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	19	8,11	78	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4802	2029210714	Cao Đình	Tài	30/12/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	19	7,73	74	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4803	2029212761	Trần Thị Như	Thảo	01/06/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	19	7,16	70	Khá	40%	12.714.000	5.085.600	
4804	2029212772	Hồ Thị Hoài	Thu	26/06/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	17	7,48	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4805	2029212843	Nguyễn Thị Hoàng	Vân	25/05/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	17	7,92	108	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4806	2029212859	Nguyễn Phương	Vy	12/02/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	17	8,29	114	Giỏi	60%	11.254.000	6.752.400	
4807	2029212869	Nguyễn Thị Trúc	Xuân	14/08/2003	Lớp 12DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	24	7,64	86	Khá	40%	16.228.000	6.491.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4808	2029212511	Nguyễn Hà Kiều	Anh	20/11/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,74	72	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4809	2029212514	Tổng Thị Phương	Anh	17/12/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	21	7,99	99	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4810	2029212553	Trần Đoàn Hiếu	Đoan	10/02/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	21	7,88	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4811	2029212556	Nguyễn Trùng	Giang	07/08/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	22	8,14	72	Khá	40%	14.768.000	5.907.200	
4812	2029212582	Lục Thị Thu	Hiền	14/08/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	21	7,16	72	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4813	2029212611	Phạm Đoàn Tuyết	Hương	30/11/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	21	8,24	72	Khá	40%	14.148.000	5.659.200	
4814	2029212597	Hồ Nhân	Huy	04/09/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,83	72	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4815	2029212643	Nguyễn Ngọc Nam	Long	31/10/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	21	7,85	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4816	2029212688	Nguyễn Hạnh	Nhi	05/08/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,55	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4817	2029212692	Phạm Hồng Đan	Nhi	19/07/2002	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	25	7,7	90	Khá	40%	17.000.000	6.800.000	
4818	2029212711	Trần Huỳnh	Như	01/11/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	8,47	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4819	2029212703	Nguyễn Phan Cẩm	Nhung	11/10/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	16	8,36	72	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4820	2029212714	Đinh Thị Hồng	Phát	22/06/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,06	72	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4821	2029212721	Đinh Hoàng	Phúc	31/03/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	21	8,45	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4822	2029212731	Thảm Ngọc	Quang	18/12/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	17	7,84	82	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4823	2029212759	Châu Thị Như	Thảo	05/06/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,46	102	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4824	2029212783	Nguyễn Anh	Thư	01/11/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	17	7,67	72	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4825	2029212785	Nguyễn Thị Minh	Thư	26/10/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	22	7,7	76	Khá	40%	14.768.000	5.907.200	
4826	2029212789	Đinh Việt	Thy	10/12/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	17	8,16	76	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4827	2029212792	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	06/04/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	21	7,03	72	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4828	2029212811	Nguyễn Ngọc	Trâm	09/11/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	9,03	90	Xuất sắc	100%	12.824.000	12.824.000	
4829	2029212817	Lê Thị Kiều	Trình	27/11/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,64	76	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4830	2029212832	Lê Văn	Tuấn	02/09/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	22	8,01	76	Khá	40%	14.768.000	5.907.200	
4831	2029212845	Trần Thị Thuý	Vân	28/02/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,87	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4832	2029212848	Phạm Tường	Vi	12/03/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	7,22	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4833	2029212858	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	24/11/2003	Lớp 12DHAV07	Khoa Ngoại ngữ	19	8,02	76	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4834	2029212559	Phạm Thị Hương	Giang	08/01/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,12	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4835	2029212583	Ngô Thúy	Hiền	19/10/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	8,14	74	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4836	2029212604	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/12/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	20	7,78	70	Khá	40%	13.444.000	5.377.600	
4837	2029212625	Dương Thanh	Lam	28/05/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,53	90	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4838	2029212637	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/09/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,54	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4839	2029212650	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	22/05/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,88	78	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4840	2029212659	Võ Hào	Nam	22/05/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	21	8,74	90	Giỏi	60%	14.038.000	8.422.800	
4841	2029212675	Vương Hồng	Ngọc	03/07/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	22	7,76	70	Khá	40%	15.314.000	6.125.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kí	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4842	2029212684	Nguyễn Tú	Nhân	07/04/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,67	80	Khá	40%	12.824.000	5.129.600	
4843	2029212699	Trần Thị Yến	Nhi	22/01/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	24	7,62	70	Khá	40%	16.092.000	6.436.800	
4844	2029212700	Trần Yến	Nhi	01/10/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	8,23	78	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4845	2029212710	Phạm Thị Quỳnh	Như	20/03/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	21	8,32	96	Giỏi	60%	13.902.000	8.341.200	
4846	2029212717	Nhâm Nhạc	Phi	28/10/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,15	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4847	2029212748	Hồng Thanh	Sang	24/11/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	22	8,1	70	Khá	40%	14.768.000	5.907.200	
4848	2029212752	Nguyễn Thị Minh	Tâm	24/01/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,97	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4849	2029212802	Nguyễn Thị Hoài	Trang	05/12/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,2	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4850	2029212829	Hồ Nhựt	Trường	10/02/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	21	8,24	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4851	2029212854	Đoàn Thúy	Vy	19/08/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	7,71	74	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4852	2029212865	Trần Thị Thảo	Vy	23/03/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	8,34	90	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4853	2029212868	Võ Tường	Vy	12/06/2003	Lớp 12DHAV08	Khoa Ngoại ngữ	19	8,18	82	Giỏi	60%	12.578.000	7.546.800	
4854	2029212534	Đặng Đoàn	Diệp	20/10/2002	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	19	8,15	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4855	2029212639	Trần Thị Trúc	Linh	04/10/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	19	7,65	74	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4856	2029212274	Nguyễn Đăng	Long	29/08/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	18	7,48	70	Khá	40%	11.916.000	4.766.400	
4857	2029212655	Bùi Thị Kiều	My	21/09/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	16	7,19	76	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4858	2029212689	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhi	03/01/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	21	7,95	82	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4859	2029212690	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	07/09/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	19	7,35	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4860	2029212728	Nguyễn Trần Thúy	Phương	19/11/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	27	7,5	70	Khá	40%	18.282.000	7.312.800	
4861	2029212735	Lâm Trần Tố	Quyên	19/09/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	19	7,38	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4862	2029212764	Ngô Hồng	Thắm	03/05/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	16	8,51	70	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4863	2029212767	Hoàng Ngọc	Thiên	12/05/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	16	9,03	70	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4864	2029212769	Lê Quang	Thông	17/10/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	23	7,7	70	Khá	40%	15.472.000	6.188.800	
4865	2029212806	Bùi Huỳnh Quế	Trăm	06/01/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	23	7,08	70	Khá	40%	15.472.000	6.188.800	
4866	2029212805	Trần Xuân	Trang	26/01/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	21	7,7	70	Khá	40%	14.448.000	5.779.200	
4867	2029212818	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	20/04/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	19	7,61	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4868	2029212844	Phạm Vũ Thanh	Vân	22/05/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	21	8,57	74	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4869	2029212847	Nguyễn Anh	Vi	29/08/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	21	7,11	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4870	2029212863	Phan Lê Tường	Vy	14/09/2003	Lớp 12DHAV09	Khoa Ngoại ngữ	21	7,39	76	Khá	40%	15.922.000	6.368.800	
4871	2029212516	Dương Ngọc	Ánh	08/07/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	70	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4872	2029210005	Phạm Ngọc	Dung	10/04/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	15	7,38	70	Khá	40%	9.930.000	3.972.000	
4873	2029211504	Dương Ngọc	Hân	23/12/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	17	7,72	70	Khá	40%	11.254.000	4.501.600	
4874	2029212614	Đinh Nguyễn Mỹ	Khanh	20/02/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	15	7,98	92	Khá	40%	9.930.000	3.972.000	
4875	2029210021	Nguyễn Quốc	Khánh	18/03/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	19	8,45	75	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4876	2029212617	Phan Tấn	Khoa	15/03/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	16	8,29	76	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4877	2029210177	Nguyễn Trương Tuyết	Mai	22/11/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	21	8,31	106	Giỏi	60%	14.448.000	8.668.800	
4878	2029212665	Võ Ngọc Kim	Ngân	19/06/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	23	8,07	76	Khá	40%	15.362.000	6.144.800	
4879	2029212677	Lê Ngọc	Nguyên	01/07/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	15	7,28	70	Khá	40%	9.930.000	3.972.000	
4880	2029212680	Phạm Thị Thanh	Nguyên	13/04/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	19	8,35	70	Khá	40%	12.578.000	5.031.200	
4881	2029212715	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	01/07/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	18	7,66	70	Khá	40%	12.052.000	4.820.800	
4882	2029210343	Lê Trịnh Trọng	Tín	28/12/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	19	7,6	70	Khá	40%	12.850.000	5.140.000	
4883	2029212797	Lê Đức	Toàn	10/09/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	21	7,51	70	Khá	40%	13.902.000	5.560.800	
4884	2029210325	Nguyễn Việt Thanh	Vy	03/02/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	22	7,23	76	Khá	40%	14.768.000	5.907.200	
4885	2029212227	Trần Thanh	Vy	06/07/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	16	7,59	70	Khá	40%	10.592.000	4.236.800	
4886	2029212872	Trần Hoàng Hải	Yến	01/10/2003	Lớp 12DHAV10	Khoa Ngoại ngữ	17	7,5	102	Khá	40%	11.254.200	4.501.680	
4887	2039210272	Lương Thúy	Duyên	01/04/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,96	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4888	2039210211	Lâm Cơ	Hoa	09/06/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	15	7,99	70	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
4889	2039210354	Nguyễn Thị Hồng	Lệ	01/01/2002	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,65	97	Giỏi	60%	11.156.000	6.693.600	
4890	2039210076	Lê Thị Ngọc	Linh	31/12/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	20	8,39	70	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
4891	2039210001	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	17/07/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	20	7,96	70	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
4892	2039210162	Văn Khánh	Ly	24/09/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	20	7,63	70	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4893	2039210032	Phạm Nguyễn Ni	Na	23/10/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	84	Giỏi	60%	11.360.000	6.816.000	
4894	2039210230	Đỗ Nguyễn Minh	Ngọc	30/08/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	17	7,52	70	Khá	40%	11.954.000	4.781.600	
4895	2039210231	Lê Thị Hồng	Nhan	17/05/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	18	7,63	70	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
4896	2039210107	Dương Thị Phương	Nhi	17/04/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,58	74	Khá	40%	11.060.000	4.424.000	
4897	2039210119	Nguyễn Tấn	Phát	24/12/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,84	70	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	
4898	2039210084	Nguyễn Trọng	Phúc	19/09/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	18	7,88	102	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
4899	2039210057	Võ Ngọc Bảo	Trân	04/01/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,87	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4900	2039210237	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/06/2001	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	18	7,95	70	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
4901	2039210177	Nguyễn Hoàng Thảo	Vân	18/09/2003	Lớp 12DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,07	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4902	2039210409	Nguyễn Thị Thu	Hà	14/01/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	18	7,45	74	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
4903	2039210342	Nguyễn Ngọc Phương	Hân	30/03/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	18	8,39	81	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
4904	2039210129	Hồ Quế	Hoa	17/01/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	7,47	88	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
4905	2039210274	Phạm Ngọc	Lụa	01/04/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	70	Khá	40%	11.060.000	4.424.000	
4906	2039210280	Dương Thị Bảo	Ly	19/05/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	18	8,04	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
4907	2039210372	Lại Ngọc Mẫn	Nghi	17/05/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	8,75	97	Giỏi	60%	13.804.000	8.282.400	
4908	2039210249	Trần Vũ Ngọc	Nhi	19/10/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	15	7,4	70	Khá	40%	10.630.000	4.252.000	
4909	2039210413	Phạm Thị Thúy	Nhung	13/10/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	18	8,28	70	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4910	2039210333	Trần Thị Tố	Quyên	03/08/2002	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	7,77	70	Khá	40%	14.554.000	5.821.600	
4911	2039210083	Phan Hương	Thảo	28/08/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,03	81	Giỏi	60%	11.360.000	6.816.000	
4912	2039210282	Phạm Thị Anh	Thư	24/12/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,29	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4913	2039210055	Nguyễn Thị Bích	Thùy	30/08/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	18	7,68	70	Khá	40%	12.620.000	5.048.000	
4914	2039210247	Nguyễn Lê Quỳnh	Trân	16/09/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	8,22	70	Khá	40%	13.740.000	5.496.000	
4915	2039210519	Đặng Thị Kim	Trình	07/01/2003	Lớp 12DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,27	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4916	2039212875	Nguyễn Thị Thúy	An	26/08/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	20	8,39	78	Khá	40%	13.944.000	5.577.600	
4917	2029210336	Nguyễn Thị Phúc	Hậu	10/10/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	15	7,78	70	Khá	40%	12.066.000	4.826.400	
4918	2039212946	Nguyễn Lê Vĩnh	Hung	21/05/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	7,25	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4919	2039210150	Châu Thúy	Nhi	05/07/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,5	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
4920	2039213033	Trần Tú	Quyên	05/10/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	18	8,12	70	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
4921	2039210240	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/01/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,11	93	Giỏi	60%	11.360.000	6.816.000	
4922	2039213057	Mai Huỳnh	Thư	02/10/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	18	7,87	76	Khá	40%	12.620.000	5.048.000	
4923	2039210408	Huỳnh Thị Minh	Thùy	27/03/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	22	8,01	70	Khá	40%	15.404.000	6.161.600	
4924	2039210124	Lê Thị Huyền	Trân	30/05/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	22	7,82	86	Khá	40%	15.264.000	6.105.600	
4925	2039210501	La Thị Tường	Vi	11/06/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	18	8,2	70	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
4926	2039210030	Lâm Triệu	Vi	19/03/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,74	80	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4927	2039210166	Huỳnh Như	Ý	26/08/2003	Lớp 12DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	7,56	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4928	2039210218	Trần Thị Phương	Anh	13/10/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,88	70	Khá	40%	11.172.000	4.468.800	
4929	2039212910	Nguyễn Thị Thu	Đào	25/03/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	18	7,57	99	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
4930	2039212903	Nguyễn Thùy	Dung	22/10/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	20	7,97	70	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
4931	2039212927	Nguyễn Ngọc	Hân	26/03/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	18	9,19	106	Xuất sắc	100%	12.684.000	12.684.000	
4932	2039212929	Nguyễn Thị Bảo	Hân	18/04/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	17	8,38	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4933	2039212935	Trịnh Thu	Hiền	06/08/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	21	7,93	70	Khá	40%	14.670.000	5.868.000	
4934	2039212948	Nguyễn Thị	Hường	02/07/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	20	8,86	95	Giỏi	60%	14.008.000	8.404.800	
4935	2039212949	Lương Sùng	Khang	01/09/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	17	8,88	90	Giỏi	60%	11.954.000	7.172.400	
4936	2039212954	Lê Thị Nhựt	Lam	01/10/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,8	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4937	2039212972	Lư Cẩm	Ly	30/09/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	18	9,18	110	Xuất sắc	100%	12.684.000	12.684.000	
4938	2039210023	Nguyễn Thị Kiều	Mi	08/06/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,92	116	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4939	2039212986	Nguyễn Thị Hoài	Ngân	28/12/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	20	7,39	70	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
4940	2039212987	Nguyễn Thị Kim	Ngân	21/12/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	18	7,72	70	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
4941	2039212991	Huỳnh Bảo	Nghi	13/06/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	22	8,35	76	Khá	40%	15.264.000	6.105.600	
4942	2039213014	Trần Thị Uyên	Nhi	04/09/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	18	8,27	85	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
4943	2039213016	Trần Thị Thùy	Nhu	17/08/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	20	8,22	70	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4944	2039213020	Lê Ngọc Phương	Như	14/08/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	22	7,88	76	Khá	40%	15.264.000	6.105.600	
4945	2039213022	Nguyễn Hoàng	Như	03/12/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,76	76	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4946	2039213050	Đinh Thị Lệ	Thu	11/11/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	20	8,4	84	Giỏi	60%	14.008.000	8.404.800	
4947	2039213055	Lê Minh	Thư	31/03/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	20	7,5	70	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
4948	2039213074	Lưu Thị Mỹ	Trâm	30/07/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	17	7,71	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4949	2039213075	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	21/05/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	17	8,01	74	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4950	2039213071	Trịnh Thị Đoàn	Trang	30/10/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	20	7,57	76	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
4951	2039213087	Ong Sí	Tuấn	21/11/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,96	106	Giỏi	60%	11.360.000	6.816.000	
4952	2039210340	Trương Thị Kim	Tuyền	07/05/2002	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	18	8,38	86	Giỏi	60%	12.620.000	7.572.000	
4953	2039213095	Tống Thị Mỹ	Uyên	14/05/2003	Lớp 12DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	18	8,76	104	Giỏi	60%	12.684.000	7.610.400	
4954	2039212877	Đinh Hoài	Anh	28/10/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	15	8,05	74	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
4955	2039212881	Phan Thị Trà	Anh	19/08/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	15	7,77	74	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
4956	2039212891	Lục Thị	Bình	12/10/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	18	7,9	70	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
4957	2039212911	Trần Phát	Đạt	27/04/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	21	8,05	70	Khá	40%	15.011.000	6.004.400	
4958	2039212914	Huỳnh Thị Trường	Giang	05/07/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	18	8,42	86	Giỏi	60%	12.684.000	7.610.400	
4959	2039212924	Ngô Thị Cẩm	Hằng	04/06/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	18	8,07	70	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
4960	2039212932	Phạm Thị Thu	Hiền	26/10/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,83	74	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4961	2039212934	Trần Thị Diệu	Hiền	02/05/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	20	7,86	74	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
4962	2039212942	Lê Thị	Huyền	11/07/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	20	8,64	80	Giỏi	60%	14.008.000	8.404.800	
4963	2039212955	Lâm Thị Ty	Lan	07/08/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	21	7,64	74	Khá	40%	14.806.000	5.922.400	
4964	2039212975	Ngô Thị Quý	Mùi	18/10/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	18	8,37	80	Giỏi	60%	12.616.000	7.569.600	
4965	2039212989	Phạm Thị Thanh	Ngân	24/04/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	22	7,87	82	Khá	40%	14.968.000	5.987.200	
4966	2039212996	Thái Bảo	Ngọc	20/03/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,09	82	Giỏi	60%	11.360.000	6.816.000	
4967	2039213006	Chống Yến	Nhi	06/12/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	20	8,42	76	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
4968	2039213015	Trịnh Thị	Nhi	13/08/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	17	7,68	82	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4969	2039213028	Lâm Mỹ	Phương	02/11/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,83	91	Giỏi	60%	11.156.000	6.693.600	
4970	2039213036	Lê Đình	Son	15/03/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	17	7,71	76	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
4971	2039213056	Lê Thị Anh	Thư	26/02/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	20	8,03	98	Giỏi	60%	14.008.000	8.404.800	
4972	2039213076	Trần Hoàng Bích	Trâm	30/12/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	22	8,37	70	Khá	40%	15.168.000	6.067.200	
4973	2039213070	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/12/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	18	8,7	81	Giỏi	60%	12.684.000	7.610.400	
4974	2039213094	Lê Nguyễn Thảo	Uyên	09/10/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	20	7,82	84	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
4975	2039213097	Vũ Thị Tú	Uyên	02/11/2003	Lớp 12DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	20	8,05	70	Khá	40%	13.740.000	5.496.000	
4976	2039212878	Lâm Quế	Anh	12/01/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	7,67	76	Khá	40%	12.620.000	5.048.000	
4977	2039212890	Lâm Thị Thanh	Bình	15/07/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	22	8,03	76	Khá	40%	14.968.000	5.987.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4978	2039212899	Dương Thị Thuỳ	Dung	14/02/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	7,76	70	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
4979	2039212915	Nguyễn Thị Kiều	Giang	05/07/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	22	8,71	80	Giỏi	60%	15.268.000	9.160.800	
4980	2039212921	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/04/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	22	8,33	76	Khá	40%	15.268.000	6.107.200	
4981	2039212966	Trần Ngọc	Linh	09/05/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	7,66	138	Khá	40%	12.384.000	4.953.600	
4982	2039212973	Nguyễn Hà Yến	Ly	18/03/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	8,97	86	Giỏi	60%	12.684.000	7.610.400	
4983	2039212978	Trần Huỳnh Diễm	My	06/08/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	8,82	82	Giỏi	60%	12.684.000	7.610.400	
4984	2039212980	Lê Thị Kim	Ngân	11/12/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	7,28	70	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
4985	2039212982	Nguyễn Dương Thảo	Ngân	27/01/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	7,51	77	Khá	40%	12.620.000	5.048.000	
4986	2039213032	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	15/03/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	23	8,62	80	Giỏi	60%	15.930.000	9.558.000	
4987	2039213039	Trần Đặng Thanh	Tân	04/12/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	8,12	74	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
4988	2039213048	Nguyễn Thị Minh	Thi	12/08/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	20	7,88	70	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
4989	2039213078	Trần Thị Quyền	Trân	15/10/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	16	8,69	80	Giỏi	60%	11.360.000	6.816.000	
4990	2039213089	Huỳnh Bích	Tuyền	01/01/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	15	7,64	70	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
4991	2039213091	Huỳnh Giang Ánh	Tuyết	05/01/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	18	7,46	78	Khá	40%	12.889.000	5.155.600	
4992	2039213096	Võ Thị Xuân	Uyên	25/05/2003	Lớp 12DHTQ06	Khoa Ngoại ngữ	19	8,27	90	Giỏi	60%	13.078.000	7.846.800	
4993	2039212887	Tạ Thi	Ân	11/10/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	21	7,95	70	Khá	40%	14.670.000	5.868.000	
4994	2039212879	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/02/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	19	8,19	78	Khá	40%	13.078.000	5.231.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
4995	2039212882	Tô Thị Kim	Anh	26/11/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	19	8,22	74	Khá	40%	13.346.000	5.338.400	
4996	2039212896	Nguyễn Thị	Chúc	02/04/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	7,31	70	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
4997	2039212923	Hoàng Thị Khánh	Hằng	25/09/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	22	7,96	80	Khá	40%	15.204.000	6.081.600	
4998	2039212939	Nguyễn Ánh	Hoài	07/07/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	19	8,87	99	Giỏi	60%	13.250.000	7.950.000	
4999	2039212941	Nguyễn Ngọc	Hợp	22/11/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	15	7,77	90	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
5000	2029212598	Lê Phúc Gia	Huy	22/03/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	23	8,65	85	Giỏi	60%	17.884.000	10.730.400	
5001	2039212944	Trần Thị Thu	Huyền	10/01/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	17	7,64	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
5002	2039212958	Lê Ngọc	Liều	03/10/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	18	8,19	74	Khá	40%	14.370.000	5.748.000	
5003	2039212963	Nguyễn Thị Thùy	Linh	05/03/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	7,8	74	Khá	40%	13.644.000	5.457.600	
5004	2039212969	Nguyễn Kim	Lợi	03/07/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	18	8,57	89	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
5005	2039212981	Lê Thị Tuyết	Ngân	12/12/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	70	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	
5006	2039212984	Nguyễn Lê Tuyết	Ngân	17/10/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	18	8,18	74	Khá	40%	12.384.000	4.953.600	
5007	2039213027	Phạm Thanh	Phát	03/08/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	15	8,13	70	Khá	40%	10.306.000	4.122.400	
5008	2039210260	Lê Thị Mỹ	Phượng	03/03/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	16	7,49	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
5009	2039213030	Cao Thị Bích	Quyên	23/01/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	8,32	90	Giỏi	60%	13.804.000	8.282.400	
5010	2039213052	Đỗ Mỹ	Thúy	28/11/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	8,47	84	Giỏi	60%	13.804.000	8.282.400	
5011	2039211503	Nguyễn Thị Thuý	Trang	05/11/2002	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	7,62	70	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5012	2039213069	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/11/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	8,5	86	Giỏi	60%	13.944.000	8.366.400	
5013	2039213079	Cao Mỹ	Trinh	16/06/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	8,35	76	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
5014	2039213110	Phạm Thị Nhật	Vy	21/02/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	17	8,59	90	Giỏi	60%	11.818.000	7.090.800	
5015	2039210259	Trần Thị Ngọc Như	Ý	25/12/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	16	7,59	70	Khá	40%	11.156.000	4.462.400	
5016	2039213116	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	09/09/2003	Lớp 12DHTQ07	Khoa Ngoại ngữ	20	7,4	70	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
5017	2029220345	Hoàng Quốc	Bảo	09/04/2004	Lớp 13DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	17	7,58	84	Khá	40%	14.665.000	5.866.000	
5018	2029221361	Bùi Gia	Hiền	02/05/2004	Lớp 13DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	17	8,61	94	Giỏi	60%	14.665.000	8.799.000	
5019	2029221360	Lâm Như	Hiền	31/10/2004	Lớp 13DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,63	78	Khá	40%	16.125.000	6.450.000	
5020	2029223980	Liu Hỷ	Quốc	26/08/2004	Lớp 13DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,16	78	Khá	40%	13.935.000	5.574.000	
5021	2029224169	Trần Trí	Siêu	12/03/2004	Lớp 13DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	17	8,11	78	Khá	40%	14.665.000	5.866.000	
5022	2029224891	Bùi Vũ	Thi	15/04/2004	Lớp 13DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	22	7,85	78	Khá	40%	17.564.000	7.025.600	
5023	2029224989	Lê Minh	Thông	09/07/2004	Lớp 13DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,18	101	Giỏi	60%	13.935.000	8.361.000	
5024	2029220219	Trần Việt	Anh	21/10/2004	Lớp 13DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	21	8,94	116	Giỏi	60%	17.449.000	10.469.400	
5025	2029220324	Nguyễn Hoàng	Bảo	10/05/2004	Lớp 13DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	21	8,5	108	Giỏi	60%	17.585.000	10.551.000	
5026	2029221534	Lương Thị Cẩm	Hồng	17/12/2004	Lớp 13DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	7,58	78	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
5027	2029223259	Thái Thành	Nhân	12/11/2004	Lớp 13DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,2	113	Giỏi	60%	14.665.000	8.799.000	
5028	2029223742	Nguyễn Tấn	Phúc	22/09/2002	Lớp 13DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,23	74	Khá	40%	14.665.000	5.866.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5029	2029224862	Nguyễn Hà Huy	Thắng	15/06/2004	Lớp 13DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,31	82	Giỏi	60%	14.665.000	8.799.000	
5030	2029225600	Vương Kim Tuyết	Trinh	06/06/2004	Lớp 13DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,31	116	Giỏi	60%	14.665.000	8.799.000	
5031	2029220798	Vương Nguyễn Kỳ	Duyên	20/08/2004	Lớp 13DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	17	8,76	98	Giỏi	60%	14.255.000	8.553.000	
5032	2029225499	Trần Quế	Trân	27/08/2003	Lớp 13DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	17	8,42	70	Khá	40%	14.665.000	5.866.000	
5033	2029225391	Nguyễn Quỳnh	Trang	13/10/2004	Lớp 13DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	17	8,16	102	Giỏi	60%	14.665.000	8.799.000	
5034	2029225665	Lê Ngọc Thanh	Trúc	21/07/2004	Lớp 13DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	15	8,33	70	Khá	40%	12.795.000	5.118.000	
5035	2039220198	Đỗ Vân	Anh	16/02/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,99	106	Khá	40%	14.900.000	5.960.000	
5036	2039220578	Đinh Thị Thúy	Di	26/04/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	22	7,61	78	Khá	40%	17.905.000	7.162.000	
5037	2039220661	Trương Trần Thùy	Dung	26/04/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	20	7,5	98	Khá	40%	16.514.000	6.605.600	
5038	2039220776	Nguyễn Thúy	Duyên	30/09/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	8,46	94	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5039	2039221109	Phan Thị Ngọc	Hà	23/08/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	8,18	108	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5040	2039221264	Huỳnh Lê Khả	Hân	16/12/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	17	8,78	88	Giỏi	60%	13.640.000	8.184.000	
5041	2039221168	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	15/01/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	22	8,48	97	Giỏi	60%	17.258.000	10.354.800	
5042	2039221433	Trần Thị Kim	Hiếu	24/10/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,94	78	Khá	40%	14.964.000	5.985.600	
5043	2039221960	Nguyễn Diệu	Kha	19/01/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	20	8,59	94	Giỏi	60%	16.445.000	9.867.000	
5044	2039222035	Bùi Vũ Gia	Khanh	17/07/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,63	78	Khá	40%	12.910.000	5.164.000	
5045	2039222344	Đoàn Thùy	Linh	06/09/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	23	7,59	76	Khá	40%	17.684.000	7.073.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5046	2039222355	Hoàng Thị Phương	Linh	03/06/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	20	9,14	100	Xuất sắc	100%	16.445.000	16.445.000	
5047	2039222575	Nguyễn Hoàng Nhật	Mai	02/03/2003	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,79	76	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
5048	2039222587	Phạm Thị	Mai	07/03/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	8,5	82	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5049	2039223206	Nguyễn Thanh	Nhã	29/10/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	21	8,38	82	Giỏi	60%	16.360.000	9.816.000	
5050	2039224040	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	25/02/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	8,98	86	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5051	2039224168	Đình An	Siêng	06/12/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	21	8,17	80	Giỏi	60%	16.970.000	10.182.000	
5052	2039224692	Nguyễn Thị Bích	Thanh	27/01/2003	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	7,79	82	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
5053	2039224819	Nguyễn Đặng Như	Thảo	10/06/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	24	8,32	78	Khá	40%	19.093.000	7.637.200	
5054	2039224791	Nguyễn Đoàn Thanh	Thảo	24/03/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	22	8,14	78	Khá	40%	17.905.000	7.162.000	
5055	2039225004	Phạm Hoàng Anh	Thơ	13/12/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	19	8,04	112	Giỏi	60%	15.374.000	9.224.400	
5056	2039225018	Danh Thị Ngọc	Thu	21/09/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	21	8,35	109	Giỏi	60%	16.424.000	9.854.400	
5057	2039225213	Phạm Trần Minh	Thư	08/11/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,73	110	Giỏi	60%	12.910.000	7.746.000	
5058	2039225513	Tạ Ngọc Bảo	Trần	14/08/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	21	8	78	Khá	40%	16.970.000	6.788.000	
5059	2039225402	Nguyễn Thị Kiều	Trang	01/05/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,59	88	Giỏi	60%	12.774.000	7.664.400	
5060	2039225401	Phạm Hồng	Trang	28/04/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	18	7,87	98	Khá	40%	14.034.000	5.613.600	
5061	2039225594	Hồ Ngọc Tổ	Trinh	14/09/2004	Lớp 13DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	22	8,78	94	Giỏi	60%	17.905.000	10.743.000	
5062	2039220197	Nguyễn Minh	Anh	15/08/2003	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	19	9,4	141	Xuất sắc	100%	14.900.000	14.900.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5063	2039220600	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	25/11/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	21	8,81	80	Giỏi	60%	16.424.000	9.854.400	
5064	2039220802	Lữ Thị Mỹ	Duyên	26/02/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	23	7,78	82	Khá	40%	18.138.000	7.255.200	
5065	2039221054	Nguyễn Lê	Giang	26/10/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	17	8,66	86	Giỏi	60%	14.255.000	8.553.000	
5066	2039221304	Phan Gia	Hân	04/04/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	24	7,89	80	Khá	40%	19.165.000	7.666.000	
5067	2039221847	Dương Thị Huỳnh	Hương	09/12/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	21	8,29	70	Khá	40%	16.224.000	6.489.600	
5068	2039221857	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	11/05/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	19	9,11	86	Giỏi	60%	14.964.000	8.978.400	
5069	2039222362	Võ Thị Thùy	Linh	16/08/2002	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	18	8,07	70	Khá	40%	14.370.000	5.748.000	
5070	2039222441	Nguyễn Hoàng Bảo	Long	06/07/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	21	9,05	119	Xuất sắc	100%	16.360.000	16.360.000	
5071	2039222607	Lý Sương	Mẫn	01/10/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	21	7,43	90	Khá	40%	16.084.000	6.433.600	
5072	2039222830	Vũ Thị	Nga	29/09/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	19	7,73	94	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
5073	2039225230	Nguyễn Thị Anh	Thư	31/12/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	21	7,66	76	Khá	40%	16.560.000	6.624.000	
5074	2039225229	Trần Phạm Minh	Thư	13/06/2003	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	8	70	Khá	40%	15.830.000	6.332.000	
5075	2039225041	Võ Hồng	Thuận	27/12/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	9,08	92	Xuất sắc	100%	15.830.000	15.830.000	
5076	2039225132	Lê Thị	Thúy	08/10/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	19	8,5	115	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5077	2039225452	Hồ Thị Ngọc	Trâm	09/06/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	7,06	76	Khá	40%	15.358.000	6.143.200	
5078	2039225507	Huỳnh Ngọc	Trân	17/09/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	7,47	86	Khá	40%	16.445.000	6.578.000	
5079	2039225520	Nguyễn Kim	Trân	18/04/2002	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	20	7,43	70	Khá	40%	16.145.000	6.458.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5080	2039225763	Bùi Nguyễn Phương	Uyên	12/02/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	21	8,08	86	Giỏi	60%	16.560.000	9.936.000	
5081	2039226061	Huỳnh Nguyễn Kiều	Xuân	14/04/2004	Lớp 13DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	19	8,71	121	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5082	2039220868	Huỳnh Trúc	Đào	08/06/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,64	90	Giỏi	60%	16.424.000	9.854.400	
5083	2039220595	Nguyễn Ngọc Thúy	Diễm	25/05/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,34	72	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
5084	2039220793	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	11/09/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,76	70	Khá	40%	13.320.000	5.328.000	
5085	2039220801	Võ Phan Mỹ	Duyên	10/04/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	7,84	106	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
5086	2039221057	Vũ Thị Hương	Giang	24/10/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	7,98	82	Khá	40%	14.964.000	5.985.600	
5087	2039221099	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	09/07/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,24	78	Khá	40%	16.424.000	6.569.600	
5088	2039221114	Văn Thị	Hà	25/05/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	8,61	96	Giỏi	60%	13.640.000	8.184.000	
5089	2039221294	Ngô Thị Quế	Hân	21/10/2003	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	7,49	78	Khá	40%	14.900.000	5.960.000	
5090	2039221321	Nguyễn Thị	Hậu	11/04/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	8,71	86	Giỏi	60%	13.640.000	8.184.000	
5091	2039222210	Nguyễn Thị Trúc	Lâm	10/12/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,82	104	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5092	2039222395	Phan Thị Trúc	Linh	26/01/2003	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,19	76	Khá	40%	14.964.000	5.985.600	
5093	2039222322	Trương Vương	Linh	10/09/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	22	8,51	108	Giỏi	60%	17.905.000	10.743.000	
5094	2039222945	Phan Thị Thảo	Ngân	02/05/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	7,53	72	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
5095	2039223204	Hồ Thị Ánh	Nguyệt	11/06/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,19	80	Giỏi	60%	14.964.000	8.978.400	
5096	2039223392	Huỳnh Thụy Uyên	Nhi	21/06/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	7,45	80	Khá	40%	14.964.000	5.985.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5097	2039223539	Phạm Thị Huỳnh	Như	23/10/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	7,65	72	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
5098	2039223449	Ngô Mỹ	Nhung	29/02/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,82	108	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5099	2039223994	Trần Thanh	Quý	13/12/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,7	84	Giỏi	60%	16.224.000	9.734.400	
5100	2039224035	Đỗ Thúy	Quyên	13/04/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,8	94	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5101	2039224886	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	28/01/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	9,28	112	Xuất sắc	100%	15.100.000	15.100.000	
5102	2039225255	Phạm Thị Anh	Thư	10/12/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	21	7,43	72	Khá	40%	16.560.000	6.624.000	
5103	2039224472	Trần Ngọc	Tổ	26/02/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	7,29	72	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
5104	2039225461	Trịnh Nguyễn Bích	Trâm	27/11/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,86	78	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
5105	2039225598	Trịnh Thị Diễm	Trinh	05/02/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8,74	96	Giỏi	60%	15.100.000	9.060.000	
5106	2039225867	Lâm Quang	Vinh	09/01/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	17	8,76	78	Khá	40%	13.640.000	5.456.000	
5107	2039225995	Hồ Thị Thúy	Vy	15/04/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	21	8,12	84	Giỏi	60%	16.360.000	9.816.000	
5108	2039226091	Cao Huỳnh Nhật	Ý	22/11/2004	Lớp 13DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	19	8	72	Khá	40%	15.100.000	6.040.000	
5109	2029230016	Lê Hà Phương	Anh	22/11/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,72	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5110	2029230019	Nguyễn Đăng Quỳnh	Anh	20/10/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5111	2029230022	Nguyễn Lê Trâm	Anh	10/02/2004	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,49	84	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5112	2029230026	Mai Thị Ngọc	Ánh	20/03/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,68	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5113	2029230071	Nguyễn Trương Mộc	Hải	13/06/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,21	79	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5114	2029230094	Hà Gia	Hân	08/06/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,49	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5115	2029230084	Bùi Lệ	Hằng	25/09/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,48	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5116	2029230106	Nguyễn Kiều Diễm	Hồng	22/10/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,86	78	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5117	2029230129	Cao Nguyên	Khang	18/03/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,96	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5118	2029230134	Nguyễn Vũ Đăng	Khoa	22/09/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,92	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5119	2029230135	Trần Nguyễn Anh	Khoa	24/10/2001	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	9,34	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5120	2029230159	Đặng Hữu	Nam	22/11/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,29	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5121	2029230166	Đặng Trần Mẫn	Nghi	29/06/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,1	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5122	2029230168	Liêu Tú	Nghi	24/05/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	90	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5123	2029230165	Nguyễn Ngọc	Nghi	17/09/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,04	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5124	2029230225	Nguyễn Duy	Phương	07/02/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,06	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5125	2029230237	Đoàn Thị Như	Quỳnh	22/07/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,63	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5126	2029230246	Hà Quang	Tấn	15/12/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,84	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5127	2029230261	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/03/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,91	83	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5128	2029230270	Hoàng Ngọc Minh	Thông	31/05/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,21	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5129	2029230272	Nguyễn Hoài	Thu	25/09/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,39	83	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5130	2029230285	Lê Nguyễn Thanh	Thư	19/10/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,16	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5131	2029230312	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	30/06/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,31	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5132	2029230321	Trần Lý Nhã	Uyên	27/02/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,32	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5133	2029230324	Tạ Thảo	Vân	17/12/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,94	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5134	2029230338	Nguyễn Triều	Vỹ	28/05/2005	Lớp 14DHAV01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,54	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5135	2029230025	Lê Thị Hoài	Anh	17/10/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,21	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5136	2029230066	Trần Xuân	Đức	13/09/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,08	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5137	2029230055	Đặng Thùy	Dung	12/10/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,26	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5138	2029230075	Vũ Trần Cát	Hạnh	30/10/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	18	7,44	80	Khá	40%	15.850.000	6.340.000	
5139	2029230132	Hoàng Bùi Minh	Khánh	29/06/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5140	2029230119	Lê Duy	Kiên	30/07/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,14	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5141	2029230169	Trần Lê Phương	Nghi	19/02/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,56	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5142	2029230171	Hồ Ngô Bảo	Ngọc	11/07/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,13	100	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5143	2029230174	Lê Hải	Ngọc	10/08/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,43	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5144	2029230172	Vương Bội	Ngọc	21/06/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,12	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5145	2029230197	Huỳnh Phan Yến	Nhi	15/03/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,75	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5146	2029230194	Ngô Nguyệt	Nhi	21/08/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,64	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5147	2029230234	Trương Thị Phúc	Quyên	25/03/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5148	2029230302	Nguyễn Ngọc Kiều	Trâm	25/11/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5149	2029230307	Trần Ngọc Duy	Trân	18/08/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	97	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5150	2029230300	Nguyễn Thị Kiều	Trang	26/01/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,23	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5151	2029230331	Đặng Bảo Kiều	Vy	24/03/2005	Lớp 14DHAV02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,37	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5152	2029231084	Nguyễn Minh	An	21/05/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	9,11	96	Xuất sắc	100%	14.280.000	14.280.000	
5153	2029230043	Bùi Tiểu	Bình	14/01/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,41	94	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5154	2029230050	Nguyễn Thị Kim	Chi	23/02/2004	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5155	2029230064	Nguyễn Thành	Đạt	30/08/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,76	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5156	2029230067	Nguyễn Minh	Đức	21/05/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,13	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5157	2029230058	Lê Mỹ	Duyên	19/07/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,48	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5158	2029230081	Lương Thị Minh	Hằng	09/05/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,54	92	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5159	2029230095	Hồ Phạm Thanh	Hiền	26/08/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,22	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5160	2029230107	Vương Ngọc	Hùng	19/05/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,99	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5161	2029230116	Nguyễn Hoàng	Hung	08/10/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,78	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5162	2029230110	Hồ Nhất	Huy	18/07/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,98	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5163	2029230123	Trần Tuấn	Kiệt	23/01/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,83	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5164	2029230126	Trần Y	Kỳ	29/09/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,51	96	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5165	2029230150	Huỳnh Thị Xuân	Mai	21/01/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,42	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5166	2029230160	Phạm Hoàng	Nam	18/10/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,31	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5167	2029230161	Phan	Nasa	06/11/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,13	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5168	2029230181	Trần Hữu	Nhân	15/10/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,34	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5169	2029230193	Nguyễn Thị Yến	Nhi	15/06/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,71	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5170	2029230198	Diệp Diệu	Nhon	10/10/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,91	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5171	2029230200	Lê Phương	Nhung	18/09/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,07	91	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5172	2029230211	Hồng Nguyễn Gia	Phú	30/11/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,01	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5173	2029230226	Lưu Phương	Phương	31/12/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,43	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5174	2029230244	Nguyễn Trần Thanh	Tâm	13/05/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,19	101	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5175	2029230259	Nguyễn Hồng Diệp	Thanh	14/12/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,43	81	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5176	2029230274	Nguyễn Thị Hà	Thu	15/06/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,55	92	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5177	2029230286	Huỳnh Thị Thanh	Thư	27/12/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,65	131	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5178	2029230250	Nguyễn Vũ Bảo	Tiên	06/11/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,97	81	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5179	2029230298	Nguyễn Ngọc Minh	Trang	17/11/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,13	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5180	2029230310	Huỳnh Nhật	Trí	23/12/2005	Lớp 14DHAV03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,38	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5181	2029230029	Hoàng Khả	Ân	18/06/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,75	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5182	2029230020	Trương Trâm	Anh	10/10/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,02	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5183	2029230042	Trương Bùi An	Bình	16/09/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,96	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5184	2029230044	Trần Chí	Cao	12/05/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,74	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5185	2029230046	Nguyễn Huỳnh Bảo	Châu	24/07/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,45	89	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5186	2029230048	Nguyễn Bảo Xuyên	Chi	15/06/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,8	83	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5187	2029231710	Phạm Tuấn	Kiệt	27/09/2001	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,66	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5188	2029230121	Phan Tuấn	Kiệt	30/07/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,85	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5189	2029230140	Trần Công	Liêm	11/09/2002	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,31	89	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5190	2029230146	Trương Thị Bảo	Loan	24/01/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,35	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5191	2029230214	Lý Tấn	Phúc	25/08/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,19	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5192	2029230290	Trần Lê Anh	Thư	22/08/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,46	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5193	2029230253	Đỗ Minh	Tiến	19/11/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,53	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5194	2029230303	Nguyễn Thị Thiên	Trân	05/10/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,93	106	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5195	2029230320	Nguyễn Đỗ Hoàng	Uyên	09/03/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,56	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5196	2029230329	Đặng Thanh	Vy	27/09/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,08	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5197	2029230343	Nguyễn Ngọc Như	Ý	20/10/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,16	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5198	2029230340	Trần Như	Ý	12/07/2005	Lớp 14DHAV04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,37	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5199	2029230017	Đình Trần Kim	Anh	20/10/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5200	2029230012	Nguyễn Trần Minh	Anh	20/11/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,34	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5201	2029230036	Lê Nguyên	Bảo	18/02/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,78	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5202	2029230034	Trương Hoài	Bảo	17/05/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,33	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5203	2029230099	Lê Thị Ánh	Hoa	11/01/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,79	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5204	2029230113	Huỳnh Trường	Hưng	17/09/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,74	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5205	2029230131	Trần Tú	Khanh	03/10/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,05	78	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5206	2029230120	Võ Ngọc	Kiệt	08/09/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,53	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5207	2029230238	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	09/11/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,76	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5208	2029230269	Lê Văn Bảo	Thoa	01/03/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,92	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5209	2029230281	Phan Thị Diệu	Thúy	03/05/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,39	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5210	2029230299	Hồ Quỳnh	Trang	06/01/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,56	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5211	2029230325	Lê Tuyết	Vân	08/05/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,19	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5212	2029230337	Phan Ngọc Thảo	Vy	25/08/2005	Lớp 14DHAV05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,88	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5213	2029230010	Ngô Thị Lan	Anh	01/04/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	7,91	108	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5214	2029230041	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/01/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	7,59	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5215	2029230087	Đổng Nguyễn Khả	Hân	02/04/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	7,56	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5216	2029230104	Huỳnh Minh	Học	29/11/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	8,29	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5217	2029230124	Trần Phương Thiên	Kim	07/02/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	7,92	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5218	2029230147	Nguyễn Trần Hoài	Ly	02/11/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	7,79	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5219	2029230175	Phạm	Ngọc	01/05/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	8,07	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5220	2029230182	Đoàn Minh	Nhân	03/10/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	8,38	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5221	2029230190	Nguyễn Lê Bảo	Nhi	04/11/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	8,17	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5222	2029230243	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	07/01/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	8,18	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5223	2029230292	Nguyễn Minh	Thư	01/12/2005	Lớp 14DHAV06	Khoa Ngoại ngữ	16	7,18	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5224	2039230011	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/01/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,39	98	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5225	2039230018	Võ Khánh	Băng	18/11/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,16	100	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5226	2039230024	Đinh Thị Hồng	Diễm	03/10/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,35	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5227	2039230029	Dương Thị	Diệu	09/02/2004	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,55	105	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5228	2039230039	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	26/04/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,2	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5229	2039230032	Phan Thị Mỹ	Dung	16/06/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,86	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5230	2039230053	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	14/12/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,95	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5231	2039230056	Vũ Trần Gia	Hân	24/03/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,2	117	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5232	2039230051	Biện Thị Mỹ	Hằng	21/07/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	106	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5233	2039230060	Thái Thị	Hiền	15/01/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,25	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5234	2039230082	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	13/03/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,38	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5235	2039230086	Ngô Huệ	Hường	22/09/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,35	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5236	2039230090	Nguyễn Lê Đình	Khôi	16/09/2001	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,95	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5237	2039230087	Hồ Gia	Kiệt	08/07/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,53	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5238	2039230110	Huỳnh Vũ Mỹ	Loan	22/01/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,2	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5239	2039230127	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	12/10/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,98	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5240	2039230132	Nguyễn Thị Hoàng	My	22/04/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,5	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5241	2039230140	Trần Phan Hiếu	Ngân	16/06/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	100	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5242	2039230142	Trịnh Kim	Ngân	26/05/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,25	106	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5243	2039230154	Hoàng Thị Kim	Ngọc	27/01/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,71	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5244	2039230155	Nguyễn Thị Như	Ngọc	21/10/2004	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,34	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5245	2039230159	Nguyễn Lê Hồng	Nguyên	11/08/2002	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,44	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5246	2039230158	Nguyễn Thảo	Nguyên	20/10/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,71	106	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5247	2039230160	Võ Nguyễn Bình	Nguyên	11/11/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,14	88	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5248	2039230175	Nguyễn Thị Ý	Nhi	19/06/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,91	102	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5249	2039230135	Lê Thị Hồng	Ny	22/05/2004	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,59	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5250	2039230201	Nguyễn Hồng	Quân	16/08/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,28	122	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5251	2039230202	Nguyễn Ngọc	Quý	24/09/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	9,3	121	Xuất sắc	100%	14.280.000	14.280.000	
5252	2039230226	Mã Tú	Thanh	14/05/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,43	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5253	2039230234	Nguyễn Thanh	Thảo	10/06/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,05	130	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5254	2039230235	Nguyễn Thanh	Thảo	12/02/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,95	106	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5255	2039230258	Đỗ Minh	Thư	13/01/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,3	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5256	2039230256	Hoàng Kim	Thư	04/05/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,69	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5257	2039230261	Trần Nguyễn Hoài	Thương	09/03/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,65	124	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5258	2039230215	Nguyễn Lê Mỹ	Tiên	18/09/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,94	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5259	2039230283	Bùi Thị Huyền	Trân	17/03/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,13	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5260	2039230284	Huỳnh Diệu	Trân	22/12/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,1	92	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5261	2039230224	Huỳnh Thị Mộng	Tuyền	10/06/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,16	108	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5262	2039230296	Nguyễn Phạm Thảo	Uyên	25/07/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,86	122	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5263	2039230298	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	24/12/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,41	98	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5264	2039230304	La	Vy	02/09/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,81	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5265	2039230310	Vô Nguyễn Tường	Vy	06/06/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	7,9	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5266	2039230313	Bùi Hoàng	Yến	24/04/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,01	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5267	2039230320	Lê Thị Hải	Yến	11/12/2005	Lớp 14DHTQ01	Khoa Ngoại ngữ	16	8,33	112	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5268	2039230016	Vũ Thị Trang Kim	Ánh	24/04/2004	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,45	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5269	2039230021	Phan Thành	Công	04/06/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,56	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5270	2039230033	Nguyễn Thị Thanh	Đa	11/01/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,56	78	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5271	2039230034	Tô Thị Trúc	Đào	08/09/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,88	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5272	2039230035	Nguyễn Việt	Đạt	11/04/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,63	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5273	2039230065	Lê Trần Minh	Hiếu	19/05/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,45	91	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5274	2039230066	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	22/01/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,15	88	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5275	2039230074	Ngô Gia	Huệ	20/07/2004	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,53	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5276	2039230083	Hồ Ngọc Mai	Hương	13/08/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5277	2039230097	Lê Thị Ngọc	Lan	23/06/2004	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,55	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5278	2039230095	Mã Tú	Lan	19/09/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5279	2039230104	Nguyễn Thị	Liều	11/03/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,96	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5280	2039230103	Phan Kim	Liều	23/04/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,15	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5281	2039230107	Lê Mỹ	Linh	19/04/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5282	2039230111	Bùi Nguyễn Tuyết	Loan	12/02/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,34	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5283	2039230113	Dương Phước	Lộc	28/01/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,65	147	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5284	2039230114	Nguyễn Võ Bá	Lộc	16/01/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,21	96	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5285	2039230120	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12/03/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,99	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5286	2039230134	Phạm Thị	My	12/02/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,16	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5287	2039230153	Trần Thị Kim	Ngọc	17/06/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,31	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5288	2039230190	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	19/09/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,1	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5289	2039230199	Trần Thị Tuyết	Phương	13/03/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,05	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5290	2039230205	Huỳnh Văn	Quyển	25/10/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,78	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5291	2039230207	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	18/10/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,09	101	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5292	2039230212	Nguyễn Thị	Tâm	10/11/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,1	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5293	2039230210	Trần Thị Minh	Tâm	21/08/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,43	98	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5294	2039230237	Hà Khả	Thi	08/12/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,79	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5295	2039230244	Tô Thị Cẩm	Thơ	18/02/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5296	2039230251	Bùi Anh	Thư	12/03/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,99	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5297	2039230254	Vũ Thị Minh	Thư	19/08/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,38	124	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5298	2039230246	Bùi Ngọc	Thuận	12/06/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,71	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5299	2039230218	Trần Bảo	Tín	19/12/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,18	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5300	2039230273	Nguyễn Thị Bích	Trâm	24/09/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,35	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kí	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5301	2039230276	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	17/07/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,34	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5302	2039230269	Lê Thùy	Trang	19/01/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,39	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5303	2039230287	Lê Thị Mỹ	Trinh	09/11/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,38	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5304	2039230223	Lưu Thị Thanh	Tuyền	17/04/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,13	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5305	2039230294	Nguyễn Phương	Uyên	22/03/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	7,65	91	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5306	2039230308	Nguyễn Trần Yến	Vy	11/10/2005	Lớp 14DHTQ02	Khoa Ngoại ngữ	16	8,94	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5307	2039230006	Cao Thị Lan	Anh	26/01/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,7	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5308	2039230010	Vũ Ngọc Hoàng	Anh	29/08/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,04	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5309	2039230019	Đỗ Thanh	Bình	18/03/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,76	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5310	2039230037	Võ Hoàng Hải	Đăng	30/10/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	9,05	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5311	2039230040	Nguyễn Chí	Đức	07/10/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,84	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5312	2039230030	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	05/04/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,24	98	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5313	2039230047	Đinh Trần Thu	Hằng	04/05/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,86	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5314	2039230071	Trần Thị Thúy	Hồng	17/12/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5315	2039230081	Đặng Quốc	Hung	22/03/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,48	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5316	2039230080	Trương Ngọc	Huyền	24/01/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,5	90	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5317	2039230093	Nguyễn Hoàng	Lan	28/12/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,31	108	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5318	2039230102	Trần Thị Hồng	Liên	26/02/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,09	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5319	2039230108	Bùi Thị Trúc	Linh	13/12/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,61	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5320	2039230112	Lý Hoàng	Long	30/07/2003	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	9,14	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5321	2039230131	Lê Thị Trà	My	29/10/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,78	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5322	2039230151	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	31/01/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,85	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5323	2039230150	Phùng Mỹ	Ngọc	13/04/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,6	94	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5324	2039230157	Phạm Hồ Bảo	Nguyên	21/08/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,79	102	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5325	2039230177	Lê Nguyễn Ý	Nhi	19/06/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,19	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5326	2039230176	Lê Yến	Nhi	18/09/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,04	108	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5327	2039230179	Ngô Thị Yến	Nhi	17/05/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,99	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5328	2039230174	Nguyễn Ngọc	Nhi	10/11/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,24	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5329	2039230172	Nông Vũ Thảo	Nhi	06/09/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,74	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5330	2039230181	Nguyễn Thùy	Nhiên	29/03/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,99	98	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5331	2039230195	Nguyễn Ngọc Kiều	Oanh	14/05/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	9,08	99	Xuất sắc	100%	14.280.000	14.280.000	
5332	2039230213	Nguyễn Thanh	Tâm	29/09/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,1	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5333	2039230233	Bùi Ngọc Thạch	Thảo	31/01/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,8	98	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5334	2039230232	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	16/03/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,43	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5335	2039230230	Trần Ngọc	Thảo	30/04/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,39	96	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5336	2039230239	Nguyễn Đức	Thiện	22/01/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,25	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5337	2039230245	Phan Huyền	Thơ	12/12/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,74	105	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5338	2039230255	Lê Thị Anh	Thư	25/01/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,66	84	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5339	2039230281	Ngô Huyền	Trâm	26/04/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,29	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5340	2039230277	Ngô Thị Huyền	Trâm	29/11/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,58	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5341	2039230268	Lương Thị Thùy	Trang	25/12/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	7,84	98	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5342	2039230290	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	27/07/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,84	102	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5343	2039230302	Huỳnh Thảo	Vy	22/06/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,65	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5344	2039230300	Nguyễn Trương Ngọc	Vy	18/11/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,59	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5345	2039230316	Liêu Mỹ	Yến	13/11/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,1	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5346	2039230315	Vũ Hải	Yến	16/11/2005	Lớp 14DHTQ03	Khoa Ngoại ngữ	16	8,31	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5347	2039230013	Nguyễn Mỹ	Anh	30/09/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,31	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5348	2039230042	Hồ Thị Hương	Giang	05/03/2004	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,31	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5349	2039230041	Nguyễn Hương	Giang	10/10/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,24	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5350	2039230058	Huỳnh Ngọc	Hân	31/10/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,08	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5351	2039230057	Nguyễn Thị Thu	Hân	30/11/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,2	102	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5352	2039230048	Trần Thu	Hằng	01/04/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,08	108	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5353	2039230067	Nhâm Thị	Hoa	07/04/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,09	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5354	2039230070	Nguyễn Thị Hoàng	Hoanh	19/02/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,56	94	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5355	2039230073	Phạm Thị Kim	Huệ	29/08/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,69	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5356	2039230088	Nguyễn Hồ Mỹ	Kiều	07/05/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,03	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5357	2039230094	Biện Thị Thu	Lan	07/06/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,63	102	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5358	2039230099	Nguyễn Nhật	Lê	11/09/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,08	84	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5359	2039230116	Lâm Trương Yến	Ly	15/02/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,9	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5360	2039230117	Trần Nguyễn Hồng	Ly	07/04/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,18	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5361	2039230118	Vũ Thị Ngọc	Ly	28/10/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,4	88	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5362	2039230130	Nguyễn Ngọc Thảo	My	21/12/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,65	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5363	2039230136	Bùi Trần Thuý	Nga	22/03/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,65	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5364	2039230144	Trần Thị Bích	Ngân	06/08/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,15	88	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5365	2039230147	Lâm Thị Anh	Ngọc	15/04/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,51	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5366	2039230156	Nguyễn Xuân Thảo	Nguyên	09/12/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,23	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5367	2039230171	Đậu Thị Yến	Nhi	02/01/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,28	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5368	2039230168	Nguyễn Hồng	Nhi	19/04/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,8	103	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5369	2039230178	Nguyễn Ngọc Kiều	Nhi	14/11/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,39	94	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5370	2039230180	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	01/06/2003	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,34	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5371	2039230188	Huỳnh Bảo	Như	10/07/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,31	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5372	2039230184	Tô Hồng	Nhung	31/08/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,95	108	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5373	2039230203	Trần Ngọc Phương	Quyên	29/12/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,48	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5374	2039230211	Nguyễn Thị Minh	Tâm	14/08/2004	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,36	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5375	2039230214	Lê Văn	Tân	20/11/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,19	92	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5376	2039230229	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	25/02/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,23	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5377	2039230238	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	20/07/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,56	92	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5378	2039230257	Nguyễn Phạm Minh	Thư	20/09/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,4	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5379	2039230249	Hoàng Kim	Thúy	22/08/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,2	128	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5380	2039230278	Lê Ngọc	Trâm	22/07/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,6	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5381	2039230275	Lý Ngọc Thuý	Trâm	27/10/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5382	2039230274	Nguyễn Thị Bích	Trâm	05/05/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,74	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5383	2039230266	Trần Thị Thùy	Trang	10/09/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,03	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5384	2039230295	Nguyễn Phan Trần Hoàng	Uyên	19/10/2003	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,65	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5385	2039230297	Nguyễn Thị Ái	Vân	19/09/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	7,8	91	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5386	2039230309	Nguyễn Võ Khánh	Vy	16/10/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	8,05	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5387	2039230319	Phạm Thanh	Yến	26/09/2005	Lớp 14DHTQ04	Khoa Ngoại ngữ	16	9,04	99	Xuất sắc	100%	14.280.000	14.280.000	
5388	2039230017	Trần Gia	Bảo	02/10/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,03	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5389	2039230020	Bùi Như Ngọc	Cầm	01/01/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,6	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5390	2039230036	Nguyễn Thành	Đạt	01/04/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5391	2039230038	Hồ Thị Ánh	Điệp	01/03/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5392	2039230031	Nguyễn Thị Kiều	Dung	04/04/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,78	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5393	2039230049	Lê Huỳnh Nghị	Hằng	03/12/2001	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,43	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5394	2039230061	Phạm Thị	Hiền	06/09/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,73	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5395	2039230064	Lê Trung	Hiếu	03/01/2004	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,49	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5396	2039230069	Võ Thị	Hoanh	04/03/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,09	88	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5397	2039230079	Dương Thị Mỹ	Huyền	04/03/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,09	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5398	2039230076	Phạm Thị	Huyền	21/02/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,34	80	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5399	2039230122	Châu Xuân	Mai	01/02/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,59	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5400	2039230129	Đỗ Ngọc Trà	My	04/02/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,28	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5401	2039230141	Nguyễn Thị	Ngân	18/02/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,44	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5402	2039230137	Thái Thị	Ngân	17/12/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,34	82	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5403	2039230149	Đàm Tuyết	Ngọc	02/07/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,76	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5404	2039230173	Đoàn Thị Ngọc	Nhi	21/09/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,88	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5405	2039230170	Nguyễn Thị Yên	Nhi	16/11/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,59	80	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5406	2039230182	Trần Kim	Nhiên	14/02/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,54	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5407	2039230185	Trần Thị Ngọc	Nhung	31/12/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,61	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5408	2039230186	Đặng Thị Thu	Nhụy	30/06/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,7	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5409	2039230228	Phạm Trương Hồng	Thanh	17/08/2004	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,59	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5410	2039230227	Phan Thị Thanh	Thanh	05/09/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,68	90	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5411	2039230242	Trần Thị Ngọc	Thơ	05/07/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,69	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5412	2039230252	Nguyễn Hồ Anh	Thu	01/11/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,39	76	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5413	2039230248	Phương Thị	Thùy	05/07/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,33	112	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5414	2039230217	Đoàn Khánh	Tiên	04/11/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,01	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5415	2039230271	Huỳnh Thị Thu	Trang	04/05/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,56	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5416	2039230270	Trần Thị Thu	Trang	02/09/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	7,38	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
5417	2039230303	Phạm Trương Yến	Vy	04/10/2005	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,06	106	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5418	2039230318	Nguyễn Hải	Yến	01/07/2004	Lớp 14DHTQ05	Khoa Ngoại ngữ	16	8,49	92	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
5419	2036200378	HỒ THỊ MINH	CHÂU	13/12/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,96	84	Khá	40%	9.450.450	3.780.180	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5420	2036205725	NGUYỄN THỊ	HOÀI	04/11/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,32	70	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
5421	2036200045	VÕ NGUYỄN THÁI	HỌC	25/08/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5422	2036200354	NGUYỄN THỊ KIM	HỒNG	27/11/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5423	2036200151	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	01/02/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,51	77	Khá	40%	6.300.000	2.520.000	
5424	2036200338	TRẦN THỊ NHẬT	LINH	07/07/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5425	2036200363	HOÀNG THỊ	LY	10/08/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,09	70	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
5426	2036200337	TRẦN THỊ MI	MI	31/12/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,95	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5427	2036200085	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	20/08/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,07	114	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
5428	2036200103	NGUYỄN VĂN	NAM	25/06/1993	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,71	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5429	2036200193	PHẠM ĐẮC	NAM	12/10/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,77	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5430	2036200317	TRƯƠNG THÙY	NGÂN	04/02/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,14	70	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
5431	2036200058	ĐÀO THỊ THU	NGUYỆT	10/10/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5432	2036200391	ĐÀO THỊ YẾN	NHI	05/02/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5433	2036200152	LÊ BĂNG	NHI	27/10/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5434	2036200116	VÕ THỊ NGUYỆT	NHI	11/09/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,2	70	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	
5435	2036205845	TRẦN HOÀNG	PHI	07/12/2001	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,16	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5436	2036205702	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	16/12/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5437	2036200135	TRẦN YẾN	QUỲNH	31/07/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,55	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5438	2036200518	LÊ NGUYỄN ANH	THU	01/04/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5439	2036200514	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	THUỖN G	26/06/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5440	2036200105	ĐỖ THỊ THU	THỦY	25/01/1998	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	98	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5441	2036200318	BÙI THỦY NHƯ	TIỀN	06/02/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5442	2036200322	NGUYỄN THÙY THỦY	TIỀN	10/10/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,64	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5443	2036200130	HUỲNH TRỌNG	TÍN	27/04/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5444	2036200033	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TRÂN	16/09/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,76	82	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5445	2036205809	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	02/06/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5446	2036200084	TỪ THỊ QUỲNH	TRANG	05/02/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,63	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5447	2013201356	NGUYỄN VŨ CẨM	TÚ	30/01/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5448	2036200106	VÔ LÊ	TUẤN	09/07/2001	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,35	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5449	2036200156	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾT	03/05/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,57	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5450	2036200370	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	27/01/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5451	2036205636	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	VY	29/06/2002	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5452	2036200134	LÊ THỊ HỒNG	XUYẾN	19/10/2000	Lớp 11DHKDQT1	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,18	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5453	2036200155	TRƯƠNG BÙI QUANG	AN	11/06/2002	Lớp 11DHKDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5454	2036200356	PHẠM VA	ANG	27/01/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,64	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5455	2036200330	TRẦN THỊ MINH	CHÂU	02/04/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,79	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5456	2036200081	NGUYỄN QUỲNH	CHI	18/11/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5457	2036200099	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	14/06/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,27	70	Khá	40%	13.084.000	5.233.600	
5458	2036200133	LÊ NGỌC	DIỄM	15/11/2001	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5459	2036200348	TRẦN THỊ CẨM	GIANG	18/06/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,81	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5460	2036200520	TRƯỜNG NGỌC	HẢI	20/03/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5461	2036200185	NGUYỄN KIM	HẢO	09/07/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5462	2036200347	MAI MINH	HIẾU	29/07/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	116	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5463	2036200049	TRƯỜNG NGỌC THANH	HUYỀN	20/11/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5464	2036205864	LỮ VĨNH	KHANG	05/11/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	70	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
5465	2036200125	ĐẶNG HOÀNG	LÂM	10/10/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5466	2036200325	PHAN THỊ	LAN	11/09/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,58	98	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5467	2036200320	NGUYỄN THỊ HỒNG	LI	29/03/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,72	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5468	2036205810	TRẦN THỊ KIỀU	MY	01/02/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5469	2036200088	PHẠM THÚY	NGỌC	20/08/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5470	2036200386	VÔ THỊ HỒNG	NGỌC	20/11/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,01	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5471	2036200397	HỒ THỊ MỸ	NHI	10/04/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,6	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5472	2036200138	NGUYỄN MAI BĂNG	NHI	13/09/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5473	2036200392	VÔ THỊ TUYẾT	NHI	19/05/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5474	2036200401	LÊ HUỖNH	NHU	11/05/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5475	2036200382	HỒ LÊ HOÀNG	OANH	11/11/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5476	2036205856	NGUYỄN CẢNH	PHI	18/11/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5477	2036200559	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỖNH	30/10/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5478	2036200066	LÊ ĐÀO HOÀNG	SA	14/06/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5479	2036200178	PHẠM THỊ ANH	THO	14/04/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,58	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5480	2036200044	NGUYỄN THỊ	THUỖN G	10/06/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,36	90	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5481	2036200124	TRẦN VÕ BÍCH	TRÂN	11/07/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5482	2036200323	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	11/09/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,99	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5483	2036200123	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	07/02/2001	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,06	70	Khá	40%	11.020.000	4.408.000	
5484	2036200372	HỒ THANH	VÂN	23/07/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5485	2036200114	PHẠM ĐÌNH THỂ	VUỖNG	23/06/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5486	2036200111	NGUYỄN TƯỜNG	VY	31/03/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5487	2036200200	ĐỖ THỊ HỒNG	YÊN	22/10/2002	Lớp 11DHKDDQT2	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5488	2036200201	NGUYỄN PHÁ SƯƠNG	BAN	21/02/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5489	2036202007	NGUYỄN DƯƠNG	CẨM	23/07/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,84	110	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5490	2036202009	NGUYỄN THỊ QUẾ	CHI	25/09/2000	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5491	2036202010	TRẦN THỊ DIỄM	CHI	16/07/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,34	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5492	2036202017	NGUYỄN THỊ XUÂN	DIỆU	20/05/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,68	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5493	2036202016	PHAN THỊ MỸ	DIỆU	02/06/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5494	2036202019	TRẦN ĐÌNH	DUY	29/03/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5495	2036200061	ĐOÀN MỸ	DUYÊN	21/10/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5496	2036202020	NGUYỄN LÂM MỸ HẠNH	DUYÊN	24/09/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,28	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5497	2036200510	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	21/10/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5498	2036202028	VŨ THỊ HỒNG	HÀ	04/07/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5499	2036205763	LÊ THỊ BÍCH	HẠNH	16/07/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5500	2036200369	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	29/07/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,11	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5501	2036202037	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	17/04/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5502	2036202051	ĐẶNG TUẤN	KIỆT	03/10/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5503	2036202060	NGUYỄN HUỶNH THANH	LOAN	26/09/2001	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,18	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5504	2036200557	TRẦN YẾN	LY	05/05/2000	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,63	83	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5505	2036205618	NGUYỄN HỮU	NAM	03/04/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,95	94	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5506	2036202070	PHẠM LÊ YẾN	NGÂN	30/05/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5507	2036202074	TRẦN MINH	NGỌC	10/03/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,2	106	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5508	2036200379	NGUYỄN PHAN TUÔNG	NGUYỄN	27/10/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5509	2036202080	TRẦN THỊ TUYẾT	NHI	14/01/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	83	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5510	2036202081	TRƯƠNG YẾN	NHI	15/02/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,46	70	Khá	40%	13.814.000	5.525.600	
5511	2036200047	LÊ QUỲNH	NHƯ	09/11/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5512	2036202095	NGUYỄN PHƯƠNG	QUYÊN	09/11/2001	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5513	2036202098	TRẦN THỊ KIM	SINH	06/05/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,28	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5514	2036202100	NGUYỄN THỊ THU	TÂM	07/09/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,72	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5515	2036203005	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	16/04/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	80	Giỏi	60%		0	
5516	2036202110	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/09/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,51	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5517	2036202117	ĐỖ NGỌC ANH	THƯ	18/09/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,17	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5518	2036202116	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	30/03/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5519	2036202119	NGUYỄN MINH	THƯỜNG	04/06/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5520	2036203024	VÔ THỊ HỒNG	THÚY	18/03/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,74	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5521	2036202123	NGUYỄN LÊ MỸ	TIẾN	08/11/2002	Lớp 11DHKDDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,77	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5522	2036202122	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	19/08/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5523	2036202124	PHẠM THỊ THANH	TRÀ	17/01/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,01	70	Khá	40%	11.845.000	4.738.000	
5524	2036200311	NGÔ TRẦN HUYỀN	TRANG	28/07/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5525	2036205883	CAO THỊ THANH	VY	02/04/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,35	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5526	2036202145	LÊ THỊ THANH	VY	16/02/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5527	2036202148	NGUYỄN KIỀU	VY	20/09/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5528	2036202144	PHAN TƯỜNG	VY	16/10/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5529	2036202152	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	30/07/2002	Lớp 11DHKDQT3	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5530	2036202003	NGUYỄN NGỌC	ANH	28/12/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,55	70	Khá	40%	11.020.000	4.408.000	
5531	2036200306	NGUYỄN KIỀU	DIỄM	28/12/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,27	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5532	2036200344	CHÂU THỊ THÙY	DUNG	19/07/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5533	2036202025	NGUYỄN THANH	GIAO	21/12/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,22	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
5534	2036202026	NGUYỄN THỊ	HÀ	01/02/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,22	110	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5535	2036202030	HUỖNH NGỌC	HÂN	21/11/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5536	2036202033	NGUYỄN THỊ HOÀNG	HẠNH	13/02/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5537	2036203017	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	13/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,96	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5538	2036202038	ĐẶNG LÊ THU	HIẾU	08/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5539	2036202041	TRẦN GIA	HUỖNG	19/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,01	70	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
5540	2036202042	HOÀNG NGỌC	HUỖNG	09/01/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,55	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5541	2036203013	BÙI ĐỨC	HUY	15/09/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5542	2036202047	TRẦN ANH	KHOA	25/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5543	2036202049	NGUYỄN MAI	KHUỖN G	04/06/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,51	65	Khá	40%	6.584.000	2.633.600	
5544	2036202050	NGUYỄN THỊ HOÀNG	KHUYÊ N	12/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,77	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5545	2036202052	TRẦN THỊ THANH	KIỀU	09/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5546	2036202054	QUAN GIA	KỲ	16/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.500	3.780.200	
5547	2036202056	ĐÌNH THỊ KHÁNH	LÊ	09/08/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5548	2036205582	NGUYỄN THANH	LIÊM	08/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5549	2036202061	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	22/03/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5550	2036202064	NGUYỄN THỊ THU	LÝ	18/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,01	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5551	2036202067	LÊ HOÀI	NAM	08/03/2001	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,78	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5552	2036202078	DƯƠNG YẾN	NHI	29/11/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,34	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5553	2036200334	NGUYỄN THỊ HUỶNH	NHƯ	05/04/2001	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5554	2036202088	THÁI THỊ HẢI	NHƯ	24/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5555	2036202094	PHẠM THỊ THÙY	QUYÊN	25/06/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5556	2036202097	ĐINH THỊ KHÁNH	QUỲNH	07/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5557	2036202104	NGUYỄN CHIẾN	THẮNG	05/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,07	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
5558	2036203006	NGUYỄN HOÀNG	THẮNG	14/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,1	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
5559	2036202108	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	01/01/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	96	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5560	2036202112	LÊ QUỐC	THI	31/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5561	2036202115	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	25/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,75	88	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5562	2036204142	VÕ THỊ MINH	THU	23/03/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5563	2036203027	LƯƠNG HOÀI	THUỖN G	07/12/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5564	2036200367	NHON THỊ BÍCH	TRÂM	28/03/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5565	2036202131	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂN	15/06/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,04	65	Khá	40%	6.584.000	2.633.600	
5566	2036202132	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	09/11/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,16	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5567	2036203022	NGUYỄN NGUYỄN	TRIỀU	03/11/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,28	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5568	2036202136	BÙI MINH	TRUNG	28/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5569	2036205823	PHẠM KHẢ	TÚ	30/04/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,13	70	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
5570	2036202140	TỔNG THỊ ÁNH	TUYẾT	26/12/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,35	65	Khá	40%	5.040.000	2.016.000	
5571	2036200022	NGUYỄN THỊ KIM	VÂN	17/10/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,03	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5572	2036203001	LÊ HỒNG PHI	YẾN	15/02/2002	Lớp 11DHKDQT4	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,63	74	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5573	2036205677	LÊ THỊ KIỀU	DIỄM	04/10/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,82	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5574	2036205610	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	11/11/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,69	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5575	2036205609	TRẦN THỊ CẨM	GIANG	29/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5576	2036205619	NGUYỄN THỊ MỸ	HẢO	16/04/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5577	2036205881	TRẦN PHI	HỒNG	18/06/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5578	2036205688	LIÊU MINH	HUY	05/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5579	2036205627	DƯƠNG NGHIÊM DIỆU	HUYỀN	25/10/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,65	98	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5580	2036205786	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	03/11/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5581	2036205706	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	01/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5582	2036205849	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊN	05/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5583	2036205552	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	08/09/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,74	126	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5584	2036205598	HUỖNH THANH	LOAN	11/05/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5585	2036205796	TRẦN THỊ TUYẾT	LOAN	12/10/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	65	Khá	40%	9.027.585	3.611.034	
5586	2036205749	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	19/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,96	74	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	
5587	2036205761	ĐỖ TUYẾT	NGÂN	16/09/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5588	2036205728	ĐẶNG NHƯ	NGỌC	07/06/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,76	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5589	2036205869	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	NHƯ	27/07/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,14	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5590	2036205802	PHẠM THỊ TUYẾT	NHU'	16/09/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5591	2036205852	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	17/04/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	98	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5592	2036205707	TRẦN PHI	PHỤNG	08/09/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5593	2036205573	TRẦN NGUYỄN MỸ	QUYỀN	09/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,47	118	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5594	2036203018	ĐÀO THỊ NGỌC	QUỖNH	21/06/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,08	86	Giỏi	60%	13.798.000	8.278.800	
5595	2036204018	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỖNH	28/06/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,02	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5596	2036205653	LÊ VĂN	THANH	09/09/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,96	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5597	2036203028	PHẠM BÙI THUY MINH	THANH	05/07/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5598	2036205623	DƯƠNG NGUYỄN MINH	THẢO	29/06/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5599	2036205870	HUỖNH THỊ THU	THẢO	11/12/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5600	2036205799	TRẦN THỊ XUÂN	THU	17/09/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,24	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5601	2036202118	HỒ THỊ ANH	THU'	20/11/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5602	2036205607	NGÔ VĂN	THUẬN	27/04/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	96	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5603	2036205838	VÕ MINH	THÙY	15/07/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,84	70	Khá	40%	9.500.000	3.800.000	
5604	2036205620	HUỖNH ĐẶNG BẢO	THY	02/07/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5605	2036205855	NGUYỄN THANH	TIỀN	03/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5606	2036205659	LÊ THÙY BẢO	TRÂN	31/12/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,34	65	Khá	40%		0	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5607	2036205605	ĐỖ KIỀU	TRANG	08/03/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5608	2036205560	NGUYỄN THUỶ	TRANG	09/03/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5609	2036205709	HOÀNG MINH	TÚ	15/03/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5610	2036205792	PHẠM VĂN	TUẤN	23/08/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,27	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5611	2036205599	NGUYỄN ANH	TÙNG	08/07/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5612	2036203015	PHAN NGUYỄN TUỜNG	VI	23/06/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,76	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5613	2036205581	NGÔ THANH	VY	08/04/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,62	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5614	2036205547	TRẦN THỊ THÚY	VY	27/01/2002	Lớp 11DHKDDQT5	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5615	2036205736	LÊ TRẦN NGUYỆT	ANH	07/11/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5616	2036205554	PHAN HOÀNG MINH	ANH	02/10/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	110	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5617	2036205773	TRẦN THỊ MAI	ANH	20/04/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,55	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5618	2036205740	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	12/11/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,32	90	Giỏi	60%	10.910.000	6.546.000	
5619	2036205850	VŨ HOÀNG	DANH	10/08/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,32	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5620	2036205867	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	14/08/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5621	2036205617	TRƯƠNG THỊ MỸ	HUYỀN	22/06/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,99	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5622	2036205649	NGUYỄN THỊ KIM	KHÁNH	02/09/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5623	2036205794	VŨ THỊ HƯƠNG	LAN	01/09/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5624	2036205536	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	02/11/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,73	81	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5625	2036205652	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	17/12/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5626	2036205656	NGUYỄN THỊ ÁI	LY	07/01/2001	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,78	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5627	2036205559	TRẦN THỊ HOA	MAI	02/12/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,1	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5628	2036205597	TRẦN PHẠM THẢO	MY	30/09/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5629	2036205820	LÂM HOÀI	NAM	08/01/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,84	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5630	2036205750	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	15/11/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,3	69	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5631	2036205555	TRỊNH HÀN	NI	21/06/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,06	126	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5632	2036205640	NGUYỄN THỊ TRIỀU	PHÚ	17/11/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,87	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5633	2036205551	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHÚC	01/10/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,65	126	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5634	2036205692	HUỖNH MAI	PHUON G	03/08/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,84	70	Khá	40%	14.408.000	5.763.200	
5635	2036205846	LÊ THỊ NHƯ	QUỖNH	08/12/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,58	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5636	2036205882	HỒ PHAN THANH	THẢO	11/08/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,1	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5637	2036205800	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/11/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5638	2036205711	VÕ THỊ NGUYỄN	THẢO	16/10/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5639	2036205686	TRẦN ANH	THU	28/05/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,22	94	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
5640	2036205771	LA THỊ	THÚY	11/03/2002	Lớp 11DHKDT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5641	2036205729	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	29/10/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,92	78	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
5642	2036205639	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	10/10/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,76	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5643	2036205756	TRẦN THỊ THANH	TRÀ	04/02/2001	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,35	108	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5644	2029204706	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRANG	26/06/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,56	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5645	2036205606	NGUYỄN PHƯƠNG	TRÚC	12/10/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5646	2036205664	NGUYỄN THỊ KIM	TÚ	03/09/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5647	2036205775	NGUYỄN THANH	TUYỀN	18/03/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,61	126	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5648	2036205818	TRẦN THỊ	TÝ	10/05/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,01	94	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5649	2036205691	NGUYỄN THỊ LÝ	VY	18/08/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,24	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5650	2036205663	LÂM THỊ MỸ	YẾN	17/12/2002	Lớp 11DHKDDQT6	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5651	2036205710	LÊ QUỐC	AN	23/05/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5652	2036205694	ĐỖ HẢI	ANH	28/06/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5653	2036205553	HUỖNH THỊ HUỆ	ANH	05/01/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,11	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
5654	2036205712	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	16/08/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,14	106	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5655	2036205717	LÊ THỊ TRÚC	GIANG	10/01/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5656	2036205744	NGUYỄN THỊ	GIÀU	16/02/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5657	2036205569	ĐINH NGỌC	HÀ	12/01/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,57	98	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5658	2036205575	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	24/07/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5659	2036205829	NGUYỄN THANH	HẢI	19/06/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5660	2036205734	LÊ THỊ MỸ	HẢO	10/01/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5661	2036205608	THÁI KIỀU HOÀNG	HẢO	17/03/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	100	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5662	2036205814	NGUYỄN MINH	HIẾU	22/06/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5663	2036205700	TRẦN DIỄM	HOÀNG	15/09/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5664	2036205713	NGUYỄN LÊ XUÂN	HUÂN	25/08/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5665	2036205743	HÀ THỊ	HƯỚNG	28/01/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,87	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5666	2036205568	NGUYỄN CHÍ	HUY	08/01/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5667	2036205542	NGÔ PHÙNG KHÁNH	LINH	01/10/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5668	2036205539	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	21/10/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,58	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5669	2036205563	LÊ THỊ THANH	MAI	24/03/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	110	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5670	2036205631	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	24/06/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5671	2036205733	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	26/04/2000	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,84	116	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5672	2036205655	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	20/05/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,56	102	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
5673	2036205558	PHẠM ĐỒNG QUỲNH	NHU	10/03/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,5	74	Khá	40%	14.020.000	5.608.000	
5674	2036205592	VÕ THỊ NGỌC	NỖ	02/01/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,64	108	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5675	2036205777	ĐẶNG THỊ THÙY	PHUON G	03/09/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,54	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
5676	2036205557	HUỖNH THỊ THANH	QUYỀN	01/06/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,89	96	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5677	2036205699	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	03/11/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5678	2036205589	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	05/05/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	142	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5679	2036205572	NGUYỄN THỊ ANH	THU	26/07/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,94	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5680	2036205668	TRỊNH MINH	THU	08/10/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	29	7,34	70	Khá	40%	19.606.000	7.842.400	
5681	2036205860	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY	26/03/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,5	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5682	2036205667	LÊ VŨ ANH	THY	05/09/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,57	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5683	2036205549	LÊ THỊ THU	TRÀ	13/07/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5684	2036205648	ĐẶNG THỊ BÍCH	TRÂM	25/05/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,66	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5685	2036205548	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	05/02/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5686	2036205550	LÊ THỊ THU	TRANG	18/01/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,43	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5687	2036205674	TRẦN NGUYỄN THIÊN	TRANG	02/09/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5688	2036205647	TRẦN LƯU TUYẾT	TRINH	28/08/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,07	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5689	2036205561	HỒ THỊ THANH	TRÚC	24/10/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,16	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5690	2036205804	LÝ HOÀI	TUỖNG	20/09/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,87	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5691	2036205801	DƯƠNG CẨM	VÂN	28/09/2002	Lớp 11DHKDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,34	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5692	2036205562	NGÔ TƯỜNG	VIỄN	25/06/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5693	2036205746	TRẦN NGỌC BẢO	VY	18/06/2002	Lớp 11DHKDDQT7	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5694	2036205643	LƯU THÚY	AN	27/05/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,87	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5695	2036205737	NGUYỄN THÁI	AN	06/10/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5696	2036205788	TRẦN THỊ HOÀI	ÂN	01/01/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,22	76	Khá	40%	13.136.000	5.254.400	
5697	2036205661	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	20/04/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,51	70	Khá	40%	13.084.000	5.233.600	
5698	2036205595	TRẦN THỊ LAN	ANH	09/03/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,47	85	Khá	40%	12.234.000	4.893.600	
5699	2036205632	TRẦN THỊ NGỌC	DIỆU	26/12/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	24	7,48	70	Khá	40%	16.004.000	6.401.600	
5700	2036205612	ĐẶNG ĐÀO THÙY	DUNG	12/03/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5701	2036205754	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	11/10/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,79	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5702	2036205644	TRẦN THỊ LỆ	DUYÊN	30/05/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,69	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5703	2036205759	NGUYỄN GIA	HÂN	10/02/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5704	2036205538	NGUYỄN CHÍ	HIỂU	18/07/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5705	2036205793	TRẦN THỊ THANH	HỒNG	21/05/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5706	2036205878	TRƯƠNG THỊ KIM	HƯƠNG	01/01/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,36	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5707	2036205843	TRẦN KIM QUỐC	HUY	27/08/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5708	2036205672	LÃ THỊ THU	HUYỀN	04/11/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,96	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5709	2036205748	HUỖNH THU HỒNG	KHANH	17/04/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	126	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5710	2036205556	NGUYỄN THỊ THUỶ	KIỀU	22/04/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5711	2036205537	MAI THỊ NGỌC	LAN	17/12/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,11	78	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
5712	2036205858	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	02/06/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5713	2036205824	NGUYỄN BÁ	LỰC	25/10/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5714	2036205695	NGUYỄN THỊ ÁNH	LY	18/01/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,6	95	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5715	2036205665	HỒ	NAM	04/03/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5716	2036205874	ĐỖ NHƯ	NGỌC	20/05/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,35	70	Khá	40%	13.194.000	5.277.600	
5717	2036205698	LÊ THỊ THANH	NHI	22/03/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	74	Khá	40%	10.154.025	4.061.610	
5718	2036205842	NGUYỄN TRẦN UYÊN	NHI	14/11/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,08	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5719	2036205683	TRẦN HOÀNG YẾN	NHI	28/05/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	130	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5720	2036205596	TRẦN THỊ YẾN	NHI	28/08/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5721	2036205741	TẠ THỊ TÔ	NY	04/01/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5722	2036205641	NGUYỄN QUANG	PHÚC	19/10/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5723	2036205723	NGUYỄN MAI	PHUỒN G	03/01/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,32	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5724	2036205787	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	22/07/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,53	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5725	2036205839	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	06/02/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,89	75	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5726	2036205616	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	01/02/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5727	2036205646	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/06/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5728	2036205720	LÊ HOÀI	THOA	22/07/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,68	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5729	2036205812	TRƯƠNG THỊ HỒNG	THƠM	30/12/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,35	70	Khá	40%	12.344.000	4.937.600	
5730	2036205593	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	16/04/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,24	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5731	2036205576	PHẠM HOÀI	THUỖN G	01/02/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,23	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5732	2036205634	LÝ CHUNG	TÍNH	16/10/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5733	2036205630	PHẠM TRẦN QUỐC	TÍNH	04/05/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,53	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
5734	2036205872	ĐẶNG QUỐC	TOÀN	06/03/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,62	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5735	2036205726	LÊ TRẦN BẢO	TRÂN	24/01/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5736	2036205840	BÙI TRẦN THÙY	TRANG	10/02/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5737	2036205638	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	18/02/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,78	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5738	2036205693	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRINH	11/11/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5739	2036205611	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	15/01/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,73	106	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5740	2036205567	NGUYỄN NHẬT MINH	TUYẾT	10/04/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5741	2036205584	LÊ BÍCH	UYÊN	12/10/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5742	2036205798	PHAN THỊ THU	UYÊN	18/02/2002	Lớp 11DHKDDQT8	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5743	2013205274	BÙI PHƯƠNG	AN	15/10/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,28	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5744	2013205284	PHẠM QUANG	AN	05/09/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,69	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5745	2013200397	ĐÌNH NGUYỄN HOÀNG	ANH	23/11/2000	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5746	2013200653	PHẠM NGỌC	ÁNH	03/02/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5747	2013200019	NGÔ THÀNH TIẾN	ĐẠT	06/08/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5748	2013200391	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	17/02/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5749	2013200387	NGUYỄN THỊ KIM	DIỆU	09/09/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,59	70	Khá	40%	10.138.750	4.055.500	
5750	2013200100	LÝ THANH	ĐỨC	03/05/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5751	2013200222	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	20/02/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5752	2013201506	NGUYỄN TRỌNG	HIỀN	02/04/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	83	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5753	2013200493	ĐOÀN MẠNH	HIẾU	03/11/1999	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	114	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5754	2013200710	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	25/02/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,13	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5755	2013200447	LÊ TUẤN	HUY	10/04/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,39	90	Giỏi	60%	10.962.000	6.577.200	
5756	2013200864	VÔ THỊ TRÚC	LY	03/07/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5757	2013201637	HUỶNH THỊ NHƯ	MAI	15/08/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,32	70	Khá	40%	13.514.000	5.405.600	
5758	2013200440	ĐÌNH THỊ TUYẾT	NGÂN	03/12/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,55	74	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5759	2013200629	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/06/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,41	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5760	2013200587	PHẠM TRUNG	NGHĨA	15/04/2000	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,88	80	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5761	2013200041	PHẠM THỊ MINH	NGỌC	24/08/2000	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,12	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5762	2013204762	LÊ THỊ UYÊN	NHI	10/03/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5763	2013200869	NGUYỄN THỊ BÍCH	NHI	02/02/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5764	2013200582	NGUYỄN LÊ HỒNG	PHÚC	30/09/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,75	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5765	2013200394	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	13/12/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5766	2013200396	LÊ TRUNG	QUỐC	19/10/2000	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,92	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5767	2013200401	NGUYỄN VÕ TẤN	QUYỀN	27/04/1999	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5768	2013200404	NGUYỄN THANH	TÀI	28/02/2001	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,81	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5769	2013201433	TRẦN THỊ THU	THẢO	01/09/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5770	2013201530	VÕ HUYỀN MAI	THẢO	12/03/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,86	71	Khá	40%		0	
5771	2013200228	NGUYỄN PHƯỚC	THỐNG	22/07/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5772	2013200287	DƯƠNG THỊ MINH	THU	23/03/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,53	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5773	2013200393	NGUYỄN ANH	THY	21/05/2000	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5774	2013200683	NGUYỄN DIỆP TUỜNG	VY	19/01/2002	Lớp 11DHQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,41	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5775	2013200565	TRẦN BẢO	CHI	27/09/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,84	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5776	2013205417	PHẠM THỊ MỸ	CHUNG	22/06/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5777	2013201231	LÊ THỊ	DIỆU	14/01/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,94	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5778	2013201402	NGUYỄN ANH	ĐỨC	11/08/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5779	2013200361	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	16/07/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5780	2013205415	ĐÌNH THÀNH	DUY	12/04/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,81	70	Khá	40%	14.934.000	5.973.600	
5781	2013201047	LÊ KHÁNH	DUY	11/09/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,62	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5782	2013200750	NGUYỄN THỊ MINH	HẠNH	10/08/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,76	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5783	2013201240	TRỊNH HÙNG	HIẾU	23/04/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5784	2013201075	NGUYỄN THỊ ÁNH	HỒNG	21/04/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,04	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5785	2013201123	PHAN MINH	KIÊN	07/05/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,14	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5786	2013200068	NGUYỄN VĂN	KIỆT	27/04/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5787	2013201218	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	05/04/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5788	2013200266	ĐỒNG TUYẾT	MAI	31/07/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5789	2013200260	BÙI THỊ KIM	NGUYỄN	19/01/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5790	2013200197	PHẠM THỊ THÚY	NGUYỄN	30/06/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,54	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5791	2013200650	VÕ THỊ QUỲNH	NHU	28/06/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,82	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5792	2013201010	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	11/03/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5793	2013200056	ĐOÀN LÊ Y	PHỤNG	02/01/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5794	2013201239	NGUYỄN ĐẶNG	SA LY	14/09/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5795	2013200557	PHAN THÁI	TÂM	11/01/2000	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5796	2013200225	TRƯƠNG THỊ THU	TÂM	23/07/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5797	2013201092	LÊ THỊ HÙNG	THỊNH	20/03/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5798	2013201024	NGUYỄN THỊ BÍCH	THÙY	09/01/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,72	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5799	2013200060	TRẦN QUỲNH HÀ	THY	05/03/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,53	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5800	2013200495	TÔ THỊ THANH	TRÂM	21/05/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,15	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5801	2013201034	TRẦN THỊ BỬU	TRÂN	18/04/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,41	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5802	2013200535	TRẦN THỊ HUẾ	TRÂN	11/07/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,77	80	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
5803	2013201223	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	14/08/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,6	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5804	2013200453	NGUYỄN THỊ KIM	TRÚC	03/01/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5805	2013201293	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	09/10/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5806	2013200381	HUỲNH THỊ TÚ	TÚ	07/07/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,88	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5807	2013200812	NGUYỄN THUY MINH	TUYỀN	27/05/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5808	2013200045	LÊ HOÀNG	VĨ	25/02/2001	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5809	2013201117	VÔ THỊ THẢO	VY	09/08/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5810	2013200353	HUỲNH THỊ LỆ	XUÂN	18/02/2002	Lớp 11DHQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5811	2013200649	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	24/08/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5812	2013200093	PHẠM THỊ KIỀU	DIỄM	04/09/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5813	2013205241	LÂM KIỀU	DUYÊN	28/10/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,02	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5814	2013200818	NGUYỄN THANH	HÀNG	12/08/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,51	78	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
5815	2013200523	TÔ THANH	HẬU	01/10/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,22	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5816	2013201364	PHẠM MINH	HIỀN	01/07/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5817	2013205265	ĐẶNG THỊ KIM	HUỆ	08/08/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5818	2013200417	ĐINH THỊ NGỌC	HUỆ	27/03/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5819	2013201175	PHẠM MAI	HƯƠNG	08/11/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5820	2013200181	LÝ HOÀNG	KHA	19/03/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5821	2013200486	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	24/07/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5822	2013201710	LÊ THỊ MỸ	LINH	29/12/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,63	70	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
5823	2013200235	HỒ SĨ	LỘC	26/04/2001	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,07	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5824	2013200236	HUỲNH THỊ	LY	09/06/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5825	2013200732	LÝ NHẠC	MY	20/01/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,81	70	Khá	40%	15.343.000	6.137.200	
5826	2013200576	HUỲNH NGỌC	NGÂN	15/03/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,45	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
5827	2013200084	ĐOÀN NHƯ YẾN	NGỌC	04/01/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5828	2013200189	TRẦN NGỌC	NHIÊN	29/05/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,4	91	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5829	2013201087	NGUYỄN NAM	PHUỒN G	11/11/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,49	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
5830	2013200615	NGUYỄN VŨ MINH	QUÂN	10/06/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,77	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5831	2013201212	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	22/10/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,66	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5832	2013201322	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	29/08/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5833	2013200610	NGUYỄN PHƯỚC	SANG	11/10/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5834	2013201357	TRẦN THANH	TÂN	10/06/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,14	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5835	2013200348	TRẦN PHƯỚC	THIỆN	04/06/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,34	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5836	2013200174	TRẦN MINH	THƯ	08/05/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5837	2013200454	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	TRÂN	21/12/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5838	2013200566	DƯƠNG MINH	VŨ	18/12/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,83	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5839	2013201382	HOÀNG TRIỆU	VY	09/02/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5840	2013200687	CHÂU LÊ HOÀNG	YẾN	10/08/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,28	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5841	2013200195	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	YẾN	13/11/2002	Lớp 11DHQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,34	82	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5842	2013202008	NGUYỄN CAO NGỌC	ÂN	20/06/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,32	86	Giỏi	60%	11.436.000	6.861.600	
5843	2013201020	HOÀNG QUỐC	BẢO	28/06/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5844	2013200829	PHẠM THỊ NGỌC	BÌNH	08/11/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5845	2013200448	HUỖNH HOÀNG	DUY	13/03/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,79	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5846	2013201423	NGUYỄN BÁ	DUY	28/09/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,44	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5847	2013201017	LÊ VĂN	HOÀI	27/03/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,73	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5848	2013205221	DUƠNG THỊ XUÂN	HƯƠNG	19/10/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,7	122	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5849	2013201095	VĂN ĐỨC	HỮU	12/04/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5850	2013201632	LÊ MINH	HUY	01/04/1999	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,23	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
5851	2013200651	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	20/09/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5852	2013201341	LÊ THỊ TÀI	LINH	26/12/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,84	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5853	2013200229	NGUYỄN NGỌC MỸ	LINH	16/04/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5854	2013200715	TRẦN LỆ	MI	08/05/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,43	84	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5855	2013200472	NGUYỄN THỊ	MY	04/02/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,24	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5856	2013201251	NGUYỄN DUƠNG PHƯƠNG	NGHI	10/08/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,32	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5857	2013201507	NGUYỄN THỊ YẾN	NGHI	11/08/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5858	2013200572	NGÔ TUYẾT	NHI	19/08/2001	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5859	2013201195	TRẦN NGỌC	NHUNG	13/12/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5860	2013201287	LÊ THỊ KIM	PHỤNG	13/10/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,6	80	Khá	40%	12.328.025	4.931.210	
5861	2013200328	PHẠM NGỌC BẢO	QUYÊN	04/03/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5862	2013201277	BÙI THỊ NHƯ	QUỖNH	14/06/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,97	84	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5863	2013201480	NGUYỄN NGỌC	SƠN	21/12/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5864	2013201374	NGUYỄN VŨ	THANH	19/10/2001	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,66	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5865	2013201227	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	29/08/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5866	2013201379	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	30/09/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,68	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5867	2013201048	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	30/03/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,94	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5868	2013201306	VÕ THỊ BÍCH	TRÂM	25/09/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,68	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5869	2013201298	HUỖNH THỊ CẨM	TÚ	03/06/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,36	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5870	2013200593	TRỊNH HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	26/01/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,81	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5871	2013200224	LÊ TUYẾT	VÂN	08/05/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5872	2013200571	HUỖNH THỊ THÚY	VI	01/05/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,41	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5873	2013201192	NGUYỄN HÀ LAN	VI	28/09/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,02	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5874	2013201171	TRỊNH THỊ NGỌC	VŨ	09/03/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5875	2013200310	LÊ THỊ TRÚC	VY	16/10/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,84	108	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5876	2013200004	TRẦN HOÀNG	YẾN	16/02/2002	Lớp 11DHQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,39	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
5877	2013200425	TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	DU	05/01/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5878	2013200579	LÊ THỊ MỸ	HUỆ	10/03/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,99	117	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5879	2013201485	LẠI VĂN KHÁNH	HÙNG	17/08/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	127	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5880	2013200082	LÊ THỊ CẨM	HƯƠNG	10/12/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	9,04	118	Xuất sắc	100%	11.624.000	11.624.000	
5881	2013205232	TRƯƠNG THANH	HUYỀN	25/11/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,6	94	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5882	2013201301	VÔ NGỌC	KIÊN	13/02/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5883	2013205299	NGUYỄN LÂM TUẤN	KIỆT	23/05/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,84	98	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5884	2013201359	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	24/03/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,34	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5885	2013200578	TRƯƠNG THÁI THÙY	LINH	16/06/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,01	101	Giỏi	60%	11.436.000	6.861.600	
5886	2013205338	VĂN MỸ	LINH	22/05/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,7	76	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5887	2013200163	TRẦN THỊ NHƯ	NGỌC	20/08/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,46	70	Khá	40%	13.289.000	5.315.600	
5888	2013200028	TRƯƠNG QUỲNH THẢO	NGUYỄN	28/09/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5889	2013200389	PHẠM THỊ THANH	NHI	29/10/1999	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	118	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5890	2013201365	TRƯƠNG LAI	PHÚC	24/07/2001	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5891	2013200277	NGUYỄN NGỌC	THÚY	05/11/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,08	87	Giỏi	60%	11.436.000	6.861.600	
5892	2013201288	NGUYỄN VĂN	TIẾN	28/12/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,07	70	Khá	40%	14.035.000	5.614.000	
5893	2013201441	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂN	25/03/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5894	2013200691	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TRINH	11/08/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5895	2013201493	VƯƠNG VĂN	TUYẾN	14/10/2001	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5896	2013200244	NGUYỄN HOÀI THANH	TUYẾT	30/06/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,49	70	Khá	40%	13.289.000	5.315.600	
5897	2013201404	NGUYỄN THỊ	ÚT	04/06/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,81	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5898	2013200062	HUỖNH THỊ TƯỜNG	VI	19/10/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,34	104	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
5899	2013200455	VÔ NGUYỄN TƯỜNG	VY	16/08/2002	Lớp 11DHQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,83	106	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5900	2013200106	LƯƠNG THỊ THANH	AN	21/09/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,43	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5901	2013201166	TRẦN NHẬT	AN	10/05/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,1	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5902	2013200498	BIỆN LIÊN	ANH	02/09/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,16	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5903	2013201674	LÊ THỊ TÚ	ANH	19/10/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5904	2013201326	LÊ THỊ NGỌC	CHÂU	04/09/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5905	2013201052	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ĐÀO	24/01/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5906	2013201276	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	20/09/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,46	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5907	2013201096	HỒ THỊ MỸ	DUYÊN	02/08/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5908	2013201086	LÊ KIM	DUYÊN	05/03/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,54	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5909	2013200569	LÊ TẤN	HÀO	19/05/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,69	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5910	2013201321	ĐÀO THỊ	HIẾU	26/05/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5911	2013200748	PHẠM THỊ BÉ	HIẾU	27/04/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,76	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5912	2013201154	LÊ TRUNG	HOÀNG	18/01/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,28	183	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5913	2013201140	ĐỖ NGỌC TUỜNG	LAM	24/11/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,94	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
5914	2013201636	LÊ THỊ PHƯƠNG	LAN	27/06/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,51	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5915	2013201046	NGUYỄN THỊ	LỘC	01/03/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5916	2013200911	HUỶNH CẨM	LY	14/07/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,57	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5917	2013200667	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	22/02/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,79	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5918	2013205305	LÊ THỊ TUYẾT	MINH	08/04/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,41	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5919	2013201001	TRẦN THỊ THÚY	NGA	21/10/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,61	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5920	2013201554	LÂM YẾN	NHI	20/10/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5921	2013200122	ĐẶNG KIM	TẠI	07/01/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5922	2013200437	DƯƠNG THỊ NGỌC	THANH	22/01/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5923	2013200815	TRẦN ĐÀO PHƯƠNG	THANH	09/09/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,13	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5924	2013201460	PHẠM THANH	THÚY	17/09/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5925	2013200890	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRẦN	10/06/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,45	82	Khá	40%	12.696.000	5.078.400	
5926	2013200187	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	24/05/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,06	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5927	2013200469	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	09/09/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5928	2013201268	ĐÀO VĂN	TRUNG	28/02/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5929	2013200108	BÙI THANH	TUYỀN	24/12/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,75	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5930	2013201553	NGUYỄN MAI THANH	TUYỀN	06/01/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,99	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5931	2013200834	MAI BẢO	VI	08/08/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,47	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5932	2013200528	TRẦN THỊ TUYẾT	VY	10/10/2002	Lớp 11DHQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,51	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5933	2013200516	NGUYỄN THÚY	AN	15/09/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5934	2013200331	ĐỖ TRƯỜNG	CHINH	14/02/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5935	2013200533	TRẦN THỊ HOA ANH	ĐÀO	02/05/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5936	2013200491	NGUYỄN THÙY	DUYÊN	28/07/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,98	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5937	2013201436	ĐẶNG THỊ THU	HƯƠNG	06/10/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5938	2013200285	TRẦN MẠNH	KHÔI	13/09/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5939	2013201261	KHUƠNG THỊ THẢO	LINH	24/09/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,98	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5940	2013201535	TRẦN THỊ	LINH	01/04/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,44	70	Khá	40%	13.831.000	5.532.400	
5941	2013200190	NGUYỄN THỊ NI	NA	24/07/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,34	76	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5942	2013205378	HỒ THỊ KIM	NGÂN	01/04/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5943	2013200121	LÊ THANH	NHÂN	09/11/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,21	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5944	2013201099	NGUYỄN NGỌC NGUYỆT	NHU'	18/05/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5945	2013200681	TRẦN THỊ QUỲNH	NHU'	23/07/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,72	112	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5946	2013200487	NGUYỄN BÌNH	PHƯỚC	28/01/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,02	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5947	2013200646	NGUYỄN TRUNG	QUÂN	18/10/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,23	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5948	2013200192	NGUYỄN THỊ THANH	QUYÊN	17/08/2001	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,82	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5949	2013200843	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	23/12/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,84	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5950	2013200534	NGUYỄN HÀ THANH	THẢO	27/09/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5951	2013200247	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/11/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,56	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5952	2013201677	HUỲNH THỊ MINH	THƯ	14/11/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,21	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5953	2013200424	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY	22/08/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,38	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5954	2013201387	ĐINH THỊ BÍCH	TRÂM	08/05/2001	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5955	2013201646	ĐINH THỊ THÙY	TRANG	08/12/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,38	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
5956	2013201667	PHẠM THỊ TÚ	TRINH	07/02/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,33	70	Khá	40%	11.436.500	4.574.600	
5957	2013200438	LÊ TƯỜNG	TRUNG	19/03/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5958	2013200530	PHẠM NGỌC VÂN	TUYỀN	15/10/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5959	2013200267	VÔ THỊ KIM	TUYẾT	07/10/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,57	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5960	2013200511	TRẦN THỊ THANH	VÂN	27/08/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5961	2013200585	LÊ TRƯỞNG TƯỜNG	VY	28/09/2002	Lớp 11DHQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5962	2013200826	ĐỒNG NGUYỄN HOÀNG	ANH	06/09/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,83	92	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5963	2013201156	TRẦN NHƯ	ANH	16/01/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5964	2013201022	DƯƠNG QUẾ	CHI	19/11/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5965	2013201077	LÊ TIẾN	ĐẠT	18/10/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5966	2013201235	ĐỖ HUỲNH MỸ	DIỄM	06/07/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5967	2013200614	NGUYỄN HỒNG AN	HẠ	25/11/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5968	2013201110	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	25/09/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5969	2013201026	TRẦN PHƯƠNG BẢO	HÂN	20/01/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5970	2013201005	TRẦN THỊ TÚ	HẢO	21/11/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5971	2013200541	PHẠM THỊ KIỀU	LINH	08/09/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,17	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5972	2013201309	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	26/08/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,03	118	Giỏi	60%	13.610.000	8.166.000	
5973	2013200622	NGUYỄN KIM	NGÂN	14/12/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,86	119	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
5974	2013200604	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	01/08/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,12	95	Giỏi	60%	13.610.000	8.166.000	
5975	2013200866	TRẦN PHẠM HỒNG	NGỌC	12/03/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5976	2013200332	DƯƠNG MINH	NHẬT	08/10/2000	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,87	70	Khá	40%	13.831.000	5.532.400	
5977	2013201518	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	22/02/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,39	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
5978	2013200152	NGUYỄN VĂN	QUỐC	20/09/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5979	2013200726	NGUYỄN HOÀI THẢO	QUYÊN	21/07/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,25	86	Giỏi	60%	13.610.000	8.166.000	
5980	2013200001	VÕ THỊ THU	SANG	20/03/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	25	7,99	87	Khá	40%	18.999.000	7.599.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5981	2013201297	NGUYỄN NGỌC THU	THẢO	07/05/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5982	2013201082	NGUYỄN NGỌC MINH	THU	17/06/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5983	2013201162	NGUYỄN LÊ THỦY	TIÊN	09/08/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5984	2013201513	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	03/12/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,23	125	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
5985	2013201463	NGUYỄN THẢO	VI	21/07/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,1	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5986	2013201065	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	08/04/2002	Lớp 11DHQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,02	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5987	2013200283	TRẦN THỊ THU	DIỄM	25/07/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5988	2013201486	NGUYỄN TẤN	DŨNG	15/04/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,03	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
5989	2013200640	NGUYỄN VÕ HỒNG	DUYÊN	22/08/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,16	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5990	2013200836	NGUYỄN THỊ CẨM	HÀ	04/12/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,4	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
5991	2013200164	NGUYỄN QUỐC	HUY	09/10/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5992	2013200271	PHÙNG THỊ NGỌC	HUYỀN	09/04/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5993	2013200073	ĐỒNG ĐÀO TÙNG	LÂM	26/11/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	97	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5994	2013201428	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	23/12/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5995	2013200324	TRẦN NGỌC BÌNH	NGUYỄN	17/03/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5996	2013201532	HUỲNH THỊ TÚ	NHI	12/12/2001	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,12	70	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	
5997	2013200513	LÂM NGỌC	NHƯ	11/09/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	97	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
5998	2013200803	NGUYỄN MAI ANH	QUÂN	22/05/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
5999	2013200146	TRẦN THỊ XUÂN	SAN	30/12/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,93	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6000	2013205483	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	28/07/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,24	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6001	2013205444	LÊ HOÀNG	THÔNG	08/02/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,21	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6002	2013200059	HUỖNH THỊ KIM	THU	22/09/2001	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6003	2013200134	PHẠM THỊ	THU	09/12/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6004	2013201069	TRỊNH THỊ MỘNG	THUỖN G	12/05/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,78	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6005	2013200878	HỒ THỊ THẢO	TIỀN	01/01/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,98	76	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
6006	2013200678	NGUYỄN VŨ THÙY	TRANG	01/01/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,02	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6007	2013201539	NGUYỄN THANH	TRÚC	13/11/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	24	7,68	70	Khá	40%	15.972.000	6.388.800	
6008	2013201112	NGUYỄN KIM	TUYẾN	28/02/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6009	2013201203	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	08/01/2002	Lớp 11DHQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,67	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6010	2013201327	ĐỖ CAO THU	AN	24/09/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,14	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6011	2013200054	PHẠM NGUYỄN NGỌC	ÁNH	14/05/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,1	80	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6012	2013200137	ĐỒNG TIÊU	BẢO	14/11/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6013	2013201320	NEANG CHANH	ĐA	15/01/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6014	2013200157	LÊ THỊ HUYỀN	DUNG	31/05/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,66	79	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6015	2013201208	NGUYỄN THỊ MỘNG	GIÀU	14/04/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,67	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6016	2013201130	NGUYỄN THỊ	LOAN	08/11/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,23	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6017	2013200450	BÙI ĐỨC	LỢI	21/09/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,59	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6018	2013201315	LÊ THỊ TRÀ	MY	05/10/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,5	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6019	2013200240	VÕ MỸ HOÀNG TRÀ	MY	20/06/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,18	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6020	2013200166	NÉANG LÉT KHÊ	NA	06/03/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,84	70	Khá	40%	11.020.000	4.408.000	
6021	2013201388	LÊ THỊ NGỌC	NGÂN	20/05/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,5	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6022	2013201118	NGUYỄN TRẦN THANH	NHÂN	21/04/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	99	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6023	2013201177	HÀ TRẦN TRỌNG	NHÂN	04/09/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,61	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6024	2013201438	TRẦN THỊ THANH	NHÀNG	12/07/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,71	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6025	2013201038	BÙI THỊ YẾN	NHI	01/11/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,11	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6026	2013201256	NGUYỄN THỊ TRÚC	NHI	02/10/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6027	2013200135	PHAN THỊ MINH	NHI	05/02/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,61	93	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6028	2013201243	CHAU	NƯỞNG	24/11/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,84	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6029	2013201292	LÊ THỊ HỒNG	PHUỖN G	17/01/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,34	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6030	2013201062	VÕ PHƯƠNG	QUYÊN	12/04/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,69	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6031	2013200144	CHAU	RIÊM	01/01/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6032	2013200522	THÂN VĂN	TIỀN	28/10/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6033	2013200451	NGUYỄN VĂN	TOÀN	29/10/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,07	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6034	2013201088	ĐẶNG THỊ BÍCH	TRÂM	28/11/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,38	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6035	2013205268	LA ÁI	TRÂN	22/10/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,04	116	Giỏi	60%	12.255.000	7.353.000	
6036	2013205374	NGUYỄN CHÂU TÔN	TRẦN	30/09/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,78	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6037	2013200256	CAO THỊ THÙY	TRANG	03/04/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6038	2013200862	VÕ THỊ HUYỀN	TRANG	07/04/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,72	76	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6039	2013200255	PHẠM NGUYỄN THÙY	TRINH	16/07/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,26	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6040	2013200823	HUỲNH NGỌC	TUẤN	18/05/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,16	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6041	2013200467	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	09/11/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6042	2013201042	BÙI THỊ THÚY	UYÊN	17/09/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6043	2013200490	VÕ THANH	VUÔNG	21/06/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6044	2013201002	DANH THỊ MẪN	VY	16/08/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,24	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6045	2013201009	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	04/05/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,51	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6046	2013201662	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	05/10/2002	Lớp 11DHQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6047	2013201445	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	14/10/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,09	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6048	2013201284	TRẦN CÔNG	DANH	29/01/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6049	2013201080	TRƯƠNG ĐÌNH	DANH	14/08/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6050	2013200326	NGUYỄN CÔNG	ĐẠT	20/10/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6051	2013201500	BÙI THỊ NGỌC	DUYÊN	06/08/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,92	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6052	2013200584	NGUYỄN THỊ HỒNG	GIỎI	27/09/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,91	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6053	2013200618	TRẦN NGỌC	HÂN	17/01/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,59	70	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	
6054	2013201211	LÊ NGUYỄN MAI	HẠNH	13/02/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6055	2013201006	LÊ THỊ	HIỀN	13/01/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6056	2013204754	LÊ QUANG	HỢP	05/11/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6057	2013201150	NGUYỄN THANH	LAM	18/11/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6058	2013201362	LÊ CHÚC	LINH	25/07/2001	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,71	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6059	2013200355	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	09/01/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6060	2013200527	PHẠM THỊ MỸ	LINH	09/08/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,18	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6061	2013200526	PHẠM THỊ TRÀ	MI	20/11/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,7	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6062	2013200583	CHIÊU TUYẾT	MY	02/04/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,5	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6063	2013201361	LÝ MÂN	NGHI	14/05/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,68	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6064	2013200643	NGUYỄN THỊ	NGHĨA	10/05/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6065	2013200052	NGUYỄN MỸ	NHI	17/11/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6066	2013200215	NGÔ THỊ MỸ	NHUNG	05/04/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6067	2013201319	TRẦN MINH	QUANG	09/09/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,37	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6068	2013201653	VÕ THÀNH	THẮNG	17/11/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6069	2013200631	HỒ THU	THẢO	16/08/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,71	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6070	2013201386	DUỖNG THỊ	THU	16/04/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,23	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6071	2013201353	PHẠM NGỌC	THÙY	07/12/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,51	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6072	2013200521	THÂN THỊ KIM	TRANG	03/07/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6073	2013205362	TRẦN THÙY	TRANG	23/09/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,01	70	Khá	40%	13.326.000	5.330.400	
6074	2013200642	NGUYỄN HỮU THIÊN	TRÍ	01/12/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,74	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6075	2013205347	NGUYỄN VIỆT	TRINH	14/07/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6076	2013200010	NGUYỄN THỊ NGỌC	VUỖNG	25/03/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,36	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6077	2013201084	HUỖNH TRẦN THẢO	VY	16/01/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6078	2013202604	NGÔ KHÁNH TUỖNG	VY	02/12/2002	Lớp 11DHQT11	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,66	70	Khá	40%	12.255.000	4.902.000	
6079	2013201179	HOÀNG MỸ BẢO	ANH	06/10/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,58	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6080	2013202026	NGUYỄN TRẦN HẢI	ÂU	01/01/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6081	2013201601	HÀ THỊ HƯƠNG	ĐẠT	10/02/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,44	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6082	2013202056	NGÔ LÊ QUỐC	ĐẠT	02/04/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6083	2013202060	NGUYỄN DƯƠNG QUỐC	ĐẠT	19/04/2001	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,36	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6084	2013201229	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ĐOAN	26/11/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,84	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6085	2013200658	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	HÀNG	13/10/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,87	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6086	2013201255	TRẦN THỊ THU	HIỀN	06/04/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6087	2013201159	NGUYỄN HUỲNH THÚY	KIỀU	17/08/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6088	2013201245	NGUYỄN THỊ	LINH	10/01/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	178	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6089	2013202224	NGUYỄN CHÂU	LONG	12/06/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,57	128	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6090	2013202231	NGUYỄN LÊ TRÚC	LY	20/04/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6091	2013201169	VÕ THỊ MAI	LÝ	29/09/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,59	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6092	2013201148	HÀ THỊ HUYỀN	MY	16/12/2001	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,87	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6093	2013202265	VÕ THÚY	NGA	01/02/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6094	2013201202	LÊ THANH	NGÂN	15/10/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6095	2013200091	LÊ TRẦN THÚY	NGÂN	10/02/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6096	2013201337	NGUYỄN ĐÀO YẾN	NHI	22/08/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6097	2013202336	TRẦN THANH	NHỤT	15/09/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9	238	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
6098	2013201688	NGUYỄN THANH LY	NY	08/06/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,77	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6099	2013201045	NGUYỄN THỊ THANH	QUÁ	03/02/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6100	2013201371	LÊ NGỌC	QUYÊN	06/08/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6101	2013201176	LÊ THỊ NHƯ	QUỖNH	02/04/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6102	2013201318	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	19/07/2001	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6103	2013201465	TRƯƠNG HOÀNG XUÂN	QUỖNH	11/10/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6104	2013201484	TRẦN NGỌC THANH	TÂM	22/06/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6105	2013201041	BÙI MINH	THIỆU	22/07/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,68	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6106	2013201659	LÂM NGUYỄN ANH	THƯ	13/09/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,02	87	Giỏi	60%	0	0	
6107	2013202479	HUỖNH THỊ MINH	TIẾN	15/02/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6108	2013202490	LÊ TRƯƠNG KIỀU	TRÂM	06/01/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6109	2013200636	LÊ THỊ QUẾ	TRÂN	15/11/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,64	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6110	2013200156	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	27/05/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6111	2013202527	NGUYỄN LÊ THANH	TRÚC	16/12/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6112	2013202563	ĐÀM THỊ KIỀU	UYÊN	28/07/2001	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6113	2013200241	HỒ CÔNG	VŨ	11/03/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6114	2013205408	HỒ QUANG	VŨƠNG	21/02/2002	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,39	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6115	2013201012	NGUYỄN VĂN	VŨƠNG	12/12/2001	Lớp 11DHQT12	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6116	2013202013	NGUYỄN TUẤN	ANH	27/06/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,43	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6117	2013202029	TRẦN NGỌC	BÍCH	29/11/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,88	70	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
6118	2013202052	PHẠM ĐÌNH HẢI	ĐĂNG	07/09/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,09	70	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	
6119	2013202074	PHẠM QUANG TUẤN	DŨNG	18/01/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6120	2013202092	HỒ THỊ MỸ	DUYÊN	03/07/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6121	2013202114	NGÔ THỊ	HÀNG	08/12/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6122	2013202118	NGUYỄN THỊ	HẠNH	16/11/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,9	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6123	2013202150	HUỖNH THỊ KIM	HOÀNG	10/04/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,02	70	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
6124	2013202178	ĐỖ THỊ ĐÔNG	HUYỀN	10/06/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6125	2013202221	LƯƠNG THỊ THÙY	LINH	22/11/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6126	2013201230	TRẦN THỊ HOÀI	MY	02/03/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	83	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6127	2013202256	VÕ NGUYỄN ÁI	MY	22/11/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6128	2013201545	PHẠM NGUYỄN THANH	NGÂN	12/04/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,51	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6129	2013202298	NGUYỄN THANH	NHÂN	26/11/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,95	78	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6130	2013202334	THÁI NGUYỄN HỒNG	NHUNG	27/09/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6131	2013202341	TRẦN THỊ THÚY	OANH	02/02/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,57	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6132	2013202376	NGUYỄN NGỌC MINH	PHUON G	13/11/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,3	74	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6133	2013202381	TRỊNH	QUANG	15/12/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6134	2013200632	NGUYỄN QUANG	SƠN	15/03/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6135	2013202413	VÕ THỊ DIỄM	SƯƠNG	23/07/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6136	2013200832	TRẦN THỊ THANH	THẢO	23/08/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6137	2013202454	BÙI THỊ ANH	THƯ	06/05/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,02	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6138	2013201412	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	08/10/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6139	2013202464	VÕ THỊ CẨM	THÚY	24/12/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,03	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6140	2013203069	VŨ THỊ BÍCH	TRÂM	01/08/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6141	2013200912	VÕ ANH	TUẤN	01/02/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,18	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6142	2013202554	PHẠM TRẦN LỆ	TUYẾT	27/12/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,32	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6143	2013205252	PHAN THỊ	Ý	20/07/2002	Lớp 11DHQT13	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6144	2013202002	NGUYỄN HỒ KHÁNH	AN	14/04/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6145	2013202010	TRẦN DƯƠNG THY	ÂN	02/02/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,17	72	Khá	40%	12.760.000	5.104.000	
6146	2013202148	NGUYỄN ANH	HOÀI	06/12/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,57	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6147	2013202163	NGUYỄN THỊ HUỲNH	HƯƠNG	08/09/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6148	2013201665	NGUYỄN THỊ XUÂN	HƯƠNG	17/03/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6149	2013202179	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	22/07/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,47	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6150	2013202188	TRẦN MỸ	KHANH	14/09/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,46	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6151	2013202198	NGUYỄN TRỌNG	KIÊN	19/07/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,32	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6152	2013202223	NGUYỄN XUÂN	LỘC	02/02/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,49	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6153	2013202241	LÀU GIA	MẮN	27/11/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,32	72	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
6154	2013200698	ĐOÀN THỊ THUÝ	MY	22/10/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6155	2013202270	LÊ THỊ PHƯƠNG	NGÂN	11/07/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,32	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6156	2013202391	LƯU THỊ KIM	QUYỀN	08/11/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,43	70	Khá	40%	11.340.000	4.536.000	
6157	2013202390	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYỀN	08/12/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,43	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6158	2013202482	THÁI THỊ KIM	TIỀN	14/09/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6159	2013202493	NGÔ BẢO	TRÂN	29/10/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6160	2013202492	NGUYỄN PHƯƠNG	TRÂN	23/07/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,64	72	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6161	2013201679	NGUYỄN THÙY	TRANG	10/08/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,56	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6162	2013202531	TRẦN THANH	TRÚC	03/11/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,54	72	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6163	2013202582	NGUYỄN QUANG	VINH	13/09/2002	Lớp 11DHQT14	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,5	72	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6164	2013204751	ĐÀO THỊ HOÀNG	ANH	04/03/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6165	2013202032	PHẠM THỊ NHƯ	BÌNH	13/05/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6166	2013202039	NGÔ THỊ BÍCH	CHI	13/02/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6167	2013202057	NGUYỄN VĂN THÀNH	ĐẠT	22/05/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,71	89	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6168	2013203014	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	18/07/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6169	2013202085	TRẦN ĐÌNH	DUY	20/02/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,83	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6170	2013202089	PHAN THỊ HỒNG	DUYÊN	19/07/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6171	2013202152	TRẦN NGUYỄN HUY	HOÀNG	09/12/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,41	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6172	2013202186	LÊ ĐÀO TUỆ	KHANH	19/08/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6173	2013202202	NGÔ THỊ DIỄM	KIỀU	06/07/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6174	2013202204	PHẠM THỊ KHÁNH	LAM	31/05/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6175	2013202211	DƯƠNG VĂN	LÊN	18/11/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,57	74	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6176	2013202235	NGUYỄN THỊ	MAI	10/04/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,43	65	Khá	40%	2.174.000	869.600	
6177	2013202242	LÝ BÙI GIA	MẦN	14/04/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6178	2013202281	NGUYỄN VIỆT KHÁNH	NGỌC	29/05/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6179	2013205445	TRẦN TRƯỞNG HOÀNG	NGUYỄN	03/03/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,66	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6180	2013202304	NGÔ THẢO	NHI	18/02/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,83	82	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6181	2013203006	PHAN BẢO	NHI	22/05/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,01	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6182	2013202335	LÂM THỊ HỒNG	NHUNG	11/04/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6183	2013202416	TRẦN ANH	TÀI	24/06/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6184	2013202450	HỒ MINH	THƯ	25/08/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6185	2013202546	PHẠM LANG	TUÔNG	10/11/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6186	2013202553	HỒ TRÚC	TUYỀN	18/08/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,1	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6187	2013205489	NGUYỄN THIÊN ÁI	VI	02/09/2002	Lớp 11DHQT15	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,21	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6188	2013203035	TRẦN NGỌC TUYẾT	ANH	06/05/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,1	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6189	2013202073	ĐỖ THỊ HOÀNG	DUNG	05/04/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6190	2013202071	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	09/11/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6191	2013202078	TRƯƠNG THỊ THÙY	DƯƠNG	24/10/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,84	76	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
6192	2013202086	LÊ THÚY	DUY	10/12/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6193	2013202157	LÊ THỊ DIỆP	HỒNG	06/08/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6194	2013200031	NGUYỄN TRẦN THỊ LỆ	HUYỀN	18/08/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6195	2013203067	TRẦN PHAN TUẤN	KHOA	10/05/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,37	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6196	2013202215	LÊ NGỌC PHƯƠNG	LINH	08/05/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,58	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6197	2013201133	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	11/08/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,88	70	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
6198	2013202240	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	02/02/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6199	2013202257	NGÔ TRÀ	MY	29/11/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6200	2013202271	HỒ THỊ KIM	NGÂN	28/04/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,53	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6201	2013202273	VÕ THỊ KIM	NGÂN	29/11/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6202	2013201259	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHẦN	14/06/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,6	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6203	2013202377	LẠI HUỖNH KIỀU	PHUỒN G	01/11/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,62	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6204	2013202400	PHẠM CHU THÚY	QUỲNH	06/09/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,5	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6205	2013202407	NGUYỄN NHẬT HOÀNG ĐA	SÔ	06/09/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,23	90	Giỏi	60%	11.436.000	6.861.600	
6206	2013202429	VÕ HOÀNG	THANH	08/07/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,57	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6207	2013202483	LÊ THỊ THANH	TIỀN	18/03/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,03	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6208	2013202513	PHAN MINH	TRÍ	22/02/2002	Lớp 11DHQT16	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6209	2013201236	CAO THỊ LAN	ANH	10/01/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,73	110	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6210	2013202020	NGÔ THỊ LAN	ANH	24/03/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6211	2013202033	ĐINH HẢI	BÌNH	22/03/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,34	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6212	2013202036	PHAN THỊ NGỌC	CẨM	01/08/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,16	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6213	2013201222	HUỖNH THỊ LỆ	CHI	23/12/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,59	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6214	2013202045	NGUYỄN THANH	CUÔNG	06/01/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,45	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6215	2013202084	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUY	16/11/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6216	2013202091	NGUYỄN VÕ NGỌC KỶ	DUYÊN	11/02/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,45	115	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6217	2013202103	LÊ THỊ HUỖNH	HẢI	09/05/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,56	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6218	2013201049	TRỊNH NAM	HẢI	14/01/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6219	2013202132	VÔ THỊ THU	HIỀN	11/03/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6220	2013202143	NGUYỄN NGỌC THÚY	HOA	05/11/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6221	2013201050	VĂN THỊ THU	HUYỀN	15/02/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6222	2013200475	ĐẶNG THỊ YẾN	LINH	07/04/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,77	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6223	2013202230	PHAN THANH	LY	20/03/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6224	2013203101	NGUYỄN KIM	LÝ	01/08/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6225	2013202236	NGUYỄN THỊ KIỀU	MAI	12/11/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6226	2013202243	HỒ PHƯƠNG	MINH	26/02/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,69	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6227	2013202262	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NAM	19/03/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,64	88	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6228	2013204090	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	22/12/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6229	2013200314	NGUYỄN THỊ TÚ	NGÂN	08/12/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6230	2013202268	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	23/09/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6231	2013202325	PHẠM HUỠNH	NHU	07/02/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,36	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6232	2013203051	MAI THỊ	NHUNG	03/09/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6233	2013202369	CAO THỊ THU	PHUON G	30/11/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6234	2013202395	NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	29/10/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,63	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6235	2013202425	THẠCH THỊ HỒNG	THẨM	17/06/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,51	75	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6236	2013201125	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	23/03/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,09	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6237	2013202443	MẠCH TRÍ	THIỆN	01/08/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6238	2013200871	TRẦN THỊ	THUỖN G	19/11/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,63	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6239	2013202571	MAI THỊ ÁI	VÂN	14/04/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6240	2013202607	LÊ THỊ NHƯ	Ý	02/05/2002	Lớp 11DHQT17	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6241	2013200637	QUAN HUỆ	ANH	05/02/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6242	2013202027	NGUYỄN BÁ XUÂN	BẮC	19/11/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,5	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6243	2013202038	NGUYỄN THỊ MỸ	CHI	16/05/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,02	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6244	2013202106	TRƯƠNG ĐẶNG NGỌC	HÂN	02/02/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6245	2013202133	BÙI HUY	HIỆP	06/03/2001	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,2	74	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6246	2013203072	NGUYỄN BẠCH	LONG	10/01/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,22	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6247	2013203034	NGUYỄN THANH	NAM	27/12/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,02	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
6248	2013202286	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	21/02/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,33	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6249	2013202316	VŨ THIÊN	NHI	25/02/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,94	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6250	2013202339	TRẦN THỊ NGỌC	OANH	12/01/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,48	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6251	2013202359	LÊ ANH	PHÚC	12/03/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,2	74	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6252	2013202360	PHẠM BẢO	PHÚC	13/08/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6253	2013202387	NGUYỄN THỊ	QUÝ	09/03/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,17	99	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6254	2013202394	LÊ THU	QUỖNH	08/01/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6255	2013202393	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỖNH	23/03/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6256	2013202430	NGUYỄN MẠNH	THÀNH	02/03/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6257	2013202435	HỒ THỊ VY	THẢO	04/03/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,56	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6258	2013202472	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIỀN	26/12/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,23	148	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
6259	2013202477	PHẠM TRUNG	TIỀN	22/03/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6260	2013202502	LÊ THỊ	TRANG	05/11/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,6	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6261	2013201432	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	29/08/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,5	197	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6262	2013202516	HỒ THỊ TUYẾT	TRINH	16/09/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6263	2013202519	KHÔNG THỊ NGỌC	TRINH	19/08/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6264	2013201066	NGUYỄN QUỐC	TÚ	26/11/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,57	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6265	2013203047	NGUYỄN HOÀNG THÚY	VI	09/01/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,81	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6266	2013203019	NGUYỄN TƯỜNG	VY	01/11/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6267	2013201220	TRẦN THỊ TƯỜNG	VY	09/12/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	98	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6268	2013202609	NGUYỄN THÀNH	Ý	29/08/2002	Lớp 11DHQT18	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,24	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6269	2013202025	LÊ THỊ	ẢNH	12/03/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,06	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6270	2013202051	NGUYỄN HOÀNG HẢI	ĐĂNG	14/08/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,56	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6271	2013202066	LÂM BÍCH	DOANH	19/12/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6272	2013202134	NGÔ THỊ NGỌC	HIẾU	29/10/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6273	2013201234	TRẦN VÕ	HOÀNG	17/09/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6274	2013203071	PHẠM THỊ BÍCH	HỢP	01/10/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6275	2013201335	PHẠM VĂN	KA	07/11/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6276	2013202209	BÙI THỊ NGỌC	LAN	14/05/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6277	2013202210	MAI NGỌC	LAN	30/06/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6278	2013202255	TRẦN THỊ TRÀ	MY	22/01/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,2	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6279	2013202279	NGUYỄN THANH	NGÂN	14/09/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6280	2013200088	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	27/02/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,63	98	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6281	2013202318	NGUYỄN THỊ MINH	NHU	18/03/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,15	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6282	2013202319	PHẠM NGỌC	NHU	17/10/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,4	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6283	2013202340	THÁI NGỌC	OANH	06/12/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6284	2013204124	NGUYỄN ĐỖ TRỌNG	PHƯỚC	24/02/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6285	2013201672	PHẠM QUỐC	THÁI	15/02/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,08	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6286	2013202462	LÊ THỊ CẨM	THÚY	16/05/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,21	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6287	2013201479	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	17/11/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6288	2013200441	MẠNH ĐIỂM KIỀU	TRINH	28/08/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,24	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6289	2013203075	PHAN THỊ NGỌC	TRINH	06/10/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6290	2013200079	TRẦN PHẠM CẨM	TÚ	18/03/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6291	2013201429	TRẦN QUỐC	TUẤN	07/10/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,11	70	Khá	40%	15.122.000	6.048.800	
6292	2013201237	THÁI THẢO	VÂN	04/06/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6293	2013202612	NGUYỄN DIỆP NGỌC	YẾN	24/10/2002	Lớp 11DHQT19	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,88	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6294	2013204003	NGUYỄN QUỐC	ĐAN	11/04/2001	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6295	2013203104	LƯƠNG MỸ	DUNG	04/08/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,6	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6296	2013203005	BÙI MINH	DUY	29/01/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,27	93	Giỏi	60%	11.436.000	6.861.600	
6297	2013205502	NGUYỄN THỊ	HUỆ	23/05/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,18	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6298	2013201606	LAI BẢO	HUY	19/10/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,91	70	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	
6299	2013205457	NGUYỄN VĂN	HUY	05/09/2001	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,6	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6300	2013200633	ĐỖ THỊ THÚY	LAN	01/10/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6301	2013201652	DƯƠNG THỊ HỒNG	LAN	31/01/2001	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6302	2013200677	TRẦN NGỌC	LINH	14/05/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6303	2013203037	ĐẶNG THỊ KIM	LOAN	05/03/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,82	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6304	2013202227	HOÀNG THỊ	LỰA	10/08/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6305	2013201451	ĐỖ THỊ MAI	NGÔN	06/01/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6306	2013200484	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	NHÂN	14/08/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,92	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6307	2013200312	THỦY THỊ YẾN	NHI	02/09/2001	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,53	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6308	2013202396	HÀ DIỄM	QUỲNH	02/04/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6309	2013202401	VÕ KIM	RIÊNG	11/11/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6310	2013201552	NGUYỄN NGỌC THÀNH	TÀI	25/02/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,19	110	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
6311	2013202461	PHẠM THỊ THU	THUỖN G	02/02/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6312	2013202494	HỒ NGỌC HUYỀN	TRÂN	25/06/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,7	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6313	2013202515	TRẦN NGỌC DIỄM	TRINH	05/04/2002	Lớp 11DHQT20	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6314	2013203096	PHẠM NGỌC THÁI	AN	16/03/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6315	2013203059	TRẦN HOÀNG MINH	AN	14/11/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,72	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6316	2013202012	TRƯƠNG THỊ LAN	ANH	25/12/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,47	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6317	2013203060	HOÀNG TIẾN	ĐẠT	21/02/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,33	80	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
6318	2013202095	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	25/08/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6319	2013202146	TRẦN THỊ THU	HÒA	01/04/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6320	2013203111	LÂM THỊ HỒNG	HƯƠNG	29/12/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6321	2013202194	HUỖNH THỊ TÚ	KHOA	07/04/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6322	2013204083	NGUYỄN VĂN	KHÔI	09/10/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6323	2013202208	VŨ NGỌC	LAN	14/11/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,95	146	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6324	2013202219	ĐÌNH KHÁNH	LINH	09/03/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6325	2013202245	VÕ CAO	MINH	19/06/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,43	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6326	2013202247	ĐÌNH THỊ NGỌC	MƠ	03/05/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,02	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6327	2013202264	NGUYỄN NHỰT	NAM	19/12/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6328	2013204087	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	03/05/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6329	2013202331	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	28/05/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6330	2013202338	LÊ VÕ HỒNG	NY	17/07/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,24	70	Khá	40%	11.602.500	4.641.000	
6331	2013202354	TRƯƠNG THỊ MỸ	PHÚC	27/07/2001	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,6	84	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6332	2013203074	ĐỖ NGUYỄN THUYỀN	QUYÊN	26/11/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,61	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6333	2013202426	HUỖNH HỒNG	THẨM	20/08/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,18	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
6334	2013203097	PHAN THỊ	THUỖN G	10/10/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,22	81	Giỏi	60%	120.000	72.000	
6335	2013204103	NGUYỄN THANH	TRÚC	18/11/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6336	2013202542	VÕ KIM	TUẤN	07/08/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6337	2013202566	VÕ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	02/01/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6338	2013202579	NGUYỄN THANH TRÚC	VI	06/02/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,67	94	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6339	2013203114	MÔNG QUỐC	VIỆT	28/02/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6340	2013202613	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	08/11/2002	Lớp 11DHQT21	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,83	94	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6341	2013205364	NGUYỄN THÚY	AN	21/12/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,03	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
6342	2013205320	HOÀNG VÂN	ANH	02/10/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,97	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6343	2013205426	PHẠM THỊ TÚ	ANH	02/11/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	24	7,3	70	Khá	40%	15.784.000	6.313.600	
6344	2013205249	NGUYỄN VĂN	BÔN	03/10/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6345	2013205440	PHẠM TÚ	ĐAN	01/01/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6346	2013204004	CAO NGỌC MỸ	DUYÊN	12/02/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,9	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6347	2013202090	LÊ THỊ BÍCH	DUYÊN	08/11/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,59	92	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6348	2013205355	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	20/12/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6349	2013205531	NGUYỄN THỊ GIA	HÂN	06/03/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,99	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6350	2013205472	NGUYỄN GIA	HÙNG	01/11/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,97	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6351	2013205279	NGUYỄN THÁI	HUY	25/04/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6352	2013205269	BÙI PHẠM BẢO	KHANG	05/01/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6353	2013203107	TRẦN THỊ NGỌC	KIỀU	17/05/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6354	2013205293	BÙI TRẦN QUANG	LINH	16/11/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6355	2013205270	LƯU TRẦN KIM	LONG	11/01/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,42	110	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6356	2013203049	ĐỖ THỊ	LƯƠNG	04/01/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,03	78	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6357	2013205359	TRƯƠNG VĂN	MẮN	26/08/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6358	2013202253	HUỶNH THỊ BÉ	MY	29/11/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,19	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6359	2013205348	TRẦN THỊ	NA	12/09/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	108	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6360	2013202267	NGUYỄN TRƯỜNG	NGA	23/11/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6361	2013205422	LÊ HỒNG	NGỌC	15/05/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,89	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6362	2013205243	NGUYỄN BẢO	NGỌC	11/06/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6363	2013205414	PHẠM HUỶNH BẢO	NGỌC	18/07/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,21	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6364	2013205503	TRƯƠNG VÕ QUỲNH	NHƯ	29/08/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,6	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6365	2013202370	TRƯƠNG THỊ NHƯ	PHUON G	28/03/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6366	2013205306	ĐẶNG THỊ	PHUON G	02/08/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6367	2013205314	NGUYỄN TẤN	QUỐC	04/02/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6368	2013204054	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	12/08/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,88	65	Khá	40%	704.025	281.610	
6369	2013204013	TRẦN HỮU	TÀI	27/03/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,76	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6370	2013203063	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	29/09/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6371	2013202438	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THẢO	16/05/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6372	2013201521	ĐỖ MINH	THU	29/11/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6373	2013205389	TRƯƠNG THỊ KIM	TRA	02/08/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,49	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6374	2013205446	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	17/07/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,4	82	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
6375	2013205272	LƯƠNG THỊ TUYẾT	TRINH	04/02/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,1	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6376	2013202525	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	14/08/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,32	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6377	2013203115	CẦN VĂN	TRUNG	30/09/2002	Lớp 11DHQT22	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6378	2013205319	ĐINH HỒNG	DỊU	12/01/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,57	101	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6379	2013205390	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	08/12/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6380	2013205315	CHÂU NGỌC	HÂN	09/01/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6381	2013205248	NGUYỄN BÙI NGỌC	HÂN	31/10/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6382	2013205508	NGUYỄN THỊ THANH	HÀNG	30/01/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,88	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6383	2013205337	PHAN THỊ NHƯ	HẢO	11/02/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6384	2013205514	MAI THỊ HẬU	HẬU	20/10/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,33	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6385	2013205455	PHẠM TĂNG	KIỆT	02/03/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,91	74	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6386	2013205289	DƯƠNG THÚY MỸ	KIỀU	16/06/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,52	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6387	2013205215	MAI THỊ HOÀNG	LAN	13/02/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,97	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6388	2013205381	PHẠM VĂN	LỰC	20/06/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,57	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6389	2013205384	NGUYỄN ĐỖ NGỌC	MY	02/11/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,32	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6390	2013205218	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MY	04/04/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6391	2013205429	BÙI THỊ HOÀI	NGỌC	18/12/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,67	90	Giỏi	60%	10.154.025	6.092.415	
6392	2013205356	LÊ NHƯ	NGỌC	11/02/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,22	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6393	2013205271	VÕ THỊ YẾN	NHI	24/09/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6394	2013205352	LÊ THỊ HỒNG	PHẦN	29/12/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,06	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6395	2013205349	NGUYỄN TRỌNG	PHÁT	18/05/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,16	82	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6396	2013205254	PHẠM THÀNH	PHÁT	20/08/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,12	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6397	2013205490	NGUYỄN HỒNG	PHÚ	05/07/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,2	82	Khá	40%	10.154.025	4.061.610	
6398	2013205512	PHẠM NHỊ	PHUON G	07/06/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6399	2013205441	THÁI THANH	TÂN	25/11/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6400	2013205425	DƯƠNG TRẦN MINH	TẤN	27/05/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,45	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6401	2013205419	LÊ HỒNG	THẨM	02/06/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,47	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6402	2013205452	DƯƠNG CHÍ	THANH	19/01/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6403	2013205368	MAI THỊ NGỌC	THẢO	16/05/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6404	2013205521	LƯƠNG THỊ HOÀI	THU	20/04/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6405	2013205485	LÊ QUANG	TIỀN	02/04/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,86	76	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6406	2013205465	LÊ TUYẾT	TRINH	01/08/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,2	82	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
6407	2013205286	NGÔ THỊ TUYẾT	TRINH	30/05/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6408	2013205405	ĐỒ THỊ KIM	TUYỀN	26/03/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,62	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6409	2013205532	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	17/12/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,37	76	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6410	2013205262	PHẠM NGUYỄN	VĂN	27/05/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6411	2013205339	NGUYỄN ĐỨC	VŨ	21/12/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6412	2013205479	THIỀU QUANG	VŨ	30/08/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,14	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6413	2013205237	PHẠM THÚY	VY	19/01/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6414	2013205360	NGUYỄN TÚ	XUYỀN	12/02/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,77	212	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6415	2013205257	ĐẶNG KIM	YẾN	08/07/2002	Lớp 11DHQT23	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,43	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6416	2013205517	LÊ PHẠM BẢO	AN	31/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6417	2013205302	TRẦN NGUYỄN THÁI	ANH	17/04/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6418	2013205250	NGUYỄN HỮU QUỐC	BẢO	09/12/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,59	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6419	2013205428	LÊ THỊ ANH	ĐÀO	10/02/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,14	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6420	2013205402	THÁI THỊ MỸ	DU	23/01/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,87	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6421	2013205255	BÙI NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	29/01/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6422	2013205310	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	03/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6423	2013204723	MAI VÕ BÍCH	HẠNH	06/03/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,69	78	Khá	40%	12.065.850	4.826.340	
6424	2013205325	LÊ XUÂN	HẬU	24/01/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6425	2013205393	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	22/04/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	103	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6426	2013205342	BÙI THỊ THU	HƯƠNG	11/09/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6427	2013205363	NGÔ ĐÌNH	HUY	23/03/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,91	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6428	2013205298	TRẦN VŨ	HUY	19/12/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,59	104	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6429	2013205225	DƯƠNG MỸ	HUYỀN	28/02/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,14	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6430	2013205220	TRẦN MINH	KHANG	12/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,18	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6431	2013205450	PHẠM ANH	KHOA	03/07/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,21	120	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6432	2013205361	TRẦN ĐĂNG	KHOA	19/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,32	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6433	2013205365	NGUYỄN HOÀNG	KIÊN	20/04/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6434	2013205394	NGUYỄN NGỌC TRÚC	LAM	14/01/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6435	2013205291	LÊ TRẦN THẢO	LY	16/12/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6436	2013205216	NGUYỄN QUANG	MINH	18/07/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	9,35	143	Xuất sắc	100%	9.450.000	9.450.000	
6437	2013205242	TRẦN HUYỀN	MY	16/03/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6438	2013205477	MAI THỊ HIỆU	NGÂN	10/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6439	2013205345	NGUYỄN THỊ THÙY	NGÂN	04/02/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,58	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6440	2013205515	MAI NGỌC UYÊN	NHI	22/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,33	74	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6441	2013205493	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	25/06/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,92	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6442	2013205329	ĐOÀN THỊ KIỀU	OANH	14/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6443	2013205430	GIÁP LƯU	PHÚ	11/07/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,57	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6444	2013205397	VÕ NGỌC KIỀU	PHUON G	02/04/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6445	2013205333	LÊ DIỄM	QUỲNH	19/03/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,08	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6446	2013205324	VÕ THỊ	THÙY	01/01/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,34	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6447	2013205373	VÕ THỊ KIM	THÙY	29/11/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6448	2013205300	TRẦN MINH	THỦY	11/11/2001	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,26	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6449	2013205399	TRẦN THỊ THỦY	TIỀN	10/11/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6450	2013205369	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂN	02/07/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,28	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6451	2013205277	LÊ THỊ THÙY	TRANG	24/02/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,94	88	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6452	2013205313	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	29/10/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,84	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6453	2013205226	PHẠM MINH	TRÍ	31/05/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	88	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6454	2013205295	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	27/02/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6455	2013205418	HUỲNH TÚ	UYÊN	09/03/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6456	2013205460	NGUYỄN NGỌC	YẾN	07/01/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6457	2013205478	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	22/11/2002	Lớp 11DHQT24	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,02	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6458	2013205308	VÕ HOÀNG TRƯỜNG	AN	12/05/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,62	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6459	2013205230	HOÀNG THỊ TUYẾT	ANH	13/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6460	2013205351	LÊ THỊ QUỲNH	ANH	11/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,65	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6461	2013205529	TRẦN QUỐC	BẢO	20/06/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6462	2013205526	TRẦN TẤN	ĐẠT	07/05/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6463	2013205401	TRỊNH ĐỨC	DƯƠNG	01/12/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,31	70	Khá	40%	9.625.500	3.850.200	
6464	2013205377	DƯƠNG THỊ MỸ	DUYÊN	24/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6465	2013205354	HUỲNH PHÚC GIA	HÂN	18/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	97	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6466	2013205403	NGUYỄN GIA	HÂN	26/09/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6467	2013205227	NGÔ THỊ MỸ	HẠNH	10/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,13	70	Khá	40%	13.611.224	5.444.490	
6468	2013205294	TRẦN THỊ THU	HIỀN	22/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,38	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6469	2013205273	TRẦN THU	HIỀN	25/04/2001	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,44	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6470	2013205261	NGUYỄN	HIỆP	27/06/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,69	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6471	2013205276	LƯU THỊ BÍCH	HỒNG	18/07/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,86	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6472	2013205307	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	01/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,08	88	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6473	2013205476	BÙI THỊ KHÁNH	HUYỀN	15/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,46	127	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6474	2013205464	ĐỖ PHẠM PHƯƠNG	KHÁNH	15/08/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6475	2013205264	NGUYỄN KIỀU THIÊN	KIM	27/05/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6476	2013205317	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LAM	11/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6477	2013205297	NGUYỄN THỊ	LINH	01/04/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6478	2013205530	TRẦN THÙY	LINH	17/07/2001	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,73	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6479	2013205385	LÊ THỊ KIM	LOAN	30/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6480	2013205239	VÕ HOÀNG	LONG	24/03/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,02	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6481	2013205523	TRẦN MINH	MẦN	06/10/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6482	2013205376	LÊ NGUYỄN HOÀI	MẾN	30/04/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,96	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6483	2013205322	NGUYỄN HOÀNG ANH	MINH	13/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,93	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6484	2013205474	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	17/10/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6485	2013205331	LÊ THỊ Ý	NHƯ	02/09/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6486	2013205480	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	20/01/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,35	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6487	2013205533	NGUYỄN THỊ	PHUỖN G	26/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6488	2013205238	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	10/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6489	2013205219	TRẦN THỊ MỸ	THOA	24/04/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,87	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6490	2013205432	HỒ THỊ HOÀI	THUỖN G	22/12/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,06	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6491	2013205304	PHAN THỊ MỸ	THÙY	04/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6492	2013205467	NGUYỄN VŨ TRUNG	TÍN	28/01/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6493	2013205353	TRẦN THỊ THU	TRANG	18/09/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,68	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
6494	2013205497	NGUYỄN THANH	TRÚC	03/11/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,14	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6495	2013205246	VÕ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	14/02/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
6496	2013205346	TRƯƠNG TRẦN TUỜNG	VY	19/04/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,49	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
6497	2013205520	TRẦN THỊ KIM	YẾN	10/01/2002	Lớp 11DHQT25	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,63	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
6498	2036210549	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	09/03/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,79	72	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
6499	2036210051	Lê Thị Linh	Đang	19/06/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,96	72	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6500	2036210565	Vũ Thị Thu	Hiền	23/07/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,62	119	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6501	2036210386	Trần Thị Kim	Lành	08/10/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,1	84	Giỏi	60%	15.218.000	9.130.800	
6502	2036210041	Nguyễn Thị Nhã	Linh	26/10/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,05	84	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6503	2036210561	Nguyễn Thị Trúc	Linh	18/01/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,22	76	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6504	2036210471	Nguyễn Tấn	Lộc	04/01/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,4	72	Khá	40%	14.252.000	5.700.800	
6505	2036210065	Võ Thị Yến	My	26/11/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,94	80	Khá	40%	14.556.000	5.822.400	
6506	2036210204	Bùi Thị Thúy	Ngân	21/05/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7	84	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6507	2036210442	Huỳnh Thị Huỳnh	Nguyên	15/09/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,01	72	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6508	2036210483	Trần Thị Kim	Nguyên	04/01/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,77	72	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
6509	2036210103	Phạm Thị Yên	Nhi	19/01/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,98	84	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6510	2036210013	Mai Lệ	Quyên	17/05/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,16	112	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6511	2036210441	Lưu Thị Xuân	Quyển	26/10/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,86	83	Khá	40%	10.870.000	4.348.000	
6512	2036210425	Cao Thị Ngọc	Quỳnh	09/07/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,46	72	Khá	40%	15.371.000	6.148.400	
6513	2036210377	Lê Thị Thu	Sương	02/12/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,58	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6514	2036210141	Đặng Kim	Thì	06/06/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,89	70	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
6515	2036210516	Lê Đăng Anh	Thư	08/06/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,06	92	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6516	2036210454	Tiền Ngọc	Trần	25/07/2002	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,05	72	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6517	2036210440	Trần Thị Bảo	Trần	12/09/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,23	72	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
6518	2036210413	Nguyễn Thị Kiều	Trang	14/10/2003	Lớp 12DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,76	72	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
6519	2036210111	Võ Tổ	Anh	01/09/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,39	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6520	2036210337	Nguyễn Huỳnh Tiểu	Băng	14/12/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,05	70	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
6521	2036210357	Trần Thị Lệ	Giang	11/06/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,19	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6522	2036212152	Lê Khánh	Huyền	16/04/2002	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,83	78	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6523	2036210424	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/05/2002	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,98	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6524	2036210562	Trần Thị	Loan	13/11/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,18	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6525	2036210164	Lương Trần Tâm	Nhi	08/07/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,18	70	Khá	40%	15.371.000	6.148.400	
6526	2036210445	Bùi Thị Hồng	Nhung	21/01/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	104	Giỏi	60%	11.532.000	6.919.200	
6527	2036210081	Bùi Bích	Phương	19/09/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,87	70	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
6528	2036210167	Hoàng Thị	Phương	24/06/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,64	70	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
6529	2036210365	Phạm Quốc	Thắng	11/01/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	70	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
6530	2036210512	Trương Nguyễn Kiều	Thư	27/07/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,3	70	Khá	40%	11.091.000	4.436.400	
6531	2036210487	Lê Lưu Thương	Thương	10/08/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,03	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
6532	2036210144	Phạm Hồng Huyền	Trang	21/01/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,15	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6533	2036210055	Nguyễn Thành	Trong	18/01/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,01	70	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
6534	2036210192	Trần Thị Phương	Trúc	05/10/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,81	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6535	2036210374	Phạm Anh	Tuấn	18/10/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,35	70	Khá	40%	13.281.000	5.312.400	
6536	2036210626	Huỳnh Thị Ánh	Tuyết	08/04/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,78	75	Khá	40%	13.894.000	5.557.600	
6537	2036210347	Nguyễn Quốc	Vinh	06/06/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,38	70	Khá	40%	11.091.000	4.436.400	
6538	2036210511	Trương Tường	Vy	24/07/2003	Lớp 12DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,16	70	Khá	40%	11.091.000	4.436.400	
6539	2036210127	Huỳnh Vũ Mẫn	Anh	20/06/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,49	102	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6540	2036213655	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/01/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,64	82	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6541	2036211921	Nguyễn Nữ Hoàng	Chi	18/08/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,02	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6542	2036213676	Trần Hồng	Diễm	26/10/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,15	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6543	2036213674	Phan Thị Ngọc	Diễm	23/10/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,02	94	Giỏi	60%	13.044.000	7.826.400	
6544	2036213698	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	11/01/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,64	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6545	2036213715	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	10/07/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,44	82	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6546	2036213717	Đỗ Phú Quốc	Hoàng	01/01/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,58	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6547	2036213727	Bạch Thị Quỳnh	Hương	29/08/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,75	86	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6548	2036210517	Nguyễn Thị	Lài	29/09/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,18	78	Khá	40%	15.371.000	6.148.400	
6549	2036213740	Nguyễn Thị Thúy	Liều	19/05/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
6550	2036213758	Vương Thành	Lộc	03/08/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,06	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6551	2036213766	Triệu Trí	Mẫn	28/07/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,51	94	Giỏi	60%	15.218.000	9.130.800	
6552	2036213781	Lê Thị Tuyết	Ngân	17/06/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,79	132	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
6553	2036210608	Trần Đặng Yến	Nhạn	04/05/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,23	90	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6554	2036213810	Tăng Mẫn	Nhi	21/06/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,49	75	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6555	2036213827	Lê Ngọc	Oanh	21/06/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,06	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6556	2036210526	Lê Thị	Phúc	05/07/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,12	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6557	2036213836	Trần Tú	Phụng	03/04/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,38	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6558	2036213843	Cao Trần Minh	Quân	28/05/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,21	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6559	2036213848	Nguyễn Thị Tú	Quyên	28/07/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,46	70	Khá	40%	16.695.000	6.678.000	
6560	2036213861	Lữ Thị Kim	Thảo	10/01/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	24	8,38	97	Giỏi	60%	17.392.000	10.435.200	
6561	2036210028	Nguyễn Phương	Thảo	25/01/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,29	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6562	2036213868	Võ Phan Hoa	Thi	28/07/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,31	90	Giỏi	60%	13.894.000	8.336.400	
6563	2036210557	Võ An	Thịnh	02/12/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,95	78	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6564	2036210428	Trương Thị Kim	Trâm	13/02/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,07	65	Khá	40%	6.522.000	2.608.800	
6565	2036213892	Nguyễn Huyền	Trang	28/09/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,03	70	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6566	2036213908	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	16/05/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	9,05	114	Xuất sắc	100%	14.368.000	14.368.000	
6567	2036213913	Hoàng Văn Anh	Tuấn	27/09/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,83	83	Giỏi	60%	15.880.000	9.528.000	
6568	2036213924	Nguyễn Thị Thảo	Vân	22/09/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,21	70	Khá	40%	16.237.000	6.494.800	
6569	2036210421	Võ Trần Trâm	Vi	22/10/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,71	96	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6570	2036210542	Nguyễn Anh	Vũ	09/03/2003	Lớp 12DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,84	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6571	2036213647	Trần Ngọc Mỹ	An	06/05/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,39	70	Khá	40%	15.371.000	6.148.400	
6572	2036213653	Nguyễn Thị Kim	Anh	11/02/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,39	94	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6573	2036213658	Vũ Thị Ngọc	Anh	09/06/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,7	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6574	2036213668	Hoàng Thị Kim	Chi	04/05/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,56	76	Khá	40%	14.047.000	5.618.800	
6575	2036213687	Trịnh Bảo	Đăng	28/11/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,23	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6576	2036213681	Phạm Thị Thùy	Dung	03/03/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,23	70	Khá	40%	16.831.000	6.732.400	
6577	2036213694	Phạm Thị Quỳnh	Giang	17/09/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,74	100	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6578	2036213701	Lê Thị Thúy	Hằng	12/05/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,83	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6579	2036213703	Phạm Thị Phương	Hằng	22/08/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	26	7,65	82	Khá	40%	18.885.000	7.554.000	
6580	2036213732	Nguyễn Thị Kiều	Khuyên	02/08/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,38	110	Giỏi	60%	15.507.000	9.304.200	
6581	2036213752	Phan Hồng	Loan	09/11/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,5	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
6582	2036213754	Bùi Thanh	Lộc	10/04/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,56	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6583	2036213794	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/03/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,85	122	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6584	2036213799	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	26/12/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,89	110	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6585	2036213805	Mai Thị Tuyết	Nhi	02/05/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,92	70	Khá	40%	15.166.000	6.066.400	
6586	2036213815	Bùi Thị Yến	Như	04/12/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,03	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6587	2036213817	Huỳnh	Như	24/01/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,31	82	Giỏi	60%	14.521.000	8.712.600	
6588	2036213826	Đỗ Kim	Oanh	01/07/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,93	70	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
6589	2036213840	Hồ Hữu	Quang	06/03/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,65	70	Khá	40%	15.371.000	6.148.400	
6590	2036213847	Nguyễn Phương	Quyên	26/03/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,28	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
6591	2036213863	Lương Thị Hồng	Thắm	17/02/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,39	70	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
6592	2036213865	Đỗ Nguyễn Uyên	Thi	11/02/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,71	110	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6593	2036213870	Lê Thị	Thọ	30/03/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,27	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6594	2036213873	Đoàn Thị Thanh	Thùy	14/06/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,34	90	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6595	2036213884	Hoàng Cát	Tiên	28/01/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,63	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6596	2036213886	Lê Ngọc Thủy	Tiên	27/08/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,24	76	Khá	40%	15.371.000	6.148.400	
6597	2036213888	Bùi Thị Mỹ	Tĩnh	12/08/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,49	112	Giỏi	60%	13.859.000	8.315.400	
6598	2036213896	Lê Thị Ngọc	Trâm	29/01/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	27	7,64	70	Khá	40%	20.121.000	8.048.400	
6599	2036213897	Trần Phạm Huyền	Trâm	24/10/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,49	78	Khá	40%	15.371.000	6.148.400	
6600	2036213900	Nguyễn Trà Bảo	Trân	09/06/2003	Lớp 12DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,22	104	Giỏi	60%	13.009.000	7.805.400	
6601	2036213657	Phạm Thị Thảo	Anh	01/10/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,16	132	Giỏi	60%	13.044.000	7.826.400	
6602	2036213661	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	28/05/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,94	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6603	2036213684	Ngô Thị Tố	Duyên	24/02/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,46	70	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
6604	2036213689	Đặng Trần Hương	Giang	19/09/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,97	76	Khá	40%	15.880.000	6.352.000	
6605	2036213690	Hoàng Thị Quỳnh	Giang	08/12/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,77	108	Giỏi	60%	15.880.000	9.528.000	
6606	2036213693	Phạm Lý Hà	Giang	03/01/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,84	70	Khá	40%	13.654.000	5.461.600	
6607	2036213700	Lê Thị	Hằng	17/06/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,46	75	Khá	40%	13.894.000	5.557.600	
6608	2036213729	Hà Lê Hoàng	Khang	26/09/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,82	70	Khá	40%	14.556.000	5.822.400	
6609	2036213730	Nguyễn Chí	Khang	15/02/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,27	70	Khá	40%	16.695.000	6.678.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6610	2036213734	Bùi Thị Thúy	Kiều	13/03/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,5	70	Khá	40%	13.995.000	5.598.000	
6611	2036213736	Phan Thị Trúc	Lam	28/09/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,84	94	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
6612	2036213744	Mai Thị Mỹ	Linh	26/05/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,15	102	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
6613	2036213756	Lê Anh Hữu	Lộc	02/08/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	88	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
6614	2036213759	Mai Ngọc	Luân	12/11/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,32	72	Khá	40%	10.971.000	4.388.400	
6615	2036213761	Huỳnh Thị Trúc	Ly	07/10/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,91	82	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6616	2036213769	Hồ Thị Trà	My	24/06/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,03	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6617	2036213772	Nguyễn Triều	My	18/09/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,95	88	Khá	40%	16.101.000	6.440.400	
6618	2036213780	Đoàn Thị Thu	Ngân	22/03/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,24	70	Khá	40%	13.842.000	5.536.800	
6619	2036213786	Trương Nguyễn Hoàng	Ngân	16/03/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	26	8,45	70	Khá	40%	18.716.000	7.486.400	
6620	2036213791	Đỗ Gia	Ngọc	21/07/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,12	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
6621	2036213796	Đoàn Thị Ánh	Nguyệt	04/02/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,18	123	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6622	2036213800	Ngô Thị Kim	Nhàng	15/12/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,98	116	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6623	2036213804	Lê Thị Yến	Nhi	09/04/2001	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,3	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6624	2036213825	Nguyễn Thị Thu	Những	06/10/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,38	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6625	2036213839	Hoàng Văn	Phường	11/09/2002	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,51	72	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6626	2036213860	Hồ Thu	Thảo	08/10/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,83	70	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6627	2036213862	Nguyễn Phương	Thảo	23/01/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,47	124	Giỏi	60%	16.274.000	9.764.400	
6628	2036213901	Nguyễn Trịnh Tổ	Trần	25/03/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,68	121	Giỏi	60%	15.880.000	9.528.000	
6629	2036213890	Đặng Thị Hồng	Trang	13/04/2003	Lớp 12DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	9,15	100	Xuất sắc	100%	15.880.000	15.880.000	
6630	2036213656	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/04/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,77	94	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
6631	2036213663	Dương Thị Bảo	Châu	04/05/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,76	136	Giỏi	60%	15.218.000	9.130.800	
6632	2036213672	Đặng Thanh	Cường	10/06/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,02	113	Giỏi	60%	15.234.000	9.140.400	
6633	2036213677	Huỳnh Thị Xuân	Diệu	28/11/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,41	128	Giỏi	60%	13.894.000	8.336.400	
6634	2036213683	Đoàn Thị Cẩm	Duyên	19/05/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,49	90	Giỏi	60%	14.572.000	8.743.200	
6635	2036213685	Nguyễn Quốc Kỳ	Duyên	10/12/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,1	98	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
6636	2036213688	Lê Hồng	Gấm	01/05/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,52	98	Giỏi	60%	11.532.000	6.919.200	
6637	2036213692	Lê Thị Mỹ	Giang	05/01/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	82	Khá	40%	11.685.000	4.674.000	
6638	2036213695	Tạ Thị Cẩm	Giang	26/08/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	9,28	184	Xuất sắc	100%	13.044.000	13.044.000	
6639	2036213709	Nguyễn Gia	Hân	01/10/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,5	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6640	2036213711	Vũ Đức Trí Thế	HậU	15/10/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	24	7,05	70	Khá	40%	17.441.000	6.976.400	
6641	2036213739	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	16/07/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,45	70	Khá	40%	15.592.000	6.236.800	
6642	2036213745	Nguyễn Khánh	Linh	26/09/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,1	102	Giỏi	60%	14.572.000	8.743.200	
6643	2036213746	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/08/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,49	90	Giỏi	60%	14.572.000	8.743.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6644	2036213764	Lê Thị Huỳnh	Mai	12/12/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	22	9,1	116	Xuất sắc	100%	15.880.000	15.880.000	
6645	2036213765	Lê Thị Thanh	Mai	18/06/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,81	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6646	2036213768	Đặng Cẩm	My	22/02/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,13	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6647	2036213770	Lê Thị Trúc	My	14/06/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,08	70	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
6648	2036213773	Đoàn Thị Nhu	Mỹ	31/12/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,56	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6649	2036213792	Huỳnh Mai	Ngọc	17/04/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,26	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6650	2036213798	Phan Thị Thu	Nguyệt	03/11/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,64	106	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6651	2036213822	Nguyễn Quỳnh	Như	25/09/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,24	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6652	2036213814	Trần Phạm Phương	Nhung	06/10/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,35	70	Khá	40%	13.722.000	5.488.800	
6653	2036213830	Châu Thành	Phú	18/01/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,9	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
6654	2036213844	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	07/03/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,35	72	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6655	2036213851	Trần Như	Quỳnh	23/05/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,57	96	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6656	2036213871	Phan Thị Thành	Thọ	28/12/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,14	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6657	2036213872	Trần Thị Kim	Thoa	26/05/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,43	98	Khá	40%	16.302.000	6.520.800	
6658	2036213894	Phạm Thị Sang	Trang	02/12/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,64	111	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6659	2036213911	Phạm Quốc	Trung	23/09/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,85	110	Giỏi	60%	16.678.000	10.006.800	
6660	2036213931	Nguyễn Thị Hà	Vy	28/04/2003	Lớp 12DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,24	70	Khá	40%	13.894.000	5.557.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6661	2036213648	Trần Văn	An	22/12/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,79	92	Giỏi	60%	15.166.000	9.099.600	
6662	2036210004	Lê Bảo	Châu	24/06/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	70	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
6663	2036213665	Lê Thị Ngọc	Châu	05/06/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,09	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6664	2036213708	Ngô Thị Ngọc	Hân	31/07/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,29	94	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6665	2036213699	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	19/03/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,82	94	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6666	2036213713	Nguyễn Thị	Hiền	17/07/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,97	86	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6667	2036212268	Bùi Văn	Hoàng	06/11/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,07	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6668	2036213733	Phan Trung	Kiên	27/01/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,76	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6669	2036213737	Nguyễn Thị Phương	Lan	12/01/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,26	70	Khá	40%	14.047.000	5.618.800	
6670	2036213738	Nguyễn Thị Hồng	Lê	06/06/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,85	128	Giỏi	60%	15.371.000	9.222.600	
6671	2036210042	Nguyễn Thị Kim	Long	30/10/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,19	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6672	2036213782	Lê Thị Út	Ngân	17/02/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,85	70	Khá	40%	16.237.000	6.494.800	
6673	2036210033	Thới Thị	Nhung	01/04/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,27	94	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
6674	2036210098	Đỗ Lương Trường	Phúc	04/01/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,82	167	Khá	40%	13.894.000	5.557.600	
6675	2036213831	Nguyễn Thị Kiều Liên	Phúc	30/10/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,4	84	Giỏi	60%	12.535.000	7.521.000	
6676	2036213834	Đỗ Thị Yến	Phụng	23/11/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,9	84	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
6677	2036210116	Nguyễn Ngọc Duy	Quyên	04/01/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,38	70	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6678	2036213858	Lê Thị Phương	Thanh	27/08/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,75	75	Khá	40%	14.047.000	5.618.800	
6679	2036213859	Huỳnh Hoàng Công	ThàNh	23/09/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,68	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6680	2036213875	Trần Thị Thu	Thúy	16/05/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	80	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
6681	2023210448	Lê Mỹ	Trâm	06/07/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,34	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6682	2036213907	Đặng Thị Thanh	Trúc	26/01/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,59	200	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
6683	2036210543	Lê Thị Thanh	Trúc	29/11/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,62	96	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
6684	2036210005	Nguyễn Ngọc	Tuyền	21/05/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,62	112	Giỏi	60%	12.535.000	7.521.000	
6685	2036213921	Vô Văn	Vàng	21/09/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,02	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
6686	2036213934	Đinh Hoàng	Yến	15/02/2003	Lớp 12DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	70	Khá	40%	11.532.000	4.612.800	
6687	2040213506	Đặng Quỳnh	Anh	08/12/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,96	74	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6688	2036213675	Hồ Thị Bích	Diễm	01/06/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,75	111	Giỏi	60%	16.354.000	9.812.400	
6689	2013213185	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	22/11/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,93	110	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6690	2013213194	Ngô Trần Nhật	Hào	12/06/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,43	91	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6691	2040213536	Đinh Lê Ánh	Hoa	24/08/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,75	154	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	
6692	2013213213	Từ Minh	Hoàng	26/05/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,86	118	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6693	2036213719	Mai Thị Nguyệt	Hồng	02/11/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,18	130	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6694	2036213720	Nguyễn Kim	Huệ	16/12/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,03	126	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6695	2040213553	Nguyễn Vũ Trung	Kiên	21/10/2002	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,2	92	Giỏi	60%	15.692.000	9.415.200	
6696	2040213555	Trần Thị Thúy	Kiều	20/10/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,5	124	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6697	2013210537	Hoàng Bảo	Kim	13/10/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,39	150	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6698	2013213269	Lê Văn	Lộc	22/10/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,29	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6699	2036213787	Võ Kim	Ngân	06/04/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,96	98	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6700	2013210691	Trần Nguyễn Khôi	Nguyên	06/09/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,67	97	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6701	2040213587	Nguyễn Văn	Phúc	18/08/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,63	107	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6702	2013213348	Trần Hoàng	Phúc	31/05/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,49	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
6703	2013213376	Hồ Tấn	Tài	26/03/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,25	92	Khá	40%	11.344.000	4.537.600	
6704	2036210623	Nguyễn Tấn	Tài	07/10/2002	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,28	86	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6705	2013213406	Nguyễn Lê Minh	Thùy	26/05/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,46	128	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6706	2036213883	Nguyễn Ngọc Mai	Thy	01/02/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,43	140	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6707	2013213430	Trần Thị Thùy	Tiên	15/10/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,72	105	Khá	40%	1.512.000	604.800	
6708	2036213920	Trần Thị Bảo	Uyên	20/01/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,48	106	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6709	2013213493	Nguyễn Thị Hà	Vy	22/09/2003	Lớp 12DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,49	111	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6710	2013210324	Trần Thị Phương	Anh	12/11/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,69	81	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6711	2013210300	Lê Thị Mỹ	Hậu	11/04/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,43	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6712	2013210960	Nguyễn Văn	Khang	05/02/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,43	94	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6713	2013210014	Ngô Thị Minh	Kiều	29/04/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,12	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6714	2013211253	Trần Thị Hải	My	07/07/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,85	92	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6715	2013210426	Tô Thúy	Ngân	04/08/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,3	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6716	2013210469	Vũ Thị Nhã	Nghi	05/04/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,06	96	Giỏi	60%	15.692.000	9.415.200	
6717	2013210255	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	25/06/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,61	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6718	2013210246	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/11/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,47	94	Khá	40%	14.556.000	5.822.400	
6719	2013210473	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	04/08/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,24	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6720	2013210516	Nguyễn Ngọc	Thúy	13/04/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,51	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6721	2013210209	Trần Thị Kiều	Vy	24/10/2003	Lớp 12DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,75	92	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
6722	2013211212	Dương Ngọc	Anh	16/05/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,63	110	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6723	2013210135	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Hương	24/11/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,98	94	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6724	2013210786	Nguyễn Thị Diệu	Hương	26/02/2002	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,65	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6725	2013210818	Nguyễn Gia	Minh	27/11/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,77	78	Khá	40%	16.558.000	6.623.200	
6726	2013210532	Phan Thị Phương	Nguyên	23/11/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,21	106	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6727	2013210497	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	08/03/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,66	82	Khá	40%	16.763.000	6.705.200	
6728	2013210450	Phạm Phương	Thảo	01/10/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,19	110	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6729	2013211359	Hoàng Xuân	Thùy	07/01/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	102	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6730	2013210090	Nguyễn Kiều	Trâm	27/08/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,31	127	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
6731	2013210466	Nguyễn Ngọc Mai	Trinh	11/12/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,81	118	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6732	2013211068	Lê Thị Nhã	Vy	16/03/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,56	136	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6733	2013210823	Khiếu Thị Hoàng	Xuân	05/12/2003	Lớp 12DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,21	94	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6734	2013211301	Lê Thị Xuân	Diệu	20/03/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,69	88	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6735	2013210934	Hồ Phước	Lộc	09/01/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,38	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6736	2013210183	Nguyễn Thị Yến	Nhi	22/05/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,22	92	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
6737	2013211458	Nguyễn Thị Phương	Nhung	06/05/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,19	72	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6738	2013210687	Đỗ Thanh	Phong	27/08/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,37	102	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6739	2013210581	Ngô Ngọc Mai	Quyên	01/01/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,12	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6740	2013211091	Nguyễn Thanh Anh	Thúy	24/10/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,67	72	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6741	2013210890	Nguyễn Thế	Vinh	08/06/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,43	72	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6742	2013210186	Phan Thị Thu	Xuân	02/04/2003	Lớp 12DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,39	72	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6743	2013211028	Trần Thị Thúy	An	02/01/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,58	74	Khá	40%	16.166.000	6.466.400	
6744	2013211355	Nguyễn Thành	Đạt	14/01/2001	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,18	135	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6745	2013211200	Đào Thị Thanh	Diễm	07/07/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,06	84	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6746	2013210756	Ngô Thanh	Dung	27/09/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,64	74	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6747	2013211249	Nguyễn Phan Hạnh	Dung	12/08/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,26	114	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6748	2013210117	Nguyễn Thị	Hương	09/12/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,54	82	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6749	2013210154	Phan Võ Như	Huỳnh	16/03/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,68	76	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6750	2013210827	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	06/09/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,17	92	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6751	2013210042	Lê Thanh	Thảo	14/02/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,49	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6752	2013210420	Trương Ngọc Huyền	Trần	03/12/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,11	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6753	2013211369	Nguyễn Thị Đài	Trang	05/12/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,25	94	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6754	2013211088	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	20/08/2003	Lớp 12DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,28	74	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6755	2013210096	Huỳnh Thị Mỹ	Chi	02/12/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,31	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6756	2013211450	Bùi Phạm Mỹ	Duyên	30/11/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,32	98	Giỏi	60%	14.521.000	8.712.600	
6757	2013210087	Nguyễn Thị Hạnh	Duyên	23/06/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,51	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6758	2013211167	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	29/12/2001	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,14	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6759	2013211412	Nguyễn Thị Kim	Ngân	20/03/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	25	7,77	70	Khá	40%	18.035.000	7.214.000	
6760	2013211232	Đỗ Thị Ngọc	Thảo	09/11/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,22	92	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6761	2013211479	Nguyễn Yến Phương	Thảo	28/10/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,24	92	Giỏi	60%	14.521.000	8.712.600	
6762	2013211419	Nguyễn Thị Anh	Thư	13/07/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,04	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6763	2013210744	Nguyễn Thị Minh	Thư	02/12/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,19	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6764	2013210261	Phan Hoài	Thư	01/06/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,06	128	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6765	2013211368	Trịnh Thị Anh	Thư	22/02/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,2	74	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6766	2013210123	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	07/07/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,07	76	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6767	2013210981	Nguyễn Tường	Viên	26/08/2003	Lớp 12DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,42	88	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6768	2013210424	Châu Ngọc Tuyết	Anh	24/03/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,26	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6769	2013210463	Trần Thị Ngọc	Hân	19/12/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,21	102	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6770	2013211435	Ngô Thị Thúy	Hằng	07/12/2001	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,31	153	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	
6771	2013210932	Trần Ngọc	Hoàng	20/04/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,91	96	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6772	2013210094	Nguyễn Thị Trúc	Linh	21/10/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,66	87	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6773	2013210586	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	04/11/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,03	70	Khá	40%	15.828.000	6.331.200	
6774	2013210158	Trần Thị Thu	Thảo	10/11/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,4	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6775	2013210040	Huỳnh Thị Thùy	Trâm	04/04/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,02	70	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6776	2013210046	Nguyễn Thị Tú	Trinh	12/07/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,05	102	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6777	2013210575	Lê Mỹ	Xuyên	30/06/2003	Lớp 12DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6778	2013211438	Trần Xuân	Chi	18/05/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,15	90	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6779	2013210181	Phạm Thị Thùy	Dương	19/06/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,02	70	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6780	2013211191	Đoàn Thị	Hòa	25/04/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,21	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6781	2013210111	Nguyễn Phúc	Hương	04/10/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,69	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6782	2013211027	Phạm Văn	Linh	05/11/2002	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,21	82	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6783	2013211468	Nguyễn Thị Xuân	Mai	22/06/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,62	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6784	2013211279	Trần Thị Kiều	Nhi	20/07/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,11	76	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6785	2013210150	Nguyễn Lê Hoài	Ny	06/05/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,52	84	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6786	2013210164	Trần Thị Mai	Phương	16/08/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	100	Giỏi	60%	10.870.000	6.522.000	
6787	2013211448	Nguyễn Cẩm	Thi	27/03/2003	Lớp 12DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,27	70	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6788	2013211298	Ngô Hoàng	Anh	21/03/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,97	70	Khá	40%	16.916.000	6.766.400	
6789	2013210819	Đặng Nguyễn Mỹ	Duyên	23/07/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,14	102	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6790	2013211415	Văn Thùy	Linh	06/11/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,52	114	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6791	2013210461	Vũ Thị Hoài	Linh	11/10/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,64	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6792	2013211841	Trần Thị Ngọc	Mai	09/05/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,09	82	Khá	40%	16.542.000	6.616.800	
6793	2013211321	Nguyễn Kim	Ngân	03/02/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,85	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6794	2013211366	Lò Thảo	Ngọc	26/02/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,36	86	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6795	2013210659	Nguyễn Quý Quỳnh	Như	10/10/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,19	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6796	2013211719	Đào Thị Hồng	Phúc	02/03/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,97	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6797	2013211179	Tiêu Thị Thanh	Thùy	13/11/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,03	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6798	2013211335	Trần Thị Ngọc	Trâm	07/10/2003	Lớp 12DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,04	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6799	2013211109	Phạm Hoàng	Ánh	24/05/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,6	75	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6800	2013213146	Nguyễn Việt	Cường	08/04/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,45	106	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6801	2013213188	Hoàng Thị Việt	Hà	18/09/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,14	70	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6802	2013213192	Hồ Thị Mỹ	Hạnh	20/07/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,01	94	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6803	2013210310	Nguyễn Quang	Huy	12/12/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,13	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6804	2013213239	Mông Tăng	Khương	09/07/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,25	76	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6805	2013213248	Bùi Huỳnh	Liên	29/03/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,94	82	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6806	2013213282	Hoàng Nguyễn Thảo	My	12/12/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,95	86	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6807	2013212206	Nguyễn Kim	Nguyên	20/11/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,07	107	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6808	2013213311	Lê Thị Ánh	Nguyệt	17/09/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,06	92	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6809	2013211364	Đặng Thị Thu	Nhớ	03/01/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,38	118	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6810	2013213349	Trương Hoàng	Phụng	30/06/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,83	70	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6811	2013213364	Nguyễn Thanh Thảo	Quyên	23/12/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,47	110	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6812	2013210843	Phạm Liễu	Thành	22/05/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,11	80	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6813	2013211108	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	29/09/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,85	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6814	2013211434	Phạm Lê Hồng	Thủy	10/10/2002	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,61	84	Giỏi	60%	15.692.000	9.415.200	
6815	2013210406	Ngô Thị Mỹ	Tiên	25/05/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,95	98	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6816	2013213434	Nguyễn Thị Thanh	Trà	27/11/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,05	106	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6817	2013210904	Nguyễn Phương Thủy	Trâm	11/12/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,43	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6818	2013211284	Lê Thị Trúc	Trình	04/05/2003	Lớp 12DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,24	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6819	2013211414	Nguyễn Tình	Anh	28/05/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,21	70	Khá	40%	16.558.000	6.623.200	
6820	2013213140	Lương Thị Hoài	Chi	08/12/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,06	82	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6821	2013211103	Đoàn Nguyễn Kim	Hằng	17/06/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,04	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6822	2013211189	Lê Thị Kiều	Hạnh	08/03/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,03	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6823	2013213207	Hà Trung	Hiếu	02/07/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,31	101	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6824	2013213209	Võ Thanh	Hiếu	13/01/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,55	94	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6825	2013211300	Ngô Thị Kim	Hoa	05/02/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,68	70	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6826	2013211007	Lê Thị Diễm	Hương	13/05/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,05	106	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6827	2013210613	Cao Hoàng Thúy	Kiều	08/11/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,96	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6828	2013212175	Tăng Ngọc Thiên	Kim	13/05/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,27	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6829	2013211316	Ngô Thị Yến	Linh	19/05/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,58	70	Khá	40%	12.347.000	4.938.800	
6830	2013213286	Lê Thị	Na	17/08/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,54	98	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6831	2013213293	Nguyễn Thị Thu	Ngân	13/07/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,01	118	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
6832	2013213302	Đặng Hồng	Ngọc	10/07/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,01	132	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6833	2013213306	Nguyễn Bảo	Ngọc	15/02/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,73	82	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6834	2013213314	Bùi Thị Yên	Nhi	20/12/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,14	78	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6835	2013211169	Lê Thị Thúy	Quỳnh	15/12/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,09	125	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
6836	2013213369	Ngô Thị Phương	Quỳnh	27/08/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,8	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6837	2013213385	Võ Thị Thanh	Tâm	03/02/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,83	96	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6838	2013213424	Võ Nguyễn Đăng	Thư	10/08/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,28	109	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6839	2013213426	Nguyễn Đoàn Bảo	Thy	05/09/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,07	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6840	2013210289	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	06/07/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,67	84	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6841	2013213455	Huỳnh Thị Hồng	Trình	23/02/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,05	110	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
6842	2013213499	Trần Thị Thanh	Xuân	11/01/2003	Lớp 12DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,82	112	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6843	2013213121	Lại Thị Ngọc	Anh	30/11/2002	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,86	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6844	2013213148	Lê Phạm Ngọc	Diệp	22/01/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,07	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6845	2013213152	Lê Thị Kim	Dung	26/04/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,97	120	Khá	40%	14.556.000	5.822.400	
6846	2013210577	Nguyễn Ngọc	Giàu	10/04/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,98	84	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6847	2013210558	Trần Thị Hồng	Hậu	06/02/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	25	7,15	70	Khá	40%	17.866.000	7.146.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6848	2013213215	Văn Thanh	Huê	21/10/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,48	80	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6849	2013213271	Lê Thị Cẩm	Ly	16/12/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,5	183	Khá	40%	12.382.000	4.952.800	
6850	2013213273	Đinh Thị Huyền	Mai	08/08/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,44	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6851	2013213305	Lý Như	Ngọc	04/12/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,6	70	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6852	2013210248	Cao Trung Hiền	Nguyễn	27/07/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,24	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6853	2013213336	Lê Thị Thúy	Oanh	07/11/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,32	90	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6854	2013213378	Nguyễn Đoàn Anh	Tài	11/11/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,46	70	Khá	40%	16.558.000	6.623.200	
6855	2013213381	Nguyễn Thị Xuân	Tâm	11/12/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,66	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6856	2013213416	Lê Hoàng Anh	Thư	31/01/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,36	119	Giỏi	60%	14.556.000	8.733.600	
6857	2013213478	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	23/04/2003	Lớp 12DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	70	Khá	40%	12.006.000	4.802.400	
6858	2013213179	Nguyễn Duy	Đức	19/05/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,25	81	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6859	2013213161	Nguyễn Thùy	Duyên	16/02/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,25	74	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6860	2013213199	Trần Thị Thu	Hằng	28/05/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,95	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6861	2013213241	Lương Thị Ánh	Kiều	28/03/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,61	90	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
6862	2013213251	Hồ Thị Ngọc	Linh	04/04/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,39	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6863	2013213263	Trần Thị Nhã	Linh	16/11/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,46	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6864	2013213277	Ngô Duy	Minh	14/04/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8	98	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6865	2013213292	Chu Diệp Kim	Ngân	12/07/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,19	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6866	2013213317	Hoàng Thị Uyên	Nhi	10/07/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,35	74	Khá	40%	15.845.000	6.338.000	
6867	2013213328	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	11/01/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,97	98	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6868	2013213368	Lâm Như	Quỳnh	13/07/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,25	82	Giỏi	60%	15.692.000	9.415.200	
6869	2013213370	Phan Nguyễn Thúy	Quỳnh	01/12/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,59	90	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6870	2013213417	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	07/12/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,12	93	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6871	2013213454	Hoàng Thị Thủy	Trình	14/01/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,08	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6872	2013213477	Ngô Thị Trúc	Vân	28/08/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,01	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6873	2013213479	Nguyễn Thị Hiền	Vân	19/06/2003	Lớp 12DHQTKD12	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,3	82	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6874	2013213119	Bùi Phương	Anh	24/02/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,83	112	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6875	2013213120	Bùi Thị Minh	Anh	11/06/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,11	100	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6876	2013213142	Trần Thị Kim	Chi	12/11/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,75	105	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6877	2013213143	Võ Thị Kim	Chi	11/09/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,44	129	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6878	2013213158	Lê Thị Thúy	Duyên	12/07/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,67	85	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6879	2013213230	Nguyễn Thị Kiều	Hương	25/01/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,34	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6880	2013213219	Đỗ Thị Mỹ	Huyền	09/02/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,2	104	Giỏi	60%	14.521.000	8.712.600	
6881	2013213221	Nguyễn Thị	Huyền	13/08/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,79	82	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6882	2013213258	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/12/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,37	119	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
6883	2013211217	Dương Thị Trúc	Ly	02/09/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,55	78	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6884	2013213288	Nguyễn Thị Hằng	Nga	04/06/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,75	78	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6885	2013213295	Trần Nữ Thanh	Ngân	29/07/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	26	7,8	96	Khá	40%	18.685.000	7.474.000	
6886	2013213296	Trần Thị Mỹ	Ngân	05/10/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,1	94	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
6887	2013213301	Đinh Tiểu	Ngọc	30/04/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,32	133	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6888	2013213303	Hoàng Thị Bích	Ngọc	06/01/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,3	121	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6889	2013213346	Lưu Huỳnh PhúC	PhúC	09/05/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,11	72	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6890	2013213358	Quách Thị Thanh	Phượng	05/08/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,4	96	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6891	2013213363	Nguyễn Thị Phượng	Quyên	04/12/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,73	84	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6892	2013213377	Lê Văn	Tài	17/11/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,54	129	Giỏi	60%	16.558.000	9.934.800	
6893	2013213387	Phạm Đức	Thái	22/10/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,9	106	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6894	2013213401	Trần Ngọc	Thiện	05/05/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,52	88	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6895	2013213410	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	28/05/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,61	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6896	2013213442	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	02/07/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,36	106	Khá	40%	16.695.000	6.678.000	
6897	2013213435	Bạch Hoàng Kim	Trang	20/03/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,2	80	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6898	2013213456	Lê Đặng Thục	Trinh	10/11/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,95	108	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6899	2013213462	Lê Thanh	Trúc	21/04/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,45	84	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6900	2013213474	Trần Mỹ	Uyên	06/12/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	26	8,2	70	Khá	40%	18.629.000	7.451.600	
6901	2013213490	Đồng Như	Vy	28/11/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	25	7,84	78	Khá	40%	18.497.000	7.398.800	
6902	2013213496	Phạm Mai Tường	Vy	21/09/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,8	72	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6903	2013213498	Lê Hoàng Thanh	Xuân	01/07/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,23	72	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6904	2013213500	Nguyễn Thị Như	Ý	26/08/2003	Lớp 12DHQTKD13	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,12	72	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6905	2013213125	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	04/06/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,8	98	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6906	2013213132	Nguyễn Thị Kim	Cam	15/03/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,71	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
6907	2013213137	Nguyễn Đỗ Hồng	Châu	01/11/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,56	105	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6908	2013213147	Lê Ngọc	Diễm	23/02/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,11	88	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6909	2013213164	Phùng Mỹ	Duyên	14/01/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,95	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6910	2013213191	Nguyễn Thị Thanh	Hải	07/10/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,25	70	Khá	40%	16.558.000	6.623.200	
6911	2013213206	Huỳnh Thị Thu	Hiền	13/03/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,31	100	Giỏi	60%	15.692.000	9.415.200	
6912	2013213210	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	23/09/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,47	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
6913	2013213216	Đặng Thị Thu	Huệ	25/04/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,41	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6914	2013213226	Lê Thị Như	Huỳnh	11/03/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,38	70	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6915	2013213255	Ngô Diệu	Linh	29/09/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8	82	Giỏi	60%	15.692.000	9.415.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6916	2013213280	Nay H'	Misen	22/02/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,31	70	Khá	40%	16.558.000	6.623.200	
6917	2013213298	Lê Thị Thanh	Ngâu	11/11/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,07	87	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6918	2013213299	Huỳnh Thị Bích	Nghi	16/05/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,93	84	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6919	2013213308	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	30/08/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,74	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6920	2013213312	Thân Thị Thanh	Nhã	13/02/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,36	96	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6921	2013213327	Nguyễn Thị Bích	Nhung	27/09/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,47	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6922	2013210777	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	24/02/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,28	90	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6923	2013213393	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/05/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,78	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6924	2013213422	Phạm Thị Anh	Thư	04/11/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,65	90	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
6925	2013213443	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/11/2002	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,53	88	Giỏi	60%	14.521.000	8.712.600	
6926	2013213445	Phạm Thị	Trâm	23/03/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,27	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6927	2013213437	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	19/06/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,48	100	Giỏi	60%	16.558.000	9.934.800	
6928	2013213465	Phạm Ngọc Nhựt	Trường	17/07/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,73	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6929	2013213475	Đặng Lê Hồng	Vân	20/01/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,8	104	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
6930	2013213495	Phan Tường	Vy	17/10/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,11	106	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6931	2013213502	Lê Nguyễn Xuân	Yến	23/11/2003	Lớp 12DHQTKD14	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,32	94	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6932	2013213117	Đoàn Tấn Bình	An	09/09/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,15	141	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6933	2013213169	Nguyễn Thị Đông	Đào	13/12/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,55	94	Khá	40%	15.828.000	6.331.200	
6934	2013213149	Tô Thị Xuân	Diệu	09/08/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,64	90	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6935	2013213166	Huỳnh Thị Thùy	Dương	02/06/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,14	70	Khá	40%	15.845.000	6.338.000	
6936	2013213184	Nguyễn Thị Hà	Giang	26/02/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,83	82	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6937	2013213203	Bùi Thị	Hiền	12/07/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,39	98	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6938	2013213233	Đào Trương Công	Khải	16/02/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,06	70	Khá	40%	14.521.000	5.808.400	
6939	2013213313	Phạm Trung	Nhân	06/10/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,13	110	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6940	2013211213	Đoàn Ngọc	Nhi	15/07/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,85	118	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6941	2013213325	Hoàng Thị Hồng	Nhung	09/02/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,18	69	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6942	2013213354	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	26/03/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,39	70	Khá	40%	16.558.000	6.623.200	
6943	2013213362	Nguyễn Minh Lệ	Quyên	20/08/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,15	108	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6944	2013213365	Nguyễn Tú	Quyên	24/02/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,17	75	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6945	2013213372	Trần Thị Diễm	Quỳnh	20/11/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,59	110	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6946	2013213373	Trần Thị Như	Quỳnh	12/02/2002	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,1	152	Giỏi	60%	14.368.000	8.620.800	
6947	2013213384	Tạ Đình	Tâm	24/01/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,06	74	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6948	2013213396	Nguyễn Trọng	Thắng	19/01/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,45	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6949	2013213398	Nguyễn Đức	Thắng	14/09/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,44	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6950	2013213413	Vũ Thị Thanh	Thúy	15/09/2003	Lớp 12DHQTKD15	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,83	88	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
6951	2040210132	Đặng Thế	Anh	27/12/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,22	104	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
6952	2040210590	Nguyễn Hoàng	Anh	21/02/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,29	70	Khá	40%	14.128.000	5.651.200	
6953	2040210434	Nguyễn Trần Minh	Anh	25/10/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,2	78	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6954	2040210491	Thạch Thái	Bình	23/02/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,68	94	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6955	2040210065	Mai Thị Ngọc	Châu	17/03/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,39	78	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6956	2040210046	Trần Ngọc Minh	Châu	06/02/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,66	70	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
6957	2040210522	Lê Mỹ	Đình	17/08/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,15	70	Khá	40%	14.128.000	5.651.200	
6958	2040210050	Phan Nhật	Hào	01/04/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,11	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6959	2040210049	Đặng Văn	Hậu	21/07/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,14	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6960	2023214249	Châu Thị Thanh	Hương	02/11/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,34	92	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
6961	2040210479	Nguyễn Đình An	Nhiên	14/07/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,44	82	Giỏi	60%	15.316.000	9.189.600	
6962	2040210004	Triệu Huỳnh	Như	25/08/2002	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,48	88	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
6963	2040210196	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	19/01/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,84	78	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6964	2040210042	Trần	Phát	03/04/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,7	70	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
6965	2040210573	Hồ Ngọc	Phi	24/10/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,51	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6966	2040210044	Mai Võ Bích	Phúc	30/06/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,54	86	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6967	2040210026	Phan Thị Mỹ	Quyên	23/04/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,75	80	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
6968	2040210121	Lê Nhựt	Thái	12/07/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,33	86	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
6969	2040210057	Huỳnh Thị Phương	Thanh	12/09/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,35	78	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6970	2040210388	Nguyễn Diệu	Thanh	17/09/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,39	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6971	2040210469	Huỳnh Phương	Thảo	13/09/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,44	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6972	2040210035	Phạm Thị Như	Thảo	22/01/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,19	82	Giỏi	60%	10.494.000	6.296.400	
6973	2040210408	Lê Văn	Trương	16/11/2003	Lớp 12DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,25	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6974	2040210079	Nguyễn Phạm Vĩnh	An	04/01/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,97	102	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6975	2040210071	Nguyễn Thị Bạch	Cúc	14/05/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,32	96	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
6976	2040210400	Ngô Văn	Đạt	13/09/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,08	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
6977	2040210364	Nguyễn Thùy	Dương	07/10/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,57	74	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
6978	2040210007	Ngô Đình	Duy	27/06/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,48	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6979	2040210118	Văn Minh	Duy	03/01/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,01	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6980	2040210562	Chế Thị Huỳnh	Hân	29/09/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,43	70	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
6981	2040210552	Trần Thị Thu	Hoa	05/09/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,17	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6982	2040210361	Nguyễn Phước	Hoàng	20/04/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,54	104	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
6983	2040210570	Phạm Thị	Hồng	08/09/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,13	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
6984	2040210518	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/01/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,95	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6985	2040210039	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	07/02/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,01	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
6986	2040210445	Võ Thị Trúc	Linh	11/11/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	25	7,48	70	Khá	40%	17.847.000	7.138.800	
6987	2040210544	Trương Thị Ái	Mỹ	17/08/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,48	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6988	2040210503	Nguyễn Thị Thu	Nga	21/08/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,84	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6989	2040210357	Cao Tổng Bích	Ngân	30/11/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,21	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
6990	2040210462	Lê Nguyễn Thanh	Ngân	19/05/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,34	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6991	2040210496	Đoàn Thị	Ngọc	28/03/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,21	76	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6992	2040210446	Nguyễn Trung	Nguyên	31/01/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,59	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
6993	2040210047	Phan Quỳnh	Như	28/11/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,59	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
6994	2040210584	Trần Thanh	Phong	01/03/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,36	86	Giỏi	60%	11.818.000	7.090.800	
6995	2040210102	Trần Thị Nhã	Phương	12/05/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,02	82	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
6996	2040210580	Lê Thị Ngọc	Quý	24/04/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,96	90	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
6997	2040210714	Hà Thị Ngọc	Thùy	08/10/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,24	98	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
6998	2040210450	Lê Mai	Trang	06/07/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,69	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
6999	2040210413	Nguyễn Thị Kiều	Trang	20/08/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,59	93	Giỏi	60%	11.818.000	7.090.800	
7000	2040210571	Võ Ngọc Minh	Vy	11/01/2003	Lớp 12DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,37	82	Giỏi	60%	14.858.000	8.914.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7001	2040210504	Nguyễn Tuấn	Anh	09/10/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,5	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7002	2040210711	Nguyễn Thị Lệ	Chi	26/04/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	84	Khá	40%	10.968.000	4.387.200	
7003	2040211745	Vô Tâm	Đan	01/01/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,87	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7004	2040210233	Nguyễn Thị Hồng	Đào	16/01/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,41	86	Giỏi	60%	11.818.000	7.090.800	
7005	2040210137	Phan Sỹ	Dinh	20/09/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,36	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7006	2040210412	Huỳnh Ngọc Thảo	Duyên	16/10/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,03	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7007	2040210725	Lê Thu	Hà	09/03/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,9	80	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7008	2040210596	Phan Thị Ngân	Hà	19/11/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,05	86	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7009	2040210604	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	12/07/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,89	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7010	2040210423	Nguyễn Ngọc	Hiên	01/01/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,16	86	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7011	2040210195	Trần Trung	Hiếu	12/08/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,56	70	Khá	40%	15.452.000	6.180.800	
7012	2040210309	Đàm Ngọc	Hương	14/06/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,59	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7013	2040210143	Phạm Mỹ	Linh	20/11/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,36	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7014	2040210246	Đoàn Thị Cẩm	Ly	22/08/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,32	74	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7015	2040210606	Lê Diễm	Nhi	26/09/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,25	70	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
7016	2040210001	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	30/06/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,01	78	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7017	2040210159	Hoàng Thị	Nhung	24/10/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,65	78	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7018	2040210603	Nguyễn Thị Kim	Nhung	18/11/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,04	70	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
7019	2040210592	Mai Hữu	Phúc	22/05/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,5	88	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7020	2040210568	Nguyễn Thị Minh	Phúc	05/12/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,06	76	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7021	2040211498	Tô Kim	Phụng	02/12/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,96	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7022	2040210713	Nguyễn Phương Thục	Quyên	09/06/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,27	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
7023	2040210430	Đoàn Thị Ái	Thoa	29/12/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,72	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
7024	2040210729	Lương Ngọc	Thư	17/07/2002	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,41	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7025	2040210171	Trần Ngọc Anh	Thư	09/10/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,72	93	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7026	2040211743	Trần Hữu	Tín	18/06/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,37	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7027	2040210170	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/05/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,57	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7028	2040210385	Lê Hoài	Trung	24/02/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,01	70	Khá	40%	13.928.000	5.571.200	
7029	2040210409	Lý Quốc	Trung	05/05/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,25	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7030	2040210107	Nguyễn Vũ Khánh	Tuyền	22/01/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,24	82	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7031	2040210399	Nguyễn Thủy	Vy	19/08/2003	Lớp 12DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,91	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7032	2040212203	Vũ Minh	Anh	13/08/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,73	113	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7033	2040213515	Nguyễn Quốc	Cường	06/04/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,32	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7034	2040213521	Trịnh Nguyễn Khánh	Duy	18/02/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,95	70	Khá	40%	14.349.000	5.739.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7035	2040210720	Đinh Thị Thu	Hậu	17/04/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,45	75	Khá	40%	15.978.000	6.391.200	
7036	2040210344	Nguyễn Lê Anh	Hung	18/11/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,03	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7037	2040213560	Nguyễn Hồng	Liên	22/03/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,71	90	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7038	2040213565	Nguyễn Trần Khánh	Linh	09/12/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,03	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7039	2040213570	Huỳnh Lê Minh	Ngọc	14/11/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,35	82	Giỏi	60%	15.978.000	9.586.800	
7040	2040210716	Hứa Thị Tú	Nguyên	07/09/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,78	70	Khá	40%	16.523.000	6.609.200	
7041	2040213574	Hồ Thị Yến	Nhi	09/03/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,5	74	Khá	40%	14.128.000	5.651.200	
7042	2040210156	Văn Uyển	Nhi	16/10/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,24	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7043	2040213585	Trần Hoàng	Phi	02/08/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,36	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7044	2040210037	Huỳnh Thị Bích	Phương	19/12/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	90	Giỏi	60%	10.494.000	6.296.400	
7045	2040213588	Trần Thị Mai	Phương	12/06/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,98	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7046	2040210710	Trần Thị Ngọc	Quyên	01/12/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,64	86	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7047	2040213608	Trần Việt	Thắng	01/02/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	9,11	108	Xuất sắc	100%	13.992.000	13.992.000	
7048	2040213612	Hồ Thị	Thu	26/01/2002	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,16	117	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7049	2040210453	Hồ Thị Tuyết	Thư	19/01/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,99	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7050	2040210270	Phan Ngọc	Thúy	20/11/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,69	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7051	2040213617	Trần Thị Phương	Thy	20/09/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,77	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7052	2040210601	Võ Thị Triệu	Vy	18/08/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,04	84	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
7053	2040210013	Hà Thị Như	Ý	05/12/2003	Lớp 12DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,38	86	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7054	2040210252	Lê Thị	Bình	17/01/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,05	86	Giỏi	60%	11.818.000	7.090.800	
7055	2040213512	Nguyễn Tấn	Bồn	02/02/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	82	Giỏi	60%	11.344.000	6.806.400	
7056	2040213513	Võ Thị Kim	Chi	10/08/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,72	75	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7057	2040213516	Nguyễn Hoài Thanh	Dân	08/04/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,04	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7058	2040213524	Nguyễn Tiến	Đạt	20/01/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,88	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7059	2040210268	Tiêu Doanh	Doanh	12/12/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,87	82	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7060	2040213520	Phan Hoàng Bảo	Duy	20/03/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,03	78	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7061	2013213186	Trịnh Vân	Giang	30/03/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,66	70	Khá	40%	12.889.000	5.155.600	
7062	2040213561	Trần Thị Kim	Liên	19/11/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,09	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7063	2040213563	Đàm Thùy	Linh	17/11/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	9,13	90	Xuất sắc	100%	13.992.000	13.992.000	
7064	2040213564	Nguyễn Ngô Thùy	Linh	08/02/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,79	90	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7065	2040213571	Phù Mỹ	Ngọc	27/09/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,83	78	Khá	40%	13.708.000	5.483.200	
7066	2040213572	Phạm Thị Thanh	Nhã	21/03/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,19	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7067	2040210538	Trần Tuyết	Nhi	04/11/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,7	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
7068	2040213584	Nguyễn Thị Kim	Oanh	05/05/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	28	7,41	129	Khá	40%	19.934.000	7.973.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7069	2040213586	Nguyễn Tỳ	Phú	24/11/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,05	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7070	2040210457	Trang Thanh	Phương	24/09/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,98	106	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7071	2040213600	Vô Thị	Sương	16/07/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,66	150	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7072	2040210176	Trần Kim	Thanh	23/10/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,46	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7073	2036212205	Huỳnh Anh	Thư	20/01/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8	94	Giỏi	60%	16.744.000	10.046.400	
7074	2040213614	Trần Minh	Thư	24/01/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,45	101	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7075	2040213616	Phạm Nguyễn Yến	Thy	20/08/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,54	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7076	2040213619	Nguyễn Đình Nhật	Tiến	24/05/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,24	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7077	2040213625	Nguyễn Đan Huyền	Trần	08/09/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,01	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7078	2040210463	Hoàng Thị Thuý	Trang	29/09/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,92	78	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
7079	2040210366	Thân Trí	Tuấn	21/10/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,52	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7080	2040213639	Lâm Thành	Vinh	17/09/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,23	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7081	2040213641	Đỗ Thuý	Vy	16/09/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	9,28	126	Xuất sắc	100%	12.668.000	12.668.000	
7082	2040213642	Phạm Thảo	Vy	14/05/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,53	113	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7083	2040213644	Vô Thị Thuận	Ý	13/04/2003	Lớp 12DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,39	129	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7084	2040213504	Nguyễn Thị Huyền	An	26/05/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,91	111	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7085	2040213507	Lê Ngọc	Ánh	18/07/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	9,02	111	Xuất sắc	100%	14.858.000	14.858.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7086	2040213508	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/08/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,42	74	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7087	2040213517	Phan Thúy	Diệu	16/08/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,54	78	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7088	2040213530	Dương Nguyễn Diệu	Hân	29/03/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,34	102	Giỏi	60%	11.818.000	7.090.800	
7089	2040213531	Hà Gia	Hân	11/11/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,5	82	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7090	2040213533	Tạ Ngọc	Hân	06/06/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,23	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7091	2040213534	Trần Hồng	Hân	05/02/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,02	98	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7092	2040213529	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	27/10/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,37	70	Khá	40%	16.387.000	6.554.800	
7093	2040213535	Lê Minh	Hiếu	06/06/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,86	115	Giỏi	60%	16.182.000	9.709.200	
7094	2040213539	Nguyễn Thị	Huệ	06/10/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,65	110	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7095	2040213541	Nguyễn Đức	Hùng	06/05/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,27	96	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7096	2040213548	Vũ Thị	Hương	01/03/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,28	78	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7097	2040213543	Hà Minh	Huy	29/01/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,44	74	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
7098	2040213557	Nguyễn Thị Phú	Kim	11/11/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,95	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7099	2040213566	Bùi Ngọc	Mai	09/10/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,88	126	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7100	2040213567	Huỳnh Thị Xuân	Mai	20/02/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,64	74	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7101	2040213568	Trần Đức	Mạnh	12/03/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,14	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7102	2040213573	Đỗ Nguyễn Phương	Nhi	21/08/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,05	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7103	2040213575	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	13/05/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,13	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7104	2040213589	La Quý	Phượng	17/12/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,69	112	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7105	2040213593	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	10/11/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,87	90	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7106	2040213594	Trương Nguyễn Ái	Quyên	12/02/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	9,14	112	Xuất sắc	100%	13.992.000	13.992.000	
7107	2040213595	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	17/09/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,33	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7108	2040213596	Nguyễn Như	Quỳnh	10/12/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,42	118	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7109	2040213599	Trần Thanh	Son	03/03/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,82	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7110	2040213602	Nguyễn Bùi Đăng	Tâm	29/12/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,69	86	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7111	2040213603	Nguyễn Lê Mỹ	Tâm	15/10/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,05	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7112	2040213606	Nguyễn Thục	Thanh	21/03/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,05	76	Khá	40%	16.523.000	6.609.200	
7113	2040213609	Đỗ Nguyễn Quốc	Thịnh	05/12/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,31	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7114	2040213613	Nguyễn Hoàng	Thụ	16/11/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,82	78	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7115	2040213618	Bùi Nguyễn Cẩm	Tiền	15/07/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,95	78	Khá	40%	13.928.000	5.571.200	
7116	2040213620	Phạm Trần Trí	Toàn	12/07/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,38	82	Khá	40%	15.063.000	6.025.200	
7117	2040213621	Võ Phương	Trà	07/02/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,94	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7118	2040213624	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	19/08/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,44	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7119	2040212244	Nguyễn Thị Thu	Trang	03/03/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,16	124	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7120	2040213626	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	16/07/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,29	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7121	2040212265	Nguyễn Thanh	Trúc	09/01/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,91	120	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7122	2040213632	Dương Ngọc	Tuấn	22/12/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,74	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7123	2040213633	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	05/10/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,58	104	Giỏi	60%	16.387.000	9.832.200	
7124	2040213636	Nguyễn Lê	Uyên	15/10/2003	Lớp 12DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,84	121	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7125	2013210980	Lý Minh	Anh	11/08/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,29	70	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
7126	2013210588	Trần Huỳnh Ngọc	Anh	08/10/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,8	82	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7127	2040213511	Nguyễn Thanh	Bình	04/09/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,76	114	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7128	2040213523	Nguyễn Thị Anh	Đào	04/02/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,24	90	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7129	2040210569	Tạ Thị Thùy	Dung	01/10/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,19	94	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7130	2040213519	Nguyễn Thanh	Duy	21/05/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,77	114	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
7131	2040210315	Nguyễn Trường	Giang	22/10/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,87	94	Khá	40%	10.494.000	4.197.600	
7132	2040213528	Trần Thị Thu	Hà	21/09/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,34	90	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7133	2040210224	Đỗ Ngọc	Hân	29/12/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,82	90	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7134	2040213537	Hoàng Thị Khánh	Hoa	30/01/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,42	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7135	2040213538	Nguyễn Thị Bảo	Hoàng	22/05/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,01	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7136	2040210589	Đặng Hoàng	Hưng	14/04/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,52	88	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7137	2040210370	Nguyễn Cao Bảo	Ngân	06/12/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,55	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7138	2040210160	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	14/10/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,98	74	Khá	40%	11.818.000	4.727.200	
7139	2040213577	Mai Ngọc	Nhi	24/03/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,58	94	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7140	2040213579	Huỳnh Tuyết	Nhung	04/12/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,67	94	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7141	2040213580	Phạm Thị Hồng	Nhung	23/01/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,74	108	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7142	2040213582	Nguyễn Lê Thanh	Nương	12/02/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,82	118	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7143	2040213583	Hà Thị Kiều	Oanh	05/02/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,84	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7144	2040210218	Nguyễn Văn	Phi	14/12/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,34	147	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7145	2040213592	Hứa Tú	Quyên	24/09/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,05	86	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7146	2040210157	Nguyễn Thảo	Quyên	18/06/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,19	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7147	2040213604	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	05/06/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,85	109	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7148	2040219875	Nguyễn Trần Minh	Thư	26/10/2002	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,34	94	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7149	2007211786	Dương Thị Phương	Thùy	13/02/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,59	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7150	2040210151	Dương Mỹ	Tiên	15/06/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,62	118	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
7151	2040210367	Phạm Thị Huyền	Trân	22/08/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,64	76	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7152	2040213623	Trần Thuỳ	Trang	06/12/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,33	98	Giỏi	60%	14.128.000	8.476.800	
7153	2040210325	Phạm Ngọc	Trinh	26/03/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,63	114	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7154	2040213634	Trần Ánh	Tuyết	16/10/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,11	75	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7155	2040210133	Huỳnh Ngọc Mỹ	Uyên	23/05/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,44	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7156	2040213637	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	18/11/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,04	70	Khá	40%	12.668.000	5.067.200	
7157	2040213638	Phạm Thị Tường	Vi	29/03/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,81	98	Giỏi	60%	13.992.000	8.395.200	
7158	2040210216	Nguyễn Thị Tường	Vy	02/08/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,15	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7159	2040210432	Phạm Trần Tùng	Vy	21/04/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,12	70	Khá	40%	13.992.000	5.596.800	
7160	2040210020	Huỳnh Thị	Ý	06/08/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,2	94	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7161	2040211723	Phạm Thị Hải	Yến	16/12/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,48	113	Giỏi	60%	12.668.000	7.600.800	
7162	2040213645	Võ Thị Hồng	Yến	10/02/2003	Lớp 12DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,45	74	Khá	40%	15.316.000	6.126.400	
7163	2036220354	Hồ Gia	Bảo	10/05/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,03	131	Giỏi	60%	11.885.000	7.131.000	
7164	2036220939	Nguyễn Thành	Đạt	01/05/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,34	84	Khá	40%	11.885.000	4.754.000	
7165	2036220826	Võ Thị Thái	Dương	09/12/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	128	Giỏi	60%	11.885.000	7.131.000	
7166	2036223068	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	05/05/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,18	78	Khá	40%	13.209.000	5.283.600	
7167	2036223093	Lã Thanh	Ngọc	12/04/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8	124	Giỏi	60%	13.345.000	8.007.000	
7168	2036223830	Nguyễn Đình Hà	Phương	03/08/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,1	84	Giỏi	60%	12.988.000	7.792.800	
7169	2036224118	Lê Như	Quỳnh	27/04/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,57	120	Giỏi	60%	13.345.000	8.007.000	
7170	2036224114	Mai Thị Trúc	Quỳnh	09/04/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,61	126	Khá	40%	14.669.000	5.867.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7171	2036224841	Vũ Thị	Thắm	24/12/2004	Lớp 13DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,66	118	Khá	40%	13.209.000	5.283.600	
7172	2036222231	Trần Thị Mỹ	Lệ	14/12/2003	Lớp 13DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,27	110	Khá	40%	11.019.000	4.407.600	
7173	2036223508	Huỳnh Võ Cẩm	Như	09/10/2004	Lớp 13DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,08	102	Khá	40%	11.681.000	4.672.400	
7174	2036224085	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	15/02/2004	Lớp 13DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,36	72	Khá	40%	13.209.000	5.283.600	
7175	2036225361	Phạm Khắc Mai	Trang	12/10/2004	Lớp 13DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,11	70	Khá	40%	13.209.000	5.283.600	
7176	2036225977	Đoàn Thị Khánh	Vy	05/01/2004	Lớp 13DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,16	96	Giỏi	60%	12.074.000	7.244.400	
7177	2036226106	Nguyễn Hoàng	Yến	16/10/2004	Lớp 13DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,85	96	Khá	40%	11.885.000	4.754.000	
7178	2036220610	Nguyễn Thị Bích	Diệu	19/10/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,27	88	Khá	40%	11.685.000	4.674.000	
7179	2036221658	Nguyễn Văn Nhựt	Huy	28/10/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,31	111	Giỏi	60%	13.009.000	7.805.400	
7180	2036222386	Đỗ Thị Thùy	Linh	12/11/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	127	Giỏi	60%	11.885.000	7.131.000	
7181	2036222646	Trần Thị Ánh	Minh	25/09/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,05	108	Giỏi	60%	15.099.000	9.059.400	
7182	2036223054	Nguyễn Linh Bích	Ngọc	20/12/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,94	72	Khá	40%	13.145.000	5.258.000	
7183	2036224084	Phạm Ngọc	Quỳnh	22/12/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	70	Khá	40%	11.885.000	4.754.000	
7184	2036224097	Trần Nguyễn Diễm	Quỳnh	05/11/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,14	84	Giỏi	60%	12.274.000	7.364.400	
7185	2036225195	Phạm Nguyễn Minh	Thư	31/05/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	84	Giỏi	60%	11.885.000	7.131.000	
7186	2036225398	Vô Thị	Trang	15/06/2004	Lớp 13DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,32	80	Khá	40%	11.685.000	4.674.000	
7187	2036220370	Nguyễn Ngọc Khánh	Băng	27/03/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,84	72	Khá	40%	10.883.000	4.353.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7188	2036220807	Lê Nguyễn Thùy	Dương	18/03/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	114	Giỏi	60%	11.885.000	7.131.000	
7189	2036221219	Nguyễn Phạm Thanh	Hằng	15/10/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	122	Khá	40%	11.885.000	4.754.000	
7190	2036222161	Nguyễn Minh	Khương	04/11/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	88	Giỏi	60%	11.685.000	7.011.000	
7191	2036222589	Trần Thị Tuyết	Mai	16/02/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,44	75	Khá	40%	11.874.000	4.749.600	
7192	2036222710	Nguyễn Thị Thảo	My	02/10/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,41	182	Khá	40%	13.345.000	5.338.000	
7193	2036222895	Lê Thị Thu	Ngân	20/12/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,94	92	Khá	40%	14.533.000	5.813.200	
7194	2036223198	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	10/07/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,49	105	Khá	40%	13.209.000	5.283.600	
7195	2040223234	Nguyễn Trọng	Nhân	28/09/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,09	97	Giỏi	60%	12.988.000	7.792.800	
7196	2036223394	Võ Thị Yến	Nhi	08/05/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	113	Giỏi	60%	11.885.000	7.131.000	
7197	2040223743	Nguyễn Mỹ	Phúc	05/06/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,91	107	Khá	40%	13.124.000	5.249.600	
7198	2036224026	Lương Tiểu	Quyên	22/03/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,71	108	Giỏi	60%	12.410.000	7.446.000	
7199	2036224788	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/06/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,02	96	Giỏi	60%	12.479.000	7.487.400	
7200	2036224798	Phan Thị	Thảo	15/09/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	151	Khá	40%	11.749.000	4.699.600	
7201	2036225593	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	07/02/2004	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,17	101	Giỏi	60%	12.138.000	7.282.800	
7202	2036225799	Đinh Vũ Thị Khánh	Vân	12/06/2003	Lớp 13DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	72	Khá	40%	11.664.000	4.665.600	
7203	2040220003	Phạm Khả	Ái	24/06/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	84	Khá	40%	11.664.000	4.665.600	
7204	2013220263	Tào Hoài	Ân	14/09/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,34	88	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7205	2040220495	Nguyễn Thị Minh	Châu	23/05/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,04	113	Giỏi	60%	13.192.000	7.915.200	
7206	2040220957	Ngô Hải	Đặng	18/09/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,37	102	Giỏi	60%	10.750.000	6.450.000	
7207	2040220903	Nguyễn Thành	Đạt	07/11/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,25	116	Giỏi	60%	11.680.000	7.008.000	
7208	2013221001	Trần Xuân	Đức	05/04/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,07	76	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7209	2013220757	Đỗ Nguyễn Thùy	Duyên	19/05/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,04	72	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7210	2013221080	Võ Tường Yến	Hà	29/04/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,37	110	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7211	2036221272	Trần Gia	Hân	10/05/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,51	120	Giỏi	60%	13.598.000	8.158.800	
7212	2013221237	Trương Thị Ngọc	Hân	01/08/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,78	110	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7213	2013221463	Cao Thị	Hoài	22/11/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,67	138	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
7214	2013221521	Nguyễn Thị Mai	Hồng	05/03/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,32	111	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
7215	2036222391	Lê Thị Thùy	Linh	27/09/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,85	80	Khá	40%	12.074.000	4.829.600	
7216	2013222561	Vũ Ngọc	Mai	16/08/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,8	86	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7217	2040222679	Trần Trà	My	11/04/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	9,16	136	Xuất sắc	100%	12.940.000	12.940.000	
7218	2013222849	Ngô Thị Kim	Ngân	05/09/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,27	104	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7219	2013222982	Nguyễn Ngọc Vân	Nghi	28/03/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,94	70	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7220	2013223130	Lữ Thị Châu	Nguyên	10/01/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,67	104	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7221	2013223129	Phạm Phương	Nguyên	21/01/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	112	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7222	2013223184	Phạm Thị Minh	Nguyệt	26/11/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,29	143	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7223	2013223209	Ngô Thanh	Nhàn	25/03/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,05	72	Khá	40%	10.750.000	4.300.000	
7224	2013223713	Trịnh Văn Đình	Phúc	12/04/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,66	92	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7225	2013223796	Nguyễn Kim	Phụng	01/01/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,09	101	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7226	2013224059	Bùi Thị Ngọc	Quỳnh	19/06/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,76	117	Giỏi	60%	11.680.000	7.008.000	
7227	2013224699	Phạm Trọng	Thành	25/05/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,62	101	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7228	2040225365	Đoàn Như Yến	Trang	13/05/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,36	86	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7229	2013225342	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/03/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,51	90	Giỏi	60%	15.330.000	9.198.000	
7230	2036225380	Trần Huỳnh Huyền	Trang	15/03/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,53	90	Giỏi	60%	12.274.000	7.364.400	
7231	2013225639	Lầu Thu	Trúc	06/09/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,35	114	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
7232	2013225810	Phan Nguyễn Tường	Vi	12/01/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,04	171	Giỏi	60%	10.950.000	6.570.000	
7233	2013225848	Lê Hoàng	Việt	12/04/2003	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,12	78	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7234	2013226069	Nguyễn Thị Thiên	Ý	21/11/2004	Lớp 13DHQTKD_TD	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,68	82	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7235	2013220009	Nguyễn Tường	An	21/12/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,76	89	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7236	2013220081	Lê Tuấn	Anh	24/06/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,26	112	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7237	2013220084	Trần Diệu	Anh	27/05/2002	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,41	93	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7238	2013220418	Đoàn Thị	Cầm	18/04/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,64	70	Khá	40%	14.600.000	5.840.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7239	2013220521	Lê Thị Thanh	Chi	09/12/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,63	78	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7240	2013221030	Nguyễn Thị Thùy	Giang	12/05/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,35	74	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7241	2013221031	Phạm Hà	Giang	09/08/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	9,01	144	Xuất sắc	100%	12.940.000	12.940.000	
7242	2013221160	Trương Ngọc	Hạnh	26/04/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,26	120	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
7243	2013221811	Trần Thị Ngọc	Hương	18/02/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,64	80	Giỏi	60%	11.680.000	7.008.000	
7244	2013222155	Nguyễn Ngọc	Khuê	11/08/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,31	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7245	2013222230	Trần Nhật	Lệ	31/07/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,46	106	Khá	40%	15.535.000	6.214.000	
7246	2013222247	Võ Thị Mỹ	Liên	03/04/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,72	102	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7247	2013222277	Trần Phạm Trúc	Linh	19/06/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,41	102	Giỏi	60%	11.680.000	7.008.000	
7248	2013222520	Phạm Thị Trúc	Ly	02/08/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,05	70	Khá	40%	13.875.000	5.550.000	
7249	2013222741	Nguyễn Thị Vy	Na	02/02/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,71	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7250	2013222750	Đỗ Nhật	Nam	30/03/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,67	146	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7251	2013222981	Lê Minh	Nghệ	18/01/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,83	112	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7252	2013223043	Nguyễn Yến	Ngọc	07/09/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,42	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7253	2013223185	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	25/11/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,95	110	Khá	40%	12.206.000	4.882.400	
7254	2013223555	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	22/02/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,61	70	Khá	40%	10.950.000	4.380.000	
7255	2013223797	Nguyễn Thị Tiểu	Phụng	08/01/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,61	70	Khá	40%	12.206.000	4.882.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7256	2013223827	Nguyễn Đan Hà	Phương	21/05/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,32	70	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7257	2013224255	Lê Thị Minh	Tâm	29/11/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,58	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7258	2013224663	Huỳnh Thị Lan	Thanh	30/06/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	70	Khá	40%	10.814.000	4.325.600	
7259	2013224739	Lung Ngọc	Thảo	27/09/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,18	95	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7260	2013224923	Trần Gia	Thịnh	13/08/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,21	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7261	2013225283	Nguyễn Thị Hoài	Thương	01/01/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,47	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7262	2013225344	Võ Nguyễn Kiều	Trang	17/08/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,58	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7263	2013225579	Bùi Thị Tố	Trình	10/07/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,27	93	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
7264	2013224579	Võ Thị Mỹ	Tuyền	05/12/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,03	106	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7265	2013225720	Phạm Nguyễn Phương	Uyên	01/01/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,46	74	Khá	40%	14.600.000	5.840.000	
7266	2013225811	Nguyễn Nhật Tường	Vi	22/07/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,46	144	Khá	40%	13.209.000	5.283.600	
7267	2013225930	Huỳnh Ngọc Yển	Vy	01/09/2004	Lớp 13DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,09	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7268	2013220011	Nguyễn Thị Thuý	An	07/03/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,33	76	Khá	40%	12.868.000	5.147.200	
7269	2013220083	Lương Huệ	Anh	23/04/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,76	145	Giỏi	60%	11.680.000	7.008.000	
7270	2013220076	Vũ Quỳnh	Anh	20/05/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,87	76	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7271	2013220758	Phan Thị Mỹ	Duyên	17/08/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,47	94	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7272	2013220756	Phùng Thị Mỹ	Duyên	21/02/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,82	78	Khá	40%	12.800.000	5.120.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7273	2013221386	Lê Trung	Hiệp	22/10/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,44	102	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7274	2013221398	Ngô Minh	Hiếu	02/06/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,17	77	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7275	2013221522	Phạm Thị Thúy	Hồng	29/07/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,73	86	Giỏi	60%	15.314.000	9.188.400	
7276	2013221550	Hứa Gia	Huệ	12/04/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	70	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7277	2013221717	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/09/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,44	70	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7278	2013222186	Hồ Nguyễn Bạch	Lan	21/11/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	72	Khá	40%	11.340.000	4.536.000	
7279	2013222270	Liêu Yến	Linh	16/01/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	72	Khá	40%	11.340.000	4.536.000	
7280	2013226299	Vũ Diệu	Linh	02/06/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,8	131	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7281	2013222855	Nguyễn Hồng Tuyết	Ngân	19/01/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,54	70	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7282	2013222843	Trần Kim	Ngân	24/10/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,99	83	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7283	2013222983	Vân Trúc	Nghi	03/01/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,3	70	Khá	40%	16.995.000	6.798.000	
7284	2013223298	Lê Tuyết	Nhi	26/08/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,35	133	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7285	2013223296	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	16/09/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,69	131	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7286	2013224002	Trịnh Thị Thế	Quyên	31/10/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,14	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7287	2013224060	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	03/11/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,18	95	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7288	2013224742	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	27/07/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,03	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7289	2013224737	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/02/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,7	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7290	2013224741	Phan Thị Thu	Thảo	29/08/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,53	102	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7291	2013225152	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	23/01/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,55	72	Khá	40%	14.464.000	5.785.600	
7292	2013225156	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	11/03/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,69	70	Khá	40%	14.464.000	5.785.600	
7293	2013225280	Trần Thị Hoài	Thương	09/06/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,27	74	Khá	40%	13.734.000	5.493.600	
7294	2013225477	Nguyễn Thị Huyền	Trân	28/08/2004	Lớp 13DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,6	76	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7295	2013220086	Nguyễn Thị Hồng	Anh	17/05/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	77	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7296	2013220078	Trần Ngọc Minh	Anh	21/08/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,36	72	Khá	40%	16.995.000	6.798.000	
7297	2013220873	Lê Văn Đỗ	Đạt	01/09/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,89	70	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7298	2013221582	Đặng Gia	Huy	03/12/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,12	70	Khá	40%	14.990.000	5.996.000	
7299	2013221720	Thạch Thị	Huyền	15/07/2003	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,51	78	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7300	2013221880	Nguyễn Đức Anh	Kiệt	12/06/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,19	194	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7301	2013222168	Lê Thị Mỹ	Lài	10/11/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	76	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7302	2013222414	Bùi Mai	Loan	27/04/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,43	72	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7303	2013222602	Lê Huệ	Mẫn	21/08/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,74	72	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7304	2013222748	Đinh Nguyễn Nhật	Nam	07/01/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,1	72	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7305	2013223047	Huỳnh Bảo	Ngọc	22/06/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,52	70	Khá	40%	14.075.000	5.630.000	
7306	2013223558	Dương Thị Kiều	Oanh	02/10/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,65	70	Khá	40%	10.678.000	4.271.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7307	2013224061	Mai Ngọc Như	Quỳnh	02/12/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,87	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7308	2013224058	Vì Diệu	Quỳnh	08/12/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,02	70	Khá	40%	15.223.000	6.089.200	
7309	2013224252	Trần Thị Yến	Tâm	12/09/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,11	108	Giỏi	60%	15.178.000	9.106.800	
7310	2013224833	Nguyễn Hồng	Thắm	03/09/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,08	78	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7311	2013224665	Vũ Thị Cẩm	Thanh	04/01/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,77	72	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7312	2013224736	Đặng Hoài Hương	Thảo	26/04/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,01	76	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7313	2013224738	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	04/07/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,02	72	Khá	40%	14.196.000	5.678.400	
7314	2013225274	Võ Hoàng	Thức	01/09/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,98	72	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7315	2013225310	Lục Minh	Thường	01/01/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,38	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7316	2013224386	Trần Minh	Tiến	18/11/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,42	72	Khá	40%	12.800.000	5.120.000	
7317	2013225637	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	23/04/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,31	123	Giỏi	60%	15.126.000	9.075.600	
7318	2013225929	Lương Tường	Vy	26/02/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,28	136	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7319	2013226074	Nguyễn Như	Ý	17/01/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,33	142	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7320	2013226103	Phạm Diễm	Yến	15/02/2004	Lớp 13DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,06	88	Giỏi	60%	12.736.000	7.641.600	
7321	2013220006	Dương Thị Thúy	An	07/08/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,49	70	Khá	40%	13.145.000	5.258.000	
7322	2013220008	Mai Tấn	An	26/10/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,52	76	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7323	2013220295	Nguyễn Trần Gia	Bảo	09/02/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,93	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7324	2013220383	Nguyễn Vũ Thảo	Bình	19/05/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,76	82	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7325	2013220479	Phạm Quỳnh	Châu	22/11/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,11	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7326	2013220444	Nguyễn Phú	Cường	04/05/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,15	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7327	2013220445	Trần Mạnh	Cường	29/11/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	25	7,9	70	Khá	40%	18.219.000	7.287.600	
7328	2013220871	Phạm Duy	Đạt	22/03/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,27	92	Giỏi	60%	14.600.000	8.760.000	
7329	2013220637	Phạm Đăng Phương	Du	17/09/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,52	72	Khá	40%	10.750.000	4.300.000	
7330	2013220643	Nguyễn Thùy	Dung	30/05/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,53	74	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7331	2013221206	Trần Thị Diễm	Hằng	13/08/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,61	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7332	2013221396	Trần Thị	Hiếu	13/06/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,39	82	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7333	2013221719	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/02/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	102	Giỏi	60%	11.732.000	7.039.200	
7334	2013221979	Trịnh Vỹ	Khang	04/04/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,54	72	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7335	2013222033	Nguyễn Chí	Khanh	21/02/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,29	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7336	2013222269	Phan Thị Trúc	Linh	26/12/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,31	70	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7337	2013222425	Cao Thành	Long	08/02/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,42	96	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7338	2013222519	Nguyễn Thị	Ly	29/04/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,18	123	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7339	2013222615	Nguyễn Thị Hoàng	Mi	19/07/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,92	100	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7340	2013222846	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	20/10/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,95	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7341	2013222858	Phan Thị Thùy	Ngân	25/01/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,63	80	Khá	40%	10.950.000	4.380.000	
7342	2013223050	Đặng Thị Mỹ	Ngọc	01/11/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,11	72	Khá	40%	10.750.000	4.300.000	
7343	2013223295	Văn Thị Yến	Nhi	17/06/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,08	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7344	2013223716	Đoàn Thị Diễm	Phúc	16/06/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	72	Khá	40%	11.680.000	4.672.000	
7345	2013223718	Dương Hoàng	Phúc	06/05/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,01	98	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7346	2013223717	Huỳnh Triệu Tiến	Phúc	07/10/2003	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,91	100	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
7347	2013223719	Mai Hoàng	Phúc	21/02/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,99	70	Khá	40%	12.936.000	5.174.400	
7348	2013223823	Lê Nhã	Phương	20/12/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,21	70	Khá	40%	13.145.000	5.258.000	
7349	2013223933	Huỳnh Thúy	Quân	02/08/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,54	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7350	2013223930	Trần Thị	Quanh	13/08/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,93	90	Khá	40%	15.330.000	6.132.000	
7351	2013224055	Lê Phan Như	Quỳnh	08/04/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,9	92	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7352	2013224193	Lê Thị Như	Sương	02/05/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,27	72	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7353	2013224667	Hoàng Nguyễn Kim	Thanh	24/06/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,07	80	Giỏi	60%	10.950.000	6.570.000	
7354	2013224878	Lại Hồng	Thị	09/08/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,07	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7355	2013225146	Hàn Thị Ánh	Thư	20/03/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,58	70	Khá	40%	12.940.000	5.176.000	
7356	2013225153	Huỳnh Thị Anh	Thư	24/05/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	26	7,05	70	Khá	40%	19.153.000	7.661.200	
7357	2013225279	Lê Thị	Thương	19/03/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,48	82	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7358	2013225422	Lê Thái Bảo	Trâm	04/06/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	70	Khá	40%	11.544.000	4.617.600	
7359	2013225419	Lê Thị Thùy	Trâm	24/05/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,08	70	Khá	40%	10.814.000	4.325.600	
7360	2013225418	Mai Thị Vân	Trâm	05/09/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,54	96	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7361	2013226051	Vô Thị Kim	Xuân	12/02/2004	Lớp 13DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,47	103	Giỏi	60%	12.940.000	7.764.000	
7362	2013220376	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	09/08/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,34	74	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7363	2013220950	Bùi Nhật	Đăng	17/02/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,58	76	Khá	40%	15.335.000	6.134.000	
7364	2013220870	Vô Thành	Đạt	01/10/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,46	72	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7365	2013220806	Dương Thị Thùy	Dương	21/05/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,47	70	Khá	40%	11.544.000	4.617.600	
7366	2013221032	Trần Nguyễn An	Giang	17/10/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,64	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7367	2013221208	Ngô Thanh	Hằng	16/11/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,5	145	Giỏi	60%	13.004.000	7.802.400	
7368	2013221580	Nguyễn Gia	Huy	14/12/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,39	70	Khá	40%	12.800.000	5.120.000	
7369	2013221718	Nguyễn Anh	Huyền	26/05/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,91	82	Khá	40%	10.814.000	4.325.600	
7370	2013221868	Lâm Đại	Hỷ	02/01/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	72	Khá	40%	11.544.000	4.617.600	
7371	2013222225	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	13/01/2003	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,28	70	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7372	2013222483	Nguyễn Hữu	Lợi	21/09/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,07	82	Giỏi	60%	13.140.000	7.884.000	
7373	2013222620	Vũ Thị Hồng	Minh	29/10/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,54	72	Khá	40%	10.950.000	4.380.000	
7374	2013222820	Phạm Thị Mỹ	Nga	05/07/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,57	70	Khá	40%	10.950.000	4.380.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7375	2013222853	Phan Thị Kim	Ngân	29/07/2002	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,87	70	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7376	2013223131	Đoạn Thị Phương	Nguyên	28/09/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,63	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7377	2013223210	Nguyễn Thu	Nhàn	23/11/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,45	72	Khá	40%	13.345.000	5.338.000	
7378	2013223293	Vũ Nguyễn Yến	Nhi	08/08/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,18	78	Khá	40%	16.984.000	6.793.600	
7379	2013223458	Lâm Thị Huỳnh	Như	06/01/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,36	78	Khá	40%	13.140.000	5.256.000	
7380	2013223932	Vũ Ngọc Thư	Quân	11/07/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,38	78	Khá	40%	10.814.000	4.325.600	
7381	2013224250	Nguyễn Thị Tố	Tâm	24/02/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,62	76	Khá	40%	12.800.000	5.120.000	
7382	2013224249	Trương Thị Mỹ	Tâm	02/10/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,37	70	Khá	40%	10.814.000	4.325.600	
7383	2013224735	Lê Thị Ngọc	Thảo	13/12/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,02	123	Giỏi	60%	13.735.000	8.241.000	
7384	2013224377	Nguyễn Đăng	Tiền	27/10/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,47	70	Khá	40%	12.800.000	5.120.000	
7385	2013225721	Hoàng Thị Thu	Uyên	07/02/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,51	78	Khá	40%	13.004.000	5.201.600	
7386	2013225933	Phạm Thị Thuý	Vy	17/04/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,32	108	Giỏi	60%	14.990.000	8.994.000	
7387	2013226066	Lý Kim	Xuyến	06/01/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,89	90	Giỏi	60%	12.800.000	7.680.000	
7388	2013226071	Huỳnh Như	Ý	14/10/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,05	94	Giỏi	60%	15.399.000	9.239.400	
7389	2013226072	Võ Minh	Ý	26/11/2004	Lớp 13DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,16	70	Khá	40%	16.860.000	6.744.000	
7390	2040220382	Lã Ngọc	Bích	08/04/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	36	8,48	128	Giỏi	60%	26.054.000	15.632.400	
7391	2040220876	Nguyễn Thị Ngọc	Đạt	20/10/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	94	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7392	2040221036	Nguyễn Thuỳ	Giang	10/02/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,47	84	Giỏi	60%	11.545.000	6.927.000	
7393	2040221163	Ngô Lê Hồng	Hạnh	30/08/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,58	128	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7394	2040221384	Nguyễn Văn	Hiền	01/02/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,04	160	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
7395	2040221798	Huỳnh Quốc	Hung	10/07/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,12	76	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7396	2040221788	Vi Quốc	Hung	27/12/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,98	104	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7397	2040221817	Huỳnh Nguyễn Thu	Hương	20/11/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,95	95	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7398	2040221613	Nguyễn Nhựt	Huy	21/02/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,19	72	Khá	40%	15.468.000	6.187.200	
7399	2040221651	Trần Đức	Huy	13/06/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,39	113	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7400	2040222193	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	29/03/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,21	100	Giỏi	60%	14.144.000	8.486.400	
7401	2040222331	Hoàng Thị Mỹ	Linh	15/05/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,57	90	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
7402	2040222338	Huỳnh Ngọc	Linh	26/04/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,86	72	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7403	2040222384	Lê Võ Thùy	Linh	15/07/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	100	Khá	40%	11.890.000	4.756.000	
7404	2040222788	Nguyễn Võ Hoài	Nam	08/06/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,8	72	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7405	2040223006	Đinh Ngọc Bảo	Nghi	03/07/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,44	98	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	
7406	2040223345	Nguyễn Thị Yến	Nhi	13/02/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	21	8,13	122	Giỏi	60%	15.468.000	9.280.800	
7407	2040223518	Lâm Tâm	Như	28/11/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,97	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7408	2040223649	Nguyễn Phúc Hoàng	Phi	23/07/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,55	72	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7409	2040223900	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	04/08/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	100	Giỏi	60%	12.090.000	7.254.000	
7410	2040223961	Nguyễn An	Quân	11/06/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,32	92	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7411	2040224107	Trịnh Thúy	Quỳnh	06/03/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,11	82	Giỏi	60%	15.010.000	9.006.000	
7412	2040224144	Nguyễn Thanh	Sang	21/08/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,68	110	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7413	2040224209	Nguyễn Ngọc Anh	Tài	01/01/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,15	74	Khá	40%	13.844.000	5.537.600	
7414	2040224232	Nguyễn Thị Trí	Tài	05/09/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,63	76	Khá	40%	13.346.000	5.338.400	
7415	2040224642	Nguyễn Kiêm	Thái	11/06/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,38	117	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7416	2040225010	Nguyễn Thị	Thơm	23/08/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,25	115	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7417	2040225234	Đặng Quỳnh Trúc	Thư	25/02/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,95	76	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	
7418	2040225235	Nguyễn Anh	Thư	17/06/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,45	107	Giỏi	60%	12.616.000	7.569.600	
7419	2040225439	Bùi Thị Huyền	Trâm	05/07/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,92	72	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7420	2040225591	Lê Thị Ngọc	Trình	30/01/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,44	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7421	2040226077	Nguyễn Thị Như	Ý	11/07/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,52	72	Khá	40%	14.080.000	5.632.000	
7422	2040226121	Hoàng Thị	Yến	18/07/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,51	82	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7423	2040226122	Nguyễn Thị Kim	Yến	05/08/2004	Lớp 13DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,99	118	Khá	40%	14.080.000	5.632.000	
7424	2040220067	Nguyễn Hồ Khương	An	30/04/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,62	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
7425	2040220212	Võ Vân	Anh	02/04/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,74	82	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7426	2040220392	Phan Quốc	Bình	11/01/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,57	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7427	2040220469	Lâm Quốc	Cường	25/12/2003	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,08	82	Khá	40%	14.806.000	5.922.400	
7428	2040221102	Trần Thị	Hà	21/10/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,45	110	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7429	2040221097	Trịnh Thị Thu	Hà	01/07/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	15	7,64	110	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
7430	2040221137	Trương Hồng	Hải	02/06/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,22	90	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
7431	2040221173	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	10/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,98	94	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7432	2040221444	Nguyễn Thị	Hoa	22/10/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,16	70	Khá	40%	11.954.000	4.781.600	
7433	2040221443	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	23/01/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,59	102	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7434	2040222300	Trần Thị Huyền	Linh	06/09/2003	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,49	78	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
7435	2040222586	Thái Thị Ngọc	Mai	22/10/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,19	106	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7436	2040222824	Lê Thị Thanh	Nga	12/08/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,67	108	Giỏi	60%	15.010.000	9.006.000	
7437	2040222887	Lê Trần Ngọc	Ngân	03/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,54	78	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7438	2040223026	Trần Minh	Nghĩa	24/10/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,59	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7439	2040223356	Trần Phạm Yên	Nhi	22/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,19	100	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7440	2040223314	Trần Thị Tuyết	Nhi	14/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,47	121	Khá	40%	13.804.000	5.521.600	
7441	2040223493	Phạm Thị Kim	Như	27/05/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,43	107	Giỏi	60%	14.144.000	8.486.400	
7442	2040223441	Đinh Thị Hồng	Nhung	23/09/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,58	114	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7443	2040223564	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	02/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,16	103	Giỏi	60%	14.144.000	8.486.400	
7444	2040223841	Chu Hồng	Phương	14/11/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,88	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7445	2040224238	Vô Tấn	Tài	30/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,84	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7446	2040224278	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/11/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,09	100	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7447	2040224707	Đặng Đại	Thành	08/09/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,05	93	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7448	2040224748	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/09/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,62	121	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
7449	2040224786	Trần Nguyễn Thu	Thảo	16/07/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,57	82	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7450	2040225253	Mai Trần Anh	Thư	22/10/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,79	82	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7451	2040225096	Tổng Thanh	Thủy	07/12/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,99	100	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7452	2040225102	Trần Thu	Thủy	01/10/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,62	84	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7453	2040224356	Hà Phụng	Tiên	15/12/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,56	82	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7454	2040224378	Nguyễn Thị Kim	Tiền	23/07/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,59	109	Khá	40%	14.008.000	5.603.200	
7455	2040225602	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	25/09/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,2	70	Khá	40%	17.405.000	6.962.000	
7456	2040225644	Vô Anh	Trúc	08/01/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,2	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7457	2040224512	Vô Thị Cẩm	Tú	21/10/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,72	70	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
7458	2040224534	Bùi Sỹ	Tuấn	01/07/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,59	110	Khá	40%	14.076.000	5.630.400	
7459	2040224532	Lê Minh	Tuấn	03/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8	94	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7460	2040225769	Ngac Thị	Ương	09/02/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,64	121	Khá	40%	16.159.918	6.463.967	
7461	2040226010	Bùi Hồ Khánh	Vy	19/04/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,28	92	Giỏi	60%	16.334.000	9.800.400	
7462	2040225938	Đỗ Nguyễn Thanh	Vy	07/06/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,86	78	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7463	2040226003	Nguyễn Phạm Liễu	Vy	03/03/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,38	92	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7464	2040225967	Trương Thị Diễm	Vy	23/08/2004	Lớp 13DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,86	70	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7465	2040220125	Nguyễn Hoàng Trúc	Anh	06/05/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,72	72	Khá	40%	12.479.000	4.991.600	
7466	2040220188	Nguyễn Lan	Anh	29/04/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,85	89	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7467	2040220161	Nguyễn Thị Hải	Anh	25/01/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,58	143	Khá	40%	12.620.000	5.048.000	
7468	2040220201	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/06/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,1	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7469	2040220461	Mai Xuân	Cường	12/01/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,87	106	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7470	2040221069	Phan Thị Ngọc	Giàu	16/10/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,79	76	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7471	2040221355	Nguyễn Thị	Hiền	22/01/2003	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,08	92	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7472	2040221450	Thái Thị	Hoa	16/08/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,9	107	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7473	2040221549	Nguyễn Thị Xuân	Huế	10/05/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	15	8,26	72	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
7474	2040221675	Trần Anh	Huy	03/05/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,73	113	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
7475	2040221739	Dương Thị Mỹ	Huyền	25/07/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,13	78	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
7476	2040221763	Nguyễn Thị Xuân	Huỳnh	05/11/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,72	72	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7477	2040222080	Lê Nguyễn	Khiêm	27/01/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,09	90	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7478	2040222130	Phan Anh	Khoa	30/11/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,84	82	Khá	40%	14.080.000	5.632.000	
7479	2040222318	Nguyễn Khánh	Linh	27/10/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,66	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7480	2040222301	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	09/03/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,32	72	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7481	2040222627	Lê Tà Nguyệt	Minh	28/09/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,71	78	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	
7482	2040222781	Nguyễn	Nam	17/02/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,27	98	Giỏi	60%	15.010.000	9.006.000	
7483	2040223244	Võ Chí	Nhân	22/08/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,87	96	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7484	2040223639	Di Từ	Phấn	10/01/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,47	110	Khá	40%	11.890.000	4.756.000	
7485	2040223584	Lâm Vĩnh	Phát	15/02/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,08	155	Giỏi	60%	15.010.000	9.006.000	
7486	2040223847	Bùi Thị Chúc	Phương	21/02/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,95	105	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7487	2040224022	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	10/03/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,56	80	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7488	2040224297	Nguyễn Thị Minh	Tâm	01/04/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,95	76	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7489	2040224997	Phan Huỳnh Thy	Thơ	30/09/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	113	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7490	2040225003	Phan Phương Ý	Thơ	18/01/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,18	99	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7491	2040225264	Lê Nguyễn Anh	Thư	17/06/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,03	86	Giỏi	60%	14.280.000	8.568.000	
7492	2040225190	Nguyễn Thị Anh	Thư	09/09/2003	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,32	72	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7493	2040225118	Trần Thị Thanh	Thúy	28/02/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,33	70	Khá	40%	13.876.000	5.550.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7494	2040225077	Huỳnh Thị Bích	Thùy	07/11/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,74	110	Khá	40%	16.066.000	6.426.400	
7495	2040225106	Trương Thị	Thùy	21/01/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,06	78	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7496	2040225481	Nguyễn Thụy Thùy	Trân	16/11/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,83	86	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7497	2040225501	Phan Thị Huyền	Trân	07/02/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,08	117	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7498	2040225587	Huỳnh Thị Ngọc	Trình	17/06/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,19	82	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7499	2040225624	Trần Thanh	Trọng	26/03/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,31	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7500	2040225687	Hồ Văn Chí	Trung	12/12/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	96	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7501	2040225699	Vô Văn	Trương	10/04/2004	Lớp 13DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,12	101	Khá	40%	15.468.000	6.187.200	
7502	2040220327	Doãn Hoàng Gia	Bảo	09/05/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,36	72	Khá	40%	16.675.000	6.670.000	
7503	2040220717	Lê Tấn	Duy	23/09/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,35	76	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
7504	2040221323	Huỳnh Thanh	Hậu	08/01/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,27	74	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7505	2040221853	Đỗ Bùi Thu	Hường	26/06/2003	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	110	Giỏi	60%	12.090.000	7.254.000	
7506	2040221854	Nguyễn Thị Thu	Hường	11/06/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,91	110	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7507	2040221633	Đỗ Nhật	Huy	13/08/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,57	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7508	2040221869	Huỳnh Quốc Huy	II	16/01/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,15	72	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7509	2040221992	Nguyễn Hoàng	Khang	13/12/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,08	94	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7510	2040222191	Nguyễn Nữ Ngọc	Lan	10/04/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,56	76	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7511	2040222265	Phạm Thị Diễm	Lin	09/06/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,51	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7512	2040222356	Dương Thị Thùy	Linh	19/11/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,64	78	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7513	2040222566	Nguyễn Võ Khánh	Mai	04/09/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,92	90	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
7514	2040222949	Phạm Kim	Ngân	11/01/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,51	76	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7515	2040223082	Lê Thị Bảo	Ngọc	14/03/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,16	70	Khá	40%	14.080.000	5.632.000	
7516	2040223217	Trần Huỳnh Thanh	Nhàn	17/01/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,42	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
7517	2040223237	Lê Trung	Nhân	24/11/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,5	72	Khá	40%	13.755.000	5.502.000	
7518	2040223331	Nguyễn Yến	Nhi	25/11/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,95	114	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7519	2040223683	Hoàng Trọng	Phú	26/01/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,73	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7520	2040223872	Nguyễn Đặng Nhã	Phương	28/04/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,62	76	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7521	2040223958	Lê Văn	Quân	29/04/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,36	80	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7522	2040224083	Ngô Văn Thúy	Quỳnh	22/04/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,14	90	Giỏi	60%	12.412.000	7.447.200	
7523	2040224111	Phạm Thị	Quỳnh	07/03/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,56	84	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7524	2040224202	Nguyễn Đức Tấn	Tài	08/07/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,48	96	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7525	2040224840	Võ Phan Hồng	Thắm	05/12/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,54	80	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
7526	2040225169	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	18/09/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,99	96	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7527	2040225316	Trần Ngọc Uyên	Thy	02/03/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,78	113	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7528	2040224344	Châu Thị Ngọc	Tiên	27/03/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	84	Giỏi	60%	11.954.000	7.172.400	
7529	2040224416	Võ Trọng	Tín	01/01/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,46	103	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7530	2040225427	Trần Thị Quế	Trâm	04/10/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,36	70	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
7531	2040225522	Phạm Trần Bảo	Trân	13/03/2003	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,22	82	Giỏi	60%	12.616.000	7.569.600	
7532	2040225354	Phạm Hải	Trang	15/02/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	21	7,97	76	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
7533	2040224536	Nguyễn Hoàng	Tuấn	05/03/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,11	98	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7534	2040224610	Nguyễn Minh	Tuyết	16/10/2004	Lớp 13DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,91	84	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7535	2040220126	Nguyễn Thị Minh	Anh	04/11/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,03	76	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7536	2040220189	Phạm Thị Lan	Anh	30/06/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,77	70	Khá	40%	13.844.000	5.537.600	
7537	2040220468	Kiều Mạnh	Cường	12/02/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,42	112	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7538	2040220617	Bùi Thị	Diệu	31/12/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,33	70	Khá	40%	14.080.000	5.632.000	
7539	2040220690	Lê Hoàng	Dũng	12/08/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,34	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7540	2040220794	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	24/06/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,7	121	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7541	2040221077	Lưu Thành	Giỏi	02/01/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,66	88	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7542	2040221218	Phan Đặng Thuý	Hằng	02/06/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,44	131	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7543	2040221820	Võ Thị Thanh	Hương	09/02/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,37	70	Khá	40%	14.994.000	5.997.600	
7544	2040221928	Đặng Nhật Nguyệt	Kiều	22/10/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,86	144	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7545	2040222427	Châu Phi	Long	01/02/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,09	100	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7546	2040222776	Lê Đình Hải	Nam	14/08/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,74	88	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7547	2040223076	Châu Bảo	Ngọc	22/06/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,02	94	Giỏi	60%	12.416.000	7.449.600	
7548	2040223527	Vô Thảo	Như	24/12/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,31	124	Giỏi	60%	12.616.000	7.569.600	
7549	2040222816	Nguyễn Thị Thảo	Ny	20/04/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,92	100	Khá	40%	12.616.000	5.046.400	
7550	2040223565	Vũ Thị Kim	Oanh	25/07/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,53	70	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	
7551	2040223901	Nguyễn Huỳnh Nhật	Phượng	02/02/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,12	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7552	2040224181	Vũ Trí	Son	08/08/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,52	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7553	2040224755	Nguyễn Thanh	Thảo	25/06/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,96	82	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	
7554	2040224962	Nguyễn Quốc	Thịnh	15/11/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,48	78	Khá	40%	12.416.000	4.966.400	
7555	2040225176	Nguyễn Anh	Thư	26/10/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,32	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7556	2040224385	Thái Lê Sông	Tiền	04/11/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	111	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7557	2040225646	Nguyễn Thanh	Trúc	22/01/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,76	80	Khá	40%	12.480.000	4.992.000	
7558	2040225745	Bùi Thị Lệ	Uyên	04/02/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,75	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
7559	2040226019	Đỗ Thị Kiều	Vy	06/10/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,73	70	Khá	40%	14.080.000	5.632.000	
7560	2040226056	Trần Thị Ánh	Xuân	12/03/2004	Lớp 13DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,09	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7561	2040220246	Đỗ Thị Kim	Ánh	16/01/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,34	70	Khá	40%	13.940.000	5.576.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7562	2040220249	Vũ Ngọc	Ánh	30/09/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	23	8,02	82	Giỏi	60%	17.152.000	10.291.200	
7563	2040220527	Nguyễn Thị Kim	Chi	06/11/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,46	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7564	2040221257	Lê Gia	Hân	27/11/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,93	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7565	2040221353	Bạch Thị Thu	Hiền	07/09/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,8	75	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7566	2040222194	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	16/07/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,04	108	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7567	2040222348	Huỳnh Thị Thùy	Linh	08/09/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	7,33	72	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	
7568	2040222424	Bùi Mỹ	Loan	20/12/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,55	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7569	2040222527	Đào Phan Hương	Ly	14/08/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,78	78	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7570	2040222743	Huỳnh Ngọc Ty	Na	20/06/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,7	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7571	2040223199	Ngô Thị	Nguyệt	06/09/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,52	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7572	2040223385	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	26/08/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,31	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7573	2040223507	Lê Trần Bảo	Như	23/08/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,88	88	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7574	2040223431	Ngô Thị Hồng	Nhung	04/04/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,06	102	Giỏi	60%	12.969.750	7.781.850	
7575	2040223549	Trần Minh	Nhật	18/09/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,88	72	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7576	2040224806	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	02/10/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,34	94	Giỏi	60%	14.080.000	8.448.000	
7577	2040225174	Đặng Thị Anh	Thư	04/02/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,56	84	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7578	2040225259	Trần Ngọc Minh	Thư	28/03/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,09	72	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7579	2040225304	Nguyễn Lê Huỳnh	Thương	13/01/2003	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,38	70	Khá	40%	14.144.000	5.657.600	
7580	2013224337	Nguyễn Khánh	Tiên	05/06/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,14	98	Giỏi	60%	13.939.000	8.363.400	
7581	2040225468	Lê Thị Ngọc	Trâm	09/09/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	176	Khá	40%	11.890.000	4.756.000	
7582	2040225500	Nguyễn Ngọc	Trân	23/01/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,72	102	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7583	2040226109	Nguyễn Trần Hải	Yến	29/01/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,47	107	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7584	2040226132	Võ Thị Thu	Yến	15/02/2004	Lớp 13DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,24	82	Khá	40%	16.470.000	6.588.000	
7585	2040220066	Trần Hữu	An	11/04/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,69	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7586	2040220200	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/03/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,97	122	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
7587	2040220113	Trần Thị Lan	Anh	25/09/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,91	82	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7588	2040220506	Nguyễn Thụy Bảo	Châu	06/09/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,46	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7589	2040220490	Trần Thị Bảo	Châu	10/05/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,34	109	Khá	40%	11.890.000	4.756.000	
7590	2040220543	Nguyễn Hồ Huyền	Chi	12/08/2003	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,24	113	Giỏi	60%	14.128.000	8.476.800	
7591	2040220658	Phan Thị Thùy	Dung	06/05/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,16	106	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7592	2040221027	Nguyễn Thị Kim	Ghi	16/03/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,52	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7593	2040221104	Võ Nguyễn Thu	Hà	15/04/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,66	74	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7594	2040221129	Nguyễn Công Nhật	Hải	22/08/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,44	120	Giỏi	60%	15.010.000	9.006.000	
7595	2040221558	Lê Thị Mỹ	Huệ	27/02/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	8,21	120	Giỏi	60%	15.215.000	9.129.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7596	2040222468	Lại Hữu	Lộc	24/07/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,75	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7597	2040222532	Lê Thị Trúc	Ly	04/01/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,11	78	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7598	2040222568	Hà Thị Tuyết	Mai	17/12/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,94	86	Khá	40%	15.914.000	6.365.600	
7599	2040222694	Nguyễn Thị Ngọc	My	21/10/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,46	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7600	2040222696	Trần Thị Hà	My	30/07/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,29	86	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7601	2040222826	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/11/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	27	7,85	95	Khá	40%	20.088.000	8.035.200	
7602	2040223280	Bùi Nguyễn Minh	Nhật	12/08/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,71	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7603	2040223374	Đoàn Đông	Nhi	26/05/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,29	82	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7604	2040223367	Lê Nguyễn Yến	Nhi	21/07/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,99	92	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7605	2040223440	Long Thị	Nhung	28/09/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,61	92	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7606	2040223447	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	12/01/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,24	90	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7607	2040224889	Huỳnh Thị Ngọc	Thi	24/01/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,06	86	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7608	2040225028	Thái Tuấn	Thuận	24/09/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	20	7,62	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
7609	2040225061	Nguyễn Trần Hoàng	Thục	12/12/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,48	112	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7610	2040224392	Lê Minh	Tiến	21/06/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,77	102	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7611	2040225442	Lê Thị Bích	Trâm	16/06/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,42	106	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	
7612	2040225485	Trần Nguyễn Kiều	Trân	31/05/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	7,98	70	Khá	40%	12.820.000	5.128.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7613	2040225360	Ngô Thị Kiều	Trang	28/06/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,93	80	Khá	40%	13.414.000	5.365.600	
7614	2040224514	Nguyễn Lê Cẩm	Tú	24/03/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,32	110	Giỏi	60%	14.080.000	8.448.000	
7615	2040224605	Trần Thị Cẩm	Tuyển	22/02/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	19	8,05	92	Giỏi	60%	14.080.000	8.448.000	
7616	2040226110	Nguyễn Hoàng	Yến	15/10/2004	Lớp 13DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	17	8,79	114	Giỏi	60%	12.820.000	7.692.000	
7617	2036230010	Trần Bình	An	13/09/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,44	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7618	2036230011	Nguyễn Huỳnh Hà	Anh	20/08/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,88	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7619	2036230030	Thái Lê Minh	Anh	01/08/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,44	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7620	2036230036	Lương Lê Lệ	Ánh	06/10/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7621	2036230045	Phạm Thị Thanh	Bình	03/06/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7622	2036230099	Võ Lương Tiến	Đạt	13/02/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,37	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7623	2036230152	Nguyễn Thị Kim	Hiền	14/05/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	89	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7624	2036230192	Huỳnh Gia	Hỷ	24/11/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7625	2036230193	Hồ Nữ Ly	Jon	14/01/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7626	2036230199	Phan Thị Mỹ	Kiều	09/07/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,04	228	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
7627	2036230245	Nguyễn Tấn	Lợi	31/08/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7628	2036230307	Lương Ngọc	Ngân	10/12/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,01	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7629	2036230317	Lê Bảo	Ngọc	04/08/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7630	2036230325	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	09/04/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7631	2036230338	Phan Thị Yền	Nhi	16/11/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7632	2036230361	Lê Ngọc	Như	29/08/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,25	103	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7633	2036230366	Nguyễn Trâm	Như	31/08/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,48	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7634	2036230469	Đỗ Phạm Công	Thắng	09/06/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7635	2036230463	Đinh Trần Phương	Thảo	26/03/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,03	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7636	2036230479	Phan Thị Kim	Thoa	20/07/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,65	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7637	2036230483	Lê Thị Hoài	Thu	28/02/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,93	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7638	2036230501	Phạm Anh	Thư	22/01/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,74	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7639	2036230497	Trần Ngọc Minh	Thư	04/03/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7640	2036230486	Huỳnh Võ Phương	Thủy	05/10/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,93	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7641	2036230429	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	05/11/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,72	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7642	2036230536	Từ Thị Kiều	Trâm	07/08/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,74	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7643	2036230523	Bùi Thị Thanh	Trang	07/09/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,19	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7644	2036230517	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/10/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7645	2036230512	Phạm Nguyễn Thùy	Trang	06/06/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7646	2036230524	Phan Thị Xuân	Trang	09/04/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7647	2036230514	Vũ Thu	Trang	04/12/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,34	107	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7648	2036230544	Nguyễn Hải	Triều	20/12/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7649	2036230561	Nguyễn Thị Kim	Truyền	02/07/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7650	2036230574	Đỗ Quốc	Việt	23/12/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,12	142	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7651	2036230596	Bùi Thái Tường	Vy	25/11/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,59	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7652	2036230597	Đặng Thị Tường	Vy	26/06/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7653	2036230599	Võ Ngọc Khả	Vy	22/12/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7654	2036230611	Lê Hoài Như	Ý	28/07/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,68	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7655	2036230616	Trần Thị Hồng	Yến	19/10/2005	Lớp 14DHKDQT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7656	2036230003	Ngô Huỳnh Thanh	An	23/09/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,38	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7657	2036230020	Hoàng Nguyễn Lan	Anh	12/10/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	106	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7658	2036230058	Đặng Trần Bảo	Châu	08/02/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,62	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7659	2036230056	Đỗ Hoàng	Châu	23/05/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,56	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7660	2036230047	Võ Thị Kim	Cương	18/08/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,48	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7661	2036230049	Lương Chí	Cường	02/02/2003	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	122	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7662	2036230096	Phạm Cẩm	Đào	01/01/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7663	2036230105	Nguyễn Quốc	Định	14/02/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7664	2036230076	Trần Doanh	Doanh	03/03/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7665	2036230089	Đỗ Thị Thùy	Duyên	04/02/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7666	2036230116	Nguyễn Quỳnh	Giang	17/03/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	146	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7667	2036230121	Nguyễn Quỳnh	Hà	12/09/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7668	2036230123	Trình NghiêM Tú	Hà	21/03/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7669	2036230142	Nguyễn Ngọc	Hân	12/04/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,49	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7670	2036230129	Lâm Thiên	Hảo	23/12/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7671	2036230168	Nguyễn Thị Phương	Huệ	27/09/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	112	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7672	2036230201	Hồ Hoàng	Kim	22/08/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7673	2036230223	Nguyễn Đan	Lê	16/10/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7674	2036230287	Cao Thị	Nga	08/02/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,45	96	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7675	2036230346	Trần Thị Kim	Nhi	09/06/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,27	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7676	2036230402	Nguyễn Thị Thu	Quyên	24/07/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,37	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7677	2036230454	Bùi Đình Thanh	Thanh	21/04/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,6	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7678	2036230452	Nguyễn Thị Kiều	Thanh	22/10/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,1	113	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7679	2036230493	Vũ Nguyễn Anh	Thư	30/03/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	117	Khá	40%	13.205.500	5.282.200	
7680	2036230436	Chu Đức	Toàn	29/10/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	101	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7681	2036230539	Nguyễn Ngọc	Trân	04/03/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7682	2036230549	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	28/07/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7683	2036230446	Trần Thị Hồng	Tươi	30/07/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7684	2036230443	Nguyễn Lâm Hà	Tuy	01/06/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7685	2036230448	Trương	Tỷ	21/12/2004	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,93	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7686	2036230609	Đỗ Thị Như	Ý	02/09/2005	Lớp 14DHKDQT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7687	2036230002	Lê Nguyễn Bình	An	23/09/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,19	133	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7688	2036230004	Nguyễn Gia	An	01/06/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,37	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7689	2036230024	Trịnh Quế	Anh	31/08/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,09	94	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
7690	2036230064	Ngô Thị	Chi	24/02/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7691	2036230067	Võ Thị Kim	Chuông	10/10/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,41	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7692	2036230094	Đoàn Linh	Đan	08/01/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,55	70	Khá	40%	13.205.500	5.282.200	
7693	2036230095	Hoàng Thị Anh	Đào	15/01/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	102	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7694	2036230109	Lê Vũ Hoàng	Gia	08/11/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	103	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7695	2036230115	Cao Thị Trà	Giang	25/12/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7696	2036230119	Lê Thảo Mai	Hà	22/05/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,19	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7697	2036230140	Thân Ngọc	Hân	09/05/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,89	83	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7698	2036230134	Trần Thị Gia	Hân	10/09/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7699	2036230141	Trương Văn	Hân	18/08/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7700	2036230190	Nguyễn Thị Lan	Hương	24/12/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7701	2036230172	Lương Phạm Quốc	Huy	19/06/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,32	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7702	2036230257	Hoàng Phan Ngọc	Mai	02/10/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7703	2036230254	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	01/04/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,41	131	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7704	2036230265	Phạm Thị Ngọc	Minh	14/07/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,86	116	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7705	2036230276	Nguyễn Hồng	Mỹ	14/03/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	134	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7706	2036230328	Hồ Như Thanh	Nhàn	01/01/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7707	2036230349	Trần Thị Hồng	Nhung	25/06/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	101	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7708	2036230425	Dương Ngọc	Tân	04/09/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7709	2036230472	Lê Võ Cẩm	Thi	06/01/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	93	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7710	2036230482	Hoàng Thị	Thu	23/03/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7711	2036230510	Lê Ngọc Đan	Thy	24/02/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,31	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7712	2036230433	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	22/01/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,61	122	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7713	2036230522	Ngô Thị Huyền	Trang	31/05/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,32	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7714	2036230444	Mai Thị Kim	Tuyền	21/11/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7715	2036230614	Nguyễn Hải	Yến	28/01/2005	Lớp 14DHKDQT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	95	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7716	2036230007	Ngô Trúc Kim	An	30/08/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7717	2036230092	Huỳnh Ngọc Ánh	Duyên	18/05/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,21	148	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7718	2036230086	Lê Thị Mỹ	Duyên	04/11/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7719	2036230090	Nguyễn Ngọc Yến	Duyên	15/10/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7720	2036230120	Nguyễn Thị Ngân	Hà	16/07/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	99	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7721	2036230158	Đặng Thị	Hòa	09/02/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,51	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7722	2036230159	Nguyễn Phúc	Hoàng	30/06/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7723	2036230167	Đỗ Thị Bích	Huệ	18/12/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7724	2036230174	Đình Công	Huy	06/11/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7725	2036230249	Lê Thị Kim	Luyến	15/09/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7726	2036230282	Nguyễn Hoàng	Nam	26/12/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,4	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7727	2036230283	Trần Thị Thùy	Nên	13/06/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	120	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7728	2036230293	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	27/12/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,35	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7729	2036230292	Phan Nguyễn Thanh	Ngân	22/05/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,27	95	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7730	2036230299	Phan Thị Thúy	Ngân	26/10/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7731	2036230332	Nguyễn Hữu	Nhân	22/03/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,18	118	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7732	2036230372	Vương Tuấn	Phong	28/06/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7733	2036230377	Lê Hồng	Phúc	06/08/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,29	132	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7734	2036230390	Nguyễn Phạm Hoàng	Phương	21/02/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7735	2036230388	Tô Hồng	Phương	09/05/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7736	2036230420	Trịnh Thiên	Tài	22/01/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	122	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7737	2036230508	Nguyễn Thị Thanh	Thương	03/05/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	131	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7738	2036230487	Châu Thị	Thuý	20/02/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7739	2036230540	Cao Lương Nhã	Trần	14/05/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	95	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7740	2036230569	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	23/10/2004	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,95	99	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7741	2036230576	Nguyễn Ngọc	Vinh	18/12/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7742	2036230579	Lê Văn	Vũ	29/10/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7743	2036230588	Dương Thảo	Vy	30/08/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7744	2036230595	Trần Thị Yến	Vy	02/03/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,17	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7745	2036230581	Vô Lê Triệu	Vy	25/05/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,19	112	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7746	2036230602	Nguyễn Việt Hoàng	Vỹ	05/12/2005	Lớp 14DHKDQT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,25	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7747	2036230033	Phạm Vân	Anh	07/10/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,76	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7748	2036230026	Trần Nguyên Minh	Anh	18/03/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7749	2036230039	Nguyễn Thị Minh	Ánh	29/05/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,93	101	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7750	2036230103	Nguyễn Thanh	Điền	07/09/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7751	2036230104	Trần Thị Hồng	Điệp	04/10/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7752	2036230135	Trần Thị Khả	Hân	26/12/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7753	2036230154	Trương Thị Ngọc	Hiếu	09/03/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,51	113	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7754	2036230204	Võ An	Khang	22/10/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7755	2036230212	Trần Minh	Khuê	05/05/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,04	79	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7756	2036230250	Lê Thị	Lưu	16/03/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,76	143	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7757	2036230258	Phạm Nguyễn Thanh	Mai	23/11/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7758	2036230281	Từ Đỗ Nhật	Nam	03/08/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7759	2036230316	Trần Thị Như	Ngọc	17/06/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7760	2036230326	Nguyễn Thu	Nguyệt	21/09/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7761	2036230351	Nguyễn Quỳnh	Nhung	27/10/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7762	2036230379	Nguyễn Hữu	Phúc	28/11/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,07	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7763	2036230392	Phan Thị Kim	Phường	23/10/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7764	2036230394	Trần Thị Diễm	Phượng	15/03/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	99	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7765	2036230417	Lê Công	Sang	10/01/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,61	115	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7766	2036230424	Thí Huệ	Tâm	18/12/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,4	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7767	2036230480	Đặng Ngọc Cẩm	Thơ	24/02/2004	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7768	2036230481	Nguyễn Minh	Thu	10/08/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7769	2036230438	Trương Quốc	Toàn	03/09/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7770	2036230526	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/08/2004	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,47	75	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7771	2036230555	Võ Lê Thanh	Trúc	27/07/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,12	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7772	2036230559	Mai Quốc	Trung	15/01/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,01	111	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7773	2036230442	Hoàng Anh	Tuấn	12/10/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7774	2036230572	Lê Thanh	Vi	03/03/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7775	2036230594	Nguyễn Thanh Tường	Vy	20/08/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,14	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7776	2036230612	Nguyễn Nguyễn Phi	Yến	30/06/2005	Lớp 14DHKDQT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7777	2036230066	Nguyễn Thị	Chúc	23/08/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7778	2036230093	Trần Trọng	Đại	28/06/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7779	2036230102	Nguyễn Minh	Đăng	28/10/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,63	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7780	2036230118	Trần Thị Như	Hà	25/02/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7781	2036230126	Lê Thị Mai	Hạnh	09/10/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,49	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7782	2036230176	Trần Quang Phát	Huy	22/04/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	104	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7783	2036230224	Huỳnh Thị Ngọc	Liên	28/05/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7784	2036230272	Phạm Thị Trà	My	19/12/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7785	2036230295	Vô Thị Thu	Ngân	23/04/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,1	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7786	2036230308	Hồ Mỹ	Nghi	02/12/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,23	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7787	2036230353	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	05/04/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	103	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7788	2036230355	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/11/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7789	2036230378	Lê Trọng	Phúc	27/07/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7790	2036230393	Nguyễn Lê Hồng	Phường	17/08/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,25	99	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7791	2036230395	Nguyễn Thị Kim	Phượng	09/02/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7792	2036230455	Nguyễn Duy	Thành	17/08/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7793	2036230458	Nguyễn Ngọc Uyên	Thảo	18/06/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7794	2036230460	Phạm Thị Thanh	Thảo	01/10/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7795	2036230507	Nguyễn Đăng Anh	Thư	15/12/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,11	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7796	2036230499	Nguyễn Thị Anh	Thư	27/08/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7797	2036230488	Hà Nguy Ngọc	Thùy	15/05/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7798	2036230431	Hồ Thị Cẩm	Tiên	15/12/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,44	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7799	2036230432	Lê Cẩm	Tiên	15/10/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	122	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7800	2036230430	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	01/02/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7801	2036230533	Đỗ Thị Bích	Trâm	03/01/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	120	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7802	2036230538	Trần Thị Bích	Trân	11/10/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,42	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7803	2036230542	Huỳnh Gia	Trí	04/10/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,92	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7804	2036230447	Nguyễn Vương Cát	Tường	24/05/2005	Lớp 14DHKDQT06	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,32	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7805	2036230032	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/10/2004	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,31	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7806	2036230044	Ninh Đức	Bình	09/07/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,85	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7807	2036230101	Trần Hữu	Đăng	30/11/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7808	2036230071	Nguyễn Hồng	Diễm	10/11/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7809	2036230107	Nguyễn Công Anh	Đức	01/12/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,05	146	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
7810	2036230081	Nguyễn Phạm Khánh	Duy	13/07/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,23	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7811	2036230114	Lê Thị Cẩm	Giang	06/04/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	144	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7812	2036230117	Trương Nguyễn Huỳnh	Giao	22/12/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,45	181	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7813	2036230138	Lê Thành	Hân	11/12/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	86	Giỏi	60%	13.205.500	7.923.300	
7814	2036230143	Nguyễn Thị Gia	Hân	22/05/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,13	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7815	2036230137	Trần Khả	Hân	25/09/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7816	2036230148	Đặng Thị Thu	Hiền	20/04/2004	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	124	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7817	2036230187	Nguyễn Đình	Hung	03/12/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7818	2036230189	Trần Nguyễn Quỳnh	Hương	07/11/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	120	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7819	2036230200	Nguyễn Lê Mỹ	Kim	04/12/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,45	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7820	2036230232	Hà Thị Mỹ	Linh	01/06/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7821	2036230253	Trần Ngọc Diễm	Ly	21/03/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,18	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7822	2036230284	Trần Thị Hồng	Nga	12/03/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,65	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7823	2036230297	Nguyễn Trúc	Ngân	22/08/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,33	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7824	2036230324	Dương Lý Ánh	Nguyệt	14/06/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,22	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7825	2036230370	Võ Thị Kim	Oanh	30/09/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,97	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7826	2036230515	Nguyễn Thùy	Trang	23/11/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7827	2036230589	Nguyễn Thị Trúc	Vy	07/06/2005	Lớp 14DHKDQT07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,01	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7828	2036230009	Đinh Thị Hoài	An	12/07/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7829	2036230005	Nguyễn Văn Phúc	An	14/10/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7830	2036230028	Lương Quỳnh	Anh	05/12/2004	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7831	2036230018	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	18/06/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,11	70	Khá	40%	13.205.500	5.282.200	
7832	2036230034	Bùi Thị Ngọc	Ánh	01/01/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,05	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7833	2036230063	Lê Thị Kim	Chi	13/02/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7834	2036230065	Trần Xuân Tài	Chính	23/05/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	120	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7835	2036230048	Nguyễn Thị Kim	Cương	11/12/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7836	2036230068	Nguyễn Lê Châu	Danh	16/11/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7837	2036230084	Nguyễn Tư	Duy	23/09/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,56	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7838	2036230108	Chu Kim	Gun	01/10/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7839	2036230125	Phạm Mỹ	Hạnh	16/03/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7840	2036230128	Nguyễn Thị Hoàn	Hảo	18/02/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,97	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7841	2036230160	Nguyễn Minh	Hoàng	30/06/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7842	2036230161	Nguyễn Minh	Hoàng	08/09/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7843	2036230166	Trần Thị	Huệ	18/11/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,39	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7844	2036230210	Nguyễn Đăng	Khoa	12/03/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,01	128	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7845	2036230216	Trần Lê	Lai	11/07/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	131	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7846	2036230217	Trần Thúy	Lam	19/06/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7847	2036230298	Quách Ngọc Kim	Ngân	26/11/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,12	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7848	2036230329	Vũ Thị Thanh	Nhàn	01/09/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7849	2036230404	Hồ Thanh	Quyền	07/02/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,38	102	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7850	2036230506	Từ Võ Anh	Thư	22/10/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7851	2036230485	Lê Ngọc	Thuận	03/08/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7852	2036230435	Nguyễn Thị Kim	Tính	10/11/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,81	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7853	2036230560	Ngô Huyền Kim	Truyền	26/08/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7854	2036230600	Bùi Thị Nhật	Vy	11/05/2005	Lớp 14DHKDQT08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,25	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7855	2036230027	Trần Thị Mai	Anh	11/11/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,37	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7856	2036230037	Trần Hoàng	Ánh	05/05/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7857	2036230043	Võ Ngọc Thái	Bảo	29/07/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7858	2036230059	Nguyễn Thị Kim	Chi	06/01/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	115	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7859	2036230073	Nguyễn Thị Thủy	Diệu	11/11/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7860	2036230133	Lê Ngọc	Hân	27/12/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,37	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7861	2036230144	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	27/02/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7862	2036230150	Võ Thúy	Hiền	21/03/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7863	2036230156	Trần Xuân	Hoa	29/03/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7864	2036230162	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	05/08/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,06	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7865	2036230207	Nguyễn Đỗ Gia	Khánh	26/03/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	89	Giỏi	60%	13.205.500	7.923.300	
7866	2036230194	Trần Trung	Kiên	24/06/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,62	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7867	2036230269	Phạm Hiểu	My	03/02/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7868	2036230270	Trần Thị Hà	My	14/11/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7869	2036230285	Nguyễn Thị	Nga	27/03/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7870	2036230306	Nguyễn Hà Ngọc	Ngân	07/12/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8	100	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7871	2036230364	Trần Thị	Như	11/09/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7872	2036230376	Lê Ngọc Diễm	Phúc	01/03/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7873	2036230387	Vũ Thị Hà	Phương	23/06/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7874	2036230399	Trần Thị Tú	Quyên	03/11/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7875	2036230413	Nguyễn Như	Quỳnh	07/12/2004	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,44	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7876	2036230416	Lưu Anh	Sang	15/09/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7877	2036230421	Bùi Đức	Tài	10/01/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7878	2036230453	Nguyễn Chí	Thanh	26/06/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7879	2036230462	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/01/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	109	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7880	2036230502	Nguyễn Minh	Thư	03/05/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,03	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7881	2036230509	Nguyễn Thị Anh	Thy	11/03/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7882	2036230428	Nguyễn Hoàng Phương	Tiên	02/02/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7883	2036230547	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	24/11/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	126	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7884	2036230439	Nguyễn Lê Diễm	Tú	04/01/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7885	2036230568	Nguyễn Thị Khánh	Vân	01/06/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,18	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7886	2036230567	Nguyễn Thị Thúy	Vân	05/02/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,12	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7887	2036230590	Nguyễn Thị Yên	Vy	18/11/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7888	2036230615	Ngô Thị Hải	Yến	21/03/2005	Lớp 14DHKDQT09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,69	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7889	2036230012	Lê Đăng Minh	Anh	08/03/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7890	2036230085	Trương Hữu	Duy	06/09/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,68	114	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7891	2036230151	Nguyễn Lê Diệu	Hiền	19/11/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,19	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7892	2036230169	Phạm Thị Thu	Huệ	05/08/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7893	2036230175	Nguyễn Như	Huy	28/08/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,18	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7894	2036230202	Tạ Huỳnh	Khang	11/07/2004	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	118	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7895	2036230214	Lê Thị Tuyết	Khương	15/11/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7896	2036230197	Trần Văn Tuấn	Kiệt	02/03/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7897	2036230215	Bùi Thị Hoàng	Lai	30/03/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	106	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7898	2036230219	Đồng Thị Kiều	Lan	02/05/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,55	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7899	2036230244	Lê Thị Phước	Lộc	08/12/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7900	2036230241	Nguyễn Thành	Long	21/01/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,95	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7901	2036230266	Đinh Hoàng	Minh	02/11/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7902	2036230301	Lương Hồng	Ngân	29/12/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7903	2036230296	Vũ Hoàng Kim	Ngân	23/07/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7904	2036230322	Trương Thị Lệ	Nguyên	21/12/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,48	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7905	2036230345	Lê Yến	Nhi	15/12/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7906	2036230336	Nguyễn Thúy	Nhi	01/07/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,06	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7907	2036230356	Lâm Kiều Ngọc	Như	19/05/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7908	2036230415	Nguyễn Như	Quỳnh	19/06/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7909	2036230419	Phạm Nguyễn Huệ	Son	30/05/2001	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,51	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7910	2036230449	Nguyễn Phan Thiết	Thạch	21/10/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	108	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7911	2036230470	Nguyễn Tất	Thắng	09/12/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7912	2036230451	Phạm Khánh Vân	Thanh	26/04/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,21	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7913	2036230466	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	06/10/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,62	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7914	2036230496	Nguyễn Anh	Thư	28/06/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7915	2036230434	Phạm Thị Cẩm	Tiên	04/05/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	186	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7916	2036230527	Phạm Quỳnh	Trâm	17/10/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,72	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7917	2036230519	Dương Thùy	Trang	27/09/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,2	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7918	2036230543	Bùi Nguyễn Hiền	Triết	24/11/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7919	2036231577	Ngô Gia Bảo	Uyên	10/01/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,11	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7920	2036230564	Trần Nhã	Uyên	08/01/2005	Lớp 14DHKDQT10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7921	2013230035	Nguyễn Thị Phương	Anh	21/11/2004	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7922	2013230045	Nguyễn Thị	Bích	04/10/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7923	2013230143	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	18/03/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,74	118	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7924	2013230197	Nguyễn Tống Gia	Hưng	12/10/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,2	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7925	2013230219	Lê Hoàng	Khâm	12/11/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7926	2013230215	Trần Thanh	Khang	13/01/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7927	2013230231	Phạm Đình Bảo	Lân	18/02/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7928	2013230238	Nguyễn Lê Thùy	Linh	16/08/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7929	2013230283	Phạm Khôi	Minh	12/06/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,08	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7930	2013230360	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	20/03/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7931	2013230378	Huỳnh	Như	03/02/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,35	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7932	2013230373	Phạm Trần Tuyết	Nhung	14/01/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7933	2013230401	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	10/04/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7934	2013230405	Trần Thanh	Phong	12/09/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,97	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7935	2013230408	Hứa Trọng	Phú	21/03/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,93	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7936	2013230409	Nguyễn Thanh	Phú	19/08/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7937	2013230425	Trần Nam	Phương	19/10/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7938	2013230497	Huỳnh Thị Song	Thảo	11/10/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7939	2013230530	Nguyễn Dương Minh	Thư	15/01/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7940	2013230523	Phan Thị Ngọc	Thùy	02/04/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,04	120	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
7941	2013230553	Đặng Nguyễn Nhã	Thy	04/09/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7942	2013230471	Huỳnh Hoa	Tiên	13/03/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7943	2013230476	Trần Cẩm	Toàn	14/02/2004	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7944	2013230576	Trần Thị Quế	Trần	06/01/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7945	2013230483	Dương Thủy	Túy	18/08/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7946	2013230487	Đỗ Thị Bích	Tuyền	06/06/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,52	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7947	2013230611	Võ Thị Phương	Uyên	18/12/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7948	2013230632	Nguyễn Thị Tường	Vy	23/09/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	86	Khá	40%	13.205.500	5.282.200	
7949	2013230657	Nguyễn Thị Tường	Vy	09/04/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,45	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7950	2013230660	Trần Quang Bảo	Vy	22/10/2005	Lớp 14DHQTKD01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,61	108	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7951	2013230028	Trần Đức	Anh	17/06/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7952	2013230034	Võ Lê Vân	Anh	29/06/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,64	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7953	2013230043	Trương Khánh	Băng	18/08/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	122	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7954	2013230064	Trần Văn	Chiến	10/06/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	100	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7955	2013230088	Nguyễn Hữu	Duy	25/07/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7956	2013230095	Cao Thị Mỹ	Duyên	10/09/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,85	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7957	2013230096	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	09/10/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7958	2013230098	Trần Ngọc Trúc	Duyên	08/07/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7959	2013230124	Đặng Phương	Giang	10/12/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	125	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7960	2013230130	Võ Thị Ngọc	Giang	22/10/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7961	2013230153	Nguyễn Lê Ngọc	Hân	12/10/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7962	2013230172	Nguyễn Thị Thu	Hoa	11/06/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7963	2013230173	Trương Thị Mỹ	Hoa	18/11/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7964	2013230290	Lê Thị Tiểu	My	25/03/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7965	2013230291	Trần Ngọc Diễm	My	21/10/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,69	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7966	2013230297	Bùi Hải	Nam	15/04/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,97	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7967	2013230296	Lê Đức Hoàng	Nam	15/04/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,55	101	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7968	2013230299	Nguyễn Hoàng	Nam	15/01/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,5	97	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7969	2013230308	Lý Kim	Ngân	20/06/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,29	193	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7970	2013230347	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/09/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	127	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7971	2013230350	Phạm Nguyễn Uyên	Nhi	12/06/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	105	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7972	2013230436	Bùi Thị Mỹ	Phương	21/01/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7973	2013230433	Trần Thị Phương	Phương	27/10/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,92	96	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7974	2013230462	Lại Phước	Tài	08/11/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7975	2013230500	Nguyễn Phương	Thảo	27/06/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	118	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7976	2013230514	Cao Minh	Thi	23/07/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7977	2013230512	Nguyễn Bảo	Thi	09/12/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7978	2013230661	Vũ Trọng	Vỹ	19/10/2005	Lớp 14DHQTKD02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7979	2013230016	Nguyễn Đức	Anh	25/02/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7980	2013230047	Nguyễn Phạm Yến	Bình	06/09/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	138	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7981	2013230108	Dương Thị Hồng	Đào	04/03/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7982	2013230118	Dương Thục	Đoan	21/08/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,82	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7983	2013230082	Nguyễn Chí	Dũng	29/07/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	93	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7984	2013230083	Trần Nhựt	Duy	22/06/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,57	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7985	2013230129	Trịnh Thị Trà	Giang	04/01/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7986	2013230138	Nguyễn Thị Thanh	Hà	21/02/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
7987	2013230161	Cao Thị Thanh	Hiền	21/09/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7988	2013230200	Võ Tấn	Hung	21/10/2004	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7989	2013230190	Mai Thanh	Huy	18/04/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7990	2013230211	Nguyễn Lê Anh	Kỳ	13/07/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,23	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7991	2013230304	Dương Thị Tuyết	Nga	28/04/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,5	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7992	2013230331	Trần Nguyễn Như	Ngọc	16/12/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,37	118	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7993	2013230411	Tô Hoàng	Phúc	26/09/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7994	2013230435	Phan Hà Trúc	Phương	13/03/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7995	2013230468	Đặng Phúc	Tân	14/02/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
7996	2013230542	Nguyễn Thị Anh	Thư	05/02/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,13	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7997	2013230522	Phạm Thị Thanh	Thuý	09/05/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7998	2013230526	Lê Phương	Thủy	15/09/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
7999	2013230567	Đoàn Thị Bích	Trâm	08/12/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8000	2013230599	Nguyễn Anh Hoàng	Trúc	15/02/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8001	2013230488	Lê Thị Thanh	Tuyền	13/08/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	83	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8002	2013230615	Hà Thị Khánh	Vân	15/06/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8003	2013230614	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	30/12/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,3	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8004	2013230650	Lê Nguyễn Tường	Vy	04/03/2005	Lớp 14DHQTKD03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,6	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8005	2013230039	Bùi Thị Tuyết	Ba	01/04/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	103	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8006	2013230044	Nguyễn Anh	Bằng	15/04/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8007	2013230070	Cao Hồng	Diễm	11/09/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,43	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8008	2013230090	Lê Thị Thúy	Duyên	17/08/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,54	125	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8009	2013230089	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	13/11/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,17	96	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8010	2013230131	Lê Nguyễn Kiều	Giang	08/11/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8011	2013230255	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	18/10/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,45	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8012	2013230260	Phạm Thị Thanh	Lợi	11/05/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	110	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8013	2013230273	Nguyễn Lê Thiên	Lý	25/03/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8014	2013230302	Nguyễn Ngọc Hằng	Nga	23/06/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8015	2013230306	Trần Thị Ngọc	Ngà	12/05/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,42	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8016	2013230341	Trương Minh	Nhân	18/01/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,32	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8017	2013230361	Đoàn Ngọc Phương	Nhi	24/02/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8018	2013230352	Trần Thị Yến	Nhi	17/07/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	136	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8019	2013230431	Vô Hồ Nam	Phương	18/02/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,64	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8020	2013230440	Nguyễn Bá Anh	Quân	05/08/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8021	2013230543	Phạm Minh	Thư	09/05/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	83	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8022	2013230562	Nguyễn Thị Hương	Trang	23/12/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	117	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8023	2013230592	Phan Thị Yến	Trinh	19/01/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8024	2013230478	Trần Lê Thanh	Tú	22/05/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8025	2013230618	Bùi Thị Thuý	Vân	15/04/2005	Lớp 14DHQTKD04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8026	2013230005	Lê Huỳnh Như	An	27/04/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	119	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8027	2013230026	Nhâm Trí Đức	Anh	20/11/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	101	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8028	2013230063	Đỗ Ngọc Kim	Chi	24/09/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,07	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8029	2013230055	Đỗ Trí	Cường	07/09/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8030	2013230115	Nguyễn Thành	Đạt	12/02/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	99	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8031	2013230119	Nguyễn Sơn	Đông	18/07/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8032	2013230101	Lê	Dương	24/01/2003	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	111	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8033	2013230324	Lê Bích	Ngọc	14/06/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8034	2013230337	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	10/12/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8035	2013230356	Mai Yến	Nhi	17/10/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8036	2013230363	Nghiêm Thị Uyển	Nhi	20/06/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8037	2013230382	Lê Thị Tuyết	Như	22/08/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,48	126	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8038	2013230541	Trần Minh	Thư	29/07/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,49	182	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8039	2013230572	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	08/10/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8040	2013230561	Nguyễn Phạm Huyền	Trang	22/01/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	113	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8041	2013230558	Nguyễn Thu	Trang	19/12/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,2	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8042	2013230652	Trần Lê Phương	Vy	08/08/2005	Lớp 14DHQTKD05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8043	2013230024	Lê Kim	Anh	05/10/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,05	91	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8044	2013230060	Nguyễn Phi Ngọc	Châu	08/08/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8045	2013230150	Trần Ngọc Gia	Hân	08/06/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	122	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8046	2013230188	Nguyễn Thị Tuyết	Huy	22/07/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	119	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8047	2013230248	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/07/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8048	2013230262	Võ Thị Kim	Luyến	19/09/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,02	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8049	2013230320	Cao Xuân	Nghi	28/03/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,01	100	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8050	2013230342	Nguyễn Thành	Nhân	27/08/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8051	2013230372	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	22/11/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,28	101	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8052	2013230400	Lư Tấn	Phát	24/08/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8053	2013230434	Trần Thị Ngọc	Phương	09/05/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8054	2013230442	Trần Hải	Quân	15/12/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8055	2013230544	Lê Trần Minh	Thư	17/01/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8056	2013230578	Huỳnh Thị Bảo	Trân	23/01/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	116	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8057	2013230563	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/06/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8058	2013230653	Nguyễn Hạ	Vy	07/02/2005	Lớp 14DHQTKD06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8059	2013230025	Phạm Phương	Anh	26/06/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8060	2013230117	Nguyễn Thị	Điệp	19/07/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,43	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8061	2013230084	Võ Hoàng	Duy	11/01/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8062	2013230094	Huỳnh Thị Lệ	Duyên	03/07/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,42	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8063	2013230175	Đỗ Thị Hồng	Hòa	16/03/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8064	2013230295	Nguyễn Lữ Tú	Mỹ	06/06/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8065	2013230338	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	02/02/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8066	2013230393	Trần Ngọc Kiều	Oanh	07/09/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	116	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8067	2013230427	Trần Võ Thùy	Phương	09/11/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,59	120	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8068	2013230532	Tổng Thị Minh	Thư	12/01/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8069	2013230545	Trần Lê Minh	Thư	04/01/2006	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8070	2013230549	Trịnh Kim	Thư	09/11/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,29	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8071	2013230473	Biện Thùy	Tiên	16/04/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,93	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8072	2013230579	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	22/02/2004	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,97	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8073	2013230603	Đỗ Lâm	Trường	03/12/2005	Lớp 14DHQTKD07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8074	2013230019	Nguyễn Ngọc Kim	Anh	12/06/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8075	2013230046	Hoàng Thị Ngọc	Bích	06/05/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8076	2013230066	Đặng Công	Danh	03/09/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,46	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8077	2013230107	Nguyễn Trần Anh	Đào	22/03/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8078	2013230133	Đỗ Quỳnh	Giao	12/10/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8079	2013230203	Nguyễn Thị Mai	Hương	16/07/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,72	143	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8080	2013230314	Đoàn Thị Thu	Ngân	17/07/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8081	2013230325	Lai Như	Ngọc	05/10/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8082	2013230351	Nguyễn Yến	Nhi	07/12/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,65	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8083	2013230386	Tăng Ngọc Thảo	Như	21/11/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8084	2013230370	Võ Thị Hồng	Nhung	11/01/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,83	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8085	2013230420	Nguyễn Thị Yến	Phương	06/07/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8086	2013230540	Hoàng Ngọc Minh	Thư	15/02/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8087	2013230596	Kiều Thanh	Trúc	19/08/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,02	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8088	2013230621	Ngô Kiều	Vi	12/11/2005	Lớp 14DHQTKD08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,65	145	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8089	2013230038	Vũ Thiên	Ân	19/01/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	106	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8090	2013230017	Trần Thị Tuyết	Anh	11/05/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	138	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8091	2013230072	Huỳnh Thị Xuân	Diệu	28/11/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8092	2013230071	Trần Thị Kim	Diệu	15/10/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,4	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8093	2013230087	Nguyễn Minh	Duy	21/01/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8094	2013230128	Phạm Lê Hương	Giang	01/08/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8095	2013230226	Nguyễn Trúc	Lam	28/06/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8096	2013230230	Nguyễn Dương Gia	Lâm	05/10/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,03	135	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8097	2013230241	Đoàn Phương	Linh	23/03/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,17	144	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8098	2013230257	Đỗ Thị Vũ	Loan	25/12/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,06	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8099	2013230270	Nguyễn Khánh	Ly	08/07/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,15	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8100	2013230414	Nguyễn Trọng	Phúc	08/04/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,55	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8101	2013230438	Vũ Thị	Phượng	10/12/2004	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8102	2013230502	Phan Yến	Thảo	07/02/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,82	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8103	2013230513	Huỳnh Thị Anh	Thi	02/05/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8104	2013230519	Phan Anh	Thơ	28/01/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,06	149	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
8105	2013230528	Nguyễn Thị Thanh	Thư	25/02/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	70	Khá	40%	13.205.500	5.282.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8106	2013230554	Phan Thị Thanh	Trà	27/04/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8107	2013230480	Châu Văn	Tuấn	23/05/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	143	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8108	2013230482	Trần Thanh	Tùng	30/10/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	126	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8109	2013230641	Lê Thị Kim	Vy	02/04/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,35	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8110	2013230648	Nguyễn Tường	Vy	18/02/2005	Lớp 14DHQTKD09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8111	2013230040	Trần Duy	Bảo	27/12/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8112	2013230062	Lê Thị Ngọc	Chi	30/05/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,92	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8113	2013230092	Hồ Mỹ	Duyên	20/05/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,07	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8114	2013230097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	29/06/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	117	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8115	2013230170	Phạm Thị Ngọc	Hiếu	27/11/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8116	2013230371	Nguyễn Minh	Nhung	25/03/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8117	2013230392	Lê Thị Kiều	Oanh	07/03/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,57	91	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8118	2013230571	Nguyễn Ngọc Huyền	Trâm	06/11/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8119	2013230626	Võ Quang	Vinh	29/09/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8120	2013230646	Dương Bảo	Vy	03/08/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8121	2013230649	Lương Thị Yến	Vy	05/07/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,44	112	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8122	2013230636	Võ Ngọc Tường	Vy	25/07/2005	Lớp 14DHQTKD10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8123	2013230073	Phạm Hoàng	Doanh	05/06/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8124	2013230105	Nguyễn Thị Thùy	Dương	02/09/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8125	2013230157	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	28/08/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8126	2013230158	Từ Thị	Hậu	25/09/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8127	2013230201	Lê Thị	Hương	02/03/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8128	2013230187	Nguyễn Quang	Huy	01/01/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	122	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8129	2013230267	Trần Thị Khánh	Ly	12/08/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,43	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8130	2013230333	Lê Bảo	Ngọc	03/08/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	137	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8131	2013230328	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	27/08/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8132	2013230335	Đường Thảo	Nguyên	03/02/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8133	2013230443	Nguyễn Minh	Quân	26/03/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	138	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8134	2013230496	Nguyễn Thị Phương	Thanh	11/10/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8135	2013230577	Trịnh Ngọc Bảo	Trần	21/03/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8136	2013230659	Vũ Thị Yến	Vy	29/10/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8137	2013230663	Võ Thị Thanh	Xuân	07/01/2005	Lớp 14DHQTKD11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8138	2040230023	Nguyễn Lan	Anh	30/08/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8139	2040230039	Bùi Thị Ngọc	Ánh	13/09/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,74	116	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8140	2040230047	Dương Yên	Bình	17/10/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8141	2040230111	Nguyễn Phạm Thanh	Giao	23/11/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,38	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8142	2040230217	Lâm Tuấn	Khải	18/10/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,4	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8143	2040230203	Phạm Tuấn	Kiệt	23/10/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8144	2040230233	Nguyễn Thị Thanh	Lam	06/02/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8145	2040230248	Nguyễn Mỹ	Linh	15/02/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,31	145	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8146	2040230249	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	10/09/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,27	112	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8147	2040230264	Phạm Thị Hồng	Loan	19/05/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	149	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8148	2040230298	Trần Thị	Minh	19/01/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8149	2040230329	Võ Ngô Thanh	Ngân	14/10/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8150	2040230357	Phạm Thị Hồng	Ngọc	24/06/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,44	155	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8151	2040230358	Tô Thị Kim	Ngọc	13/09/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8152	2040230391	Lê Uyên	Nhi	16/03/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,44	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8153	2040230416	Bùi Thị	Nhung	06/02/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	150	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8154	2040230463	Lê Hà	Phương	24/11/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8155	2040230477	Phạm Nguyễn Hoàng	Quân	08/02/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8156	2040230486	Huỳnh Thục	Quyên	26/05/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8157	2040230497	Hồ Nhật	Quỳnh	11/07/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	161	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8158	2040230564	Phùng Thị	Thảo	10/02/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8159	2040230602	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	13/04/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,18	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8160	2040230604	Thành Thị Anh	Thư	07/12/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8161	2040230513	Lã Thụy Vân	Tiên	13/05/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,22	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8162	2040230646	Phan Tố	Trình	16/08/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,32	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8163	2040230658	Lê Thanh	Trúc	17/05/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8164	2040230538	Trần Lê Anh	Tú	19/04/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8165	2040230671	Trần Nguyễn Tú	Uyên	10/07/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,05	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8166	2040230691	Nguyễn Đức	Vượng	26/04/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,67	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8167	2040230710	Hồ Nhã	Vy	27/07/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8168	2040230702	Nguyễn Phương Nhật	Vy	12/07/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8169	2040230723	Châu Ngọc Như	Ý	11/02/2005	Lớp 14DHQTMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8170	2040230011	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	14/11/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8171	2040230009	Lê Ngọc	Anh	25/01/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8172	2040230015	Nguyễn Thị Kim	Anh	25/07/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,31	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8173	2040230043	Phạm Nguyễn Cẩm	Băng	21/07/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8174	2040230044	Lê Ngọc	Bích	30/04/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8175	2040230106	Huỳnh Thị Kim	Đoạt	16/10/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,05	81	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8176	2040230092	Trần Thùy	Dương	20/08/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,91	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8177	2040230112	Phạm Thị Thu	Hà	25/01/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	23	7,38	136	Khá	40%	18.700.000	7.480.000	
8178	2040230126	Vũ Hữu Minh	Hải	24/05/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8179	2040230139	Lê Thanh	Hằng	11/05/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	7,26	82	Khá	40%	14.775.000	5.910.000	
8180	2040230152	Lưu Gia	Hiên	27/05/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,75	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8181	2040230170	Vũ Nhật	Hoa	25/01/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,43	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8182	2040230200	Trương Thị	Hương	22/06/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8183	2040230191	Bùi Anh	Huy	10/06/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8184	2040230214	Nguyễn Trần Tuấn	Kha	22/07/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,38	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8185	2040230252	Huỳnh Thị Thuý	Linh	18/09/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,56	122	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8186	2040230245	Tạ Thị Thùy	Linh	16/03/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8187	2040230285	Lý Nguyễn Trúc	Mai	11/02/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8188	2040230290	Trần Thị Như	Mai	20/08/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8189	2040230295	Đỗ Ngọc	Minh	19/09/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8190	2040230339	Lê Nguyễn Kim	Ngân	11/11/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8191	2040230346	Bùi Thế	Nghị	09/06/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8192	2040230375	Nguyễn Võ Thành	Nhân	21/02/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8193	2040230388	Nguyễn Ngọc	Nhi	11/01/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,14	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8194	2040230452	Nguyễn Bảo Đại	Phúc	10/06/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8195	2040230485	Thái Thị Kim	Quyên	20/02/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8196	2040230504	Nguyễn Đức	Tài	16/11/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,89	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8197	2040230550	Lê Thị Thanh	Thanh	07/02/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,19	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8198	2040230567	Trương Thị Thu	Thảo	24/01/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,19	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8199	2040230524	Lê Nguyễn Diễm	Tiền	09/03/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,7	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8200	2040230528	Huỳnh Ngọc	Tính	23/03/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,52	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8201	2040230529	Hồ Nguyễn Duy	Toàn	13/12/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,6	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8202	2040230530	Nguyễn Khánh	Toàn	09/07/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8203	2040230640	Nguyễn Trần Huyền	Trân	30/11/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8204	2040230655	Ngô Xuân	Trúc	07/05/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8205	2040230652	Phạm Thủy	Trúc	08/05/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8206	2040230660	Đỗ Lê Thành	Trung	07/01/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8207	2040230684	Nguyễn Tà Quốc	Việt	22/01/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,61	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8208	2040230686	Nguyễn Đăng	Vinh	14/08/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8209	2040230699	Trần Lê Thủy	Vy	23/11/2005	Lớp 14DHQTMK02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8210	2040230001	Nguyễn Thị Mỹ	Ái	27/05/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8211	2040230005	Hồ Thị Thúy	An	07/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,61	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8212	2040230010	Nguyễn Kim	Anh	27/07/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,62	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8213	2040230026	Nguyễn Phạm Lan	Anh	26/11/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8214	2040230034	Nguyễn Minh Ngọc	Ánh	06/11/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8215	2040230056	Nguyễn Bảo	Châu	21/02/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,46	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8216	2040230062	Nguyễn Trần Linh	Chi	05/07/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,34	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8217	2040230059	Trần Hồng Hà	Chi	08/01/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8218	2040230100	Hồ Quốc	Đạt	16/09/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8219	2040230101	Nguyễn Tấn	Đạt	21/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,21	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8220	2040230071	Trần Thị Kiều	Diễm	27/07/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,02	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8221	2040230105	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	09/09/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8222	2040230149	Nguyễn Gia	Hân	08/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8223	2040230137	Nguyễn Thị Thu	Hằng	25/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8224	2040230133	Bùi Thị Mỹ	Hào	29/12/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8225	2040230167	Tiêu Minh	Hiếu	22/12/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8226	2040230189	Hồ Sỹ Đức	Huy	17/01/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8227	2040230192	Trương Thị Mỹ	Huyền	27/07/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8228	2040230223	Trần Đăng	Khoa	18/05/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8229	2040230261	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	26/09/2003	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	82	Giỏi	60%	10.850.000	6.510.000	
8230	2040230287	Nguyễn Phương	Mai	05/09/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8231	2040230310	Bùi Nguyễn Hoàng	My	20/01/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8232	2040230303	Lê Thị Diễm	My	15/04/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8233	2040230309	Phạm Tuyết	My	29/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8234	2040230312	Trần Thương Nguyên Thảo	My	14/12/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,6	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8235	2040230326	Nguyễn Thanh	Ngân	20/11/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	93	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8236	2040230336	Trần Ngọc Khánh	Ngân	24/02/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,73	166	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8237	2040230397	Đoàn Thị Yển	Nhi	27/03/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	97	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8238	2040230409	Trần Thị Tuyết	Nhi	23/01/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,25	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8239	2040230427	Nguyễn Xuân Quỳnh	Như	23/05/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8240	2040230441	Phạm Xuân	Phong	06/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8241	2040230456	Hoàng Ngọc Bảo	Phúc	26/04/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	142	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8242	2040230495	Lê Thị Như	Quỳnh	28/03/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8243	2040230575	Trần Hữu	Thắng	20/01/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	127	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8244	2040230572	Nguyễn Thiên	Thảo	06/12/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8245	2040230580	Nguyễn Ngọc Trang	Thi	29/12/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,55	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8246	2040230593	Nguyễn Ngọc Bích	Thùy	19/09/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,51	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8247	2040230632	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	29/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8248	2040230643	Đỗ Hoàng Minh	Trí	27/01/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,38	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8249	2040230648	Nguyễn Ngọc Lan	Trình	17/09/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,85	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8250	2040230654	Nguyễn Thanh	Trúc	18/11/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8251	2040230535	Đào Thị Ngọc	Tú	22/06/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8252	2040230705	Ngô Thị Phương	Vy	31/10/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,32	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8253	2040230709	Phan Nguyễn Khánh	Vy	06/08/2005	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,43	108	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8254	2040230720	Đặng Thị Kim	Xuyến	12/03/2003	Lớp 14DHQTMK03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8255	2040230020	Nguyễn Đình	Anh	13/06/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8256	2040230029	Phạm Thị Kim	Anh	19/07/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8257	2040230046	Dương Thanh	Bình	10/05/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,57	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8258	2040230049	Trần Thị Thúy	Cầm	29/07/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8259	2040230068	Phạm Ngọc	Danh	19/06/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8260	2040230083	Nguyễn Thùy	Duyên	21/06/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,31	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8261	2040230088	Trương Thị Thùy	Duyên	28/08/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8262	2040230131	Nguyễn Nhật	Hào	18/07/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	105	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8263	2040230175	Thái Minh	Hoàng	24/11/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	111	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8264	2040230219	Nguyễn Anh	Khang	15/02/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,08	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8265	2040230202	Nguyễn Tấn	Kiệt	15/11/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,45	108	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8266	2040230205	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	28/08/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,87	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8267	2040230259	Trần Nguyễn Khánh	Linh	26/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,61	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8268	2040230265	Nguyễn Thị Trúc	Loan	14/06/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,05	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8269	2040230266	Phan Kỳ Bảo	Long	24/01/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8270	2040230294	Võ Thị Yến	Mi	13/04/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	125	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8271	2040230296	Đào Duy	Minh	14/07/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,42	171	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8272	2040230345	Đặng Ngọc	Nghi	24/08/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8273	2040230372	Phan Thu	Nguyệt	10/08/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8274	2040230385	Đỗ Thị Yến	Nhi	17/01/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,46	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8275	2040230394	Lê Nguyễn Thảo	Nhi	01/02/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,86	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8276	2040230421	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	16/07/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8277	2040230445	Nguyễn Hoàng	Phú	17/01/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8278	2040230453	Lê Hoàng	Phúc	15/03/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,22	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8279	2040230451	Lý Thiên	Phúc	16/04/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8280	2040230466	Phạm Trúc	Phương	11/11/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,65	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8281	2040230481	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	25/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,01	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8282	2040230496	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	24/06/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	106	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8283	2040230574	Nguyễn Công	Thảo	23/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	95	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8284	2040230586	Đinh Kim	Thọ	31/12/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,82	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8285	2040230605	Trần Minh	Thư	22/03/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,87	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8286	2040230598	Trần Thị Minh	Thư	30/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8287	2040230518	Phạm Nguyễn Thủy	Tiên	29/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8288	2040230622	Lê Thị Huyền	Trang	19/01/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,33	115	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8289	2040230614	Lê Thị Thùy	Trang	28/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,38	115	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8290	2040230645	Nguyễn Quốc	Triển	01/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,43	121	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8291	2040230656	Bùi Nguyễn Thanh	Trúc	08/12/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8292	2040230539	Nguyễn Quốc	Tuấn	10/02/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	106	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8293	2040230540	Võ Thanh	Tuấn	24/09/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,39	89	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8294	2040230682	Lê Thành	Viên	25/08/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,3	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8295	2040230693	Võ Trần Thảo	Vy	02/03/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8296	2040230724	Nguyễn Nữ Như	Ý	23/05/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,62	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8297	2040230733	Võ Thị Thúy	Yên	22/01/2005	Lớp 14DHQTMK04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,2	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8298	2040230004	Lê Trọng	An	17/11/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,2	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8299	2040230104	Trần Thị Mỹ	Đoan	07/01/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8300	2040230086	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	17/05/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8301	2040230132	Trương Thị Út	Hảo	20/12/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8302	2040230156	Dương Mỹ	Hiền	20/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,9	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8303	2040230161	Chung Hoàng	Hiệp	20/04/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8304	2040230224	Hoàng Gia Anh	Khoa	25/03/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,19	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8305	2040230236	Nguyễn Thị Hà	Lan	12/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8306	2040230238	Nguyễn Bảo	Lân	23/06/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,44	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8307	2040230378	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nhất	08/03/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	131	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8308	2040230402	Lê Uyển	Nhi	15/07/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,05	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8309	2040230404	Nguyễn Hồng	Nhi	17/07/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,54	100	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8310	2040230455	Nguyễn Trần Diễm	Phúc	26/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,73	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8311	2040230476	Lê Minh	Quân	29/08/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8312	2040230474	Ngô Ngọc	Quang	20/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,23	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8313	2040230492	Lê Thị Như	Quỳnh	09/10/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	104	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8314	2040230489	Nguyễn Diễm	Quỳnh	13/07/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,29	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8315	2040230490	Trần Thị	Quỳnh	22/08/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,57	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8316	2040230500	Lê Quang Trường	Son	20/05/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8317	2040230505	Phùng Thê	Tài	18/04/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8318	2040230584	Ngô Quang	Thịnh	13/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8319	2040230601	Nguyễn Hoàng Hoài	Thư	10/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8320	2040230610	Du Mỹ	Thy	21/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,72	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8321	2040230663	Văn Thương	Trường	15/12/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,59	72	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8322	2040230537	Đỗ Thị Cẩm	Tú	07/09/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8323	2040230689	Lê Anh	Vũ	10/06/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,23	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8324	2040230713	Nguyễn Thảo	Vy	03/08/2003	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8325	2040230719	Lê Thị	Xuân	27/12/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,68	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8326	2040230721	Trần Phui	Y	24/02/2005	Lớp 14DHQTMK05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,51	146	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8327	2040230177	Trần Thị Ánh	Hồng	25/05/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8328	2040230181	Hồ Thị Ngân	Huệ	19/06/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8329	2040230209	Võ Thiên	Kim	01/06/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	118	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8330	2040230231	Nguyễn Phan Khoa	Lam	18/04/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,41	130	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8331	2040230279	Đinh Thị Vân	Ly	20/01/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	101	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8332	2040230307	Nguyễn Thị Kiều	My	02/01/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,03	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8333	2040230304	Thái Thị Trà	My	30/12/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,44	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8334	2040230338	Đào Thị Phương	Ngân	15/10/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8335	2040230362	Phạm Thanh	Nguyên	23/05/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,83	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8336	2040230407	Lưu Thị Yến	Nhi	18/08/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8337	2040230390	Nguyễn Lê Ái	Nhi	01/04/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,51	129	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8338	2040230395	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	14/04/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,53	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8339	2040230398	Trần Thị Thu	Nhi	04/10/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	139	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8340	2040230387	Võ Ngọc	Nhi	10/09/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8341	2040230430	Trần Thị Quỳnh	Như	11/01/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,32	134	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8342	2040230422	Vương Thị Thùy	Như	04/11/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,28	111	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8343	2040230318	Zul Kor Nay Bin Ro Ha	Ni	30/08/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,17	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8344	2040230457	Nguyễn Hồng	Phúc	30/01/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8345	2040230479	Hoàng Thị Thanh	Quý	18/09/2003	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	117	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8346	2040230571	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	03/05/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8347	2040230568	Trần Thị Phương	Thảo	03/06/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,62	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8348	2040230600	Ngô Anh	Thư	14/04/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,07	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8349	2040230609	Lê Hoài	Thương	10/08/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8350	2040230594	Huỳnh Thu	Thủy	17/06/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8351	2040230517	Nguyễn Hồng	Tiên	17/05/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8352	2040230639	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	07/10/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	115	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8353	2040230637	Phạm Nguyễn Quế	Trân	06/09/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,78	122	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8354	2040230657	Nguyễn Thị Cẩm	Trúc	10/06/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,18	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8355	2040230676	Nguyễn Ngọc Mỹ	Vân	04/11/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8356	2040230726	Nguyễn Ngọc Như	Ý	23/11/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8357	2040230731	Lê Võ	Yên	23/10/2005	Lớp 14DHQTMK06	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,68	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8358	2040230012	Trần Nguyễn Minh	Anh	14/09/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8359	2040230069	Nguyễn Khả	Dân	15/12/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,37	123	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8360	2040230096	Đông Hiếu	Đan	06/08/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8361	2040230095	Phạm Trần Linh	Đan	04/05/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,05	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8362	2040230110	Phan Thị Hà	Giang	20/08/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	110	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8363	2040230145	Trang Gia	Hân	14/12/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8364	2040230180	Huỳnh Thị	Huệ	25/04/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	140	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8365	2040230230	Nguyễn Thanh	Lam	09/09/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	102	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8366	2040230322	Lê Phương	Nga	18/10/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8367	2040230323	Nguyễn Trần Hồng	Nga	14/09/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	99	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8368	2040230335	Lê Huyền Thoại Thanh	Ngân	17/06/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8369	2040230344	Nguyễn Thị Tuyết	Nghi	10/11/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8370	2040230370	Phạm Thảo	Nguyên	17/06/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8371	2040230420	Đặng Ngọc Quỳnh	Như	27/02/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,22	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8372	2040230488	Trương Võ Thanh	Quyên	27/07/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	89	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8373	2040230549	Huỳnh Ngọc Lệ	Thanh	20/11/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8374	2040230561	Phạm Thị Phương	Thảo	11/04/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,57	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8375	2040230606	Trương Hoàng Vân	Thư	14/09/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8376	2040230521	Lê Thị Mỹ	Tiên	11/09/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8377	2040230615	Nguyễn Thị	Trang	14/11/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8378	2040230644	Nguyễn Minh	Trí	04/01/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,22	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8379	2040230532	Đoàn Văn Công	Tú	17/04/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,13	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8380	2040230687	Nguyễn Quan	Vinh	14/10/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	108	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8381	2040230690	Nguyễn Thanh	Vũ	22/02/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,31	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8382	2040230736	Nguyễn Thị Hải	Yến	29/09/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,98	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8383	2040230739	Nguyễn Thị Kim	Yến	07/01/2005	Lớp 14DHQTMK07	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	100	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8384	2040230035	Bàng Ngọc	Ánh	21/05/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8385	2040230050	Lê Thị Ngọc	Cầm	17/06/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,08	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8386	2040230055	Trần Nguyễn Minh	Châu	19/12/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8387	2040230099	Cao Lý Minh	Đạt	30/04/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,15	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8388	2040230082	Nguyễn Hoàng Mai	Duyên	12/11/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8389	2040230130	Đinh Hồng	Hạnh	19/11/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,1	136	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8390	2040230129	Lê Thị Mỹ	Hạnh	19/09/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,83	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8391	2040230155	Phạm Thu	Hiền	20/07/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,25	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8392	2040230185	Trương Nhật	Huy	30/09/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8393	2040230193	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	16/03/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,12	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8394	2040230235	Huỳnh Thị Như	Lan	16/10/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8395	2040230268	Nguyễn Hoàng	Long	22/05/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,01	102	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8396	2040230282	Trịnh Thanh	Mai	20/10/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,16	127	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8397	2040230292	Lê Nguyễn Đức	Mẫn	25/03/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8398	2040230311	Nguyễn Phạm Trà	My	26/04/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	112	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8399	2040230316	Nguyễn Thanh	Nam	08/08/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	114	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8400	2040230352	Nguyễn Bảo	Ngọc	09/03/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8401	2040230365	Trần Đình Thảo	Nguyên	24/03/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8402	2040230367	Văn Chí	Nguyên	12/02/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8403	2040230417	Trần Thị Thảo	Nhung	16/12/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,22	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8404	2040230320	Nguyễn Thị Hằng	Ny	16/05/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8405	2040230462	Lại Hoàng Diễm	Phương	25/08/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8406	2040230558	Lê Thanh	Thảo	26/06/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,22	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8407	2040230556	Trần Thị Thanh	Thảo	25/05/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	137	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8408	2040230566	Trương Thị Thanh	Thảo	19/02/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8409	2040230642	Trần Thị Huế	Trân	26/11/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,69	111	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8410	2040230618	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	27/06/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8411	2040230708	Nguyễn Thị Tường	Vy	14/05/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8412	2040230725	Nguyễn Ngọc Như	Ý	12/08/2005	Lớp 14DHQTMK08	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8413	2040230031	Phạm Thị Trâm	Anh	06/03/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8414	2040230032	Hoàng Ngọc	Ánh	23/09/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,42	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8415	2040230042	Võ Hoài	Bảo	02/06/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8416	2040230102	Phạm Thị Ngọc	Điệp	03/10/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	83	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8417	2040230093	Nhữ Hoàng	Dương	03/02/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8418	2040230087	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	01/01/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,6	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8419	2040230090	Trần Thị Mỹ	Duyên	19/11/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8420	2040230143	Hồ Ngọc Bảo	Hân	01/07/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,44	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8421	2040230197	Nguyễn Quỳnh	Hương	06/06/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8422	2040230251	Hoàng Thị Diệu	Linh	27/05/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,15	134	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8423	2040230253	Nguyễn Kiều	Linh	19/04/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,43	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8424	2040230273	Trần Huỳnh	Lượng	25/07/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8425	2040230283	Trần Xuân	Mai	30/01/2004	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8426	2040230300	Lê Hồng	Mơ	19/12/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8427	2040230321	Huỳnh Thị Thúy	Nga	23/01/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8428	2040230349	Trần Trung	Nghĩa	11/01/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,17	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8429	2040230363	Trần Hiếu Hạnh	Nguyên	04/05/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,44	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8430	2040230403	Trần Thị Phương	Nhi	24/11/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8431	2040230401	Trương Lê Thảo	Nhi	22/09/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	81	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8432	2040230482	Dương Tiểu	Quyên	27/02/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8433	2040230548	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh	14/06/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,93	139	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8434	2040230551	Trần Thị Phương	Thanh	18/06/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,78	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8435	2040230565	Phạm Trần Phương	Thảo	13/08/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8436	2040230585	Đồng Anh Bách	Thịnh	24/09/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,35	96	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8437	2040230627	Trương Ngọc Thùy	Trâm	26/11/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,12	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8438	2040230625	Trần Thị Thùy	Trang	22/02/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8439	2040230649	Hoàng Thị Tuyết	Trình	05/06/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8440	2040230674	Nguyễn Đăng Kiều	Vân	15/06/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,11	112	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8441	2040230703	Trần Thị Cẩm	Vy	25/11/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,22	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8442	2040230698	Trần Thụy	Vy	04/02/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8443	2040230717	Hà Xuân	Vỹ	04/02/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,08	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8444	2040230727	Trần Thị Ngọc	Ý	03/03/2005	Lớp 14DHQTMK09	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8445	2040230019	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/12/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,93	100	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8446	2040230036	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	28/12/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8447	2040230048	Nguyễn Thị Thu	Bông	23/10/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8448	2040230097	Trần Thanh	Đạo	23/04/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,8	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8449	2040230103	Châu Lê Khắc	Điệp	02/02/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,85	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8450	2040230119	Ngô Thanh	Hà	19/09/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8451	2040230122	Nguyễn Thanh	Hai	27/05/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,69	132	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8452	2040230147	Lê Thị Quế	Hân	04/06/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,93	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8453	2040230141	Phan Thị Gia	Hân	24/02/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,74	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8454	2040230138	Vũ Thị Thu	Hằng	11/10/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8455	2040230226	Nguyễn Hoàng Mai	Khoa	02/04/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	103	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8456	2040230244	Võ Thị Mỹ	Linh	27/09/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8457	2040230269	Phùng Kim	Lợi	06/04/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	105	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8458	2040230272	Nguyễn Mậu Tiến	Luật	30/04/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	22	7,99	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8459	2040230324	Trần Thị Kim	Nga	30/03/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,38	103	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8460	2040230354	Dương Hoàng Khánh	Ngọc	02/12/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8461	2040230353	Nguyễn Trâm Như	Ngọc	04/12/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,27	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8462	2040230355	Phạm Thị Bích	Ngọc	12/05/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,15	109	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8463	2040230356	Trần Bảo Như	Ngọc	01/01/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8464	2040230361	Nguyễn Thanh	Nguyên	05/07/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,03	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8465	2040230384	Nguyễn Thị Ý	Nhi	25/05/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,09	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8466	2040230424	Phan Quỳnh	Như	10/10/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,97	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8467	2040230418	Lê Hồng	Nhung	15/01/2003	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,52	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8468	2040230414	Ngô Cẩm	Nhung	22/06/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,83	148	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8469	2040230475	Trịnh Thị Kiều	Quanh	01/07/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8470	2040230491	Trần Thị Mai	Quỳnh	21/09/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8471	2040230510	Ngô Minh	Tâm	21/02/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,79	101	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8472	2040230577	Huỳnh Ngọc Bảo	Thi	20/08/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,39	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8473	2040230520	Phạm Thị Mỹ	Tiên	15/03/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8474	2040230673	Võ Ni	Va	07/01/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,72	95	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8475	2040230679	Lê Thị Triệu	Vi	23/09/2005	Lớp 14DHQTMK10	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,83	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8476	2040230061	Nguyễn Ngọc Kim	Chi	08/04/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,36	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8477	2040230073	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	17/03/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8478	2040230091	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	16/09/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	87	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8479	2040230136	Nguyễn Thu	Hằng	01/12/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8480	2040230151	Võ Phúc	Hậu	03/12/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,83	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8481	2040230159	Nguyễn Bảo Tường	Hiệp	04/09/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,07	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8482	2040230178	Phạm Gia	Hón	06/09/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,25	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8483	2040230198	Nguyễn Thanh	Hương	03/08/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8484	2040230215	Hoàng Phạm Minh	Kha	02/11/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	99	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8485	2040230325	Trương Thanh Thúy	Nga	02/05/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8486	2040230334	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	01/02/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,83	132	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8487	2040230333	Trương Thị Kim	Ngân	05/04/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,61	120	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8488	2040230341	Phạm Thị Bảo	Nghi	11/04/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8489	2040230350	Nguyễn Thị Như	Nghĩa	03/01/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	133	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8490	2040230413	Võ Hà	Nhớ	30/08/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	97	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8491	2040230425	Dương Huỳnh	Như	02/08/2004	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	119	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8492	2040230443	Nguyễn Viết	Phú	16/04/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,25	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8493	2040230487	Nguyễn Thị Yển	Quyên	01/09/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,65	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8494	2040230553	Nguyễn Như Mai Đại	Thành	04/04/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8495	2040230573	Bùi Ngọc Bích	Thảo	01/10/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8496	2040230559	Võ Thị Thanh	Thảo	02/11/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,57	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8497	2040230607	Nguyễn Mậu	Thức	01/12/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,46	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8498	2040230638	Đình Bảo	Trần	01/01/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,49	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8499	2040230636	Võ Huỳnh Huyền	Trần	02/04/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8500	2040230706	Lê Uyên	Vy	05/02/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,18	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8501	2040230697	Nguyễn Thảo	Vy	02/05/2005	Lớp 14DHQTMK11	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,16	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8502	2040230030	Châu Thế	Anh	01/11/2004	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,3	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8503	2040230016	Đỗ Phương	Anh	02/04/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,88	122	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8504	2040230025	Nguyễn Lan	Anh	01/01/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8505	2040230094	Lê Quốc	Đại	02/09/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,69	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8506	2040230074	Phan Thùy	Dung	07/11/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,85	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8507	2040230116	Cao Thanh Khánh	Hà	02/10/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8508	2040230114	Nguyễn Thị Minh	Hà	03/05/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8509	2040230113	Nguyễn Thị Thu	Hà	02/01/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,46	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8510	2040230124	Linh Lý	Hải	03/02/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,84	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8511	2040230123	Trần Hoàng	Hải	04/10/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,32	122	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8512	2040230153	Trần Thị Thanh	Hiền	11/11/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8513	2040230160	Lê Doãn	Hiệp	01/07/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8514	2040230220	Huỳnh Việt	Khang	02/09/2003	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8515	2040230227	Trần Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,49	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8516	2040230211	Trương Mỹ	Kỳ	01/10/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8517	2040230232	Lê Thị Hoài	Lam	02/08/2004	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8518	2040230234	Nguyễn Thị	Lan	30/03/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8519	2040230246	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	03/09/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,65	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8520	2040230373	Phạm Nguyễn Thanh	Nhàn	29/09/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8521	2040230374	Phan Lê Thanh	Nhàn	26/08/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8522	2040230434	Phạm Thị Mỹ	Như	01/01/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8523	2040230319	Nguyễn Thị Kiều	Nương	01/08/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8524	2040230467	Mai Quỳnh Lan	Phương	03/08/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,54	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8525	2040230498	Lê Hoàng	Sa	27/04/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8526	2040230499	Dương Thị Thanh	Sắc	02/09/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8527	2040230508	Mai Thanh	Tâm	10/10/2004	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,17	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8528	2040230579	Hồ Thị Kim	Thi	06/08/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,15	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8529	2040230596	Trần Thị Lệ	Thuyền	03/09/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,3	116	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8530	2040230523	Trần Nguyễn Mỹ	Tiên	06/01/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,85	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8531	2040230527	Đỗ Thị Thu	Tính	06/04/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8532	2040230526	Nguyễn Thị Tiên	Tinh	01/02/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8533	2040230629	Võ Quỳnh Ngọc	Trâm	30/07/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,17	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8534	2040230534	Nguyễn Đình	Tú	15/04/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8535	2040230667	Huỳnh Nguyễn Trúc	Uyên	23/05/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,92	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8536	2040230711	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	04/01/2005	Lớp 14DHQTMK12	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8537	2044230001	Trương Thị Thúy	An	01/04/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,66	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8538	2044230006	Lê Ngọc Lan	Anh	25/11/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,58	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8539	2044230004	Lưu Thị Vân	Anh	30/04/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8540	2044230015	Mã Cảnh	Bình	15/12/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,65	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8541	2044230016	Vũ Thị	Bình	20/06/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,16	102	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8542	2044230020	Phan Hoàng	Châu	13/03/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	22	8,38	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8543	2044230019	Trần Tiến	Cường	09/08/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	152	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8544	2044230029	Trần Thị Mỹ	Diệu	14/10/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,72	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8545	2044230049	Trần Quốc	Đông	05/12/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8546	2044230057	Phan Thị Thu	Hằng	02/09/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8547	2044230058	Tăng Thị Mỹ	Hằng	13/10/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8548	2044230053	Vũ Thị Thu	Hằng	14/10/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,72	104	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8549	2044230062	Lê Thị Thu	Hiền	01/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8550	2044230063	Tôn Thị	Hiền	20/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,91	110	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8551	2044230065	Vô Thanh	Hiền	15/11/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8552	2044230067	Nguyễn Ngọc	Hiền	10/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8553	2044230072	Mai Thị	Hồng	26/10/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8554	2044230082	Ngô Hoàng	Hưng	26/03/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,69	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8555	2044230080	Lê Thị Thanh	Huyền	17/02/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8556	2044230078	Vũ Thị Mỹ	Huyền	29/11/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	124	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8557	2044230089	Trần Tuấn	Kiệt	01/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8558	2044230108	Nguyễn Hoàng	Long	02/06/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8559	2044230117	Lê Thị Diễm	Mi	29/05/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8560	2044230121	Hoàng Thị Trà	My	20/08/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,79	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8561	2044230124	Đinh Thúy	Nga	02/11/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,22	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8562	2044230137	Trần Tuyết	Nghi	27/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,28	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8563	2044230138	Huỳnh Bá	Nghĩa	01/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,18	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8564	2044230148	Huỳnh Hỷ	Nguyên	18/09/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,75	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8565	2044230151	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	25/04/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,23	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8566	2044230155	Lê Hoài	Nhi	01/06/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,03	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8567	2044230152	Nguyễn Thị Ý	Nhi	08/04/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8568	2044230161	Tăng Thanh	Nhi	07/06/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	100	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8569	2044230168	Lê Hoàng Tổ	Như	14/04/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,41	124	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8570	2044230167	Võ Thị Ngọc	Như	15/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8571	2044230174	Mai Thanh	Phong	24/08/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,45	124	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8572	2044230183	Hà Ngọc	Phượng	10/02/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,31	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8573	2044230193	Lê Như	Quỳnh	19/10/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,82	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8574	2044230199	Lương Văn	Tâm	30/05/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8575	2044230223	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/04/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8576	2044230224	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/01/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,28	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8577	2044230221	Trần Nguyên Thanh	Thảo	16/05/2005	Lớp 14DHTMDT01	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,41	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8578	2044230007	Đặng Xuân	Anh	22/09/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,05	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8579	2044230010	Trịnh Kiều	Anh	05/10/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,04	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8580	2044230011	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	17/01/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8581	2044230014	Phan Trần Gia	Bảo	08/09/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,87	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8582	2044230045	Trần Đức	Đạt	01/04/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,2	114	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
8583	2044230035	Đỗ Phương	Duy	25/12/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8584	2044230033	Hà Quốc Anh	Duy	08/05/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,41	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8585	2044230059	Dương Ngọc	Hân	21/10/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,26	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8586	2044230056	Trần Thu	Hằng	03/08/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8587	2044230066	Phan Minh	Hiền	20/07/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,32	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8588	2044230070	Liên Minh	Hoàng	24/01/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,27	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8589	2044230073	Nguyễn Thị	Hồng	15/03/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,51	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8590	2044230085	Nguyễn Huỳnh Quốc	Hương	11/10/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	9,06	94	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
8591	2044230077	Phạm Trần Nhật	Huy	17/10/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8592	2044230079	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/06/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8593	2044230090	Trần Thị Châu	Kha	17/06/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	135	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8594	2044230092	Trần Nhựt	Khang	27/01/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,02	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8595	2044230095	Lê Anh	Khoa	01/11/2004	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	18	8,31	126	Giỏi	60%	14.775.000	8.865.000	
8596	2044230101	Đỗ Thị	Lệ	05/04/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8597	2044230131	Phan Thu	Ngân	01/01/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,24	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8598	2044230139	Nguyễn Thị Úy	Nghĩa	24/10/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8599	2044230144	Đỗ Nguyễn Bảo	Ngọc	08/11/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,44	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8600	2044230145	Nguyễn Phan Khánh	Ngọc	01/08/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	22	9,1	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8601	2044230153	Đặng Hoàng Yến	Nhi	22/12/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,82	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8602	2044230160	Huỳnh Yến	Nhi	10/03/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,06	118	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8603	2044230165	Bùi Lê Ngọc	Như	12/06/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,96	108	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8604	2044230170	Huỳnh Yến	Như	09/08/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8605	2044230172	Nguyễn Thị Kim	Oanh	01/12/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	112	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8606	2044230182	Trần Hồng	Phượng	28/11/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8607	2044230187	Trần Thị Thanh	Quý	21/10/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,84	136	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8608	2044230192	Lưu Yến	Quỳnh	07/11/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,99	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8609	2044230191	Phùng Thị Như	Quỳnh	10/03/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,72	120	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8610	2044230195	Lê Hồng	Tài	24/08/2005	Lớp 14DHTMDT02	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,48	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8611	2044230008	Hàn Tú	Anh	19/04/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,59	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8612	2044230018	Phạm Ngọc	Cường	18/02/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,15	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8613	2044230048	Lê Thị Ngọc	Diệp	24/06/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8614	2044230028	Lê Thị	Diệu	14/02/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8615	2044230051	Hồ Hương	Giang	22/02/2003	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,75	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8616	2044230050	Trịnh Ngọc Trường	Giang	21/11/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,12	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8617	2044230071	Lê Thị Kim	Hoàng	14/03/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,64	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8618	2044230076	Nguyễn Đức	Huy	13/02/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,3	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8619	2044230093	Trần Mai	Khanh	19/07/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,77	102	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8620	2044230100	Huỳnh Ngọc	Lân	02/04/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,6	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8621	2044230111	Hà Cẩm	Ly	09/05/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,37	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8622	2044230114	Lưu Khánh	Ly	23/06/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8623	2044230116	Dương Đức	Mạnh	17/03/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,23	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8624	2044230122	Lê Thảo Trà	My	16/08/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8625	2044230120	Phan Ngọc Tiểu	My	26/03/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8626	2044230132	Trịnh Kim	Ngân	10/10/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8627	2044230129	Văn Thị Tuyết	Ngân	10/06/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,9	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8628	2044230147	Nguyễn Ngọc Trúc	Nguyên	15/11/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,31	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8629	2044230156	Ngô Hoàng	Nhi	13/04/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,37	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8630	2044230157	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	27/08/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8631	2044230159	Trịnh Thị Yên	Nhi	28/09/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,22	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8632	2044230169	Thái Thị Huỳnh	Như	29/10/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,61	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8633	2044230181	Nguy Phạm Thu	Phương	22/01/2003	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,08	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8634	2044230243	Nguyễn Anh	Thư	18/12/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8635	2044230246	Ngô Thị Quỳnh	Thương	21/06/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,42	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8636	2044230233	Lê Thị Ngọc	Thùy	18/09/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8637	2044230251	Bùi Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	27/02/2005	Lớp 14DHTMDT03	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,04	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8638	2044230012	Lý Minh	Bảo	12/04/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,73	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8639	2044230024	Trần Thị Khánh	Chi	15/01/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8640	2044230025	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	30/12/2004	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,44	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8641	2044230043	Ngô Phúc	Đại	27/06/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,72	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8642	2044230027	Hồ Thị Hồng	Diệu	06/06/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8643	2044230061	Nguyễn Thị Thu	Hiền	05/01/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8644	2044230103	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	24/11/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,63	100	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8645	2044230107	Ngô Thị Kim	Loan	09/01/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,13	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8646	2044230127	Tăng Huỳnh Thanh	Ngân	13/03/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,11	100	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8647	2044230141	Nguyễn Thảo Thanh	Ngọc	29/01/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,5	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8648	2044230142	Trần Phạm Như	Ngọc	04/08/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8649	2044230179	Lưu Hữu	Phước	15/03/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,24	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8650	2044230180	Nguyễn Minh	Phương	08/01/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,58	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8651	2044230189	Nguyễn Thị Kim	Quyên	08/04/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,18	76	Khá	40%	13.205.500	5.282.200	
8652	2044230198	Lê Bảo	Tâm	23/04/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,1	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8653	2044230200	Nguyễn Thanh	Tần	19/06/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,05	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8654	2044230219	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	28/12/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8655	2044230237	Trần Nguyễn Minh	Thư	27/10/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,35	99	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8656	2044230204	Lê Thủy	Tiên	20/07/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8657	2044230256	Đặng Quế	Trần	31/03/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8658	2044230250	Nguyễn Thị Thùy	Trang	04/01/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,76	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8659	2044230211	Lê Thanh	Tùng	11/03/2005	Lớp 14DHTMDT04	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,54	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8660	2044230197	Bùi Thị Ngọc	Tâm	30/06/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8661	2044230216	Ngô Quốc	Thái	22/10/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	122	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8662	2044230222	Lê Hoài Thanh	Thảo	10/02/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8663	2044230227	Ngô Nguyễn Thanh	Thảo	07/08/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,81	102	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8664	2044230235	Lê Hoàng Anh	Thư	20/09/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8665	2044230241	Nguyễn Anh	Thư	25/10/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,35	104	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8666	2044230242	Nguyễn Anh	Thư	17/01/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8667	2044230244	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/08/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,02	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8668	2044230239	Võ Thị Minh	Thư	04/07/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,64	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8669	2044230230	Nguyễn Minh	Thuận	14/12/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,56	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8670	2044230245	Lê Hoài	Thương	20/01/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,51	112	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8671	2044230203	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	09/12/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,21	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8672	2044230201	Huỳnh Thị Thủy	Tiên	02/04/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,09	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8673	2044230202	Phan Thị Mỹ	Tiên	27/09/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,11	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8674	2044230255	Bùi Thị Quế	Trâm	01/08/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,94	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8675	2044230254	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	16/04/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,77	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8676	2044230253	Vương Ngọc	Trâm	10/10/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,88	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8677	2044230258	Trần Nguyễn Huyền	Trân	01/10/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,72	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8678	2044230247	Trần Huyền	Trang	26/01/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,14	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8679	2044230261	Đặng Ngọc Huyền	Trinh	21/11/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,54	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8680	2044230263	Trịnh Mộng Tuyết	Trinh	27/12/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,36	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8681	2044230266	Nguyễn Trần Xuân	Trường	22/05/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,28	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8682	2044230214	Vy Thanh	Tuyền	02/10/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,12	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8683	2044230269	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	04/11/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,39	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8684	2044230271	Phạm Thị	Vân	16/03/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8685	2044230270	Nguyễn Thị	Vàng	20/05/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8686	2044230272	Lê Thị Yến	Vi	01/04/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,33	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8687	2044230273	Nguyễn Thị Khánh	Vi	25/11/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8688	2044230274	Phạm Hạnh	Vi	31/01/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,6	96	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8689	2044230275	Hồ Quang	Vinh	01/03/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,17	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8690	2044230277	Lê Hoàng Phương	Vy	13/03/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,07	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
8691	2044230281	Mai Nguyễn Thúy	Vy	24/06/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	8,01	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8692	2044230279	Phạm Tường	Vy	08/04/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8693	2044230280	Trần Thị Hoàng	Vy	22/01/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,89	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8694	2044230282	Tăng Như	Ý	09/10/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,78	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8695	2044230284	Nguyễn Bảo	Yến	27/05/2005	Lớp 14DHTMDT05	Khoa Quản trị kinh doanh	16	7,8	120	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8696	2009202028	NGUYỄN TỨ THƯ AN	XUYÊN	09/04/2002	Lớp 11DHMT	Khoa Sinh học và Môi trường	19	7,85	70	Khá	40%	11.970.000	4.788.000	
8697	2031200030	LÊ THÚY	AN	02/05/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,15	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8698	2031200047	TRẦN QUỐC	LƯƠNG	02/04/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,38	82	Giỏi	60%	10.890.000	6.534.000	
8699	2031200119	NGUYỄN THANH DUY	MINH	03/09/1999	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,69	76	Khá	40%	11.595.000	4.638.000	
8700	2031202026	NGUYỄN CHÁNH	NGHĨA	05/12/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,95	76	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8701	2031200044	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHU'	13/06/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,22	84	Giỏi	60%	10.890.000	6.534.000	
8702	2031200118	NGUYỄN THỊ MỸ	NHUNG	06/02/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,19	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8703	2031202030	PHAN THỊ THANH	NHUNG	10/01/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,4	96	Giỏi	60%	10.890.000	6.534.000	
8704	2031200124	ĐẶNG MINH	TÂN	28/08/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,01	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8705	2031200066	CAO THỊ BÉ	THƠ	14/10/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,6	125	Xuất sắc	100%	10.890.000	10.890.000	
8706	2031200107	TRẦN QUỐC	THUẬN	06/07/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,83	76	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8707	2031200106	LÊ HOÀNG BẢO	THUỖN G	24/12/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	17	8,64	70	Khá	40%	12.460.000	4.984.000	
8708	2031200043	VÕ VĂN	TÚ	26/12/2002	Lớp 11DHQLMT1	Khoa Sinh học và Môi trường	17	8,38	70	Khá	40%	12.150.000	4.860.000	
8709	2031209713	PHẠM THỊ HỒNG	ÁNH	21/06/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,11	109	Xuất sắc	100%	10.890.000	10.890.000	
8710	2031200013	VÕ DUY	BÌNH	09/11/1998	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,57	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8711	2031204626	NGUYỄN NGỌC KIM	DUYÊN	14/11/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,19	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8712	2031203015	VI THỊ	HÀNG	24/02/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,94	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8713	2031204632	LÊ THỊ NGỌC	HIẾU	31/01/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,15	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8714	2031209711	DƯƠNG THÀNH	LONG	13/01/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	17	8,62	70	Khá	40%	12.350.000	4.940.000	
8715	2031204011	TẠ LÂM ĐÌNH	PHONG	26/01/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,71	88	Giỏi	60%	10.890.610	6.534.366	
8716	2031202034	PHẠM THỊ NGUYỄN	PHUỖN G	26/12/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,75	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8717	2031204558	VÕ HOÀNG ANH	QUỐC	16/10/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,89	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8718	2031202036	TRẦN PHƯƠNG	QUYÊN	02/05/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,15	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8719	2031209718	NGUYỄN ĐÌNH	TÂN	06/04/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,01	65	Khá	40%		0	
8720	2031202043	TRƯƠNG THỊ HỒNG	THẨM	20/07/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	19	8,97	70	Khá	40%	13.674.000	5.469.600	
8721	2031202044	HUỖNH THỊ NGỌC	THANH	01/11/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	19	9,1	82	Giỏi	60%	13.674.000	8.204.400	
8722	2031200063	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	25/11/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,94	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8723	2031202049	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIỀN	26/06/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,69	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8724	2031203013	MẠC BẢO	TRÂM	27/09/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,06	75	Khá	40%		0	
8725	2031202051	NGUYỄN NGỌC	TRÂN	19/01/2001	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,23	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8726	2031202056	NGUYỄN THÀNH	VĂN	08/03/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	17	8,46	76	Khá	40%	12.350.000	4.940.000	
8727	2031209717	ĐẶNG TUẤN	VŨ	12/07/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,35	85	Giỏi	60%	10.890.000	6.534.000	
8728	2031203006	NGUYỄN HIỀN THẢO	VY	15/01/2002	Lớp 11DHQLMT2	Khoa Sinh học và Môi trường	15	9,03	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8729	2008202001	PHAN QUẾ	ANH	27/11/2000	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	14	7,87	79	Khá	40%	9.685.000	3.874.000	
8730	2008200212	NGUYỄN LÊ THÀNH	ĐẠT	24/07/2002	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,35	70	Khá	40%	10.895.000	4.358.000	
8731	2008206826	PHẠM NGỌC TÂM	KHUÊ	22/10/2002	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	13	8,48	70	Khá	40%	8.910.000	3.564.000	
8732	2008206825	NGUYỄN THANH NHẬT	MINH	22/01/2002	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	13	8,65	83	Giỏi	60%	8.910.000	5.346.000	
8733	2008206832	TRƯƠNG THỊ THANH	NGÂN	12/04/2002	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	15	8,3	78	Khá	40%	10.422.000	4.168.800	
8734	2008206837	VŨ NGUYỄN MAI	THI	22/09/2002	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	13	8,38	72	Khá	40%	8.910.000	3.564.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8735	2008206831	PHẠM HOÀNG MINH	THU	02/11/2002	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	13	8,02	72	Khá	40%	8.910.000	3.564.000	
8736	2008206851	TÔ THỊ TUỜNG	VI	03/03/2001	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	13	8,02	70	Khá	40%	8.910.000	3.564.000	
8737	2008200042	HUỖNH THỊ THÚY	VY	22/02/2002	Lớp 11DHS1	Khoa Sinh học và Môi trường	13	8,32	82	Giỏi	60%	8.963.700	5.378.220	
8738	2008200067	NGUYỄN DUY	KHANG	24/12/2002	Lớp 11DHS2	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,17	70	Khá	40%	10.440.000	4.176.000	
8739	2009210650	Nguyễn	Nam	08/07/2001	Lớp 12DHMT	Khoa Sinh học và Môi trường	19	8,2	70	Khá	40%	13.466.000	5.386.400	
8740	2009211620	Phạm Ngọc Thanh	Ngân	14/06/2003	Lớp 12DHMT	Khoa Sinh học và Môi trường	23	7,71	83	Khá	40%	16.250.000	6.500.000	
8741	2031210441	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	01/01/2003	Lớp 12DHMT	Khoa Sinh học và Môi trường	19	8,45	70	Khá	40%	13.330.000	5.332.000	
8742	2009211221	Trần Thị Quỳnh	Như	01/08/2003	Lớp 12DHMT	Khoa Sinh học và Môi trường	24	7,83	76	Khá	40%	16.912.000	6.764.800	
8743	2009211222	Lê Nhật	Thành	14/07/2003	Lớp 12DHMT	Khoa Sinh học và Môi trường	19	8,08	102	Giỏi	60%	13.466.000	8.079.600	
8744	2031210216	Đoàn Thành	Đạt	16/07/2003	Lớp 12DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	21	7,65	78	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
8745	2031210070	Hà Thị Huỳnh	Như	02/09/2003	Lớp 12DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	21	8,63	89	Giỏi	60%	14.654.000	8.792.400	
8746	2031210411	Huỳnh Minh	Trí	03/10/2003	Lớp 12DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	19	7,79	84	Khá	40%	13.466.000	5.386.400	
8747	2031210018	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	07/06/2003	Lớp 12DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	21	8,96	78	Khá	40%	14.790.000	5.916.000	
8748	2031210407	Nguyễn Thu	Hiền	25/02/2003	Lớp 12DHQLMT02	Khoa Sinh học và Môi trường	21	8,75	74	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
8749	2031210901	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	04/12/2002	Lớp 12DHQLMT02	Khoa Sinh học và Môi trường	21	8,52	74	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
8750	2031219643	Phan Thị Kim	Phụng	04/05/2003	Lớp 12DHQLMT03	Khoa Sinh học và Môi trường	21	8,01	76	Khá	40%	14.654.000	5.861.600	
8751	2031210409	Bùi Hoàng	Vy	20/10/2003	Lớp 12DHQLMT03	Khoa Sinh học và Môi trường	19	8,47	80	Giỏi	60%	13.330.000	7.998.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8752	2008210081	Phạm Thái	Luân	06/01/2003	Lớp 12DHS03	Khoa Sinh học và Môi trường	20	8,13	70	Khá	40%	14.180.000	5.672.000	
8753	2031220129	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/07/2004	Lớp 13DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	17	7,76	70	Khá	40%	13.230.000	5.292.000	
8754	2031220307	Nguyễn Trần Quốc	Bảo	05/09/2004	Lớp 13DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	17	7,53	76	Khá	40%	13.230.000	5.292.000	
8755	2031222051	Ngô Văn	Khánh	31/10/2004	Lớp 13DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	15	7,89	76	Khá	40%	11.770.000	4.708.000	
8756	2031224614	Lê Thị Ánh	Tuyết	17/06/2004	Lớp 13DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	17	7,42	78	Khá	40%	13.230.000	5.292.000	
8757	2031226293	Lê Nguyễn Trà	My	14/01/2004	Lớp 13DHQLMT02	Khoa Sinh học và Môi trường	17	7,65	99	Khá	40%	13.030.000	5.212.000	
8758	2008222081	Trần Tuấn	Khiêm	17/07/2002	Lớp 13DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	18	9,04	92	Xuất sắc	100%	13.755.000	13.755.000	
8759	2008222883	Võ Thị Kim	Ngân	10/03/2003	Lớp 13DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	20	8,1	76	Khá	40%	15.011.000	6.004.400	
8760	2008222989	Trần Ngọc Phương	Nghi	06/09/2004	Lớp 13DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	22	7,58	76	Khá	40%	16.675.000	6.670.000	
8761	2008224704	Lý Giai	Thành	13/06/2004	Lớp 13DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	18	8,38	76	Khá	40%	13.755.000	5.502.000	
8762	2008220792	Nguyễn Hoàng Kỳ	Duyên	30/03/2004	Lớp 13DHS02	Khoa Sinh học và Môi trường	20	7,71	70	Khá	40%	15.325.000	6.130.000	
8763	2008222207	Nguyễn Ngô Quý	Lâm	01/08/2004	Lớp 13DHS02	Khoa Sinh học và Môi trường	19	8,07	72	Khá	40%	14.485.000	5.794.000	
8764	2008220308	Trần Gia	Bảo	01/04/2004	Lớp 13DHS03	Khoa Sinh học và Môi trường	19	7,78	81	Khá	40%	14.149.000	5.659.600	
8765	2008225761	Ngô Bảo	Uyên	29/06/2004	Lớp 13DHS03	Khoa Sinh học và Môi trường	18	7,48	70	Khá	40%	13.755.000	5.502.000	
8766	2008225979	Đinh Ngọc Thảo	Vy	16/11/2004	Lớp 13DHS03	Khoa Sinh học và Môi trường	18	7,24	76	Khá	40%	13.555.000	5.422.000	
8767	2031231454	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	12/10/2005	Lớp 14DHQLMT01	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,5	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8768	2008230016	Ông Đặng Kim	Chi	16/12/2005	Lớp 14DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	16	8,39	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8769	2008230017	Huỳnh Hồng Tăng	Chiến	25/11/2005	Lớp 14DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,34	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8770	2008230132	Nguyễn Phương Yên	Nhi	21/02/2005	Lớp 14DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,59	90	Khá	40%	13.205.500	5.282.200	
8771	2008230134	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	17/08/2005	Lớp 14DHS01	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,66	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8772	2008230061	Phạm Ngọc Thy	Hoa	24/08/2005	Lớp 14DHS02	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,51	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8773	2008230068	Dương Nhật	Huy	16/08/2005	Lớp 14DHS02	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,74	95	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8774	2008230098	Nguyễn Khánh	Ly	10/02/2005	Lớp 14DHS02	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,61	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8775	2008230120	Lê Thái Đông	Nghi	14/06/2005	Lớp 14DHS02	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,31	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8776	2008230170	Lê Vũ Hải	Thanh	13/10/2005	Lớp 14DHS02	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,64	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8777	2008230054	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Hân	25/10/2005	Lớp 14DHS03	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,72	112	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8778	2008230093	Nguyễn Hoàng	Long	01/08/2005	Lớp 14DHS03	Khoa Sinh học và Môi trường	16	7,35	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
8779	2007200128	NGUYỄN THỊ TRÚC	ĐÀO	02/05/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8780	2007200544	NGUYỄN HỒ THÙY	DƯƠNG	19/06/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,93	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
8781	2007200136	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	22/04/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8782	2007200588	TRẦN THỊ NGỌC	DUYÊN	20/12/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8783	2007206238	PHAN NGUYỄN PHƯỢNG	HÀNG	21/09/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8784	2007206231	NGUYỄN THỊ KIM	HỒNG	23/07/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8785	2007200191	VÕ THỊ MỸ	HUYỀN	28/06/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,22	81	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8786	2007200336	TRẦN TUẤN	KIỆT	03/12/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8787	2007200325	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	16/01/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8788	2007200405	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	13/04/2001	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8789	2007200174	HỒNG LÊ KIỀU	LINH	03/12/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8790	2007200310	VÕ THỊ THÙY	LINH	08/01/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,28	85	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8791	2007200339	NGUYỄN THỊ	MY	07/08/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8792	2007200165	TRẦN THỊ TRÀ	MY	01/08/2001	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8793	2007200249	HOÀNG THỊ TUYẾT	NGÂN	14/11/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,47	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8794	2007200726	MAI HỒ KIM	NGÂN	12/04/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,29	78	Khá	40%	13.830.000	5.532.000	
8795	2007206248	THIỆU LỆ	NGÂN	31/12/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8796	2007200567	TRẦN THỊ MỸ	NGỌC	21/12/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8797	2007206577	LÊ NGỌC	NGUYỄN	29/04/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8798	2007200472	LƯU THỊ TÚ	NGUYỄN	01/01/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8799	2007200229	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	05/06/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8800	2007200024	LÊ THỊ MỸ	NHÂN	23/04/2001	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8801	2007200476	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	20/04/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8802	2007200498	LÊ THỊ QUỲNH	NHU	30/08/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,33	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8803	2007200138	NGUYỄN THỊ KIM	NHUNG	26/02/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8804	2007200728	HUỖNH NHẬT	PHUỖN G	14/03/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,22	70	Khá	40%	13.694.000	5.477.600	
8805	2007204328	PHẠM VŨ TỔ	QUỖYN	30/10/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8806	2007200176	TRẦN THỊ NHŨ	QUỖYNH	16/10/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,28	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8807	2007206622	VŨ THỊ	QUỖYNH	16/02/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,68	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8808	2007200162	VŖ THỊ BĂNG	TÂM	30/10/2000	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8809	2007200061	NGUYỄN THANH	THANH	08/10/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8810	2007200028	PHAN THỊ THU	THẢO	17/07/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8811	2007200440	TRẦN THỊ NGŖC	THẢO	05/02/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,56	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8812	2007206550	LÊ THỊ ANH	THŨ	12/07/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,3	74	Khá	40%	12.896.000	5.158.400	
8813	2007202274	TRẦN HOÀI	THŨỖN G	29/03/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,71	82	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
8814	2007206626	LÊ THỊ THU	THỦY	30/08/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,85	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8815	2007200119	PHẠM THỊ NGŖC	TRÂM	21/12/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,39	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8816	2007200461	NGUYỄN TRẦN CẨM	TRANG	27/04/2002	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8817	2007200706	PHAN THỊ	TRANG	30/12/2001	Lớp 11DHKT1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,3	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8818	2007204063	ĐẶNG THỊ	ÂN	28/05/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,24	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8819	2007203006	NGUYỄN THỊ PHŨỖNG	ANH	08/05/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,53	100	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8820	2007203061	TÔ THỊ	ÁNH	24/12/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8821	2007203071	BÀNG THỊ DINH	DIỄM	06/01/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,38	78	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8822	2007202049	NGUYỄN THỊ THÙY	GIANG	25/09/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8823	2007204157	LÂM THỊ NGỌC	HÂN	31/10/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8824	2007204082	TRẦN THỊ THANH	HÀNG	14/12/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8825	2007202094	NGUYỄN THỊ	LÀI	22/02/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8826	2007203068	PHÙNG ĐỨC	MẠNH	20/03/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,57	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8827	2007203060	TÔN THỊ	MỀN	07/06/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,67	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8828	2007206517	ĐẶNG GIA	NGÂN	04/07/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,11	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8829	2007202161	HUỖNH THỊ NHƯ	NGỌC	08/09/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,57	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8830	2007204010	LÝ LỆ	NHI	30/06/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8831	2007202203	BÙI THỊ QUỲNH	NHƯ	30/07/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
8832	2007202201	KHUU PHAN QUỲNH	NHƯ	05/12/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8833	2007200213	NGUYỄN THỊ HUỖNH	NHƯ	08/06/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,64	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8834	2007202205	TRẦN THỊ	NHUNG	28/04/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,82	70	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
8835	2007203019	PHAN MỸ	PHỤNG	07/05/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,18	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
8836	2007203046	NGUYỄN THỊ	PHUON G	02/12/2000	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,15	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8837	2007204162	ĐỖ TÚ	QUỲNH	18/04/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8838	2007202231	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	QUỲNH	10/12/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8839	2007202253	CAO THỊ ÁI	THI	14/04/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,62	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
8840	2007202255	PHẠM HUỲNH KIM	THIÊN	15/03/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8841	2007203059	LÊ THỊ MINH	THƯ	26/03/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,01	70	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
8842	2007202276	TRẦN THỊ	THUỒN G	18/10/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8843	2007200437	PHẠM THỊ THU	THỦY	09/08/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8844	2007202284	NGÔ THỊ MỸ	TIÊN	13/10/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8845	2007202290	HOÀNG TUẤN	TIẾN	12/05/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,37	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8846	2007206543	NGUYỄN NGỌC THẢO	TRINH	17/11/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8847	2007203065	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	16/11/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8848	2007202327	VÕ THỊ ÁNH	TUYẾT	25/09/2002	Lớp 11DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8849	2007206486	HỒ THÚY	AN	14/01/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8850	2007206624	BÙI THỊ VÂN	ANH	04/08/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,27	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8851	2007206558	TRẦN THÚY	BÌNH	08/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8852	2007206409	ĐÀM THỊ KIỀU	DIỄM	21/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8853	2007206552	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	15/09/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,38	70	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8854	2007206414	HUỖNH LẠI KỶ	DUYỄN	02/08/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8855	2007206535	NGUYỄN THỊ KIỀU	DUYỄN	18/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8856	2007206402	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	GIANG	11/11/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,29	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
8857	2007206267	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	18/02/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,66	90	Giỏi	60%	13.265.000	7.959.000	
8858	2007206373	HUỖNH THỊ THUỶ	HÀNG	03/09/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,92	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8859	2007206246	LẠI THỊ MINH	HÀNG	24/12/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8860	2007206504	BÙI THỊ THU	HIỀN	08/06/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8861	2007206249	HUỖNH MỸ	HOA	01/11/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8862	2007206298	TRẦN THỊ KIỀU	HÙNG	12/09/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8863	2007206353	HUỖNH THỊ THU	HUYỀN	14/07/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8864	2007206364	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	24/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,72	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8865	2007206286	HỒ NHỰT	HUỖNH	23/06/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,29	84	Khá	40%	11.020.000	4.408.000	
8866	2007206321	BẠCH THỊ	LAN	29/03/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,1	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8867	2007206291	TRỊNH THỦY	LINH	16/01/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,74	70	Khá	40%	9.603.000	3.841.200	
8868	2007206425	PHẠM THỊ TRÀ	MỸ	16/05/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8869	2007206311	TRẦN THỊ THÁI	MỸ	07/03/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,97	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8870	2007206300	TRỊNH NGỌC QUỲNH	NGA	24/11/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8871	2007206559	LÊ NGÔ HOÀNG THANH	NGÂN	21/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,77	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8872	2007206567	THÁI THỊ KIM	NGÂN	14/05/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,67	70	Khá	40%	14.886.000	5.954.400	
8873	2007206232	NGÔ KIỀU	NGHI	02/05/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,97	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8874	2007206322	LÊ THỊ HUỲNH	NHU	22/08/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,58	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8875	2007206419	LÊ THỊ QUỲNH	NHU	16/11/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,84	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8876	2007206342	LÊ PHẠM HOÀNG	PHUON G	17/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8877	2007206390	NGUYỄN CHÂU	PHUON G	16/04/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,65	70	Khá	40%	14.020.000	5.608.000	
8878	2007206569	PHAN THỊ THANH	PHUON G	03/02/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,18	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8879	2007206359	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	11/04/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,25	78	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8880	2007206387	TRẦN THỊ NHU	QUỲNH	23/03/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8881	2007206320	NGUYỄN KHOA TIỀN	SỸ	18/03/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8882	2007206453	TRẦN THỊ THU	TÂM	06/11/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,72	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8883	2007206314	LÊ ANH	THU	13/11/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8884	2007206398	VÔ THỊ MINH	THU	22/01/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8885	2007206509	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	14/07/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,79	70	Khá	40%	13.032.000	5.212.800	
8886	2007206466	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	08/12/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8887	2029204702	PHẠM THỊ	THÚY	15/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8888	2007206301	PHAN MINH	THÙY	22/02/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,72	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8889	2007206505	NGUYỄN NGỌC THIÊN	TRANG	05/12/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,28	70	Khá	40%	12.960.000	5.184.000	
8890	2007206230	TẠ UYÊN KIM	VÂN	23/10/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,61	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
8891	2007206312	TẠ HOÀNG YẾN	VY	04/04/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,59	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8892	2007206250	TRẦN THỊ MINH	VY	24/02/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8893	2007206275	LÊ THỊ NHƯ	Ý	06/08/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8894	2007206469	LÊ TRẦN NHƯ	Ý	06/07/2002	Lớp 11DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8895	2007200294	PHẠM TÂN	DŨNG	10/10/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,36	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8896	2007200079	PHẠM TIẾN	DŨNG	09/01/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,25	96	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8897	2007202048	TRẦN THỊ NINH	GIANG	06/07/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8898	2007202054	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	04/05/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8899	2007206429	TRẦN THỊ	HIẾU	11/11/2001	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,36	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8900	2007206594	NGUYỄN ĐẶNG MINH	HÒA	11/08/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8901	2007206258	NGUYỄN HỮU	HÒA	28/12/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,63	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
8902	2007206449	LÊ MINH	HUY	29/09/2001	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,13	85	Giỏi	60%	4.410.000	2.646.000	
8903	2007206335	HUỶNH THỊ NGỌC	KHOA	20/05/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,92	76	Khá	40%	13.835.000	5.534.000	
8904	2007200050	ĐOÀN KHÁNH	LINH	10/12/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,34	79	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8905	2007202124	NGÔ LÊ ĐÌNH PHỤC	LONG	29/03/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8906	2007206346	VÕ MINH	LUÂN	08/11/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,91	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8907	2007202143	LÊ VÕ HỒNG	NA	17/07/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8908	2007206254	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	08/09/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8909	2007206455	PHẠM THỊ TÚ	NGUYỄN	10/11/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,58	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
8910	2007202166	PHẠM THỊ	NGUYỆT	23/11/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8911	2007200003	DƯƠNG THỊ TUYẾT	NHI	02/10/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8912	2007206336	TRƯƠNG NGỌC	NHI	28/05/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,78	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8913	2007206607	VÕ LAN	NHI	26/09/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,58	80	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8914	2007200617	NGÔ THỊ THANH	NHU	24/11/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8915	2007206247	HỨA THỊ KIM	OANH	05/03/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,88	76	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8916	2007206612	NGUYỄN LÊ NGỌC	PHỤNG	22/11/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,97	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8917	2007200302	KIỀU HỮU	PHƯỚC	25/09/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,9	82	Khá	40%	9.451.780	3.780.712	
8918	2007200410	NGUYỄN NHƯ	PHUON G	20/08/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,57	70	Khá	40%	2.174.000	869.600	
8919	2007204737	PHẠM THỊ THẢO	PHUON G	07/08/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8920	2007206352	LÊ THANH	QUỲNH	14/02/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8921	2007206243	PHẠM THỊ THU	QUỲNH	04/03/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8922	2007206380	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂM	26/06/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,01	76	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
8923	2007206252	HỒ THỊ QUẾ	TRÂN	29/03/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8924	2007206371	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	07/06/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,08	82	Giỏi	60%	13.835.000	8.301.000	
8925	2007206347	LÊ ĐẶNG TUYẾT	TRINH	25/07/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,68	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8926	2007206256	NGUYỄN THỊ	TUỖI	20/04/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8927	2007200243	PHẠM QUANG	VINH	28/03/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8928	2007206260	DƯƠNG NGỌC TƯỜNG	VY	22/12/2002	Lớp 11DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8929	2007200332	NGUYỄN QUANG	DIỆM	06/04/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8930	2007200563	ĐỖ THỊ MỸ	DUNG	09/12/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8931	2007200634	NGÔ XUÂN	DƯƠNG	10/03/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8932	2007200533	ĐẶNG KIM	HÂN	17/06/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8933	2007200177	PHẠM NGUYỄN KIỀU	HÂN	02/12/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,5	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8934	2007206464	HOÀNG THỊ MỸ	HẰNG	12/11/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,57	70	Khá	40%	11.115.000	4.446.000	
8935	2007200334	LA THỊ MỸ	HẠNH	18/08/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8936	2007200099	NGUYỄN MINH	HẢO	11/02/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8937	2007200497	NGUYỄN THỊ BÉ	HẬU	19/10/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8938	2007200514	NGUYỄN THỊ	HUỆ	24/11/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8939	2007200471	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	LINH	22/02/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8940	2007200512	TRẦN THỊ MỸ	LINH	26/05/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,69	70	Khá	40%	12.600.000	5.040.000	
8941	2007206495	DƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	17/09/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,23	70	Khá	40%	12.760.000	5.104.000	
8942	2007200519	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	03/12/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,58	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8943	2007200008	ĐẶNG THỊ HUỆ	NHU	16/07/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,97	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8944	2007200453	TRẦN THỊ HUỲNH	NHU	28/01/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,8	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8945	2007200078	TRƯƠNG THỊ THANH	PHÚC	14/06/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,41	81	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8946	2007200114	AN THU	PHUON G	15/03/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8947	2007200529	LÊ THỊ BÍCH	PHUON G	26/02/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8948	2007200215	NGUYỄN THỊ KIM	PHUON G	24/09/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8949	2007200135	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	16/09/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8950	2007200093	LÊ THỊ TUYẾT	TÂM	29/11/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,28	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8951	2007200013	VÕ THỊ THU	THẢO	15/11/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,51	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8952	2007200619	TRẦN THỊ NGỌC	THI	01/04/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8953	2007200718	LÊ CHÍ	THIỆN	20/10/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,4	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8954	2007200298	TRẦN THỊ MINH	THƯ	12/03/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8955	2007200713	ĐÀO THỊ THÚY	TÌNH	19/08/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,28	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8956	2007200235	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	18/11/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8957	2007200108	NGUYỄN ĐIỂM	UYÊN	21/10/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8958	2007200452	NGUYỄN TRƯỞNG NGỌC	UYÊN	14/11/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,66	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8959	2007206514	NGUYỄN THOẠI YẾN	VY	22/04/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8960	2007200029	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	21/10/2002	Lớp 11DHKT2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8961	2007200312	MAI LAN	ANH	01/12/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8962	2007200409	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	20/11/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,62	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8963	2007200463	HUỖNH THỊ DIỆU	HÂN	30/03/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,03	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8964	2007200166	HUỖNH THỊ NGỌC	HIỆU	24/08/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,54	70	Khá	40%	14.561.000	5.824.400	
8965	2007200299	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	17/12/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8966	2007200209	VŨ THỊ MAI	HƯƠNG	06/03/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8967	2007206386	TRỊNH THỊ	HUÔNG	07/10/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,39	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
8968	2007206426	VŨ NGỌC KIM	KHÁNH	18/11/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,36	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
8969	2007200593	HUỖNH THỊ THÚY	KIỀU	16/06/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8970	2007206408	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	LIÊN	21/09/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8971	2007200422	MAI THỊ TRÚC	LINH	25/07/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,55	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
8972	2007200324	PHẠM THỊ TUYẾT	LINH	25/09/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,54	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8973	2007200603	VÔ THỊ CẨM	LY	15/11/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,87	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8974	2007206403	HUỖNH THỊ KIM	NGÂN	06/04/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,04	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
8975	2007200568	NGUYỄN HOÀNG THU	NGÂN	18/04/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8976	2007200192	HỒ NGUYỄN BẢO	NGỌC	06/03/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8977	2007200511	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	08/02/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,52	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8978	2007200311	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	27/08/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8979	2007200426	HUỖNH YẾN	NHI	01/12/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,23	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8980	2007200715	TRẦN QUỲNH	NHƯ	14/03/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,02	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
8981	2007200245	LÊ NGỌC	PHỤNG	12/10/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,16	70	Khá	40%	11.805.000	4.722.000	
8982	2007200401	TRẦN THỊ THU	PHUÔNG	03/10/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8983	2007200402	DƯƠNG THỊ NGỌC	THẨM	18/01/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8984	2007200729	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/02/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8985	2007206416	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	26/04/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,58	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8986	2007200621	LƯƠNG THỊ KIM	THI	26/06/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8987	2007206459	HỒ THỊ THANH	THƯ	23/07/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,36	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
8988	2007200223	NGUYỄN THỊ LAN	THUY	24/11/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8989	2007200236	LÂM MỸ	TRÂN	20/03/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
8990	2007200493	THÁI THỊ THÙY	TRANG	15/08/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,31	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
8991	2007200113	TRẦN HOÀN LINH	TRÚC	04/04/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,5	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
8992	2007200134	TRẦN PHẠM MỘNG	TUYỀN	16/07/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8993	2007206391	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	YẾN	01/03/2002	Lớp 11DHKT3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8994	2007200569	VÕ BÙI VÂN	ANH	03/04/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8995	2007206287	BÙI THỊ MINH	CHÂU	17/12/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,06	70	Khá	40%	15.254.000	6.101.600	
8996	2007200240	NGUYỄN TRẦN KHẢ	CHI	09/08/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	17	9	82	Giỏi	60%	10.910.000	6.546.000	
8997	2007206378	TRẦN HUYỀN	DIỆU	06/07/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,7	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
8998	2007206334	HUỖNH MINH	DUẨN	05/05/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
8999	2007200610	ĐÌNH THỊ NGỌC	HÂN	21/06/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,45	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9000	2007200595	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẠNH	20/08/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,92	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9001	2007200289	PHẠM THỊ TUYẾT	HẠNH	27/12/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9002	2007206306	TRẦN LAN	HƯƠNG	19/12/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9003	2007200331	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	12/12/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,79	70	Khá	40%	11.805.000	4.722.000	
9004	2007200291	VŨ THỊ THUỶ	LINH	02/08/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,35	74	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
9005	2007206333	NGÔ KIM	LỘC	01/11/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9006	2007206294	NGUYỄN THỊ Ý	MY	26/07/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9007	2007200641	NGUYỄN HÀ MỸ	NGÂN	07/06/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,82	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9008	2007200413	DUƠNG THỊ ÁI	NHI	15/05/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,3	88	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9009	2007200642	HOÀNG LỮ UYÊN	NHI	18/12/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,18	70	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	
9010	2007200139	LÊ THỊ YẾN	NHI	04/05/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,57	88	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9011	2007200214	MÃ PHƯƠNG	NHI	02/08/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,87	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9012	2007200404	TRẦN THỊ Ý	NHI	26/10/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,87	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9013	2007200198	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHU	20/11/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9014	2007200104	TỔNG THỊ HUỖNH	NHU	06/03/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9015	2007200627	VÕ THỊ CẨM	NHUNG	23/02/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9016	2007206310	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	01/01/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,82	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
9017	2007200149	PHẠM HUỖNH KIM	PHỤNG	14/02/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,13	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9018	2007206313	NGUYỄN THỊ ANH	PHUON G	27/12/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,58	70	Khá	40%	9.500.000	3.800.000	
9019	2007200269	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHUON G	07/10/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	24	7,02	70	Khá	40%	15.680.000	6.272.000	
9020	2007200525	LÊ NGUYỄN BẢO	QUYÊN	05/10/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,52	79	Khá	40%	11.805.000	4.722.000	
9021	2007200542	TRỊNH NGUYỄN KIM	THANH	06/03/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9022	2007200522	DUƠNG THỊ HUỖNH	THƠ	24/02/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9023	2007206285	ĐỒNG THỊ THANH	THOA	25/10/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9024	2007200408	LÊ THỊ KIM	THOA	29/10/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9025	2007200284	VŨ KIM	THUỖN G	26/09/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9026	2007200464	PHẠM THỊ BÍCH	THÙY	15/04/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9027	2007200197	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	24/11/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9028	2007200183	ĐOÀN THANH	TRÚC	06/02/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9029	2007200716	NGUYỄN PHAN KIM	TUYỀN	28/02/2002	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,18	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
9030	2007200607	TRẦN THỊ MỸ	UYÊN	01/02/2000	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9031	2007200643	NGÔ THỊ KIM	YẾN	12/02/2001	Lớp 11DHKT4	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,42	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
9032	2007200600	HOÀNG VIỆT	ANH	30/01/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,13	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9033	2007200599	NGUYỄN ĐĂNG QUỲNH	ANH	25/08/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,19	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9034	2007200554	LƯƠNG TRƯỞNG BỘI	CHI	23/03/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,34	70	Khá	40%	12.980.000	5.192.000	
9035	2007200120	NGÔ NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	09/07/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9036	2007202043	VŨ THỊ MỸ	DUYÊN	22/10/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9037	2007202060	LÊ THỊ KIM	HÂN	11/11/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9038	2007200333	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	12/12/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,87	70	Khá	40%	11.805.000	4.722.000	
9039	2007200117	ĐỖ LAN	HƯƠNG	13/08/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,16	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9040	2007200488	NGUYỄN THỊ NHUNG	HUYỀN	17/10/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9041	2007206596	NGUYỄN THỊ TÚ	LINH	16/03/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,29	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9042	2007200594	NGUYỄN THỊ Ý	MY	12/09/2000	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,42	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9043	2007206272	BÙI THỊ KIM	NGÂN	02/05/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9044	2007200433	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	26/03/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	79	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9045	2007200239	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	03/07/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,02	70	Khá	40%	12.896.000	5.158.400	
9046	2007202223	NGUYỄN PHÚ	QUÝ	06/12/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9047	2007200489	ĐẶNG THỊ KIM	QUYÊN	05/12/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9048	2007200097	HỒ PHAN NHẬT	QUỲNH	30/06/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9049	2007200329	PHAN BÁ NHẢ	TÂM	31/08/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,44	70	Khá	40%	13.100.000	5.240.000	
9050	2007200208	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	07/10/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,88	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9051	2007200322	PHẠM VÕ NGỌC LAN	THANH	30/07/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,1	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9052	2007200051	VÕ THẠCH	THẢO	23/06/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,17	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9053	2007200189	LÊ THỊ THANH	THÙY	12/10/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9054	2007200241	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	18/09/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9055	2007206592	VÕ THỊ BÍCH	TRÂM	16/05/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9056	2007206561	DƯƠNG NGỌC MINH	TÚ	05/12/2002	Lớp 11DHKT5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9057	2007202015	LÊ HOÀNG	BẢO	20/11/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,39	76	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9058	2007202017	PHẠM THỊ NGỌC	BÍCH	04/11/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,71	80	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
9059	2007202020	NGUYỄN LÊ BẢO	CHÂU	27/03/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,54	70	Khá	40%	13.558.000	5.423.200	
9060	2007206522	PHẠM THỊ BÍCH	CHI	21/05/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9061	2007202023	CHÂU THANH	ĐÀO	14/11/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,21	100	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9062	2007202051	LÊ PHẠM THỊ THI	GIANG	26/08/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9063	2007206499	CAO HOÀNG	HÂN	05/10/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,49	88	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9064	2007202057	VÕ BẢO	HÂN	16/06/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9065	2007202064	THÁI THỊ	HÀNG	10/02/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9066	2007202070	TRẦN THỊ	HIỀN	10/11/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,65	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
9067	2007202125	NGUYỄN BÁ	LUẬT	20/10/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9068	2007200094	HỒ THỊ NGỌC	NGA	31/05/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,9	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9069	2007202151	DƯƠNG THỊ HOÀI	NGÂN	03/03/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,35	74	Khá	40%	15.170.000	6.068.000	
9070	2007202160	NGUYỄN PHẠM BÍCH	NGỌC	08/01/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9071	2007200443	BÙI THỊ	NHI	10/08/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9072	2007202208	NGUYỄN THỊ YẾN	OANH	16/12/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9073	2007206547	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	19/10/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9074	2007202214	LÊ THỊ	PHUỖN G	21/06/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,31	106	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9075	2007206492	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHUON G	05/07/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9076	2007200460	NGUYỄN THỊ THANH	QUY	10/07/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9077	2007202269	TÔ HOÀNG ANH	THU	11/04/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9078	2007206470	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	02/08/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9079	2007202291	NGUYỄN THỊ	TRÂM	28/08/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9080	2007202303	NGUYỄN THỊ CẨM	TRANG	03/01/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9081	2007206538	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	14/10/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9082	2007202333	ĐINH NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	28/06/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9083	2007206524	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	14/01/2002	Lớp 11DHKT6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9084	2007206413	NGUYỄN THỊ HỒNG	ANH	19/09/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,55	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9085	2007202027	LÊ THỊ	DIỄM	18/10/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,59	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9086	2007202042	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	24/06/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,93	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9087	2007202053	TRẦN TRÚC	GIANG	21/08/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,92	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
9088	2007202071	TRƯƠNG TRUNG	HIẾU	02/02/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9089	2007202095	LA TRƯƠNG KIM	LÀI	24/10/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,89	98	Khá	40%	13.289.000	5.315.600	
9090	2007206454	NGUYỄN THỊ ÁNH	LINH	29/11/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,14	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9091	2007202126	ĐOÀN PHẠM KHÁNH	LY	03/04/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9092	2007202140	TRẦN THẢO	MY	01/05/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9093	2007202145	PHẠM NGUYỄN THÚY	NGA	10/11/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9094	2007206445	ĐẶNG KIM	NGÂN	07/09/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,45	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9095	2007202163	HUỖNH NHƯ	NGỌC	28/04/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9096	2007202183	HUỖNH THỊ TUYẾT	NHI	02/08/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,28	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9097	2007203023	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	19/07/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9098	2007206461	NGUYỄN THỊ ÁNH	SƯƠNG	19/12/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9099	2007206443	NGUYỄN Ý ĐỒNG	TÂM	27/10/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9100	2007206424	NGUYỄN HỮU NGỌC	THẢO	16/09/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,31	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9101	2007202252	NGUYỄN HOÀI ANH	THI	24/07/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,04	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
9102	2007202275	TRẦN THỊ MỸ	THUỖN G	21/09/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9103	2007200315	ĐẶNG THỊ MỸ	TIỀN	12/05/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9104	2007202304	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	12/02/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,39	80	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9105	2007202338	TRẦN KHẢI	VÂN	08/07/2001	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,16	70	Khá	40%	13.090.000	5.236.000	
9106	2007202341	NGUYỄN NGỌC THÚY	VI	04/11/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9107	2007206465	PHÙNG NGỌC LÊ	VY	10/10/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9108	2007202349	VÕ THẢO	VY	04/08/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,96	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9109	2007206434	PHẠM HẢI	YẾN	05/04/2002	Lớp 11DHKT7	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,2	70	Khá	40%	13.694.000	5.477.600	
9110	2007202008	ĐẶNG THỊ THÚY	AN	17/12/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9111	2007202025	TRẦN THỊ	DIỄM	25/10/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,21	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
9112	2007206374	TRẦN THỊ	DUNG	25/06/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	96	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9113	2007202045	VÕ THỊ KIM	DUYÊN	02/11/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9114	2007204005	DUỖNG THỊ NGỌC	HƯỚNG	01/03/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9115	2007202082	TRẦN THỊ THU	HƯỚNG	18/10/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,18	70	Khá	40%	12.034.000	4.813.600	
9116	2007202083	PHẠM THỊ MỸ	HUYỀN	13/09/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9117	2007202098	ĐỖ THỊ NGỌC	LIÊN	11/01/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,21	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9118	2007202114	VÕ THÙY	LINH	31/12/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,52	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9119	2007206304	PHẠM ĐỖ HUYỀN	MI	12/01/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9120	2007206351	LÊ MINH	NGUYỆT	12/08/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,28	70	Khá	40%	10.910.000	4.364.000	
9121	2007206332	LÊ THỊ YẾN	NHI	26/03/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9122	2007202192	NGUYỄN THỊ TÚ	NHI	22/06/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,98	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9123	2007202200	PHAN THỊ QUỲNH	NHU	19/11/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,53	70	Khá	40%	13.152.000	5.260.800	
9124	2007202202	VÕ THỊ THÚY	NHU	22/01/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,43	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9125	2007206345	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	NHUNG	02/01/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,68	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9126	2007206375	PHẠM THUY QUỲNH	PHUỖN G	25/10/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,87	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9127	2007206393	DƯƠNG THỊ BÍCH	PHUỖN G	08/03/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9128	2007206383	VÕ THỊ KIM	QUYỀN	29/05/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,07	80	Giỏi	60%	11.520.000	6.912.000	
9129	2007206370	NGUYỄN THỊ BÍCH	THẢO	20/10/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9130	2007202240	PHẠM THỊ HIẾU	THẢO	25/10/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,54	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9131	2007202279	PHẠM THỊ THU	THỦY	15/08/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9132	2007206372	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	07/07/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9133	2007202328	MAI THỊ ÁNH	TUYẾT	24/04/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,74	75	Khá	40%	11.436.000	4.574.400	
9134	2007206309	NGUYỄN KIỀU	UYÊN	27/02/2002	Lớp 11DHKT8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,03	95	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9135	2007206229	NGUYỄN HẢI	AN	17/11/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,64	88	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9136	2007206290	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	28/05/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,11	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9137	2007206264	TRẦN THỊ KIM	CÚC	26/12/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,65	90	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9138	2007200596	NGUYỄN THỊ	DIỄM	30/07/2000	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,92	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9139	2007202061	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẰNG	11/01/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9140	2007202063	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	14/10/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9141	2007202066	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	15/12/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,56	87	Khá	40%	13.210.000	5.284.000	
9142	2007206244	NGUYỄN THỊ THANH	HOA	10/12/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,23	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9143	2007202078	PHẠM THU	HỒNG	24/07/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9144	2007202116	NGÔ THỊ NGỌC	LINH	18/03/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9145	2007202106	PHAN THỊ MỸ	LINH	24/07/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,36	70	Khá	40%	11.520.000	4.608.000	
9146	2007203015	NGUYỄN DƯƠNG XUÂN	LỘC	07/08/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9147	2007202136	LÊ THỊ HỒNG	MINH	19/11/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9148	2007202138	NGUYỄN TIÊU	MY	18/04/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9149	2007200577	LÊ THỊ ÁNH	NGA	11/01/2001	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,74	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9150	2007202152	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	10/08/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9151	2007200211	HUỖNH ĐIỀU KIM	NGỌC	05/08/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9152	2007206251	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGUYỆT	12/09/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9153	2007202186	TRẦN THỊ	NHI	03/04/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9154	2007200320	LÂM MINH	NHƯ	01/07/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,44	70	Khá	40%	12.964.000	5.185.600	
9155	2007202195	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	NHƯ	19/10/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9156	2007206289	CAO HỒNG	NHUNG	19/11/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9157	2007202211	NGUYỄN BÙI KHÁNH	PHÚC	02/10/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,27	81	Khá	40%	11.805.000	4.722.000	
9158	2007200608	TRẦN QUỐC	SANG	09/09/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9159	2007202233	TRẦN THỊ	SANG	02/05/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9160	2007202247	TRẦN THANH	THẢO	05/03/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,53	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9161	2007200124	LÊ ĐIỂM	THÙY	19/09/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,99	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9162	2007203074	HUỖNH NGỌC CẨM	TIỀN	23/09/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,76	70	Khá	40%	11.845.000	4.738.000	
9163	2007202297	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	18/09/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9164	2007206242	VÕ THỊ PHƯƠNG	TRÚC	21/02/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9165	2007206297	VÕ THUY THANH	TUYỀN	27/05/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,99	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9166	2007202329	ĐOÀN NỮ MỸ	UYÊN	22/07/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9167	2007202337	LÊ HỒNG	VÂN	17/10/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,67	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9168	2007206266	NGÔ THỊ THANH	VÂN	17/10/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,03	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9169	2007200455	HỒ THỊ MỸ	VI	14/06/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9170	2007202350	ĐẶNG THỊ	XOAN	02/06/2002	Lớp 11DHKT9	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9171	2023200108	PHẠM NGUYỄN THUẬN	AN	28/04/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,08	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9172	2023206033	LÊ HOÀNG MAI	ANH	22/05/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,95	94	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9173	2023200252	NGUYỄN TUYẾT	ANH	20/10/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,46	84	Giỏi	60%	12.590.000	7.554.000	
9174	2023200229	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	06/05/2001	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,13	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9175	2023200376	LÊ TRẦN KIM	CHI	26/12/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9176	2023206100	LỘ THỊ CẨM	CHI	02/12/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9177	2023206034	TRẦN YÊN	CHI	16/08/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,88	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9178	2023200128	NGUYỄN HOÀNG	ĐẠT	28/08/2001	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9179	2023200379	NGUYỄN ANH	ĐỨC	11/08/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,44	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9180	2023205894	THẠCH QUANG	DUY	15/09/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9181	2023200053	HOÀNG THÁI	GIA	06/09/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,1	70	Khá	40%	14.035.000	5.614.000	
9182	2023200014	MAI THANH	HUY	06/04/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,7	94	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9183	2023200364	PHẠM HUỖNH ĐẮC	KUN	18/04/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9184	2023200161	ĐOÀN THÙY	LINH	23/09/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9185	2023200351	LÊ THỊ MỸ	LINH	09/12/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,11	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9186	2023204741	TRẦN ĐẮC	LĨNH	31/05/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9187	2023200045	BÙI THỊ KIM	NGÂN	08/04/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9188	2023200447	HÀ THỊ KIM	NGỌC	08/08/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9189	2023200453	NGUYỄN	NHƯ	12/12/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9190	2023206022	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	03/09/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9191	2023200074	TRẦN KHÁNH	NHỰT	23/02/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9192	2023200325	VÔ THỊ MY	NƠ	15/04/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9193	2023200107	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	25/03/2001	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9194	2023200190	NGUYỄN MINH	THIÊN	16/02/2001	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9195	2023200156	NGÔ THỊ HUYỀN	THƠ	22/05/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9196	2023206006	TRẦN NGUYỄN MINH	THU	09/10/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9197	2023200007	VĂN CÔNG	TRỌNG	08/03/2001	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9198	2023200054	LÊ QUANG	VINH	20/08/2001	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,09	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9199	2023200129	NGUYỄN VĂN QUANG	VŨ	16/12/2001	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9200	2023200391	NGUYỄN THÚY	VY	07/03/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,05	70	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
9201	2023202165	TRƯƠNG GIA	VY	11/12/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9202	2023200030	VƯƠNG NHÃ	VY	29/05/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,57	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9203	2023200138	TRẦN THỊ HỒNG	XUYẾN	25/10/2002	Lớp 11DHNH1	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,78	88	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9204	2023200250	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	20/06/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9205	2023200080	TRƯƠNG QUỐC	BẢO	17/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9206	2023200374	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	19/02/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,5	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9207	2023200027	BÙI THỊ THỦY	DUYÊN	27/03/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9208	2023200361	TRẦN THANH MẪN	DUYÊN	16/09/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,24	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9209	2023206015	TRƯƠNG THỊ CÙNG	DUYÊN	18/04/2001	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9210	2023200058	HUỶNH THỊ NGỌC	HÂN	27/07/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,5	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9211	2023205918	ĐÌNH THỊ	HÀNG	12/02/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9212	2023206114	NGUYỄN THỊ MỸ	HÀNG	24/06/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,73	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9213	2023200440	PHẠM ĐÌNH TUẤN	HÀO	18/08/2001	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,51	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9214	2023205964	NGUYỄN THỊ MỸ	HIỀN	20/03/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9215	2023205959	CHU THỊ QUỲNH	HOA	18/09/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9216	2023200348	LÊ THỊ KIM	HỒNG	15/01/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9217	2023200065	LƯƠNG THANH	HUY	04/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9218	2023204766	ĐẶNG THU	HUYỀN	27/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9219	2023200111	ĐOÀN THỊ NGÂN	HUỲNH	27/03/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9220	2023205948	NGUYỄN DUY	LÂN	06/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9221	2023205933	CÙ THỊ TRÀ	MY	11/01/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9222	2023200029	LÊ THỊ TRÀ	MY	12/10/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,76	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9223	2023206043	THÁI THỊ HUYỀN	MY	17/05/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,28	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9224	2023200019	TRẦN NGỌC THU	NGÂN	05/09/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,57	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9225	2023200381	LÊ THỊ MỸ	NGỌC	09/03/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.451.780	3.780.712	
9226	2023200113	NGUYỄN THỊ MỸ	NHI	31/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9227	2023200360	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	29/11/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9228	2023200375	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	18/02/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9229	2023200326	TRẦN HUỖNH LÂM	NHI	06/09/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,9	70	Khá	40%	11.640.000	4.656.000	
9230	2023200341	TIỀN QUỲNH	NHU	10/09/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9231	2023205896	VÕ DUY	PHÚC	03/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,03	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9232	2023200140	VŨ DUY	TÂN	22/06/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9233	2023200516	NGUYỄN THỊ HÀ	THI	23/05/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,71	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9234	2023200311	LÊ THỊ THANH	THU	28/03/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,61	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9235	2023200387	TRẦN THANH	THUỖN G	17/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,41	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9236	2023200424	HUỖNH THỊ MỸ	TIỀN	17/11/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9237	2023200320	HUỖNH THỊ BẢO	TRÂN	23/04/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,23	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9238	2023200032	NGUYỄN HỒNG	TRANG	03/04/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,37	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9239	2023200165	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRINH	13/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9240	2023200404	NGUYỄN HOÀNG	TRÚC	20/09/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9241	2023200170	PHAN QUANG	VINH	12/09/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9242	2023200390	LÊ TRẦN THẢO	VY	16/08/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,08	70	Khá	40%	10.774.000	4.309.600	
9243	2023200329	PHẠM TƯỜNG	VY	24/06/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9244	2023200189	PHÍ TÙNG	VY	15/11/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,89	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9245	2023200018	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Ý	18/12/2002	Lớp 11DHNH2	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,05	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9246	2023202006	VÕ NGỌC	ÂN	21/06/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9247	2023200253	TRẦN HOÀNG	CẨM	21/01/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9248	2023200172	DUƠNG THÀNH	ĐẠT	24/09/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,48	91	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9249	2023202022	NGUYỄN THANH	ĐÔ	22/04/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9250	2023200368	BÙI THỊ THU	HÀ	02/11/2001	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,01	82	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9251	2023202037	HUỖNH NGUYỄN MINH	HẰNG	31/05/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9252	2023200166	ĐẶNG MỸ	HIỀN	08/07/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9253	2023200419	NGUYỄN THANH	HÓA	24/04/2000	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,79	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9254	2023206057	ĐÀO HOÀNG THANH	MỸ	09/10/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,84	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9255	2023200160	HỒ THỊ HUỖNH	NGA	15/06/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,42	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9256	2023206137	TẠ THỊ THANH	NGÀ	25/12/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9257	2023206001	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	11/10/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,45	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9258	2023206042	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	10/06/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9259	2023202073	TRẦN THỊ THU	NGÂN	09/11/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,16	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9260	2023200370	NGUYỄN HUỖNH YẾN	NHI	30/09/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,99	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9261	2023206158	NGUYỄN PHẠM MẪN	NHI	18/06/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,89	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9262	2023206172	NGUYỄN ĐỨC	PHÁT	19/10/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9263	2023205889	TẠ NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	06/06/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9264	2023200523	LÊ THANH	THẢO	17/10/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9265	2023200209	PHẠM THỊ THANH	THẢO	06/03/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,94	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9266	2023205895	LẠI VĂN	THỊNH	23/04/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9267	2023203004	TRẦN NGỌC	TIẾN	05/09/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,47	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9268	2023206178	NGUYỄN HỮU	TOÀN	25/06/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9269	2023202140	ĐẶNG THỊ BÍCH	TRÂM	25/04/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,71	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9270	2023200506	HOÀNG THUỖ	TRANG	02/03/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,77	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9271	2023200525	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	06/01/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9272	2023202152	PHAN THANH	TÙNG	01/02/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9273	2023200393	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	10/04/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,74	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9274	2023202161	TRẦN QUỐC	VŨ	01/01/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,01	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9275	2023200215	TRƯƠNG THỊ ÁI	VY	25/09/2002	Lớp 11DHNH3	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9276	2023202001	LÊ NGÔ UYÊN	AN	12/12/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9277	2023202002	NGUYỄN THÚY BÌNH	AN	15/12/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9278	2023202032	PHÙ HỒNG	GIANG	11/02/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9279	2023202050	BÙI HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	01/05/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,12	78	Khá	40%	12.234.000	4.893.600	
9280	2023202058	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊU	25/09/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9281	2023202072	CHÂU KIM	NGÂN	18/09/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9282	2023202078	CHU THỊ ÁNH	NGUYỆT	19/10/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9283	2023202077	TRẦN THỊ BÍCH	NGUYỆT	20/06/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9284	2023202088	NGUYỄN TÂM	NHU	22/12/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9285	2023202116	NGUYỄN HỮU	TÀI	28/10/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9286	2023205914	NGUYỄN THU	THẢO	18/09/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,16	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9287	2023202131	NGUYỄN THỊ HOÀI	THUỖN G	19/10/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9288	2023206053	VĂN NGỌC MINH	THÙY	08/12/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,04	70	Khá	40%	13.610.000	5.444.000	
9289	2023206072	HỒ THỦY	TIỀN	03/03/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9290	2023202143	MAI THỊ HUYỀN	TRÂN	17/10/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9291	2023206008	VŨ THUY THUY	TRANG	22/09/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9292	2023202154	ĐẶNG THỊ THANH	TUYẾN	28/06/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9293	2023206120	NGUYỄN LÊ NGỌC	TUYẾN	19/11/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,48	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9294	2023206132	NGUYỄN LÊ THU	VÂN	01/09/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,26	69	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9295	2023206145	TRẦN THỊ BÍCH	VÂN	17/06/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9296	2023202162	HỒ TUỜNG	VY	08/09/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9297	2023206031	LÊ THỊ HẢI	YẾN	28/04/2002	Lớp 11DHNH4	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,22	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9298	2023202003	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	12/04/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9299	2023202007	LÊ QUỲNH	ANH	01/09/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9300	2023205949	PHẠM NGỌC	ĐẠI	19/09/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9301	2023206028	NGUYỄN MẠNH	ĐÌNH	09/03/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9302	2023200436	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	20/08/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9303	2023200347	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DUYÊN	17/10/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9304	2023205989	PHẠM KIỀU	GIANG	08/01/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9305	2023205922	ĐOÀN THỊ THU	HÀ	15/01/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,92	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9306	2023200456	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	16/09/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9307	2023202036	ĐẶNG NGỌC	HÂN	23/07/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,76	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9308	2023205947	NGUYỄN LÊ BẢO	HÂN	12/05/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9309	2023202041	NGUYỄN VĂN DIỆU	HIỀN	28/09/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9310	2023202042	NGÔ THỊ KHÁNH	HIỆP	26/12/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9311	2023205912	LÊ THỊ	HÒA	04/08/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9312	2023206014	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	18/01/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,27	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9313	2023203022	LÊ ĐỨC	HUY	30/03/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,24	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9314	2023202053	NGUYỄN THỊ MINH	KHUYÊ N	19/07/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,33	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9315	2023202060	TRẦN LÊ THÙY	LINH	13/04/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,27	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9316	2023200511	HOÀNG THỊ XUÂN	MAI	01/02/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,68	70	Khá	40%	11.150.000	4.460.000	
9317	2023200063	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	15/05/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9318	2023205923	LÝ KIM	NGỌC	28/12/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,15	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9319	2023200323	ĐỖ THỊ KIM	NHI	18/11/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9320	2023202084	TRẦN NGỌC TUYẾT	NHI	22/12/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,56	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9321	2023200175	LÂM THỊ LONG	NỮ	06/04/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9322	2023202093	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	23/12/2001	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,79	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9323	2023203026	PHAN HOÀI	PHONG	19/05/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9324	2023202097	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	22/04/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9325	2023202103	PHẠM LÂM BÍCH	PHUỖN G	02/05/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,43	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9326	2023202108	PHẠM NHƯ	QUỖNH	17/12/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,85	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9327	2023202109	TRẦN THÚY	QUỖNH	28/02/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9328	2023202114	NGUYỄN THỊ TRÚC	TÀI	20/04/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,35	70	Khá	40%	12.150.000	4.860.000	
9329	2023203021	LÂM HUỖNH MINH	THƯ	26/08/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,87	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9330	2023203043	NGÔ NGUYỄN THANH	TRÂN	31/10/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9331	2023202149	NGÔ THANH	TRÚC	14/09/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9332	2023202157	LƯƠNG THỊ HƯƠNG	UYÊN	27/11/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9333	2023205934	NGÔ HOÀI ÁNH	VY	25/08/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,62	70	Khá	40%	13.064.000	5.225.600	
9334	2023202178	VÕ HOÀNG	YẾN	23/12/2002	Lớp 11DHNH5	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9335	2023202017	NGUYỄN NGỌC	CHÂN	25/07/2001	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9336	2023202025	HUỖNH THỊ NGỌC	DUNG	01/04/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9337	2023202028	TRƯƠNG THỊ MỸ	DUYÊN	05/01/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9338	2023200043	DIỆP MỸ	HOÀI	04/10/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,25	70	Khá	40%	12.286.000	4.914.400	
9339	2023205890	PHAN PHI	HÙNG	23/02/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,07	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9340	2023206038	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	08/03/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,47	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9341	2023206077	VÕ LÊ THỊ THU	HUỖNG	19/08/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,76	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9342	2023206227	ĐOÀN NGUYỄN GIA	HUY	12/09/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9343	2023205983	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	25/02/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9344	2023206167	TRẦN MINH	KHÔI	25/01/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9345	2023206078	ĐÌNH THỊ MỸ	KIM	30/06/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9346	2023205910	NGUYỄN ĐẶNG THIÊN	KIM	04/12/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,65	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9347	2023205963	LÊ THỊ	LỆ	06/07/2001	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9348	2023206188	LÊ THỊ	LIÊU	25/02/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,9	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9349	2023204358	LÊ NGUYỄN TRÚC	LINH	29/07/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,27	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9350	2023202067	NGUYỄN ĐẶNG NHU	MY	12/08/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9351	2023206139	LÝ NGỌC THẢO	NGÂN	21/10/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,05	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
9352	2023206040	BÙI KHẢ	NGHI	18/11/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,2	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9353	2023205900	NGÔ THỊ KIỀU	NGỌC	30/04/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9354	2023206104	NGUYỄN MẠNH TRUNG	NGUYỄN	03/03/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,13	81	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9355	2023206004	LÂM HUỖNH	NHƯ	19/09/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,46	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9356	2023206148	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	06/10/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,03	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9357	2023206200	TRẦN NGỌC	NHƯ	05/11/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9358	2023203036	ĐỖ NHƯ	QUỲNH	01/01/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,21	80	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9359	2023202107	LÊ DIỄM	QUỲNH	13/11/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,47	75	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9360	2023203012	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	07/07/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,38	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9361	2023202141	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	16/11/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,4	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9362	2023206226	ĐẶNG TRẦN	VĂN	17/08/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,97	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9363	2023202172	LÂM NGỌC NHƯ	Ý	08/09/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9364	2023205966	PHẠM THỊ NHƯ	Ý	12/08/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,58	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9365	2023203035	NGUYỄN THỊ TIÊU	YẾN	03/04/2002	Lớp 11DHNH6	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,51	82	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9366	2023206204	TRẦN NGUYỄN THIÊN	ÂN	26/08/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,67	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9367	2023206066	HOÀNG VÂN	ANH	27/06/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9368	2023205913	NGUYỄN THỊ KIM	ÁNH	04/10/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,95	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9369	2023206003	ĐỖ THỊ MINH	CHÂU	02/04/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,46	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9370	2023205924	LÊ THỊ QUỲNH	GIAO	16/01/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,39	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9371	2023206012	PHẠM THỊ	HÀNG	03/04/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,9	70	Khá	40%	11.340.000	4.536.000	
9372	2023205943	PHAN NGUYỄN NHƯ	HÀNG	28/10/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,69	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9373	2029204700	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	14/09/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,06	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9374	2023206087	ĐẶNG MINH	HIỆP	22/01/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9375	2023205907	HUỖNH HOÀNG	HUY	23/10/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9376	2023206111	PHAN THỊ THU	HUYỀN	11/01/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,21	90	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9377	2023206036	NGUYỄN THỊ	KIỀU	16/05/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,25	77	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9378	2023206208	DƯƠNG THỊ MAI	LINH	28/09/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,8	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9379	2023206086	TRẦN BÍCH	LOAN	08/11/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,68	149	Khá	40%	12.222.000	4.888.800	
9380	2023206220	NGUYỄN VĂN	LUẬN	22/04/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,21	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9381	2023206155	NGUYỄN THỊ	LUYỄN	03/01/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9382	2023206051	DƯƠNG THỊ NGỌC	MAI	20/12/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9383	2023205904	PHAN NHẬT	MAI	26/10/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9384	2023206039	TRƯƠNG HUỆ	MẮN	18/04/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,61	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9385	2023205972	PHÚ NỮ HOÀNG	NA	09/08/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,72	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9386	2023205962	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	10/12/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,51	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9387	2023206099	PHẠM THỊ	NGHĨA	29/07/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,14	70	Khá	40%	12.439.000	4.975.600	
9388	2023206171	VŨ NGỌC	NGOAN	15/07/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9389	2023205998	NGUYỄN KIM	NGỌC	14/09/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,37	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9390	2023205975	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	14/01/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9391	2023205971	SƠN HUỖNH	NHI	31/07/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,3	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9392	2023205995	VÕ THỊ YẾN	NHI	08/03/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,04	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9393	2023206164	ĐẶNG THỊ HUỖNH	NHƯ	29/07/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9394	2023206151	NGÔ CẨM	NHUNG	28/12/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,63	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9395	2023206190	SA LY	PHI	30/05/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9396	2023206016	LÊ THỊ TUYẾT	SƯƠNG	19/10/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,26	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9397	2023206186	PHẠM ĐÔNG	THÀNH	28/04/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,45	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9398	2023206122	HỒ THỊ	THUẬN	27/03/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9399	2023206107	PHAN THỊ MỸ	THUẬN	28/04/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,87	78	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9400	2023206130	NGUYỄN THANH	TOÀN	20/05/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9401	2023205985	NGUYỄN HOÀNG THU	TRANG	15/10/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,07	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9402	2023205898	VÕ THỊ NGỌC	TRINH	28/06/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,09	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9403	2023206209	PHẠM HỒ THIÊN	TRÚC	28/07/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,81	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9404	2023206025	VŨ NHẬT	TRƯỜNG	06/10/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9405	2023206216	PHẠM THANH	VÂN	07/11/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,15	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9406	2023206138	HUỲNH THỊ THUÝ	VI	01/09/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,13	84	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9407	2023206199	LẠI HƯƠNG	VY	24/11/2002	Lớp 11DHNH7	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,14	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9408	2023205990	VÕ VĂN	BÌNH	14/05/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,13	106	Giỏi	60%	11.805.000	7.083.000	
9409	2023202021	CAO THỊ	DIỄM	06/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	79	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9410	2023200308	NGUYỄN THỊ THÙY	DIỄM	11/01/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9411	2023202033	PHẠM NGUYỄN TRÚC	GIANG	11/02/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9412	2023205928	NGUYỄN THỊ MINH	HẬU	09/06/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9413	2023206185	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	27/07/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,73	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9414	2023202040	LÊ ĐÌNH THU	HIỀN	17/03/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,23	79	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9415	2023205931	NGUYỄN THỊ HUỲNH	HOANH	01/11/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,53	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9416	2023206019	PHÙNG NHẬT	HỒNG	24/08/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,13	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
9417	2023200324	LÊ HỮU	HÙNG	01/01/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,84	120	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9418	2023206027	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯỜNG	20/08/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,83	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9419	2023205936	PHẠM NGỌC	HUYỀN	06/06/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,32	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
9420	2023206085	QUẢNG NHƯ	HUỲNH	05/11/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,17	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9421	2023205969	DƯƠNG MINH	KHÔI	11/08/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,84	101	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9422	2023205935	LÊ THỊ	KIỀU	06/04/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,12	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9423	2023206030	THÁI NGỌC	LAN	14/11/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,44	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9424	2023206217	DƯƠNG BẠCH	LÊ	13/06/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,34	70	Khá	40%	10.710.000	4.284.000	
9425	2023205982	LÊ THỊ MỸ	LỆ	19/05/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,39	92	Giỏi	60%	11.624.000	6.974.400	
9426	2023200401	HOÀNG THỊ MỸ	LINH	15/09/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,01	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9427	2023200049	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	20/07/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,34	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9428	2023200451	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	15/06/2001	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9429	2023200077	NGUYỄN THÙY NGỌC	LINH	20/04/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,41	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9430	2023205901	LÊ ĐỨC	LỘC	09/02/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,51	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9431	2023206065	TRỊNH HOÀNG	LONG	21/09/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,18	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9432	2023202064	NGUYỄN THỊ	LY	03/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9433	2023205926	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	24/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,68	112	Giỏi	60%	11.845.000	7.107.000	
9434	2023200552	VŨ LÊ THU	NGÂN	12/12/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,46	70	Khá	40%	10.890.000	4.356.000	
9435	2023206056	PHẠM GIA	NGHI	27/02/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,37	70	Khá	40%	9.451.800	3.780.720	
9436	2023205893	TRẦN NGUYỄN TRÚC	NHÀN	03/03/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,07	86	Giỏi	60%	10.962.000	6.577.200	
9437	2023206131	PHẠM YẾN	NHI	26/08/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,12	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9438	2023205917	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHU	13/05/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,49	86	Giỏi	60%	9.962.400	5.977.440	
9439	2023206218	LÊ HỒNG	NHUNG	22/09/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,31	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9440	2023205973	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	17/07/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,29	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9441	2023200318	MAI THỊ XUÂN	SANG	28/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,47	102	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9442	2023202112	TRẦN HỮU	SON	05/03/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,76	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9443	2023200322	PHAN DUY	TÂN	10/01/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,1	152	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9444	2023205953	HOÀNG THỊ	THẢO	27/01/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,12	86	Giỏi	60%	9.450.000	5.670.000	
9445	2023200409	LÊ THANH	THẢO	09/12/2001	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,13	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9446	2023205950	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	07/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9447	2023205942	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	21/05/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,25	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9448	2023206165	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	05/09/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9449	2023206201	TRẦN QUỐC	THIỆN	19/11/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,4	87	Giỏi	60%	11.805.000	7.083.000	
9450	2023200373	NGUYỄN NGỌC YẾN	THƯ	27/07/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,66	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9451	2023206011	PHẠM NGỌC MINH	THƯ	24/05/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,91	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9452	2023206223	TRỊNH MINH	THƯ	10/06/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,4	70	Khá	40%	11.624.000	4.649.600	
9453	2023205981	HUỖNH THỊ XUÂN	THUYỀN	16/02/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,43	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9454	2023205919	NGÔ NGUYỄN MAI	THY	20/03/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9455	2023205967	ĐINH THỊ	TRÂM	09/03/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,72	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9456	2023205991	LÊ THỊ NGỌC	TRANG	08/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,49	70	Khá	40%	9.451.800	3.780.720	
9457	2023206146	NGUYỄN THỊ THUỖ	TRANG	25/02/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9458	2023200343	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	04/03/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,93	70	Khá	40%	10.962.000	4.384.800	
9459	2023202148	HUỖNH ĐỨC	TRỌNG	15/07/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,15	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9460	2023200385	VÕ THỊ CẨM	TÚ	10/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,35	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9461	2023200136	NGUYỄN HỮU	TƯỜNG	30/01/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,56	74	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9462	2023206156	BÙI THỊ	TUYẾT	10/02/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,15	86	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9463	2023200377	TRẦN THỤY Y	VÂN	23/04/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,2	76	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9464	2023200319	ĐÀO THỊ TƯỜNG	VI	13/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,7	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9465	2023205984	TRẦN THANH	XUÂN	20/10/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9466	2023200357	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	13/07/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,64	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9467	2023206144	TRẦN THỊ KIM	YẾN	10/06/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,19	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9468	2023205992	TỪ NGUYỄN KIM	YẾN	17/12/2002	Lớp 11DHNH8	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	9.450.000	3.780.000	
9469	2007214584	Lê Thị Lan	Anh	11/06/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,27	106	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9470	2007214590	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	05/01/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,45	90	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9471	2007214610	Trần Thị	Diệu	30/07/2002	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,69	116	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9472	2007214669	Trần Thị Phúc	Hậu	19/03/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,77	74	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9473	2007214675	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/10/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,42	98	Giỏi	60%	13.518.000	8.110.800	
9474	2007214693	Thái Thị Ngọc	Huyền	16/07/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,08	88	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9475	2007214731	Hồ Thị Mai Thanh	Loan	12/12/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,26	86	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9476	2007214743	Nguyễn Thị Hà	Mi	15/03/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,49	87	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9477	2007214780	Lê Thị Bích	Ngọc	15/07/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,66	84	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9478	2007212231	Nguyễn Thị Thủy	Nguyên	08/09/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,25	102	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9479	2007214802	Huỳnh Yến	Nhi	15/10/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,5	114	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9480	2007214808	Trắc Thị Yến	Nhi	02/01/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,2	80	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9481	2007214812	Trần Phạm Ý	Nhi	07/04/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,82	110	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9482	2007214826	Nguyễn Đặng Quỳnh	Như	11/11/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,27	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9483	2007210847	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	22/03/2001	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,34	80	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9484	2007214838	Ngô Tấn	Phát	23/09/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,34	82	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9485	2007210054	Phan Võ Quốc	Quy	17/12/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,68	82	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9486	2007214917	Trần Anh	Thư	16/05/2003	Lớp 12DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,64	98	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9487	2007210259	Huỳnh Thị Kim	Chi	17/06/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,11	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9488	2007210706	Nguyễn Thị Anh	Đào	09/02/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,83	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9489	2007210809	Lê Thị Ngọc	Dung	30/11/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,18	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9490	2007210190	Đoàn Thanh	Hiền	24/11/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,19	93	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9491	2007210277	Lâm Thanh	Hiền	06/08/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,34	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
9492	2007210154	Nguyễn Duy	Hoàng	06/06/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,03	82	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9493	2007210722	Đàm Thị Mộng	Kiều	25/12/2002	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,73	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9494	2007210085	Đặng Hải	Linh	26/09/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,34	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9495	2007210459	Nguyễn Thị Thu	Ngân	12/03/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,06	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9496	2007210323	Diệp Thị Hồng	Thắm	27/10/2003	Lớp 12DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,56	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9497	2007210432	Nguyễn Việt	Khôi	12/06/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,5	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9498	2007210866	Phan Thị Thúy	Kiều	16/05/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,63	77	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9499	2007210519	Nguyễn Kim	Ngân	23/10/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,78	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9500	2007210694	Võ Thị Kim	Ngân	01/09/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,95	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9501	2007210398	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	04/05/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,73	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9502	2007210581	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	27/08/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,43	75	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9503	2007210624	Đỗ Phan Anh	Tài	14/04/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,54	85	Giỏi	60%	11.532.000	6.919.200	
9504	2007210698	Lê Thị Huyền	Trang	02/07/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,89	70	Khá	40%	15.575.000	6.230.000	
9505	2007210162	Trần Thị Phương	Uyên	22/01/2003	Lớp 12DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,5	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9506	2007210553	Hà Lê Cẩm	Chi	19/07/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,49	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9507	2007210677	Lê Thị Mai	Cơ	24/10/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,58	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9508	2007210836	Nguyễn Thị Hồng	Hà	19/06/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,63	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9509	2007210716	Phan Thị	Hạnh	21/11/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,87	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9510	2007214692	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	11/06/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,99	91	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9511	2007214710	Lê Thị Diễm	Kiều	12/08/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,33	70	Khá	40%	12.210.000	4.884.000	
9512	2007214718	Lê Thị Tú	Linh	16/09/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,83	84	Khá	40%	14.588.000	5.835.200	
9513	2007210936	Mai Thị Mỹ	Linh	22/01/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,16	70	Khá	40%	16.354.000	6.541.600	
9514	2007210773	Nguyễn Thị	Mơ	08/03/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,46	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
9515	2007210064	Lê Nguyễn Thái	Ngân	31/05/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,33	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9516	2007210195	Phạm Thị Yến	Nhi	06/12/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,23	70	Khá	40%	13.534.000	5.413.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9517	2007210863	Trương Thị Yến	Nhi	17/04/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,52	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9518	2007210674	Võ Nguyễn Yến	Nhi	12/09/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,66	95	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9519	2007210989	Hồ Thị Thúy	Quỳnh	22/03/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,22	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9520	2007210317	Trịnh Phương	Thanh	16/05/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,09	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9521	2013210579	Vũ Thị Thu	Thảo	02/01/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,87	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9522	2007210991	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	27/10/2003	Lớp 12DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,15	94	Giỏi	60%	16.101.000	9.660.600	
9523	2007210704	Nguyễn Kim	Chi	23/05/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,16	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9524	2007210849	Phạm Lê Trà	Giang	25/11/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,91	76	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9525	2007211035	Huỳnh Lê Sông	Hương	23/12/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,36	70	Khá	40%	13.910.000	5.564.000	
9526	2007214726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	05/01/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,41	78	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9527	2007214745	Nguyễn Hoàng Quế	Minh	14/12/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,33	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9528	2007210133	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/04/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,33	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9529	2007210938	Trang Song	Nghi	23/04/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,93	70	Khá	40%	14.384.000	5.753.600	
9530	2007210517	Đoàn Nguyễn Yến	Nhi	30/06/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,62	72	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9531	2007210672	Đoàn Thị Huỳnh	Như	19/12/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,43	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9532	2007210295	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	24/06/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,61	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9533	2007210956	Đoàn Thị Kim	Phượng	01/11/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,79	70	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9534	2007210603	Nguyễn Ngọc Như	Tâm	06/05/2002	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,25	70	Khá	40%	16.049.000	6.419.600	
9535	2007210844	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	04/09/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,05	90	Giỏi	60%	15.183.000	9.109.800	
9536	2007210641	Đoàn Thị Bích	Trâm	28/10/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,65	72	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9537	2007210296	Trịnh Mỹ	Trân	10/10/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,6	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9538	2007211040	Nguyễn Thị Thúy	Vân	05/04/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,46	70	Khá	40%	14.384.000	5.753.600	
9539	2007210818	Võ Hoàng Nhật	Vy	19/05/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,33	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9540	2007210763	Hà Thị Như	Ý	30/11/2003	Lớp 12DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,13	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9541	2007210434	Lê Hà Mỹ	Duyên	18/02/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,23	76	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
9542	2007210788	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/12/1997	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,75	88	Giỏi	60%	13.454.000	8.072.400	
9543	2007210537	Huỳnh Trúc	Ly	22/04/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,5	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
9544	2007214759	Võ Lương Kim	Nga	25/10/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,78	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9545	2007214760	Châu Ngọc	Ngân	18/11/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,96	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9546	2007210416	Trương Thị Hồng	Nhàn	05/03/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,6	70	Khá	40%	15.800.000	6.320.000	
9547	2007210787	Nguyễn Thị Tuyết	Như	03/06/2001	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	9,26	89	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9548	2007210578	Trương Thị Ánh	Như	15/08/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,36	70	Khá	40%	13.654.000	5.461.600	
9549	2007210255	Dương Thị Bảo	Trân	31/10/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,75	70	Khá	40%	13.910.000	5.564.000	
9550	2007210562	Thân Ngọc Bảo	Trân	28/11/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,94	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9551	2007211013	Trần Thị Huyền	Trần	06/11/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,88	70	Khá	40%	14.384.000	5.753.600	
9552	2007210446	Nguyễn Thị Xuân	Trang	04/01/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,31	76	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
9553	2007210670	Bùi Nguyễn Ánh	Vân	19/12/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,91	78	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9554	2007210121	Lê Ngọc Khánh	Vân	24/07/2003	Lớp 12DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,51	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9555	2007210855	Huỳnh Nguyễn Trọng	Anh	06/08/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,41	88	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9556	2007214618	Võ Nguyễn Hoàng	Dung	29/12/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,53	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9557	2007214674	Nguyễn Thị Thu	Hiền	26/10/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,13	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9558	2007210993	Dương Thị Thùy	Linh	03/06/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,89	88	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9559	2007214739	Huỳnh Xuân	Mai	08/07/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,38	70	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
9560	2007214814	Trần Thị Ý	Nhi	12/03/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,03	70	Khá	40%	14.589.000	5.835.600	
9561	2007214809	Triệu Lê Thảo	Nhi	11/10/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,72	70	Khá	40%	13.875.000	5.550.000	
9562	2007214816	Văn Hồng Thảo	Nhi	13/12/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,31	100	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9563	2007214847	Nguyễn Thị Hoài	Phương	22/07/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,25	92	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
9564	2007210750	Võ Thị Cẩm	Quyên	22/09/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,1	70	Khá	40%	13.654.000	5.461.600	
9565	2007214869	Lê Thành	Tài	23/12/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,56	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
9566	2007211531	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	08/11/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,27	70	Khá	40%	13.722.000	5.488.800	
9567	2007211002	Nguyễn Thúy	Vy	17/12/2003	Lớp 12DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,42	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9568	2007214632	Đỗ Thị Anh	Đào	25/03/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,19	78	Khá	40%	15.896.000	6.358.400	
9569	2007214644	Trần Thị Trà	Giang	03/12/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,29	77	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9570	2007214651	Phan Thị Mỹ	Hạnh	20/04/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,97	80	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9571	2007214695	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	13/11/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	17	9,31	96	Xuất sắc	100%	12.194.000	12.194.000	
9572	2007214722	Ngô Thị Bảo	Linh	19/02/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,16	107	Xuất sắc	100%	11.720.000	11.720.000	
9573	2007210049	Mai Thị Ánh	Ngân	04/12/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,04	78	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9574	2007214770	Nguyễn Phạm Thanh	Ngân	17/04/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,05	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9575	2007214778	Bùi Thị Hiền	Ngoan	15/09/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,86	86	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9576	2007214786	Phạm Thị Hồng	Ngọc	24/04/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,62	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9577	2007214804	Nguyễn Ngô Đồng	Nhi	05/09/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,08	81	Giỏi	60%	15.896.000	9.537.600	
9578	2007214849	Nguyễn Thị Thu	Phương	10/08/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,48	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9579	2007214850	Lê Thị Kim	Phượng	16/08/2002	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	18	9,2	109	Xuất sắc	100%	13.232.000	13.232.000	
9580	2007214851	Nguyễn Thị	Phượng	11/06/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,48	108	Giỏi	60%	11.532.000	6.919.200	
9581	2007214854	Đỗ Diễm	Quyên	18/01/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,62	86	Giỏi	60%	15.896.000	9.537.600	
9582	2007214867	Lê Nguyễn	Sang	31/12/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,09	82	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9583	2007210680	Đổng Thị Xuân	Thắm	27/11/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,03	70	Khá	40%	16.883.000	6.753.200	
9584	2007214893	Ôn Mộng	Thi	09/11/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,64	80	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9585	2007214897	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	21/06/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,61	90	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9586	2007214929	Mai Thị Thùy	Trang	13/12/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,63	70	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
9587	2007214930	Nguyễn Thị Minh	Trang	29/06/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,78	76	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9588	2007214943	Lê Nguyễn Tố	Trinh	07/12/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,89	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9589	2007214969	Nguyễn Thị Tường	Vy	14/08/2003	Lớp 12DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,6	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9590	2007214608	Huỳnh Thị Thanh	Diễm	02/10/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,71	75	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9591	2007214624	Đinh Thị Mỹ	Duyên	02/08/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,76	80	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9592	2007214650	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	12/11/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	9,16	98	Xuất sắc	100%	12.194.000	12.194.000	
9593	2007210286	Nguyễn Thị Thu	Liên	20/11/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,5	70	Khá	40%	13.060.000	5.224.000	
9594	2007214723	Nguyễn Thị Huyền	Linh	22/08/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,54	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9595	2007210797	Lê Phạm Thị Tuyết	Ngân	19/01/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,51	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9596	2007214774	Võ Thị Thanh	Ngân	17/11/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,66	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9597	2007210887	Lâm Hoàng Xuân	Nghi	13/03/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,63	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9598	2007214787	Trần Hoài	Ngọc	11/09/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,91	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9599	2007214800	Bùi Thị Trúc	Nhi	21/05/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,79	70	Khá	40%	14.549.000	5.819.600	
9600	2007214866	Nguyễn Ngọc Kim	Sa	22/03/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,37	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9601	2007214873	Trần Hoàng Minh	Tâm	08/07/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,68	84	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9602	2007214879	Hồng Phương	Thảo	27/11/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,75	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9603	2007214895	Võ Lê Ngọc	Thịnh	05/11/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,25	86	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9604	2007214945	Nguyễn Thị Nguyệt	Trinh	05/01/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,54	84	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9605	2007214982	Hoàng Thị Kim	Yến	11/11/2003	Lớp 12DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,7	80	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9606	2007214591	Nguyễn Thúy	Anh	04/08/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,04	85	Giỏi	60%	14.966.000	8.979.600	
9607	2007214600	Lương Minh	Châu	13/11/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,05	75	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9608	2007214637	Thái Thị Kim	Điền	19/09/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	9,46	92	Xuất sắc	100%	15.030.000	15.030.000	
9609	2007214630	Đỗ Thị Thùy	Dương	22/03/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,02	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
9610	2007211032	Lê Thị Hương	Hạ	18/10/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,98	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9611	2007214661	Nguyễn Ngọc	Hân	09/10/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,22	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9612	2007214652	Phan Thị Mỹ	Hạnh	07/11/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,39	94	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9613	2007210612	Hồ Như	Hào	13/11/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,25	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9614	2007214676	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	10/12/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,94	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9615	2007214679	Đào Ngô Hồng	Hiếu	05/09/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,55	81	Giỏi	60%	13.044.000	7.826.400	
9616	2007214691	Tô Hoàng	Huy	07/11/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,12	70	Khá	40%	14.572.000	5.828.800	
9617	2007214730	Bùi Kim	Loan	13/09/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,65	94	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9618	2007211026	Nguyễn Thị	Lý	18/09/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,49	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9619	2007214763	Huỳnh Nguyễn Thanh	Ngân	12/01/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,84	88	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9620	2007214775	Trần Thị Mộng	Nghi	03/06/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,64	92	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9621	2007214806	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	06/08/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,97	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9622	2007214836	Hoàng Thị Kim	Oanh	09/10/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,48	88	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9623	2007214840	Lê Thị	Phấn	21/02/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,34	79	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9624	2007214855	Nguyễn Lê Ngọc	Quyên	18/08/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,94	88	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9625	2007214884	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/08/2002	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,43	74	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9626	2007214890	Trần Phương	Thảo	05/11/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,34	88	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9627	2007214918	Vũ Ngọc Anh	Thư	27/08/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,36	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9628	2007214923	Thị	Tiên	01/01/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,99	80	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9629	2007214939	Đoàn Thị Ngọc	Trân	01/05/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,66	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9630	2007211021	Phạm Huỳnh Phương	Trình	22/07/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,03	74	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9631	2007214964	Thái Thị Xuân	Vinh	17/09/2003	Lớp 12DHKT09	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,61	79	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9632	2007214620	Nguyễn Đăng	Duy	24/05/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	33	8,92	124	Giỏi	60%	23.623.000	14.173.800	
9633	2007214627	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17/01/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,91	80	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9634	2007214629	Phạm Đăng Mỹ	Duyên	15/12/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,31	80	Giỏi	60%	13.518.000	8.110.800	
9635	2007214645	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/10/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,14	78	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9636	2007214717	Lê Thị Khánh	Linh	03/12/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,8	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9637	2007214719	Lê Vũ Phương	Linh	15/10/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,16	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9638	2007214725	Nguyễn Thị Quý	Linh	02/03/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,85	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9639	2007214738	Nguyễn Thị	Lý	08/12/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,64	77	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9640	2007214741	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	10/09/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,84	74	Khá	40%	14.588.000	5.835.200	
9641	2007214766	Lư Lê Mỹ	Ngân	26/06/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,25	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9642	2007214790	Đặng Thị Bích	Nguyễn	16/04/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,51	70	Khá	40%	12.398.000	4.959.200	
9643	2007214824	Lê Thị Quỳnh	Như	20/09/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	9,11	107	Xuất sắc	100%	13.706.000	13.706.000	
9644	2007214845	Lê Thị Thu	Phương	22/01/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,59	84	Giỏi	60%	13.232.000	7.939.200	
9645	2007214846	Ngô Thị Mai	Phương	30/04/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,26	70	Khá	40%	16.100.000	6.440.000	
9646	2007214858	Thái Thùy	Quyên	13/02/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,28	80	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9647	2007214877	Nguyễn Giang	Thanh	09/01/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,49	70	Khá	40%	15.030.000	6.012.000	
9648	2007214940	Lê Thị Quới	Trần	29/10/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,66	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9649	2007214928	Lê Thị Thùy	Trang	17/05/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,11	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9650	2007214932	Nguyễn Thị Thùy	Trang	06/04/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,15	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9651	2007214946	Trần Thị	Trinh	09/06/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,32	74	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9652	2007214952	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	23/11/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,12	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9653	2007214966	Đặng Thị Thảo	Vy	24/09/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,08	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9654	2007214974	Trương Thị Mai	Vy	29/09/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,51	70	Khá	40%	15.439.000	6.175.600	
9655	2007214975	Giang Hà Thu	Xuân	28/08/2003	Lớp 12DHKT10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,68	76	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9656	2007214604	Trần Thị Nhã	Chi	29/04/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,14	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9657	2007214615	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	28/11/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,03	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9658	2007214617	Trương Thị Lâm	Dung	01/01/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,07	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9659	2007214712	Vương Bội	Kim	23/09/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,8	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9660	2007214733	Phạm Thị Ngọc	Luyến	28/02/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,44	82	Giỏi	60%	12.194.000	7.316.400	
9661	2007214747	Võ Nữ Thu	Minh	01/01/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,35	70	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9662	2007214753	Trần Thị Trà	My	12/03/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,53	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9663	2007214768	Nguyễn Hà Thảo	Ngân	05/05/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,04	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9664	2007214773	Nguyễn Xuân Phụng	Ngân	05/06/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,12	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9665	2007214779	Bùi Châu	Ngọc	11/02/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,5	83	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9666	2007214792	Lê Trần BáO	Nguyên	10/11/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,64	74	Khá	40%	13.706.000	5.482.400	
9667	2007214803	Ngô Quỳnh	Nhi	20/11/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,43	74	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9668	2007214844	Trần Hoàng	Phụng	21/03/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,28	90	Giỏi	60%	15.030.000	9.018.000	
9669	2007214908	Lê Thị Hoàng	Thư	24/11/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,58	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9670	2007214906	Trần Thị Thu	Thúy	23/09/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,59	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9671	2007214942	Lê Ngọc Diễm	Trinh	11/10/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,96	95	Giỏi	60%	13.706.000	8.223.600	
9672	2007214956	Nguyễn Trần Lệ	Uyên	31/03/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,59	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9673	2007214978	Nguyễn Thị Cẩm	Xuyên	03/09/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,86	76	Khá	40%	16.100.000	6.440.000	
9674	2007214979	Võ Thị Ngọc	Xuyến	03/01/2003	Lớp 12DHKT11	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,95	70	Khá	40%	13.518.000	5.407.200	
9675	2007214581	Đặng Ngọc Trâm	Anh	13/10/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,66	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
9676	2007214640	Lê Tấn	Đức	01/11/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,39	102	Giỏi	60%	14.180.000	8.508.000	
9677	2007214670	Trương Thị Kim	Hậu	03/03/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,8	99	Khá	40%	14.180.000	5.672.000	
9678	2007214708	Cao Trung	Kiên	16/07/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,39	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
9679	2007214746	Phạm Nguyễn Khánh	Minh	28/02/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,48	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
9680	2007214748	Nguyễn Ngọc	Mơ	31/12/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,25	76	Khá	40%	15.845.000	6.338.000	
9681	2007210145	Trần Nguyễn Trà	My	27/01/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,22	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	
9682	2007214793	Ngô Thị Minh	Nguyên	18/02/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,85	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	
9683	2007214825	Nguyễn Diệp Minh	Như	23/01/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,92	70	Khá	40%	14.368.000	5.747.200	
9684	2007210528	Phan Ngọc Quỳnh	Như	10/01/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,3	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
9685	2007211043	Nguyễn Phương	Nhung	25/10/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,05	78	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
9686	2007210897	Trần Hiếu	Thảo	10/05/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,88	70	Khá	40%	10.682.000	4.272.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9687	2007210838	Đặng Ngọc	Thiện	26/07/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,4	70	Khá	40%	14.384.000	5.753.600	
9688	2007214907	Đặng Trần Anh	Thư	27/08/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,15	88	Giỏi	60%	14.180.000	8.508.000	
9689	2007214898	Phạm Thị Như	Thuần	17/01/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,65	74	Khá	40%	14.180.000	5.672.000	
9690	2007214903	Trần Thị Phương	Thùy	07/06/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,14	82	Giỏi	60%	12.382.000	7.429.200	
9691	2007214927	Đinh Võ Phương	Trang	22/01/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,69	74	Khá	40%	15.692.000	6.276.800	
9692	2007210198	Hứa Thị Quế	Trang	23/06/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,45	82	Giỏi	60%	12.856.000	7.713.600	
9693	2007214957	Trịnh Phương	Uyên	27/06/2002	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,58	70	Khá	40%	12.856.000	5.142.400	
9694	2007214973	Trương Nguyễn Thúy	Vy	20/06/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,35	88	Giỏi	60%	14.180.000	8.508.000	
9695	2007214986	Vương Kim	Yến	26/09/2003	Lớp 12DHKT12	Khoa Tài chính - Kế toán	20	9,16	94	Xuất sắc	100%	14.180.000	14.180.000	
9696	2023214142	Nguyễn Trung	Án	03/07/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,27	96	Giỏi	60%	13.232.000	7.939.200	
9697	2023214190	Võ Nguyễn Huỳnh	Giang	06/01/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,04	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9698	2023214198	Đào Ngọc	Hải	04/02/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	110	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9699	2023214200	Bùi Minh	Hạnh	26/11/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,31	94	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9700	2023210263	Hồng Trúc	Loan	22/02/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,8	118	Giỏi	60%	13.232.000	7.939.200	
9701	2023214315	Trần Hồ Thảo	My	22/03/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	25	7,04	104	Khá	40%	18.479.000	7.391.600	
9702	2023214343	Đinh Thị Mỹ	Nguyệt	08/10/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,09	108	Xuất sắc	100%	11.908.000	11.908.000	
9703	2023214425	Nguyễn Trần Thanh	Thanh	24/12/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,74	104	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9704	2023214478	Nguyễn Hữu	Tiến	12/08/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,24	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9705	2023214495	Võ Thị Ngọc	Trâm	20/07/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,06	106	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9706	2023214520	Dương Thị Cẩm	Tú	30/10/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,62	74	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9707	2023214550	Nguyễn Văn	Vũ	27/08/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,77	100	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9708	2023214561	Nguyễn Nguyệt	Vy	06/11/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,99	94	Khá	40%	12.586.000	5.034.400	
9709	2023214563	Nguyễn Trần Lê Thuý	Vy	23/08/2003	Lớp 12DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,06	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9710	2023210636	Trần Thị Thúy	Hà	30/03/2003	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,06	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9711	2023210169	Nguyễn Lâm	Như	18/10/2003	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	76	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9712	2023210133	Phạm Thị Tuyết	Nhung	20/01/2003	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9713	2023210180	Đỗ Thị Phương	Thảo	24/08/2003	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,31	75	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9714	2023210284	Nguyễn Thùy Minh	Thư	05/06/2003	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,15	70	Khá	40%	11.924.000	4.769.600	
9715	2023210416	Phạm Thị Thanh	Thủy	30/05/2003	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,36	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9716	2023210002	Nguyễn Ngọc Trang	Thy	18/09/2001	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,04	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9717	2023210786	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	17/01/2003	Lớp 12DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,59	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9718	2023210255	Trần Ngọc	An	22/06/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,09	75	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9719	2023214154	Trương Thị Thanh	Chúc	02/03/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9720	2023214167	Nguyễn Thị Phương	Dung	16/06/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,34	70	Khá	40%	11.856.000	4.742.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9721	2023214180	Phan Thùy	Dương	04/12/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,24	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9722	2023210645	Vũ Quỳnh	Giang	31/10/2002	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,84	82	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9723	2023214213	Trần Gia	Hân	29/06/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,29	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9724	2023210812	Trần Công Dung Ngôn	Hạnh	25/09/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,96	80	Khá	40%	13.368.000	5.347.200	
9725	2023214225	Trương Hoàng	Hiếu	18/02/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,09	124	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9726	2023210670	Lê Thị Mỹ	Khuyên	08/09/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,5	84	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9727	2023210495	Nguyễn Thành	Luân	25/04/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,18	92	Giỏi	60%	12.586.000	7.551.600	
9728	2023210696	Nguyễn Ngọc Bảo	Nguyên	22/10/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,33	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9729	2023210621	Lê Hữu	Vĩnh	18/09/2003	Lớp 12DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	24	8,25	70	Khá	40%	17.541.000	7.016.400	
9730	2023210945	Nguyễn Tuấn	Anh	06/10/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	27	7,33	70	Khá	40%	19.967.000	7.986.800	
9731	2023214217	Lê Thị Thu	Hiền	16/08/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,54	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9732	2023214282	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/03/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,4	76	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9733	2023214292	Nguyễn Bùi Yến	Loan	03/07/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,64	76	Khá	40%	14.098.000	5.639.200	
9734	2023210444	Nguyễn Thị Thu	Thuận	06/05/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,48	86	Khá	40%	13.316.000	5.326.400	
9735	2023210642	Phạm Huỳnh Thanh	Thúy	29/09/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,08	77	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9736	2023210501	Mai Thị Thanh	Trúc	12/04/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,73	70	Khá	40%	13.746.000	5.498.400	
9737	2007210724	Đào Bảo	Yến	05/10/2003	Lớp 12DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,29	70	Khá	40%	12.194.000	4.877.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9738	2023210435	Võ Thị Hồng	Cúc	12/07/2003	Lớp 12DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,52	86	Giỏi	60%	15.558.000	9.334.800	
9739	2023210753	Nguyễn Phạm Thành	Đạt	12/08/2003	Lớp 12DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,87	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9740	2023214242	Đặng Quốc	Hung	23/07/2003	Lớp 12DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,32	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9741	2023214299	Trương Vũ	Luân	10/08/2003	Lớp 12DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,42	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9742	2023214307	Nguyễn Thùy	Mến	16/10/2003	Lớp 12DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,23	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9743	2023210625	Trần Võ Thành	Nhân	11/06/2001	Lớp 12DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,54	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9744	2023210033	Huỳnh Thanh	Trúc	12/01/2003	Lớp 12DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,44	88	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9745	2023214204	Nguyễn Quốc	Hào	17/07/2003	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,44	70	Khá	40%	15.218.000	6.087.200	
9746	2023214255	Phạm Thị Quỳnh	Kha	19/12/2003	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8	90	Giỏi	60%	15.558.000	9.334.800	
9747	2023214365	Phạm Quỳnh	Như	28/01/2003	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,61	76	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9748	2023214368	Trần Thị Huỳnh	Như	30/12/2003	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,22	74	Khá	40%	13.746.000	5.498.400	
9749	2023214476	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	13/08/2003	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	78	Khá	40%	12.044.000	4.817.600	
9750	2023214480	Nguyễn Văn	Tiến	25/08/2003	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,12	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9751	2023210116	Trần Thị Ngọc	Trâm	31/10/2002	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,56	70	Khá	40%	13.894.000	5.557.600	
9752	2023214484	Cao Thị	Trang	24/05/2003	Lớp 12DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9753	2023210681	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	07/07/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,56	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9754	2023210734	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,77	101	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9755	2023214144	Phạm Gia	Bảo	22/11/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,32	70	Khá	40%	11.194.000	4.477.600	
9756	2023214257	Trần Gia	Khánh	23/10/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,14	82	Giỏi	60%	13.368.000	8.020.800	
9757	2023214276	Lê Thị Kiều	Linh	07/09/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,16	89	Giỏi	60%	13.368.000	8.020.800	
9758	2023214325	Đặng Kim	Ngân	01/04/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,13	86	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9759	2023214357	Võ Dương Uyển	Nhi	03/10/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,47	88	Giỏi	60%	11.210.000	6.726.000	
9760	2023214497	Lê Ngọc	Trần	05/06/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,37	76	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
9761	2023214531	Trần Thị Ngọc	Tuyền	10/04/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,77	91	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9762	2023214546	Nguyễn Thị Thúy	Vân	25/09/2003	Lớp 12DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,94	82	Khá	40%	12.398.000	4.959.200	
9763	2023214210	Nguyễn Ngọc Minh	Hân	03/12/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,37	75	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9764	2023214202	Nguyễn Hồng	Hạnh	09/09/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,86	89	Khá	40%	12.044.000	4.817.600	
9765	2023214310	Nguyễn Thị Thu	Minh	03/03/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,71	70	Khá	40%	12.044.000	4.817.600	
9766	2023214341	Huỳnh Thanh	Nguyên	17/10/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,32	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9767	2023214395	Du Ngọc Quỳnh	Quyên	18/02/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,85	76	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9768	2023214396	Lê Mỹ	Quyên	13/10/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,58	108	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9769	2023214412	Hồ Thị Thanh	Tâm	17/11/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,83	78	Khá	40%	12.044.000	4.817.600	
9770	2023214467	Tô Thị Anh	Thư	22/08/2003	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,46	78	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9771	2023210569	Cao Thị Hồng	Tươi	06/07/2002	Lớp 12DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,74	100	Giỏi	60%	11.720.000	7.032.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9772	2023214153	Lê Đình	Chu	09/11/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,24	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9773	2023214218	Nguyễn Thị Bích	Hiền	16/11/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,67	70	Khá	40%	15.558.000	6.223.200	
9774	2023214224	Trần Thị	Hiếu	10/01/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,06	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9775	2023214309	Bùi Thị	Mị	17/11/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,33	70	Khá	40%	13.484.000	5.393.600	
9776	2023214336	Phạm Thị Kim	Ngân	18/07/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,11	82	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9777	2023214351	Lê Phương	Nhi	20/12/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,87	70	Khá	40%	14.672.000	5.868.800	
9778	2023214390	Trần Hạnh Tú	Phương	01/12/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	82	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9779	2023214414	Phạm Thị	Tâm	24/08/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	96	Khá	40%	11.856.000	4.742.400	
9780	2023214459	Nguyễn Thị Mỹ	Thuyền	15/09/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9781	2023214508	Hoàng Thị Thanh	Trúc	06/04/2003	Lớp 12DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,25	70	Khá	40%	13.368.000	5.347.200	
9782	2023214132	Trần Đặng Trâm	Anh	12/07/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,61	70	Khá	40%	15.558.000	6.223.200	
9783	2023214146	Đình Hoài Bảo	Châu	02/02/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,04	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9784	2023214162	Trần Thị Xuân	Diệu	11/07/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,9	82	Khá	40%	13.368.000	5.347.200	
9785	2023214183	Trần Thị Như	Đình	30/10/2002	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,31	88	Giỏi	60%	13.180.000	7.908.000	
9786	2023214164	Huỳnh Thị Thùy	Dung	07/11/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,15	70	Khá	40%	15.558.000	6.223.200	
9787	2023214187	Mai Nguyễn Hoàng	Giang	10/03/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,51	70	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	
9788	2023214262	Nguyễn Văn	Lâm	07/01/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,5	70	Khá	40%	13.044.000	5.217.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9789	2023214283	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/04/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9790	2023214294	Ngô Gia	Long	16/08/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,21	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9791	2023214337	Huỳnh Nguyễn Gia	Nghi	03/12/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,59	91	Giỏi	60%	13.348.000	8.008.800	
9792	2023214408	Huỳnh Trí	Son	11/04/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,12	84	Giỏi	60%	14.808.000	8.884.800	
9793	2023214419	Huỳnh Thị Ngọc	Thanh	05/04/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,61	94	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9794	2023214431	Nguyễn Thị Bé	Thảo	12/02/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,68	80	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9795	2023214441	Nguyễn Xuân	Thì	06/04/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,48	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9796	2023214446	Trương Duy	Thống	28/08/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9797	2023214458	Trần Huỳnh Ngọc	Thúy	16/09/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,39	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9798	2023210251	Lê Ngọc	Trình	26/11/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,85	70	Khá	40%	12.586.000	5.034.400	
9799	2023214525	Nguyễn Thanh	Tuấn	18/12/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,97	70	Khá	40%	15.354.000	6.141.600	
9800	2023214542	Trần Thị Tố	Uyên	12/12/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,47	70	Khá	40%	13.316.000	5.326.400	
9801	2023214548	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	02/04/2003	Lớp 12DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,29	90	Giỏi	60%	13.348.000	8.008.800	
9802	2023214118	Tiết Huỳnh Thế	An	06/02/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,52	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9803	2023214148	Võ Ngọc Bảo	Châu	28/09/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,46	70	Khá	40%	11.856.000	4.742.400	
9804	2023214166	Nguyễn Mỹ	Dung	15/02/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	78	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9805	2023214171	Lê Thị Lệ	Duyên	12/03/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,11	70	Khá	40%	12.586.000	5.034.400	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9806	2023214230	Lê Thị Ánh	Hồng	26/09/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,36	74	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9807	2023214266	Nguyễn Thanh	Liêm	11/02/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,49	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9808	2023214268	Bùi Trần Ngọc	Linh	10/10/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,03	92	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9809	2023214279	Nguyễn Thị Ánh	Linh	03/11/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,19	70	Khá	40%	14.030.000	5.612.000	
9810	2023214289	Võ Mạch	Linh	11/12/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,27	86	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9811	2023214290	Võ Thị Hồng	Lĩnh	01/12/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,19	82	Khá	40%	13.368.000	5.347.200	
9812	2023219001	Đinh Thị Hồng	Nga	07/12/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	36	8,14	86	Giỏi	60%	26.258.000	15.754.800	
9813	2023214324	Nguyễn Thị	Ngà	31/08/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,89	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9814	2023214359	Nguyễn Phi	Nhung	06/12/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,66	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9815	2023214369	Lê Thị Bích	Ni	06/03/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,94	94	Khá	40%	13.368.000	5.347.200	
9816	2023214430	Hồ Thị Hương	Thảo	03/10/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,32	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9817	2023214465	Nguyễn Thị Minh	Thư	15/07/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,05	91	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9818	2023214545	Nguyễn Thị Thu	Vân	21/04/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,89	84	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9819	2023214547	Nguyễn Thị Thúy	Vân	11/02/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,62	82	Giỏi	60%	13.232.000	7.939.200	
9820	2023210698	Võ Đình	Văn	25/04/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,98	70	Khá	40%	13.746.000	5.498.400	
9821	2023214553	Bùi Thị Ái	Vy	17/10/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,87	78	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9822	2023214556	Lê Hiền	Vy	10/02/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,43	109	Giỏi	60%	13.232.000	7.939.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9823	2023214569	Trần Thanh	Vy	14/07/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,81	122	Giỏi	60%	13.232.000	7.939.200	
9824	2023211499	Huỳnh	Yến	05/07/2003	Lớp 12DHNH10	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,67	70	Khá	40%	13.180.000	5.272.000	
9825	2023212254	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	25/01/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,28	70	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9826	2023214251	Huỳnh Xuân	Hương	14/07/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,16	70	Khá	40%	15.370.000	6.148.000	
9827	2023214233	Nguyễn Đức	Huy	31/01/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	81	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9828	2023214355	Nguyễn Yến	Nhi	29/06/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,38	70	Khá	40%	13.296.000	5.318.400	
9829	2023214387	Nguyễn Thị Bích	Phương	26/03/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,24	74	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9830	2023214481	Nguyễn Hoàng Trung	Tín	05/10/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,76	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9831	2023214505	Trần Thị Tú	Trình	15/01/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,26	70	Khá	40%	11.856.000	4.742.400	
9832	2023214509	Lâm Thanh	Trúc	30/11/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,92	109	Giỏi	60%	16.425.000	9.855.000	
9833	2023214540	Nguyễn Thu	Uyên	07/12/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,81	70	Khá	40%	11.836.000	4.734.400	
9834	2023214551	Mai Ngọc Xuân	Vui	16/12/2003	Lớp 12DHNH11	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,07	111	Giỏi	60%	13.232.000	7.939.200	
9835	2023214123	Lê Mai Tuyết	Anh	27/05/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,29	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9836	2023214181	Trần Ngọc Ánh	Dương	24/12/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,29	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9837	2023214192	Nguyễn Thu	Hà	02/09/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,95	70	Khá	40%	14.234.000	5.693.600	
9838	2023214259	Đào Tuấn	Kiệt	22/08/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,69	70	Khá	40%	13.232.000	5.292.800	
9839	2023214399	Lê Thị Như	Quỳnh	13/07/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,98	86	Khá	40%	13.798.000	5.519.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9840	2023214413	Nguyễn Thị Bích	Tâm	22/01/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,51	84	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9841	2023214440	Phạm Thị Bé	Thắm	20/01/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	74	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9842	2023214416	Cáp Thị Lệ	Thanh	28/03/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	74	Khá	40%	11.836.000	4.734.400	
9843	2023214428	Bạch Lê Phương	Thảo	21/09/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,87	70	Khá	40%	11.720.000	4.688.000	
9844	2023210567	Nguyễn Thị Hương	Thảo	22/10/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	76	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9845	2023214432	Nguyễn Thị Huỳnh Ngọc	Thảo	24/10/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,34	80	Giỏi	60%	11.908.000	7.144.800	
9846	2023214433	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/03/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,54	80	Khá	40%	11.908.000	4.763.200	
9847	2023214464	Nguyễn Thị Anh	Thư	19/01/2003	Lớp 12DHNH12	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,73	70	Khá	40%	11.856.000	4.742.400	
9848	2007220089	Huỳnh Thị Kim	Anh	01/06/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,74	106	Giỏi	60%	12.500.000	7.500.000	
9849	2007220294	Đình Quốc	Bảo	13/04/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,17	70	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9850	2007220292	Nguyễn Thành	Bảo	11/11/2001	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,76	88	Giỏi	60%	13.760.000	8.256.000	
9851	2007221244	Trần Gia	Hân	28/03/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,55	70	Khá	40%	13.960.000	5.584.000	
9852	2007221161	Dương Thị Mỹ	Hạnh	19/01/2003	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,23	92	Giỏi	60%	13.760.000	8.256.000	
9853	2007221400	Vương Kim	Hiếu	12/11/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	76	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9854	2007222484	Lê Võ Tấn	Lợi	20/10/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,6	70	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9855	2007222844	Trần Ngọc Kim	Ngân	17/04/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,08	104	Giỏi	60%	15.284.000	9.170.400	
9856	2007223300	Đình Thị Tuyết	Nhi	08/12/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,23	80	Giỏi	60%	15.220.000	9.132.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9857	2007223466	Nguyễn Quỳnh	Như	13/12/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	70	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9858	2007223461	Trần Thị Quỳnh	Như	17/11/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,6	70	Khá	40%	15.148.000	6.059.200	
9859	2007223554	Trần Bảo	Oanh	08/03/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,57	91	Khá	40%	11.770.000	4.708.000	
9860	2007225074	Trần Huỳnh Như	Thùy	14/07/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,89	74	Khá	40%	15.950.000	6.380.000	
9861	2007225423	Trần Ngọc Bảo	Trâm	13/11/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,59	74	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9862	2007225634	Hoàng Thị Thanh	Trúc	30/06/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,98	74	Khá	40%	15.020.000	6.008.000	
9863	2007225640	Trần Thanh	Trúc	25/02/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8	92	Giỏi	60%	12.500.000	7.500.000	
9864	2007224608	Nguyễn Thị	Tuyết	21/10/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,67	110	Giỏi	60%	11.570.000	6.942.000	
9865	2007226070	Trương Trần Như	Ý	20/11/2004	Lớp 13DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,23	86	Giỏi	60%	12.500.000	7.500.000	
9866	2007220243	Doãn Thị Ngọc	Ánh	20/07/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,2	76	Khá	40%	13.755.000	5.502.000	
9867	2007220699	Phạm Ngọc	Duy	09/11/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,99	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9868	2007220753	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/06/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9869	2007221238	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	04/07/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,83	72	Khá	40%	12.159.000	4.863.600	
9870	2007221207	Trần Thị Mỹ	Hằng	03/11/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,92	72	Khá	40%	13.619.000	5.447.600	
9871	2007221722	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	10/01/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,04	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9872	2007222740	Trần Thị Ly	Na	08/11/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,24	75	Khá	40%	13.960.000	5.584.000	
9873	2007222817	Nguyễn Thị Thúy	Nga	23/07/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,92	72	Khá	40%	13.760.000	5.504.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9874	2007222818	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	15/03/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,16	72	Khá	40%	13.619.000	5.447.600	
9875	2007222842	Lê Thanh	Ngân	27/12/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,19	72	Khá	40%	13.619.000	5.447.600	
9876	2007223042	Huỳnh Thị Khánh	Ngọc	30/06/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,17	76	Khá	40%	13.555.000	5.422.000	
9877	2007223041	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	25/10/2003	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,52	72	Khá	40%	13.351.000	5.340.400	
9878	2007223044	Trần Kim	Ngọc	15/08/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,85	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9879	2007223220	Hồ Trần Trọng	Nhân	14/07/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,13	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9880	2007223289	Trần Thị Tuyết	Nhi	11/10/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,98	72	Khá	40%	11.365.000	4.546.000	
9881	2007223464	Lê Huỳnh	Như	09/04/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,76	80	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9882	2007223459	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	17/10/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,58	72	Khá	40%	13.555.000	5.422.000	
9883	2007223468	Phạm Quỳnh	Như	26/10/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9884	2007223463	Võ Thị Quỳnh	Như	17/12/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,71	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9885	2007223896	Nguyễn Tuyết	Phượng	12/04/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,84	90	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9886	2007223934	Huỳnh Ngọc Lệ	Quân	09/05/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,04	72	Khá	40%	12.159.000	4.863.600	
9887	2007224661	Phạm Minh	Thanh	27/06/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,17	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9888	2007225147	Nguyễn Anh	Thư	27/08/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,98	72	Khá	40%	13.619.000	5.447.600	
9889	2007225157	Nguyễn Thị Anh	Thư	20/07/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,92	82	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9890	2007225421	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	17/04/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,01	107	Xuất sắc	100%	12.295.000	12.295.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9891	2007225337	Hồ Thị Thùy	Trang	16/03/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,81	96	Giỏi	60%	12.500.000	7.500.000	
9892	2007225627	Cao Thị Thanh	Trúc	21/09/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,6	89	Khá	40%	15.284.000	6.113.600	
9893	2007225770	Huỳnh Thị Kim	Vàng	27/11/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,56	87	Giỏi	60%	13.760.000	8.256.000	
9894	2007225927	Bùi Trần Trúc	Vy	16/06/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,01	72	Khá	40%	12.159.000	4.863.600	
9895	2007226068	Nguyễn Thị Như	Ý	23/11/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,81	74	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9896	2007226104	Trần Phi	Yến	28/03/2004	Lớp 13DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,88	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9897	2007220245	Đậu Ngọc	Ánh	21/06/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,07	109	Giỏi	60%	12.872.000	7.723.200	
9898	2007220520	Đỗ Thị Kim	Chi	09/08/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,77	116	Giỏi	60%	13.619.000	8.171.400	
9899	2007220522	Nguyễn Thị Kim	Chi	11/08/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,48	82	Khá	40%	12.296.000	4.918.400	
9900	2007220436	Nguyễn Thị Hoa	Cúc	29/10/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,44	70	Khá	40%	12.548.000	5.019.200	
9901	2007220856	Nguyễn Thị Ánh	Đào	12/11/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,51	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9902	2007220755	Mai Thị Thảo	Duyên	12/04/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9903	2007221809	Nguyễn Thị Diễm	Hương	10/03/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,53	86	Giỏi	60%	12.872.000	7.723.200	
9904	2007222246	Ngô Thị Kim	Liên	28/05/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,62	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9905	2007222268	Trần Diệu	Linh	23/06/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,53	86	Giỏi	60%	12.736.000	7.641.600	
9906	2007222271	Trần Thùy	Linh	25/02/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,47	104	Giỏi	60%	12.872.000	7.723.200	
9907	2007222676	Võ Hoàng Phượng	My	19/07/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,83	90	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9908	2007223292	Nguyễn Trần Hoàng	Nhi	08/12/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,71	70	Khá	40%	12.159.000	4.863.600	
9909	2007223290	Trần Phạm Yên	Nhi	06/12/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,46	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9910	2007223470	Lê Huỳnh	Như	15/04/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,07	74	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9911	2007223467	Nguyễn Ngọc	Như	03/04/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	84	Giỏi	60%	12.159.000	7.295.400	
9912	2007223465	Nguyễn Quỳnh	Như	25/08/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,01	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9913	2007224746	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/03/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,91	92	Giỏi	60%	12.872.000	7.723.200	
9914	2007224732	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	22/02/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,12	70	Khá	40%	12.620.000	5.048.000	
9915	2007225284	Trần Thị Thu	Thương	26/08/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,16	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9916	2007225330	Đỗ Thanh	Trà	12/10/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,33	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9917	2007225417	Phan Thị Hương	Trâm	10/03/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,55	70	Khá	40%	11.429.000	4.571.600	
9918	2007225812	Lê Thanh Tường	Vi	04/08/2004	Lớp 13DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,14	90	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9919	2007220429	Bùi Thành	Công	22/10/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,9	78	Khá	40%	12.091.000	4.836.400	
9920	2007221209	Lê Thị Thu	Hằng	27/12/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,84	119	Giỏi	60%	13.619.000	8.171.400	
9921	2007221342	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/01/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,23	70	Khá	40%	13.555.000	5.422.000	
9922	2007221440	Hoàng Thị	Hoa	04/11/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9923	2007221439	Nguyễn Thị	Hoa	08/07/2003	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,44	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9924	2007221852	Sầm Thị	Hường	03/01/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,23	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9925	2007221585	Võ Dương Quốc	Huy	14/02/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	70	Khá	40%	12.091.000	4.836.400	
9926	2007226156	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	05/12/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,59	82	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9927	2007222845	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	02/06/2002	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,45	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9928	2007223049	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	07/12/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9929	2007223299	Lê Thị Yên	Nhi	25/09/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,86	90	Khá	40%	14.879.000	5.951.600	
9930	2007223469	Phạm Thị Tố	Như	19/12/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,56	80	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9931	2007223553	Lưu Thị Kiều	Oanh	05/05/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,48	109	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9932	2007223655	Bùi Thế	Phong	17/10/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,34	70	Khá	40%	15.067.000	6.026.800	
9933	2007224247	Nguyễn Ý	Tâm	11/02/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,51	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9934	2007224745	Nguyễn Thanh	Thảo	17/03/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,85	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9935	2007225151	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/12/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,57	95	Giỏi	60%	14.485.000	8.691.000	
9936	2007225072	Nguyễn Thị Như	Thùy	29/03/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,48	80	Giỏi	60%	12.500.000	7.500.000	
9937	2007225073	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	19/02/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,27	87	Giỏi	60%	13.555.000	8.133.000	
9938	2007224336	Trần Thùy	Tiên	12/05/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,37	86	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9939	2007225576	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	12/08/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,34	72	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9940	2007225784	Hàn Châu Thị Mỹ	Vân	06/10/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,63	84	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9941	2007225922	Nguyễn Hoàng	Vy	01/01/2004	Lớp 13DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,84	96	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9942	2007220480	Trần Thị Bảo	Châu	15/10/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,61	86	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9943	2007220523	Tạ Võ Linh	Chi	14/11/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,21	80	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9944	2007220951	Tô Khánh	Đăng	11/01/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,04	79	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9945	2007220605	Trần Thị Bích	Diệp	09/09/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,24	70	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9946	2007220697	Nguyễn Thị Thuý	Duy	28/03/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,63	70	Khá	40%	14.485.000	5.794.000	
9947	2007221084	Hồ Thị	Hà	21/04/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,35	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9948	2007221079	Lê Thị	Hà	22/11/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,67	76	Khá	40%	13.619.000	5.447.600	
9949	2007221397	Trịnh Thị Ngọc	Hiếu	19/08/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	19	8,31	70	Khá	40%	14.485.000	5.794.000	
9950	2007221548	Nguyễn Minh	Huê	12/03/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,81	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9951	2007221955	Nguyễn Thị Kim	Kha	14/05/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,58	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9952	2007222158	Lê Kim	Khuyên	26/10/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,75	70	Khá	40%	11.365.000	4.546.000	
9953	2007221870	Thân Trung	Kiên	28/07/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,3	70	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9954	2007222245	Trương Thị Ngọc	Liên	19/09/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,93	109	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9955	2007222278	Nguyễn Lê Ngọc	Linh	10/10/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	74	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9956	2007222275	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/11/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,48	96	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9957	2007222562	Lê Thị Huỳnh	Mai	21/01/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,35	70	Khá	40%	14.943.000	5.977.200	
9958	2007222624	Nguyễn Viết Bảo	Minh	19/07/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,13	74	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9959	2007222860	Hồ Thị Kiều	Ngân	22/05/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,79	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9960	2007223132	Trần Thảo	Nguyên	14/11/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,41	74	Khá	40%	12.500.000	5.000.000	
9961	2007223286	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	01/02/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,1	70	Khá	40%	11.429.000	4.571.600	
9962	2007223284	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/11/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,82	88	Giỏi	60%	12.500.000	7.500.000	
9963	2007223581	Nguyễn Tấn	Phát	02/08/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,54	74	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9964	2007223653	Đàm Nguyễn Đình	Phong	07/09/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,7	74	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9965	2007226244	Vũ Mai	Phương	19/03/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,72	82	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9966	2007224062	Nguyễn Phúc Ngọc	Quỳnh	28/10/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,28	94	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9967	2007226433	Khương Minh	Thanh	13/04/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	22	7,3	70	Khá	40%	16.675.000	6.670.000	
9968	2007225311	Trần Anh	Thy	01/11/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,6	76	Khá	40%	13.660.000	5.464.000	
9969	2007225479	Nguyễn Thị Quế	Trân	20/12/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,94	70	Khá	40%	11.565.000	4.626.000	
9970	2007225345	Phạm Thị Thu	Trang	08/10/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,13	89	Giỏi	60%	12.295.000	7.377.000	
9971	2007225563	Trương Tấn	Triển	08/10/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9972	2007225633	Cao Nguyễn Xuân	Trúc	10/08/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,37	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9973	2007224523	Hà Xuân Minh	Tuấn	13/01/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,81	82	Khá	40%	15.945.000	6.378.000	
9974	2007225785	Nguyễn Thị Kiều	Vân	01/08/2004	Lớp 13DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,25	70	Khá	40%	12.295.000	4.918.000	
9975	2023220111	Nguyễn Lê Phương	Anh	02/06/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,86	70	Khá	40%	13.145.000	5.258.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9976	2023220094	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	26/02/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,32	70	Khá	40%	14.534.000	5.813.600	
9977	2023220438	Nguyễn Thị	Cúc	28/11/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,48	89	Giỏi	60%	14.874.000	8.924.400	
9978	2023220586	Phạm Thị Hồng	Diễm	20/06/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,07	80	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
9979	2023220644	Nguyễn Thị Thùy	Dung	15/07/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,06	70	Khá	40%	15.604.000	6.241.600	
9980	2023221532	Lê Vũ Loan	Hồng	28/04/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,12	70	Khá	40%	13.350.000	5.340.000	
9981	2023221555	Nguyễn Thị	Huệ	29/03/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,73	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
9982	2023221787	Hà Hoàng	Hung	18/04/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,45	70	Khá	40%	13.145.000	5.258.000	
9983	2023221839	Vì Thị Thùy	Hương	26/06/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,02	86	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
9984	2023221943	Phan Mỹ	Kim	01/08/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,66	87	Giỏi	60%	12.090.000	7.254.000	
9985	2023222418	Nguyễn Hồng	Loan	14/02/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,41	70	Khá	40%	16.724.000	6.689.600	
9986	2023222626	Phan Thị Tuyết	Minh	23/01/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,36	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
9987	2023222713	Trần Thị Kiều	My	10/08/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,43	70	Khá	40%	13.278.000	5.311.200	
9988	2023222792	Lê Trung	Nam	22/12/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,36	70	Khá	40%	13.414.000	5.365.600	
9989	2023222899	Trần Ngọc Gia	Ngân	03/06/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,13	97	Giỏi	60%	14.874.000	8.924.400	
9990	2023223401	Nguyễn Hoàng Ý	Nhi	02/04/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,46	86	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
9991	2023223525	Nguyễn Kiều Quỳnh	Như	20/04/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,87	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
9992	2023223560	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	04/06/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,37	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
9993	2023223614	Trần Tấn	Phát	22/12/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,76	98	Giỏi	60%	13.414.000	8.048.400	
9994	2023223766	Trần Hoàng	Phúc	26/11/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,21	70	Khá	40%	14.674.000	5.869.600	
9995	2044226230	Nguyễn Hoàng	Phương	02/11/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,83	70	Khá	40%	14.080.000	5.632.000	
9996	2023224011	Phan Ngọc Phương	Quyên	23/06/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,12	74	Khá	40%	13.009.000	5.203.600	
9997	2023224106	Trần Thị Mộng	Quỳnh	21/08/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,47	80	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
9998	2023224177	Phạm Đình Thiên	Son	09/01/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,62	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
9999	2023224882	Hoàng Nguyễn	Thi	16/10/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,26	70	Khá	40%	13.414.000	5.365.600	
10000	2023224880	Lê Thị Ngọc	Thi	17/02/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,03	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
10001	2023224879	Tường Thị Minh	Thi	22/02/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,34	88	Giỏi	60%	14.810.000	8.886.000	
10002	2023225324	Nguyễn Ngọc Thanh	Thy	10/05/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	17	8,08	70	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
10003	2023224339	Đoàn Cát	Tiên	16/05/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,9	82	Khá	40%	14.810.000	5.924.000	
10004	2023224373	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	09/05/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,74	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
10005	2023224351	Võ Thị Thùy	Tiên	25/02/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,31	80	Giỏi	60%	11.886.000	7.131.600	
10006	2023225510	Trần Hoàng Mỹ	Trân	07/05/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,83	70	Khá	40%	14.670.000	5.868.000	
10007	2023225608	Nguyễn Thị Huyền	Trinh	22/04/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	24	8,03	70	Khá	40%	18.127.000	7.250.800	
10008	2023225581	Võ Mai	Trinh	15/05/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,9	79	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
10009	2023225586	Võ Thị Thùy	Trinh	01/07/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,27	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10010	2023224598	Hoàng Thị Thanh	Tuyền	18/10/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,06	82	Giỏi	60%	14.606.000	8.763.600	
10011	2023224595	Trần Thị Thanh	Tuyền	25/02/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,43	80	Khá	40%	11.224.000	4.489.600	
10012	2023225729	Nguyễn Diệp Như	Uyên	03/10/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,22	74	Khá	40%	14.806.000	5.922.400	
10013	2023225944	Nguyễn Thanh	Vy	10/12/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,9	78	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10014	2023226000	Sầm Thị Tường	Vy	18/12/2004	Lớp 13DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,03	86	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10015	2023220840	Nguyễn Hùng	Đại	09/03/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,84	74	Khá	40%	15.400.000	6.160.000	
10016	2023220679	Nguyễn Ngọc	Dũng	05/05/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,76	70	Khá	40%	13.345.000	5.338.000	
10017	2023220788	Đỗ Mỹ	Duyên	08/11/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,13	70	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
10018	2023221071	Trần Thị Mỹ	Giàu	11/03/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,54	70	Khá	40%	12.684.000	5.073.600	
10019	2023221250	Cao Gia	Hân	28/11/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,62	103	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10020	2023221247	Nguyễn Ngọc	Hân	04/12/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,64	80	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10021	2023221281	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	24/04/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,67	70	Khá	40%	14.469.000	5.787.600	
10022	2023221267	Tổng Gia	Hân	06/05/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,79	70	Khá	40%	13.345.000	5.338.000	
10023	2023221215	Huỳnh Thị Ngọc	Hằng	19/06/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	9,04	89	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10024	2023221194	Dương Mỹ	Hào	19/06/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	7,19	70	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
10025	2023221372	Vũ Thị	Hiền	22/09/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,05	88	Giỏi	60%	14.674.000	8.804.400	
10026	2023221687	Lê Huỳnh Nhật	Huy	08/01/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,91	76	Khá	40%	15.400.000	6.160.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10027	2023221907	Nguyễn Bùi Hoài Anh	Kiệt	21/02/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,29	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
10028	2023222249	Nguyễn Phan Ngọc	Liên	25/09/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,63	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10029	2023222288	Hà Thị Mỹ	Linh	21/01/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,89	92	Giỏi	60%	13.414.000	8.048.400	
10030	2023222281	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	13/12/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,07	70	Khá	40%	13.209.000	5.283.600	
10031	2023222415	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	14/02/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,63	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10032	2023222461	Hoàng Văn Phát	Lộc	04/01/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,06	80	Giỏi	60%	11.954.000	7.172.400	
10033	2023222543	Đoàn Thị Vân	Ly	20/04/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,12	83	Giỏi	60%	13.414.000	8.048.400	
10034	2023222678	Nguyễn Kiều	My	17/07/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,21	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10035	2023222712	Nguyễn Thị Diễm	My	09/11/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,17	70	Khá	40%	14.874.000	5.949.600	
10036	2023222879	Cù Hoàng Kim	Ngân	26/01/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,02	94	Giỏi	60%	12.090.000	7.254.000	
10037	2023222948	Nguyễn Thị Châu	Ngân	22/03/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,24	82	Giỏi	60%	15.740.000	9.444.000	
10038	2023222863	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	12/12/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,12	84	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10039	2023222924	Nguyễn Thị Thu	Ngân	18/09/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,56	92	Xuất sắc	100%	12.090.000	12.090.000	
10040	2023223113	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	19/01/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,89	70	Khá	40%	13.350.000	5.340.000	
10041	2023222802	Nguyễn Phan Thùy Phương	Ni	20/10/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,93	80	Khá	40%	13.346.000	5.338.400	
10042	2023224804	Nguyễn Huỳnh Phương	Thảo	15/03/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,27	83	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10043	2023225233	Nguyễn Lê Anh	Thư	24/09/2003	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,34	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10044	2023225059	Bùi Trung	Thuật	11/05/2003	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,61	70	Khá	40%	14.075.000	5.630.000	
10045	2023225130	Hà Thị Thanh	Thúy	14/09/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,29	69	Khá	40%	13.350.000	5.340.000	
10046	2023225521	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	01/10/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,09	74	Khá	40%	15.740.000	6.296.000	
10047	2023225395	Đinh Thị Thảo	Trang	12/12/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,06	74	Khá	40%	14.806.000	5.922.400	
10048	2023225349	Huỳnh Ngọc Thùy	Trang	18/07/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,74	70	Khá	40%	17.229.000	6.891.600	
10049	2023225394	Trịnh Thị Thu	Trang	23/04/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	23	7,62	70	Khá	40%	17.405.000	6.962.000	
10050	2023225606	Lê Thu	Trình	27/04/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,99	80	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
10051	2023225604	Nguyễn Thị Thảo	Trình	02/11/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,92	127	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10052	2023225641	Trần Thị Xuân	Trúc	15/08/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,25	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10053	2023225825	Nguyễn Nguyễn Tường	Vi	10/05/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,28	74	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
10054	2023226107	Trương Thị Hải	Yến	17/01/2004	Lớp 13DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,78	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10055	2023220046	Lê Vũ Thiên	An	08/10/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,97	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
10056	2023220187	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/11/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,02	75	Khá	40%	16.134.000	6.453.600	
10057	2023220441	Đinh Thị Kim	Cương	04/12/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,54	111	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10058	2023220596	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	15/07/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,39	79	Khá	40%	13.214.000	5.285.600	
10059	2023220667	Lê Hồng	Dung	04/03/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,58	85	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10060	2023220810	Phan Thị Thuỳ	Dương	01/07/2003	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,6	70	Khá	40%	11.024.000	4.409.600	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10061	2023221051	Hoàng Nữ Hương	Giang	02/09/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,32	76	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
10062	2023221141	Trần Văn	Hải	28/10/2003	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	27	8,01	70	Khá	40%	20.400.000	8.160.000	
10063	2023221291	Nguyễn Gia	Hân	25/02/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,33	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
10064	2023221171	Phạm Nguyễn Hồng	Hạnh	21/11/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,39	82	Giỏi	60%	16.134.000	9.680.400	
10065	2023221531	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	12/12/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,21	70	Khá	40%	15.905.000	6.362.000	
10066	2023222258	Huỳnh Thị	Liên	05/05/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,06	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10067	2023222495	Bùi Duy	Luân	16/11/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	8,15	75	Khá	40%	14.874.000	5.949.600	
10068	2023222639	Nguyễn Thị	Minh	20/02/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,39	70	Khá	40%	11.885.000	4.754.000	
10069	2023222909	Cao Thị Kim	Ngân	19/08/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,13	84	Giỏi	60%	11.685.000	7.011.000	
10070	2023222985	Nguyễn Hồng Xuân	Nghi	11/09/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,4	70	Khá	40%	15.010.000	6.004.000	
10071	2023223064	Đoàn Thị Kim	Ngọc	13/06/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,91	108	Khá	40%	13.350.000	5.340.000	
10072	2023223063	Phan Hồng	Ngọc	05/08/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,82	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
10073	2023223211	Lê Thị Xuân	Nhàn	05/07/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,78	70	Khá	40%	14.470.000	5.788.000	
10074	2023223373	Bùi Thị Yến	Nhi	22/01/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,38	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10075	2023223318	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhi	18/05/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,48	91	Khá	40%	14.874.000	5.949.600	
10076	2023223421	Nguyễn Thị	Nhị	01/08/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,35	75	Khá	40%	13.414.000	5.365.600	
10077	2023223648	Nguyễn Hữu Nhật	Phi	07/07/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	26	9,22	90	Xuất sắc	100%	19.465.000	19.465.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10078	2023223750	Phạm Trương Hoàng	Phúc	04/12/2003	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,61	124	Giỏi	60%	11.360.000	6.816.000	
10079	2023223897	Lê Thị Ái	Phượng	17/05/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,36	105	Khá	40%	13.414.000	5.365.600	
10080	2023224004	Nguyễn Phạm Mỹ	Quyên	20/10/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,09	76	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
10081	2023224018	Nông Thục	Quyên	24/01/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	70	Khá	40%	12.090.000	4.836.000	
10082	2023224100	Phan Đặng Như	Quỳnh	27/09/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,16	70	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10083	2023224165	Nguyễn Thiện	Sâm	25/02/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	27	8,51	70	Khá	40%	20.400.000	8.160.000	
10084	2023224171	Đổng Thị Kim	Sinh	05/09/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,6	94	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10085	2023224173	Phan Thị Hồng	Soan	22/04/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,72	70	Khá	40%	13.346.000	5.338.400	
10086	2023224263	Cao Thị Kim Thùy	Tâm	12/03/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	7,85	70	Khá	40%	13.414.000	5.365.600	
10087	2023224668	Nguyễn Kim	Thanh	19/10/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	17	7,96	70	Khá	40%	12.343.000	4.937.200	
10088	2023224688	Nguyễn Phước Thiên	Thanh	25/10/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	19	7,73	74	Khá	40%	14.280.000	5.712.000	
10089	2023224770	Nguyễn Thị	Thảo	18/01/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,25	98	Khá	40%	11.885.000	4.754.000	
10090	2023226004	Trần Bích	Thảo	06/04/2003	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	15	8,56	70	Khá	40%	10.814.000	4.325.600	
10091	2023224972	Lê Hoàng	Thọ	14/01/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	21	8,01	70	Khá	40%	15.604.000	6.241.600	
10092	2023226155	Lê Thị Anh	Thư	19/09/2003	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	15	7,86	70	Khá	40%	11.360.000	4.544.000	
10093	2023225434	Hồ Nhật	Trâm	16/12/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,52	85	Giỏi	60%	13.550.000	8.130.000	
10094	2023225358	Nông Thị	Trang	18/09/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,8	70	Khá	40%	14.533.000	5.813.200	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10095	2023226120	Đinh Thị Hải	Yến	21/03/2004	Lớp 13DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	18	8,18	74	Khá	40%	13.550.000	5.420.000	
10096	2046230005	Lê Nhật Minh	Anh	25/03/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10097	2046230045	Huỳnh Quang	Hy	01/08/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,71	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10098	2046230048	Trần Đăng	Khoa	10/01/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,38	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10099	2046230049	Nguyễn Đăng	Khôi	09/05/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,61	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10100	2046230058	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	14/08/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10101	2046230066	Đinh Văn	Nam	31/12/2002	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,46	134	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10102	2046230076	Nguyễn Đức	Nghĩa	18/06/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,02	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10103	2046230083	Bùi Lê Uyên	Nhi	22/06/2004	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,73	112	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10104	2046230098	Nguyễn Minh	Tài	23/07/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,81	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10105	2046230112	Tô Nguyễn Phương	Thảo	08/10/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,01	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10106	2046230101	Phan Trung	Tín	23/05/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,01	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10107	2046230120	Đỗ Thùy	Trang	05/04/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,86	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10108	2046230128	Thái Thị Yến	Vi	08/04/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,03	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10109	2046230129	Trần Phan Thành	Vinh	04/10/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,96	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10110	2046230139	Trần Thị Hoàng	Yến	18/06/2005	Lớp 14DHCNTC01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,19	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10111	2046230002	Nguyễn Duy	An	04/04/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,55	75	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10112	2046230016	Huỳnh Hoàng Su	Chinh	22/04/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,21	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10113	2046230031	Nguyễn Trung	Hiếu	15/04/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10114	2046230039	Bùi Gia	Huy	27/11/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,47	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10115	2046230038	Đặng Tấn	Huy	24/05/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,11	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10116	2046230040	Lê Như	Huyền	06/03/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,51	87	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10117	2046230041	Võ Thị Ngọc	Huyền	20/07/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,04	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10118	2046230050	Phan Hữu	Lâm	20/01/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10119	2046230052	Phan Hoàng	Linh	19/02/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,34	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10120	2046230056	Đào Ngọc Cẩm	Ly	23/07/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10121	2046230062	Tôn Thất	Minh	25/01/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10122	2046230072	Bùi Tỷ	Ngân	30/12/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,2	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10123	2046230068	Lê Thị Kim	Ngân	06/01/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,11	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10124	2046230080	Lê Thị Thu	Nguyệt	07/01/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10125	2046230086	Nguyễn Tấn	Nhật	23/10/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,4	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10126	2046230115	Nguyễn Ngọc Vân	Thi	29/08/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10127	2046230118	Vũ Thị Thanh	Thư	06/12/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10128	2046230100	Phạm Huỳnh Thủy	Tiên	01/03/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10129	2046230122	Lê Trần Bảo	Trâm	05/06/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10130	2046230136	Nguyễn Hồ Khánh	Vy	28/08/2005	Lớp 14DHCNTC02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,44	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10131	2007230037	Khuru Ngọc	Châu	27/02/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10132	2007230033	Phan Ngọc Bích	Châu	21/05/2004	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10133	2007230100	Mai Thị Thúy	Hằng	05/09/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,22	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10134	2007230115	Chu Thanh	Hiền	14/06/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,52	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10135	2007230139	Bùi Như	Huỳnh	02/10/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,88	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10136	2007230166	Ngô Khải	Linh	01/08/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,29	87	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10137	2007230210	Huỳnh Nhật	Nam	22/11/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,38	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10138	2007230223	Nguyễn Thùy	Ngân	06/12/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10139	2007230231	Lê Mỹ	Nghi	21/10/2004	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,88	94	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10140	2007230281	Nguyễn Vô Thùy	Nhi	17/02/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	85	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10141	2007230278	Nguyễn Yển	Nhi	30/04/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,06	75	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10142	2007230280	Phan Tuyết	Nhi	19/10/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,7	87	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10143	2007230274	Trần Đặng Uyên	Nhi	14/10/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10144	2007230285	Bùi Thị Phi	Nhung	23/05/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10145	2007230314	Lê Thị Minh	Phương	04/08/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,33	113	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10146	2007230373	Phạm Hồng	Thái	29/01/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10147	2007230353	Huỳnh Trần	Tina	17/08/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,57	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10148	2007230458	Trần Quỳnh	Trâm	14/05/2005	Lớp 14DHKT_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,51	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10149	2007230008	Phạm Ngọc Trường	An	16/04/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,05	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10150	2007230036	Hồ Mỹ	Châu	31/07/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,57	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10151	2007230077	Trần Hoàng	Đức	12/02/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,5	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10152	2007230087	Phan Thị Thu	Hà	24/04/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,83	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10153	2007230093	Nguyễn Lê Trung	Hào	10/05/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,44	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10154	2007230116	Nguyễn Thị Kim	Hiền	05/05/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,33	112	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10155	2007230190	Trần Thị Trúc	Ly	11/07/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,07	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10156	2007230201	Nguyễn Thị Anh	Minh	24/04/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,23	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10157	2007230242	Trần Việt Hồng	Ngọc	14/03/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10158	2007230271	Phạm Huỳnh Yến	Nhi	15/07/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10159	2007230282	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	13/04/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10160	2007230293	Vũ Thị Vân	Oanh	20/03/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,03	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10161	2007230299	Trần Quốc Ngọc	Phúc	04/01/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,35	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10162	2007230385	Phạm Phương	Thảo	15/12/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10163	2007230423	Bùi Anh	Thư	26/01/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	81	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10164	2007230420	Nguyễn Thị Minh	Thư	22/12/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,36	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10165	2007230424	Nguyễn Thị Minh	Thư	02/02/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,06	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10166	2007230434	Lê Trần Minh	Thy	14/03/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,32	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10167	2007230468	Huỳnh Ngọc	Trân	28/04/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,37	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10168	2007230469	Trần Ngọc Bảo	Trân	22/12/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,29	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10169	2007230449	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/03/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,9	106	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10170	2007230447	Nguyễn Trần Thùy	Trang	23/04/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	99	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10171	2007230481	Trương Thị Thanh	Trúc	09/07/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10172	2007230494	Thín Ngọc	Vi	28/09/2005	Lớp 14DHKT01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,52	113	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10173	2007230074	Nguyễn Linh	Đan	04/11/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,28	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10174	2007230086	Nguyễn Châu Bảo	Hà	06/08/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,72	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10175	2007230127	Võ Thị Thanh	Hồng	27/04/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,07	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10176	2007230147	Nguyễn Thị Trâm	Hương	19/09/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10177	2007230137	Lê Thị Như	Huyền	06/02/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,23	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10178	2007230153	Nguyễn Ngọc	Kha	14/12/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,2	80	Giỏi	60%	13.296.500	7.977.900	
10179	2007230179	Nguyễn Ngọc Ánh	Linh	01/12/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,89	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10180	2007230180	Thạch Dư Khánh	Linh	03/11/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,62	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10181	2007230187	Lê Huỳnh Tuyết	Loan	21/12/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,89	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10182	2007230232	Dương Xuân	Nghi	08/03/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,68	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10183	2007230248	Bùi Mai Mỹ	Ngọc	28/02/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,07	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10184	2007230246	Thị Kim	Ngọc	15/02/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,91	103	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10185	2007230296	Huỳnh Thị Hồng	Phấn	10/05/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,03	94	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
10186	2007230301	Trần Diễm	Phúc	11/03/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10187	2007230303	Trương Quang Thanh	Phúc	22/02/2004	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,28	91	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10188	2007230317	Lê Thị Bích	Phượng	19/05/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,22	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10189	2007230325	Nguyễn Kim	Quyên	28/08/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,25	141	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10190	2007230329	Nguyễn Như	Quỳnh	20/11/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,86	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10191	2007230391	Trần Bùi Việt	Thắng	24/08/2004	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10192	2007230422	Đào Thị Anh	Thư	02/01/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,18	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10193	2007230430	Lê Ngọc Hoài	Thương	08/02/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,87	81	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10194	2007230480	Trương Thanh	Trúc	05/09/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10195	2007230506	Nguyễn Cao Nhã	Vy	07/07/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,09	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10196	2007230534	Võ Thị Ngọc	Yến	24/09/2005	Lớp 14DHKT02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10197	2007230017	Lê Thị Lan	Anh	20/03/2004	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,44	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10198	2007230049	Phan Thị Ngọc	Diễm	07/11/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10199	2007230138	Trần Ngọc Thanh	Huyền	23/03/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10200	2007230253	Hồ Khánh	Ngọc	07/09/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,29	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10201	2007230279	Hoàng Nguyễn Yến	Nhi	06/08/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,61	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10202	2007230269	Trần Cao Bảo	Nhi	12/10/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,03	91	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10203	2007230313	Từ Thị Mai	Phương	08/06/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,76	81	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10204	2007230392	Lê Thị Ngọc	Thi	28/02/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10205	2007230417	Huỳnh Thị Anh	Thư	05/07/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,06	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10206	2007230415	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	12/10/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,15	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10207	2007230404	Trần Ngọc Anh	Thư	20/03/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10208	2007230401	Nguyễn Thị Bích	Thủy	10/10/2004	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10209	2007230473	Phan Thị Kiều	Trình	11/07/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,27	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10210	2007230479	Vũ Thanh	Trúc	07/12/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,03	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10211	2007230355	Huỳnh Thị Ngọc	Tú	05/11/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,68	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10212	2007230360	Trương Minh	Tuấn	23/08/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,61	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10213	2007230489	Dương Mỹ	Vân	16/11/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,76	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10214	2007230503	Hoàng Ngọc Ái	Vy	14/09/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,09	87	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10215	2007230498	Lê Thị Thảo	Vy	03/09/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,13	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10216	2007230516	Nguyễn Như	Ý	10/07/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,45	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10217	2007230535	Hoàng Thị Ngọc	Yến	10/12/2005	Lớp 14DHKT03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,06	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10218	2007230046	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	13/07/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,18	96	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10219	2007230073	Trần Thị Thùy	Dương	13/11/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,38	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10220	2007230062	Tạ Ngô Phương	Duyên	23/07/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	115	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10221	2007230123	Nguyễn Hồng	Hoa	10/05/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,16	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10222	2007230122	Nguyễn Thị Kim	Hoa	13/04/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,08	87	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10223	2007230224	Diệp Đặng Kim	Ngân	16/02/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,59	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10224	2007230228	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	13/11/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,1	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10225	2007230260	Hứa Thị Minh	Nguyệt	09/08/2004	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,35	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10226	2007230277	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19/03/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10227	2007230328	Nguyễn Như	Quỳnh	17/01/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,92	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10228	2007230380	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	30/08/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,76	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10229	2007230427	Phan Đồng	Thư	23/03/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,95	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10230	2007230455	Nguyễn Ngọc Mai	Trâm	18/04/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,5	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10231	2007230466	Nguyễn Thảo	Trần	31/05/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,19	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10232	2007230366	Lê Ngọc	Tuyền	23/12/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,48	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10233	2007230507	Hồ Ngọc Tường	Vy	10/10/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,61	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10234	2007230517	Nguyễn Thị Như	Ý	19/09/2005	Lớp 14DHKT04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,36	77	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10235	2007230005	Hoàng Thị Kiều	An	11/09/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,8	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10236	2007230025	Lê Ngọc Thi	Ân	31/12/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10237	2007230018	Nguyễn Thị Vân	Anh	20/06/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,24	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10238	2007230078	Phan Thị Hương	Giang	29/08/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,73	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10239	2007230111	Nguyễn Thị	Hậu	17/01/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,47	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10240	2007230140	Nguyễn Hồ Như	Huỳnh	18/03/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,3	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10241	2007230157	Võ Ngọc	Khánh	01/09/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,16	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10242	2007230162	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	08/09/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10243	2007230163	Võ Thị Hồng	Liên	12/11/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,42	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10244	2007230176	Âu Tuyết	Linh	16/07/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,08	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10245	2007230174	Nguyễn Nữ Phương	Linh	10/12/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,74	87	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10246	2007230196	Trần Phạm Trúc	Mai	20/05/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10247	2007230215	Phạm Đoàn Thy	Nga	21/09/2004	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10248	2007230266	Dương Thúy	Nhi	27/02/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,01	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10249	2007230283	Nguyễn Trang Yên	Nhi	08/12/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10250	2007230302	Đỗ Trương Thiên	Phúc	16/07/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,77	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10251	2007230386	Nguyễn Mai Dạ	Thảo	13/08/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,05	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10252	2007230412	Lê Hồng Tâm	Thư	03/12/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10253	2007230431	Dương Đặng Hoài	Thương	26/03/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,54	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10254	2007230482	Đỗ Bảo	Uyên	20/12/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,35	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10255	2007230512	Tô Hoàng Yên	Vy	24/11/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,34	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10256	2007230529	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/01/2005	Lớp 14DHKT05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10257	2007230022	Nguyễn Hà Ngọc	Ánh	22/10/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,04	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10258	2007230091	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	24/07/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,16	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10259	2007230126	Đỗ Huy	Hoàng	10/11/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10260	2007230148	Đặng Khánh	Hương	16/08/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,2	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10261	2007230144	Lưu Trần Quỳnh	Hương	27/10/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,95	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10262	2007230159	Trần Đăng	Khoa	31/03/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,61	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10263	2007230182	Vô Thị Thùy	Linh	17/01/2003	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10264	2007230200	Nguyễn Vô Tú	Minh	12/02/2004	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,86	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10265	2007230216	Dương Phạm Mộng	Ngà	15/09/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,45	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10266	2007230284	Nguyễn Khoa An	Nhiên	20/10/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10267	2007230212	Nguyễn Quí	Nữ	19/09/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,83	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10268	2007230294	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	27/08/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,86	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10269	2007230418	Lương Ngọc Minh	Thư	05/09/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,95	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10270	2007230429	Võ Thị Hoài	Thương	26/05/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,79	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10271	2007230441	Nguyễn Bùi Thùy	Trang	05/02/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,57	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10272	2007230368	Trương Thị Thanh	Tuyền	11/10/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,87	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10273	2007230504	Lê Thị Yến	Vy	11/03/2005	Lớp 14DHKT06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10274	2007230016	Ngô Thị Ngọc	Anh	29/12/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,75	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10275	2007230041	Nguyễn Kim	Chi	06/12/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,11	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10276	2007230060	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28/07/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,64	103	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10277	2007230107	Diệp Giai	Hân	25/08/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10278	2007230104	Nguyễn Huỳnh Gia	Hân	27/12/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,84	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10279	2007230106	Trương Thị Ngọc	Hân	22/11/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	75	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10280	2007230099	Lâm Thị Bích	Hằng	30/11/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,3	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10281	2007230119	Võ Thị Thu	Hiền	27/12/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10282	2007230132	Bùi Thị Thu	Huyền	17/08/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,1	119	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10283	2007230156	Vũ Nhật Nguyên	Khanh	29/10/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,22	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10284	2007230165	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	13/05/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,52	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10285	2007230191	Cao Bùi Thảo	Ly	23/11/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,4	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10286	2007230192	Hà Thị Trúc	Ly	28/05/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,38	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10287	2007230230	Phù Mỹ	Nghi	25/07/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10288	2007230267	Bùi Thị Yến	Nhi	13/09/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,3	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10289	2007230298	Trần Hồ Tuấn	Phú	01/04/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,69	121	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10290	2007230300	Nguyễn Thịnh Bình	Phúc	16/06/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,36	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10291	2007230396	Phan Thị Kim	Thoa	15/02/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10292	2007230414	Huỳnh Thị Kim	Thư	29/04/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,92	93	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10293	2007230426	Võ Ngọc Anh	Thư	16/11/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,16	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10294	2007230347	Vũ Nguyễn Thủy	Tiên	23/01/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10295	2007230467	Lê Hứa Bảo	Trân	19/01/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,15	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10296	2007230367	Trần Thị Thanh	Tuyền	21/01/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10297	2007230524	Bùi Phạm Như	Ý	09/10/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,08	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10298	2007230520	Nguyễn Thị Như	Ý	30/01/2004	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,15	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10299	2007230521	Phạm Thị Như	Ý	01/12/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10300	2007230522	Trương Thị Như	Ý	17/02/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,31	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10301	2007230532	Nguyễn Phương Hải	Yến	31/10/2005	Lớp 14DHKT07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10302	2007230031	Nguyễn Thị Ngân	Bình	01/02/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,09	88	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10303	2007230075	Đình Tiến	Đạt	16/02/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10304	2007230052	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	27/08/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10305	2007230080	Lê Thị Bích	Giang	27/08/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,41	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10306	2007230194	Nguyễn Thị Thanh	Mai	21/06/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,35	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10307	2007230202	Huỳnh Thị Tuyết	Mơ	07/04/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,45	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10308	2007230235	Huỳnh Trọng	Nghĩa	04/06/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,71	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10309	2007230247	Đoàn Hà Kim	Ngọc	11/10/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,59	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10310	2007230241	Huỳnh Bảo	Ngọc	14/04/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,12	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10311	2007230252	Võ Thị Mỹ	Ngọc	14/07/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,92	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10312	2007230211	Võ Thị Ngọc	Nữ	16/05/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,27	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10313	2007230291	Nguyễn Ngọc Hoàng	Oanh	25/02/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,35	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10314	2007230309	Hoàng Nga	Phương	07/05/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,42	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10315	2007230324	Gíp Thị Mỹ	Quyên	03/01/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10316	2007230331	Lê Hoàng Như	Quỳnh	05/01/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10317	2007230333	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	21/08/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,12	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10318	2007230411	Giáp Minh	Thư	30/03/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,12	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10319	2007230400	Lê Mai Phương	Thùy	19/03/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10320	2007230354	Trần Thị	Tĩnh	31/12/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,46	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10321	2007230454	Hồ Thị Bích	Trâm	19/12/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,34	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10322	2007230493	Đinh Nguyễn Hà	Vi	15/08/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,32	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10323	2007230509	Đỗ Ngọc Huyền	Vy	14/03/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,38	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10324	2007230513	Trần Thị Bích	Vy	26/08/2005	Lớp 14DHKT08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,69	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10325	2023230057	Bùi Thảo	Châu	21/08/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,13	110	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10326	2023230104	Nguyễn Minh	Đạt	18/06/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,28	108	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10327	2023230177	Nguyễn Quỳnh	Hương	04/06/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,08	93	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10328	2023230182	Phạm Ngọc Minh	Hương	01/11/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,61	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10329	2023230160	Huỳnh Lê Quốc	Huy	12/11/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,57	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10330	2023230205	Huỳnh Thị Trúc	Lan	08/12/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,39	81	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10331	2023230304	Trần Thái	Nguyên	13/02/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,88	85	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10332	2023230327	Nguyễn Yến	Nhi	15/08/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10333	2023230488	Nguyễn Ngọc Xuân	Thương	21/12/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,9	98	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10334	2023230415	Lưu Tuấn	Toàn	16/02/2003	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,52	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10335	2023230555	Bùi Thanh	Uyên	12/11/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,26	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10336	2023230587	Lê Vô Hà	Vy	06/06/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,64	151	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10337	2023230595	Nguyễn Phương	Vy	30/06/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,16	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10338	2023230605	Đặng Thị Như	Ý	19/09/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,58	75	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10339	2023230611	Nguyễn Ngọc	Yến	16/11/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,33	122	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10340	2023230608	Nguyễn Thị Tiểu	Yến	25/10/2005	Lớp 14DHNH_TD	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,2	81	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10341	2023230048	Tạ Quyên Thảo	Ân	23/12/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,83	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10342	2023230044	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	20/04/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10343	2023230043	Trần Thái Minh	Ánh	18/11/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	98	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10344	2023230052	Lý Quý	Biên	16/11/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10345	2023230060	Huỳnh Thị Minh	Châu	23/04/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10346	2023230072	Vô Thị Thu	Diệp	11/09/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,8	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10347	2023230131	Đoàn Phạm Gia	Hân	17/04/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10348	2023230137	Trương Trần Gia	Hân	23/12/2004	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10349	2023230145	Lê Thị Kim	Hiếu	10/01/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,73	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10350	2023230175	Phạm Ngọc	Hung	17/11/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,13	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10351	2023230188	Lê Mỹ	Kiều	30/04/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,37	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10352	2023230261	Lý Thị Như	Mỹ	31/05/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,9	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10353	2023230292	Cao Phương	Nghi	06/10/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,66	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10354	2023230305	Hoàng Thảo	Nguyễn	27/08/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,68	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10355	2023230342	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	16/09/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,38	104	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10356	2023230367	Nguyễn Thị Ánh	Phương	14/07/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,36	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10357	2023230381	Phạm Thị Thúy	Quyên	20/06/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10358	2023230457	Huỳnh Ngọc	Thảo	16/03/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10359	2023230452	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	07/08/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,31	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10360	2023230451	Phạm Thanh	Thảo	25/09/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10361	2023230407	Thái Thủy Cẩm	Tiên	24/10/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	110	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10362	2023230525	Đặng Huỳnh Ngọc	Trâm	12/08/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,12	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10363	2023230513	Lâm Hồ Huỳnh	Trâm	13/05/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,81	96	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10364	2023230502	Huỳnh Thị Phương	Trang	31/10/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,63	104	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10365	2023230546	Nguyễn Thị	Trinh	14/01/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	9,25	104	Xuất sắc	100%	13.205.000	13.205.000	
10366	2023230559	Trịnh Nguyễn Phương	Uyên	27/02/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,36	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10367	2023230561	Lê Thảo	Vân	29/01/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,07	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10368	2023230588	Cổ Thảo	Vy	24/08/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,07	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10369	2023230597	Trần Thị Yến	Vy	30/06/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10370	2023230606	Phan Thị Như	Ý	16/11/2005	Lớp 14DHNH01	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10371	2023230014	Huỳnh Văn	Anh	11/05/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,35	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10372	2023230012	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	22/04/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,16	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10373	2023230073	Võ Thị Huyền	Diệu	16/10/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,01	80	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10374	2023230088	Nguyễn Thị Thùy	Dương	01/06/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,44	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10375	2023230086	Lê Hồng	Duyên	14/04/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,91	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10376	2023230113	Nguyễn Thị Bảo	Giang	08/07/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,18	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10377	2023230147	Nguyễn Phúc Gia	Hoà	25/07/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,96	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10378	2023230204	Nguyễn Thị Thu	Lan	26/04/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,87	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10379	2023230219	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	06/01/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8	78	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10380	2023230226	Lâm Thành	Luân	29/12/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,24	84	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10381	2023230231	Lê Thị Khánh	Ly	29/10/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,84	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10382	2023230230	Nguyễn Thị Diệu	Ly	22/04/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,6	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10383	2023230235	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	10/03/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,78	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10384	2023230240	Trần Tuyết	Mai	25/06/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10385	2023230258	Nguyễn Trường Thảo	My	10/10/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	108	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10386	2023230278	Nguyễn Kim	Ngân	15/10/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,91	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10387	2023230317	Trần Yên	Nhi	30/03/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,45	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10388	2023230334	Trần Quỳnh	Như	22/01/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,86	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10389	2023230394	Lê Phương	Quỳnh	27/12/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,91	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10390	2023230389	Phạm Thị Như	Quỳnh	11/02/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10391	2023230442	Tạ Công	Thành	08/11/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10392	2023230453	Nguyễn Huỳnh Như	Thảo	23/03/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,59	106	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10393	2023230448	Nguyễn Thanh	Thảo	27/01/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,09	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10394	2023230466	Nguyễn Thị Kim	Thơ	13/09/2004	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,18	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10395	2023230553	Đặng Thị Thanh	Truyền	30/04/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10396	2023230556	Đỗ Thanh Minh	Uyên	07/12/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,44	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10397	2023230591	Đinh Thị Thúy	Vy	08/02/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,87	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10398	2023230590	Kim Trần Thảo	Vy	23/02/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,64	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10399	2023230604	Đoàn Như	Ý	11/12/2005	Lớp 14DHNH02	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10400	2023230032	Đỗ Ngọc Duyên	Anh	10/12/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,86	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10401	2023230019	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Anh	09/10/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,82	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10402	2023230037	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	27/10/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,21	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10403	2023230074	Phạm Thị Bích	Dung	29/07/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,85	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10404	2023230135	Lê Ngọc	Hân	13/06/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,21	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10405	2023230151	Nhâm Gia	Hoàng	26/04/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	20	7,84	98	Khá	40%	16.035.000	6.414.000	
10406	2023230224	Võ Thị Cẩm	Loan	10/10/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,17	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10407	2023230248	Nguyễn Huế	Minh	28/07/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,66	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10408	2023230249	Huỳnh Hồng	Mơ	13/07/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,79	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10409	2023230281	Hồ Ngọc Kim	Ngân	24/08/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,31	110	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10410	2023230308	Đinh Nữ Thanh	Nhàn	16/05/2004	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,72	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10411	2023230316	Ngô Thị Ánh	Nhi	02/10/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,45	83	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10412	2023230346	Phạm Nguyễn Hồng	Phát	13/10/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10413	2023230400	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/02/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,66	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10414	2023230482	Hoàng Anh	Thư	21/10/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10415	2023230486	Đào Thanh	Thương	28/07/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,79	94	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10416	2023230516	Trương Thị Ngọc	Trâm	22/07/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	93	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10417	2023230494	Phạm Thu	Trang	08/04/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10418	2023230544	Hoàng Ngọc Phương	Trinh	17/06/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,67	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10419	2023230432	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	24/12/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10420	2023230558	Nguyễn Minh	Uyên	14/02/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10421	2023230577	Lê Phước Khánh	Vy	20/11/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,59	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10422	2023230580	Trần Lê Thảo	Vy	08/05/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10423	2023230600	Mã Thị Kim	Xuân	20/12/2004	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,02	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10424	2023230610	Lê Thị Lệ	Yến	29/10/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,77	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10425	2023230607	Trần Thị Hải	Yến	29/05/2005	Lớp 14DHNH03	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,7	93	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10426	2023230033	Hoàng Vân	Anh	17/07/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,27	95	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10427	2023230040	Nguyễn Thái Thùy	Anh	20/11/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,72	87	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10428	2023230011	Tạ Chiêu Duy	Anh	21/06/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10429	2023230087	Nguyễn Thị Thùy	Dương	28/04/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,19	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10430	2023230171	Lê Bảo Khánh	Huyền	15/04/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,2	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10431	2023230169	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/11/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,05	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10432	2023230163	Phùng Thị Ngọc	Huyền	18/09/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,22	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10433	2023230186	Huỳnh Lê Trung	Kiên	12/02/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,11	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10434	2023230209	Đặng Thị Hồng	Liên	19/12/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10435	2023230237	Tạ Thị Quỳnh	Mai	22/08/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10436	2023230262	Trần Thị An	Na	20/01/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,5	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10437	2023230264	Nguyễn Trọng	Nam	18/01/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,12	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10438	2023230291	Long Gia	Nghi	21/09/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,04	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10439	2023230303	Nguyễn Hoàng	Nguyễn	21/12/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	22	8,24	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10440	2023230319	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/09/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,27	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10441	2023230326	Trần Thị Hoài	Nhi	30/01/2004	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,54	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10442	2023230370	Châu Hồng	Phượng	09/10/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,56	97	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10443	2023230376	Nguyễn Vũ Duy	Quang	13/11/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10444	2023230397	Đặng Ánh	Sương	13/07/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,08	81	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10445	2023230478	Bùi Nguyễn Minh	Thư	20/12/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,06	87	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10446	2023230403	Phạm Thị Thuỳ	Tiên	20/10/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10447	2023230507	Nguyễn Thị Đoan	Trang	18/03/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,96	101	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10448	2023230495	Phạm Thị	Trang	14/04/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,48	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10449	2023230542	Bùi Thành	Triệu	28/09/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,31	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10450	2023230583	Tất Thị Kim	Vy	17/08/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10451	2023230599	Nguyễn Chí	Vỹ	05/08/2005	Lớp 14DHNH04	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10452	2023230062	Nguyễn Thị Hồng	Chi	22/04/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,65	109	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10453	2023230096	Dương Quốc	Đạt	22/08/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,7	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10454	2023230105	Liêu Kiến	Đạt	13/09/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10455	2023230148	Nguyễn Văn	Hòa	15/04/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,45	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10456	2023230180	Huỳnh Thị Thuỳ	Hương	24/08/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,73	110	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10457	2023230189	Nguyễn Huỳnh Thiên	Kim	23/12/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,7	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10458	2023230227	Nguyễn Đức	Lương	10/11/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,28	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10459	2023230271	Ngô Trần Tuyết	Nga	08/01/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10460	2023230299	Nguyễn Văn	Ngọc	29/04/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,16	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10461	2023230311	Nguyễn Lê Tuyết	Nhi	17/07/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,14	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10462	2023230267	Phạm Nguyễn Hàn	Ny	25/02/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,79	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10463	2023230347	Hồ Vĩnh	Phát	16/08/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,93	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10464	2023230392	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	16/06/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,79	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10465	2023230390	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	21/09/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,84	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10466	2023230477	Nguyễn Thị Minh	Thư	22/07/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,16	88	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10467	2023230540	Ngô Hải	Triều	28/09/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,69	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10468	2023230545	Lê Thị Thùy	Trình	20/08/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,13	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10469	2023230549	Trần Thị Thanh	Trúc	31/05/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10470	2023230551	Võ Thị Thanh	Trúc	20/07/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10471	2023230420	Huỳnh Anh	Tuấn	27/06/2005	Lớp 14DHNH05	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10472	2023230089	Lê Quốc	Đài	22/10/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,7	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10473	2023230103	Nguyễn Quốc	Đạt	25/09/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10474	2023230162	Nguyễn Nhật	Huyền	16/10/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10475	2023230167	Trần Thị Thu	Huyền	27/05/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,56	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10476	2023230247	Hồ Đỗ Văn	Minh	27/09/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,03	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10477	2023230244	Huỳnh Tô Nhật	Minh	12/01/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,19	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10478	2023230283	Lê Thị Thùy	Ngân	12/05/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,88	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10479	2023230289	Trương Hoàng Bảo	Ngân	12/09/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,57	96	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10480	2023230273	Vũ Huỳnh Kim	Ngân	24/10/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10481	2023230318	Lê Nguyễn Tuyết	Nhi	22/07/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,99	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10482	2023230329	Nguyễn Hồng Nhung	Nhớ	25/08/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,74	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10483	2023230341	Nguyễn Huỳnh Khoa	Như	31/10/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10484	2023230343	Nguyễn Đình	Nhựt	11/02/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,51	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10485	2023230458	Trịnh Thanh	Thảo	26/05/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,15	91	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10486	2023230487	Nguyễn Hoài	Thương	15/12/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,29	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10487	2023230409	Trần Thị Mỹ	Tiên	25/01/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,88	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10488	2023230511	Nguyễn Phạm Thảo	Trâm	08/11/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,73	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10489	2023230508	Phạm Nguyễn Uyên	Trang	22/12/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,58	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10490	2023230504	Phạm Thị Huyền	Trang	06/11/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,37	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10491	2023230417	Phùng Anh	Tú	23/02/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,46	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10492	2023230421	Nguyễn Ngọc Phương	Tuấn	06/09/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,43	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10493	2023230579	Lê Nguyễn Yến	Vy	26/04/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,89	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10494	2023230609	Trần Tiểu	Yến	27/12/2005	Lớp 14DHNH06	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,76	86	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10495	2023230020	Hà Đào Lan	Anh	14/04/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,52	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10496	2023230045	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/01/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,57	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10497	2023230058	Lê Ngọc Bảo	Châu	22/05/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,37	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10498	2023230063	Hoàng Thảo Linh	Chi	16/03/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,53	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10499	2023230128	Phạm Nguyễn Gia	Hân	17/01/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,25	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10500	2023230146	Đỗ Thị	Hiếu	21/11/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	92	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10501	2023230165	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/09/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,4	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10502	2023230206	Mai Hoàng Ngọc	Lan	12/11/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,33	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10503	2023230214	Châu Thùy	Linh	27/01/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,26	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10504	2023230213	Huỳnh Thảo	Linh	22/10/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,51	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10505	2023230218	Ngô Trần Thúy	Linh	05/04/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,17	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10506	2023230255	Trần Thị Kiều	My	28/03/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,76	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10507	2023230275	Lê Thị	Ngân	30/11/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,01	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10508	2023230306	Huỳnh Ánh	Nguyệt	20/04/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,08	100	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10509	2023230337	Lâm Tâm	Như	10/05/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,15	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10510	2023230344	Nguyễn Hoàng Lê	Oanh	08/01/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,18	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10511	2023230361	Nguyễn Thị Thanh	Phước	22/07/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,98	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10512	2023231312	Trần Ngô Anh	Phương	10/09/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10513	2023230385	Lê Hồng Kim	Quỳnh	07/03/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,27	95	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10514	2023230436	Trương Yển	Thanh	11/03/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,3	99	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10515	2023230468	Hồ Minh	Thuận	05/02/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10516	2023230527	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	31/08/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,81	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10517	2023230501	Lê Thị Huyền	Trang	13/05/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,33	75	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10518	2023230497	Lê Thị Thùy	Trang	12/01/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,65	85	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10519	2023230552	Lê Đặng Thanh	Trúc	26/11/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,58	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10520	2023230416	Đàm Tuấn	Tú	26/09/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,4	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10521	2023230557	Lê Trần Trúc	Uyên	24/11/2005	Lớp 14DHNH07	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,49	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10522	2023230025	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/03/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,45	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10523	2023230132	Bùi Phước Bảo	Hân	04/08/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,25	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10524	2023230127	Phạm Gia	Hân	17/04/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,88	117	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10525	2023230119	Bùi Xuân	Hạnh	18/07/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,2	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10526	2023230138	Phạm Thị Bích	Hậu	14/11/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,29	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10527	2023230176	Phạm Phú	Hưng	04/12/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,38	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10528	2023230211	Nguyễn Thị Thùy	Linh	18/03/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,18	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10529	2023230236	Nguyễn Thị	Mai	04/11/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,11	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10530	2023230259	Nguyễn Hoàng Diễm	My	04/10/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,93	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10531	2023230279	Lê Võ Khánh	Ngân	03/10/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,43	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10532	2023230285	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	05/04/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,21	92	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10533	2023230330	Huỳnh Thị Ngọc	Nhung	04/05/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10534	2023230366	Trần Như Thảo	Phương	23/09/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,44	104	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10535	2023230379	Lê Thị Ngọc	Quý	19/03/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,64	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10536	2023230455	Huỳnh Thị Thu	Thảo	12/01/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,54	90	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng kỷ	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10537	2023230450	Phạm Thị Phương	Thảo	23/11/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,57	90	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10538	2023230483	Nguyễn Minh	Thư	26/05/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,57	80	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10539	2023230534	Bùi Phạm Nhã	Trân	02/04/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,26	74	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10540	2023230506	Huỳnh Thị Xuân	Trang	04/07/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10541	2023230498	Phạm Thị Quỳnh	Trang	02/11/2005	Lớp 14DHNH08	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,28	99	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10542	2023230029	Đinh Thị Quỳnh	Anh	02/12/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	84	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10543	2023230041	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	01/12/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,39	82	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10544	2023230059	Nguyễn Đăng Minh	Châu	01/01/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,64	75	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10545	2023230115	Nguyễn Văn	Giỏi	02/12/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,06	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10546	2023230130	Khuông Bành Ngọc	Hân	05/01/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,68	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10547	2023230133	Lê Bảo	Hân	03/04/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,68	76	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10548	2023230179	Đinh Lê Quỳnh	Hương	04/12/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,61	87	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10549	2023230168	Thái Thị Thanh	Huyền	11/11/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,05	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10550	2023230234	Lê Đỗ Như	Mai	01/05/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,14	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10551	2023230312	Dương Võ Yến	Nhi	01/09/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,26	86	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10552	2023230335	Huỳnh Thị Kim	Như	02/08/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,82	119	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10553	2023230353	Nguyễn Phan Hồng	Phúc	03/01/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,43	87	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Khoa	TC đăng ký	Điểm TB	Điểm/R L	XLHB	Mức H/B	Số tiền TCHB	Tiền học bổng	Ký nhận
10554	2023230365	Nguyễn Hồ	Phương	02/11/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10555	2023230537	Đỗ Nguyễn Minh	Trí	05/03/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,94	79	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10556	2023230585	Đào Ngọc Lan	Vy	01/12/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,63	130	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10557	2023230589	Đỗ Thị Tuyết	Vy	30/06/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	8,61	82	Giỏi	60%	13.205.000	7.923.000	
10558	2023230592	Hà Triệu	Vy	15/12/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,72	104	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	
10559	2023230598	Lê Lâm Khánh	Vy	02/05/2005	Lớp 14DHNH09	Khoa Tài chính - Kế toán	16	7,97	70	Khá	40%	13.205.000	5.282.000	

TP. HCM, Ngày 14 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Nga